

BÀI 1

SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

(11 tiết)

(Đọc: 7 tiết; Tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.

2. Về năng lực

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất

Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

Phần 1: ĐỌC

Tiết 1-2

Văn bản 1,2,3

TRUYỆN VỀ CÁC VỊ THẦN SÁNG TẠO THẾ GIỚI **(THẦN TRỤ TRỜI, THẦN SÉT, THẦN GIÓ)** **(Thần thoại Việt Nam)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Giúp học sinh:

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của truyện thần thoại.

- Nêu được một số yếu tố cơ bản của chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật,...; nghệ thuật sử dụng yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với thế giới khách quan.

- Hiểu được cách nhận thức và lí giải về thế giới tự nhiên của người xưa.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng CNTT...

b. Năng lực đặc thù:

*** Đọc:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản thể loại thần thoại nói chung, đặc biệt là nhóm truyện thần thoại suy nguyên: cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật...

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật.

- Nhận biết và phân tích được nghệ thuật sử dụng yếu tố hoang đường

- Hiểu, phân tích, đánh giá được cách nhận thức, lí giải về thế giới tự nhiên và khát vọng của người xưa; thấy được vẻ đẹp “một đi không trở lại” làm nên sức hấp dẫn riêng của thể loại thần thoại.

*** Nói –nghe:**

- Biết kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung, nghệ thuật của 3 truyện thần thoại và một số truyện thần thoại khác.

- Biết cảm nhận, trao đổi, trình bày ý kiến của mình về các nhân vật trong truyện; biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân về một số chi tiết tiêu biểu của truyện, về nhân vật trong văn bản.

*** Viết:** Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

3. Phẩm chất

- Sống có trách nhiệm với cộng đồng.
- Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa.
- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá trên thế giới.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập, các công cụ đánh giá...

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 10 tập 1; Sách giáo viên Ngữ Văn 10, tập 1
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, huy động kiến thức trải nghiệm, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về truyện thần thoại.

b. Nội dung hoạt động: HS xem ảnh và đoán tên các vị thần

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV: Chiếu hình ảnh về 1 số vị thần
- HS: Xem hình ảnh về các vị thần và đoán tên các vị thần.

			
Thần Dớt (Zeus) – Vị thần tối cao, lãnh đạo tất cả các vị thần trên đỉnh núi Olympus	Nữ thần trí tuệ Athena	Thần A-pô-lô (Apollo) (Vị thần của thơ ca, nghệ thuật, âm nhạc,..)	Thần Prô-mê-tê (Prometheus) – Vị thần lấy trộm lửa của Dớt trao cho loài người.
			
Nữ Oa – nữ thần bảo trợ Cho gia đình. Nổi bật với kì tích đôi đá vá trời	Nữ thần Aphrodite - Nữ thần tình yêu và sắc đẹp	Hê-ra-clét (Hercules) - Người giữ cổng Đỉnh Olympus. Thần của sức mạnh, anh hùng, thể thao, vận động viên, y tế, nông nghiệp, khả năng sinh sản, thương mại, nhà tiên tri, bảo vệ sự thiêng liêng của nhân loại	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ cá nhân. GV có thể gợi ý về chức năng của mỗi vị thần trong quan niệm của người cổ đại.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Kết luận, nhận định

- **GV:** Trong thời kì hồng hoang, khi chưa có khoa học kĩ thuật, những người dân cổ đại vẫn luôn khao khát khám phá, chinh phục tự nhiên. Với trí tưởng tượng bay bổng cùng những quan niệm sơ khai của mình, họ đã lí giải nguồn gốc của vũ trụ và muôn loài thông qua những câu chuyện thần thoại. Vậy đâu là sức hấp dẫn của những truyện kể đó, hôm nay cô cùng các em hãy ngược dòng thời gian trở về tìm câu trả lời qua một số truyện thần thoại quen thuộc trong kho tàng truyện thần thoại vô cùng phong phú của dân tộc VN: Thần Trụ Trời, Thần Sét, Thần Gió.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về truyện kể và truyện thần thoại.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về truyện: khái niệm, chi tiết thần kì, đề tài, chủ đề...)

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm

- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS về một số nét cơ bản của truyện.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại truyện và thần thoại. GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: <i>Vẻ đẹp của truyện</i> * Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ trước khi đến lớp) Nhóm 1: Nhóm MC GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm MC thiết kế bộ câu hỏi về truyện và truyện thần thoại. Dự kiến: ? <i>Truyện có những yếu tố nào?</i> (dành cho nhóm 2) ? <i>Bạn hiểu như thế nào về cốt truyện, sự kiện?</i> (dành cho nhóm 2) ? <i>Người kể chuyện là ai? Vai trò của người kể chuyện trong tác phẩm truyện là gì?</i> (dành cho nhóm 2) ? <i>Thế nào là nhân vật, nhân vật có vai trò gì trong tác phẩm truyện?</i> (dành cho nhóm 2) ? <i>Bạn có thể cho biết thần thoại là gì? Nguồn gốc và cách phân loại thần thoại?</i> (dành cho nhóm 3) ? <i>Thần thoại có những đặc trưng cơ bản nào?</i> (dành cho nhóm 3) Nhóm 2: Nhóm CHUYÊN GIA TRUYỆN Chuẩn bị các tri thức về truyện dựa vào phần Tri thức ngữ văn, SGK, T9. Nhóm 3: Nhóm CHUYÊN GIA THẦN THOẠI	I. Tri thức ngữ văn 1. Truyện kể a. Cốt truyện - Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). b. Sự kiện - Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc - điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra. - Sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định, thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận,...) tạo thành truyện kể. c. Người kể chuyện - Trong nhiều loại hình tự sự dân gian, người kể chuyện có thể là người trực tiếp tiếp diễn xướng để kể lại câu chuyện cho công chúng. Trong tự sự của văn học viết, người kể chuyện là “vai” hay “đại diện” mà nhà văn tạo ra để thay thế mình thực hiện việc kể chuyện. - Truyện kể chỉ tồn tại khi có người kể chuyện. Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian,...Người kể chuyện cũng khơi dậy ở người đọc những suy tư về ý nghĩa mà truyện kể có thể gợi ra. d. Nhân vật - Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Cũng có những trường hợp nhân vật trong tác phẩm văn học là thần linh, loài vật, đồ vật,...nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. - Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người. 2. Thần thoại a. Khái niệm:

Chuẩn bị các tri thức về truyện thần thoại dựa vào phần Tri thức ngữ văn, SGK, T10. Bước 2. Tổ chức tọa đàm theo nhiệm vụ đã phân công Bước 3. Các nhóm bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và sử dụng bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm của HS. - GV lưu ý một số kiến thức:	- Thần thoại là thể loại truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy. b. Phân loại - <i>Căn cứ theo chủ đề:</i> + Thần thoại suy nguyên (kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài) + Thần thoại sáng tạo (kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hóa) - <i>Căn cứ theo đề tài, nội dung:</i> + Truyện kể về việc sinh ra trời đất, núi sông, cây cỏ, muôn thú. + Truyện kể về việc sinh ra loài người và các tộc người. + Truyện kể về kì tích sáng tạo văn hóa. c. Đặc điểm - Cốt truyện đơn giản. - Thời gian, không gian: + Thời gian phiếm chỉ mang tính ước lệ. + Không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau. - Nhân vật chính: các vị thần, những con người có nguồn gốc thần linh, năng lực siêu nhiên, hình dạng khổng lồ, sức mạnh phi thường. Chức năng của các nhân vật là cất nghãi, lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội, thể hiện niềm tin và khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại. - Thủ pháp nghệ thuật: cường điệu, phóng đại. - Lối tư duy hồn nhiên, chất phác, trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn. → <i>Sức sống lâu bền cho thần thoại.</i>

Nội dung 2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích;
- Nhận biết và chỉ ra được đặc điểm (các yếu tố) của thể loại thần thoại trong chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới.
- Tóm tắt được văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, trả lời câu hỏi của GV.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu chú thích

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: (1) GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì ảo. Chú ý: các chi tiết mở đầu câu chuyện; vóc dáng, hành động, công việc, tính khí của các nhân vật. - GV đọc mẫu một vài đoạn. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.	I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc VB - Tìm hiểu chú thích (SGK)

- Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS đọc VB, đọc phân chú thích giải thích nghĩa từ khó dưới chân trang. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét cách đọc của HS qua quá trình quan sát, lắng nghe.	

Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM																				
GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm theo bàn. Bước 1: - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ: Đọc thầm 3 văn bản, dựa vào câu hỏi 1-sgk tr14, thực hiện nhiệm vụ trong PHT số 1 - Phụ lục 1 + GV phát PHT số 1; HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở, khích lệ HS - HS đọc thảo luận, trả lời các nội dung trong phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - HS cử đại diện báo cáo sản phẩm, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá hoạt động nhóm của HS (<i>Phiếu đánh giá hoạt động nhóm của HS – PHỤ LỤC 3</i>) - GV nhận xét, bổ sung sản phẩm của học sinh.	<u>2. Khám phá văn bản</u> 2.1. Không gian, thời gian, nhân vật, sự kiện chính trong các câu chuyện. <table><tr><th>Đặc điểm</th><th>Thần Trụ Trời</th><th>Thần Sét</th><th>Thần Gió</th></tr><tr><td>Thời gian</td><td><i>Thuở ấy chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người.</i></td><td>Không xác định</td><td>Không xác định</td></tr><tr><td>Không gian</td><td><i>Trời đất chỉ là một đám hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo.</i></td><td>Trên thiên đình và dưới trần gian</td><td>Trên thiên đình, dưới trần gian</td></tr><tr><td>Nhân vật</td><td>Thần Trụ Trời</td><td>Thần Sét</td><td>Thần Gió</td></tr><tr><td>Sự kiện/ cốt truyện</td><td>Thần đội trời, đào đất đá đắp cột chống trời. Trời đất vì vậy được phân ra làm hai. Sau đó, thần phá cột ném vung đất đá đi khắp nơi thành núi, đảo, cồn, đồi, cao nguyên,...Chỗ thần đào đá nay thành biển rộng.</td><td>Là tướng lĩnh của Ngọc Hoàng, chuyên thi hành luật pháp ở trần gian. Thần có một lưỡi búa đá chuyên để xử án. Thần thường ngủ vào mùa đông và làm việc vào tháng Hai, tháng Ba. Tính thần nóng nảy, có</td><td>Thần gió có chiếc quạt màu nhiệm tạo gió nhỏ, bão lớn theo lệnh Ngọc Hoàng. Thần có đứa con nhỏ nghịch ngợm, giờ quạt của cha làm gió thổi chơi lúc thần đi vắng khiến một người đói khổ dưới trần gian bị vắng mắt bắt</td></tr></table>	Đặc điểm	Thần Trụ Trời	Thần Sét	Thần Gió	Thời gian	<i>Thuở ấy chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người.</i>	Không xác định	Không xác định	Không gian	<i>Trời đất chỉ là một đám hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo.</i>	Trên thiên đình và dưới trần gian	Trên thiên đình, dưới trần gian	Nhân vật	Thần Trụ Trời	Thần Sét	Thần Gió	Sự kiện/ cốt truyện	Thần đội trời, đào đất đá đắp cột chống trời. Trời đất vì vậy được phân ra làm hai. Sau đó, thần phá cột ném vung đất đá đi khắp nơi thành núi, đảo, cồn, đồi, cao nguyên,...Chỗ thần đào đá nay thành biển rộng.	Là tướng lĩnh của Ngọc Hoàng, chuyên thi hành luật pháp ở trần gian. Thần có một lưỡi búa đá chuyên để xử án. Thần thường ngủ vào mùa đông và làm việc vào tháng Hai, tháng Ba. Tính thần nóng nảy, có	Thần gió có chiếc quạt màu nhiệm tạo gió nhỏ, bão lớn theo lệnh Ngọc Hoàng. Thần có đứa con nhỏ nghịch ngợm, giờ quạt của cha làm gió thổi chơi lúc thần đi vắng khiến một người đói khổ dưới trần gian bị vắng mắt bắt
Đặc điểm	Thần Trụ Trời	Thần Sét	Thần Gió																		
Thời gian	<i>Thuở ấy chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người.</i>	Không xác định	Không xác định																		
Không gian	<i>Trời đất chỉ là một đám hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo.</i>	Trên thiên đình và dưới trần gian	Trên thiên đình, dưới trần gian																		
Nhân vật	Thần Trụ Trời	Thần Sét	Thần Gió																		
Sự kiện/ cốt truyện	Thần đội trời, đào đất đá đắp cột chống trời. Trời đất vì vậy được phân ra làm hai. Sau đó, thần phá cột ném vung đất đá đi khắp nơi thành núi, đảo, cồn, đồi, cao nguyên,...Chỗ thần đào đá nay thành biển rộng.	Là tướng lĩnh của Ngọc Hoàng, chuyên thi hành luật pháp ở trần gian. Thần có một lưỡi búa đá chuyên để xử án. Thần thường ngủ vào mùa đông và làm việc vào tháng Hai, tháng Ba. Tính thần nóng nảy, có	Thần gió có chiếc quạt màu nhiệm tạo gió nhỏ, bão lớn theo lệnh Ngọc Hoàng. Thần có đứa con nhỏ nghịch ngợm, giờ quạt của cha làm gió thổi chơi lúc thần đi vắng khiến một người đói khổ dưới trần gian bị vắng mắt bắt																		

			lúc làm người, vật chết oan và bị Ngọc Hoàng phạt.	gạo đi vay. Thần Gió bị kiện lên thiên đình. Kết quả là con thần Gió bị đầy xuống trần chăn trâu cho người mất gạo, sau hóa thành cây ngải để báo tin gió cho thiên hạ.										
	* Nhận xét: Cả 3 văn bản trên đều thuộc nhóm thần thoại suy nguyên (thần thoại kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài). Dấu hiệu: - Nhân vật: đều là các vị thần sáng tạo ra thế giới + Thần Trụ Trời: Tạo ra trời và đất. + Thần Sét: Tạo ra sét + Thần Gió: Tạo ra gió - Câu chuyện về công việc của họ đều nhằm lí giải sự hình thành trời đất, các hiện tượng tự nhiên, đời sống trong thuở hồng hoang của vũ trụ, loài người. + Thần Trụ Trời: Giải thích và mô tả việc tạo lập thế giới + Thần Sét: Lí giải hiện tượng sấm sét + Thần Gió: Lí giải nguồn gốc của gió, lốc; tên gọi cây ngải gió/ ngải “tướng quân”; hành vi dùng loại cây này để chữa bệnh cho trâu, bò của người dân.													
Bước 1: GV chia nhóm (mỗi nhóm gồm 2 bàn) và giao nhiệm vụ: + Đọc thầm 3 văn bản, dựa vào câu hỏi 3,6- sgk, t14 để hoàn thành nhiệm vụ trong Phiếu học tập số 2 – Phụ lục 1: 1. Tìm và nhận xét về những chi tiết kể về các vị thần (thần Trụ Trời, thần Sét, thần Gió) trong chùm truyện – sgk. - Hình dáng: - Tính khí: - Công việc: - Cơ sở tưởng tượng: 2. Nhận xét về đặc điểm của các vị thần trong các câu chuyện trên. 3. Phân tích ý nghĩa của các nhân vật thần trong việc thể hiện quan niệm, nhận thức về thế giới tự nhiên và khát vọng của người cổ đại? 4. Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện. Từ đó nhận xét về thái độ, tình	2.2. Các vị thần a/ Đặc điểm, cơ sở tưởng tượng <table> <tr> <th></th><th>Hình dáng</th><th>Tính khí</th><th>Công việc</th><th>Cơ sở tưởng tượng</th></tr> <tr> <td>Thần Trụ Trời</td><td>- Thân thể to lớn, chân thần bước một bước...tức là đi được nửa ngày nay qua tỉnh nọ hay là từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia</td><td>Chăm chỉ, cần mẫn</td><td>- Đứng dậy dùng đầu đội trời, đào đất, đá đắp thành một cái cột vừa to vừa cao để chống trời...đẩy trời lên mãi. - Khi trời cao vừa ý: phá cột đá đi, ném vung đá và đất đi khắp nơi...thành một hòn núi</td><td>Sự tách biệt trời, đất; sự hình thành của các cồn, đồi núi, cao nguyên, biển cả,...</td></tr> </table>					Hình dáng	Tính khí	Công việc	Cơ sở tưởng tượng	Thần Trụ Trời	- Thân thể to lớn, chân thần bước một bước...tức là đi được nửa ngày nay qua tỉnh nọ hay là từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia	Chăm chỉ, cần mẫn	- Đứng dậy dùng đầu đội trời, đào đất, đá đắp thành một cái cột vừa to vừa cao để chống trời...đẩy trời lên mãi. - Khi trời cao vừa ý: phá cột đá đi, ném vung đá và đất đi khắp nơi...thành một hòn núi	Sự tách biệt trời, đất; sự hình thành của các cồn, đồi núi, cao nguyên, biển cả,...
	Hình dáng	Tính khí	Công việc	Cơ sở tưởng tượng										
Thần Trụ Trời	- Thân thể to lớn, chân thần bước một bước...tức là đi được nửa ngày nay qua tỉnh nọ hay là từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia	Chăm chỉ, cần mẫn	- Đứng dậy dùng đầu đội trời, đào đất, đá đắp thành một cái cột vừa to vừa cao để chống trời...đẩy trời lên mãi. - Khi trời cao vừa ý: phá cột đá đi, ném vung đá và đất đi khắp nơi...thành một hòn núi	Sự tách biệt trời, đất; sự hình thành của các cồn, đồi núi, cao nguyên, biển cả,...										

<i>cảm của người xưa đối với thế giới tự nhiên.</i> + HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. + GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + GV yêu cầu 1- 2 nhóm trình bày nội dung đã thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận định: - GV nhận xét về hoạt động nhóm và sản phẩm của HS bằng bảng kiểm (<i>Phiếu đánh giá hoạt động nhóm – PHỤ LỤC 2</i>); tổng hợp ý kiến trong bảng tổng hợp chung.		-> Vóc dáng lớn lao, kì vĩ.		hay một hòn đảo. thành còn đồi, thành cao nguyên, biển cả. -> Sức lực phi thường, cần mẫn lao động, lập nên kì tích lớn lao- phân khai trời đất.	
	Thần Sét	Mặt mũi nanh ác, tiếng quát tháo dữ dội	+ Nóng nảy, nóng nảy, cực oai, cực dữ. + Hễ thấy và nghe tiếng gà là giật mình. -> Vị thần nóng tính, dữ dằn song cũng có nỗi sợ hãi rất đời thường.	+ Chuyên một việc thi hành luật pháp luật ở trần gian, hễ Ngọc Hoàng sai là đi ngay + Khi xử án: tự mình nhảy xuống tận nơi, dùng lưỡi búa bổ xuống đầu...có lúc làm cho người, vật chết oan. -> Hành động quyết liệt, nghiêm minh, song có lúc hồ đồ, gây họa cho người, vật.	Hiện tượng sấm sét trong mùa hè, khi trời mưa.
	Thần Gió	Không có đầu. -> kì quặc, quái dị.	Chưa cần trọng công việc (để đưa con nghịch kiêu, gay gắt, gây họa cho người	+ Dùng bảo bối là một thứ quạt nhiệm màu để làm gió nhỏ, bão lớn ở trần gian theo lệnh của Ngọc Hoàng. + phối hợp cùng thần Mưa, thần	Hiện tượng gió trong tự nhiên; hiện tượng cây ngả gió cuốn lá, cuốn bông lại khi trời

		dưới hạ giới).	Sét cùng hoạt động vô cùng đáng sợ. -> Thần có sức mạnh phi thường, làm công việc lớn lao, thần bí, đáng sợ.	sắp nổi gió.

*** Nhận xét về đặc điểm của các vị thần:**

- Ngoại hình: kì vĩ, kì lạ, mang tầm vóc và dáng dấp của vũ trụ.
- Công việc: Mỗi vị thần có 1 chức năng riêng, “đảm trách” 1 công việc cụ thể và đều hướng tới mục đích nhận thức, lí giải các hiện tượng trong tự nhiên, đời sống con người.
- Các vị thần cũng được miêu tả như những người lao động bình thường: vất vả, cần mẫn và cũng có lúc chểnh mảng, sai sót; có những nỗi sợ hãi rất đời thường.

b/ Ý nghĩa của hình tượng các vị thần:

- Thể hiện nhu cầu nhận thức, lí giải các hiện tượng tự nhiên và khát vọng chinh phục thiên nhiên của người cổ đại.
- Phản chiếu cuộc sống lao động và sinh hoạt của nhân dân.
- Thể hiện thế giới quan, kiểu tư duy của người xưa: “Vạn vật hữu linh” (vạn vật đều có linh hồn), có mối quan hệ qua lại bền chặt, thiêng liêng (con người- thiên nhiên, con người- thần linh)

c/ Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Nhân vật được miêu tả với vóc dáng kì vĩ hoặc hình dạng dị thường; sức mạnh phi thường; tính cách đơn giản; luôn gắn với một hành động hoặc công việc cụ thể; thủ pháp cường điệu, phóng đại; sử dụng các chi tiết kì ảo...

-> Thể hiện thái độ, tình cảm của con người: Thiên nhiên đối với con người cổ đại vừa xa lạ, đáng sợ vừa gần gũi, thân thuộc. Họ sợ hãi, sùng bái thiên nhiên kì vĩ, bí ẩn nhưng cũng ý thức được sức mạnh của con người và khao khát khám phá, chinh phục tự nhiên.

Nhiệm vụ 3. Tổng kết

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Điều gì làm nên sức hấp dẫn của thần thoại? + Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của chùm truyện thần thoại? Nội dung, ý nghĩa của các văn bản? + Từ đó em rút ra: Để đọc hiểu một thần thoại, chúng ta cần lưu ý điều gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. + HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi. Bước 3: Trình bày sản phẩm. + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4. Đánh giá, kết luận. Gv nhận xét và lưu ý HS 1 số kiến thức.	3. Tổng kết * Đặc sắc nghệ thuật: - Xây dựng nhân vật chức năng. - Cốt truyện đơn giản nhưng hấp dẫn, sinh động, có những chi tiết bất ngờ thú vị. - Thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau. - Ngôn ngữ tự sự hồn nhiên. - Thủ pháp nghệ thuật: cường điệu, phóng đại. * Nội dung, ý nghĩa: Qua nhân vật các vị thần, người nguyên thủy thể hiện cách hình dung, lí giải về sự hình thành thế giới tự nhiên, nguồn gốc con người và vạn vật, đồng thời phản ánh vẻ đẹp riêng của cuộc sống lao động, tín ngưỡng và văn hóa của từng cộng đồng. -> Tạo nên sức hấp dẫn của thần thoại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về thể loại thần thoại và văn bản *Truyện kể về các vị thần sáng tạo thế giới* đã học.

b. Nội dung hoạt động

- GV tổ chức, hướng dẫn HS tham gia trò chơi *Trái bóng nhiệm màu*.
- HS tham gia trò chơi do GV tổ chức theo 2 đội. Có 7 quả bóng di chuyển liên tục trên màn hình, mỗi quả bóng có đánh số thứ tự. Hai đội lần lượt chọn bóng và trả lời câu hỏi ẩn chứa bên trong quả bóng. Đội nào trả lời đúng nhiều hơn đội đó sẽ chiến thắng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV trình chiếu slide trò chơi và phổ biến luật chơi đến HS Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chia nhóm và tiến hành tham gia trò chơi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Câu trả lời của các nhóm Bước 4: Kết luận, nhận định: GV quan sát, nhận xét, đánh giá bằng hình thức cho điểm/ trao thưởng cho 2 đội chơi.	Câu 1: Thể loại truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy: A. Truyền thuyết B. Thần thoại C. Cổ tích D. Ngụ ngôn Câu 2: Truyện thần thoại gồm những nhóm nào? A. Thần thoại về các vị thần; Thần thoại về các vị anh hùng B. Thần thoại suy nguyên; Thần thoại về các vị anh hùng C. Thần thoại Châu Âu; Thần thoại Châu Á D. Thần thoại suy nguyên; Thần thoại sáng tạo Câu 3: Thần thoại có cốt truyện như thế nào? A. Cốt truyện đơn tuyến B. Cốt truyện đa tuyến C. Không có cốt truyện D. Kết hợp cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến Câu 4: Nhân vật chính trong thần thoại là? A. Con người B. Các vị thần C. Bán thần D. Loài vật Câu 5: Thời gian trong thần thoại là: A. Thời gian phiếm chỉ B. Thời gian cụ thể C. Thời gian bất biến D. Thời gian tuần hoàn Câu 6: Điều không phải là nguyên nhân ra đời của Thần thoại? A. Nhu cầu nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên. B. Khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên. C. Quan niệm “vạn vật hữu linh”. D. Xã hội phân hóa giai cấp. Câu 7: Điều gì làm nên Sức hấp dẫn của truyện thần thoại? A. Nhân vật truyện B. Các chi tiết kì ảo C. Giá trị nội dung, tư tưởng. D. Đặc sắc nghệ thuật và giá trị nội dung, tư tưởng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

b. Nội dung:

- **Nhiệm vụ 1:** HS sử dụng kiến thức đã học về thần thoại và cách phân tích đặc điểm thần thoại để Đọc hiểu một văn bản khác cùng thể loại.

- **Nhiệm vụ 2: Đọc- viết kết nối**

HS sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn phân tích một chi tiết kì ảo trong truyện thần thoại đã học hoặc đã đọc.

c. Sản phẩm: Sản phẩm hoàn thành của học sinh (Đoạn văn và câu trả lời đúng)

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phát Phiếu học tập số 3- Phụ lục 1 và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong phiếu Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc lại văn bản và hoàn thành các câu hỏi trong phiếu học tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của mình, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, góp ý cho HS. - GV gợi ý trả lời	Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: ÔNG SẦN NÔNG Ông Sần Nông thường đi trong các rừng núi, gặt nhiều thứ quả, thứ hạt. Ông có phép mời hạt tự ra đồng mọc, cuối vụ lại trở về kho, về bồ. Năm ấy, Sần Nông đi xa không về kịp kho, sắp được bồ. Thóc ngoài đồng đã chín, rủ nhau kéo về nhà. Bà vợ Sần Nông đang gặt, chưa mở được cửa để các loại hạt, đặc biệt là hạt thóc về nhà mình ở. Bà bảo thóc hãy đợi ngoài cửa. Thóc đợi mãi mà bà chỉ lo chải tóc. Chúng chen nhau rồi đánh nhau túi bụi đất cát tung mù lên. Thóc giục già ầm lên, vì trời nắng to, chúng chen chúc mãi ngoài cửa. Gió thổi làm bụi bậm và một số hạt thóc bám lên đầu, lên cổ bà. Bà tức quá, vác gậy đánh chúng, vừa đánh vừa chửi. Thóc kéo nhau ra ruộng, thề từ nay không bò về nữa. Sần Nông trở về không biết làm thế nào. Ông mắng vợ rồi bỏ đi ra ruộng đổ dành thóc nhưng thóc không chịu. Buồn rầu, ông nắm lấy một nắm thóc bay thẳng lên trời. Nắm thóc ấy tung ra, rải rác thành các ngôi sao, còn chỗ tụ lại thì thành sông Ngân Hà bây giờ. Còn dưới trần gian từ đó, khi lúa chín, con người phải mang hái liềm ra gặt. (Theo Tuyển tập VH dân gian Việt Nam, tập 1, NXB Giáo dục, 2007, tr. 103) 1. Nêu các sự kiện chính của truyện Ông Sần Nông. 2. Chỉ ra những lời kể mang tính suy nguyên trong văn bản. 3. Nhân vật chính trong truyện kể trên là ai? Nhân vật ấy được sáng tạo nhằm mục đích gì? 4. Trong tưởng tượng của con người thời xưa, các loại hạt được dùng làm lương thực thuở sơ khai có những đặc điểm gì? Sự tưởng tượng về các loại hạt đó thể hiện quan niệm gì của họ về thế giới? 5. Sự biến đổi trong đặc tính của thóc phản ánh những thay đổi nào trong cuộc sống của con người cổ sơ? Gợi ý trả lời: 1. Các sự kiện chính: - Ông Sần Nông có phép mời các hạt các quả trong rừng về nhà mình. Mùa xuân các hạt tự ra đồng mọc, cuối vụ lại trở về kho, về bồ.

	- Một năm, ông Sần Nông đi xa không về kịp mùa lúa. Bà vợ ở nhà mãi gọi đầu không mở được kho, thóc tức giận vì đứng mãi ở ngoài. Bà vợ vừa đánh vừa chửi nên thóc kéo nhau ra ruộng, không về nhà nữa. - Ông Sần Nông tụ lại thì thành sông Ngân Hà. 2. Lời kể mang tính suy nguyên: trở về buồn rầu, ông mắng vợ rồi bỏ đi, ra ruộng đổ dành, nhưng thóc không chịu. Ông nắm lấy một nắm thóc bay thẳng lên trời. Nắm thóc ấy tung ra mang hái liềm ra gặt; lúa chín, con người phải ra đồng gặt về; hiện tượng dải Ngân Hà và các vì sao. 3. Trong tưởng tượng của con người mùa thu hoạch thì tự tìm về nhà, tự vào kho, vào bồ. Chúng cũng có cảm giác, cảm xúc và có thể “giao tiếp” với con người... Sự tưởng tượng ấy thể hiện quan niệm của con người cổ xưa. 4. Nhân vật chính trong truyện kể trên là ông Sần Nông. Nhân vật được sáng tạo nhằm lí giải cho sự hình thành sông Ngân Hà và các ngôi sao, công việc đồng áng của người nông dân. Đồng thời, tác giả dân gian còn giúp người đọc thấy được sự thay đổi cách sống của người chuyển từ đời sống hái lượm sang đời sống trồng trọt, sử dụng lương thực từ các loại hạt. Trong đó, con người nhận thấy “vạn vật hữu linh”. 5. Sự biến đổi trong đặc tính của thóc phản ánh hành trình sống, quá trình tiếp cận cây lúa của con người: từ toàn lệ thuộc vào tự nhiên sang thuần hoá cây lúa, tìm ra cách gieo trồng, thu hoạch thóc lúa.
- Nhiệm vụ 2: Đọc- viết kết nối (BTVN) Bước 1: GV giao nhiệm vụ:Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết kì ảo trong một truyện thần thoại đã học hoặc tự đọc thêm. - GV hướng dẫn HS có thể triển khai đoạn văn theo các bước: + Giới thiệu đề tài và lí do lựa chọn; + Giới thiệu tác phẩm và chi tiết kì ảo; trích dẫn chi tiết kì ảo. + Phân tích giá trị của chi tiết kì ảo trong việc khắc hoạ nhân vật; thể hiện nội dung, tư tưởng và làm nên sức hấp dẫn của truyện kể. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, hoàn thành nhiệm vụ vào vở bài tập ở nhà. Bước 3: Báo cáo sản phẩm GV yêu cầu HS nộp sản phẩm vào buổi học sau Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá để HS tự đánh giá sản phẩm. - GV đánh giá, nhận xét, cho điểm sản phẩm của học sinh dựa trên bảng kiểm.	Bài làm của học sinh.

- GV trả bài, cho HS đọc chéo để tự học và rút kinh nghiệm.

5. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ lại hình ảnh/ sự kiện/ nhân vật mà em thấy ấn tượng sau khi học xong bài học. Chia sẻ với các bạn vào buổi học sau.
- Tìm đọc thêm các truyện thần thoại trong và ngoài nước, tóm tắt hoặc ghi lại ấn tượng sâu sắc của em sau khi đọc tác phẩm đó.
- Chuẩn bị soạn bài: Đọc, tìm hiểu về văn bản “Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên” (Tóm tắt truyện, trả lời câu hỏi trong SGK)-

HỒ SƠ HỌC TẬP

PHỤ LỤC 1

Phiếu học tập số 1

Nhóm:

Họ tên các thành viên:

Nhiệm vụ:

1. Tìm thông tin trong chùm truyện- sgk và hoàn thành bảng sau:

Đặc điểm	Thần Trụ Trời	Thần Sét	Thần Gió
Không gian			
Thời gian			
Nhân vật			
Sự kiện chính			

2. Tại sao nói: Cả 3 văn bản trên đều thuộc nhóm thần thoại suy nguyên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phiếu học tập số 2

Nhóm:

Họ tên các thành viên:

Nhiệm vụ:

1. Đọc văn bản, tìm chi tiết về các vị thần và hoàn thành bảng sau:

	Hình dáng	Tính cách	Công việc	Cơ sở tưởng tượng
Thần Trụ Trời				

Thần Sét				
Thần Gió				

2. Từ đó, em có nhận xét gì về đặc điểm của các vị thần trong tưởng tượng của người cổ đại?

.....

.....

.....

.....

3. Hình tượng các vị thần trong 3 câu truyện trên phản ánh những quan niệm, nhận thức gì về thế giới tự nhiên và khát vọng của người cổ đại?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong cách xây dựng nhân vật của chùm truyện. Từ đó nhận xét về thái độ, tình cảm của người xưa đối với thế giới tự nhiên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phiếu học tập số 3

Họ và tên:.....

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

ÔNG SẦN NÔNG

Ông Sần Nông thường đi trong các rừng núi, gặp nhiều thứ quả, thứ hạt. Ông có phép mời hạt tự ra đồng mọc, cuối vụ lại trở về kho, về bò.

Năm ấy, Sần Nông đi xa không về kịp kho, sắp được bò. Thóc ngô ngoài đồng đã chín, rủ nhau kéo về nhà. Bà vợ Sần Nông đang gội đầu, chưa mở được cửa để các loại hạt, đặc biệt là hạt thóc về nhà mình ở. Bà bảo thóc hãy đợi ngoài cửa. Thóc đợi mãi mà bà chỉ lo chải tóc. Chúng chen nhau rồi đánh nhau túi bụi đất cát tung mù lên. Thóc giục giã âm lên, vì trời nắng to, chúng chen chúc mãi ngoài cửa. Gió thổi làm bụi bặm và một số hạt thóc bám lên đầu, lên cổ bà. Bà tức quá, vác gậy đánh chúng, vừa đánh vừa chửi. Thóc kéo nhau ra ruộng, thề từ nay không bò về nữa.

Sần Nông trở về không biết làm thế nào. Ông mắng vợ rồi bỏ đi ra ruộng đổ dành thóc nhưng thóc không chịu. Buồn rầu, ông nắm lấy một nắm thóc bay thẳng lên trời. Nắm thóc ấy tung ra, rải rác thành

các ngôi sao, còn chổ tụ lại thì thành sông Ngân Hà bây giờ. Còn dưới trần gian từ đó, khi lúa chín, con người phải mang hái liềm ra gặt.

(Theo Tuyển tập VH dân gian Việt Nam, tập 1, NXB Giáo dục, 2007, tr. 103)

1. Nêu các sự kiện chính của truyện Ông Sắn Nồng.

.....

.....

.....

2. Chỉ ra những lời kể mang tính suy nguyên trong văn bản.

.....

.....

.....

3. Nhân vật chính trong truyện kể trên là ai? Nhân vật ấy được sáng tạo nhằm mục đích gì?

.....

.....

.....

4. Trong tưởng tượng của con người thời xưa, các loại hạt được dùng làm lương thực thuở sơ khai có những đặc điểm gì? Sự tưởng tượng về các loại hạt đó thể hiện quan niệm gì của họ về thế giới?

.....

.....

.....

.....

5. Sự biến đổi trong đặc tính của thóc phản ánh những thay đổi nào trong cuộc sống của con người cổ sơ?

.....

PHU LUC 2:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn 150 chữ

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích một chi tiết kì ảo trong truyện thần thoại đã học hoặc đọc thêm: vị trí của chi tiết; giá trị, ý nghĩa biểu tượng của chi tiết đó.		
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.		
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.		

Phiếu đánh giá hoạt động nhóm

TIÊU CHÍ	CHƯA ĐẠT	ĐẠT	TỐT
Hình thức (2 điểm)	0 điểm	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chẵn chu, trình	2 điểm

	Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả; Sai lỗi chính tả	bày cẩn thận, không có lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu, trình bày cẩn thận, không có lỗi chính tả, có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm - Chưa trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài, mới dừng lại ở việc biết và nhận diện.	4-5 điểm - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có ít nhất 1-2 ý mở rộng, nâng cao	6 điểm - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng, nâng cao - Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm - Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ, làm việc chưa hiệu quả. - Có trên 2 thành viên không tham gia hoạt động.	1 điểm - Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất. - Vẫn còn 1-2 thành viên không tham gia hoạt động.	2 điểm - Hoạt động gắn kết, có sự động thuận nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.

Tiết 3, 4

Văn bản 3

TẢN VIÊN TỪ PHÁN SỰ LỤC (Chuyện chức phán sự đền Tản Viên)

Nguyễn Dữ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giúp học sinh:

- Nêu được một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- Biết xác định người kể chuyện và các sự kiện chính của tác phẩm.
- Phân tích được hình tượng nhân vật Tử Văn và nhận xét khái quát về nhân vật này.
- Phân tích thể giới hư cấu nghệ thuật của Nguyễn Dữ được thể hiện trong tác phẩm.
- Đánh giá được về quan niệm về kẻ sĩ được thể hiện trong lời bình cuối truyện.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực phân tích, đánh giá, tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- Năng lực đặc thù:
 - + Học sinh vận dụng năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
 - + Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

3. Phẩm chất:

- Củng cố lòng yêu chính nghĩa và niềm tự hào về người trí thức nước Việt.
- Phân biệt cái thiện cái ác, biết bệnh vực chính nghĩa, bài trừ cái xấu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Học liệu:** Máy chiếu, bảng phụ, các phương tiện hỗ trợ khác (Tùy vào điều kiện của từng nhà trường).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung:**

- GV cho HS xem hình ảnh về đền Tản Viên – Ba Vì, lễ hội ở đền Tản Viên

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi, HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trình bày ý kiến

B3: Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ

B4: Kết luận, nhận định: GV chốt ý và dẫn dắt vào bài học

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- Học sinh xác định người kể chuyện và các sự kiện chính của tác phẩm.

b. Nội dung: Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm; Xác định người kể chuyện; Các sự kiện chính trong tác phẩm.

c. Sản phẩm: Phiếu thông tin về tác giả, tác phẩm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả - HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác giả. - B2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu + Thời gian: 34 phút + Chia sẻ: 3 phút + Phản biện và trao đổi: 2 phút B3: Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ và báo cáo nội dung đã tìm hiểu B4: Kết luận, nhận định: GV chốt kiến thức cơ bản về tác giả.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Nguyễn Dữ - Sống vào khoảng TKXVI, chưa rõ năm sinh, năm mất. - Quê quán: tỉnh Hải Dương - Xuất thân trong gia đình khoa bảng, từng đi thi, làm quan, sau đó từ quan lui về ẩn dật. 2. Tác phẩm a. Thể loại truyền kỳ - Là một thể văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua những yếu tố hoang đường. - Đằng sau những tình tiết phi hiện thực người đọc có thể tìm thấy những vấn đề cốt lõi hiện thực cũng như quan niệm, thái độ của tác giả. b. Truyền kỳ mạn lục - Viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVI. - Truyện có giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo. c. Tác phẩm “Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên” - Xuất xứ: “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” là một trong 20 truyện của “Truyền kì mạn lục” - Người kể chuyện: Ngôi thứ ba – không trực tiếp tham gia vào câu chuyện -> tạo sự khách quan. - Các sự kiện chính của tác phẩm: + Hành động đốt đền của Ngô Tử Văn + Cuộc gặp gỡ giữa hồn ma tên tướng giặc, thổ công + Cuộc xử kiện ở Minh ti + Tử Văn nhận chức Phán sự.

*** Nhiệm vụ 2:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh xác định người kể chuyện và các sự kiện chính của tác phẩm.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành phiếu học tập về tác phẩm

B3: Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ và báo cáo nội dung đã tìm hiểu về tác phẩm
B4: Kết luận, nhận định: GV chốt kiến thức cơ bản về tác phẩm

Nội dung 2: Đọc - hiểu văn bản (32 phút)

a. Mục tiêu:

- Học sinh phân tích hình tượng nhân vật Tử Văn và nhận xét khái quát về nhân vật này.
- Học sinh phân tích thể giới hư cấu nghệ thuật của Nguyễn Dữ được thể hiện trong tác phẩm.
- Học sinh đánh giá về quan niệm về kẻ sĩ được thể hiện trong lời bình cuối truyện.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ qua các phiếu học tập tìm hiểu về nhân vật Ngô Tử Văn, HS tìm hiểu qua hệ thống câu hỏi trong phiếu học tập

c. Sản phẩm: Các phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhân vật Ngô Tử Văn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chia nhóm để HS tìm hiểu về nhân vật Ngô Tử Văn: Nhóm 1. Cách giới thiệu về Ngô Tử Văn Nhóm 2. Hành động đốt đền của Ngô Tử Văn Nhóm 3. Tử Văn trong cuộc xử kiện dưới Minh Ti Nhóm 4: Tử Văn nhận chức phán sự đền Tản Viên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận theo nhóm và trả lời các câu hỏi gợi ý trong phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu; Các nhóm nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét các nhóm và chốt những kiến thức cơ bản	II. Đọc hiểu văn bản 1. Nhân vật Ngô Tử Văn a. Cách giới thiệu - Nhân vật NTV được giới thiệu về lai lịch, quê quán, đặc biệt nhấn mạnh ở tính cách. - NTV được giới thiệu là một người “khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, người vùng Bắc ta vẫn khen là một người cương trực”. -> cương trực, dũng cảm đấu tranh vì chính nghĩa. - Nhận xét: Bằng cách giới thiệu trực tiếp, Nguyễn Dữ đã tạo cho nhân vật yếu tố chính xác, qua đó giúp người đọc tin tưởng vào sự có thật của nhân vật này. -> Lời giới thiệu mang giọng điệu khen ngợi, hướng người đọc vào những hành động chính nghĩa của nhân vật. b. Hành động đốt đền - Nguyên nhân: tức giận, không chịu được cảnh yêu tà tác oai tác quái hại dân. -> Khẳng định hành động của NTV không phải vi phạm tín ngưỡng mà là hành động chính nghĩa, dám đấu tranh chống gian tà. - Diễn biến hành động: tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. -> Thái độ nghiêm túc, kính cẩn. Đây không phải là hành động bộc phát nhất thời mà là hành động có chủ đích, có suy nghĩ kỹ lưỡng. - Thái độ: vùng tay không cần gì cả. -> Phản ứng nhanh chóng, dứt khoát, mạnh mẽ. Không hề kinh sợ, luôn tin vào hành động chính nghĩa của bản thân. -> Nhận xét: Tử Văn dũng cảm, cứng rắn, dám làm những điều không ai có thể làm để diệt trừ cái ác. Thái độ của tác giả: Ca ngợi, đồng tình với hành động chính nghĩa của Ngô Tử Văn. c. Cuộc gặp gỡ giữa Ngô Tử Văn và hồn ma tên tướng giặc, thổ công - Tên tướng giặc giả làm cư sĩ đến đe dọa, mắng chửi Ngô Tử Văn, đòi dựng lại ngôi đền.

	- Thái độ Ngô Tử Văn: Mặc kệ, ngồi ngất ngưỡng, tự nhiên -> can đảm, dũng mãnh khinh thường sự đe dọa, hống hách của tướng giặc. - Thổ công kể lại sự việc mình bị hại, căn dặn Ngô Tử Văn cách đối phó với tên tướng giặc. - Tử Văn sẵn sàng chuẩn bị cuộc chiến với tên bách hộ họ Thôi. -> Ngô Tử Văn đầy can đảm bản lĩnh, dám làm những điều cả thần thánh cũng phải kinh sợ, dám đấu tranh chống lại sự phi lí ở đời. d. Cuộc xử kiện ở Minh Ti - Ban đầu, Diêm Vương do tin lời tên tướng giặc nên quả quyết đổ tội cho NTV. - Thái độ của NTV : + Gan dạ trước bọn quỷ Dạ Xoa nanh ác và quang cảnh đáng sợ nơi cõi âm. + Cứng cỏi, bất khuất trước Diêm Vương đầy quyền lực. + Dũng cảm vạch mặt tên bại tướng gian tà với lời lẽ "rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào." - Kết quả: Diêm Vương cho người xác thực, tuyên bố NTV vô tội, được nhận chức phán sự, trả lại đền cho Thổ công, trừng phạt tên tướng giặc. - Ý nghĩa: + Giải trừ được hậu họa, đem lại an lành cho nhân dân; + Diệt trừ tận gốc thế lực xâm lược tàn ác, làm sáng tỏ nỗi oan khuất và phục hồi danh vị cho Thổ thần nước Việt. e. Khi nhận chức phán sự đền Tản Viên - Đây là chi tiết kì ảo, lí thú thể hiện niềm tin của nhân dân vào chân lí, khẳng định chính nghĩa luôn chiến thắng gian tà. - Chính sự dũng cảm, kiên cường, khảng khái diệt trừ cái ác của Tử Văn được đền đáp xứng đáng. - Cuộc gặp gỡ của quan phán sự với người dân làng thể hiện sự tin tưởng của nhân dân vào vị quan tốt và niềm tin vào chính nghĩa, chân thiện trong đời.
Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh làm việc cá nhân, giáo viên đặt câu hỏi phát vấn tìm hiểu về nghệ thuật của truyện (Socrates) + Liệt kê các yếu tố thực và yếu tố ảo trong truyện? + Chỉ ra ý nghĩa của yếu tố thực và yếu tố ảo trong truyện? + Yếu tố thực và yếu tố ảo đã góp phần thể hiện đặc trưng thể loại và chủ đề tác phẩm như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời	2. Thế giới hư cấu nghệ thuật trong tác phẩm - Trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Nguyễn Dữ đã kết hợp thành công yếu tố "kì" và yếu tố "thực". - Câu chuyện đầy tính chất kì ảo bởi sự xuất hiện của thế giới âm cung với những hồn ma, bóng quỷ, với những cảnh vật khác thường, với chuyện người chết đi, sống lại, từ dương gian đến địa phủ, từ cõi âm về lại cõi trần - Câu chuyện lại có vẻ như "người thực, việc thực" bởi cách dẫn người, dẫn việc cụ thể đến cả họ tên, quê quán, thời gian, địa điểm xảy ra sự việc: "Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang", "Năm Giáp Ngọ, có người ở thành Đông Quan vốn quen biết với Tử Văn"....

Bước 3: Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày ý kiến của bản thân, các học sinh khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Yếu tố kì ảo là biện pháp nghệ thuật làm tăng tính hấp dẫn của câu chuyện. - Yếu tố hiện thực làm tăng tính xác thực, làm cho câu chuyện có ý nghĩa xã hội sâu sắc. - Chủ đề của tác phẩm: Niềm tin của tác giả chính nghĩa sẽ thắng cường bạo, gian tà, đẩy lùi sự mê tín, dị đoan tồn tại cổ hữu trong suy nghĩ của con người.
Nhiệm vụ 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên giao nhiệm vụ - Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy ngẫm và thực hiện Bước 3: Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.	3. Lời bình cuối truyện <i>"Than ôi! Người ta vẫn nói: "Cứng quá thì gãy". Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cõi được, còn gãy hay không là việc trời."</i> - Theo quan niệm của Nguyễn Dữ, đã là kẻ sĩ ở đời thì cần sự “cứng” cáp, rắn rỏi, mạnh mẽ để giữ tinh thần đương đầu với các khó khăn thử thách. Lời bình khẳng định nhân cách của kẻ sĩ được thể hiện ở ý chí, tinh thần và dám thử thách. Không màng tới được mất, thắng thua bởi đó là “việc trời”. Nhân mạnh và khẳng định ý chí và niềm tin vào sức mạnh quyết định vận mệnh của thần linh - Theo quan niệm hiện đại, không phải vấn đề nào chúng ta cũng “cứng” mà cần mềm dẻo, khôn khéo để xử lý mọi công việc đạt hiệu quả tối đa nhất. Tuy nhiên, luôn phải giữ thái độ trong sạch, làm bất kì việc gì đều hướng đến lẽ phải và quyền lợi không chỉ của bản thân mà còn là quyền lợi của cộng đồng và những người xung quanh. - Học sinh có thể tự do bày tỏ quan điểm và diễn giải được bằng những minh chứng cụ thể.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu truyện trong “Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên”

b. Nội dung: HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3: Báo cáo thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo (GV chia sẻ bài viết cho học sinh tham khảo.)	Bài làm của học sinh

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

Học sinh vận dụng liên hệ về lòng dũng cảm, mê tín dị đoan, lí tưởng và quan niệm sống

b. Nội dung: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện Bước 3: Báo cáo thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm của học sinh

5. HOẠT ĐỘNG 5: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**Phụ lục 1. Rubric chấm bài viết kết nối đọc**

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 5,6,7
Văn bản 5
CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Cảm nhận, phân tích được vẻ đẹp hình tượng Huân Cao, viên Quản Ngục ; quan điểm thẩm mỹ và tình cảm yêu nước kín đáo của nhà văn Nguyễn Tuân.
- Xác định và chỉ ra được ý nghĩa của tình huống truyện
- Xác định được lời kể về nhân vật, sự kiện tạo nên bước chuyển trong tác phẩm,
- Phân tích được ý nghĩa cảnh cho chữ và ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản truyện.
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối với phần đọc.

3. Về phẩm chất

Học sinh biết trân trọng các giá trị truyền thống và cái đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Học liệu

SGK, SGV, phiếu học tập....

2. Thiết bị

Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** tạo tâm thế thoải mái, tích cực và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.
- b. Nội dung thực hiện:**
 - ❖ GV đưa ra “ô chữ bí mật”
 - ❖ Hs theo dõi và giải ô chữ
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: giao nhiệm vụ học tập (tổ chức trò chơi giải ô chữ) - GV trình chiếu ô chữ gồm 6 hàng ngang tương ứng với 6 câu hỏi gợi dẫn <u>Câu 1:</u> Câu thơ “ <i>Thập tải luân giao cầu cổ kiêu/ Nhất sinh đề thủ bách mai hoa</i>” là của ai? <u>Câu 2:</u> Đây là cách gọi khác của những người trí thức phong kiến? <u>Câu 3:</u> Tên loài hoa biểu tượng cho người quân tử? <u>Câu 4:</u> Nội dung tư tưởng thể hiện tình yêu thương con người là gì? <u>Câu 5:</u> Tên nhân vật văn học nổi tiếng với hành động say rượu và rạch mặt ăn vạ? <u>Câu 6:</u> Một tính từ chỉ số lượng nhiều và đa dạng? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi để mở những ô chữ hàng ngang và tìm từ chìa khóa Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh trả lời cá nhân	<i>Gợi ý phần trả lời của học sinh</i> ➤ CAO BÁ QUÁT ➤ NHÀ NHO ➤ HOA MAI ➤ NHÂN ĐẠO ➤ CHÍ PHÈO ➤ PHONG PHÚ

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt ý và dẫn dắt vào bài

→ Từ khóa: **CÁI ĐẸP****2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****a. Mục tiêu:**

- HS nêu và nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- HS xác định và chỉ ra ý nghĩa của tình huống truyện
- HS phân tích được hình tượng nhân vật Huân Cao, Quân Ngục
- HS xác định được lời kể và sự kiện tạo nên bước chuyển trong câu truyện.

b. Nội dung thực hiện:

- HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm
- HS nhập vai giới thiệu qua về nghệ thuật thư pháp ; báo cáo cá nhân để tóm tắt và chia bố cục truyện
- Hs chia nhóm để tìm hiểu về tình huống truyện.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh, sản phẩm thảo luận, phiếu học tập.**d. Tổ chức thực hiện:****Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập ❖ Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả, tác phẩm ; giao nhiệm vụ trước để 2 HS dựng một tiểu phẩm ngắn diễn tả lại một phân đoạn tác phẩm để hiểu hơn về nghệ thuật thư pháp. ❖ HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ ❖ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 5 phút Chia sẻ : 3 phút Phản biện trao đổi: 2 phút ❖ Hai HS diễn tiểu phẩm ngắn: cảnh Ngục quan ngồi bên án thư để tay lên trán nghĩ ngợi, mơ màng. Bên cạnh là một học sinh khác viết thư pháp hai chữ “<i>Thiên lương</i>” trên giấy và dán lên bảng. ❖ Các HS khác quan sát và nêu những hiểu biết của mình về nghệ thuật thư pháp Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu.	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả Nhà văn Nguyễn Tuân: (1910-1987) * Tiểu sử: - <i>Quê hương:</i> Hà Nội - <i>Gia đình:</i> nhà Nho (khi Hán học đã tàn) - <i>Con người:</i> + một ý thức cá nhân phát triển rất cao + một trí thức nặng tình dân tộc + một nghệ sĩ tài hoa, uyên bác * Sự nghiệp: - <i>Trước Cách mạng:</i> + Đề tài chính: chủ nghĩa xê dịch, vẻ đẹp quá khứ, đời sống truy lạc... + Tác phẩm: Một chuyến đi, Vang bóng một thời, Chiếc lư đồng mắt cua... + Thành công ở thể loại: truyện ngắn - <i>Sau Cách mạng:</i> + Đề tài: kháng chiến chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội + Tác phẩm: Kí chống Mỹ, Sông Đà... + Thành công ở thể loại tùy bút <i>Phong</i> <i>cách</i> <i>nghệ</i> <i>thuật</i> + Tiếp cận sự vật và con người: phương diện thẩm mỹ (vẻ đẹp phi thường, tuyệt mỹ) + Cảm hứng phóng túng, cảm giác mãnh liệt... + Vận dụng tri thức đa ngành: hội họa, âm nhạc, quân sự... + Ngôn ngữ, câu văn: phong phú, tinh tế, giàu nhạc điệu, giàu chất tạo hình... → tài hoa, uyên bác

	Nguyễn Tuân được tặng <i>Giải thưởng Hồ Chí Minh</i> về văn học nghệ thuật (1996) 2. Tác phẩm a. Vang bóng một thời - <i>Xuất bản</i>: năm 1940, bao gồm 11 truyện ngắn - <i>Đề tài</i>: Về đẹp quá khứ - <i>Nhân vật</i>: Nhà Nho tài hoa, tài tử → Tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước cách mạng “Một văn phẩm đạt gần tới sự toàn thiện, toàn mỹ” (Vũ Ngọc Phan) b. Chữ người tử tù - <i>Nhan đề</i>: + <i>Dòng chữ cuối cùng</i> (Tập chí <i>Tao đàn</i>, 1939) + <i>Chữ người tử tù</i> (Tập truyện <i>Vang bóng một thời</i>, 1940) - <i>Chủ đề</i>: + Ngợi ca vẻ đẹp chữ viết và nhân cách một tử tù + Quan niệm về cái đẹp và tình dân tộc sâu sắc (Vài nét về nghệ thuật thư pháp) Hoạt động nhập vai - Thư pháp là nghệ thuật viết chữ đẹp (thường là chữ Hán ngày nay có thể là chữ quốc ngữ) bằng bút lông với mực tàu trên giấy, lụa hoặc khắc trên gỗ... để trang trí, để ngắm, để thờ... - Nét chữ thể hiện tâm hồn, tính cách, bản lĩnh, ước mơ, khát vọng, sự tài hoa... của người viết - Người viết chữ là người nghệ sĩ. - Bố cục, tóm tắt: 3 phần + Cảnh nhận tù + Cảnh quản ngục biệt đãi Huân Cao + Cảnh cho chữ

Nhiệm vụ 2: Đọc hiểu văn bản – Tìm hiểu tình huống truyện

Bước 1: giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức hoạt động nhóm theo kỹ thuật “**hẹn hò**” chia lớp thành 4 nhóm ứng với 4 nhiệm vụ tìm hiểu tình huống truyện.

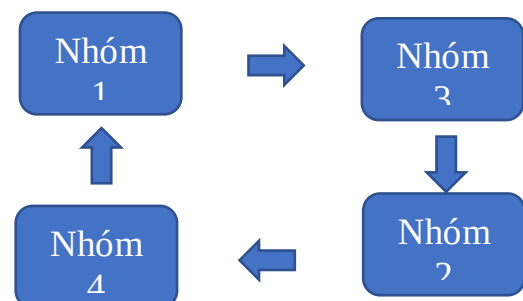
Nhóm 1: Khái niệm tình huống truyện ; bối cảnh gặp gỡ

Nhóm 2: Đặc điểm của 2 nhân vật Huân Cao và Viên quản ngục

Nhóm 3: Quan hệ của 2 nhân vật

Nhóm 4 : Ý nghĩa của tình huống truyện

Sơ đồ di chuyển phiếu thảo luận



II. Đọc hiểu văn bản

1. Tình huống truyện

* Tình huống truyện là gì:

- sự việc đặc biệt
- cuộc sống hiện ra đậm đặc
- thể hiện tư tưởng tác giả

* Tình huống truyện của “Chữ người tử tù”: Cuộc gặp gỡ giữa Huân Cao và quản ngục

a. Không gian gặp gỡ:

Nhà tù	Buồng giam HC
- Không gian của tội phạm - Âm thấp, bẩn thỉu - QC làm chủ -> Cuộc gặp của những kẻ đối nghịch	- Không gian của tử tù đặc biệt - Quét dọn sạch sẽ - HC làm chủ -> Cuộc gặp của mối thâm tình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận theo vấn đề mà từng nhóm được giao Thời gian thảo luận : 3 phút Thời gian di chuyển phiếu để nhận xét, bổ sung chéo: 3 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả thảo luận và phần các nhóm phản biện, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt những kiến thức cơ bản	b. Thời gian và diễn biến cuộc gặp gỡ: HC đợi ra pháp trường <table><tr><th>Những ngày cuối cùng</th><th>Giờ phút cuối cùng</th></tr><tr><td>Chưa thể gặp HC</td><td>Tâm sự QN được hé lộ (thầy Thor)</td></tr><tr><td>QN bị mắng, đuổi >< HC đợi báo thù</td><td>QN được HC mời đến</td></tr><tr><td>->Dò xét, nghi kị, thách thức</td><td>->Thấu hiểu, tin tưởng</td></tr></table> → Thời gian và diễn biến cuộc gặp: kịch tính c. Huân Cao và Quản Ngục: <table><tr><th>Huân Cao</th><th>Quan hệ</th><th>Quản ngục</th></tr><tr><td>Tử tù</td><td>Chính trị: đối nghịch, loại trừ nhau</td><td>Cai tù</td></tr><tr><td>Người viết chữ đẹp</td><td>Nghệ thuật: tri âm, tri kỉ</td><td>Người xin chữ đẹp</td></tr><tr><td>Thân thể cầm tù >< Nhân cách tự do</td><td></td><td>Thân thể tự do >< Nhân cách cầm tù</td></tr></table> → Quan hệ HC – QN: éo le, ngang trái d. Ý nghĩa của tình huống truyện: - Nổi bật vẻ đẹp của hình tượng Huân Cao - Sáng tỏ tâm lòng biêt nhơn liên tài của viên quản ngục - Thể hiện sâu sắc chủ đề của tác phẩm.	Những ngày cuối cùng	Giờ phút cuối cùng	Chưa thể gặp HC	Tâm sự QN được hé lộ (thầy Thor)	QN bị mắng, đuổi >< HC đợi báo thù	QN được HC mời đến	->Dò xét, nghi kị, thách thức	->Thấu hiểu, tin tưởng	Huân Cao	Quan hệ	Quản ngục	Tử tù	Chính trị: đối nghịch, loại trừ nhau	Cai tù	Người viết chữ đẹp	Nghệ thuật: tri âm, tri kỉ	Người xin chữ đẹp	Thân thể cầm tù >< Nhân cách tự do		Thân thể tự do >< Nhân cách cầm tù
Những ngày cuối cùng	Giờ phút cuối cùng																				
Chưa thể gặp HC	Tâm sự QN được hé lộ (thầy Thor)																				
QN bị mắng, đuổi >< HC đợi báo thù	QN được HC mời đến																				
->Dò xét, nghi kị, thách thức	->Thấu hiểu, tin tưởng																				
Huân Cao	Quan hệ	Quản ngục																			
Tử tù	Chính trị: đối nghịch, loại trừ nhau	Cai tù																			
Người viết chữ đẹp	Nghệ thuật: tri âm, tri kỉ	Người xin chữ đẹp																			
Thân thể cầm tù >< Nhân cách tự do		Thân thể tự do >< Nhân cách cầm tù																			
Nhiệm vụ 3: Đọc hiểu văn bản – Tìm hiểu các nhân vật: Huân Cao																					
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập ❖ Giáo viên phát vấn: Sau khi đọc truyện, em thấy ở nhân vật Huân Cao nổi lên những phẩm chất nào? ❖ Học sinh phát hiện ❖ Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đẹp của nhân vật Huân Cao bằng phương pháp thảo luận nhóm thông qua phiếu học tập. ❖ GV chia lớp thành 4 nhóm lớn. Nhiệm vụ mỗi nhóm: đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu thảo luận Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ ❖ Học sinh mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu vào giấy A0 ❖ Thời gian thảo luận: 5 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận ❖ Các nhóm lần lượt trình bày nội dung ❖ Mỗi nhóm cử 1 bạn lên bảng chia sẻ nội dung của nhóm ❖ Thời gian chia sẻ: 3 phút ❖ Các HS khác quan sát, lắng nghe để tham gia trao đổi, phản biện ❖ Thời gian trao đổi, phản biện: 2 phút	2. Các nhân vật a. Huân Cao ❖ Là một nghệ sĩ tài hoa tuyệt đích - Tài hoa: viết chữ nhanh và đẹp (nghệ thuật thư pháp) - Được miêu tả gián tiếp qua các cuộc trò chuyện giữa viên quản ngục và thầy thơ lại; qua suy nghĩ, cảm xúc của quản ngục về “chữ ông Huân Cao”; qua sở nguyện của viên quản ngục. => Tác giả “lấy gần để nói xa”, “lấy bóng để làm lộ hình”. Đây là một lối nói tắt tinh tế, sáng tạo, tạo ra sự cuốn hút và vẻ đẹp tài hoa của Huân Cao hiện lên một cách khách quan. => Trân trọng giá trị truyền thống. Qua đó, thể hiện tình thần dân tộc và lòng yêu nước kín đáo. ❖ Là người có khí phách anh hùng - Đứng về phía nhân dân chống lại triều đình mà ông căm ghét. - Thể hiện qua: + Hành động: Hiên ngang, ngạo nghễ. + Thái độ: Bình thản, ung dung, tự tại. + Lời nói: Khinh bạc, cứng cỏi. => Hành động, thái độ, lời nói đã tạo nên khí phách anh hùng của một nhà Nho. => Tác giả gửi gắm tình cảm thắm kín nhưng không kém phần sâu sắc đối với những chiến sĩ yêu nước.																				

Bước 4: Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	❖ Là người có nhân cách cao thượng - Thái độ, cách ứng xử đối với nghệ thuật: Huân Cao “nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ”, chỉ trao tặng cái đẹp cho người tri âm, tri kỉ. - Thái độ, cách ứng xử đối với con người: Trân trọng người yêu cái đẹp. => Về đẹp nhân cách con người: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất”. => Quan niệm thẩm mỹ của nhà văn: Cái đẹp và cái thiện không thể tách rời nhau; Một nhân cách cao đẹp bao giờ cũng là sự thống nhất giữa cái tâm và cái tài. (quan niệm thẩm mỹ tiến bộ) ❖ So sánh mở rộng: Tử Văn và Huân Cao đều là hiện thân cho nhân cách cao quý của kẻ sĩ - Ung dung, bất khuất trước cường quyền. - Đấu tranh quyết liệt với cái xấu, cái ác. - Hào hiệp, trọng nghĩa khí
Nhiệm vụ 4: Đọc hiểu văn bản – Tìm hiểu các nhân vật: Viên quản ngục	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên sử dụng phương pháp thảo luận nhóm tìm hiểu về viên quản ngục: • NHÓM 1-2: TÌM HIỂU CẢNH NGỘ CỦA NHÂN VẬT <i>Gợi ý: Trong tác phẩm, nhân vật viên quản ngục được đặt trong hoàn cảnh nào? (Chú ý các yếu tố: nghề nghiệp, môi trường sống, sở thích, cuộc gặp gỡ với Huân Cao)</i> • NHÓM 3-4: TÌM HIỂU PHẨM CHẤT NHÂN VẬT <i>Gợi ý: Từ cảnh ngộ, nhân vật viên quản ngục hiện lên với phẩm chất, tính cách nào? Phẩm chất, tính cách đó được biểu hiện cụ thể qua những chi tiết nào? (Chú ý qua lời kể của tác giả ở phần 1 và hành động biệt đãi, xin chữ ông Huân Cao)</i> Giáo viên cho HS phát biểu ý kiến cá nhân để Đánh giá về nhân vật viên quản ngục? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh chia thành 4 nhóm và thảo luận trong thời gian 5 phút. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Nhóm học sinh được chỉ định trình bày kết quả thảo luận (có thể gọi các nhóm khác nhau ở từng nội dung). Các HS khác trong lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định	b. Nhân vật Viên quản ngục ❖ Hoàn cảnh: - Nghề nghiệp và môi trường sống: cai ngục trong đề lao (<i>nơi người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, một đống căn bã, ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt</i>) -> Khó giữ được thiên lương, phẩm giá của con người. - Sở thích: có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huân Cao viết -> Cao quý, trái ngược với công việc mà ông làm. - Cuộc gặp gỡ đầy trớ trêu với Huân Cao, một người ông mến mộ trong nhà lao khi ông là cai ngục mà Huân Cao lại là tử tù -> Đặt viên quản ngục vào một tình thế trớ trêu, khó xử nhưng đồng thời cũng làm nổi bật tính cách, phẩm chất tốt đẹp của ông. ❖ Tính cách, phẩm chất: - Được thể hiện qua lời kể của tác giả trong phần 1: + Ngoại hình: đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. + Lời nói: qua cuộc đối thoại với thầy thơ lại thể hiện sự mến mộ ông Huân nhưng vẫn giữ đúng phép tắc. + Suy nghĩ: về sự kính mến khi phách, biết tiếc, biết trọng người tài của thầy thơ lại và mong muốn sẽ biệt đãi ông Huân Cao những ngày cuối đời. + Những câu văn khái quát nhân vật: • <i>Tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ.</i> • <i>Những cái thuần khiết vào giữa một đống căn bã.</i> • <i>Những người có tâm điền tốt và thẳng thắn lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.</i> ⇒ Qua lời kể của tác giả, người đọc có cái nhìn tốt đẹp và thiện cảm hơn với viên quản ngục.

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Được thể hiện qua hành động biệt đãi và xin chữ Huân Cao: + Biệt đãi Huân Cao: • Khi nghe tin Huân Cao là tử tù: nảy sinh ý định muốn <i>biệt đãi, muốn cho ông ta đỡ cực những ngày cuối cùng còn lại.</i> • Khi đón nhận tù nhân: viên quan coi ngục nhìn <i>sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành, lòng không nể, biệt nhỡn</i> riêng với Huân Cao. • Những ngày Huân Cao ở tù: suốt nửa tháng, ngày nào cũng tiếp đãi rượu thịt; trực tiếp vào buồng giam bày tỏ: <i>“Biết ngày là một người có nghĩa khí, tôi muốn chăm chú ít nhiều”</i> và không đặt chân vào buồng giam khi Huân Cao yêu cầu. Trước Huân Cao, viên quản ngục chỉ coi mình là <i>một kẻ tiểu lại giữ tù</i> không là gì so với ông Huân. + Xin chữ ông Huân: • Trăn trở, khổ tâm khi không thể tiếp cận ông Huân. • Tái nhợt người khi tiếp đọc công văn sáng sớm hôm sau ông Huân và đồng chí bị áp giải ra pháp trường. Kể rõ tâm tình để thầy thơ lại giúp. • Khúm núm, vái lạy và khóc xin bãi lĩnh khi ông Huân cho chữ. ⇒ Qua hành động biệt đãi và xin chữ Huân Cao, viên quản ngục càng thể hiện rõ tính cách tốt đẹp <i>biệt nhỡn liên tài.</i> ❖ Đánh giá: - Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng bút pháp tương phản, đối lập, ngôn ngữ kể đậm chất cổ xưa, trang trọng để khắc họa thành công nhân vật viên quản ngục. - Chân dung viên quản ngục là một người trọng khí phách, mến tài năng, yêu và say mê cái đẹp, sẵn sàng thay đổi bản thân vì cái đẹp. - Nhân vật thể hiện quan điểm thẩm mỹ sâu sắc, nhân sinh: cái đẹp có khả năng cảm hoá con người.
Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu cảnh cho chữ - HS đóng vai: Cảnh cho chữ Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên sử dụng phương pháp dạy dự án phát phiếu học tập tìm hiểu về cảnh cho chữ và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi vào phiếu học tập ? Cảnh cho chữ diễn ra vào lúc nào? ở đâu? Tư thế, vị thế của nhân vật cho chữ và nhận chữ? Tại sao nói đây là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có? ? Nêu ý nghĩa cảnh cho chữ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và hoàn thành phiếu trước khi đến lớp	3. Cảnh cho chữ - một cảnh tượng xưa nay chưa từng có. a. Không gian – địa điểm: cho chữ hay còn gọi nghệ thuật thư pháp vốn là một việc làm thanh cao nên thường diễn ra ở nơi thư phòng trắng thanh, gió mát hoặc giữa thiên nhiên lồng ngát hương hoa còn ở đây, nó lại diễn ra giữa chốn ngục tù, trong căn buồng gian chật hẹp, ẩm ướt, hôi hám (tường đầy... phân gián). b. Thời gian- cách thức cho chữ: thường diễn ra công khai, tự do, đường hoàng giữa “thanh thiên bạch nhật”, còn ở đây nó lại diễn ra bí mật, vào lúc đêm khuya khi “trại giam tỉnh Sơn... vọng canh”. c. Nhân vật * Tư thế, vị thế của người cho chữ, người nhận chữ - Tư thế: + Người cho chữ: người nghệ sĩ tài hoa HC, không phải là một người tự do mà là một kẻ tử tù “cổ đeo gông, chân vướng

Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày cá nhân khi được GV đặt câu hỏi Các HS khác trong lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	xiềng, dậm tô từng nét chữ” và chỉ sáng sớm tinh mơ ngày mai là đã bị giải vào kinh chịu án tử hình nhưng lại uy nghi, đường bệ, say mê tô từng nét chữ. + Người xin chữ - thầy thơ lại và viên quản ngục: là những người những kẻ hoàn toàn tự do và là những kẻ có quyền hành thì kẻ “khúm núm”, người “run run”→ Tư thế: xo ro, sợ sệt. - Vị thế: + Kẻ có quyền hành thì không có uy quyền, uy quyền thuộc về HC, kẻ bị tước mọi thứ quyền. + Kẻ nắm quyền sinh quyền sát thì khúm núm, sợ sệt, người tử tù thì đường bệ, hiên ngang. + Kẻ có chức năng giáo dục tội phạm thì giờ đây đang được tội phạm giáo dục, còn mình thì thành kính lĩnh nhận từng lời như nhận những lời di huấn thiêng liêng về nhân cách, về lẽ sống của một bậc hiền minh cao cả. → Vị thế: đảo lộn hoàn toàn. Điều đó đã nói lên rằng giữa nơi ngục tù tối tăm không phải là nơi cái ác, cái tàn bạo, xấu xa đang thống trị mà cái đẹp, cái thiện, cái dũng, cái tài hoa đang làm chủ. * Lời nói, hành động của các nhân vật. Huân Cao. - Lời khuyên: “Ta khuyên... lương thiện đi” Huân Cao khuyên quản ngục từ bỏ chốn ngục tù nhơ bẩn, tìm về chốn thanh tao để có thể tiếp tục sử nguyện cao quý và giữ thiên lương cho vững lành.→Lời khuyên là lời di huấn thiêng liêng của người tử tù. - Quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Tuân: cái đẹp có thể ra đời ở mọi nơi nhưng cái đẹp không thể chung sống với cái xấu xa, cái ác bởi bản chất của cái đẹp là cái thiện. Cái đẹp của văn chương nghệ thuật không thể tách rời cái đẹp của tình người. Vì vậy, muốn chơi chữ trước hết cần phải giữ lấy thiên lương. Quản ngục - Hành động bái lạy trong lời nói nghẹn ngào của ngục quan trước lời di huấn của người tử tù: “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”. →Sức cảm hoá mạnh mẽ của cái thiện, cái đẹp đối với con người. Bằng con đường của trái tim, sức mạnh ấy càng được nhân lên gấp bội. →Tóm lại: Cảnh cho chữ - Thể hiện sâu sắc chủ đề tác phẩm: + Khẳng định sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái đẹp đối với cái xấu xa, nhơ bẩn, của cái thiện đối với cái ác,... + Khẳng định sự bất tử của cái đẹp: cái đẹp có thể bị cầm tù, bức hại nhưng nó không thể bị huỷ diệt. (Việc HC cho chữ là sự bàn giao lại cái đẹp để cái đẹp trở thành bất tử. Ngày mai, HC vào kinh thụ án nhưng di bút và di ngôn của ông để lại cho hậu thế đủ để ông đi vào cõi trường tồn). - Phát huy triệt để sức mạnh của thủ pháp nghệ thuật đối lập tương phản, của bút pháp lãng mạn, sử dụng với tần số cao các từ HV, huy động kiến thức ở nhiều lĩnh vực như hội hoạ,

	điện ảnh, lịch sử,... cùng ngôn ngữ miêu tả giàu chất tại hình, HC không chỉ làm nổi bật hình tượng HC và VQN mà còn thể hiện tài năng bậc thầy của mình trong việc “phục chế” không khí cổ xưa, hoàn thành tâm nguyện lưu giữ vẻ đẹp “vang bóng một thời” cho muôn đời. - Nghệ thuật: + Đối lập, tương phản Cái chật hẹp, âm thấp, hôi hám, tối tăm của nhà tù và đêm khuya Ánh sáng rực rỡ của bó đuốc tẩm dầu, của vuông lụa trắng tinh, của mùi thơm từ chậu mực. → Sự đối lập tương phản giữa ánh sáng và bóng tối; cái thiện và cái ác; cái cao cả và cái thấp hèn; cái đẹp và sự tầm thường, đề tiện... + nhịp điệu chậm rãi, câu văn giàu hình ảnh → Cảnh cho chữ giống như một đoạn phim quay chậm, từng hình ảnh, động tác hiện dần lên dưới ngòi bút “đậm chất điện ảnh” của nhà văn: trên cái nền đen kịt của trại giam là vầng sáng đỏ rực của bó đuốc tẩm dầu. Dưới vầng sáng trang trọng và rực rỡ đó, ba con người đang chụm đầu vào nhau quanh một tấm lụa còn nguyên vẹn lần hồ. Vuông lụa trắng là điểm sáng nhất của vầng sáng ấy. Trên đó, từng nét chữ đang tượng hình, từng con chữ đang ra đời → Cái đẹp được khai sinh ngay giữa nhà tù, giữa chốn hôi hám, nhơ bẩn, giữa nơi bóng tối và cái ác đang ngự trị.

Nhiệm vụ 6: Tổng kết

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên nêu câu hỏi về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày cá nhân khi được GV đặt câu hỏi Các HS khác trong lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	III. Tổng kết 1. Nội dung. Chữ người tử tù khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng, cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn. 2. Nghệ thuật. - Tạo dựng tình huống truyện độc đáo, đặc sắc (cuộc gặp gỡ và mối quan hệ éo le, trở trêu giữa viên quản ngục và Huân Cao). - Sử dụng thành công thủ pháp đối lập, tương phản. - Xây dựng thành công nhân vật Huân Cao, con người hội tụ nhiều vẻ đẹp. - Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cô kính, vừa hiện đại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về một yếu tố nghệ thuật đặc sắc làm nên sức hấp dẫn của truyện

b. Nội dung thực hiện

HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Bài làm mẫu Thành công nhất của Chữ người tử tù đó tình huống truyện gây cản, hấp dẫn, bất ngờ. Nguyễn Tuân đã xây

Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	dựng được một tình huống truyện độc đáo: cuộc gặp gỡ éo le, kì lạ giữa hai nhân vật Huân Cao với viên quản ngục. Diễn biến cuộc cho chữ được Nguyễn Tuân miêu tả hết sức tỉ mỉ. Thái độ lúc đầu của Huân Cao: Tỏ ra coi thường, khinh bạc ngay cả khi nhận được sự chăm sóc lặng lẽ, chu tất của viên quản ngục. Sự thay đổi thái độ của Huân Cao: Khi hiểu ra tấm lòng chân thành và sơ thích cao quý của viên quản ngục, Huân Cao hết lực trân trọng và đồng ý “cho chữ”. Về không gian: chốn ngục thất mà Huân Cao là tử tù còn viên quản ngục là người có uy quyền trông coi ngục thất. Cảnh cho chữ trong nhà ngục diễn ra như “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”. Không gian và thời gian rất đặc biệt; vị thế của các nhân vật bị đảo ngược. Tình huống đảo ngược ấy làm bộc lộ tính cách nhân vật, thay đổi quan hệ, thái độ, hành vi khác thường của các nhân vật, làm tỏa sáng vẻ đẹp của cái Tài, cái Dũng, cái Thiên lương. Tình huống truyện góp phần khắc họa tính cách nhân vật ; tăng kịch tính và sức hấp dẫn của tác phẩm. Về thời gian đó là đêm cuối cùng trước khi Huân Cao bị chịu án chém. Đó là một cuộc gặp gỡ éo le giữa một tử tù ngang tang, khí phách và có nhân cách cao đẹp lại viết chữ nho rất đẹp với một người coi tù thích chữ đẹp, đặc biệt là chữ của tử tù Huân Cao. Trên bình diện xã hội họ gặp nhau trong cảnh ngộ và vị thế đối kháng: Huân Cao cầm đầu khởi nghĩa chống lại triều đình, bị coi là giặc, bị khép tội đại nghịch và chờ án chém; còn viên quản ngục đang phụng mệnh triều đình, là kẻ đại diện cho bộ máy cai trị của chế độ đó. Nhưng điều kì diệu là 2 kẻ tương đối nghịch ấy đã trở thành tri âm, tri kỉ. Sử dụng triệt để thủ pháp tương phản đối lập, cách khắc họa nhân vật theo bút pháp lãng mạn, làm nổi bật gay gắt giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện và cái ác, lí tưởng và hiện thực. Cảnh cho chữ là cảnh chói sáng nhất trong tác phẩm. Nó vừa thiêng liêng vừa tràn ngập ánh hào quang của cái đẹp. Cái đẹp tỏa ra từ phẩm chất, khí phách, nhân cách của các nhân vật đặc biệt toát ra từ vẻ đẹp, cái hay của chữ người tử tù Huân Cao đã tạo thành chất thơ huyền diệu của tác phẩm.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ về tấm lòng biêt nhơn liên tài, trân trọng cái đẹp,

b. Nội dung thực hiện: HS mở cuộc hội thảo “Làm thế nào để giữ gìn văn hóa truyền thống trong thời kì hội nhập và mở cửa?”

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Gợi ý một số cách để giữ gìn văn hóa truyền thống • Cần phải có sự vào cuộc của chính quyền từ trung ương đến địa phương. Nhà nước cần đầu tư trùng tu lại những sản phẩm văn hóa thuộc về vật chất cũng như bảo vệ những sản phẩm văn hóa thuộc về tinh thần...

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

- Việc giữ gìn bản sắc văn hóa cũng đến từ những hành động vô cùng nhỏ bé: Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mặc áo dài trong những ngày lễ lớn của đất nước...

5. HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Tìm hiểu thêm một số kiến thức có liên quan đến bài học: Tìm hiểu thêm về nghệ thuật thư pháp và sưu tầm những bức thư pháp cổ hiện nay còn được lưu giữ.
- Tìm đọc những tác phẩm khác trong *Vang bóng một thời* và những tài liệu liên quan trên Internet.
- Học sinh về nhà tìm hiểu.

PHỤ LỤC

Phiếu hoạt động nhóm 1		Phiếu hoạt động nhóm 2	
 <i>Huân Cao là một nghệ sĩ tài hoa tuyệt đích</i>		 <i>Huân Cao là người có khí phách anh hùng</i>	
Tài năng của Huân Cao: 	Tìm chi tiết thể hiện tài năng của Huân Cao - Qua lời nói của viên quản ngục khi trò chuyện với thầy thơ lại: - Qua suy nghĩ, cảm xúc của viên quản ngục về "chữ ông Huân Cao": - Qua sở nguyện của viên quản ngục: 	Huân Cao Chi tiết Nhận xét	Hành động
		Thái độ 	Lời nói
Cả ngợi tài chữ viết của Huân Cao, Nguyễn Tuân kín đáo muốn gửi gắm điều gì? 		Xây dựng vẻ đẹp hiên ngang, khí phách của Huân Cao, Nguyễn Tuân muốn gửi gắm điều gì? 	

Phiếu hoạt động nhóm 3



Huân Cao là người có nhân cách cao đẹp

Huân Cao	Chi tiết	Nhận xét
Thái độ, cách ứng xử đối với nghệ thuật?		
Thái độ, cách ứng xử đối với con người?		

Qua vẽ đẹp về nhân cách của Huân Cao, Nguyễn Tuấn muốn gửi gắm quan niệm thẩm mĩ như thế nào?

Phiếu hoạt động nhóm 4



Điểm giống nhau về vẽ đẹp nhân cách của hai nhân vật Huân Cao và Ngô Tử Văn

Nêu và nhận xét về những điểm chung giữa hai nhân vật Tử Văn (Chuyện chức Phán Sự đến Tân Viên, Nguyễn Dữ) và Huân Cao (Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân)

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 8 SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS biết cách giải nghĩa từ Hán Việt, tránh được lỗi dùng từ sai nghĩa.
- HS nhận biết được hiệu quả sử dụng từ Hán Việt.

2. Năng lực

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và vận dụng từ Hán Việt trong tạo lập văn bản và trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Trân trọng, yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy chiếu, bảng, máy tính.

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.
- HS: sách giáo khoa, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”.

c. Sản phẩm: Hình vẽ trên màn hình máy chiếu.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV mời HS tham gia trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”. Tìm các từ Hán Việt ứng với mỗi bức tranh. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS hướng lên màn hình, suy nghĩ độc lập. B3: Báo cáo thảo luận	Tranh 1: Tứ bình Tranh 2: Thiên hạ Tranh 3: Hàn sĩ Tranh 4: Mẫu tử Tranh 5: Sinh nhật

HS giờ tay trả lời. B4: Kết luận, nhận định Dẫn vào bài: Các từ ngữ trên mà chúng ta vừa tìm được có một đặc điểm chung: đều là từ Hán Việt. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta ôn tập củng cố kiến thức về từ Hán Việt để sử dụng thành thạo hơn trong cuộc sống.	

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Kiến thức cần nhớ về từ Hán Việt

a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố, ghi nhớ một số nội dung kiến thức về từ Hán Việt để vận dụng giải quyết các bài tập.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS củng cố kiến thức qua kỹ thuật tia chớp.

c. Sản phẩm: Hệ thống hóa kiến thức trên máy chiếu.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu khoảng 5-10 HS đứng dậy. Mỗi HS sẽ trả lời những câu hỏi nhỏ của GV dưới hình thức nhanh, ngắn gọn nhất như những tia chớp. Sau 5 giây, HS không phản hồi, nghĩa là chưa nắm vững kiến thức cũ, GV chuyển câu hỏi cho bạn bên cạnh. Từ đó, GV có căn cứ đánh giá, kiểm tra HS. - Thế nào là từ Hán Việt? - Lấy 3 VD về từ Hán Việt. - Lấy 1 từ ghép Hán Việt đẳng lập và 1 từ ghép Hán Việt chính phụ. - Lấy 2 trường hợp từ Hán Việt đồng âm. - Giải nghĩa các từ HV đồng âm vừa lấy. - Tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt. - lạm dụng từ Hán Việt sẽ dẫn đến tình trạng gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS trả lời ngắn gọn. B3: Báo cáo thảo luận HS đứng tại chỗ trả lời sau 5 giây. B4: Kết luận, nhận định	I. Kiến thức cần nhớ 1. Đơn vị cấu tạo từ Hán Việt - Trong tiếng Việt có một khối lượng khá lớn từ Hán Việt (Từ mượn gốc Hán). Tiếng đề cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt. - Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để cấu tạo từ ghép. Một số trường hợp (hoa, quả, bút, bảng,...) có lúc có thể dùng độc lập như một từ. - Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau. 2. Từ ghép Hán Việt: 2 loại - Từ ghép Hán Việt đẳng lập - Từ ghép Hán Việt chính phụ 3. Tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt - Tạo sắc thái tôn kính, tôn trọng - Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục ghê sợ - Tạo sắc thái cổ, phù hợp với không khí xã hội xưa. * Lưu ý: Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

Nội dung 2: Vận dụng kiến thức để giải quyết bài tập

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng sử dụng từ Hán Việt trong việc đọc văn bản và tạo lập văn bản; vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và nhận diện từ Hán Việt trong sử dụng.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS giải bài tập qua hình thức các trò chơi.

c. Sản phẩm: Phần đáp án tương ứng với mỗi câu hỏi ở các trò chơi.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV mời HS tham gia trò chơi “Tôi yêu tiếng Việt” qua các vòng. B2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Bài tập Bài 1. Giải thích nghĩa của các từ Hán Việt được in đậm trong câu văn dưới đây: -Tiên triều: Tiên: Trước; Triều: Trầu vua, triều đại

HS tham gia bằng hình thức xung phong, thư kí là một HS ghi kết quả.

B3: Báo cáo thảo luận

HS phản hồi câu trả lời.

B4: Kết luận, nhận định

GV chốt, đồng thời có thể vấn đáp HS làm rõ thêm đáp án hoặc mở rộng kiến thức (nếu có).

-> Đòi trước.

- **Hàn sĩ:** Hàn: Bần hàn, nghèo khó; Sĩ: kẻ sĩ, người có học

-> Người học trò nghèo, trí thức nghèo thời phong kiến.

- **Khoan dung:** Khoan: Rộng rãi, độ lượng, thoải mái; Dung: Bao hàm, chứa đựng

-> Lòng rộng rãi, bao bọc người, độ lượng, tha thứ cho người mắc lỗi lầm.

- **Hiếu sinh:** Hiếu (Hảo): Tốt; Sinh: sự sống

-> Tôn trọng sự sống, không sát sinh

- **Nghĩa khí:** Nghĩa: Sự tình đúng với lẽ phải, hợp đạo lí; Khí: tinh thần, thói

-> Chí khí, khí chất của người hào hiệp, trọng lẽ phải.

- **Hoài bão tung hoành:** Hoài bão: ôm ấp, ấp ủ; Tung hoành: dọc – ngang

-> Khát vọng ý chí ấp ủ những điều tốt đẹp, vùng vẫy ngang dọc, khắp chốn của người anh hùng.

Bài 2:

a. Tìm 5 từ Hán Việt trong đoạn văn trên:

- Nhất sinh

- Quyền thế

- Tứ bình

- Trung đường

- Biệt nhỡn liên tài

- Thiên hạ

b. Thử thay thế một từ Hán Việt bằng một từ hoặc cụm từ tương đương. Đối chiếu đoạn văn, câu văn gốc với đoạn văn, câu văn vừa thay thế để rút ra nhận xét.

Từ gốc	Thay thế bằng từ tương đương
- Nhất sinh	->suốt một đời
- Quyền thế	-> địa vị lớn, sức mạnh

- Câu văn thay thế: Ta **suốt một đời** không vì vàng ngọc hay **địa vị lớn, sức mạnh** mà ép mình viết câu đối bao giờ.

- Nhận xét: Mất đi tính trang trọng, diễn đạt dài dòng hơn; không phù hợp với tính hoài cổ, trang trọng của một người nghĩa khí như Huấn Cao cũng như không khí cổ xưa, cổ điển của tác phẩm.

c. Dựa vào ngữ cảnh, nêu ý nghĩa của việc sử dụng từ Hán Việt nêu trên.

Ngữ cảnh: Huấn Cao là một người viết thư pháp rất đẹp, một bậc quân tử, nhà nho chân chính. Việc sử dụng từ Hán Việt trong đoạn văn trên thể hiện rõ được con người của theo nho giáo của Huấn Cao, sử dụng từ ngữ có phần trang trọng, cổ kính.

Bài 3. Hãy tìm 6 từ Hán Việt có một trong những yếu tố tạo nên các từ sau: cương trực, hàn sĩ, hiếu sinh. **Đặt câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.**

	Từ	6 từ Hán Việt	Đặt câu
	Cương trực	Cương nghị Trung trực	- Thầy chủ nhiệm lớp tôi có tính cách rất cương nghị. - Phan Bội Châu là một chí sĩ có lòng yêu nước, trung trực, dũng cảm.
	Hàn sĩ	Hàn vi Sĩ phu	- Thuở hàn vi, các trạng nguyên thời xưa thường phải trải qua cuộc sống khó khăn, nhưng đó cũng là động lực cho thành công sau này. - Các sĩ phu đều một lòng một dạ giúp nhà vua xây dựng đất nước.
	Hiếu sinh	Hiếu thảo Sinh thời	- Con cái cần biết hiếu thảo với cha mẹ. - Sinh thời, Bác Hồ chưa từng nhận mình là một nhà thơ nhưng những vần thơ của Bác xứng đáng là những vần thơ thép, đạt dào cảm xúc.
Bài 4. Hãy chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong các câu sau và sửa lại. a. Việc chăm chỉ đọc sách giúp ta tích lũy được nhiều trí thức bổ ích. - Trí thức -> tri thức (Dùng sai, nhầm lẫn về ngữ âm, dẫn đến sai nghĩa). b. Tại phiên tòa nơi cõi âm, nhân vật Tử Văn đã thể hiện được sự cứng cỏi, ngang tàng của hàn sĩ. - Hàn sĩ (những người trí thức nghèo, không phù hợp với ngữ cảnh chỉ người cứng cỏi, ngang tàng) -> kẻ sĩ. c. Thói quen học tập theo kiểu “nước đến chân mới nhảy” là một yếu điểm của nhiều bạn học sinh - Yếu điểm (điểm quan trọng) -> Điểm yếu (nhược điểm, điểm hạn chế) (Dùng sai nghĩa)			

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** củng cố kiến thức về từ Hán Việt.

b. **Nội dung:** Tìm và giải nghĩa từ Hán Việt

c. **Sản phẩm:** Trình chiếu PP

d. **Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thảo luận bàn đôi. Tìm và giải nghĩa ngắn gọn các từ Hán Việt trong đoạn trích. Trước xe quân tử tam ngôi, “Xin cho tiện thiếp lay rồi sẽ thưa: “Chút tôi liễu yếu đào thơ, Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần. Hà Khê qua đó cũng gần, Xin theo cùng thiếp đèn ơn cho chàng. Gặp đây đương lúc giữa đàng, Của tiền không có, bạc vàng cũng không. Ngẫm câu báo đức thù công, Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.” Vân Tiên nghe nói liền cười: “Làm ơn há dễ trông người trả ơn”. Này đà rõ đặng nguồn cơn, Nào ai tính thiệt so hơn làm gì? Nhớ câu kiến ngãi bất vi, Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”. (Trích <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> – Nguyễn Đình Chiểu) B2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận bàn đôi B3: Báo cáo thảo luận HS báo cáo theo bàn. B4: Kết luận, nhận định	Tìm và giải nghĩa ngắn gọn các từ Hán Việt: -Quân tử: chỉ người nam nhi (những người có tài năng). -Tiện thiếp: Tiếng tự xưng khiêm nhường của người đàn bà thời xưa. -Công: công lao - Kiến: thấy, trông thấy - Bất: không -Vi: làm -Phi: không phải -Hùng: hùng dũng

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tạo lập, sử dụng thành thạo.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (5-7 câu) cảm nhận về phẩm chất của Huân Cao, trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ Hán Việt.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ cho HS. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm bài cá nhân. B3: Báo cáo thảo luận HS đại diện 1-2 em đọc trước lớp. B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, cho điểm.	Đoạn văn của học sinh

5. HOẠT ĐỘNG 5: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- HS học bài, hoàn thiện bài tập.
- Tìm đọc Từ điển Hán Việt.
- Tìm đọc thơ chữ Hán.
- Chuẩn bị bài mới theo yêu cầu của GV.

PHẦN 3: VIẾT

Tiết: 9-10

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ

TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- * Học sinh có thể viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- * Học sinh giới thiệu được ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- * Học sinh tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính)
- * Học sinh phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những ngữ liệu sinh động.
- * Học sinh đánh giá tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- * Học sinh khẳng định được giá trị của tác phẩm

2. Về năng lực:

- * Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập văn bản phân tích, đánh giá

3. Về phẩm chất:

- * Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái bài học mới và gợi dẫn cho học

sinh về nội dung gì để có một bài viết phân tích, cảm thụ

b. **Nội dung:** GV phát vấn: Theo em, cần chuẩn bị tốt?

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án Tìm hiểu kĩ tác phẩm Vận dụng năng lực ngôn ngữ Lập dàn ý, tìm ý

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN VIẾT

Nhiệm vụ 1: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. **Mục tiêu:**

- * Học sinh có thể viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- * Học sinh giới thiệu được ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- * Học sinh tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính)
- * Học sinh phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những ngữ liệu sinh động.

b. **Nội dung**

- * Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết

c. **Sản phẩm**

- * Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài
- * Học sinh đánh giá tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

* Học sinh khẳng định được giá trị của tác phẩm

d. Nội dung thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi • GV yêu cầu HS đọc thật kĩ các bước, thao tác được diễn giải trong SGK • HS thực hành viết Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	• Hướng dẫn trả lời câu hỏi trong bài tham khảo 1. Vấn đề chính được văn bản bàn luận Vấn đề chính được bàn luận là nội dung – nghệ thuật đặc sắc và ý nghĩa của tác phẩm “Quà Giáng sinh” 2. Bài nghị luận trên giúp người đọc có được hiểu biết gì về truyện ngắn Quà Giáng sinh Bài nghị luận giúp chúng ta hiểu được thêm về: Nội dung truyện ngắn, thông tin tác giả, tác phẩm, cốt truyện, nhân vật, tình huống, đoạn kết, tác dụng ngôi kể, chủ đề truyện, trải nghiệm của người đọc và giá trị của tác phẩm. 3. Tác giả bài viết đã triển khai các luận điểm theo trình tự nào? Tác giả triển khai các luận điểm theo trình tự không gian, kết cấu của tác phẩm, từng phần từng nội dung được bàn luận, phân tích và đánh giá một cách chi tiết. • Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài Thực hiện các bước - B1. Chuẩn bị viết - B2. Tìm ý, lập dàn ý - B3. Viết bài - B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện • Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)

Nhiệm vụ 2: Thực hành viết:

a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để phân tích, đánh giá về tác phẩm.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubic.

c. Sản phẩm: bài viết theo rubru.

d. Nội dung thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
* Chuẩn bị viết Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong tác phẩm.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá.

d. Nội dung thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Dàn ý tham khảo

Viết văn bản nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật) - Chuyện chức phán sự đền Tản Viên

I. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề cần phân tích

II. Thân bài

1. Kết cấu kịch tính, lời cuốn.

- Kết cấu giàu kịch tính với 4 phần rõ rệt, mỗi phần mang một nội dung riêng và có liên hệ mật thiết với nhau:

Phần mở đầu: Ở phần này, tác giả giới thiệu trực tiếp tính cách nhân vật từ đó hướng người đọc vào hành động của nhân vật.

Phần thắt nút: Hành động đốt đền tà của Tử Văn

Phát triển: Tử Văn lên cơn sốt, gặp tên tướng giặc và thổ thần, bị bắt xuống âm phủ trị tội **Cao trào:** Diêm Vương chấp nhận yêu cầu đổi chất của Tử Văn

Mở nút: Tên tướng giặc bị trị tội, Tử Văn trở thành quan phán sự

- Kết cấu lời cuốn lôi:

- Tử Văn dám làm chuyện mà ai cũng phải lắc đầu là đốt đền tà, người đọc hồi hộp chờ đợi xem diễn biến tiếp theo.

- Tử Văn nằm mộng gặp hồn ma tên tướng giặc đến hăm dọa bắt dừng lại đền không sẽ bị giết nhưng Tử Văn vẫn thản nhiên, ung dung coi như không có gì. Người đọc hồi hộp chờ xem những hành động tiếp theo của hồn ma tên tướng giặc và Ngô Tử Văn.

- Tử Văn nằm mộng gặp thổ công, được thổ công chỉ rõ lai lịch và tội ác của tên Bách hộ họ Thôi và được mách nước đối phó với hắn. Diễn biến này của câu chuyện khiến người đọc hình dung ra toàn bộ sự việc và càng mong chờ tình tiết tiếp theo

- Cuộc đấu tranh dưới Minh ti vô cùng gay gắt với hai chặng rõ rệt: Ban đầu Tử Văn yếu thế trước sự giả dối, trắng trợn của tên bách hộ họ Thôi nhưng sau đó tình thế đảo ngược, sau một hồi tranh cãi Diêm Vương bắt đầu nghiêng ngả, tên tướng giặc bộc lộ bản chất hèn kém, Tử Văn tự tin và giành thắng lợi. → Kết cấu truyện vô cùng lôi cuốn khiến người đọc không thể rời khỏi những tình tiết của câu chuyện.

2. Sử dụng các yếu tố thần kì

a. Các nhân vật kì ảo

- Hồn ma tên tướng giặc:

- Là tên tướng bại trận của Bắc triều, hồn ma vợ ở Nam quốc

- Cướp đèn thổ công, những nhiều dân lành, chuyên làm trò thảm ngược
- Bưng bít thương để, dứt lốt tham quan.
- Khi bị Tử Văn đốt đèn, hấn trơ tráo đến dọa nạt bắt phải dựng lại ngôi đền.
- Dưới mình ti hấn tỏ vẻ nhún nhường, đáng thương, bịa đặt, xảo trá, gian dối nhằm buộc tội Tử Văn
- Tham sống sợ chết, giả nhân giả nghĩa - Thổ công:
- Áo vải mũ đen, dáng vẻ nhàn nhã.
- Có lai lịch hiển hách: Thể hiện qua lời Diêm Vương “người cư sĩ, trung thuần lắm liệt, có công với tiên triều...”.

- Hiền lành, nhún nhường và là nạn nhân của hồn ma tên tướng giặc.
- Dẫn đường chỉ lối để Tử Văn thắng kiện dưới Minh ti. - Diêm Vương:
- Là người đứng đầu Minh Ti có quyền lực tối cao
- Ban đầu bị hồn ma tên bách hộ họ Thôi lừa gạt, mắng Tử Văn
- Sau đó sáng suốt, tỉnh táo, suy xét mọi chuyện và phán xét một cách công bằng

- Các nhân vật quý, Dạ Xoa góp phần đem đến sự rùng rợn, sinh động cho thế giới âm phủ.

- Tử Văn: Được chết đi sống lại, sau đó sống ở cõi tiên. Yếu tố kì ảo song hành cùng hành trình đấu tranh giành được công lí và có được thành quả của Ngô Tử Văn.

→ Các nhân vật kì ảo xuất hiện chủ yếu là người của cõi âm, đem đến sự lôi cuốn, thú vị, sinh động đặc sắc cho tác phẩm.

b. Không gian kì ảo

- Giấc mơ của Ngô Tử Văn: Không gian nối liền cõi âm và cõi trần, nơi Tử Văn gặp gỡ hồn ma tên tướng giặc và viên Thổ công. Đây cũng là không gian để Tử Văn tạm lìa cõi trần đến cõi âm.

- Không gian Minh ti: Được miêu tả cụ thể, chi tiết: Có một con sông, trên sông bắc một cây cầu dài ước hơn nghìn thước, gió tanh sóng xám hơi lạnh thấu xương.

→ Gọi cảm giác rùng rợn, khiếp sợ. Nhưng chính không gian ấy lại làm nổi bật khí phách của Ngô Tử Văn bình tĩnh, can đảm ⇒ Sử dụng các yếu tố kì ảo đan xen các yếu tố hiện thực làm tăng tính huyền ảo, thiêng liêng cho câu chuyện, làm cho câu chuyện trở nên sinh động, lí kì hấp dẫn và đầy kịch tính bên cạnh những hiện thực được phản ánh.

3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Ngô Tử Văn là nhân vật chính của chuyện được xây dựng bằng cách giới thiệu trực tiếp, bằng lời nói và hành động

- Hồn ma tên bách hộ họ Thôi là nhân vật phản diện cũng được xây dựng qua hành động, việc làm và lời nói.

- Xây dựng hai tuyến nhân vật thiện ác đối lập rõ rệt

4. Cách kể chuyện

- Có lời kể của người dẫn chuyện, lời đối thoại của nhân vật và lời bình

- Cách kể chuyện tự nhiên, kịch tính, thu hút người đọc.

- Sử dụng những lời bình cho thấy thái độ, sự đánh giá của tác giả về câu chuyện, góp phần định hướng người đọc.

III. Kết bài:

Khái quát lại những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm Khẳng định những giá trị nghệ thuật này đã góp phần làm nên nội dung đặc sắc cho tác phẩm, từ đó thấy được mối quan hệ mật thiết giữa nội dung và nghệ thuật

Phụ lục 2. Bài viết tham khảo

BÀI LÀM

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên là một trong những truyện xuất sắc nhất trong tập Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ. Sự thành công của tác phẩm không chỉ đến ở nội dung phong phú, hấp dẫn, giá trị nhiều mặt mà còn ở những yếu tố nghệ thuật đặc sắc.

Nét nghệ thuật đầu tiên của truyện chính là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện thực và kì ảo. Để tạo ra tính chân thật cho tác phẩm tác giả đã giới thiệu nhân vật và sự việc cụ thể, ngay cả thời gian và địa điểm cũng đưa ra một cách chính xác: “Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang” “Năm giáp Ngọ, có người ở thành Đông Quan vốn quen biết với Tử Văn, một buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vãi dậm,...”. Những yếu tố hiện thực này sẽ khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, tạo lòng tin nơi người đọc.

Nhưng để tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện, tác giả đã có sự đan xen, kết hợp hết sức hài hòa với những yếu tố kì ảo. Theo bước chân của nhân vật chính Ngô Tử Văn người đọc được gặp hồn ma của tên Bách hộ họ Thôi để thấy được sự xảo trá của hắn, đe dọa hòng làm Ngô Tử Văn lung lay ý chí. Không chỉ vậy, người đọc còn được xuống cõi âm ti âm u, tăm tối, cây cầu dài hơn nghìn thước được bắc qua một con sông lớn mà “gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương”. Cả một thế giới ma quỷ mà ta thường chỉ biết đến qua tưởng tượng hiện ra trước mắt người đọc: “mấy vạn quỷ Dạ Xoa đều mắt xanh, tóc đỏ, hình dáng nanh ác”; cung điện của Diêm Vương thăm thẳm với những bóng quỷ, hồn ma. Thế giới huyền ảo được miêu tả hết sức chi tiết, sinh động, làm ai nấy đọc cũng không khỏi rùng mình, sợ hãi. Hai yếu tố hiện thực và kì ảo đan cài với nhau trong đó yếu tố kì ảo là nghệ thuật giúp cho câu chuyện thêm phần sinh động, hấp dẫn. Đồng thời cũng phản ánh đúng tinh thần chung của Nguyễn Dữ trong cuốn Truyền kì mạn lục là lấy cái “gi” để nói cái “thực”. Kết cấu của truyện cũng là một nét đặc sắc không thể không nhắc đến. Truyện có kết cấu li kì, nhiều chi tiết vô cùng hấp dẫn. Kết cấu tác phẩm như một màn xung đột kịch, có mở đầu, có thắt nút, cao trào và có kết thúc. Lóp lang các phần gắn bó với nhau hết sức chặt chẽ, đỉnh điểm là sự kiện khi Diêm Vương phán xét tội lỗi của Tử Văn khi chỉ nghe câu chuyện từ một phía, nhưng ngay sau đó, tình thế căng thẳng đã được giải quyết, Tử Văn trình bày sự việc và được Diêm Vương cử người đi điều tra. Tên Bách hộ họ Thôi gian dối đã bị vạch trần bộ mặt gian xảo, độc ác và bị trừng trị thích đáng. Còn về phần Tử Văn cũng nhận được phần thưởng xứng đáng cho tính cách bộc trực, thẳng thắn ghét tà gian của mình. Kết thúc theo lối có hậu là kết thúc phổ biến trong truyện truyền thống. Tính cách các nhân vật cũng được chú trọng xây dựng, họ có tính cách vô cùng sinh động, mỗi nhân vật thường đại diện cho một kiểu người trong xã hội. Tử Văn mang trong mình những phẩm chất đẹp đẽ của một bậc quân tử: cương trực, thẳng thắn, không chấp nhận sự phi nghĩa hoành hành, dám làm dám chịu. Tính cách của Ngô Tử Văn tiêu biểu cho kiểu nhân vật chính nghĩa, hội tụ đầy đủ những vẻ đẹp của con người. Để làm nổi bật tính cách của nhân vật, Nguyễn Dữ đã lựa chọn tình huống hết sức tiêu biểu: Tử Văn đốt đền tên Bách hộ họ Thôi vì hắn những nhiễu trong nhân gian, làm cuộc sống người dân cực khổ. Hành động này đối với những người khác là vô cùng liều lĩnh bởi vậy ai cũng lắc đầu sợ hãi, riêng Tử Văn “vẫn vung tay không cần gì cả” điều đó cho thấy thái độ dứt khoát và quả cảm của Ngô Tử Văn. Hành động của Tử Văn không phải là một sự liều lĩnh, bột phát mà đã có sự chuẩn bị từ trước, trước khi đốt đền Tử Văn đã “tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền”, Tử Văn ý thức được hành động của mình là chính nghĩa nên chàng không hề sợ hãi. Khi gặp tên tướng giặc, bị hồn ma hắn thị uy, dọa nạt, Tử Văn “vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng, tự nhiên” không nao núng tinh thần. Đứng trước Diêm Vương, bị Diêm Vương quát mắng, Tử Văn vẫn vô cùng bản lĩnh, tự tin trình bày vấn đề “lời rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào”. Toàn bộ ngôn ngữ, hành động thống nhất với nhau chặt chẽ để minh chứng cho nhận định ban đầu của Nguyễn Dữ khi giới thiệu về nhân vật: “Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực”. Ngoài ra, để tạo sức hấp dẫn cho tác phẩm còn phải kể đến ngôn ngữ nhân vật. Mặc dù ngôn ngữ trong tác phẩm không được xây dựng quá nhiều nhưng nó cũng đã phần nào giúp khắc họa tính cách nhân vật. Ví dụ như nhân vật Ngô Tử Văn cương trực thẳng thắn thì ngôn ngữ sẽ: “Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng”. Ngô Tử Văn nói ngay sau khi bị bọn quỷ Dạ Xoa đến bắt đi, không gian vô cùng lạnh lẽo, sợ hãi, nếu là người bình thường có lẽ đã không đủ can đảm để nói bất cứ điều gì. Riêng Tử Văn vẫn bình tĩnh kêu oan, lời nói đó cho thấy sự bình tĩnh và tinh thần quyết đấu tranh cho lẽ phải của Tử Văn.

Các yếu tố nghệ thuật trên đã được Nguyễn Dữ kết hợp một cách hài hòa, nhuần nhuyễn làm nổi bật giá trị nội dung của tác phẩm. Qua đây ta cũng có thể thấy được tài năng bậc thầy của Nguyễn Dữ trong nghệ thuật dựng truyện nói chung.

Phụ lục 3. Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm	2 điểm	3 điểm
	Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết

	bài Sai phương thức thuyết minh	minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm	5 – 6 điểm	7 điểm
	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 11

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nêu được tên truyện, tác giả và khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Học sinh trình bày về các nhận định, đánh giá về các tác phẩm truyện một cách thuyết phục, rõ ràng, phối hợp vào các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật các nội dung thuyết trình.

2. Về năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ triwcs vấn đề được cung cấp.
- Năng lực thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về tác phẩm.

3. Về phẩm chất:

Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Giáo viên:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

- 2. Học sinh:** Đọc trước các nội dung được hướng dẫn trong SGK
Chuẩn bị trước các nhiệm vụ được giao.

Tìm hiểu về một tác phẩm truyện mà anh/chị đã được học/đọc		
Nhóm	Phạm vi	Yêu cầu
1	Tìm đọc tác phẩm truyện dân gian	Các nhóm HS lựa chọn tác phẩm đọc và phân chia nhiệm vụ: +Người lập hồ sơ nhân vật +Người tóm tắt +Người liên hệ + Người suy nghĩ về hình ảnh, chi tiết
2	Tìm đọc tác phẩm truyện trung đại	
3	Tìm đọc tác phẩm truyện hiện đại	
4	Xây dựng kịch bản tổ chức nói và nghe Tiến hành điều phối trên lớp	Nộp lại kịch bản, phân công MC, sắp xếp lớp học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- a. Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái học mái và gợi dẫn cho sinh về nội dung
- b. Nội dung:** GV phát vấn: Theo em, cần chuẩn bị những gì để có một bài thuyết trình tốt?
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Nội dung thực hiện:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1 Trước khi nói (Chuẩn bị)

- a. Mục tiêu:** HS chuẩn bị bài nói dựa vào nhiệm vụ đã phân.
- b. Nội dung:** Các thành viên trong nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ gợi ý, hoàn thành sản phẩm trước ở nhà
- c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình, kịch bản của học sinh.
- d. Nội dung thực hiện:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV chia nhóm và phân công nhiệm vụ cho từng nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tiến hành đọc tác phẩm, phân công các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Hs chia sẻ để cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm

Bước 4: Kết luận, nhận định: Sản phẩm cần đạt

Người nói		Người nghe	
<i>Người lập hồ sơ nhân vật</i>	Ghi lại những chi tiết thuộc yếu tố làm nên chân dung nhân vật: ngoại hình, lời nói, suy nghĩ...	<i>Người nhận xét hồ sơ nhân vật</i>	Nhận xét về các chi tiết mà người nói tìm được
<i>Người tóm tắt</i>	Ghi lại nội dung văn bản bằng các chi tiết sự kiện tiêu biểu	<i>Người nhận xét tóm tắt</i>	Nghe và đưa ra nhận xét về chi tiết, sự kiện được nêu.
<i>Người suy nghĩ về hình ảnh</i>	Vẽ những bức tranh hình dung khi đọc văn bản và lí giải.	<i>Người nhận xét suy nghĩ về hình ảnh</i>	Nêu cảm nhận về hình ảnh
<i>Người liên hệ</i>	Ghi lại liên hệ với đời sống hoặc văn bản khác	<i>Người nhận xét liên hệ</i>	Đánh giá về tính thuyết phục của các nội dung được liên hệ.

2.2 Trong khi nói (Trình bày bài nói - nghe)

- a. Mục tiêu:** HS củng cố năng lực nói – nghe
- Người nghe trình bày các ý theo đề cương đã chuẩn bị sẵn, chú ý ngôn ngữ, giọng điệu, cử chỉ.
 - Người nghe tôn trọng, lắng nghe tích cực những ý kiến của người nói.
- b. Nội dung:** Các thành viên trong nhóm sẽ trình bày sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà.
- c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình, kịch bản của học sinh.
- d. Nội dung thực hiện:**

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Gv yêu cầu nhóm chuẩn bị kịch bản điều hành buổi trình bày nói- nghe.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: MC mời lần lượt các nhóm lên trình bày. Những nhóm còn lại lắng nghe theo dõi. Hs thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: MC mời lần lượt nhóm nghe phản hồi về bài thuyết trình của người nhóm nói. Nhóm nói có sự trao đổi lại với người nghe.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Người nói cần chú ý:

- Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết, giúp người nghe dễ theo dõi
- Sử dụng ngữ điệu, giọng điệu phù hợp
- Kết hợp ngôn ngữ hình thể với các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh...

Người nghe cần chú ý:

- Tôn trọng quan điểm của người nói
- Tinh thần cởi mở, góp ý tích cực.
- Có thể đưa ra các câu hỏi trao đổi, phản biện với các vấn đề người nói trình bày.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, Củng cố

Sau khi nói (Trao đổi, đánh giá bài nói)

a.Mục tiêu: Người nói và người nghe đối thoại trên tinh thần cởi mở. Thực hiện đánh giá, tự đánh giá theo các tiêu chí.

b.Nội dung

c.Sản phẩm: Đánh giá bài thuyết trình.

d.Nội dung thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Nhóm điều phối sẽ tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các suy nghĩ để đưa ra ý kiến, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.: Các nhóm góp ý kiến, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Sử dụng phiếu đánh giá

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một tác phẩm mới.

b. Nội dung: Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: HS thực hiện được bài thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

d. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV đưa ra tác phẩm (hoặc HS chọn tác phẩm mình muốn đọc).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm đọc ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Thực hiện trên lớp vào giờ sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định. Rút kinh nghiệm về kỹ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm truyện.

Hoạt động 5: Thực hành đọc (HS tự thực hiện ở nhà theo hướng dẫn SGK)

a. Mục tiêu

- HS nắm được một số thông tin về tác giả, không gian và thời gian cùng các sự kiện chính của câu chuyện, nhân vật người anh hùng Tê-đê qua các sự kiện, quan niệm về người anh hùng của người Hy Lạp cổ đại, các yếu tố nghệ thuật làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện người anh hùng Tê-đê.

- HS rèn luyện năng lực phát hiện vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực cảm thụ văn bản văn học.

b. Tổ chức thực hiện

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Anh/ chị hãy xác định không gian, thời gian và các sự kiện chính trong đoạn trích	1. Không gian, thời gian và các sự kiện chính - Không gian: Thành bang A-ten - Thời gian: Không xác định cụ thể. Chỉ biết chuyện xảy ra ở Hy Lạp cổ đại thời vua Ê-giê - Các sự kiện chính:
B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời.	(1) Tê – đê ra đời và trưởng thành (2) Tê – đê và thử thách đi đường bộ, diệt trừ bọn cướp
B3. Báo cáo thảo luận GV yêu cầu HS nêu câu trả lời	(3) Tê – đê và âm mưu bị chuốc rượu độc, nhận cha
B4. Kết luận nhận định	

GV nhận xét câu trả lời và chuẩn hóa kiến thức. B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Anh/ chị hãy nêu những phẩm chất của người anh hùng Tê-đê? B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời. B3. Báo cáo thảo luận GV yêu cầu HS nêu câu trả lời B4. Kết luận nhận định GV nhận xét câu trả lời và chuẩn hóa kiến thức.	(4) Tê – đê và thử thách đối mặt với quái vật Mi – nô – tơ (5) Tê – đê và câu chuyện trở về cùng nàng A – ri – an (6) Tê – đê lên làm vua và xây dựng đất nước 2. Những phẩm chất của Tê-đê - Tê-đê là chàng trai có sức khỏe phi thường: Ngay từ nhỏ, Tê-đê đã lần được tảng đá lớn – thử thách của cha dành cho chàng. - Tê-đê ưa thích phiêu lưu, dám thách thức khó khăn: Chàng quyết định không đến A-ten bằng thuyền vì cách di chuyển đó “quá an toàn và nhàn nhã”. Chàng xem đó là “sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ”. Lựa chọn đường bộ, chàng sẵn sàng đối mặt với bọn cướp và thực tế đã tiêu diệt sạch bọn chúng. - Tê-đê được nhân dân Hy Lạp yêu mến bởi công lao to lớn. Công lao “quét sạch khỏi đất nước này những mối đau khổ cho khách bộ hành”. Đến cả vị vua tối cao của Hy Lạp cũng phải mở tiệc thiết đãi. - Tê-đê là người dũng cảm, nghĩa khí, cao thượng. Chàng sẵn sàng làm nạn nhân của quái vật Mi-nô-tơ thay cho một người dân xa lạ. Trong cuộc chiến với Mi-nô-tơ chàng đã tiêu diệt quái vật này bằng tay không. - Tê-đê là vị vua sáng suốt. Chàng từ bỏ vương quyền và “muốn lập một chính quyền nhân dân trong đó mọi người đều bình đẳng”. - Tê-đê là vị chỉ huy quân đội tài hoa, hào hiệp, nghiêm khắc. Tê-đê đã chỉ huy quân đội chiến thắng xứ Tê-bơ. Khi chiến thắng, chàng đã tỏ ra hào hiệp khi không trừng phạt người dân xứ Tê-bơ. Chàng cũng tỏ ra nghiêm khắc khi không để cho quân đội vào thành phố để cướp bóc.
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua nhân vật Tê-đê, theo anh/ chị, người Hy Lạp cổ đại quan niệm như thế nào về người anh hùng? B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời. B3. Báo cáo thảo luận GV yêu cầu HS nêu câu trả lời B4. Kết luận nhận định GV nhận xét câu trả lời và chuẩn hóa kiến thức. B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Anh/ chị hãy chỉ biết câu chuyện về Tê-đê có hấp dẫn không? Vì sao? B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân. Suy nghĩ và trả lời.	3. Quan niệm về người anh hùng của người Hy Lạp cổ đại Người Hy Lạp cổ đại có quan niệm độc đáo về người anh hùng: - Người anh hùng có sự hài hòa và phi thường ở cả trí tuệ và thể chất. - Người anh hùng có cảm xúc bình dị gần gũi như một người bình thường - Người anh hùng phải có lòng dũng cảm, dám đương đầu với gian nan thử thách. - Người anh hùng luôn chiến đấu vì cuộc sống tốt đẹp của nhân dân. 4. Các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của thần thoại Tê-đê

B3. Báo cáo thảo luận GV yêu cầu HS nêu câu trả lời B4. Kết luận nhận định GV nhận xét câu trả lời và chuẩn hóa kiến thức.	- Những chiến công li kì, hăm dọa liên tiếp của Tê-đê - Hình tượng người anh hùng được xây dựng với những phẩm chất gần gũi như người bình thường đồng thời đại diện cho ước mơ, khát vọng của cả cộng đồng. - Lí giải về một số địa danh như biển Ê-giê - Các yếu tố kỳ ảo: các vị thần, quái vật. - Ngôn ngữ sinh động, phong phú

Phụ lục

Phiếu học tập số 1:

Lập hồ sơ nhân vật

Họ tên.....Nhóm.....Lớp.....

Tên truyện:.....

Nhiệm vụ của bạn là lập hồ sơ nhân vật bạn yêu thích trong tác phẩm

+ Ngoại hình

+ Lời nói

+ Hành động

+ Suy nghĩ

+ Tính cách

Phiếu học tập số 2:

Tóm tắt

Họ tên.....Nhóm.....Lớp.....

Tên truyện:.....

Nhiệm vụ của bạn là tóm tắt tác phẩm bạn đã đọc, có thể gạch đầu dòng những sự kiện chính, những chi tiết trọng tâm.

-
-
-
-
-

Phiếu học tập số 3:

Suy nghĩ về hình ảnh

Họ tên.....Nhóm.....Lớp.....

Tên truyện:.....

Vẽ ra bức tranh mà bản thân bạn hình dung được khi đọc văn bản và lí giải

Tranh của tôi



Lí giải của tôi

Phiếu học tập số 4:**Liên hệ**

Họ tên.....Nhóm.....Lớp.....

Tên truyện:.....

Ghi lại những liên hệ khi bạn đọc văn bản (có thể là liên hệ với đời sống hoặc liên hệ với tác phẩm khác)

Phiếu học tập số 5: *Đánh giá*

- Tên đề tài.....
- Người trình bày.....
- Người đánh giá.....

Phiếu đánh giá

Stt	Nội dung	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Bài trình bày chọn được tác phẩm phù hợp với yêu cầu về thể loại, có khả năng gợi được hứng thú từ phía người đọc.		
2	Bài có đủ 3 phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận		
3	Thông tin trình bày được triển khai mạch lạc, sáng rõ		
4	Các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ được kết hợp hiệu quả.		
5	Người nói có phong cách được trình bày tự tin, gây ấn tượng.		
6	Người nói sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu và đối thoại với người nghe trên tinh thần tôn trọng quan điểm riêng.		

BÀI 2 – VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA

Thời gian thực hiện: 11 tiết

TIẾT 12. ĐỌC VĂN BẢN CHÙM THƠ HAI-CƯ (HAIKU) NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nhận diện được hình thức thơ hai-cư.
- ❖ Học sinh nhận diện và cảm thụ được giá trị thẩm mỹ của thơ hai-cư Nhật Bản.
- ❖ Học sinh đánh giá được sức hấp dẫn của thơ hai-cư nói riêng, của thơ ca nói chung trên hai phương diện: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc, đa nghĩa.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh biết cách đọc một văn bản thơ (thơ hai-cư Nhật Bản)
- ❖ Học sinh biết viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày về sức hấp dẫn của thơ hai-cư.

3. Về phẩm chất: Học sinh hình thành được thái độ trân trọng, nâng niu, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, sự sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo án, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.
- Các bức tranh ảnh, video clip có liên quan đến phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm.

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG: TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

* Mục tiêu

- HS hiểu được những khái niệm được trình bày trong phần *Tri thức ngũ văn*.
- HS trình bày những hiểu biết của mình về thơ, thơ trữ tình và các đặc trưng nổi bật của thơ qua những ví dụ cụ thể.

* Nội dung thực hiện:

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần *Tri thức ngũ văn* ở nhà: tóm tắt những khái niệm về thơ, thơ trữ tình và những đặc trưng nổi bật của thể loại thơ vào vở soạn bài. Lấy những bài thơ, câu thơ đã biết hoặc đã học để làm rõ cho các khái niệm trên.
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trình bày phần tìm hiểu ở trên lớp.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Đọc nội dung phần <i>Tri thức ngũ văn</i> ở nhà và tóm tắt những thông tin quan trọng vào Vở soạn	- Vở soạn bài của HS - Phần trình bày của HS - Ví dụ minh họa:

bài. Lấy những bài thơ, câu thơ đã biết, đã học đối chiếu với những định nghĩa để làm rõ khái niệm về thể loại thơ, thơ trữ tình và những đặc điểm của thể loại thơ. Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ Bước 3: HS trình bày phần tìm hiểu trong <i>Tri thức ngữ văn</i>. Lấy những bài thơ, câu thơ đã biết, đã học đối chiếu với những định nghĩa được giới thiệu. Bước 4: Giáo viên chốt lại những thông tin quan trọng nhất trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>.	QUA ĐÈO NGANG - Bà Huyện Thanh Quan – <i>Bước tới đèo Ngang bóng xế tà, Cỏ cây chen đá, lá chen hoa. Lom khom dưới núi tiều vài chú, Lác đác bên sông rợ mấy nhà. Nhớ nước, đau lòng con cuộc cuộc, Thương nhà, mỗi miệng cái da da. Dừng chân đứng lại: trời, non, nước, Một mảnh tình riêng, ta với ta.</i> - Nhân vật trữ tình: người lữ khách xa quê - Hình ảnh: thiên nhiên cảnh vật nơi đèo Ngang: bóng xế tà, cỏ cây, đá, lá, hoa.... - Vần thơ: vần chân (tà, hoa, nhà, da, ta) - Nhịp điệu: 4/3, 2/5, 4/1/1/1 - Nhạc điệu: chậm rãi, u buồn - Đối: Lom khom dưới núi tiều vài chú, Lác đác bên sông rợ mấy nhà. - Thi luật: thơ Đường luật (niêm, vần, luật, đối) - Thể thơ: thất ngôn bát cú
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - HS có hứng thú đối với bài học. - HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về thơ và thể thơ đã học vào nội dung bài học. * Nội dung thực hiện: Trả lời câu hỏi: 1. Bài thơ ngắn nhất mà em đã từng đọc là bài nào ? 2. Điều gì khiến em nhớ mãi về bài thơ ấy ?	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Tìm những bài thơ ngắn nhất đã từng đọc hoặc đã từng học và trình bày cảm nhận, ấn tượng về bài thơ ấy. Bước 2: HS tìm những bài thơ ngắn nhất đã từng học hoặc đọc. Bước 3: HS đọc và chia sẻ suy nghĩ, ấn tượng của bản thân về bài thơ đó. Bước 4: Giáo viên nêu nhận xét về phần trình bày của học sinh và dẫn dắt vào bài học.	SẢN PHẨM - Câu trả lời của học sinh: có thể là những bài thơ tứ tuyệt, những câu ca dao hoặc những bài thơ ngắn khác. - VD: <i>Đường vô xứ Nghệ quanh quanh Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.</i> (Ca dao)
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC * Mục tiêu: - HS nhận biết được những đặc trưng nổi bật của thơ hai-cư. - HS trình bày được những hiểu biết về thơ hai-cư và những tác giả thơ hai-cư tiêu biểu. - HS biết cách đọc các văn bản thơ hai-cư. - Học sinh vận dụng tri thức về thơ: + Nhận diện hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ hai – cư và chỉ ra đặc điểm chung của các hình ảnh đấy + Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba – xô với các yếu tố thời gian và không gian + Phân tích được nội dung và nghệ thuật đặc sắc bài thơ của Chi – ô + Nhận xét tương quan giữa hai hình ảnh “con ốc” và “núi Fu – jì”	

+ **Đánh giá** được nội dung ý nghĩa và tính triết lí trong bài thơ của Ba – sô, Chi – ô và Ít – sa

*** Nội dung thực hiện:**

- Học sinh đọc phần giới thiệu về thơ hai-cư và 3 tác giả trong SGK, tóm tắt thông tin vào trong phiếu học tập và trình bày phần tìm hiểu về thơ hai-cư và các tác giả.

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về thơ Hai – cư và nội dung đặc sắc trong chùm thơ Hai – cư Nhật Bản.

- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Tìm hiểu về thơ Hai-cư và các tác giả tiêu biểu Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Đọc nội dung phần giới thiệu về thơ hai-cư và tóm tắt những thông tin quan trọng vào Phiếu học tập số 1. Sau đó đọc và trình bày ngắn gọn những thông tin về 3 nhà thơ Ba-sô, Chi-ô, Ít-sa vào Phiếu học tập số 2. Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: HS trình bày những hiểu biết về thơ hai-cư và 3 nhà thơ. Bước 4: Giáo viên nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt lại những thông tin quan trọng nhất về thể thơ hai-cư.	I. ĐỌC – TÌM HIỂU 1. Khái quát về thơ Hai-cư * Nguồn gốc – vị trí: Hai-cư là một thể thơ truyền thống độc đáo của Nhật Bản (thi quốc), được hình thành từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ XVII có những thành tựu nổi bật. * Hình thức: thơ Hai cư thuộc loại ngắn nhất thế giới (cả bài chỉ 17 âm tiết, ngắt thành 3 đoạn 5-7-5). Nguyên bản tiếng Nhật chỉ có một câu thơ. * Bố cục: + Dòng 1: Giới thiệu chung. + Dòng 2: Tiếp tục ý trên và chuẩn bị cho dòng 3. + Dòng 3: Ý thơ kết lại nhưng không rõ ràng, mở ra những suy ngẫm, cảm xúc cho người đọc ngân nga, lan tỏa. * Đặc điểm: - Nội dung: phản ánh tâm hồn người Nhật – ưa thích hòa nhập với thiên nhiên, nội dung thường hướng đến một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư... của người viết. - Tứ thơ: khơi gợi xúc cảm, suy tư trong một khoảnh khắc hiện tại (phát hiện mang tính chất “bừng ngộ”) về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người. - Nghệ thuật: + Thủ pháp tượng trưng thiên về khơi gợi và suy tưởng. + Thấm đẫm tinh thần Thiền tông (Phật giáo) và tinh thần văn hóa phương Đông. + mang trong mình những cảm thức thẩm mỹ đặc trưng của người Nhật: Vắng lặng, Đơn sơ, U huyền, Mềm mại, Nhẹ nhàng... + Ngôn ngữ: kiệm lời, đa nghĩa, sử dụng “quý ngữ” (từ chỉ mùa). 2. Các tác giả tiêu biểu a. Mát-chư-ô Ba-sô (Matsuo Bashô) - Ông sinh năm 1644 mất năm 1694 là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. - Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai - cư đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản. b. Chi – ô - Chi-ô (1703 – 1775) - Là người đánh dấu sự hiện diện của tác giả nữ trong truyền thống thơ Hai-cư

	- Trước bà, thơ Hai – cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. - Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích. c. Cô-ba-y-a-si Ít-sa - Cô-ba-y-a-si Ít-sa (1763 – 1828) - Là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. - Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ Hai cư do chính ông sáng tác.
2. Đọc hiểu Văn bản 1, 2, 3 2.1 Đọc văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: Đọc thành tiếng văn bản và nêu những ấn tượng, cảm nhận chung về văn bản. Bước 2: HS đọc văn bản, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc Bước 3: HS thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải. Bước 4: Nhận xét về cách đọc văn bản và những cảm nhận của học sinh trong quá trình đọc văn bản.	II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. Đọc văn bản - VB 1: màu sắc xám, tối; không khí ảm đạm, u buồn - VB 2: hoa triêu nhan đẹp mong manh; dây gàu xù xì, xấu xí nhưng cứng cáp - VB 3: + “con ốc”: nhỏ bé, yếu ớt, tầm thường + “núi Phu-gi”: cao lớn, hùng vĩ
2.2 Khám phá văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi số 1 trong SGK. Bước 2: HS làm việc trao đổi theo cặp đôi trao đổi, thảo luận để xác định hình ảnh trung tâm của mỗi văn bản và điểm chung của những hình ảnh ấy. Bước 3: HS trình bày phân trao đổi, thảo luận của mình. Bước 4: Nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt lại những nội dung trọng tâm về hình ảnh trung tâm của mỗi văn bản và điểm chung của các hình ảnh .	2. Khám phá văn bản a. Điểm chung * Hình ảnh trung tâm: - Bài 1: con quạ lặng lẽ trên một cành cây trụi lá trong khi chiều thu dần dần buông xuống -> khung cảnh đơn sơ, tĩnh lặng, trầm lắng - Bài 2: dây hoa triêu nhan vướng vào sợi dây gàu -> sự quăn quýt, nương tựa vào nhau, làm đẹp lẫn nhau - Bài 3: con ốc nhỏ bé, bình thường, chậm rãi, ung dung theo đuổi hành trình leo núi Fuji. -> sự kiên trì, ung dung theo đuổi mục đích của chính mình. * Đặc điểm chung của các hình ảnh: - hình ảnh thường thấy trong thế giới tự nhiên, bình dị, nhỏ bé, thân thuộc - xuất hiện với vẻ thuần khiết, tự nhiên như vốn có, không tô vẽ, thêm thắt. - mời gọi người đọc tự thưởng thức và cảm nhận
2.2 Khám phá văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp làm 3 nhóm tìm hiểu về 3 bài thơ hai-cư trong SGK. - Nhóm 1: Tìm hiểu bài thơ số 1 và trả lời Phiếu học tập số 3. - Nhóm 2: Tìm hiểu bài thơ số 2 và trả lời Phiếu học tập số 4. - Nhóm 3: Tìm hiểu bài thơ số 3 và trả lời Phiếu học tập số 5. Bước 2: Học sinh thảo luận, hoàn thành phiếu học tập và ghi trình bày ra giấy A0. Bước 3: HS cử đại diện trình bày phần thảo luận của nhóm mình trên giấy A0.	b. Điểm riêng * Bài 1: - Hình ảnh trung tâm “cánh quạ”: loài vật nhỏ bé, tầm thường, gợi sự tang tóc - Hình ảnh “cành khô”: tầm thường, nhỏ bé, gợi sự tàn úa - Thời gian “chiều thu”: tàn tạ, u buồn - Không gian: mệnh mông, vắng lặng -> Bức tranh điển hình của mùa thu: đơn sơ, tĩnh lặng, u buồn - Sự “bùng nổ” (tĩnh thức): + sự tương phản giữa “thân hình đen muội nhỏ bé của con quạ” <> “bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm” -> cảm thức về cái nhỏ bé, cô đơn với cái mệnh mông, bao la (wabi) + trạng thái của con quạ: im lìm, tĩnh tại, không vọng động -> cảm thức về sự tĩnh lặng cô tịch, u buồn (sabi)

Bước 4: Nhận xét phần trình bày của học sinh và chốt lại những nội dung trọng tâm về 3 văn bản thơ hai-cư.

+ tâm hồn con người:
/ sự tỉnh thức về ý nghĩa của những khoảng lặng trong đời sống -> chiều sâu, sự bí ẩn của thế giới (**yugen**)
/ cái đẹp của sự cô đơn, u buồn, tàn úa -> nâng niu, trân trọng cuộc sống (**aware**)

*** Bài 2:**

- Hình ảnh trung tâm: dây hoa triều nhan vướng vào sợi dây gàu

+ hoa triều nhan (Asagao): biểu tượng cho cái đẹp của thiên nhiên ban sơ, thuần khiết, mong manh

+ sợi dây gàu: sự vật đời thường xù xì, thô ráp, chỉ dùng để kéo gàu múc nước

- Thời gian: buổi sớm mai mùa thu -> bắt đầu cho một ngày mới

- Không gian: trong lành, tĩnh lặng, thơ mộng

-> Bức tranh giản dị, đời thường

- Mối quan hệ giữa hoa triều nhan và sợi dây gàu:

+ đối lập: đẹp, mong manh, thuần khiết >< tầm thường, thô ráp, cứng cáp

+ tương trợ: hoa và sợi dây gàu quấn quýt nhau, sợi dây gàu trở thành điểm tựa cho hoa và sự góp mặt của hoa làm mờ đi sự xù xì, thô ráp của sợi dây gàu -> nương tựa nhau, bổ sung cho nhau, làm đẹp cho nhau.

- Cách ứng xử của nhân vật trữ tình: “*xin nước nhà bên*”

+ yêu mến, trân trọng và nâng niu cái đẹp, không nỡ hủy hoại cái đẹp

+ nhìn thấy sự sống, nhìn thấy cái đẹp trong đóa triều nhan nhỏ nhoi nhưng bền bỉ.

-> tâm hồn nhạy cảm tinh tế trước cái đẹp, sự sống và một thái độ ứng xử đầy nhân văn.

- Ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên: nâng niu, trân trọng, gìn giữ sự sống và cái đẹp trong tự nhiên dù là nhỏ bé nhất.

*** Bài 3:**

- Hình tượng trung tâm “con ốc nhỏ”: sinh vật nhỏ bé, bình thường, chậm chạp.

- Hình ảnh núi Fuji: to lớn, kì vĩ

- Mối tương quan đối lập giữa hai hình ảnh:

Nhỏ bé >< to lớn; bình thường >< cao cả; chậm chạp >< xa xôi

-> hiện hữu trong đời sống, vừa đối lập vừa đồng nhất tạo thành một chỉnh thể, mỗi sự vật đều có một vai trò và chức năng riêng, đều theo đuổi “hành trình” của riêng mình.

- Ý nghĩa về hành trình “chậm rì” của con ốc:

+ ý chí, tinh thần nghị lực, không được khuất phục khó khăn, thử thách.

+ dám theo đuổi và kiên trì thực hiện mơ ước của riêng mình.

+ ung dung, tự tại theo đuổi hành trình của riêng mình để đạt tới sự tự do trong tinh thần (Phật tính).

- Tâm hồn của nhà thơ:

	+ cảm thương (aware), trân trọng, nâng niu, khâm phục và đồng cảm những tạo vật nhỏ bé, bình thường trong cuộc đời dám đứng cảm theo đuổi hành trình của riêng mình. + tâm hồn thanh tịnh, an nhiên trước cuộc đời (karumi)
	III. TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Sử dụng hình ảnh giàu sức gợi, mang tính ẩn dụ để truyền tải thông điệp sâu sắc, triết lý, đầy nhân văn. - Ngôn từ hàm súc, cô đọng. 2. Nội dung Mỗi bài thơ đều gợi nhiều cảm xúc và liên tưởng về mối quan hệ giữa con người – vạn vật và vũ trụ đồng thời cũng mang đến cho người đọc những bài học giàu giá trị nhân văn sâu sắc trong cuộc sống.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về ba bài thơ Hai cư để thực hành viết kết nối với đọc. b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV với nội dung: Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày về điều em thấy thú vị nhất ở thể thơ Hai cư.	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các bài viết tốt để cả lớp tham khảo.	Bài viết của học sinh
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng những hiểu biết của mình về thể thơ hai-cư của Nhật Bản để tập sáng tác những bài thơ ngắn theo hình thức của thơ hai- cư. b. Nội dung thực hiện: HS tập sáng tác thơ hai-cư	
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ sáng tác thơ theo hình thức của thơ hai-cư. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ trên lớp hoặc ở nhà. Thời gian: 1 tuần Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần sáng tác của mình trong phần Thực hành đọc Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá và cho điểm những bài làm tốt của học sinh .	Bài viết của học sinh

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ THƠ HAI-CU'

* Nguồn gốc – vị trí:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

...
* Hình thức:

.....
.....

* Bố cục:

.....
.....
.....
.....
.....

* Đặc điểm:

- Nội dung:

.....
.....
.....
.....
.....

- Tứ thơ:

.....
.....
.....
.....
.....

- Nghệ thuật:

.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN 1

Trên cành khô

Cánh quạ đậu

Chiều thu.

(Ba-sô – Basho)

- Xác định hình ảnh trung tâm của bài thơ:

- Hình ảnh “cành khô” gợi hình dung về điều gì ?

.....
.....
.....

- Cảnh vật trong bài thơ được miêu tả ở thời điểm nào ? Thời điểm ấy gợi cho em những cảm nhận gì ?

.....
.....
.....

- Không gian trong bài thơ gợi cho em những cảm nhận gì ?

.....

.....

.....

- Nhân vật trữ tình có những suy nghĩ và cảm nhận gì về bức tranh thiên nhiên chiều thu ?

.....

.....

.....

.....

.....

- Em rút ra cho mình những thông điệp gì từ bài thơ trên ?

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN 2

- Xác định hình ảnh trung tâm của bài thơ:

- Những hình ảnh ấy gợi hình dung về điều gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

- Cảnh vật trong bài thơ được miêu tả ở thời điểm nào ? Thời điểm ấy gợi cho em những cảm nhận gì ?

.....

.....

.....

- Không gian trong bài thơ gợi cho em những cảm nhận gì ?

.....

.....

.....

- Chỉ ra và nhận xét về những mối quan hệ giữa hoa triêu nhan và sợi dây gầu ?

.....

.....

.....

.....

.....

- Nhân vật trữ tình đã có cách ứng xử như thế nào khi phát hiện ra mối quan hệ giữa hoa triêu nhan và sợi dây gầu ? Vì sao nhân vật trữ tình lại có cách ứng xử như vậy ? Nhận xét về cách ứng xử trên ?

.....

.....

.....

.....

.....

- Rút ra ý nghĩa triết lí trong cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên qua bài thơ ?

.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN 3

- Xác định hình ảnh trung tâm của bài thơ:
- Chỉ ra mối quan hệ giữa hai hình ảnh con ốc nhỏ và núi Fuji ? Nhận xét về mối quan hệ ấy ?

.....
.....
.....
.....
.....

- Hành trình “chậm rãi” của con ốc gợi cho em những ý nghĩa (bài học) gì về cuộc sống ?

.....
.....
.....
.....
.....

- Nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ Ít-sa qua bài thơ ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tiết 13+14. THU HÚNG (Cảm xúc mùa thu) Đỗ Phủ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận diện được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình...
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình...
- Thấy được điểm gần gũi về nội dung giữa những tác phẩm thơ thuộc các nền văn hóa khác nhau trong cùng thời kì trung đại.

2. Năng lực

- Năng lực chung: năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề
- Năng lực chuyên biệt:
/ Viết được một số văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về một số phương diện chính của thơ cổ phương Đông như chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

/ Biết thuyết trình, giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

3. Phẩm chất

- Bồi đắp tình yêu quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm với quê hương đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án, máy tính, ti vi
- Tranh, ảnh về tác giả, tác phẩm.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra: GV kết hợp kiểm tra bài cũ trong quá trình học, việc chuẩn bị bài ở nhà của HS

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh khi bước vào bài học mới b. Nội dung: Học sinh quan sát một số bức tranh về mùa thu và nêu cảm nhận của bản thân về mùa thu c. Sản phẩm: câu trả lời miệng của học sinh nêu cảm nhận của bản thân về mùa thu qua gợi ý từ một số bức tranh. d. Tổ chức thực hiện: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa các bức tranh về mùa thu lên màn hình và yêu cầu học sinh quan sát, nêu cảm nhận của bản thân. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát và nêu cảm nhận của bản thân về mùa thu. B3: Báo cáo thảo luận - GV gọi 2 hs nêu cảm nhận của bản thân B4: Kết luận, nhận định GV chốt kiến thức và dẫn vào bài mới:	<i>Mùa thu là đề tài muôn thuở của nghệ thuật trong đó có thi ca. Mùa thu của mỗi miền quê, mỗi quốc gia lại có những đặc trưng riêng mang đến những cung bậc cảm xúc khác nhau cho từng thi nhân. Bài thơ “Cảm xúc mùa thu” chúng ta học sau đây của Đỗ Phủ sẽ cho chúng ta thêm hiểu biết về mùa thu Trung Quốc và đồng cảm với cảm xúc nhớ quê hương và cuộc sống cô đơn của nhà thơ.</i>

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
A. Tri thức ngữ văn a. Mục tiêu: Nắm được một số nét chính về thơ Đường luật: các dạng chính, bố cục, thi luật, ngôn từ... b. Nội dung: HS đọc phần tri thức ngữ văn trước ở nhà và tóm tắt những nét chính vào phiếu bài tập c. Sản phẩm: câu trả lời trong phiếu bài tập của HS d. Tổ chức thực hiện	

B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát phiếu bài tập, yêu cầu học sinh đọc trước phần tri thức ngữ văn ở nhà và điền thông tin vào phiếu bài tập (phiếu bài tập số 1) B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc phần tri thức ngữ văn trong SGK ở nhà và điền thông tin vào phiếu bài tập B3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 HS trình bày kết quả trên lớp. HS khác nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức bổ sung	A. Tri thức ngữ văn Thơ Đường luật <table border="1" data-bbox="743 170 1479 764"> <thead> <tr> <th colspan="2">Thơ Đường luật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Các dạng chính</td><td>Thơ bát cú, thơ tuyệt cú, thơ bài luật</td> </tr> <tr> <td>Bố cục</td><td>Bài thất ngôn bát cú Đường luật gồm 4 cặp câu tương ứng với 4 phần: đề, thực, luận, kết.</td> </tr> <tr> <td>Gieo vần</td><td>Chỉ gieo một vần (thường là vần bằng) ở các câu 1,2,4,6,8.</td> </tr> <tr> <td>Luật bằng trắc</td><td>Quy định về sự hòa thanh trong từng câu và trong cả bài</td> </tr> <tr> <td>Đối</td><td>ở câu thực và câu luận</td> </tr> <tr> <td>Ngôn từ</td><td>Từ ngữ hữu hạn, biểu đạt tinh tế gợi ra nhiều liên tưởng và ý nghĩa</td> </tr> <tr> <td>Cấu tứ</td><td>Theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít, gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp.</td> </tr> </tbody> </table> * Ghi chú Đối với một số bài thơ làm theo thể thất ngôn bát cú: có trường hợp có thể căn cứ vào ý thơ để chia bố cục : VD: chia bài thơ thành 2 phần(4 câu đầu – bốn câu cuối)...	Thơ Đường luật		Các dạng chính	Thơ bát cú, thơ tuyệt cú, thơ bài luật	Bố cục	Bài thất ngôn bát cú Đường luật gồm 4 cặp câu tương ứng với 4 phần: đề, thực, luận, kết.	Gieo vần	Chỉ gieo một vần (thường là vần bằng) ở các câu 1,2,4,6,8.	Luật bằng trắc	Quy định về sự hòa thanh trong từng câu và trong cả bài	Đối	ở câu thực và câu luận	Ngôn từ	Từ ngữ hữu hạn, biểu đạt tinh tế gợi ra nhiều liên tưởng và ý nghĩa	Cấu tứ	Theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít, gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp.
Thơ Đường luật																	
Các dạng chính	Thơ bát cú, thơ tuyệt cú, thơ bài luật																
Bố cục	Bài thất ngôn bát cú Đường luật gồm 4 cặp câu tương ứng với 4 phần: đề, thực, luận, kết.																
Gieo vần	Chỉ gieo một vần (thường là vần bằng) ở các câu 1,2,4,6,8.																
Luật bằng trắc	Quy định về sự hòa thanh trong từng câu và trong cả bài																
Đối	ở câu thực và câu luận																
Ngôn từ	Từ ngữ hữu hạn, biểu đạt tinh tế gợi ra nhiều liên tưởng và ý nghĩa																
Cấu tứ	Theo các mối quan hệ tương đồng hoặc đối lập, tả ít, gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp.																
B. Đọc – hiểu văn bản Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm a. Mục tiêu: Hiểu được những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp của Đỗ Phủ, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm b. Nội dung: Học sinh đọc SGK và hoàn thành thông tin trên phiếu bài tập c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh d. Tổ chức thực hiện: <table border="1" data-bbox="131 1266 1502 1997"> <tr> <td data-bbox="131 1266 727 1927"> * Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh đọc và nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm. GV nêu câu hỏi gợi dẫn: - Trình bày những nét chính về tác giả tác phẩm? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc sách giáo khoa, tìm thông tin về tác giả tác phẩm và trả lời câu hỏi của GV B3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 hs trình bày nét chính về tác giả, tác phẩm HS khác nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức </td><td data-bbox="734 1266 1502 1927"> B. Đọc – hiểu văn bản I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Đỗ Phủ (712 – 770) tự Tử Mỹ, người huyện Củng, nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tài năng của ông được người đời xưng tụng là Thi thánh - Sống vào thời đất nước Trung Quốc triền miên trong cảnh loạn li, mặc dù Đỗ Phủ có làm vài chức quan nhỏ trong một thời gian ngắn song gia đình ông cũng lâm vào tình cảnh phiêu bạt, cơ cực và đến cuối đời lại chết vì bệnh tật. - Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực lớn nhất, không chỉ của đời Đường, mà của cả lịch sử thơ ca cổ Trung Quốc. 2. Tác phẩm - Thơ Đỗ Phủ tập trung vào 3 đề tài lớn: nhiệt huyết yêu nước, phản kháng cường quyền, cảm thông với số phận dân đen. - Ông sáng tác ở nhiều thể thơ. Tác phẩm của ông hiện còn hơn 1000 bài. </td></tr> <tr> <td data-bbox="131 1927 727 1997"> * Tìm hiểu bài thơ “Thu hứng” B1: Chuyển giao nhiệm vụ </td><td data-bbox="734 1927 1502 1997"> 3. Bài thơ “Thu hứng”: </td></tr> </table>		* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh đọc và nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm. GV nêu câu hỏi gợi dẫn: - Trình bày những nét chính về tác giả tác phẩm? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc sách giáo khoa, tìm thông tin về tác giả tác phẩm và trả lời câu hỏi của GV B3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 hs trình bày nét chính về tác giả, tác phẩm HS khác nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức	B. Đọc – hiểu văn bản I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Đỗ Phủ (712 – 770) tự Tử Mỹ, người huyện Củng, nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tài năng của ông được người đời xưng tụng là Thi thánh - Sống vào thời đất nước Trung Quốc triền miên trong cảnh loạn li, mặc dù Đỗ Phủ có làm vài chức quan nhỏ trong một thời gian ngắn song gia đình ông cũng lâm vào tình cảnh phiêu bạt, cơ cực và đến cuối đời lại chết vì bệnh tật. - Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực lớn nhất, không chỉ của đời Đường, mà của cả lịch sử thơ ca cổ Trung Quốc. 2. Tác phẩm - Thơ Đỗ Phủ tập trung vào 3 đề tài lớn: nhiệt huyết yêu nước, phản kháng cường quyền, cảm thông với số phận dân đen. - Ông sáng tác ở nhiều thể thơ. Tác phẩm của ông hiện còn hơn 1000 bài.	* Tìm hiểu bài thơ “Thu hứng” B1: Chuyển giao nhiệm vụ	3. Bài thơ “Thu hứng”:												
* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh đọc và nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm. GV nêu câu hỏi gợi dẫn: - Trình bày những nét chính về tác giả tác phẩm? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc sách giáo khoa, tìm thông tin về tác giả tác phẩm và trả lời câu hỏi của GV B3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 hs trình bày nét chính về tác giả, tác phẩm HS khác nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức	B. Đọc – hiểu văn bản I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Đỗ Phủ (712 – 770) tự Tử Mỹ, người huyện Củng, nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Tài năng của ông được người đời xưng tụng là Thi thánh - Sống vào thời đất nước Trung Quốc triền miên trong cảnh loạn li, mặc dù Đỗ Phủ có làm vài chức quan nhỏ trong một thời gian ngắn song gia đình ông cũng lâm vào tình cảnh phiêu bạt, cơ cực và đến cuối đời lại chết vì bệnh tật. - Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực lớn nhất, không chỉ của đời Đường, mà của cả lịch sử thơ ca cổ Trung Quốc. 2. Tác phẩm - Thơ Đỗ Phủ tập trung vào 3 đề tài lớn: nhiệt huyết yêu nước, phản kháng cường quyền, cảm thông với số phận dân đen. - Ông sáng tác ở nhiều thể thơ. Tác phẩm của ông hiện còn hơn 1000 bài.																
* Tìm hiểu bài thơ “Thu hứng” B1: Chuyển giao nhiệm vụ	3. Bài thơ “Thu hứng”:																

GV nêu câu hỏi gợi dẫn: - <i>Nêu xuất xứ, hoàn cảnh ra đời bài thơ?</i> - <i>Dựa vào tri thức ngữ văn căn cứ vào tình ý của văn bản: nhận diện thể loại bố cục văn bản.</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ - <i>HS tham khảo tư liệu SGK, lịch sử Trung Quốc và trả lời câu hỏi</i> B3: Báo cáo thảo luận - <i>GV gọi 1 HS trình bày</i> - <i>HS khác nhận xét, bổ sung</i> B4: Kết luận, nhận định - <i>GV nhận xét, chốt kiến thức, cung cấp thêm cho hs về hoàn cảnh lịch sử đất nước Trung Quốc để hs hiểu rõ hơn.</i>	a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác: Nằm trong chùm thơ “<i>Thu hứng</i>” gồm 8 bài, sáng tác năm 766 trong những ngày tháng phiêu bạt, ốm yếu, khổ khó tại Quý Châu. b. Thể loại bố cục - Thể thơ : Thất ngôn bát cú - Bố cục : + 4 câu đầu thiên về tả cảnh (cảnh thu) + 4 câu cuối thiên về bộc lộ tâm trạng của nhà thơ (tình thu).																			
Nội dung 2: Đọc - hiểu văn bản a. Mục tiêu: - Nhận diện được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình... - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình... b. Nội dung: Học sinh thảo luận làm bài tập theo nhóm: tìm chi tiết, hình ảnh, đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật c. Sản phẩm Sản phẩm làm việc nhóm của hs nhận diện các yếu tố trong thơ từ đó phân tích được giá trị thẩm mỹ của các yếu tố đó. d. Tổ chức thực hiện:																				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn hs đọc văn bản, gọi hs đọc mẫu và so sánh bản dịch với nguyên tác - <i>Đọc, đối chiếu với bản dịch thơ với nguyên văn và chỉ ra những chỗ chưa diễn đạt hết sắc thái ý nghĩa?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ <i>HS đọc văn bản, thảo luận cặp đôi trong bàn trả lời câu hỏi</i> B3: Báo cáo thảo luận <i>GV gọi 1 cặp bất kì trình bày, cặp khác nhận xét, bổ sung</i> B4: Kết luận, nhận định <i>GV nhận xét, chốt kiến thức</i>	II. Đọc - hiểu văn bản *So sánh bản dịch với nguyên văn <table><tr><th>Câu</th><th>Dịch thơ</th><th>Nguyên văn</th></tr><tr><td>Câu 1</td><td>Lác đác: thưa thớt</td><td>Cây phong chịu sự tàn phá dữ dội của sương móc</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 2</td><td>Bỏ địa danh</td><td>Núi Vu, kềm Vu</td></tr><tr><td>Khí thu lò</td><td>Tiêu sâm</td></tr><tr><td>Câu 3,4</td><td>Sóng rợn, mây đùn</td><td>Đối lập dữ dội: sóng tung lên bầu trời, mây xả xuống mặt đất</td></tr><tr><td rowspan="2">Câu 5</td><td>Lạnh lùng</td><td>Hàn y: áo rét</td></tr><tr><td>Bỏ từ xú xú</td><td>Xú xú: nơi nơi</td></tr></table>	Câu	Dịch thơ	Nguyên văn	Câu 1	Lác đác: thưa thớt	Cây phong chịu sự tàn phá dữ dội của sương móc	Câu 2	Bỏ địa danh	Núi Vu, kềm Vu	Khí thu lò	Tiêu sâm	Câu 3,4	Sóng rợn, mây đùn	Đối lập dữ dội: sóng tung lên bầu trời, mây xả xuống mặt đất	Câu 5	Lạnh lùng	Hàn y: áo rét	Bỏ từ xú xú	Xú xú: nơi nơi
Câu	Dịch thơ	Nguyên văn																		
Câu 1	Lác đác: thưa thớt	Cây phong chịu sự tàn phá dữ dội của sương móc																		
Câu 2	Bỏ địa danh	Núi Vu, kềm Vu																		
	Khí thu lò	Tiêu sâm																		
Câu 3,4	Sóng rợn, mây đùn	Đối lập dữ dội: sóng tung lên bầu trời, mây xả xuống mặt đất																		
Câu 5	Lạnh lùng	Hàn y: áo rét																		
	Bỏ từ xú xú	Xú xú: nơi nơi																		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho học sinh làm việc nhóm (chia lớp thành 4 nhóm theo tổ) thảo luận trong 5 phút theo kỹ thuật động não. - <i>Tìm từ ngữ, hình ảnh gợi tả cảnh thu trong 4 câu thơ đầu, từ ngữ hình ảnh đó gợi cho em ấn tượng gì?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Cảnh thu - Tả cảnh trong tầm nhìn xa. Rừng phong điều thương vì tác động của sương móc trắng (tượng trưng cho mùa thu và sự lạnh lẽo) - (Nguyên tác không có từ <i>lác đác</i>) Phải là sương nhiều dày đặc mới làm cho rừng phong tổn thương tàn tạ héo úa. - Vu Sơn, Vu Giáp là hai địa danh, nơi đây chủ yếu là núi. Núi mờ mịt trong sương càng thêm hiu quạnh âm u. Từ <i>tiêu</i>																			

<i>Học sinh làm việc theo nhóm, 2 bàn 1 nhóm theo kỹ thuật động não trong 5 phút, tìm từ ngữ, hình ảnh từ đó hình dung, nêu cảm nhận của bản thân về cảnh thu.</i> B3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 nhóm bất kỳ trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức, liên hệ so sánh với cảnh thu trong một số tác phẩm trung đại.	sâm- tắm tối âm đạm dịch chưa sát nghĩa, bỏ tên địa danh cũng làm mờ đi bản sắc phong cảnh Quý Châu – thượng nguồn sông Trường Giang.. -> Đỗ Phủ không dùng từ thu mà vẫn nói được mùa thu (ngọc lộ - sương trắng, phong thụ lâm – rừng phong). Thi nhân cảm nhận thời gian qua cảnh. - Câu 3,4 tả thực cảnh, dùng phép đối nhau theo luật thơ và đối rất chỉnh. Câu 3 tả sông Trường Giang (ở đoạn sông hẹp, lòng sông dốc, hai bên vách đá dựng đứng): sóng cao tới lưng trời. Câu 4: tả cửa ải mây mù tiếp giáp mặt đất. + Phép đối: tạo sự cân xứng hài hòa thanh điệu cho lời thơ, nhấn mạnh tính chất của cảnh thu vùng biên ải, gợi đặc trưng của mùa thu ở vùng rừng núi . -> Đó là một cảnh thu rộng lớn, vừa dữ dội vừa tàn tạ âm đạm âm u; núi non hiểm trở, thời tiết khắc nghiệt và biên ải không bình yên. Điều đó khiến người đọc nghĩ đến cuộc sống nơi đây khó khăn, gợi lo âu ám ảnh cho lòng người . * Nhận xét : Bốn câu thơ đầu thiên về tả cảnh, tả cảnh chấm phá : khai thác hình ảnh vừa chân thực vừa điển hình cho thiên nhiên mùa thu cho cả một vùng rộng lớn của đất nước Trung Quốc, tạo nên được những hình tượng thơ giàu tính ước lệ tượng trưng, điều thường thấy trong thơ trung đại Trung Quốc và Việt Nam. Đồng thời 4 câu thơ đầu cũng mang hơi hướng tả cảnh ngụ tình.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho hs thảo luận nhóm theo bàn theo kỹ thuật khăn trải bàn và trả lời câu hỏi - <i>Tầm nhìn trong 2 câu luận có gì thay đổi, từ ngữ hình ảnh được hiện ra dưới tầm nhìn ấy cho ta hiểu thêm điều gì về nhân vật trữ tình trong bài thơ?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ <i>Học sinh thảo luận trong bàn trong 3 phút chỉ ra:</i> <i>Sự thay đổi tầm nhìn, tìm từ ngữ, hình ảnh trong 2 câu thơ?</i> <i>Tâm trạng nhân vật trữ tình thể hiện qua từ ngữ hình ảnh?</i> B3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 nhóm nhanh nhất trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức	2. Tình thu: * Cảnh thu vẫn được tả nhưng ở tầm gần với nghệ thuật đối và tả cảnh ngụ tình - Câu 5,6 tả + Tùng cúc: Hoa cúc là hình ảnh tiêu biểu của mùa thu -> Hoa thu. Con thuyền không phải là hình ảnh tiêu biểu cho mùa thu nhưng nó là hình ảnh xuất hiện nhiều trong thơ Đỗ Phủ gợi cuộc sống trôi nổi nơi đất khách quê người. + Đặc sắc trong cách dùng từ ngữ: <i>Nở</i> (khai) là động từ trung tâm của vị ngữ , kết hợp với cụm từ <i>nước mắt tuôn rơi</i> (tha nhật lệ) làm bổ ngữ, nên có thể hiểu theo hai cách : hoa cúc nở ra nước mắt ; hoa cúc nở làm người xem rơi nước mắt. Từ <i>lưỡng</i> chỉ thời gian: hai lần hoa nở -> hai mùa thu đã đi qua. Lần nào hoa nở cũng ra nước mắt, cũng làm người xem rơi nước mắt. Con thuyền đơn độc (cô chu) buộc chặt mãi (duy) tấm lòng nhớ (tâm) – không thể về nơi vườn cũ (cố viên) + Phép đối: câu 5 và câu 6 đối nhau (theo luật thơ): tạo sự cân xứng hài hòa thanh điệu cho lời thơ, nhấn mạnh sự tương đồng giữa tính chất của cảnh (ngoại cảnh) và trạng thái nội tâm của nhà thơ (tâm cảnh) + Tả cảnh ngụ tình: Người làm thơ không trực tiếp bộc lộ nội tâm mà biểu hiện qua cảnh vật, dựa trên những cảnh vật có sự tương đồng với hoàn cảnh nỗi niềm tâm trạng của mình. -> kiểu câu tứ theo mối quan hệ tương đồng, tả ít, gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp hoàn cảnh sống, tâm trạng của nhà thơ.

	=> Đã 2 mùa thu mà nhà thơ vẫn chưa về được quê hương. Cảnh sống và tâm trạng của ông nơi đất khách quê người rất cô đơn ngưng trệ, bất lực; cứ nhớ nhung, mong đợi, khắc khoải. Thi nhân buồn nhớ quê hương đến rơi lệ và lo âu cho cảnh sống xa xứ của cả gia đình.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho hs thảo luận nhóm (2 bàn 1 nhóm) trong 5 phút theo kỹ thuật động não và trả lời câu hỏi - <i>Khung cảnh sinh hoạt con người hiện lên như thế nào trong hai câu thơ kết? Ý nghĩa của khung cảnh ấy trong việc thể hiện cảm xúc nhân vật trữ tình?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận trong bàn trong 5 phút - <i>Tìm từ ngữ, hình ảnh thể hiện khung cảnh sinh hoạt con người trong 2 câu thơ?</i> - <i>Cảm xúc nhân vật trữ tình thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh?</i> B3: Báo cáo thảo luận GV gọi nhóm nhanh nhất trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức	- Câu 7,8: kết lại bài thơ bằng việc tả cảnh buổi chiều bên sông, nơi có thành Bạch Đằng. Đường nét hình ảnh không nhiều, có hình ảnh thành Bạch Đằng (cao) và hình ảnh mặt trời lặn. Cùng với đó là chi tiết tả âm thanh: tiếng chày đập vải (giặt áo may áo rét) dồn dập. Có thể vì trời sắp tối không còn nhìn rõ, chỉ nghe rõ. Đây là thứ âm thanh đặc trưng của cuộc sống con người vào mùa thu Trung Quốc. Nó khiến cho người Trung Quốc nghĩ về cái rét của mùa đông sắp tới. Thanh âm cuộc sống ấy dội vào lòng người xa xứ bao nỗi buồn lo. - Trước đó cảnh thu (ngoại cảnh) vốn đã làm nảy sinh tâm trạng buồn lo, thương nhớ và tiếp nữa là âm thanh tiếng chày đập áo đã đẩy tâm trạng đó lên đến đến cao trào. => Hoàn cảnh tâm trạng của nhà thơ có tính điển hình cho người xa xứ. * Nhận xét : Bốn câu thơ sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, phản ánh hiện thực đầy bất ổn, cảnh ngộ tâm trạng đáng thương của nhà thơ và của người dân Trung Quốc trong cảnh loạn lạc.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho hs thảo luận nhóm theo bàn trong 5 phút theo kỹ thuật các mảnh ghép và trả lời câu hỏi: - <i>Dựa vào nhan đề, cảm hứng, sự liên hệ giữa cảnh thu và tình thu em hãy cho biết “Thu hứng” được viết trong hoàn cảnh đặc biệt của cuộc đời Đỗ Phủ. Phải chăng tác phẩm chỉ thể hiện thân phận cuộc đời cá nhân nhà thơ?</i> - <i>Có ý kiến cho rằng câu thơ nào trong bài thơ cũng thể hiện cảm xúc về mùa thu, nỗi niềm tâm sự của tác giả trong mùa thu. Em suy nghĩ gì về ý kiến này?</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận trong bàn trong 5 phút dựa vào nhan đề, cảm hứng mối quan hệ giữa cảnh và tình để rút ra nhận xét. B3: Báo cáo thảo luận GV gọi nhóm bất kì trình bày, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung B4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức	III. TỔNG KẾT: * Nội dung: - Bức tranh về mùa thu Trung Quốc có những nét riêng biệt gắn với địa danh Quý Châu. Nó vừa là bối cảnh hoàn cảnh sống của con người vừa là bức tranh tâm trạng của con người. - Nỗi lòng của Đỗ Phủ và cũng chính là nỗi lòng của bao người trong cảnh lầm than, li biệt: Lo âu khắc khoải, khao khát cuộc sống bình yên nơi quê hương xứ sở. - Bài thơ không phản ánh trực tiếp xã hội mà vẫn có giá trị hiện thực và ý nghĩa nhân văn sâu sắc. * Nghệ thuật: + Bút pháp tả cảnh ngụ tình: Xây dựng các mối quan hệ tương đồng: cảnh - tình; sự vật - tâm trạng, ngoại cảnh- nội tâm + Sử dụng từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi- gợi hình, gợi cảm với nhiều lớp ý nghĩa. -> Những yếu tố nghệ thuật đó đã góp phần làm cho bài thơ ngắn gọn nhưng nhiều ý nghĩa, tạo nên tính chất đặc biệt hàm súc của thơ Đỗ Phủ. Ghi chú: Hàm súc là một trong những tiêu chí đánh giá thơ hay thời trung đại ở Trung Quốc và ở Việt Nam.

Hoạt động 3: Luyện tập

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
a. Mục tiêu: Củng cố, nâng cao kiến thức, kết hợp đọc, viết b. Nội dung: HS liên hệ so sánh 2 thể thơ của 2 đất nước và chỉ ra điểm tương đồng sau đó viết đoạn văn	

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh về điểm tương đồng giữa thơ Hai-cư và thơ Đường	
d. Tổ chức thực hiện:	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa câu hỏi gợi dẫn. Học sinh làm việc cá nhân để tìm ra các điểm tương đồng. Sau khi tìm và thống nhất các điểm tương đồng học sinh hoàn thành viết đoạn văn ở nhà. - <i>Những yếu tố làm nên đặc trưng và sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ Hai-cư có nhiều điểm gần gũi nhau. Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ về những điểm tương đồng ấy.</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ <i>HS độc lập suy nghĩ chỉ ra các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của từng thể thơ, so sánh sự tương đồng. Trên cơ sở các ý tìm được học sinh viết đoạn văn</i> B3: Báo cáo thảo luận <i>GV gọi 2 HS chỉ ra các yếu tố tương đồng 2 HS khác nhận xét, bổ sung</i> B4: Kết luận, nhận định <i>GV nhận xét, giao nhiệm vụ hoàn thành đoạn văn cho hs</i>	- Ngôn từ - Hình ảnh - Cảm hứng - Nội dung - Bút pháp

Hoạt động 4: Vận dụng

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu các bài thơ Đường luật b. Nội dung: Học sinh vận dụng kiến thức đã học về thơ Đường luật để đọc hiểu bài thơ c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh d. Tổ chức thực hiện:	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát phiếu bài tập cho HS về nhà làm và nộp lại vào tiết học sau Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: <i>Ao thu lạnh lẽo nước trong veo, Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí, Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo. Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt, Ngõ trúc quanh co khách vắng teo. Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được, Cá dâu đớp động dưới chân bèo.</i> <i>Câu cá mùa thu – Nguyễn Khuyến</i> Câu 1: Điểm nhìn cảnh thu của tác giả trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc sắc? Câu 2: Những từ ngữ nào gợi lên được nét riêng của cảnh sắc mùa thu? Hãy cho biết đó là cảnh thu ở miền quê nào? Câu 3: Cách gieo vần trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy	Câu 1: Điểm nhìn - Điểm nhìn từ gần thấp đến cao xa rồi lại trở về gần thấp. - Từ điểm nhìn đó nhà thơ có thể quan sát không gian, cảnh sắc thu theo nhiều hướng thật sinh động. Câu 2 :Những từ ngữ gợi lên nét riêng của mùa thu: + Hình ảnh: ao thu lạnh lẽo, nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt, lá vàng... + Đường nét, sự chuyển động rất nhẹ, khẽ: sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng... -> những nét riêng rất đặc trưng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ. Câu 3: Cách gieo vần “eo” độc đáo, kết hợp với những từ ngữ tăng tiến gợi lên bức tranh thu rất thơ mộng rất đặc trưng

gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu? Câu 4: Bài thơ “Câu cá mùa thu” thực ra có phải nói chuyện câu cá hay không? Vì sao? Câu 5: Qua bài thơ, em có cảm nhận gì về tâm lòng của nhà thơ Nguyễn Khuyến với thiên nhiên, đất nước? (viết 1 đoạn văn ngắn) B2: Thực hiện nhiệm vụ <i>HS đọc văn bản và trả lời vào phiếu bài tập</i> B3: Báo cáo thảo luận <i>GV gọi 2 HS trình bày kết quả trong phiếu, 2 HS khác nhận xét, bổ sung vào đầu tiết học sau</i> B4: Kết luận, nhận định <i>GV nhận xét</i>	của đồng bằng Bắc Bộ: không khí trong lành, thoáng mát yên tĩnh, vắng vẻ, đẹp nhưng buồn, cảnh vật như thu nhỏ lại. Bên cạnh đó còn thấy được tình thu ẩn hiện: một nỗi buồn, u uẩn của nhân vật trữ tình Câu 4: Bài thơ có nhan đề “Câu cá mùa thu” nhưng không chú ý vào việc câu cá mà chú ý đến cảnh thu: những biến đổi tinh tế của cảnh vật, để rồi từ đó thể hiện nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong lòng nhà thơ. Câu 5: Cảm nhận về tâm lòng của nhà thơ Nguyễn Khuyến với thiên nhiên, đất nước - Hồn thơ nhạy cảm yêu thiên nhiên đất nước. - Sự gắn bó và tình yêu thương triu mến đặc biệt với vùng đồng bằng chiêm trũng, với những ao chuôm nhỏ, thuyền câu, lá vàng, ngõ trúc quanh co... - Tâm sự của một người yêu nước thầm kín, sâu sắc: tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc, của đất nước.

III. Hướng dẫn về nhà

- Nắm nội dung bài học, hoàn thành phần luyện tập, vận dụng
- Đọc và trả lời câu hỏi bài “Mùa xuân chín”

Phụ lục (Phiếu học tập)

Phiếu số 1

Thơ Đường luật	
Các dạng chính	
Bố cục	
Gieo vần	
Luật bằng trắc	
Đối	
Ngôn từ	
Cấu tứ	

Phiếu số 2

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

*Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.
Câu cá mùa thu – Nguyễn Khuyến*

Câu 1: Điểm nhìn cảnh thu của tác giả trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc sắc?	
Câu 2: Những từ ngữ nào gợi lên được nét riêng của cảnh sắc mùa thu? Hãy cho biết đó là cảnh thu ở miền quê nào?	
Câu 3: Cách gieo vần trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu?	
Câu 4: Bài thơ “Câu cá mùa thu” thực ra có phải nói chuyện câu cá hay không? Vì sao?	
Câu 5: Qua bài thơ, em có cảm nhận gì về tâm lòng của nhà thơ Nguyễn Khuyến với thiên nhiên, đất nước? (viết 1 đoạn văn ngắn)	

Tiết 15 +16
MÙA XUÂN CHÍN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về phong trào Thơ Mới.
- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm.
- ❖ Học sinh phân tích nhan đề bài thơ “Mùa xuân chín”
- ❖ Học sinh xác định hình ảnh, từ ngữ thể hiện được trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ.
- ❖ Học sinh phân tích ngôn từ của bài thơ trong việc thể hiện ý nghĩa các hình ảnh thơ
- ❖ Học sinh mô tả các ngắt nhịp và gieo vần của bài thơ từ đó so sánh cách gieo vần và ngắt nhịp trong một số thể thơ khác đã học
- ❖ Học sinh xác định mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, từ đó phân tích được hình tượng của nhân vật trữ tình trong bài thơ, chỉ ra mối quan hệ giữa vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ và mạch cảm xúc trong bài thơ.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản thơ ca
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết đoạn văn cảm nhận về một câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh hoặc mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ

- 3. Về phẩm chất:** Học sinh biết trân trọng cái đẹp, thấu hiểu nỗi niềm và cảm xúc giao cảm với cuộc đời của thi sĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học. b. Nội dung thực hiện: ❖ GV hỏi HS ❖ HS chia sẻ và trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi - Con có nhớ những bài thơ, những câu thơ nào về mùa xuân mà em đã từng đọc? - Điều gì khiến con có ấn tượng hay thích thú ở những bài thơ, câu thơ ấy? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Gợi ý phần trả lời của HS - Một số bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ, Vội vàng,...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về phong trào Thơ Mới. ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm. ❖ Học sinh phân tích nhan đề bài thơ “Mùa xuân chín” ❖ Học sinh xác định hình ảnh, từ ngữ thể hiện được trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ ❖ Học sinh phân tích ngôn từ của bài thơ trong việc thể hiện ý nghĩa các hình ảnh thơ	

- ❖ **Học sinh mô tả** các ngắt nhịp và gieo vần của bài thơ từ đó **so sánh** cách gieo vần và ngắt nhịp trong một số thể thơ khác đã học
- ❖ **Học sinh xác định** mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, từ đó **phân tích** được hình tượng của nhân vật trữ tình trong bài thơ, **chỉ ra** mối quan hệ giữa vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ và mạch cảm xúc trong bài thơ

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ **Học sinh hoàn thiện** phiếu học tập tìm hiểu chung về phong trào Thơ mới, tác giả và tác phẩm
- ❖ **Học sinh thực hành thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu** để tìm hiểu về những đặc điểm và cảm nhận của cá nhân trong bài thơ Mùa xuân chín

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên phát phiếu học tập

HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu

Thời gian: 10 phút

Chia sẻ: 3 phút

Phản biện và trao đổi: 2 phút

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

I. Tìm hiểu chung

1. Phong trào Thơ mới

- Phong trào Thơ mới là một trào lưu thơ ca về cơ bản có tính chất lãng mạn tiểu tư sản, hình thành, phát triển trong văn học Việt Nam những năm 1932 – 1945. Trong Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh từng chỉ ra ba dòng chính trong Thơ mới.

+ **Dòng chịu ảnh hưởng thơ phương tây (Pháp)**

+ **Dòng chịu ảnh hưởng thơ Đường**

+ **Dòng ít chịu tác động các nguồn khác mà có tính cách Việt Nam rõ rệt**

- Chia làm 3 giai đoạn chính

+ **1932 – 1935:**

Đây là giai đoạn đánh dấu sự chớm nở của thơ mới, với sự đấu tranh gay gắt giữa hai trường phái thơ. Ở giai đoạn đầu, Thế Lữ là nhà thơ tiêu biểu nhất của Phong trào thơ mới với tập Mấy vần thơ (1935).

+ **1936 – 1939:**

Cái Tôi Thơ mới những năm này không dè dặt, không mộng sầu man mác mà ông khai, mạnh dạn bày tỏ những ước muốn, khát vọng sống, khát vọng hưởng thụ và cả những nỗi khổ đau riêng. Giai đoạn này xuất hiện nhiều tên tuổi lớn như Xuân Diệu (tập Thơ thơ - 1938), Hàn Mặc Tử (Gái quê - 1936, Đau thương - 1937), Chế Lan Viên (Điều tàn - 1937), Bích Khê (Tình huyết - 1939), ... Đặc biệt sự góp mặt của Xuân Diệu, nhà thơ “**mới nhất trong các nhà thơ mới**”

+ **1940 – 1945:** Đây là giai đoạn thơ mới xuất hiện nhiều khuynh hướng khác nhau, về cơ bản vẫn giữ được nét đặc trưng của thơ mới những giai đoạn đầu, song đã bắt đầu có sự thoái trào.

2. Tác giả

Tiểu sử

- Quê quán: Đồng Hới, Quảng Bình

- Gia đình: Trong một gia đình công giáo nghèo, có 5 anh chị em

- Học vấn: Học hết trung học tại trường Pellerin (bậc thành trung)

- Đường đời: Nhiều chông gai, khó khăn, đầy bi thương, nhất là trong chuyện tình cảm

Con người

- Gốc công giáo nên thiên hướng tâm linh

	- Con người trực giác nhạy bén, nhạy cảm □ Gặp bi kịch trong chuyện tình cảm <i>Sự nghiệp sáng tác</i> - Là một nhà thơ nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam, là người khởi xướng ra “Trường thơ Loạn” - <i>Đặc điểm trong thơ Hàn Mặc Tử</i> + Những vần thơ điên loạn, ma quái + Bên cạnh đó là những vần thơ trong trẻo, tươi tắn vô ngần + Thơ ông ảnh hưởng trường phái thơ siêu thực - Đặc biệt, thơ tình Hàn Mặc Tử làn hững lời tình đau thương nhất trong thi ca Việt Nam bởi nó gói gọn cả không gian, cả thiên nhiên vạn vật trong đau khổ nhưng đó lại là niềm đau rất đẹp, rất thơ - <i>Những tác phẩm chính:</i> Gái quê (1936), Thơ Điên gồm 3 tập: Hương thơm, Mất đăng, Máu cuồng và Đau thương, Xuân Như Ý, Thượng Thanh khí. Và tác phẩm kịch: Duyên kì ngộ, Quần tiên hội,... - <i>Tư tưởng</i> <i>“Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển bằng hết cảm giác của Tình yêu. Tôi đã vui buồn, giận, hờn đến gần hết sự sống.”</i> 3. Tác phẩm - Mùa xuân chín là bài thơ do Hàn Mặc Tử sáng tác, được xếp ở phần <i>Hương thơm</i> trong tập thơ Đau thương 1938. - Cùng với Đây thôn Vĩ Dạ, Tình quê,... đây là những thi phẩm đầy thơ mộng viết về cảnh quê, tình quê của Hàn Mặc Tử.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành nhóm đôi, học sinh đọc phiếu và hoàn thiện phiếu để tìm hiểu về nội dung và nghệ thuật bài thơ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. Đọc hiểu văn bản 1. Nhan đề bài thơ - Nhan đề bài thơ Mùa xuân chín được cấu tạo bởi những từ thuộc loại từ: Danh từ + Động từ và Danh từ + Tính từ. - Nhan đề cấu tạo bởi từ loại là Danh từ + Động từ: Gọi cảm giác mùa xuân đang đi vào độ căng mọng và tươi đẹp nhất, và vẫn tiếp tục phát triển đẹp hơn nữa. - Nhan đề cấu tạo bởi từ loại là Danh từ + Tính từ: Gọi cảm giác mùa xuân đã đến độ tròn đầy rồi. 2. Các hình ảnh thể hiện trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ Trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ được thể hiện bằng những từ ngữ: <i>làn nắng ửng, khói mơ tan, lấm tấm vàng, bóng xuân sang, sóng cỏ xanh tươi, mùa xuân chín</i> + Làn nắng ửng – Khói mơ tan: Chữ "làn" như gọi một hơi thở nhẹ nhàng, nắng như mỏng tang, mềm mại trải đều trong thơ và trong không gian. Làn nắng lại "ửng" lên trong "khói mơ tan". Cảnh sắc nhẹ nhàng, đẹp dân dã mà huyền diệu. + Lấm tấm vàng: Tràn trọng đón lấy cái nắng mới tinh khiết ấy là "Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng!" Sự hô ứng trong vần thơ tạo ra một cảm xúc ấm áp, cảnh vật cân xứng

hài hòa, đầy thơ mộng. Vài nét chấm phá đơn sơ mà tinh tế gợi cảm, dung dị mà đáng yêu. Chỉ có "đôi mái nhà tranh" hiện lên trong "làn nắng ửng" nhưng vẫn gợi lên một sức sống đang lay động, dân dã bình yên rất thân thuộc với mọi người. Nâng như đang rắc lên "đôi mái nhà tranh" chút sắc xuân và hương xuân: "Sột soạt gió tre tà áo biếc".

+ **Bóng xuân sang:** Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cảm xúc nhẹ nhàng, băng khuâng, vẩn vương đón "bóng xuân sang", cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Mạch thơ ngập ngừng như mạch cảm xúc. Bên giàn thiên lí, mùa xuân đã sang. Mùa xuân nhẹ nhàng bước... như có thể cảm được, có thể ngấm được ngay trước mắt mỗi chúng ta.

+ **Sóng cỏ xanh tươi:** Cỏ như xanh mãi, tươi mãi trong không gian mênh mông, bao la. Hình ảnh ẩn dụ "sóng cỏ" và ba chữ "gợn tới trời" gợi tả làn cỏ xanh dập dờn trong làn gió xuân nhẹ nhàng thổi.

3. Nhận xét ngôn từ của bài thơ

– Hình ảnh mùa xuân được thể hiện qua ngôn từ

*** Bài thơ có những sự lựa chọn và kết hợp ngôn ngữ nào khiến bạn đặc biệt chú ý:**

- Đó là sự lựa chọn và kết hợp sử dụng độc đáo các từ láy kết hợp với tính từ, danh từ: lấm tấm vàng, sột soạt gió, nắng chang chang.

- Hình ảnh mùa xuân không chỉ được miêu tả ở cảnh vật, ánh nắng mà nó còn được thể hiện ở "đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng". Với từ láy "lấm tấm" ta như cảm nhận được sự rơi rớt của ánh nắng, tạo nên sắc thái động cho cảnh vật.

- Những ánh nắng như được rắc từ từ trên mái nhà tranh. Cái khung cảnh ấy, cái ánh nắng vàng ửng ấy như tạo nên một không gian mùa xuân thật mới, một mùa xuân chín đang về.

*** Ngôn từ của bài thơ đã gợi nên một khung cảnh mùa xuân:**

- Mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử đưa người đọc đến với một cảnh xuân thật lạ nhưng cũng thật mới, vẻ đẹp của mùa xuân đang ở độ chín, như chính là vẻ đẹp con người đang ở độ tuổi đẹp nhất, độ tuổi rạo rực nhất.

- Mùa xuân chín lúc thì dạt dào, lúc thì lắng dịu trong tâm hồn thi sĩ. Có lúc vồn vã, có lúc mênh mang, như đang lắng hồn mình vào bước đi của mùa xuân rồi bồi hồi, "sực nhớ..." và "băng khuâng".

- Cái nhớ băng khuâng của người lữ khách mãi mãi là tình thương mến, nỗi khát khao giao cảm với hương sắc và khúc nhạc mùa xuân, với làng quê thân thuộc nơi miền Trung "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang"...

4. Nhận xét cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ và so sánh với cách gieo vần ngắt nhịp của một số thể loại thơ khác

*** Mô tả cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ:**

- + Cách ngắt nhịp: Đoạn 1: 4/3; Đoạn 2: 2/2/3; Đoạn 3: 4/3; Đoạn 4: 2/2/3
- + Cách gieo vần: Gieo vần chân ở câu thơ 2,4; 5,8; 10,12; 14;16.
- Trong khổ thơ đầu tiên, dấu chấm ở câu thơ “*Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang*” đã gây ấn tượng rất mạnh tới người đọc, được người ta chú ý.
- + Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cảm xúc nhẹ nhàng, băng khuâng, vẩn vương đón “bóng xuân sang”, cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Mạch thơ ngập ngừng như mạch cảm xúc.
- + Và cách ngắt nhịp ở mỗi khổ thơ cũng có sự biến hóa. Chính sự biến hóa của cách ngắt nhịp này đã khiến giai điệu của bài thơ, lúc thì vui tươi hóm hỉnh, lúc trầm lắng suy tư.
- + Không chỉ dừng lại ở đó, bởi vị trí gieo vần, cách gieo vần ở mỗi khổ thơ có sự khác nhau cũng tạo nên sự đặc sắc cho cả bài thơ.

*** So sánh mức độ chặt chẽ trong cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ này với một bài thơ trung đại làm theo thể Đường luật: Chọn bài thơ Thu hứng của nhà thơ Đỗ Phủ**

- + Trong Thu hứng, về cách gieo vần: Gieo vần chân ở câu 1,2,4,6,8: cùng là vần “âm”; Về cách ngắt nhịp: ngắt nhịp 4/3 ở tất cả các câu thơ không thay đổi.
- + Còn trong Mùa xuân chín, các vần chân được gieo đó là: ang, oi, ây, ang, có sự thay đổi ở mỗi khổ thơ. Cách ngắt nhịp giữa các khổ thơ cũng có sự linh hoạt, nhằm phù hợp diễn tả tâm trạng của nhà thơ.
- ➔ Mức độ chặt chẽ trong cách ngắt nhịp, gieo vần của bài thơ này là không quá khắt khe, gò bó so với thơ Đường luật.

5. Hình ảnh con người hiện lên trong bài thơ và hình tượng nhân vật trữ tình

- Con người trong bài thơ hiện diện qua những hình ảnh:

- + Bao cô thôn nữ hát trên đồi/ Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.
- + Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi.
- + Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín/ Chị ấy, năm nay còn gánh thóc.
- Tiếng hát mùa xuân dân dã, tình tứ và đáng yêu quá, sắc xuân, hương xuân, tình xuân “đang chín” dần trong lòng thôn nữ, bỗng ngập ngừng như có sự hẫng hụt, băn khoăn:

***"Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi".***

- "Đám xuân xanh ấy" là các cô thôn nữ đang hát, đang "thăm thì với ai ngồi dưới trúc" kia sẽ chín cùng mùa xuân và sẽ "theo chồng bỏ cuộc chơi

- Hình ảnh gắn với nhân vật trữ tình: Khách xa.

Hình ảnh là đối tượng quan sát của nhân vật trữ tình: bao cô thôn nữ hát trên đồi, trong đám đó có kẻ theo chồng bỏ

	cuộc chơi. Hình ảnh nằm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình: Hình ảnh một cô gái gánh thóc bên bờ sông. 6. Mối liên hệ giữa nhịp, vần, hình ảnh, ngôn từ và mạch cảm xúc của bài thơ - Nhịp: Cách ngắt nhịp ngắn ở khổ thơ đầu tạo cảm giác vui tươi, rồi nhịp dài ở khổ sau tạo cảm giác trầm buồn, sâu lắng → Sự thay đổi tâm trạng của thi nhân từ quá khứ vui vẻ tới sự hoài niệm trong đau đớn, cô đơn - Vần: “ang” “oi” “ây” đều mang âm hưởng vang động giống như miền kí ức kéo dài thêm nỗi nhớ của thi sĩ, sự nuối tiếc xa vời - Hình ảnh: Đặc tả mùa xuân đầy tươi đẹp ở hai khổ thơ đầu, gợi không khí vui tươi. Hai khổ thơ sau là hình ảnh người con gái bỏ cuộc chơi đi theo chồng, tạo sự tiếc nuối, buồn man mác. Tất cả xuân sắc, xuân đẹp huy hoàng ấy chỉ là một ánh chớp kỷ niệm thoáng qua mà thôi. Cái còn lại, khiến người ta thêm buồn, đó là cái ký ức về xuân thì của “chị ấy” của ngày xa xưa. Cho nên, ở hiện tại, người khách xa sự nhớ cũng là để ngậm ngùi, tiếc thương – tiếc hương cho cái đẹp không biết bây giờ có còn không. → Cảm xúc trân trọng về đẹp của mùa xuân, về đẹp của thời thanh xuân thiếu nữ nhưng cũng buồn bã, xót xa cho những gì phải chia xa.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về một câu thơ hay một hình ảnh gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ Mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử. b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Hàn Mặc Tử là một thi sĩ có phong cách thơ riêng biệt, độc đáo. Ông để lại cho đời nhiều tập thơ nổi tiếng như Gái Quê, Thơ Điên hay Chơi Giữa Mùa Trăng. Bài thơ "Mùa xuân chín" là một bài thơ tiêu biểu, góp phần làm nên tên tuổi của nhà thơ. Tựa đề bài thơ đầy ấn tượng "Mùa xuân chín", ta nghe như có sự mềm mại, hương thoang thoang của vị xuân rạo rực mà không kém phần đậm thắm, ý tứ hắt chòng những tầng sâu ý nghĩa khiến ta tò mò muốn khám phá, thôi thúc ta đi sâu vào nội dung tác phẩm để khám phá nét "chín" của mùa xuân trong thơ Hàn Mặc Tử ra sao. <i>"Trong làn nắng ửng khói mơ tan Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng Sột sọt gió trên tà áo biếc Trên giàn thiên lý bóng xuân sang"</i> Bức tranh mùa xuân chốn thôn quê thật thanh bình, duyên dáng mà đậm thắm yêu thương. Trong làn nắng nhẹ của bầu trời, làn khói xanh như tan đi, tạo nên vẻ đẹp như mơ như thực, không quá chi tiết, chỉ đôi nét chấm phá nhưng khiến ta không khỏi xuyến xao trước khung trời đầy yên bình lúc này. Trên những mái nhà tranh nơi quê nghèo lấm tấm màu

	hoa thiên lý điểm tô, cơn gió nhẹ đung đưa những chiếc lá xanh biếc tạo nên thứ âm thanh lạ lùng" sột soạt", tất cả đều quá đỗi nhẹ nhàng mà thân thương. Mùa xuân đang len lỏi vào cảnh vật, trên giàn thiên lý báo xuân về, mùa xuân đến, cây cỏ, thiên nhiên, đất trời, và lòng người như hoà quyện lấy nhau
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ nội dung bài thơ với hoàn cảnh của Hàn Mặc Tử. b. Nội dung thực hiện: GV đặt vấn đề, HS thảo luận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Hàn Mặc Tử phải sống trong cảnh tuyệt vọng vì bệnh tật trong nhà thương Tuy Hòa tuy nhiên ông vẫn sáng tác, vẫn làm thơ và vẫn giao cảm mãnh liệt với cuộc đời. Trình bày suy nghĩ của con về câu nói sau của Hàn Mặc Tử, liên hệ với những trường hợp trong xã hội ngày nay khi các bạn trẻ không trân trọng sự sống, coi sự sống thật sự rất mong manh để rồi ra đi từ khi còn quá trẻ. <i>Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ - sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã hát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui buồn hờn giận đến gần đứt sự sống.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Gợi ý một số câu trả lời tham khảo - Chính vì càng trong hoàn cảnh ngặt nghèo, khổ đau con người càng khao khát sống, khao khát có được một cuộc sống hạnh phúc, bình thường - Hàn Mặc Tử đang ở độ “chín” nghề nhất, khao khát được yêu thương, khao khát được sống hòa mình vào cuộc sống bình thường. Chính vì vậy, dù chỉ còn một chút hơi thở cuối cùng, thi sĩ họ Hàn vẫn luôn sống hết mình, yêu đời khát sống trọn vẹn - Xã hội ngày nay, nhiều bạn trẻ vẫn coi nhẹ sự sống, coi thường chính sinh mạng để rồi ra đi khi còn quá trẻ. Các bạn cần được giáo dục rằng sự sống là trân quý và chỉ khi nào ta sống hết mình, lạc quan và hòa mình vào cuộc sống ta mới hiểu được giá trị trọn vẹn của việc sống và được sống - Tuy nhiên, cũng cần có những biện pháp trị liệu tâm lý dành cho những trường hợp có suy nghĩ tiêu cực, trầm cảm để những người còn đang u uất sớm lấy lại tinh thần và tận hưởng cuộc sống trọn vẹn hơn.

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung về Thơ mới ,tác giả, tác phẩm



Họ và tên: _____
Lớp: _____

HOÀN CẢNH RA ĐỜI

GHI LẠI MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN VÀ NÓI VỚI CÁC TÁC GIẢ CHO PHÙ HỢP

Giai đoạn 1: _____

Giai đoạn 2: _____

Giai đoạn 3: _____

● Huy Cận

● Xuân Diệu

● Bích Khê

● Chế Lan Viên

● Thế Lữ

● Lưu Trọng Lư

● Hàn Mặc Tử

Tiết 17. BẢN HÒA ÂM NGÔN TỪ TRONG “TIẾNG THU” CỦA LƯU TRỌNG LƯ (Chu Văn Sơn)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS hệ thống hoá lại các đơn vị kiến thức về đặc trưng của thơ và phương pháp để đánh giá giá trị thẩm mỹ của một tác phẩm thơ.
- HS nắm bắt các bước đi, các thao tác cần thiết để viết một bài nghị luận về thơ ca.
- Kiến thức về phong trào Thơ mới.

2. Năng lực

- Đọc văn bản nghị luận, nhận biết được chủ đề, các luận điểm chính, cách triển khai các luận điểm.
- Năng lực tự học, hoạt động nhóm, năng lực giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

Trân trọng và yêu vẻ đẹp của thơ nói riêng và vẻ đẹp thẩm mỹ của cuộc sống nói chung

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Xây dựng kế hoạch bài dạy, giao nhiệm vụ cho học sinh (Phiếu giao nhiệm vụ trước khi học); chuẩn bị tranh, ảnh, video, trò chơi, phiếu học tập...

2. Chuẩn bị của học sinh: Thực hiện đọc văn bản, đọc tài liệu theo yêu cầu của giáo viên...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Chơi trò chơi: **TIẾP SỨC**

GV đặt câu hỏi: Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ

HS truyền bút, GV phát đoạn nhạc, nhạc dừng ở đâu HS chia sẻ ý kiến, thư kí lớp ghi lại

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và giao nhiệm vụ <i>Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời khi đến lượt Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: <i>Tìm hiểu về một bài phân tích những điều đặc sắc của một bài thơ và học hỏi cách phân tích một bài thơ.</i>	HS có thể chia sẻ - Khó khăn: + Khó đoán được những ý nghĩa ẩn sau lớp ngôn từ tương đối ngắn gọn + Phát hiện về các âm điệu, ngôn từ + Nhiều từ ngữ mới mẻ, khó đoán nghĩa - Thú vị: + Sự hòa điệu giữa ngôn ngữ và âm nhạc, mỹ thuật (âm thanh, hình ảnh) + Nỗi niềm ẩn dấu sau những câu từ ngắn gọn, đẹp đẽ của tác giả.

Hoạt động 2. Hình thành tri thức

I. Chuẩn bị trước Đọc

a. Mục tiêu:

- HS biết đọc cước chú để có kiến thức về các tác giả.
- Hình thành phản xạ tra cứu khi học bài
- Học sinh biết tự tìm hiểu tri thức công cụ phục vụ cho hoạt động đọc
- Hình thành cách thao tác đọc nghiên cứu cho học sinh

b. Nội dung:

HS đọc SGK, làm việc cặp đôi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của cặp đôi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
1/Hướng dẫn đọc cước chú Bước 1: GV hướng dẫn học sinh đọc cước chú trong văn bản ở mục chú thích tr 53 Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: HS trình bày những gì mình đã tìm hiểu trong phần cước chú Bước 4: GV chốt lại những thông tin quan trọng nhất trong phần cước chú.	I. Tìm hiểu chung 1. Về Lưu Trọng Lư và Chu Văn Sơn - Lưu Trọng Lư là người làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông sinh trưởng trong một gia đình quan lại xuất thân nho học. Thuở nhỏ, ông học trường tỉnh, rồi học ở Huế (đến năm thứ 3 tại Quốc học Huế) và Hà Nội. Sau đó, ông bỏ học đi dạy tư, làm văn và làm báo để kiếm sống. - Chu Văn Sơn (1962 – 2019), nhà nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại. Các tác phẩm chính đã xuất bản: <i>Ba đỉnh cao Thơ mới: Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử</i> (2005), <i>Thơ – điệu hồn và cấu trúc</i> (2007), <i>Tự tình cùng cái Đẹp</i> (2019).
2/Đọc bài thơ và tra cứu thuật ngữ Bước 1: GV hướng dẫn học sinh biết cách tra cứu thuật ngữ, từ Hán Việt, từ mới... Hình thành phản xạ tra cứu khi học bài. Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: HS trình bày những gì mình đã tìm hiểu trong phần thuật ngữ Bước 4: GV chốt lại những thông tin quan trọng nhất về thuật ngữ <i>phong trào Thơ mới</i> và <i>mĩ cảm</i>.	2. Thuật ngữ -<i>phong trào Thơ mới</i>: một phong trào thơ diễn ra từ năm 1932 đến năm 1945, đã làm nên một cuộc cách mạng trong thi ca, đưa thơ Việt Nam thực sự bước vào quỹ đạo hiện đại. -<i>mĩ cảm</i>: cảm xúc về cái đẹp trong cuộc sống, trong nghệ thuật được tác phẩm văn học gợi lên.

II. Khám phá văn bản

1. Đọc văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản;

-HS biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc.

b. Nội dung: HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
NV: Hướng dẫn học sinh đọc- tóm tắt văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn cách đọc văn bản, chú ý các hộp chỉ dẫn</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. - GV quan sát, gợi mở Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:	Ghi chú trong khi đọc ở các box bên phải VB. II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. ĐỌC VĂN BẢN Câu 1: Trước khi đọc tiếp văn bản của Chu Văn Sơn, hãy dừng lại đọc bài thơ của Lưu Trọng Lư và liệt kê những yếu tố hình thức ở bài thơ có thể gây ấn tượng và liên tưởng mạnh ở người đọc. <u>Trả lời:</u> Những yếu tố hình thức ở bài thơ có thể gây ấn tượng và liên tưởng mạnh ở người đọc: - Hình thức viết hoa ở chữ đầu của câu thơ: Viết hoa 3 trên 9 câu thơ - Khổ thơ không đồng đều: khổ 5 câu; khổ 4 câu => Người đọc sẽ liên tưởng đến một bài văn xuôi hơn là một bài thơ trữ tình. Câu 2: Trong đoạn (2) và (3), thao tác lập luận chính mà tác giả sử dụng là gì? <u>Trả lời:</u> Trong đoạn (2) và (3), thao tác lập luận chính mà tác giả sử dụng là: Thao tác lập luận chứng minh. Câu 3: Xác định câu chủ đề của đoạn (4). <u>Trả lời:</u> Câu chủ đề của đoạn (4): Tiếng thu là cả một bản hòa âm vừa mơ hồ vừa hiển hiện của bao nỗi xôn xao ngấm ngấm trong lòng tạo vật đang hòa điệu với nỗi xôn xao huyền diệu của hồn thi nhân. Câu 4: Từ đoạn (5) đến đoạn (7), tác giả tập trung phân tích những yếu tố hình thức nào của bài thơ? <u>Trả lời:</u> Từ đoạn (5) đến đoạn (7), tác giả tập trung phân tích những yếu tố hình thức của bài thơ:

	- Đoạn (5): Yếu tố về âm điệu: bài thơ tựa như một ca khúc - Đoạn (6): Khổ thơ. Cấu trúc ngôn từ tự nó đã chia bài thơ thành ba phần nội dung tương ứng với ba câu hỏi. - Đoạn (7): Sự lặp lại của vần và nhịp: Hiệp vần bằng cả hai hệ thống: vần bằng và vần trắc. Câu 5: Từ đoạn (8) đến đoạn (12), tác giả tập trung phân tích khía cạnh gì của bài thơ? <u>Trả lời:</u> Từ đoạn (8) đến đoạn (12), tác giả tập trung phân tích khía cạnh của bài thơ: Phân tích cấu trúc ngôn từ mang tính nhạc, phân tích thứ tiếng của mùa thu: tiếng thôn thức, tiếng rạo rực, tiếng lá thu xào xạc, và âm hưởng của toàn bài thơ: âm bằng. Câu 6: Xác định câu chủ đề của đoạn (13) <u>Trả lời:</u> Câu chủ đề của đoạn (13): Tôi cứ nghĩ, Lưu Trọng Lư chính là chú nai kia, bởi cái nghiêng tai ngơ ngác thi sĩ của nó.

2. Hình thành kiến thức:

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật
- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong chỉnh thể tác phẩm
- Biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thuộc hai nền văn hóa khác nhau
- Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa

b. Nội dung:

HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập:

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Hướng dẫn học sinh tìm hiểu 6 câu hỏi sau khi đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ. Chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm từ 5-6 HS và tổ chức thảo luận nhóm theo trình tự câu hỏi sau: N1: Câu 1: Theo phân tích của tác giả, “tiếng thu” và “tiếng thơ” tương ứng với những bình diện nào trong bài thơ của Lưu Trọng Lư?	2. SAU KHI ĐỌC 2.1. Các bình diện của “tiếng thu” và “tiếng thơ” trong bài thơ của Lưu Trọng Lư Trong văn bản, hai cụm từ “tiếng thu” và “tiếng thơ” được tác giả in hoa với dụng ý nhấn mạnh. Theo phân tích của tác giả Chu Văn Sơn, “tiếng thu” là những âm thanh mơ hồ, tinh tế của đất trời và của tâm hồn con người; “tiếng thơ” chính là hình thức của bài thơ, là tổ chức ngôn từ để làm sống dậy “tiếng thu”, gây ấn tượng cho người đọc. Hay nói cách khác: “Tiếng thu”

N2:Câu 2: Trình tự của bài viết đi từ "tiếng thu" hay "tiếng thơ"? Theo tác giả, "tiếng thu" trong bài thơ của Lưu Trọng Lư là gì? N3:Câu 3: Đánh giá về tính hợp lí của cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết. N4:Câu 4: Theo tác giả, sự khác biệt lớn nhất trong cách miêu tả thiên nhiên của Thơ mới so với thơ cổ điển là gì? Nguyên nhân nào dẫn đến sự khác biệt ấy? N5:Câu 5: Khi phân tích ngôn từ trong bài thơ Tiếng thu, những thao tác nào được nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn thường xuyên sử dụng? Theo bạn, tại sao những thao tác ấy lại rất cần thiết trong việc cảm thụ giá trị thẩm mỹ của ngôn từ thơ? N6:Câu 6: Từ gợi ý trong bài viết của Chu Văn Sơn, theo bạn, sức hấp dẫn của một bài thơ nằm ở những yếu tố nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS đọc thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	– Bình diện cảm xúc, nội dung còn “Tiếng thơ” – Bình diện hình thức, nghệ thuật cấu tạo nên “Tiếng thu” 2.2. Trình tự của bài viết và ý nghĩa “Tiếng thu” trong thơ Lưu Trọng Lư - Trình tự của bài viết đi từ “tiếng thu” hay “tiếng thơ”: Trình tự của bài viết đi từ “tiếng thơ”, dẫn dắt đến “tiếng thu” rồi lại “tiếng thơ”, có sự đan xen không tách rời riêng biệt. - Theo tác giả, “tiếng thu” trong bài thơ của Lưu Trọng Lư là: + Tiếng thu không phải là một âm thanh riêng rẽ nào, cũng không phải là một tập hợp giản đơn nôm na của nỗi thổn thức trong đất trời, nỗi rạo rực trong lòng người và tiếng xào xạc của lá rừng. Tiếng thu là một điệu huyền. + Tiếng thu là cả một bản hòa âm vừa mơ hồ vừa hiển hiện của bao nỗi xôn xao ngấm ngấm trong lòng tạo vật đang hòa điệu với nỗi xôn xao huyền diệu của hồn thi nhân. 2.3. Tính hợp lí trong cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết - Cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết là rất hợp lí. Người phê bình cần phải bám sát văn bản được phê bình, thể hiện sự đồng cảm thấu hiểu với nhà thơ, tích cực làm cầu nối giữa văn bản và độc giả, giúp độc giả cảm nhận được nét độc đáo của văn bản -Mở đầu gợi dẫn về “hồn thơ” và “hồn thu”, bàn về cái “động” cái “tĩnh” trong thơ cổ điển và Thơ mới, bàn về âm điệu của bài thơ, cách sử dụng từ ngữ (từ láy, từ tượng thanh), âm hưởng bài thơ và cấu trúc của bài thơ 2.4. Sự khác biệt trong miêu tả thiên nhiên của thơ cổ điển và Thơ mới. - Theo tác giả, sự khác biệt lớn nhất trong cách miêu tả thiên nhiên của Thơ mới so với thơ cổ điển là: Thơ xưa thiên nhiên tĩnh lặng, miên viễn. Yên bình, thanh vắng trở thành một đặc tính của vẻ đẹp thiên nhiên trong nghệ thuật cổ điển. Còn Thơ mới không như thế. Âm hưởng đặc trưng nhất vang lên từ đáy hồn thơ mới là tiếng xôn xao. - Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt: Đó là các nhà Thơ mới không nhìn thiên nhiên bằng cái chiêm nghiệm, mà họ muốn vào dò la cái sự sống tiềm tàng chất chứa bên trong lòng tạo vật, khám phá sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên. 2.5. Thao tác lập luận khi phân tích ngôn từ của bài thơ có tác dụng trong việc làm nổi bật giá trị thẩm mỹ của bài thơ

	- Khi phân tích ngôn từ trong bài thơ Tiếng thu, những thao tác được nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn thường xuyên sử dụng: Thao tác lập luận phân tích, chứng minh. - Những thao tác ấy lại rất cần thiết trong việc cảm thụ giá trị thẩm mỹ của ngôn từ thơ, vì cảm nhận thơ, phải gắn liền với phân tích từ ngữ, chứng minh qua từ ngữ. Có như vậy, mới có thể hiểu đúng, hiểu đủ và hiểu hay về ý nghĩa bài thơ biểu đạt. 2.6. Xác định các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của một bài thơ Sự thống nhất, hài hoà giữa bình diện biểu đạt và bình diện được biểu đạt, giữa tổ chức ngôn từ và cái nhìn thế giới độc đáo. + Hình thức: Âm điệu, ngôn từ, âm hưởng, cấu trúc + Nội dung: Ý nghĩa cao đẹp về cuộc sống, sự sống hay các vẻ đẹp có giá trị thẩm mỹ cao

Hoạt động 3. Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ
- b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài viết kết nối đọc
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Qua các tác phẩm được giới thiệu trong bài về đẹp của thơ ca, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ về điều làm bạn thấy thú vị, hấp dẫn khi đọc thơ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV và HS có thể tham khảo bài làm mẫu sau Thơ là sản phẩm của sự sáng tạo nghệ thuật được coi là xuất hiện gần như sớm nhất trong đời sống của loài người. Đã có hàng ngàn định nghĩa nhưng chưa có một định nghĩa nào có thể diễn đạt được một cách toàn diện và sâu sắc về thơ. Do đó người ta hiểu rằng định nghĩa về thơ là rất khó. Chỉ có thể thừa nhận rằng thơ là thể loại tiêu biểu cho sự tinh túy của nghệ thuật ngôn từ. Khi đọc một bài thơ bất kì, ta thường bị hấp dẫn bởi hình thức, nghệ thuật, rồi mới đến nội dung của bài thơ. Thơ là một sản phẩm của sáng tạo in đậm dấu ấn chủ quan của người làm thơ, do đó, khi đọc thơ cần chú ý những đóng góp riêng của tác giả bài thơ về tứ thơ, cảm hứng, tư tưởng. Nhưng các yếu tố quan trọng này lại được thể hiện qua những rung động, xúc cảm được diễn đạt bằng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ. Cho nên, chỉ có thể bằng cách liên tưởng, đối chiếu, so sánh giữa bài thơ đang đọc với các bài thơ khác của chính tác giả; giữa thơ của tác giả với nhiều nhà thơ cùng thời hoặc trước đó cùng chung đề tài. Thí dụ: Đọc bài Đây mùa thu tới của Xuân Diệu trong sự liên tưởng so sánh với Thu ẩm của Nguyễn Khuyến, Cảm thu, Tiễn thu của Tản Đà hoặc so sánh giữa Đây mùa thu tới với Tiếng thu của Lưu Trọng Lư, Tỳ Bà của Bích Khê... Một bài thơ là một thế giới khép kín, muốn hiểu và làm chủ được thế giới ấy cần biết cách đi vào nó vào những thời điểm thích hợp. Đó là khi tâm hồn người đọc có nhu cầu chia sẻ, thường thức cái đẹp, hay đơn giản chỉ muốn thấu hiểu con người và

	cuộc đời.

Hoạt động 4. Vận dụng

(Có thể giao về nhà)

- a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng phương pháp để đọc hiểu một văn bản thơ
- b. Nội dung thực hiện:** HS viết, vẽ hoặc lập sơ đồ tư duy, phương pháp để đọc hiểu một tác phẩm thơ.
- c. Sản phẩm học tập:** HS thực hiện theo yêu cầu
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện vẽ, viết hoặc lập sơ đồ tư duy, biểu đồ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV và HS tham khảo phương pháp đọc hiểu tác phẩm thơ qua các bước sau: Bước 1. Đọc kĩ tác phẩm thơ Bước 2. Gạch chân hoặc chú thích những từ ngữ, những yếu tố về hình thức gây ấn tượng mạnh Bước 3. Xác định các nội dung bằng cách đặt câu hỏi: Cấu trúc, âm điệu, âm hưởng, ngôn từ của bài thơ có gì đặc biệt? Điều đó được thể hiện thế nào? Vì sao tác giả lại viết như vậy mà không phải cách diễn đạt, tổ chức khác? Bước 4. Dự đoán tâm sự của tác giả trong bài thơ, có liên hệ gì với mặt hình thức vừa thực hiện ở bước 3. Bước 5. Vận dụng thao tác: So sánh, thống kê, đối lập, phân tích, chứng minh để cảm nhận cái hay và cái đặc sắc của bài thơ

Tiết 18. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT LỖI DÙNG TỪ, LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA

I. Mục tiêu

- 1. Kiến thức:** Nhận biết và sửa được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn tả chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp.
- 2. Năng lực:** Giao tiếp bằng tiếng Việt, tạo lập văn bản.
- 3. Phẩm chất:**
- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
 - HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
 - Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Thiết bị và học liệu

- 1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.
- 2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. Tiến trình dạy học

1. TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong SGK
HS chuẩn bị: làm bài tập

2. TRÊN LỚP:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về lỗi dùng từ trong tiếng Việt.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Cách 1: PP vấn đáp

GV đưa một số ngữ liệu lấy từ ngôn ngữ chat của HS và yêu cầu HS thử tài dịch:

“Hum ni là 14-2 đéy pà kon a, pọn na đy pán hoa đéy! ty hok lờn nhưng thấy zui zui, (Hôm nay là 14/2 đây bà con a, bạn Na đi bán hoa đây! Tuy không lờn nhưng thấy vui vui).

- “Nó lun mún ny of nó fone or nt or wan tâm như pạn nó vẫn thường thía mek dù zì nó là con gái làm shao có thía!!! ...”. (Nó luôn muốn người yêu của nó điện thoại, hay nhắn tin, hay quan tâm như bạn nó vẫn thường thế vì nó là con gái làm sao có thể...)

- “Ngoi`pun` hok bjk lem`je^`, vo^ tinh` nghj~ den' anh, hok bjk jo` nay` anh đang làm`j` ta?”. (Ngồi buồn không biết làm gì, vô tình nghĩ đến anh, không biết giờ này anh đang làm gì ta?).

* Qua những dòng ngôn ngữ chat đó, em có suy nghĩ gì về tiếng Việt trong giai đoạn hiện nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến câu trả lời của HS:

Giới trẻ đang sử dụng tiếng Việt theo trào lưu sử dụng tiếng lóng, tiếng địa phương, đan xen ngoại ngữ để giao tiếp hoặc thường xuyên biến đổi tiếng Việt theo cách viết tắt để tiết kiệm thời gian. Thực trạng sử dụng lệch chuẩn ngôn ngữ tiếng Việt đang dần phổ biến trong giới trẻ ở nhiều độ tuổi, nhất là HS.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- **GV kết nối, dẫn vào bài:** Tiếng Việt là ngôn ngữ chung và phổ biến nhất ở nước ta. Tiếng Việt có những vẻ đẹp, sự độc đáo và có những yêu cầu sử dụng riêng. Ở tiết học ngày hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu những lỗi cơ bản trong sử dụng tiếng Việt và cách sửa chữa để việc sử dụng tiếng Việt trở nên đúng chuẩn và hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cặp đôi để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
*Tìm hiểu lỗi dùng từ và cách sửa Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân: - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, tìm hiểu có những lỗi dùng từ nào và cách sửa. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	I. Lỗi dùng từ và cách sửa 1. Lặp từ - Trường hợp một từ ngữ được dùng nhiều lần trong một câu, một đoạn khiến câu, đoạn đó trở nên nặng nề, rườm rà được coi là lặp từ. - Cách sửa: bỏ từ bị lặp hoặc thay bằng đại từ hay từ đồng nghĩa. - Cần phân biệt lỗi lặp từ với phép lặp trong liên kết câu và lặp tu từ (điệp ngữ). Lỗi lặp từ thể hiện sự vụng về, thiếu cẩn thận trong việc sử dụng ngôn ngữ. 2. Dùng từ không đúng nghĩa - Nguyên nhân đưa đến lỗi này là người viết không hiểu đúng nghĩa của từ ngữ mình dùng, nhất là các thành ngữ, từ Hán Việt, thuật ngữ khoa học. - Cách sửa: cần sử dụng thường xuyên từ điển tiếng Việt, từ điển Hán Việt, từ điển thuật ngữ chuyên ngành có uy tín. 3. Dùng từ không đúng phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản - Nguyên nhân: Người viết chưa ý thức được những ràng buộc của ngữ cảnh hay tính đặc thù của kiểu loại văn bản, từ đó lựa chọn từ ngữ không thích hợp, làm giảm hiệu quả giao tiếp. - Cách sửa: người viết cần quan tâm thực sự đến hoàn cảnh giao tiếp, nắm vững đặc điểm phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản được sử dụng. II. Lỗi trật tự từ và cách sửa - Nhiều cụm từ, câu trong tiếng Việt chỉ khác nhau do trật tự sắp xếp giữa các từ.
*Tìm hiểu lỗi trật tự từ và cách sửa Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân:	

- GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, tìm hiểu có những lỗi trật tự từ nào và cách sửa. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	- Trong giao tiếp thông thường, các từ trong câu cần được sắp xếp theo trình tự đúng với quy tắc ngữ pháp. Nếu không tuân thủ thì câu bị coi là mắc lỗi về trật tự từ. - Cách sửa: Cần nắm vững quy tắc ngữ pháp, hiểu được mục đích giao tiếp. Đặc biệt cần thường xuyên luyện tập các sử dụng tiếng Việt.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** HS thực hành các bài tập sửa lỗi dùng từ và lỗi trật tự từ.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào vở
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Theo dõi SGK trang 58, 59, 60 và trả lời các bài tập vào vở. Bài tập 1: Làm việc theo cặp Tìm lỗi dùng từ Bài tập 2: Làm việc cá nhân Tìm lỗi về trật tự từ Bài tập 3: Làm việc cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi đại diện một số HS phát biểu. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).	III. Luyện tập 1. Bài tập 1 a. Thừa “nhà thơ” b. Thừa “cũng như” c. Thừa “bài thơ” d. Thừa “mượn” e. Sửa “trí thức” g. Thừa “của nhân vật trữ tình” h. Thừa “rất ư” 2. Bài tập 2: Những câu mắc lỗi về sắp xếp trật tự từ trong câu và cách sửa: a. Một bộ phận đông đảo độc giả đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử. c. Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch cảm xúc hơn là mạch sự kiện của bài thơ. d. Hình ảnh đời thường xuất rất nhiều hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản e. Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống khơi gợi liên tưởng. f. Điều làm người đọc thích thú ở bài thơ này là cách gieo vần độc đáo. g. Trong bài thơ “Tiếng thu”, các từ láy tượng thanh đóng vai trò quan trọng. h. Nhà thơ lãng mạn cho phép giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng. 3. Bài tập 3 - HS tự đọc lại bài viết của mình và tìm lỗi sai
*Thực hành bài tập ngoài SGK Trò chơi: Ai nhanh hơn? Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cung cấp một số câu hỏi trắc nghiệm vui để kiểm tra HS. GV chiếu silde, kết hợp với đọc câu hỏi. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, giơ tay phát biểu sau khi GV đọc xong mỗi câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	TRÒ CHƠI: AI NHANH HƠN?  1) Món bánh truyền thống của dân tộc Việt, làm bằng gạo nếp, có nhân là đỗ xanh, thịt,... A. Bánh trưng B. <u>Bánh chưng</u>

Sau khi GV đọc câu hỏi xong, GV gọi HS giờ tay nhanh nhất để trả lời. Bước 4: Đánh giá, chốt kiến thức.	 	2) Bánh làm bằng bột nếp, lọc trong và quánh, có nhân đường hoặc nhân đậu xanh. A. Bánh xu xê B. <u>Bánh su sê</u> C. Bánh su xê D. Bánh xu sê 3) Bánh làm bằng xôi, giã thật mịn, nặn thành hình tròn, dẹt, không nhân hoặc có nhân đậu xanh. A. <u>Bánh giày</u> B. Bánh dày C. Bánh giày D. Bánh dày

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn bày tỏ cảm nghĩ về một nhân vật thần thoại.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân: - GV đưa ra một số câu văn mắc lỗi dùng từ của HS trong bài kiểm tra gần nhất. GV yêu cầu HS phát hiện ra lỗi sai và sửa lại cho đúng. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	- HS tự đọc lại bài viết của mình và tìm lỗi sai

PHẦN 3: VIẾT

Tiết 19,20: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ và viết được bài văn thuộc kiểu văn bản này.
- Học sinh biết liên hệ với các kiến thức về thể loại thơ trong phần Tri thức ngữ văn của bài học với các văn bản thơ đã học ở phần Đọc của bài học.

2. Năng lực

- Học sinh thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài.
- Rèn năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, tự đánh giá.

3. Phẩm chất

Chủ động, tự giác, tự kiểm soát.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

Máy chiếu, máy tính, bảng, giấy A4, giấy A0, bút phốt, thước kẻ,...

2. Học liệu

- GV: SGK, SGV, Kế hoạch bài học Ngữ văn 10, phiếu học tập,...
- HS: SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

- Giáo viên kiểm duyệt sĩ số học sinh.
- Lớp trưởng báo cáo sĩ số lớp học.

2. Kiểm tra

? Em hãy đọc diễn cảm bài thơ Tiếng thu của nhà thơ Lưu Trọng Lư?

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

Tạo tâm thế và định hướng bài học cho học sinh, kết nối những bài học trước đó.

b. Nội dung

- Giáo viên đưa ra 1 ngữ liệu để học sinh chia sẻ cảm nhận.
- Giáo viên dẫn dắt vào bài học.
- HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm

Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ).

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên đưa ra 1 ngữ liệu để học sinh chia sẻ cảm nhận: Qua bài bình thơ <i>Tiếng thu</i> của nhà phê bình Chu Văn Sơn mà các em đã học ở văn bản 6. Giáo viên đặt câu hỏi, yêu cầu học sinh trả lời: Việc cảm thụ giá trị của một bài thơ cần phải bắt đầu từ đâu? Và lưu ý những điểm nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả GV mời học sinh trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - Giáo viên dẫn dắt vào bài học.	- Việc cảm thụ giá trị của bài thơ cần phải bắt đầu từ việc nhận ra và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của ngôn từ thơ, nhưng để nhận ra giá trị thẩm mỹ đó, không thể chỉ dựa vào những nhận xét đại khái, mang tính chất định tính. Luôn cần một sự khảo sát, thống kê kỹ lưỡng bởi mọi nhận xét đều phải được nêu ra trên nền một dữ kiện xác thực, chắc chắn. Bên cạnh đó, việc so sánh, đối chiếu giá trị biểu đạt của từng từ ngữ khác nhau có ý nghĩa rất quan trọng, vì trong sáng tác thơ, việc lựa chọn từ ngữ luôn có một ý nghĩa đặc biệt. - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

	Viết bài văn phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là công việc để thực hành và kiểm tra việc chiếm lĩnh các tri thức văn học và tiếng Việt trong bài 2 - Vẻ đẹp của thơ ca. Đây là kiểu bài văn nghị luận đòi hỏi người viết biết nhận diện, cảm thụ đánh giá phương diện hình thức thẩm mỹ cũng như cảm xúc, suy tưởng được biểu đạt trong một tác phẩm thơ cụ thể. Vậy để viết được kiểu bài này, các em cần phải thực hiện những yêu cầu nào và cách viết ra sao? Tiết học hôm nay sẽ giúp các em làm rõ những nội dung đó.

Hoạt động 2: Luyện viết

I. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

1. Đọc cơ bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm thơ.

- Học sinh xác định được đúng các luận điểm trong bài viết, tóm lược được nội dung các luận điểm.

b. Nội dung

- Bước 1: HS đọc toàn bộ văn bản ở nhà.

- Bước 2: Đọc xác định vấn đề, đánh dấu và ghi chú (hoạt động nhóm - Phiếu học tập số 1)

+ Tìm hiểu nhan đề: liên hệ với bài Bản hòa âm ngôn từ trong *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư (Chu Văn Sơn) để thấy nét tương đồng của nhan đề bài viết.

+ Xác định luận điểm: HS dựa vào các box trong SGK.

c. Sản phẩm

Kết quả hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc toàn bộ văn bản ở nhà. - Đọc xác định vấn đề, đánh dấu và ghi chú (hoạt động nhóm - Phiếu học tập số 1) + Tìm hiểu nhan đề: liên hệ với bài Bản hòa âm ngôn từ trong <i>Tiếng thu</i> của Lưu Trọng Lư (Chu Văn Sơn) để thấy nét tương đồng của nhan đề bài viết. + Xác định luận điểm: HS dựa vào các box trong SGK. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận. GV hỗ trợ khi cần thiết. - Thời gian hoàn thành phiếu: 10 phút - Chia sẻ: 3 phút - Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3: Báo cáo kết quả	I. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH MỘT BÀI VIẾT THAM KHẢO 1. Đọc cơ bản Phiếu học tập số 1 Phần chia sẻ của Học sinh 1.1. Tìm hiểu nhan đề bài viết Những điều xanh của mùa xuân (Đọc <i>Mùa xuân xanh</i> của Nguyễn Bính) => Nhan đề cho biết bài viết sẽ tập trung vào vấn đề gì: Vẻ đẹp tươi tắn, hồn hậu, phơi phới của mùa xuân trong bài thơ <i>Mùa xuân xanh</i> của Nguyễn Bính. 1.2. Xác định các luận điểm trong bài viết Mở bài: Giới thiệu bài thơ <i>Mùa xuân xanh</i> của Nguyễn Bính và vấn đề chính được bàn trong bài viết (luận đề). Thân bài: - Nêu ấn tượng được gợi mở từ nhan đề và câu đầu tiên của bài thơ. - Phân tích mạch triển khai hệ thống hình ảnh trong bài thơ. - Phân tích phép đối, phép điệp và hiệu quả thẩm mỹ mà các biện pháp tu từ này gợi ra.

GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Liên hệ, so sánh với thơ truyền thống để thấy được nét mới mẻ của bài thơ. - Khẳng định giá trị thẩm mỹ của bài thơ. Kết bài: - Tóm lược các ý kiến đánh giá đã được trình bày trong bài viết. - Khẳng định giá trị nhân bản và sức sống của bài thơ.

2. Đọc mở rộng, nâng cao

a. Mục tiêu:

- HS phát hiện được một vài kỹ thuật viết nâng cao.
- HS học tập cách viết để tăng cường sức sáng tạo trong bài viết cá nhân.

b. Nội dung

- HS đọc kỹ đoạn văn, phát hiện cách lập luận, cách phân tích từ ngữ, cách bình và mở rộng vấn đề.

- HS chỉ ra một hoặc vài đặc điểm diễn đạt đặc sắc.

c. Sản phẩm

HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Đoạn từ: <i>Khỏi lũy tre làng tôi nhận thấy</i> <i>Bắt đầu là cái thắt lưng xanh. ... Chỉ đến thời đại của Thơ mới, khi ý thức cá nhân của con người được giải phóng, trạng thái tinh thần đặc biệt này mới thực sự trở thành đối tượng mà thơ ca muốn khám phá và tìm cách biểu đạt.</i> - HS đọc kỹ đoạn văn, phát hiện cách lập luận, cách phân tích từ ngữ, cách bình và mở rộng vấn đề. - HS chỉ ra một hoặc vài đặc điểm diễn đạt đặc sắc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, đọc và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả GV mời học sinh trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV nhận xét kết quả bằng Rubic đánh giá hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ của phiếu học tập số 1.	2. Đọc mở rộng, nâng cao - Phân tích kỹ nhịp điệu thơ : <i>Ở những câu thơ vắt dòng này, nhịp điệu nương theo cảm xúc của con người hơn là tuân thủ quy tắc của ngữ pháp. Nhịp điệu ấy là nhịp điệu của nỗi hân hoan và cả niềm hồi hộp khi “đợi người yêu đến tự tình”.</i> - Phân tích sâu về từ ngữ: <i>Lời thơ vừa nao nức nhưng vẫn có gì ngấp ngừng, vừa e ấp mà cũng vờ lời là qua cách sử dụng các địa từ một cách lấp lửng “đồng tôi” - “đồng nàng” - “đồng anh”.</i> - Lời bình kết hợp giữa so sánh và phát hiện: <i>Nhịp điệu và lời thơ gợi nhớ đến cách nói đùa đầy duyên dáng thường bắt gặp trong ca dao xưa, nhưng cảm xúc chứa đựng trong đó lại là một tình điệu mới. Điệu cảm xúc trong bài thơ chính là một biểu hiện của ái tình “trăm hình muôn trạng”.</i> - Khái quát nâng cao: <i>Chỉ đến thời đại của Thơ mới, khi ý thức cá nhân của con người được giải phóng, trạng thái tinh thần đặc biệt này mới thực sự trở thành đối tượng mà thơ ca muốn khám phá và tìm cách biểu đạt.</i> - Diễn đạt: Người viết rất chú ý dùng phép điệp (từ ngữ, cú pháp) để lời văn uyển chuyển, giàu nhạc tính, giàu cảm xúc. => Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ, chúng ta cần: - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá).

	- Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh, ...). - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1

Nhan đề bài viết, tên tác giả, tên tác phẩm, hướng phân tích của người viết	Thông tin khái quát về tác phẩm	Các luận điểm trong bài viết (theo trình tự của văn bản)
.....		
.....		

Rubic đánh giá hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ của phiếu học tập số 1

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 - 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 - 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 - 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm - Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. - Sai lỗi chính tả.	1 điểm - Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu, trình bày cẩn thận. - Không có lỗi chính tả.	2 điểm - Bài làm đầy đủ, chỉnh chu, trình bày cẩn thận. - Không có lỗi chính tả.
Điểm			
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm - Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	4 – 5 điểm - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. Có ít nhất 1- 2 ý mở rộng nâng cao.	6 điểm - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao. - Có sự sáng tạo.
Điểm			
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm - Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ. - Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động.	1 điểm - Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất. - Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động.	2 điểm - Hoạt động gắn kết, Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.
Điểm			
TỔNG			

Tiết 21. (Nói và nghe)

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được đặc trưng của kiểu bài thuyết trình.
- Biết cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực cốt lõi:

- **Nói:** Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- **Nghe:** Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- **Nói nghe tương tác:** Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

3. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...
- **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

-GV chiếu video đã chuẩn bị(sưu tầm) trước về Hàn Mặc Tử và bài *Mùa xuân chín*. -HS xem video giới thiệu. Từ đó thử rút ra kinh nghiệm nói bằng cách trả lời nhanh các câu hỏi:

Clip trên có sự tương tác với người nghe không?	
Nội dung clip là gì?	
Clip hướng trọng tâm vào vấn đề gì?	
Nhận xét về ngôn từ được sử dụng trong clip?	
Phản bình và phân đọc thơ làm dẫn chứng có khác nhau về giọng điệu không?	
Hình ảnh có phù hợp với bài nói không?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dẫn dắt vào nội dung tiết học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm vững những yêu cầu chung của việc giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ
- b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-GV giao nhiệm vụ: Muốn giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? -HS thực hiện nhiệm vụ: dựa vào phần định hướng trong SGK GV quan sát, khuyến khích	I. Những yêu cầu của bài giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ - Nắm vững các thông tin một cách ngắn gọn về: nhan đề bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,... - Hiểu rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của một tác phẩm thơ. - Nêu quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mời gọi những thảo luận xa hơn. - Tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE

- a. Mục tiêu:** HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. Nội dung:** HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng. -GV giao nhiệm vụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính) ? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình -HS thực hiện nhiệm vụ:	II. Chuẩn bị nói và nghe 1. Chuẩn bị nói: a. Lựa chọn đề tài: - Vấn đề thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ (“Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính.) - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp. - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 3- 5 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với nội dung thuyết trình. - Chuẩn bị nội dung trình bày: + Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học. + Tập đọc diễn cảm bài thơ “Mùa xuân xanh” để làm dẫn chứng. b. Tìm ý và sắp xếp ý: Xem lại hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói. Ví dụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính) “Mùa xuân xanh” – Nguyễn Bính

HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài giới thiệu, đánh giá Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.	Lí do lựa chọn “Mùa xuân xanh” Ý nghĩa nhan đề bài thơ “Mùa xuân xanh” Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình Vẻ đẹp của hình tượng thơ Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác c. Xác định từ ngữ then chốt: Cần ghi nhớ những từ ngữ quan trọng đã được dùng trong bài viết nhằm phân tích một điểm sáng nào đó ở bài thơ. d. Phương tiện hỗ trợ: - Chuẩn bị bài trình chiếu PowerPoit với các thông tin chất lọc, cần cân nhắc về số lượng slide sử dụng. Có thể sử dụng các kênh âm thanh, kênh hình ảnh. (- Người nói cũng có thể chuẩn bị văn bản tác phẩm thơ sẽ thuyết trình để cung cấp cho người nghe trước khi trình bày bài nói. 2. Chuẩn bị nghe: - Tìm hiểu trước về vấn đề thảo luận cách sử dụng, xem xét các tri thức ngữ văn, đọc các tài liệu mà người nói có thể đã chuẩn bị và cung cấp - Chuẩn bị tâm thế là nghe và đối thoại với người thuyết trình, chú ý theo dõi các người thuyết trình phân tích từ ngữ, hình ảnh, cách sử dụng thao tác phân tích.

THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

- a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ trước cả lớp.
- b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.
- c. Sản phẩm:** HS trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của mình.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: ? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau: - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận: - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình.	III. Thực hành nói và nghe 1. Yêu cầu chung: a. Người nói: - Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị. - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điều bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,...); đảm bảo thời gian quy định. - Đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,... - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). b. Người nghe: - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.

GV giao nhiệm vụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính)
? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình
HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:
Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Thực hành nói và nghe

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình** cho bạn (theo mẫu)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

- Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình.

2. Yêu cầu cụ thể:

a. Người nói:

***Mở đầu:** Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, có thể sử dụng nhiều cách dẫn dắt khác nhau để tạo không khí cho giờ học.

Lưu ý:

+ Đây không phải là yêu cầu bắt buộc nhưng để tránh việc nói mà như đọc, người nói cần khơi gợi được sự tương tác từ người nghe.

+ Có thể chỉ cần chọn một phương diện nào đó về tư tưởng, tình cảm hoặc hình thức nghệ thuật của bài thơ mà mình thấy tâm đắc để thuyết trình.

***Triển khai:** Trình bày lần lượt các thông tin có trong bài viết theo hình thức tóm lược, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có).

+ Dành nhiều thời gian hơn để nói về những giá trị nổi bật của bài thơ mà mình đã cảm nhận được.

+ Nên nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để phát hiện giá trị thẩm mỹ hay tư tưởng trong bài thơ (liên tưởng, đối lập).

+ Với bài thuyết trình về bài thơ “Mùa xuân xanh”, cần nhấn mạnh đến các phương diện: (1) Nhan đề; (2) Mạch thơ; (3) Nhịp điệu; (4) “Mùa xuân xanh”: truyền thống và hiện đại. Có thể coi đây là các mục lớn để thiết kế slide trong trường hợp người thuyết trình sử dụng phương tiện trình chiếu.

***Kết luận:** Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện hình thức và nội dung. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn khác, phát hiện khác về bài thơ.

b. Người nghe:

- Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình.

- Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi.

Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,...)

a. Mục tiêu: HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi cá nhân.

c. Sản phẩm: Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																																
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK tr.70. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.	IV. Trao đổi 1. Người nghe - Chia sẻ những điểm bạn thấy hợp lý và hấp dẫn trong bài thuyết trình. - Nêu những điểm còn gây băn khoăn ở bài thuyết trình; góp ý, bổ sung một số nội dung giúp bài nói hoàn thiện hơn. Có thể dựa vào những tri thức ngữ văn trong bài để trao đổi về nội dung và các thao tác phân tích của người nói. - Đưa ra góc nhìn khác hay cách cảm thụ khác của mình đối với bài thơ. - Có thể đặt một số câu hỏi để người nói chia sẻ thêm những cảm xúc về bài thơ. 2. Người nói - Trả lời những thắc mắc từ phía người nghe. - Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành đối với những góp ý xác đáng, nghiêm túc. - Tự đánh giá phần trình bày của mình và chia sẻ thêm về cách trình bày đã lựa chọn. - Phản hồi và trao đổi với các ý kiến khác với tinh thần tôn trọng và cầu thị. Lưu ý: Cả người nói và người nghe cùng bổ sung những yêu cầu phải đảm bảo khi giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ. Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.</td><td></td><td></td></tr></table> Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân <table><tr><td>Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói</td><td>Đạt/</td></tr></table>	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá.			2	Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn.			3	Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình.			4	Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.			5	Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe.			6	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.			Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/
STT	Nội dung đánh giá			Kết quả																													
		Đạt	Chưa đạt																														
1	Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá.																																
2	Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn.																																
3	Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình.																																
4	Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.																																
5	Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe.																																
6	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.																																
Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/																																

		chưa đạt
	- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:	
	+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
	+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?	
	+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
	- Đánh giá chung:	
	+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
	+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	
	Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:	
	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Đạt/ chưa đạt
	- Kiểm tra kết quả nghe:	
	+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
	+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn?	
	- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
	+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
	+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG:

1. Qua bài học này, theo bạn những điều gì làm nên vẻ đẹp của thơ ca?
2. Thảo luận nhóm về một trong các chủ đề: (1) *Tại sao nên đọc thơ?* (2) *Thế nào là một bài thơ hay?*
3. Đọc lại tất cả các tác phẩm thơ đã học trong bài. Suy tầm, tập hợp một số bài thơ khác cùng thể thơ hoặc cùng đề tài và ghi chép ngắn gọn những điều bạn tâm đắc khi đọc những bài thơ đó.
4. Tìm đọc thêm một số bài phân tích thơ, từ đó rút ra những kinh nghiệm về cảm nhận và phân tích thơ ca.
5. Hãy phân tích một bài thơ được bạn đánh giá là hay (ngoài bài đã được phân tích trong phần Viết của bài học).

***GV giao nhiệm vụ,** HS hoàn thành phiếu học tập:

Phiếu học tập

Những biểu hiện của vẻ đẹp của thơ ca	
Thế nào là một bài thơ hay	
Kể tên những bài thơ bạn đã đọc và yêu thích	
Một số kinh nghiệm cảm nhận và phân tích thơ ca	

***HS báo cáo sản phẩm, thảo luận, GV chốt kiến thức:**

Phiếu học tập

Những biểu hiện của vẻ đẹp của thơ ca	- Vẻ đẹp của mạch cảm xúc nhân vật trữ tình - Vẻ đẹp của những hình tượng thơ - Vẻ đẹp của các phương tiện ngôn ngữ

Thế nào là một bài thơ hay	- Có sự độc đáo trong tổ chức hình tượng - Mới lạ trong sắp xếp dòng mạch cảm xúc - Tinh tế tài hoa trong điều khiển các phương tiện ngôn ngữ
Kể tên những bài thơ bạn đã đọc và yêu thích	- Thơ hai- cư Nhật Bản? - Thơ Đường Trung Quốc hoặc Việt Nam? - Thơ mới Việt Nam?
Một số kinh nghiệm cảm nhận và phân tích thơ ca	- Đi từ các tín hiệu thẩm mỹ để làm bật ra nội dung - Biết lựa chọn những yếu tố đặc sắc nhất để đi sâu

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học hoặc truy cập Internet để rèn luyện tiếp kỹ năng nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.
- Tìm đọc thêm một số bài thơ hai-cư Nhật Bản, thơ của Đỗ Phủ và các nhà thơ Đường Trung Quốc, Việt Nam, thơ Hàn Mặc Tử và các nhà Thơ mới,... có cùng đề tài với các bài thơ đã học.

CHUẨN BỊ BÀI 3: Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

BÀI 3: NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 11 tiết

TIẾT 23- ĐỌC

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA

I. MỤC TIÊU

- Về kiến thức
 - Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam
 - HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản.
 - HS có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết
- Về năng lực
 - Học sinh vận dụng năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận để đọc hiểu văn bản theo thể loại
 - Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết được văn bản nghị luận.
- Về phẩm chất:
 - Học sinh rèn luyện tinh thần hiếu học, có khát vọng công danh, noi gương các bậc hiền tài, trân trọng các di sản văn hóa dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sơ đồ tư duy, tranh ảnh về Văn Miếu, phiếu học tập
- Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Ôn định tổ chức
- Kiểm tra
- Bài mới

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

- Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
- Nội dung
 - GV cho HS xem hình ảnh về Văn Miếu Quốc Tử Giám và bia tiến sĩ ở Văn Miếu.
 - HS theo dõi
- Sản phẩm
 - HS thực hiện các yêu cầu của GV
 - HS hoàn thành điền các thông tin vào phiếu

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV- HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - GV chiếu hình ảnh về Văn Miếu Quốc Tử Giám và bia tiến sĩ ở đây - Thu thập thông tin HS đã biết về tên các tiến sĩ trong các triều đại phong kiến Việt Nam, tên các tiến sĩ được khắc trong Văn Miếu Quốc Tử Giám - Em nghĩ gì khi được xem những hình ảnh mà cô ho xem Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo và thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt ý và dẫn dắt vào bài	- Một số tiến sĩ thời phong kiến: Lê Văn Thịnh, Trần Thái Tông, Trịnh Tuệ, Bùi Quốc Khái.... - Trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội, từ thế kỉ X (triều Lí) đã có dựng những hàng bia đá ghi họ tên, năm thi đỗ của các tiến sĩ Đại Việt.. Bài “Hiền tài là nguyên khí quốc gia” trích từ một trong những văn bia đó. - Qua những hình ảnh đó, chúng ta cảm nhận rõ nét về tinh thần và truyền thống hiếu học, đồng thời cũng thấy được sự trọng dụng vinh danh nhân tài của dân tộc ta

2.HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

A.Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Học sinh phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.
- Học sinh xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

b. Nội dung :

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa
- Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về văn bản nghị luận và các yếu tố chính trong văn bản nghị luận.

c. Sản phẩm

- Những kiến thức chung nhất về văn nghị luận

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Chia lớp thành 4 nhóm - Nhóm 1:thế nào là nghị luận - Nhóm 2: Luận đề? Luận điểm? lí lẽ - Nhóm 3: Nghị luận xã hội có mấy dạng - Nhóm 4: Cho biết tính mạch lạc trong văn bản nghị luận Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ -HS đọc trong SGK -Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận	I. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN 1. KHÁI NIỆM - Văn bản nghị luận là loại văn bản thể hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. - Khi viết văn bản nghị luận tùy vào tính chất của thể loại được chọn, các tác giả cũng thường chú ý sử dụng yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản. 2. CÁC YẾU TỐ CHÍNH CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN a. Luận đề - Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm...được tập trung bàn luận trong văn bản. b. Luận điểm - Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (gọi nôm na là hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định. - Luận điểm cần được trình bày một cách rõ ràng, có hệ thống, có định hướng cụ thể và đảm bảo tính chính xác cao. c. Lí lẽ, bằng chứng - Lí lẽ, bằng chứng hay được gọi nôm na là luận cứ. Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và đứng vững. Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được triển khai từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ.

	II. BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI Bài nghị luận xã hội là một trong nhiều dạng của văn nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu nhằm tạo được sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe. Đề tài của bài nghị luận xã hội rất phong phú, thường được xếp vào hai nhóm chính: - Bàn về một hiện tượng xã hội - Bàn về một tư tưởng đạo lí Đáp ứng yêu cầu chung của một văn bản nghị luận, bài nghị luận xã hội cũng phải xác lập được luận đề rõ ràng, triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng, có lời văn chính xác, sinh động. III. MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN - Mạch lạc là sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản (các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng tới chủ đề chung). - Liên kết là sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn trong văn bản nhờ sự hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối. - Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về chủ đề hoặc luận đề chung được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như triển khai, mở rộng, khái quát vấn đề,... - Trong một đoạn văn các câu đều phải phục vụ chủ đề của đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế, phép nối.

B. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.
- Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản.

+ Chỉ ra được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài

+ Chỉ ra tác dụng của việc dựng bia

+ Đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản

- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.

- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm

c. Sản phẩm

- HS thực hiện các yêu cầu của GV

- HS hoàn thành điền các thông tin vào phiếu

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên yêu cầu 2 HS đọc trọn vẹn văn bản - Đọc giọng điệu khoai thai, trang trọng - HS đọc phần giới thiệu về tác giả- tác phẩm và thể loại văn bia đặt ở sau văn bản - GV phát phiếu học tập số 1, yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu nhằm: + Ghi lại thông tin về tác giả Thân Nhân Trung + Xác định thể loại văn bản? Tên thể loại cụ thể + Cho biết hoàn cảnh sáng tác + Đoạn trích Hiền tài là nguyên khí của quốc gia nằm trong tác phẩm nào + Giải thích nhan đề + Xác định nội dung Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời ý vào phiếu học tập - GV quan sát và hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chốt ý	I. Đọc hiểu khái quát 1. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó trong SGK 2. Tác giả - Thân Nhân Trung (1418-1499) - Quê quán: làng Yên Ninh – huyện Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang - 1469 đỗ tiến sĩ - Là phó nguyên soái trong Tao đàn văn học do Lê Thánh Tông sáng lập 3. Thể loại - Văn bản nghị luận: Bày tỏ quan điểm nhìn nhận, đánh giá của người viết - Thể loại văn học cụ thể là thể loại văn bia: Là loại văn khắc trên bia đá nhằm ghi chép những sự việc trọng đại, hoặc những người có công đức lớn để lưu truyền cho đời sau. Có 3 loại: + Bia ghi công đức + Bia ghi việc xây dựng công trình kiến trúc + Bia lăng mộ 4. Hoàn cảnh sáng tác - Từ thời nhà Lý, nhà nước phong kiến Việt Nam đã rất chú ý tổ chức định kì các khoa thi tuyển chọn nhân tài. Tuy nhiên, việc dựng bia lưu danh tên tuổi những người đỗ đạt cao nhất chỉ bắt đầu được thực hiện dưới triều vua Lê Thánh Tông. - Năm Giáp Thìn 1484, bảy bia đề danh tiến sĩ đã được dựng lên ở Văn Miếu, ghi lại tên tuổi của những bậc đỗ đạt khoa kể từ năm Nhâm Tuất 1442 cho đến thời điểm đó. Thân Nhân Trung là người đã “lĩnh thánh ý” soạn bài kí để khắc trên tấm bia đầu tiên. Do uy danh văn học và vị trí trong triều của tác giả cũng như do tính chất mở màn của công việc mà tác giả đảm trách, bài kí của Thân Nhân Trung thường dành được sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu. 5. Đoạn trích Hiền tài là nguyên khí của quốc gia - Bài trích này nằm trong tác phẩm có tên là Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất hiệu Đại bảo thứ ba, một trong 82 bài văn bia ở Văn Miếu Hà Nội - Thuộc loại văn bia đề danh ghi công đức. - Giải thích nhan đề: + Hiền tài: chỉ những người có tài, có đức, tài cao, đức lớn + Nguyên khí: khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, dân tộc + ý nghĩa nhan đề: người hiền tài đóng vai trò vô cùng quan trọng, quý giá, không thể thiếu - Nhận xét kết cấu: mở đầu đoạn văn tác giả khẳng định vị trí “nguyên khí” của hiền tài đối với quốc gia và kết thúc cũng khẳng định vai trò “cùng cố

	mệnh mạch cho nhà nước”. Đây là lối kết cấu đồng tâm, nhằm nhấn mạnh vai trò của người hiền tài đối với quốc gia - Nội dung của đoạn trích: khẳng định vai trò của người hiền tài đối với vận mệnh của đất nước, đồng thời chỉ rõ mục đích tốt đẹp của việc đề danh tiến sĩ.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - Giá trị của hiền tài đối với đất nước. - Để thấy được giá trị/vai trò của người hiền tài, tác giả đã sử dụng nghệ thuật lập luận gì? - Thái độ trọng dụng hiền tài của “các đấng thánh đế minh vương”. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm về giá trị của hiền tài đối với đất nước. Bước 3: Báo cáo thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chốt ý	II. Đọc hiểu văn bản 1. Mối quan hệ mật thiết của người hiền tài đối với quốc gia -Mối quan hệ giữa hiền tài với sự thịnh suy của đất nước. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao và ngược lại: nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Cách lập luận theo kiểu diễn dịch bằng lối so sánh đối lập để thấy chân lí rõ ràng, hiển nhiên - Các bậc thánh đế minh vương thể hiện thái độ trọng dụng hiền tài: quý trọng, yêu mến, đề cao, ban ân rất lớn, nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hi.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - Hãy ghi lại câu trực tiếp nói về mục đích của việc dựng bia ghi danh những người đỗ tiến sĩ - Xét về nội dung, đoạn 3 có mối quan hệ như thế nào với đoạn 2? - Khái quát nội dung của đoạn 4. Và cho biết đoạn văn này đảm nhận chức năng gì trong mạch lập luận - Việc dựng đá đề bia khắc tên những người đỗ tiến sĩ có ý nghĩa gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm Ghi lại câu trả lời ra giấy Bước 3: Báo cáo thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét sản phẩm của Hs và chốt ý	2. Ý nghĩa của việc cho khắc bia ghi tên tiến sĩ - Câu trực tiếp nói về mục đích của việc dựng bia ghi danh những người đỗ tiến sĩ nằm ở đoạn 3: <i>“Nay thánh minh lại cho rằng, chuyện hay việc tốt tuy có một thời lừng lẫy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu về sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua”.</i> -Đoạn 2 có hai ý lớn và ý sẽ được triển khai thêm ở đoạn 3 nói về sự trọng đãi của triều đình đối với bậc hiền tài. Bằng chứng được nêu thêm: vua cho dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan. Trong văn bản, sự triển khai và bổ sung này rất cần thiết, vì nó chuyển mạch lập luận từ chỗ bàn về nguyên lí chung tới bàn về những chuyện cụ thể như chuyện dựng bia – sự việc trực tiếp dẫn tới sự ra đời của bài kí này - Đoạn 4 là lời tự vấn thể hiện thái độ tự trọng của kẻ sĩ trước sự tôn vinh, kì vọng của triều đình, rộng ra là của cả đất nước. Ở góc độ khác, nó cũng có thể được xem là lời “khích tướng”, nhằm cổ vũ, động viên các bậc hiền tài. Chính đoạn 4 đã tạo ra bước chuyển của mạch lập luận, để đoạn tiếp theo đi thẳng vào nội dung khuyến cáo một cách tự nhiên.

	- Việc dựng đá đề bia khắc tên những người đỗ tiến sĩ có ý những ý nghĩa to lớn + Khuyến khích được người hiền ra giúp nước, khiến cho kẻ sĩ trong vào mà phấn chấn hăm mộ rèn giữa danh tiết gắng sức giúp vua + Ngăn ngừa điều ác, kẻ ác khiến cho ý xấu bị ngăn chặn, lòng thiện tràn đầy; kẻ ác thấy đó làm rãn, người thiện xem đó mà cố gắng + Đối với đất nước, việc khắc bia tiến sĩ có tác dụng “dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai” góp phần làm cho hiền tài nảy nở, đất nước hưng thịnh, phát triển “rèn giữa danh tiếng cho sĩ phu vừa để củng cố mệnh mạch cho nước nhà”

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - Hãy xác định luận đề - Hệ thống luận điểm - Tư cách của người viết trong bài: một là của người truyền đạt “thánh ý”, hai là của kẻ sĩ. Với hai tư cách đó đã tác động như thế nào đến bài viết - Mục đích viết có tác dụng như thế nào đến bài nghị luận Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm - Ghi lại câu trả lời ra giấy Bước 3: Báo cáo thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt ý	3. Nghệ thuật - Luận đề của văn bản là Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Lí do xác định như vậy: Tất cả luận điểm trong văn bản đều được triển khai và bố trí xoay quanh tư tưởng này, - Có 3 luận điểm nhằm trả lời cho các câu hỏi của luận đề: + Vì sao hiền tài được xem là nguyên khí của quốc gia? + Khi xem hiền tài là nguyên khí của quốc gia, các đấng “thánh đế minh vương” đã làm gì? + Người hiền tài phải tỏ thái độ trách nhiệm thế nào đối với thể nước, vận nước? Khi phân tích tư cách phát ngôn của tác giả, ta vừa có điều kiện đánh giá thoả đáng quan niệm, tư tưởng của ông, vừa có cơ hội hiểu rõ sự chi phối rất tinh tế của yếu tố này trong cấu trúc văn bản nghị luận. - Việc thống nhất hai tư cách của người viết trong bài văn (tư cách người truyền đạt “thánh ý” và tư cách người kẻ sĩ tự trọng) đã khiến cho cách triển khai luận điểm trong bài trở nên uyển chuyển, linh hoạt, vừa xác quyết răn rỏi, dứt khoát, vừa thiết tha, giàu cảm xúc, hết sức thuyết phục. - Luận đề của văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia chính là điều được nêu trong tên văn bản ấy. Tác giả không nói về hiền tài một cách vô mục đích, mà nói về hiền tài trong quan hệ với quốc gia và khẳng định nó là “nguyên khí của quốc gia”. Ngay hai chữ “hiền tài” có thể đã ngầm chứa bên trong một tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả hay của người giao phó việc viết bản văn bia này cho tác giả.

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - Khái quát nội dung của văn bản - Khái quát những đặc điểm nghệ thuật	III. Tổng kết 1. Nội dung

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm Ghi lại câu trả lời ra giấy Bước 3: Báo cáo thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chốt ý	- Khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc gia và ý nghĩa to lớn của việc khắc bia đề danh tiến sĩ - Trách nhiệm của tác giả đối với sự nghiệp xây dựng đất nước 2. Nghệ thuật - Kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục - Luận đề cụ thể, luận điểm và luận cứ rõ ràng, lời lẽ sắc sảo

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học
- Phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS

b. Nội dung

- Tìm ý cho bài viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài

c. Sản phẩm

- Các ý triển khai cho 1 đề bài: luận đề, các luận điểm chính

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - Đề viết được bài 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài thì cần những ý gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm Ghi lại câu trả lời ra giấy Bước 3: Báo cáo thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định Gv nhận xét và yêu cầu về nhà viết thành đoạn văn hoàn chỉnh vào vở.	IV. Luyện tập Bài viết 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài Các ý cần đáp ứng + Cộng đồng cần những gì ở các bậc hiền tài? + Các bậc hiền tài có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước như thế nào? + Chính sách trọng dụng hiền tài cần được thể hiện trên các việc làm cụ thể ra sao? + Đây là những điều chưa thỏa đáng mà bạn có thể nhận thấy xung quanh vấn đề này? + Bạn có thể làm gì để cùng cộng đồng nâng cao ý thức bảo vệ nguồn chất xám trí tuệ của đất nước?...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- Phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho HS trình bày vấn đề nghị luận xã hội

b. Nội dung

- Viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài

c. Sản phẩm

- Văn bản nghị luận xã hội khoảng 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập - Viết được bài 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài - Chú ý 5 gợi ý phân luyện tập. Câu chủ đề nên đặt ở đầu đoạn văn, các luận điểm triển khai đầy đủ rõ ràng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hs về nhà viết bài GV thu sản phẩm Bước 3: Báo cáo thảo luận	V. VẬN DỤNG Bài viết 150 chữ nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc trọng dụng hiền tài - Bài mẫu: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” là chân lý mà mỗi quốc gia phát triển đều phải quan tâm chú ý. Quốc gia có nhiều hiền tài và biết sử dụng hiền tài thì sẽ phát triển vững mạnh. Ngày nay Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng người tài: có những chính sách lớn để đào tạo

GV có thể cho HS đọc bài văn mẫu hay nhất của lớp Bước 4: Kết luận, nhận định Gv nhận xét và yêu cầu về nhà viết thành đoạn văn hoàn chỉnh vào vở.	bồi dưỡng và thu hút nhân tài phục vụ công việc đổi mới và xây dựng đất nước, với quan điểm đúng đắn: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Vì thế, điều kiện học tập của học sinh-sinh viên không ngừng được nâng lên, giúp cho người học có thể phát huy hết khả năng của mình. Tuy nhiên thực tế ở một số nơi, điều kiện thực tế làm việc và chế độ đãi ngộ nhân tài hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, vẫn xảy ra hiện tượng “chảy máu chất xám”, làm cho việc trọng dụng nhân tài chưa thật tốt. Nhưng đó chỉ là tồn tại ở một số nơi thôi. Vì vậy học sinh cần phải học tập và trau dồi tài năng để có thể đóng góp trí lực một cách tốt nhất dựng xây đất nước. Đó là trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay

TIẾT 24, 25 – ĐỌC YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Giúp học sinh nhận biết và phân tích được nội dung luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản, phân tích được mối quan hệ giữa chúng
- Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.
- Thấy được ý nghĩa của việc sự thấu cảm, đồng cảm trong đời sống và trong nghệ thuật

2. Về năng lực

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm kiếm tri thức, tự hoàn thiện phiếu học tập theo yêu cầu, chuẩn bị bài theo định hướng
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm
- Năng lực lĩnh hội và tạo lập văn bản: biết các đọc hiểu văn bản và viết một đoạn văn nghị luận

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng lòng nhân ái từ sự thấu cảm, đồng cảm trong đời sống và trong nghệ thuật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: - GV cho HS xem bức tranh “Lại điểm 2” của tác giả người Nga Fyodor Reshetnikov - Phân đặt câu hỏi cho học sinh: + Em hãy quan sát bức tranh và miêu tả lại cảm xúc, thái độ của từng nhân vật. + Căn cứ vào đâu em có thể có những cảm nhận ấy về các nhân vật - GV dẫn vào bài: Nhìn vào bức tranh các em đã thấy sự tức giận của người mẹ, sự phẫn nộ của chị gái, sự vui mừng của chú chó đón cậu chủ trở về và đặc biệt là nỗi buồn của cậu bé bị điểm kém. Để có những cảm nhận đó, ít nhiều các em đã đặt mình vào vị trí các nhân vật. Như vậy là các em đã đồng cảm với các nhân vật ấy. Trong thực tế và trong nghệ thuật, đồng cảm rất quan trọng. Để hiểu hơn về điều đó chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản “Yêu và đồng cảm” của nhà văn Phong Tử Khải	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên cho học sinh xem tranh (ppt) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	GV dẫn dắt vào bài học Tìm hiểu về văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i>

Học sinh quan sát và chia sẻ những cảm nhận cá nhân	
Bước 3. Giáo viên dẫn dắt vào bài học.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	
a. Mục tiêu hoạt động:	
- Học sinh biết một số thông tin về tác giả và tác phẩm - Học sinh hiểu nhận ra và phân tích được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề. - Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản. - Học sinh thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.	
b. Nội dung thực hiện:	
- Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm (ở nhà) - Học sinh chia sẻ phiếu học tập - Học sinh làm việc nhóm, thảo luận dựa trên những câu hỏi gợi ý của giáo viên	
NV: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản và tìm hiểu chung	
I. Chuẩn bị trước khi đọc	
Bước 1: Giáo viên gọi học sinh chia sẻ những hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm	
Bước 2. Báo cáo, chia sẻ	
Học sinh chia sẻ bài làm trong phiếu học tập mình đã chuẩn bị	
Bước 3. Kết luận, nhận định	
Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản và giới thiệu thêm những bức tranh, tác phẩm do ông sáng tác	
- Giáo viên phát vấn học sinh về cách hiểu nhan đề - Học sinh trả lời theo suy nghĩ của mình	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	
- GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Hướng dẫn cách đọc văn bản</i> + <i>GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ	
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	
- GV yêu cầu học sinh điền vào phiếu học tập	
	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm
	1. Tác giả
	- Phong Tử Khải (1898-1975) là một nghệ sĩ đa tài. Ông là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc - Tàn văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tầm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật
	2. Tác phẩm
	- Văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> được trích trong tập <i>Sống vốn đơn thuần</i> của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật. - Nhan đề: Yêu và đồng cảm → Gợi mở suy đoán về luận đề của văn bản, người viết bàn luận về sự giao cảm và kết nối chung giữa con người với con người, hoặc trong lĩnh vực tình yêu
	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN
	1. Đọc văn bản
	- HS biết cách đọc văn bản theo hướng dẫn của GV, trả lời được các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.
	2. Nội dung chính của từng phần và hệ thống luận điểm
	a. Nội dung chính
	- Những hành động của chú bé đã khiến tác giả “ngộ ra” ý nghĩa lớn lao, đích thực của sự đồng cảm. - Nêu lên và giải thích cái nhìn riêng của người họa sĩ đối với mọi sự vật trong thế giới - Khẳng định vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật. - Mở rộng cách hiểu về lòng đồng cảm: đồng cảm là sự chia sẻ, tương thông, chan hòa không chỉ giữa con người với con người mà còn với muôn vật khác trong vũ trụ. - Chỉ ra sự tương đồng giữa người lớn và trẻ em trong việc bảo toàn khả năng giao cảm vốn có của con người.

Yêu và đồng cảm

Ghi lại nội dung các đoạn trong văn bản.



Nội dung đoạn 1:



Nội dung đoạn 2:



Nội dung đoạn 3:



Nội dung đoạn 4:



Nội dung đoạn 5:



Nội dung đoạn 6:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

II. Khám phá văn bản

- GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tương ứng với một luận điểm, tìm hiểu, thảo luận dựa trên những câu hỏi trong phiếu bài tập.
- Các nhóm tìm hiểu luận điểm để làm rõ luận đề từ những câu hỏi gợi ý, sau đó chia sẻ trước lớp

Luận điểm 1: Câu chuyện khởi đầu và dư âm để lại

Bước 1: GV giao nhiệm vụ Nhóm 3

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 3 hoàn thành phiếu học tập (có thể trên giấy A0, dạng sơ đồ)

Bước 3: Nhóm 3 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm

- Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung

Bước 4 : GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý

- Khẳng định sự cần thiết của việc học theo trẻ em về việc nuôi dưỡng lòng đồng cảm để cuộc sống trở nên đẹp đẽ và giàu ý nghĩa hơn

b. Hệ thống luận điểm

- Luận điểm 1: Câu chuyện khởi đầu và dư âm để lại
- Luận điểm 2: Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của họa sĩ
- Luận điểm 3: Luận về vai trò của đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.
- Luận điểm 4: Bài học sáng tác từ cách nhìn thế giới của trẻ em.

3. Cách triển khai các luận điểm

a. Luận điểm 1:

- Câu chuyện chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc tạo nên sức hấp dẫn, thuyết phục cho văn bản. Tác giả muốn nêu vấn đề, bàn luận vấn đề từ những trải nghiệm cá nhân để người đọc có thể hiểu, đồng cảm với vấn đề mà ông suy nghĩ, trăn trở
- Tác giả phục chú bé không chỉ bởi sự chăm chỉ mà còn vì cảm phục tấm lòng đồng cảm của chú bé: chú hòa mình vào suy nghĩ, cảm xúc của đồ vật và xếp chúng về đúng vị trí của mình.
- Trẻ em đã dạy cho người nghệ sĩ, cho chúng ta cách nhìn đời, sự tương thông giữa vạn vật và sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư, trong suốt khi ứng xử với thế giới, với nghệ thuật.

→ Đây là cách thuyết phục giàu tính nghệ thuật, tác động vào cảm xúc và lí trí người đọc. Những hành động của chú bé đã khiến tác giả “ngộ ra” ý nghĩa lớn lao, đích thực của sự đồng cảm

b. Luận điểm 2:

- Dẫn chứng: Với gốc cây
+ Nhà khoa học: tính chất, trạng thái
+ Bác làm vườn: sức sống
→ Thực tiễn
+ Họa sĩ: dáng vẽ → Hình thức, dáng vẽ
- Lí lẽ: “Thực ra chúng ta bước được vào thế giới của Mĩ...hình dạng và tư thái mà thôi”
→ Lí lẽ thể hiện những suy tư mang tính triết học bắt đầu từ những trải nghiệm với hội họa. “Hội họa”, “họa sĩ” là những đối tượng mang tính đại diện cho một hoạt động rộng lớn, đó là nghệ thuật, là văn học.

→ Khẳng định vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.

c. Luận điểm 3

- Vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật
+ Lí lẽ:

Luận điểm 2: Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của họa sĩ Bước 1: GV giao nhiệm vụ, Bước 2: nhóm 2 hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Nhóm 2 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung Bước 4: GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý 3. Luận điểm 3: Luận về sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật Bước 1: GV giao nhiệm vụ, nhóm 3 hoàn thành phiếu học tập (có thể trên giấy A0, dạng sơ đồ) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Nhóm 3 hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Báo cáo, thảo luận Nhóm 3 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung Bước 3: GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý 4. Luận điểm 4: Bài học sáng tác từ cách nhìn thế giới của trẻ em Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập Bước 2: nhóm 4 hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Nhóm 4 cử đại diện thuyết trình sản phẩm của nhóm - Các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung Bước 4: GV đánh giá, bổ sung, chốt lại ý	/ Nếu không có tấm lòng đồng cảm thì chỉ là thợ vẽ chứ không thể trở thành họa sĩ thực thụ / Đồng cảm với vạn vật sẽ giúp chúng ta cảm nhận được rõ hơn vẻ đẹp của thế giới + Dẫn chứng: /Phải khoáng đạt như anh hùng mới vẽ được anh hùng, phải dịu dàng như thiếu nữ mới vẽ được thiếu nữ /Phải trải nghiệm sức sống của rồng ngựa mới vẽ được rồng ngựa; chứng kiến vẻ rần rỏi của từng bách mới họa được từng bách, biến mình thành bình hoa, cảm nhận cái lực của bình hoa mới vẽ được bình hoa. -> Cách đưa dẫn chứng toàn diện, phù hợp với lí lẽ. Thao tác lập luận so sánh được sử dụng đã làm nổi bật tầm quan trọng của đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật. Đồng thời khẳng định: đồng cảm là một phẩm chất không thể thiếu của người nghệ sĩ d. Luận điểm 4: - Trong tác phẩm nhà văn đã dùng nhiều câu nói về trẻ em và tuổi thơ - Điểm tương đồng giữa trẻ em và người nghệ sĩ + Có cái nhìn không vụ lợi về mọi đối tượng (không quan tâm đến “giá trị thực tiễn” của chúng): <i>không chỉ đồng cảm với con người, còn đồng cảm hết thảy sự vật như chó mèo, hoa cỏ, chim cá, bướm sâu...</i> + Luôn duy trì được trạng thái “hồn nhiên” khi nhìn đời bằng tấm lòng “đồng cảm bao la”: <i>hồn nhiên trò chuyện với chó mèo, hồn nhiên hôn lên hoa cỏ, hồn nhiên chơi với búp bê..</i> + Luôn phát hiện ra những điều thú vị của thế giới ngay ở chỗ bao người đã nhìn mà không thấy => Đó chính là những bài học trẻ em đã dạy cho người chúng ta và người nghệ sĩ về cách nhìn đời, về cách cảm nhận thế giới. Vì vậy người nghệ sĩ phải không ngừng nuôi dưỡng tâm hồn mình để đạt đến độ trong trẻo như trẻ thơ để luôn khám phá được những điều mới mẻ trong cuộc sống Sức thuyết phục của các đoạn văn không chỉ nằm ở lí lẽ, dẫn chứng gần gũi, lôi cuốn mà còn ở sự so sánh sự tương đồng giữa trẻ em và nghệ sĩ, ở sự phát hiện độc đáo của nhà văn... III. Tổng kết 1. Nội dung - Đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống con người và tác động đến vạn vật xung quanh, không chỉ giữa con người với con người mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật. - Văn bản có sức truyền cảm mạnh mẽ tới độc giả, thúc đẩy mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông. 2. Nghệ thuật - Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu. Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận. - Triển khai ý và luận điểm rõ ràng, mạch lạc, ập luận chặt chẽ,

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + <i>Theo em, nội dung của văn bản là gì?</i> + <i>Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv gọi 02 học sinh trả lời - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Lí lẽ, dẫn chứng hợp lí thuyết phục mà không khô khan.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.</i> Câu 1: Phong Tử Khải là nhà văn nước nào? A. Việt Nam B. Nhật Bản C. Trung Quốc D. Ấn Độ Câu 2: Vấn đề quan trọng trong các sáng tác của Phong Tử Khải là gì? A. Vươn tới lí tưởng cao cả, khát vọng giải phóng cá tính B. Thơ mang đậm ý vị Thiền, khao khát giao hòa giữa con người và thế giới C. Cuộc sống của tướng sĩ nơi biên cương, nổi oán hờn của người cung nữ D. Đề cao tâm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật Câu 3: - Văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> được trích từ chương mấy của cuốn sách <i>Sống vốn đơn thuần</i> ? A. 3	Gợi ý: Câu 1: C Câu 2: D Câu 3: C Câu 4: A Câu 5: A

B. 4 C. 5 D. 6 Câu 4: Tại sao tác giả nhắc nhiều đến trẻ em và trẻ thơ? A. Vì trẻ em chính là người đã giúp người nghệ sĩ nhận ra cách nhìn đời, ứng xử với thế giới và nghệ thuật. B. Vì trẻ em là búp trên cành, mong manh, nhỏ bé cần được nâng niu chăm sóc và cần sự yêu thương. C. Vì trẻ em nhìn nhận thế giới một cách thơ ngây, nhìn nhận cuộc sống phiến diện, một chiều. D. Vì trong thế giới của trẻ em mọi thứ đều lung linh, huyền ảo, luôn mơ về thế giới cổ tích với những gì trong sáng nhất. Câu 5: Đâu KHÔNG phải là điểm tương đồng giữa người nghệ sĩ và trẻ em mà tác giả đã phát hiện ra? A. Cả trẻ em và người nghệ sĩ đều có cái nhìn không vụ lợi về mọi đối tượng B. Luôn thích khám phá những cái mới mẻ để thỏa trí tò mò, C. Luôn duy trì được trạng thái hồn nhiên khi nhìn đời bằng tấm lòng đồng cảm. D. Luôn phát hiện ra những điều thú vị của thế giới ở chỗ bao người nhìn không thấy Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(Có thể giao về nhà)

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. **Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về sự cần thiết của đồng cảm trong cuộc sống. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	Gợi ý:

TIẾT 26-27. ĐỌC CHỮ BÀU LÊN NHÀ THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.
- Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.
- Học sinh có được nhận thức đầy đủ hơn về lao động thơ và về nhà thơ

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản nghị luận
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối đọc

3. Về phẩm chất: Có tình yêu đối với thơ ca và những giá trị thẩm mĩ trong đời sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức
2. Kiểm tra
3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

- GV cho HS chơi trò chơi: AI NHANH HƠN
- Nội dung trò chơi: GV đưa ra 2 ngữ liệu thể hiện các quan niệm khác nhau về nhà thơ. Nhiệm vụ của học sinh là nhận diện được nội dung của các quan niệm đó, bước đầu đưa ra nhận xét về điểm giống và khác nhau trong hai quan niệm.
- Cuối cùng Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Gợi ý đáp án

- **Quan niệm 1:**

Là thi sĩ nghĩa là ru với gió

Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây

Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây

Hay chia sẻ bởi muôn tình yêu mến

(Cảm xúc, Xuân Diệu)

-> *Xuân Diệu định nghĩa về thi sĩ: là người có nguồn cảm xúc dạt dào, có sự nhạy cảm, tinh tế, hòa nhập với thiên nhiên, cuộc sống. Tâm hồn nhà thơ giống như dây đàn, sẵn sàng rung lên rung lên những thanh âm trong trẻo trước những vẻ đẹp của cuộc sống.*

- **Quan niệm 2:**

Là thi sĩ nghĩa là hồn cao khiết

Chí kiên cường sức mệnh cao siêu

Ca tự do, tiến bộ với tình yêu

Yêu nhân loại, hòa bình, công lí.

(Là thi sĩ, Sóng Hồng)

-> *Sóng Hồng quan niệm nhà thơ và thơ ca nói chung phải có sức mệnh phản ánh những vấn đề của hiện thực đời sống, của cách mạng, ngợi ca những giá trị nhân văn, tiến bộ của loài người.*

=> *Hai quan niệm trên đều khẳng định vai trò, sức mệnh của thi sĩ và thơ ca nói chung. Tuy nhiên mỗi quan niệm lại thể hiện một cách nhìn khác nhau về sức mệnh của nhà thơ.*

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên chiếu ngữ liệu

Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi: *Em đồng tình với quan niệm nào trong hai quan niệm trên? Vì sao? Theo em, nhà thơ phải là người như thế nào?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu hoạt động:

- Học sinh nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh hoàn thiện sản phẩm dưới dạng một bài thuyết trình tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên phát phiếu học tập yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả tác phẩm từ buổi học trước. Các em được chia nhóm để thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu thông tin và viết một bài giới thiệu về tác giả, có sử dụng phần trình chiếu powerpoint. Sau đó sẽ báo cáo trên lớp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và hoàn thành sản phẩm tại nhà.

Thời gian: khoảng 1 tuần trước khi diễn ra tiết học.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Thời gian: 10 phút (2 nhóm báo cáo sản phẩm)

Phản biện và trao đổi: 5 phút

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả

a. Tiểu sử

- Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, (10/09/1929 – 21/04/2008), là một nhà thơ Việt Nam

- Ông quê ở Bắc Giang nhưng sinh ra tại Yên Bái

- Ông là một trong những nhân vật trụ cột của phong trào nhân văn giai phẩm.

- Năm 2007, cùng với ba nhà thơ khác của Phong trào Nhân văn – giai phẩm là Trần Dần, Phùng Quán và Hoàng Cầm, ông được nhận Giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật.

- Tác phẩm chính: Bài thơ trên ghế đá (thơ, in chung với Vĩnh Mai, 1958), Cửa hàng Lê Đạt (trường ca, 1959), 36 bài thơ tình (thơ, in chung với Dương Tường, 1990), Bóng chữ (thơ, 1994), 95 bài thơ, Hèn đại nhân (tập truyện, 1994), Ngó lơ (thơ, 1997), 241 bài thơ, Mi là người bình thường (tập truyện, 2007)

U75 Từ tình (thơ và đoản ngôn, 2007), 88 bài

- Ông mất ngày 21/04/2008 tại Hà Nội.

b. Phong cách sáng tác

Về thơ, Lê Đạt tự nhận mình là phu chữ, vì thơ ông viết rất kỹ tính, cẩn thận từng câu chữ, chọn lọc, suy nghĩ và dằn vặt rất nhiều.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ

- Văn bản được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm 1994

- Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông.

b. Bố cục

- Đoạn 1: Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ.

- Đoạn 2: Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tâm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ”

- Đoạn 3: Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.

Nội dung 2: Đọc - hiểu văn bản

a. Mục tiêu hoạt động:

- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.
- Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu về văn bản
- Học sinh phát vấn, thảo luận về nghệ thuật và quan niệm của Lê Đạt

c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát Phiếu tìm hiểu văn bản Chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHĂN TRẢI BÀN. - Nhóm 1: Em hãy nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn? Từ đó nhận xét về nội dung các ý kiến đó? - Nhóm 2: Tác giả đã tranh luận với những quan niệm nào về thơ? Lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng là gì? - Nhóm 3: Em hiểu như thế nào và quan niệm “chữ bầu lên nhà thơ” của tác giả? Em có đồng tình với quan điểm này không? Nhóm 4: “Không có chức nhà thơ suốt đời”, vậy lúc nào có một nhà thơ không còn là nhà thơ nữa? - Câu hỏi thảo luận chung: Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. Đọc hiểu văn bản 1. Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ. - Tại cuộc Hội thảo Văn miếu và trong tập Bóng chữ, nhà thơ phát biểu: + Văn xuôi chủ yếu dựa vào “ý tại ngôn tại” + Thơ khác hẳn, dựa vào “ý tại ngôn ngoại”. Đã “ý tại ngôn ngoại” tất nhiên phải cô đúc và đa nghĩa. + Người ta làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ. + Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng” nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ. + Nói như Va – lê – ri, chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về hóa trị. - Nhà thơ đã đưa ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trong văn và ngôn ngữ thơ. 2. Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tâm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chỉ chữ” - Tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến: + Thơ gắn liền với những cảm xúc bộc phát, bốc đồng, làm thơ không cần cố gắng + Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt xa lạ với lao động làm lụi và nỗ lực trau dồi học vấn. - Để minh chứng cho lí lẽ của mình, nhà thơ đã đưa các nhà văn, nhà diễn thuyết nổi tiếng để tạo căn cứ cho luận điểm. Ví dụ: + Tôn – xtoi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” + Phlo – be cân nhắc chữ trên cân tiểu li như người thầy thuốc - Tác giả không đồng tình với định kiến: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng lụi tàn sớm. Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho.

	- Nhà thơ bày tỏ sự kính trọng đối với những nhà thơ một nắng hai sương, lấm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổ bát mồ hôi lấy từng hạt chữ. - Ông đưa những tấm gương nhà thơ: Lý Bạch, Xa – a – đi, Gót, Ta – go làm minh chứng. => Tác giả muốn người đọc đừng dễ dãi tin vào những nhận định phổ biến mà cần phải đào sâu vấn đề với ý thức phản biện thường trực. - Nhận định “chữ bầu lên nhà thơ”; + Theo nhà thơ gốc Pháp, Gia – bết: không có chức nhà thơ suốt đời . Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ. + “Chữ” là ngôn ngữ nghệ thuật in đậm dấu ấn sáng tác của nhà thơ và chữ trong thơ là loại ngôn ngữ đặc thù khác với ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ngôn ngữ văn xuôi, không còn là ngôn ngữ biểu đạt thông thường mà đã trở thành một đối tượng tự dựng mình thành cõi riêng, thách thức khám phá. Theo tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo “ý tại ngôn ngoại”. 3. Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính. - Theo tác giả, con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có con đường chung cho toàn thể mọi người. - “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”: cách nói thể hiện sự liên kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ và tác phẩm của họ. - Nhà thơ phải dùi mài, lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ đẻ. => Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phát bất chợt, những cảm hứng ngẫu nhiên hoặc phải làm việc chăm chỉ trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu hoạt động:

- Học sinh nhận biết được nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung thực hiện:

- HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi: Em hãy nêu nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của văn bản Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng

Học sinh làm việc cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trả lời câu hỏi Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	tìm tòi độc đáo trong thơ ông. 2. Nghệ thuật - Lời văn súc tích - Cách trình bày luận điểm rõ ràng - Lối viết độc đáo, vừa có tính trí tuệ vừa giàu liên tưởng - Câu văn có nhịp điệu, tạo sức cuốn hút

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Củng cố kiến thức bài học cho HS

b. Nội dung thực hiện:

- HS viết bài

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh viết đoạn trình bày suy nghĩ về một nhận định mà em tâm đắc trong tác phẩm vừa học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ”, Lê Đạt đã đưa ra quan niệm: “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”. Thật vậy! Một người nghệ sĩ chân chính được đánh giá không phải bởi những danh xưng mà người đời đặt cho họ mà bởi chính những con chữ họ tạo ra trên hành trình “cày cuốc trên cánh đồng giấy”. Con đường thơ gồm rất nhiều con đường riêng khác nhau và số phận của một nhà thơ chỉ có thể tồn tại khi họ đi trên con đường của riêng mình. Để tạo được cái riêng ấy, nhà thơ phải lao động, phải suy nghĩ, phải băn khoăn trăn trở cùng những con chữ, dồn nén tâm huyết, tình cảm của mình trong từng con chữ. Như vậy, những bài thơ được tạo ra mới có sức gợi cảm, mới khơi được ở bạn đọc sự đồng cảm và để lại những dấu ấn phong cách riêng. Một nhà thơ có tồn tại lâu bền trong độc giả hay không phụ thuộc vào tinh thần trách nhiệm, ý chí người nghệ sĩ trên con đường thơ của mình.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ kiến thức trong bài học với cuộc sống

b. Nội dung thực hiện:

- HS làm việc nhóm 2 HS trao đổi, thảo luận

c. Sản phẩm: Phần trình bày của nhóm HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: Học sinh tìm hiểu về một số nhà thơ và tác phẩm tiêu biểu. Học sinh tập làm nhà thơ, sáng tác theo chủ đề: mái trường, quê hương, gia đình... Từ đó nêu một số giải pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của các tác phẩm văn học. Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Gợi ý một số cách để giữ gìn và phát huy giá trị của các tác phẩm văn học: - Thường xuyên tổ chức các hoạt động tìm hiểu về nhà thơ, tác phẩm thơ - Xây dựng thư viện thơ - Hưởng ứng ngày đọc sách do nhà trường, Đoàn, Đội tổ chức nhằm tuyên truyền giá trị văn hóa đọc.

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Yêu cầu: Em hãy tìm những thông tin về tác giả Lê Đạt và viết một bài giới thiệu theo những gợi ý sau:	
1. Tiểu sử nhà thơ (tên tuổi, gia đình, quê quán...)	4. Hoàn cảnh sáng tác bài tiểu luận Chữ bầu lên nhà thơ
2. Phong cách nghệ thuật của nhà thơ	5. Bố cục của đoạn trích trong SGK
3. Những sáng tác tiêu biểu của Lê Đạt	6. Vị trí và những đóng góp của nhà thơ đối với thi ca và nền văn học Việt Nam nói chung.

TIẾT 28. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI VỀ LIÊN KẾT VÀ MẠCH LẠC TRONG ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN: DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH CHỈNH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhắc lại** một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
- ❖ **Học sinh nhận biết** được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
- ❖ **Học sinh vận dụng** để hoàn thành bài tập

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và nhận biết được lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Chơi trò chơi: **Phát hiện các phép liên kết đã học**
- ❖ GV chia lớp thành 2 đội chơi

Đội nào ghi được nhiều điểm hơn sẽ thắng cuộc

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức hoạt động: - GV chia lớp thành 2 đội chơi - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Phép liên kết nào được sử dụng để liên kết các câu trong các đoạn văn sau? - Lưu ý luật chơi: Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Đội nào giành điểm cao hơn sẽ thắng cuộc Câu 1: <i>Rõ ràng Trống Choai của chúng ta đã hết tuổi bé bỏng thơ ngây. Chú chẳng còn phải quần quýt quanh chân mẹ nữa rồi. (Hải Hồ)</i>	Đáp án Câu 1: Phép thế Câu 2: Phép nối Câu 3: Phép lặp Câu 4: Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng

Câu 2. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác, đều dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên, ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. (Hồ Chí Minh)

Câu 3. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu! (Thép Mới)

Câu 4. Người yếu đuối thường hay hiền lành. Muốn ác phải là kẻ mạnh (Nam Cao)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: sử dụng các phép liên kết là một trong những cách cơ bản tạo nên sự mạch lạc, chặt chẽ cho đoạn văn, văn bản nhưng đôi khi chúng ta chưa biết cách dùng hoặc sử dụng chưa phù hợp gây ra những lỗi đáng tiếc khi viết đoạn văn, văn bản. Hôm nay chúng ta sẽ vào bài học để phát hiện lỗi và tìm cách chỉnh sửa.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ Học sinh nhắc lại một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
- ❖ Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
- ❖ Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh thực hiện bảng K – W – L – T
- ❖ Học sinh điền phần K và W
- ❖ Giáo viên chốt kiến thức

Học sinh điền phần L – T và tự đánh giá sau bài học

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên cho HS thực hiện bảng KWLT về các lỗi liên kết, lỗi mạch lạc thường gặp trong đoạn văn, văn bản và cách khắc phục (HS thực hiện trước ở nhà, gửi sản phẩm trên padlet hoặc classroom từ hôm trước)

K: Điều đã biết

W: Điều muốn biết thêm

L: Điều học được

T: Điều sẽ dạy các bạn

- Giáo viên tổng hợp, chia sẻ, nhận xét, chốt một số kiến thức lí thuyết (Lưu ý phần Tri thức ngữ văn và các text box)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh gửi bảng lên các ứng dụng theo yêu cầu của giáo viên

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

• Phiếu K – W – L – T

K Điều em đã biết	W Điều em muốn biết	L Điều em học được	T Điều em sẽ dạy lại các bạn

Lí thuyết

1. Yêu cầu để đảm bảo tính mạch lạc, liên kết

- Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về chủ đề hoặc luận đề chung, được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như: triển khai, mở rộng, khái quát lại vấn đề,...
- Trong một đoạn văn, các câu đều phải phục vụ chủ đề của đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế, phép nối,...

2. Các lỗi về liên kết, mạch lạc trong đoạn văn

a. Lỗi liên kết trong đoạn văn

- Nhận biết lỗi về liên kết trong đoạn văn

Giữa các câu liên kết không có phương tiện kết nối hoặc có nhưng không phù hợp khiến đoạn văn trở nên rời rạc

	- Khắc phục lỗi liên kết trong đoạn văn +Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu liên kết. +Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. +Nếu chưa có phương tiện kết nối hợp lí, phải bổ sung. Có thể viết thêm câu phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch lập luận b. Lỗi về mạch lạc trong đoạn văn - Nhận biết về lỗi mạch lạc trong đoạn văn Các câu trong đoạn văn không cùng nói về một vấn đề hoặc có một số câu được triển khai lạc khỏi chủ đề chung đã xác định. - Khắc phục lỗi mạch lạc trong đoạn văn + Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn + Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu không hướng vào chủ đề. + Viết thêm câu phát triển chủ đề.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện lỗi liên kết ở các bài tập SGK

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm + Nhóm 1: Câu 1 (SGK) + Nhóm 2: Câu 2. Đoạn 1 (SGK) + Nhóm 3: Câu 2. Đoạn 2 (SGK) + Nhóm 4: Câu 2. Đoạn 3 (SGK) - GV yêu cầu HS làm việc nhóm trong 10 phút Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Học sinh trình bày phần bài làm của mình - GV cho học sinh đánh giá đồng đẳng: +Nhóm 4 nhận xét nhóm 1 + Nhóm 3 nhận xét nhóm 2 + Nhóm 2 nhận xét nhóm 3 + Nhóm 1 nhận xét nhóm 4 Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Hướng dẫn lời giải: Câu 1 Nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản: - Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic. - Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối, ... Câu 2 Đoạn 1: a) Lý do đoạn (1) được coi là đoạn văn: - Về hình thức: + Đoạn văn trên được viết giữa hai dấu chấm xuống dòng, chữ cái đầu đoạn được viết lùi vào một chữ và viết hoa. + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép liên kết hình thức: phép lặp. - Về nội dung: đoạn văn có nội dung viết về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i>. b) Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ “<i>tấm lòng</i>” hay “<i>lòng đồng cảm</i>”. c) Dấu hiệu nhận thấy sự mạch lạc giữa các đoạn: - Đoạn văn trên và các đoạn văn khác đều hướng đến làm nổi bật chủ đề của văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i>. - Đoạn văn trên là một lí lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người. d) Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: <i>con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì</i>. Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức.

	Đoạn 2: a) Lý do đoạn văn vẫn rời rạc: Mặc dù từ “hiền tài” được dùng lặp lại trong tất cả các câu nhưng nội dung đoạn văn vẫn rời rạc vì các câu không cùng quy về một chủ đề, nói cách khác, mỗi câu tự dựng lên một chủ đề riêng. b) Người viết đã nhầm lẫn từ với liên kết (trên thực tế việc cố ý lặp từ không phải bao giờ cũng đồng nghĩa với việc dùng phép lặp). Chính vì điều này đoạn văn thiếu mạch lạc, các câu không hướng về cùng một chủ đề. Đoạn 3: a) Dấu hiệu nổi bật: câu văn thứ hai trong đoạn được triển khai không đúng với chủ đề chung của đoạn văn. b) Dấu hiệu của lỗi liên kết: - Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu một và câu hai chưa phù hợp. - Giữa câu hai và câu ba chưa có phép liên kết hình thức. c) Cách sửa: - Thay thế phép nối “<i>Mặc dù ... nên...</i>” giữa câu một với câu hai thành “<i>Vì ... nên...</i>”, trở thành câu: “<i>Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách.</i>” - Có thể sửa câu thứ ba thành “<i>Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.</i>”

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hiện viết 1 đoạn văn ngắn sử dụng kiến thức về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản

b. Nội dung thực hiện: HS viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của suy nghĩ tích cực trong cuộc sống con người.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện viết bài và nộp lại cho GV Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình, tự nhận xét về sự liên kết, mạch lạc trong đoạn văn của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá	Học sinh viết bài Đoạn văn tham khảo William James từng nói “<i>Tại sao chúng ta lại nên nghĩ về những điều tươi đẹp? Bởi vì suy nghĩ quyết định cuộc đời...</i>” Thực sự, suy nghĩ tích cực có ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi con người. Vậy, thế nào là suy nghĩ tích cực? Suy nghĩ tích cực là tư duy theo chiều hướng lạc quan, tin tưởng và nhìn nhận mọi thứ, mọi vấn đề theo chiều hướng tốt đẹp. Suy nghĩ tích cực sẽ giúp mỗi người dễ dàng vượt qua những căng thẳng, sống vui, sống khỏe hơn. Hơn nữa, với suy nghĩ tích cực, ta sẽ luôn nhận ra mặt tốt đẹp của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người tiêu cực không thể nhìn thấy, từ đó gạt hái được những thành công trong cuộc sống. Khi nhắc tới những cá nhân tiêu biểu biết vươn mình từ khó khăn, ta không thể không nghĩ tới Henry Ford, một tỉ phú Mỹ. Cuộc đời ông trải qua không ít lần thất bại nhưng nhờ lối suy nghĩ tích cực như ông đã từng phát biểu: “<i>Thất bại chỉ là nơi để ta dừng chân nghỉ ngơi. Đây là cơ hội để bắt đầu lại mọi thứ một cách khôn ngoan hơn</i>” mà ông có thể vực dậy, tiếp tục thành công để trở thành một “ông vua xe hơi”, cha đẻ ngành ô tô hiện đại. Đối với gia đình, nếu các thành viên có suy nghĩ tích cực, gia đình sẽ vui vẻ, hạnh phúc, yên ấm hơn. Những cá nhân, những “tế

	bào” đó sẽ thúc đẩy sự tiến bộ, phát triển của xã hội. Tuy nhiên, điều đáng buồn là hiện nay vẫn còn một số người luôn nhìn đời bằng đôi mắt bi quan, suy nghĩ tiêu cực. Họ dễ chán nản, tuyệt vọng, không nhận thấy ý nghĩa của cuộc sống. Vậy nên, việc xây dựng cho bản thân quan điểm, suy nghĩ tích cực là điều cần thiết. Chúng ta cần cố gắng giữ vững tinh thần lạc quan bằng cách tập thói quen mỉm cười, tránh xa tất cả những ảnh hưởng tiêu cực, hăng hái tham gia các hoạt động trải nghiệm...

TIẾT 31,32- HOẠT ĐỘNG: NÓI VÀ NGHE THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. Mục tiêu

1. Kiến thức
 - Xác định rõ được vấn đề cần nghị luận; trình bày và đưa ra được quan điểm nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)
 - Bao quát được diễn biến của cuộc thảo luận; bày tỏ được thái độ tán thành hay phản đối trước những ý kiến đã phát biểu.
2. Năng lực
 - Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước các vấn đề được cung cấp
 - Năng lực thuyết trình
 - Năng lực phản biện
3. Phẩm chất
 - Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: máy chiếu, bảng, phấn, ...
2. Học liệu: sách giáo khoa

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện - GV: chuẩn bị clip tranh biện về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau “Trường Teen” - HS: xem clip	
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV: Cho HS xem clip và đặt câu hỏi: “Hãy xác định vấn đề đang được mọi người tranh luận ở đây là gì?” HS: xem clip và dự trù câu trả lời Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xem clip và tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo thảo luận HS trả lời câu hỏi của GV Bước 4: Kết luận, nhận định GV dẫn dắt vào bài học: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.	Phản xem clip và câu trả lời của HS

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
a. Mục tiêu hoạt động - Cùng cố năng lực nói và nghe cho HS	

- HS trình bày quan điểm cá nhân của mình trước một vấn đề xã hội và biết cách lắng nghe những ý kiến khác nhau xoay quanh vấn đề đó. b. Nội dung thực hiện - GV: tổ chức hoạt động tranh biện “Chúng tôi nói” với Chủ đề: Với học sinh THPT “Nên hay không nên mặc đồng phục đến trường?” - HS: Thảo luận nhóm và thực hiện những nhiệm vụ được giao	
1. Chuẩn bị bài: nói – nghe	
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV: giới thiệu hoạt động tranh biện và chủ đề của cuộc tranh biện GV: phân công nhiệm vụ các nhóm: Mỗi nhóm sẽ có 10 phút để chuẩn bị và thống nhất phân công thành viên đại diện nhóm tham gia tranh biện. + Nhóm 1: Ủng hộ việc mặc đồng phục tới trường + Nhóm 2: Không ủng hộ việc mặc đồng phục tới trường. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm Bước 3: Báo cáo thảo luận HS tìm ý và sắp xếp ý tìm được theo ý kiến mình bảo vệ. Bước 4: Kết luận, nhận định	Phân chuẩn bị tranh biện của mỗi nhóm (có thể sử dụng gợi ý trong Phiếu học tập số 1)
2. Trình bày bài nói – nghe	
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV phổ biến luật hoạt động tranh biện. Cuộc tranh biện gồm 2 phần chính đan xen nhau: + P1: Phần nói của thành viên mỗi đội + P2: Phần hỏi đáp giữa đại diện của mỗi đội (người hỏi chỉ hỏi không trình bày luận điểm. Người hỏi có thể yêu cầu xem nguồn bằng chứng, người trả lời có thể bị người hỏi ngắt nếu trả lời không đúng không hỏi. - Thời gian chuẩn bị: Trước mỗi phần nói/ hỏi đáp, các đội được phép xin thời gian để chuẩn bị. Tối đa 4 phút - Các thành viên đại diện nhóm thực hiện các lượt nói theo tiêu chí của luật hoạt động tranh biện. - Những thành viên còn lại giữ vai trò là người nghe, khán giả, có thể hỗ trợ các thành viên trong nhóm của mình (nếu cần) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. HS: cử đại diện và tham gia tranh luận. Bước 3: Báo cáo thảo luận HS tham gia tranh luận. Bước 4: Kết luận, nhận định GV và HS thống nhất những quan điểm phù hợp xoay quanh vấn đề thảo luận.	-Phân tranh biện của HS. -GV lưu ý cho HS những yêu cầu đối với người nghe và người nói trong SGK/93
3. Trao đổi và đánh giá bài nói	
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV: tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm. (Phiếu học tập số 2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo thảo luận HS các nhóm có thể tiến hành góp ý, chia sẻ, về các bài nói; rút kinh nghiệm sau khi kết thúc phần tranh biện. Bước 4: Kết luận, nhận định GV và HS thống nhất quan điểm đánh giá.	-HS hoàn thiện: Phiếu học tập số 2 - GV lưu ý cho HS có thể sử dụng bảng nội dung đánh giá trong SGK/94 để hoàn thiện phiếu học tập

4. Tổng kết về hoạt động nói và nghe	
- GV hướng dẫn HS tự mình xác định được các ưu, nhược điểm khi nêu ý kiến thảo luận về một vấn đề. - HS lên kế hoạch cho mình để tự bồi dưỡng khả năng trình bày quan điểm cá nhân.	HS rút kinh nghiệm, tự đánh giá. GV khuyến khích HS tiếp tục thảo luận về các chủ đề mang tính thời sự khác.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
c. Mục tiêu hoạt động: HS nâng cao khả năng tranh biện của bản thân. d. Nội dung thực hiện - GV: giao nhiệm vụ học tập về nhà “Tìm hiểu và xác định thêm những vấn đề xã hội còn có nhiều ý kiến bàn luận khác nhau. Từ đó, em hãy đưa ra quan điểm của cá nhân mình.” - HS: thực hiện nhiệm vụ	
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập GV: giao nhiệm vụ học tập về nhà Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà	Phần làm việc cá nhân của HS tại nhà.

IV. Phụ lục

1. Phiếu học tập số 1:

HOẠT ĐỘNG TRANH BIỆN: “CHÚNG TÔI NÓI” Chủ đề: Với học sinh THPT “Nên hay không nên mặc đồng phục tới trường”	
Ủng hộ/ Tán thành	Không ủng hộ/ phản đối
- Vì sao??	- Vì sao??
- Ý nghĩa như thế nào?	- Ý nghĩa như thế nào?
- Ưu, nhược điểm?	- Ưu, nhược điểm?
- Cách khắc phục?	- Cách khắc phục?

2. Phiếu học tập số 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ			
Tên người hoặc nhóm đánh giá:			
Tên người được đánh giá	Căn cứ đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	Nội dung ý kiến tham gia thảo luận		
	Kỹ năng trình bày ý kiến		
	Kỹ năng tương tác trong thảo luận		
	Nội dung ý kiến tham gia thảo luận		
	Kỹ năng trình bày ý kiến		
	Kỹ năng tương tác trong thảo luận		

(Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Củng cố lại các kiến thức Ngữ văn đã học: những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục, cách viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.
- Học sinh nhận biết, phân tích được cụ thể, rõ ràng và đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của mình khi viết bài thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm mang tính tiêu cực.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Học sinh biết thực hành viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm theo các bước được hướng dẫn; phát triển tư duy phản biện, năng lực giao tiếp - hợp tác, tự đánh giá ưu, nhược điểm, giải quyết vấn đề...
- **Năng lực đặc thù:** Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất

- Tự rút ra được bài học trong cuộc sống, có trách nhiệm với bản thân; tôn trọng và lịch sự trong giao tiếp.
- Chủ động, tự giác, ý thức được nhược điểm, sẵn sàng thay đổi bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, thang đánh giá kết quả.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, các dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM
I. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ		
a. Mục tiêu hoạt động: - Tạo tâm thế thoải mái và định hướng bài học cho HS - HS nhận biết được tầm quan trọng của việc thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.		
b. Nội dung thực hiện: - GV cho HS xem video với nội dung hướng HS đến việc từ bỏ một vài thói quen, quan niệm cần từ bỏ (lười tập thể dục thể thao, vứt rác bừa bãi, bỏ bữa sáng, quan niệm trọng nam khinh nữ, kỳ thị màu da, sắc tộc, tôn giáo...) - Trao đổi với HS về nội dung của video.		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên chiếu video, đặt câu hỏi: Sau khi xem những hình ảnh vừa rồi em thấy tác giả khuyên mọi người điều gì? Lời khuyên có thuyết phục không? Vì sao? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định, dẫn dắt vào bài học <i>Việc nhận xét cách thuyết phục trong video sẽ giúp các em soi chiếu vào bài viết của mình, cùng nhìn nhận lại những điểm mạnh và điểm yếu trong bài viết của mình.</i>		• HS Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. – Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Cùng nhận xét về cách thuyết phục của phóng sự – Có thái độ tích cực, hứng thú.
II. HOẠT ĐỘNG 2. NHẮC LẠI, KHẮC SÂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI, HƯỚNG DẪN HS PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý		
Mục tiêu hoạt động: - HS nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen.		

- HS xác định được đúng các luận điểm trong bài viết, tóm lược được nội dung các luận điểm. - Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình. - Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin – phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, thảo luận	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ – Giáo viên chép đề lên bảng, yêu cầu học sinh nhắc lại yêu cầu cơ bản của kiểu bài, phân tích đề và lập dàn ý, từ đó, giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình. Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhấn mạnh vào một số điểm HS còn thiếu sót khi làm bài.	I. Yêu cầu của kiểu bài, dàn ý 1. Yêu cầu - Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng, mạch lạc và có logic. - Nêu ra quan điểm, cách nhìn nhận vấn đề đa chiều của bản thân bằng cách đưa ra những bằng chứng xác đáng, để tạo hứng thú, sức thuyết phục người khác. - Dự kiến những lý lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát được quá trình thuyết phục một cách tốt nhất. - Người thuyết trình phải kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lý lẽ của người được thuyết phục. - Giữ thái độ bình tĩnh, tự tin khi bị người thuyết phục phản bác. 2. Phân tích đề và lập dàn ý a, Phân tích đề - Xác định vấn đề: Thói quen hoặc quan niệm cần từ bỏ là gì? - Đối tượng cần thuyết phục là ai? - Mục đích: để làm gì? - Nội dung câu vấn đề cần thuyết phục. *Tìm kiếm thông tin, xử lý dữ liệu, lựa chọn những thông tin có thể sử dụng để tăng tính thuyết phục. * Các bước thực hiện khi viết bài luận: + B1. Chuẩn bị viết + B2. Tìm ý, lập dàn ý + B3. Viết bài + B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện • Hướng dẫn HS xây dựng dàn ý hoàn chỉnh cho đề kiểm tra (Tham khảo phần phụ lục)
III. HOẠT ĐỘNG 3 TRẢ BÀI, NHẬN XÉT KẾT QUẢ BÀI VIẾT, YÊU CẦU HS CHỈNH SỬA <i>Mục tiêu: Giúp học sinh rút kinh nghiệm, có kỹ năng làm bài tốt hơn.</i> – Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu – Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin – phản hồi – Hình thức tổ chức: học sinh hoạt động độc lập.	
Bước 1: GV Nhận xét, đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu của HS, chọn đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra ưu điểm, khuyết điểm, đặc biệt chỉ cho HS những lỗi về mạch lạc, liên kết trong bài viết.	II. Nhận xét về ưu khuyết điểm 1. Ưu điểm: 2. Khuyết điểm: 3. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá 4. Trả bài viết – Tiếp thu ý kiến của HS.

Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết theo phiếu hướng dẫn (PL1) Bước 3: Thực hiện nhiệm vụ HS: Rà soát lại bài viết theo cột bên trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột bên phải (PL1) Bước 4: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kỹ năng làm bài văn nêu cảm nghĩ Bước 5: GV tiếp thu ý kiến của HS, chỉnh sửa kết quả (nếu có), khắc sâu kiến thức.	– Chỉnh sửa (nếu có)

IV. HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Vận dụng những kinh nghiệm vừa rút ra ở bài viết, thực hành viết đoạn văn ngắn khắc sâu kiến thức, kỹ năng

b. Nội dung thực hiện:

- HS viết đoạn văn khoảng 8 câu kêu gọi mọi người hưởng ứng ngày “Nói không với túi nilon”
- HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh thực hiện.
(Hoàn thành bài viết đề số 2 ở phần Thực hành viết)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hành viết

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trình bày phần bài làm của mình.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

• Sản phẩm cần đạt:

- Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.
- Phân tích, đánh giá được những ảnh hưởng và tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.
- Đưa ra được những giả pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện được để có thể từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.
- Bày tỏ thái độ ân cần, cảm thông, chia sẻ với đối tượng được thuyết phục. Xây dựng được niềm tin mà mình đang hướng tới.

IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết

HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT	
Nhiệm vụ: Rà soát lại bài viết theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải	
1. Phần mở bài: Đã giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm hay chưa?	- Gạch chân những câu phần mở bài chưa đáp ứng yêu cầu, chỉnh lại nêu vấn đề và quan điểm

2. Mỗi đoạn của thân bài có nêu quan điểm của bài viết không?	- Gạch chân vào câu nêu luận điểm - Nêu chuyển câu nêu luận điểm lên đầu đoạn văn
3. Mỗi luận điểm có được làm sáng tỏ bằng lý lẽ, dẫn chứng hay không? Bài viết có đưa ra giải pháp cụ thể hay không?	- Khoanh tròn dẫn chứng, gạch chân lí lẽ, nếu có thể bổ sung dẫn chứng, lí lẽ cho thuyết phục hơn - Gạch chân vào phần nêu giải pháp, diễn đạt cụ thể hơn
4. Bài viết có nhìn vấn đề ở nhiều góc độ, bác bỏ ý kiến phản bác không?	- Đánh dấu sao vào phần bổ sung ý kiến phản bác, đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để bác bỏ
5. Phân kết bài có khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề hay không?	- Thêm câu khẳng định lại quan điểm và mở rộng nâng cao vấn đề
6. Bài viết có mắc lỗi diễn đạt không?	- Rà soát và sửa lại lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, từ nối, liên kết trong bài viết....

(9 TIẾT)

Tiết 35,36,37: VĂN BẢN: HÉC-TO TỪ BIỆT ẰNG-ĐRÔ-MÁC

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

1. Kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi
- Hiểu được đặc sắc của văn hóa cổ hy lạp qua sử thi I-li-át
- Hiểu được nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản
- Hiểu được ảnh hưởng của sử thi I-li-át trong văn hóa của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đó đối với đời sống đương đại

2. Năng lực:

- **Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ của HS qua quá trình đọc, viết, nói nghe.

+**Đọc:** HS biết đọc-hiểu 1 văn bản sử thi nước ngoài, thấy được vẻ đẹp tâm hồn của người anh hùng cổ đại trong cách ứng xử giữa bốn phận với cộng đồng và với gia đình.

+ **Nói:** Biết trình bày ý kiến cá nhân, sản phẩm của nhóm

+ **Nghe:** Biết lắng nghe ý kiến của các bạn trong nhóm, trong lớp, góp ý của giáo viên

+**Viết:** Biết viết câu, viết đoạn trong sản phẩm nhóm, viết 1 đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích 1 chi tiết mà hs cho là đặc sắc nhất trong đoạn trích vào phiếu học tập.

-**Năng lực chung:**

+**Năng lực tự chủ và tự học:** Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên góp ý.

+**Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Làm được công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm.

+**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

1. Phẩm chất:

-Bài học góp phần phát triển phẩm chất yêu nước và trách nhiệm: HS biết cách xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa riêng và chung, sống có lí tưởng và trách nhiệm với cộng đồng.

-Trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại còn truyền đến nay

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu/Tivi,...

2.Học liệu: SGK, hình ảnh về tác giả, tác phẩm, thành Tơ-roa,bản đồ địa lí về thành Tơ-roa, giấy A0, A4, bảng kiểm...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho học sinh theo dõi tranh, chỉ trên bản đồ và đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

1.Hình ảnh đề cập đến cuộc chiến nào? Em đã biết những thông tin gì về cuộc chiến đó?

2. Sau khi xem một số hình ảnh, em ấn tượng nhất về điều gì? Hãy chia sẻ với cả lớp.

3. Giả sử phải lựa chọn giữa việc thực hiện bốn phận với cộng đồng và với gia đình, em sẽ giải quyết tình huống ấy như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập: HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV *nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới*: Hy Lạp là cái nôi của nền văn minh nhân loại. Nói đến Hi Lạp, ta nghĩ ngay đến những thần thoại, sử thi nổi tiếng, trong đó không thể không nói đến hai thiên sử thi I-li-át và Ô-đi-xê. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu VB *Héc-to từ biệt Ăn-đrô-mác* được trích từ sử thi I-li-át của Hô-me-rơ.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

A. Tri thức Ngữ Văn

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học, đặc điểm, vai trò của sử thi, các yếu tố như không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện và lời nhân vật.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Em hãy đọc phần tri thức ngữ văn liên quan đến sử thi và cho biết sử thi là gì. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trình bày sản phẩm; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	I. Thể loại sử thi * Khái niệm: Sử thi (anh hùng ca) là thể loại tự sự, dung lượng đồ sộ, ra đời vào thời cổ đại. * Đặc điểm - Cốt truyện của sử thi xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú - Nhân vật sử thi là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng. - Không gian sử thi kì vĩ, cao rộng, mang tính cộng đồng có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người - Thời gian sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng. - Lời kể trong sử thi thành kính, trang trọng; nhịp điệu chậm rãi, trần thuật tỉ mỉ, lặp đi lặp lại những từ ngữ khắc họa đặc điểm cố định của nhân vật, sự vật, thường xuyên sử dụng thủ pháp so sánh trùng điệp. Lời người kể chuyện và cả lời nhân vật nhiều khi mang tính khoa trương, cường điệu.

B. Đọc – hiểu văn bản

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin chính về nhà văn Hô-me-rơ, sử thi I-li-át, văn bản *Héc-to từ biệt Ăn-đrô-mác*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn và yêu cầu HS đọc phần chú thích (<i>kỹ thuật đọc tích cực</i>) và sau đó trả lời câu hỏi (<i>theo kỹ thuật trình bày một phút</i>). + Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB ? Em hãy đọc phần thông tin và nêu các nét chính về tác giả (trả lời cá nhân)	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Là nhà thơ Hi Lạp sống vào thế kỉ VIII - VII trước công nguyên - Quê hương: không có sự thống nhất, không rõ ở Hy Lạp hay Tiểu Á - Là tác giả của hai thiên sử thi nổi tiếng I-li-át và Ô-đi-xê. Ông được mệnh danh là <i>cha đẻ của thơ ca Hi Lạp</i> 2. Tác phẩm I-li-át - Thể loại: Sử thi

? Nêu thể loại, hoàn cảnh ra đời, quy mô, kết cấu của sử thi Iliat?(trả lời cá nhân) ?Trong thời gian 2 phút, mỗi nhóm tham gia sắp xếp các sự kiện sao cho phù hợp với cốt truyện của sử thi I-li-át. Nhóm nào hoàn thành nhanh nhất và chính xác nhất là nhóm chiến thắng (làm việc nhóm) a) <i>Cuộc chiến vây hãm thành Tơ-roa của quân A-kê-en, tức quân Hy Lạp không phân thắng bại.</i> (b) <i>Héc-to giết chết Pa-tơ-rô-clo.</i> (c) <i>Thỏa thuận về cuộc chiến tay đôi chấm dứt chiến tranh không thành, quân Hy Lạp và quân Tơ-roa tiếp tục giao chiến.</i> (d) <i>Héc-to ra trận, dũng cảm chiến đấu.</i> (e) <i>A-khin trả lại thi hài Héc-to cho vua Pri-am khi xúc động trước nỗi đau của người cha tới chuộc xác con.</i> (f) <i>Quân Tơ-roa đánh lui quân Hy Lạp.</i> (g) <i>Nỗi đau thương và khát vọng trả thù thúc A-khin quay lại chiến trường, giành thế áp đảo cho quân Hy Lạp.</i> (h) <i>Quân Hy Lạp giành thế áp đảo, hoàng tử Héc -to quay vào thúc giục binh sĩ, khẩn cầu nữ thần A –tê - na. Chàng ghé về nhà thăm vợ con.</i> (i) <i>A-khin giết chết Héc-to, kéo xác chàng quanh thành.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS báo cáo kết quả thảo luận; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức trên bảng	- Hoàn cảnh ra đời: thế kỉ VIII trước công nguyên - Quy mô, kết cấu: Đây là thiên sử thi đồ sộ gồm có 15693 câu thơ, chia làm 24 khúc ca - Tóm tắt... - Nội dung: Tác phẩm kể về những sự kiện diễn ra trong 51 ngày, năm thứ mười cuộc chiến tranh của những người Hy Lạp tấn công thành Tơ-roa ở vùng biển Tây Bắc bán đảo Tiểu Á. Với cốt truyện được huyền thoại hóa, <i>I-li-át</i> ngợi ca vẻ đẹp lí tưởng của con người trong chiến tranh. 3. Đoạn trích - Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm từ câu thơ 370 đến 496, khúc ca thứ VI trong sử thi <i>I-li-át</i>. Đây là một trong những cảnh ấn tượng nhất trong sử thi <i>I-li-át</i> và lịch sử nhân loại - Bố cục đoạn trích: + Đoạn 1: Tâm trạng của Ăng-đrô-mác + Đoạn 2: Tâm trạng và hành động của Héc-to

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong phiếu học

tập

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức, câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu biến cố khiến Hecto phải từ biệt Ăng-đrô- mác Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Biến cố nào khiến Héc-to	II. Đọc – hiểu văn bản 1.Biến cố khiến Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác - Cuộc chiến thành Tơ-roa đã kéo dài mười năm và chưa phân thắng bại nhưng lúc này quân Hy Lạp đang giành thế áp đảo. - Bản thân Héc-to đang là chủ soái quân đội thành Tơ-roa phải có trách nhiệm ở trên tuyến đầu xung trận.

phải từ biệt Ăng-đrô-mác? Vì sao có thể xem đó là biến cố đặc trưng của thể loại sử thi?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức trên bảng

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Đặc trưng của không gian sử thi trong đoạn trích

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi chỉ ra các chi tiết miêu tả không gian trong đoạn trích? Từ đó nhận xét về đặc điểm và ý nghĩa của không gian sử thi?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS báo cáo kết quả thảo luận;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhắc lại các chi tiết

+ *Héc-to về tới ngôi nhà êm ấm của mình, nhưng không thấy Ăng-đrô-mác cánh tay trắng ngần trong buồng như thường lệ”*

+ *Nàng đứng trên tháp canh nước nở*

+ *Bà vừa đi vừa chạy lên thành”*

+ *Héc-to tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố*

-> Đây có thể coi là biến cố trọng đại – đặc trưng của thể loại sử thi bởi nó liên quan đến vận mệnh của toàn thể người dân thành To-roa.

-> Biến cố ấy khiến Héc-to phải từ biệt Ăng-đrô-mác để ra trận.

-> Biến cố này đặt nhân vật Héc-to vào tình thế bắt buộc phải chọn lựa:

+ *Ở lại thành To-roa để giữ an toàn cho bản thân*

+ *Hay mở cổng thành, ra trận nghênh chiến với kẻ thù để thực hiện bốn phận và bảo toàn danh dự.*

->**Thông qua quyết định lựa chọn đó, nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình**

2.Đặc trưng của không gian sử thi trong đoạn trích

-Đặc điểm:Không gian cộng đồng

-Ý nghĩa

+ Chiến trường, thành lũy, tháp canh, phố xá,... không chỉ là nơi nhân vật sử thi bộc lộ sức mạnh phi thường và phẩm chất can trường của mình, mà còn làm nền cho những tình cảm riêng tư nhất của con người.

+Người anh hùng sử thi cũng là người gắn bó mật thiết với mảnh đất quê hương của họ, sự sống và cái chết, niềm vinh quang và nỗi đau khổ của họ đều gắn với sự tồn vong, thịnh suy của thành lũy, pháo đài,...

thành <i>Tơ-roa</i> xây dựng khang trang. Xuyên qua phố xã thành <i>Tơ-roa</i> rộng lớn, chàng tới cổng <i>X-kê</i>” GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu Nhân vật Ăng-đrô-mác và Héc-to Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận để hoàn thành phiếu học tập: Tìm hiểu về Ăng-đrô-mác và Héc-to <table><tr><td>Nội dung tìm hiểu/ Nhân vật</td><td>Ăng-đrô-mác</td></tr><tr><td>Về bên ngoài</td><td></td></tr><tr><td>Hành động và tâm trạng</td><td></td></tr><tr><td>Lời nói</td><td></td></tr><tr><td>Chi tiết cuối đoạn trích</td><td></td></tr><tr><td>Nhận xét chung</td><td>- Đặc điểm - Nt xây dựng</td></tr></table> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV theo dõi quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, giúp đỡ HS khắc phục những khó khăn nảy sinh. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV xem sản phẩm của HS, yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV sử dụng <i>Rubrics 1. Đánh giá Phiếu học tập số 1</i>, góp ý cho từng nhóm để hoàn thiện <table><tr><td rowspan="2">Tiêu chí</td><td colspan="3">Mức độ</td></tr><tr><td>Tốt (4)</td><td>Khá (3)</td><td>Trung bình (2)</td></tr><tr><td>Xác định</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>				Nội dung tìm hiểu/ Nhân vật	Ăng-đrô-mác	Về bên ngoài		Hành động và tâm trạng		Lời nói		Chi tiết cuối đoạn trích		Nhận xét chung	- Đặc điểm - Nt xây dựng	Tiêu chí	Mức độ			Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Xác định				3. Nhân vật Ăng-đrô-mác và Héc-to <table><tr><td>Nội dung tìm hiểu/Nhân vật</td><td>Ăng-đrô-mác</td><td>Héc-to</td></tr><tr><td>Về bên ngoài</td><td>- <i>Cánh tay trắng ngần, xồng áo thướt tha</i> -> Từ <i>cánh tay trắng ngần</i> được dùng như một định ngữ để nhấn mạnh, khẳng định vẻ đẹp của Ăng-đrô-mác - <i>Trang phục diễm lệ, toát lên vẻ cao quý của nàng công chúa</i></td><td>Mỹ trụ với <i>ánh đồng sáng loáng</i> và <i>cái ngù bờm ngựa cong cong</i> (lặp lại nhiều lần) -> Cách dùng từ ngữ lặp lại <i>lấy lừng, mỹ trụ sáng loáng; lừng danh</i> đã nhấn mạnh vẻ đẹp, sức mạnh và danh tiếng lẫy lừng của người anh hùng Héc-to</td></tr><tr><td>Hành động và tâm trạng</td><td>- <i>Vội vã tới tòa tháp lớn thành I-li-ông như người mất trí</i> - <i>Nhào tới đón chồng</i> - <i>Nước mắt đầm đìa, xiết chặt tay công, nức nở</i> -> vô vấp, vội vã, dường như dự cảm trước được sự chia xa - <i>nước mắt đầm đìa, xiết chặt tay chàng nức nở:</i> -> Nàng không thể kìm nén được nỗi lo lắng, sợ hãi khi nghĩ đến cảnh Héc-to ra trận.</td><td>- <i>Tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang, xuyên qua phố xá thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng Xkê.</i> - <i>Trông thấy con thơ, người cha mỉm cười không nói</i> - <i>Tháo ngay mỹ trụ sáng loáng của mình đặt xuống đất, rồi chàng bồng cậu con trai thân yêu lên tay, thơm nó, vừa nâng nó lên cao, đu đưa, vừa khấn cầu các vị thần</i> - <i>Lòng Héc-to nhói buốt, chàng đưa tay vuốt ve nàng, an ủi.</i> -> Những hành động thể hiện tình yêu thương tha thiết của người chồng dành cho vợ, người cha dành cho con</td></tr></table>			Nội dung tìm hiểu/Nhân vật	Ăng-đrô-mác	Héc-to	Về bên ngoài	- <i>Cánh tay trắng ngần, xồng áo thướt tha</i> -> Từ <i>cánh tay trắng ngần</i> được dùng như một định ngữ để nhấn mạnh, khẳng định vẻ đẹp của Ăng-đrô-mác - <i>Trang phục diễm lệ, toát lên vẻ cao quý của nàng công chúa</i>	Mỹ trụ với <i>ánh đồng sáng loáng</i> và <i>cái ngù bờm ngựa cong cong</i> (lặp lại nhiều lần) -> Cách dùng từ ngữ lặp lại <i>lấy lừng, mỹ trụ sáng loáng; lừng danh</i> đã nhấn mạnh vẻ đẹp, sức mạnh và danh tiếng lẫy lừng của người anh hùng Héc-to	Hành động và tâm trạng	- <i>Vội vã tới tòa tháp lớn thành I-li-ông như người mất trí</i> - <i>Nhào tới đón chồng</i> - <i>Nước mắt đầm đìa, xiết chặt tay công, nức nở</i> -> vô vấp, vội vã, dường như dự cảm trước được sự chia xa - <i>nước mắt đầm đìa, xiết chặt tay chàng nức nở:</i> -> Nàng không thể kìm nén được nỗi lo lắng, sợ hãi khi nghĩ đến cảnh Héc-to ra trận.	- <i>Tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang, xuyên qua phố xá thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng Xkê.</i> - <i>Trông thấy con thơ, người cha mỉm cười không nói</i> - <i>Tháo ngay mỹ trụ sáng loáng của mình đặt xuống đất, rồi chàng bồng cậu con trai thân yêu lên tay, thơm nó, vừa nâng nó lên cao, đu đưa, vừa khấn cầu các vị thần</i> - <i>Lòng Héc-to nhói buốt, chàng đưa tay vuốt ve nàng, an ủi.</i> -> Những hành động thể hiện tình yêu thương tha thiết của người chồng dành cho vợ, người cha dành cho con
Nội dung tìm hiểu/ Nhân vật	Ăng-đrô-mác																																					
Về bên ngoài																																						
Hành động và tâm trạng																																						
Lời nói																																						
Chi tiết cuối đoạn trích																																						
Nhận xét chung	- Đặc điểm - Nt xây dựng																																					
Tiêu chí	Mức độ																																					
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)																																			
Xác định																																						
Nội dung tìm hiểu/Nhân vật	Ăng-đrô-mác	Héc-to																																				
Về bên ngoài	- <i>Cánh tay trắng ngần, xồng áo thướt tha</i> -> Từ <i>cánh tay trắng ngần</i> được dùng như một định ngữ để nhấn mạnh, khẳng định vẻ đẹp của Ăng-đrô-mác - <i>Trang phục diễm lệ, toát lên vẻ cao quý của nàng công chúa</i>	Mỹ trụ với <i>ánh đồng sáng loáng</i> và <i>cái ngù bờm ngựa cong cong</i> (lặp lại nhiều lần) -> Cách dùng từ ngữ lặp lại <i>lấy lừng, mỹ trụ sáng loáng; lừng danh</i> đã nhấn mạnh vẻ đẹp, sức mạnh và danh tiếng lẫy lừng của người anh hùng Héc-to																																				
Hành động và tâm trạng	- <i>Vội vã tới tòa tháp lớn thành I-li-ông như người mất trí</i> - <i>Nhào tới đón chồng</i> - <i>Nước mắt đầm đìa, xiết chặt tay công, nức nở</i> -> vô vấp, vội vã, dường như dự cảm trước được sự chia xa - <i>nước mắt đầm đìa, xiết chặt tay chàng nức nở:</i> -> Nàng không thể kìm nén được nỗi lo lắng, sợ hãi khi nghĩ đến cảnh Héc-to ra trận.	- <i>Tức thì rời nhà, chạy ngược theo những dãy phố thành Tơ-roa xây dựng khang trang, xuyên qua phố xá thành Tơ-roa rộng lớn, chàng tới cổng Xkê.</i> - <i>Trông thấy con thơ, người cha mỉm cười không nói</i> - <i>Tháo ngay mỹ trụ sáng loáng của mình đặt xuống đất, rồi chàng bồng cậu con trai thân yêu lên tay, thơm nó, vừa nâng nó lên cao, đu đưa, vừa khấn cầu các vị thần</i> - <i>Lòng Héc-to nhói buốt, chàng đưa tay vuốt ve nàng, an ủi.</i> -> Những hành động thể hiện tình yêu thương tha thiết của người chồng dành cho vợ, người cha dành cho con																																				

đúng nội dung tìm hiểu				Lời nói	
Trích dẫn và sắp xếp dẫn chứng hợp lí, logic, khoa học.					
Hiệu và phân tích, lí giải dẫn chứng					
Tổng hợp, nhận xét chung					
Trình bày sản phẩm rõ ràng, sạch, đẹp, sáng tạo					
GV chốt kiến thức trên bảng hoặc máy chiếu					- <i>Những lí do khiến Ăng-đrô-mác không muốn Héc-to ra trận.</i> + Vì chính chàng: không bị hủy hoại, hạ sát. + Vì vợ: thương cho người vợ thiếu não, toàn những khổ đau, đừng để vợ hiền thành góa phụ + Vì con: thương con trai thơ dại, đừng để trẻ thơ phải mồ côi -> Những lí do đều xuất phát từ những người thân yêu nhất tạo nên sự thuyết phục mạnh mẽ, để khiến người ta yếu lòng -Tâm trạng thể hiện qua lời nói: + Nàng trách chàng <i>thật tệ</i> + Lo sợ kẻ thù sẽ giết chết chàng, và nàng sẽ trở thành góa phụ + Đau khổ, cảm thấy cuộc sống không còn ý nghĩa nếu như nàng chỉ còn lại một mình trên cõi đời (nàng không còn cha mẹ, không còn ai thân thích, chỉ còn có Héc-to là chỗ dựa duy nhất) + Từ đó, nàng cầu xin Héc-to đừng ra trận, <i>đừng để trẻ thơ phải mồ côi, vợ hiền thành góa phụ</i> -> Đó là mong muốn, khát khao rất chính đáng, không chỉ của Ăng-đrô-mác mà còn là mong muốn - Lời nói với Ăng-đrô-mác: + Thấu hiểu và đồng cảm với nỗi lòng của người vợ; lo lắng cho vợ con, cho những người thân yêu của mình. Chàng ý thức cuối cùng chắc chắn rằng To-roa sẽ thất bại, cảm nhận được nỗi đau đón trước sự thống khổ mà người dân thành To-roa, của cha mẹ và đàn em trai. Nhưng điều làm trái tim chàng tan nát chính là nỗi thống khổ của người vợ vì nàng sẽ bị bắt đi làm nô lệ, không còn những ngày tháng tự do, bị đọa đầy trong những công việc cực nhọc và phải chịu muôn vàn đắng cay, dằn vặt -> Lời nói của Ăng-đrô-mác đặt chàng vào sự lựa chọn đầy khó khăn: một bên là tình cảm gia đình quyến luyến; một bên là bổn phận, trách nhiệm, danh dự đối với quân đội, đối với người dân thành To-roa, với chính bản . -> Nhưng cuối cùng Héc-to vẫn quyết định ra trận + Lí lẽ khiến Héc-to vẫn quyết định ra trận: / Nếu không ra trận, chàng sẽ cảm thấy <i>hổ thẹn xiết bao với những chiến binh và những người phụ nữ thành To-roa xông áo thướt tha</i>; trở thành kẻ hèn nhát, không đáng mặt anh hùng / <i>Bầu nhiệt huyết</i> trong chàng không cho phép chàng làm như vậy. / Chàng ý thức được bổn phận và trách nhiệm của mình là đứng trên <i>tuyến đầu, can trường chiến đấu, giành vinh quang cho thân phụ và bản thân</i>

		của tất cả những người phụ nữ yêu chồng, thương con. Trong suy nghĩ của họ, lúc nào gia đình cũng là trên hết. -> Những lời lẽ rất mực tình cảm, xúc động ấy đã tác động mạnh mẽ vào trái tim của người chồng - <i>Giọng điệu</i>: rất thiết tha, tình cảm, khẩn khoản.	- Lời khẩn cầu các vị thần giúp đỡ để con trai chàng có được sức mạnh, tiếng tăm lừng lẫy như cha, thậm chí còn hơn người cha của mình -> Thực chất đây là niềm mong mỏi cũng là niềm tin, niềm hi vọng con trai khi lớn lên sẽ tiếp nối và hoàn thành sự nghiệp còn dang dở của cha. - Lời an ủi Ăng-đrô-mác: chàng khuyên nàng đừng dằn vặt mình vì việc chàng ra đi đó là số phận đã định và cũng là bổn phận của mỗi người đàn ông sinh ra tại thành phố này.
	Chi tiết cuối đoạn trích	<i>Bước về nhà, hàng lệ tuôn rơi, chốc chốc lại ngoái nhìn theo bóng hình phu quân yêu quý.</i> -> tâm trạng đau đớn, lo lắng, sợ hãi, tuyệt vọng của Ăng-đrô-mác	<i>Dứt lời chàng nâng mũ trụ đồng thau sáng loáng lên</i> -> Hành động dứt khoát, đầy bản lĩnh của người anh hùng
	Nhận xét chung	- NT xây dựng nhân vật: + Lời kể trang trọng + Cách trần thuật rất tỉ mỉ, lặp lại từ ngữ khắc họa đặc điểm cố định của nhân vật, + Nghệ thuật miêu tả tâm lí rất tinh tế qua hành động, lời nói, - Đặc điểm + Tâm trạng đau buồn, lo sợ cho tính mạng của Héc-to, những khát khao rất đời thường và cũng rất xúc động của Ăng-đrô-mác + Qua đó, ta thấy được hình ảnh của người phụ nữ Hy Lạp với những	- Nt xây dựng nhân vật + Lời kể trang trọng + Cách dùng các từ ngữ lặp lại nhiều lần để nhấn mạnh vẻ đẹp của nhân vật + Miêu tả tâm trạng nhân vật chủ yếu qua lời nói, hành động. - Đặc điểm + Tâm trạng lo lắng, đau đớn khi nghĩ về những nỗi thống khổ mà vợ con và những người thân phải chịu. + Phẩm chất của người anh hùng Hy Lạp thời cổ: ý thức rất rõ về trách nhiệm, bổn phận, danh dự của bản thân với cộng đồng.

	phẩm chất đáng quý: hiền thực, yêu chồng, thương con và biết trân trọng hạnh phúc gia đình.	
	III. Tổng kết ▪ Nghệ thuật - Tạo dựng tình huống, biến cố mang tính chất đặc trưng của sử thi. - Khắc hoạ đặc điểm, tâm lí, tính cách nhân vật qua cử chỉ, hành động , ngôn ngữ đối thoại, các định ngữ đi kèm theo tên nhân vật ... - Cách kể chuyện tỉ mỉ, chậm rãi, trang trọng. sinh động, hấp dẫn. - Cách chọn lọc chi tiết đặc sắc, giàu ý nghĩa 2. Nội dung - Đoạn trích diễn tả được sâu sắc tâm trạng của đau khổ, níu kéo của Ăng-đrô-mác và sự đớn đau nhưng vẫn kiên quyết, dứt khoát ra trận vì bổn phận, trách nhiệm và danh dự của người anh hùng Héc-to - Qua đó, tác giả đề cao, ca ngợi vẻ đẹp lí tưởng của người anh hùng cổ đại: yêu thương gia đình, trọng danh dự, sống có trách nhiệm với cộng đồng. - Đoạn trích cũng gửi gắm những vấn đề nhân sinh giàu ý nghĩa: đề cao tình cảm gia đình (vợ chồng, cha mẹ và con cái); mối quan hệ giữa việc nhà – việc nước; ý thức về trách nhiệm, bổn phận, danh dự của mỗi con người... Cho đến nay những vấn đề đó vẫn còn có ý nghĩa sâu sắc.	

Nhiệm vụ 4: GV HD HS tổng kết GV hướng dẫn HS tổng kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề: Yêu cầu HS tổng kết nội dung và nghệ thuật (theo kĩ thuật trình bày một phút) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	

C . HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn khoảng (15-20 câu) cảm nhận một chi tiết đặc sắc nhất trong đoạn trích trên

GV định hướng một số chi tiết đặc sắc trong đoạn trích: lời khuyên của Ăng-đrô-mác với Héc-to, câu trả lời của Héc-to, hình ảnh Héc-to và Ăng-đrô-mác ở cuối đoạn trích

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Những vấn đề nhân sinh đặt ra trong văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống hiện nay?

GV gợi ý:

+ Những vấn đề nhân sinh đó là gì?

+ Ý nghĩa của những vấn đề nhân sinh đó trong đời sống hiện nay? (phạm vi quốc gia, dân tộc, nhân loại, toàn cầu)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi một số HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, định hướng

- Đoạn trích đã đặt ra vấn đề số phận của con người trong chiến tranh:

+ Chiến tranh không chỉ cướp đi sinh mệnh của những người thân yêu của Ăng-đrô-mác, mà còn trở thành một nỗi sợ hãi, ám ảnh, thành dự cảm chằng lành của nàng khi nghĩ về tương lai.

+ Trong hình dung của Héc-to, chiến tranh không những có thể khiến chàng bị vùi xác nơi sa trường, mà còn để lại những nỗi thống khổ, nhục nhã và đau xót cho người thân của chàng

Héc-to đã quyết tâm mở công thành vì trách nhiệm, bổn phận của chàng là bảo vệ Tơ-roa. Con người dù sống ở bất cứ thời đại nào đều là một cá thể trong cộng đồng, đều có những nghĩa vụ và trách nhiệm nhất định với cộng đồng của mình. Vì thế, vấn đề được đặt ra trong sử thi cũng là vấn đề có ý nghĩa nhân loại.

-Mối quan hệ giữa con ng và định mệnh

+Héc- to và Ăng-đrô-mác đều có dự cảm và thậm chí biết rõ sẽ tới ngày thành Tơ-roa thất thủ, đều biết rõ cái chết và nỗi đau khổ sẽ xảy đến với mình. Nhưng ý thức về danh dự và bổn phận đã giúp cho Héc-to đủ can đảm đối diện với định mệnh.

+ Vũ khí để con người chống chọi với định mệnh chính là khả năng nghĩ đến nhau, kết nối, thương yêu nhau trong một cộng đồng và ý thức về bổn phận, danh dự đối với cộng đồng như mình chứng cho sự tồn tại của một nhân cách

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp; - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình).	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

Tiết 38,39

ĐẰM SẴN ĐI BẮT NỮ THẦN MẶT TRỜI (Trích Đăm Săn, Sử thi Ê-đê)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết và phân tích được** một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- ❖ **Học sinh nhận xét** nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.
- ❖ **Học sinh nêu** ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại.
- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc.

3. Về phẩm chất: Học sinh biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ

a. **Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung thực hiện:**

GV cho HS thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu về văn hóa của người Ê-đê

c. **Sản phẩm:**

- HS thực hiện yêu cầu của GV

- HS sử dụng SGK

d. **Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ vào buổi học trước: - NHÓM 1. Làm poster giới thiệu trang phục của người Ê-đê. - NHÓM 2. Thuyết trình về ẩm thực của người Ê-đê. - NHÓM 3. Làm mô hình nhà ở của người Ê-đê. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi: <i>Vì sao cần tìm hiểu các thông tin về văn hóa của người Ê-đê trước khi đọc sử thi Đăm Săn?</i> Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV gợi ý các nhiệm vụ cho HS: - NHÓM 1. Làm poster giới thiệu trang phục của người Ê-đê: Suu tầm ảnh chụp, video,... về một bộ trang phục của người Ê-đê, tìm hiểu về chất liệu, cách làm, các họa tiết, sự biến đổi trong trang phục của người Ê-đê từ truyền thống đến hiện đại, ý nghĩa văn hóa, triết lí, quan niệm ẩn sau các trang phục đó. - NHÓM 2. Thuyết trình về ẩm thực của người Ê-đê: Giới thiệu một món ăn truyền thống của người Ê-đê, các nguyên liệu, cách chế biến, hương vị, ý nghĩa văn hóa của món ăn. - NHÓM 3. Làm mô hình nhà ở của người Ê-đê: Tìm hiểu về chất liệu, cách xây dựng, cách bài trí không gian, ý nghĩa văn hóa của ngôi nhà, sau đó sử dụng các vật liệu quen thuộc như bìa các-tông, gỗ để sáng tạo mô hình một ngôi nhà của người Ê-đê.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. **Mục tiêu hoạt động:**

❖ **Nhận biết và phân tích được** một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật:

- Vẽ đẹp phẩm chất của người anh hùng Đăm Săn thông qua các sự kiện, chi tiết tiêu biểu.

- Nghệ thuật kể chuyện của sử thi Ê-đê qua đoạn trích: ngôi kể, lời kể, lời miêu tả, đối thoại.

- Ý nghĩa của hình tượng nữ thần mặt trời trong sử thi Đăm Săn.

❖ **Học sinh nhận xét** nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

❖ **Học sinh nêu** ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

b. **Nội dung thực hiện:**

❖ Học sinh thực hiện phiếu học tập tìm hiểu về nhân vật Đăm Săn.

Học sinh thảo luận, thuyết trình theo yêu cầu.

c. **Sản phẩm:**

- HS thực hiện yêu cầu của GV

- HS sử dụng SGK hoàn thành phiếu bài tập

d. **Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về nhân vật Đăm Săn. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu	1. Vẽ đẹp phẩm chất của người anh hùng Đăm Săn - Một số sự kiện chính trong đoạn trích: (1) Đăm Săn rủ Đăm Par Kvy đi bắt Nữ thần Mặt Trời.

Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	(2) Đăm Par Kvây khuyên Đăm Săn không nên đi vì đường đi nguy hiểm, Đăm Săn có thể chết trong Rừng Sáp Đen. (3) Đăm Săn vẫn quyết tâm đến nhà của Nữ Thần Mặt Trời. (4) Đăm Săn gặp Nữ thần Mặt Trời, ngỏ ý muốn lấy nàng làm vợ. (5) Nữ thần Mặt Trời từ chối và khuyên Đăm Săn trở về. (6) Đăm Săn trở về và chết trong Rừng Sáp Đen. ⇒ Phẩm chất của Đăm Săn: Những sự kiện trong đoạn trích thể hiện khát vọng mãnh liệt, lòng quyết tâm chinh phục Nữ Thần Mặt Trời, sự mạnh mẽ, dũng cảm của Đăm Săn. - Ý nghĩa chi tiết cái chết của Đăm Săn trong Rừng Sáp Đen: + Cái chết của Đăm Săn càng tô đậm phẩm chất dũng cảm, ý chí tự do, quyết tâm mãnh liệt và ý thức về danh dự của người anh hùng, dù có chết cũng không từ bỏ lí tưởng của mình. + Cái chết là một thách thức mới và cũng là thách thức cao nhất cho ý chí tự do và lòng can đảm của Đăm Săn. Mô tả cái chết của Đăm Săn là nhằm nhấn mạnh sự tái sinh của Đăm Săn trong hình tượng Đăm Săn cháu, người sẽ tiếp nối hành trình của chàng trong phần tiếp theo của sử thi. + Cái chết của Đăm Săn thể hiện bi kịch của người anh hùng cộng đồng trong hành trình chinh phục của họ.									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia nhóm để HS thuyết trình: - Nhóm 1. Nghệ thuật kể chuyện trong sử thi. - Nhóm 2. Hình tượng nữ thần Mặt Trời trong sử thi Đăm Săn. - Nhóm 3. Đặc trưng phong tục, tập quán người Ê-đê trong sử thi Đăm Săn. - Thời gian: 20 phút. - Sản phẩm: Giấy A0, Infographic, video clip, ... Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Nghệ thuật kể chuyện của sử thi Ê-đê qua đoạn trích (ngôi kể, lời kể, lời miêu tả, đối thoại) <table><tr><th>Yếu tố</th><th>Đặc điểm</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>Người kể chuyện</td><td>- Ngôi thứ ba - Kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể chuyện hòa mình vào đám đông, vào cộng đồng để kể câu chuyện về Đăm Săn.</td><td>- Câu chuyện trở nên khách quan, chân thực.</td></tr><tr><td>Hình thức kể chuyện</td><td>- Các thủ pháp khoa trương, cường điệu, so sánh thường được sử dụng một cách thường xuyên.</td><td>- Giúp người đọc hình dung một cách cụ thể, sống động về nhân vật, đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ đối với nhân vật và câu chuyện được kể.</td></tr></table>	Yếu tố	Đặc điểm	Tác dụng	Người kể chuyện	- Ngôi thứ ba - Kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể chuyện hòa mình vào đám đông, vào cộng đồng để kể câu chuyện về Đăm Săn.	- Câu chuyện trở nên khách quan, chân thực.	Hình thức kể chuyện	- Các thủ pháp khoa trương, cường điệu, so sánh thường được sử dụng một cách thường xuyên.	- Giúp người đọc hình dung một cách cụ thể, sống động về nhân vật, đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ đối với nhân vật và câu chuyện được kể.
Yếu tố	Đặc điểm	Tác dụng								
Người kể chuyện	- Ngôi thứ ba - Kể từ điểm nhìn bên ngoài, là người kể chuyện hòa mình vào đám đông, vào cộng đồng để kể câu chuyện về Đăm Săn.	- Câu chuyện trở nên khách quan, chân thực.								
Hình thức kể chuyện	- Các thủ pháp khoa trương, cường điệu, so sánh thường được sử dụng một cách thường xuyên.	- Giúp người đọc hình dung một cách cụ thể, sống động về nhân vật, đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ đối với nhân vật và câu chuyện được kể.								

		- Cách kể chuyện chậm rãi, thường dừng lại ở những tiết đoạn cao trào. - Tạo điểm nhấn và sự hồi hộp chờ đợi cho người đọc.
	Lời kể	- Có sự phối hợp giữa kể, tả, bình luận, lối cuốn người đọc bằng lối miêu tả tỉ mỉ. - Giúp người đọc hình dung được một cách sống động về nhân vật, bối cảnh.
	Lời đối thoại	- Thể hiện rõ giọng điệu, cá tính của từng nhân vật. - Tiêu biểu cho lời kể của sử thi, vừa thể hiện sắc thái riêng của lối kể khan của người Tây Nguyên.
	3. Ý nghĩa của hình tượng nữ thần mặt trời trong sử thi Đăm Săn - Nữ Thần Mặt Trời là biểu trưng cho sức mạnh của tự nhiên (<i>“nếu ta đi thì lợn dưới gà trên, cọp té giác trâu ngựa sẽ chết hết”</i>). Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn thể hiện khát vọng lớn lao và phẩm chất dũng cảm phi thường của Đăm Săn, đồng thời cũng thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của cộng đồng người Ê-đê. - Nữ thần Mặt Trời còn biểu trưng cho chế độ mẫu hệ (vẻ đẹp quyền lực và nữ tính: <i>“nàng mặc một váy ánh như sét, loáng như chớp, tiếng nàng lạnh lạnh, người chưa tới mà tiếng đã tới, nàng rõ ràng là con của Thần Đất và Thần Trời rồi”</i>) và hành động quyết tâm chinh phục Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn còn là biểu tượng cho xung đột quyền giữa người đàn ông và người phụ nữ trong xã hội mẫu hệ Ê-đê. - Nữ thần Mặt Trời là biểu tượng của những vùng đất mới (<i>“Chàng đi hết rừng rậm đến núi xanh, cỏ tranh xé tay, gai mây đâm chân”</i>). Hành động quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời của Đăm Săn biểu trưng cho khát vọng chinh phục của vùng đất mới của cộng đồng. - Đăm Săn quyết tâm đi bắt Nữ Thần Mặt Trời, bất chấp can ngăn của mọi người. Hành động đó thể hiện ý chí tự do của người anh hùng mang lí tưởng cộng đồng. 4. Đặc trưng phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê qua đoạn trích	

	- Đoạn trích cho ta thấy một bức tranh vô cùng sống động về phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Ê-đê: + Nhà sàn Ê-đê với nhiều hàng cột, xà ngang, xà dọc, có cầu thang. + Các vật dụng của người Ê-đê như ché tuk, chiếu, chiêng, mâm đồng, chày thau,... biểu thị của sự giàu có, sung túc. + Khi có khách đến, người ta đánh chiêng, trải chiếu, rót rượu trong ché tuk mời khách. + Người đàn ông khi đi rừng thường giắt theo chà gạc. + Ông Đu, ông Điê là những vị thần cao nhất trong hệ thống thần của người Ê-đê.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

b. Nội dung thực hiện

- Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về ý nghĩa của sử thi đối với con người hiện đại.

c. Sản phẩm:

- HS thực hiện yêu cầu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên giao nhiệm vụ: <i>Phải chăng một tác phẩm sử thi ra đời ở một thời đại quá xa xôi như I-li-át hay Đăm Săn không còn nhiều ý nghĩa đối với con người hiện đại? hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày quan điểm của bạn.</i> - Thời gian: 15 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Có lẽ trong văn học dân gian thế giới, sử thi Tây Nguyên được xếp vào loại có dung lượng lớn nhất. Nhưng điều quan trọng hơn là dù ngắn dài, sử thi Tây Nguyên là một bức tranh toàn cảnh của cả một thời đại, phản ánh một cách trung thực, sinh động đời sống sinh hoạt cộng đồng, cuộc đấu tranh vì những ý tưởng nhân văn cao cả mà sự kiện trung tâm là hình ảnh những anh hùng thần thoại, những anh hùng của buôn làng Tây Nguyên từng được bao thế hệ, bao đời nay ngưỡng mộ như Đăm Săn, Đăm Di, Dyông Dư,... mà đồng bào Tây Nguyên gọi là các Mtao. Có thể nói, sử thi Tây Nguyên là một bản anh hùng ca hùng tráng góp phần làm phong phú thêm giá trị văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam với hàng ngàn năm lịch sử dựng nước, giữ nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất để sinh tồn và phát triển. (Tham khảo từ http://quehuongonline.vn/ban-sac-van-hoa/su-thi-tay-nguyen--kho-tang-van-hoa-tinh-than-vo-gia-20151116094847125.htm)

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ với đoạn trích “Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác”.

b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng

c. Sản phẩm:

- HS thực hiện yêu cầu của GV

- HS sử dụng SGK

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: - Nhiệm vụ: Qua hai đoạn trích Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác và Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt			
		Héc-to	Đăm Săn

Trời, hãy nêu những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm của người Hy Lạp cổ đại và người Ê-đê về người anh hùng. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	<table> <tr> <td data-bbox="815 76 975 1249"> Ngoại hình </td><td data-bbox="975 76 1474 1249"> - Hiên ngang, khí thế của người anh hùng “Héc-to lấy lòng, mũ trụ sáng loáng” - Toát lên vẻ mạnh mẽ của người anh hùng buồn làng: “đầu đội khăn nhiễu, vai mang một áo lụa đẹp, khoác ngoài một áo chiến cũng thật là đẹp”, “giậm chân trên sàn sân, hai lần sàn sân làm như vỗ cánh, bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây”, “lông chân như chải, lông đùi như chuốt, tiếng nghe như chong chóng gỗ mõ”. - Khí phách hiên ngang: “trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung”, “tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy” </td></tr> <tr> <td data-bbox="815 1249 975 1547"> Phẩm chất </td><td data-bbox="975 1249 1474 1547"> - Sức mạnh phi thường, ý chí mạnh mẽ, phẩm chất can trường, dũng cảm đối mặt và vượt qua thử thách của định mệnh và cái chết. - Con người cá nhân đặc biệt được nhấn mạnh. - Bình diện con người cá nhân không được chú trọng miêu tả. </td></tr> <tr> <td data-bbox="815 1547 975 1697"> Ý chí/Khát vọng </td><td data-bbox="975 1547 1474 1697"> - Héc-to bất chấp cái chết để được báo trước để bảo vệ thành bang. - Đăm Săn bất chấp cái chết để chinh phục nữ thần mặt trời. </td></tr> <tr> <td data-bbox="815 1697 975 2024"> Nghệ thuật miêu tả </td><td data-bbox="975 1697 1474 2024"> - Người anh hùng Hy Lạp cổ đại gắn với sự hi sinh và bốn phần với thành bang, ý thức công dân là phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng. - Người anh hùng Ê-đê gắn với khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên. </td></tr> </table>	Ngoại hình	- Hiên ngang, khí thế của người anh hùng “Héc-to lấy lòng, mũ trụ sáng loáng” - Toát lên vẻ mạnh mẽ của người anh hùng buồn làng: “đầu đội khăn nhiễu, vai mang một áo lụa đẹp, khoác ngoài một áo chiến cũng thật là đẹp”, “giậm chân trên sàn sân, hai lần sàn sân làm như vỗ cánh, bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây”, “lông chân như chải, lông đùi như chuốt, tiếng nghe như chong chóng gỗ mõ”. - Khí phách hiên ngang: “trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung”, “tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy”	Phẩm chất	- Sức mạnh phi thường, ý chí mạnh mẽ, phẩm chất can trường, dũng cảm đối mặt và vượt qua thử thách của định mệnh và cái chết. - Con người cá nhân đặc biệt được nhấn mạnh. - Bình diện con người cá nhân không được chú trọng miêu tả.	Ý chí/Khát vọng	- Héc-to bất chấp cái chết để được báo trước để bảo vệ thành bang. - Đăm Săn bất chấp cái chết để chinh phục nữ thần mặt trời.	Nghệ thuật miêu tả	- Người anh hùng Hy Lạp cổ đại gắn với sự hi sinh và bốn phần với thành bang, ý thức công dân là phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng. - Người anh hùng Ê-đê gắn với khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên.
Ngoại hình	- Hiên ngang, khí thế của người anh hùng “Héc-to lấy lòng, mũ trụ sáng loáng” - Toát lên vẻ mạnh mẽ của người anh hùng buồn làng: “đầu đội khăn nhiễu, vai mang một áo lụa đẹp, khoác ngoài một áo chiến cũng thật là đẹp”, “giậm chân trên sàn sân, hai lần sàn sân làm như vỗ cánh, bảy hàng cột nhà chao qua chao lại từ đông sang tây”, “lông chân như chải, lông đùi như chuốt, tiếng nghe như chong chóng gỗ mõ”. - Khí phách hiên ngang: “trông nghênh nghênh như con rắn trong hang, ngang như con cọp trong đầm, như con tê giác trong thung”, “tiếng oang oang như sấm gầm sét dậy”								
Phẩm chất	- Sức mạnh phi thường, ý chí mạnh mẽ, phẩm chất can trường, dũng cảm đối mặt và vượt qua thử thách của định mệnh và cái chết. - Con người cá nhân đặc biệt được nhấn mạnh. - Bình diện con người cá nhân không được chú trọng miêu tả.								
Ý chí/Khát vọng	- Héc-to bất chấp cái chết để được báo trước để bảo vệ thành bang. - Đăm Săn bất chấp cái chết để chinh phục nữ thần mặt trời.								
Nghệ thuật miêu tả	- Người anh hùng Hy Lạp cổ đại gắn với sự hi sinh và bốn phần với thành bang, ý thức công dân là phẩm chất quan trọng nhất của người anh hùng. - Người anh hùng Ê-đê gắn với khát vọng mở mang bờ cõi, chinh phục tự nhiên.								

TIẾT 40. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
SỬ DỤNG TRÍCH DẪN, CƯỚC CHỦ VÀ CÁCH ĐÁNH DẤU PHẦN BỊ TÍNH LƯỢC TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được cách đánh dấu phần bị tính lược trong văn bản.
- Hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú.

2. Về năng lực

Vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập.

3. Về phẩm chất:

Trung thực, chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân. Có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập...

2. Thiết bị: Máy vi tính, máy chiếu đa năng....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Sử dụng trích dẫn, cước chủ và cách đánh dấu phần bị tính lược trong văn bản*.

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS về việc sử dụng trích dẫn.

c. Sản phẩm: HS chia sẻ câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi gợi mở: <i>Khi muốn trích dẫn một câu danh ngôn hay lời nói của nhân vật vào bài viết của mình, em sẽ làm thế nào?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 – 3 HS đứng lên chia sẻ. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, động viên HS làm chưa đúng. - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: <i>Khi trích dẫn một câu danh ngôn hay lời văn từ một văn bản, chúng ta cần tôn trọng tác giả bằng cách sử dụng trích dẫn sao cho đúng. Bài học hôm nay sẽ hướng dẫn các em Sử dụng trích dẫn, cước chủ và cách đánh dấu phần bị tính lược trong văn bản</i>	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nắm được kiến thức về sử dụng trích dẫn, cước chủ và cách đánh dấu phần bị tính lược trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi liên quan đến kiến thức đã học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên nêu nhiệm vụ học tập:	Gợi ý câu trả lời: Câu 1.

Câu 1. Em hãy so sánh giữa hình thức trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp trong văn bản? Câu 2. Hãy xác định hình thức trích dẫn được sử dụng trong các ví dụ sau: a. Mỗi khi bắt đầu câu chuyện, “Bok Sung gõ ống điều xuống sàn nhà” [5, tr.59]. Và “Ông cụ (Mét) gõ ống điều lên đầu ông Táo” [5, tr.145]... Bắt đầu vào chuyện bao giờ cũng vậy, khi người kể gõ gõ ống điều thì mọi âm thanh phải ngưng bật, “vở diễn sẽ được bắt đầu. [5] Nguyên Ngọc (1999), <i>Tháng Nính Nông</i>, Nxb Đà Nẵng. (Trích <i>Văn học với văn hóa kể khan Tây Nguyên</i>, Đặng Văn Vũ, tạp chí ĐHSPTP HCM, số 23/2010). b. Khi nói về đức tính giản dị của Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét: Giản dị trong cuộc sống, trong quan hệ với mọi người, trong cách cư xử, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và chữ viết, vì lợi ích của quần chúng để hiểu, nhớ và làm (Phạm Văn Đồng, <i>Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tri của thời đại</i>). Câu 3. Tác dụng của việc tỉnh lược trong văn bản là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành câu trả lời Thời gian: 7 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 5 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức		Trích dẫn trực tiếp	Trích dẫn gián tiếp	
	Giống nhau	Sử dụng trong văn bản nhằm trình bày những quan điểm, ý kiến từ các tài liệu mà người viết đã tham khảo trong quá trình tạo lập văn bản để hỗ trợ làm rõ cho ý kiến, quan điểm của mình.		
	Khác nhau	- Trích nguyên văn. - Đặt trong dấu ngoặc kép. - Diễn đạt lại theo cách viết của mình, trung thành với văn bản gốc. - Không cần đặt trong dấu ngoặc kép.		

Câu 2: a. Trích dẫn trực tiếp.
b. Trích dẫn gián tiếp.

Câu 3: Tác dụng của việc tỉnh lược một số thông tin trong văn bản nhằm giúp cho văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các bài tập SGK.
- b. **Nội dung thực hiện:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các bài tập trong Sách giáo khoa.
- c. **Sản phẩm:** Kết quả bài tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài tập 1: a. Lời trích dẫn trong đoạn văn giới thiệu về tác giả Hô-me-rơ không sử dụng dấu ngoặc kép vì đây là lời trích dẫn gián tiếp, tác giả không dùng nguyên văn tài liệu tham khảo. b. Nội dung của phần được đưa vào ngoặc kép là trích dẫn nguyên vẹn một nhận định của M.Ga.xpa-rốp (Mikhail Gasparov). c. Phần được đánh dấu ngoặc vuông [...] trong đoạn là phần đã được người viết tỉnh lược, nhằm làm cho các thông tin cô đọng hơn. Bài tập 2: a. Phần cước chú ở chân trang giúp giải nghĩa các từ ngữ, bổ sung, diễn giải chi tiết về các thông tin được nhắc tới trong văn bản, giúp người đọc có thêm tri thức nền để hiểu sâu về văn bản. Trong một văn bản

	sử thi, những thông tin trong phần cước chú càng đặc biệt quan trọng, giúp người đọc hiểu rõ ngữ cảnh văn hóa xung quanh văn bản. b. Đoạn văn có hai cước chú, gồm: giải thích từ ngữ, giải thích các điển cố, bổ sung thông tin.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động:

- Học sinh phân biệt được trích dẫn trực tiếp và gián tiếp; hiểu được cước chú và tính lược trong các VB đã học.

- Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn.

b. Nội dung thực hiện: HS tìm ở các bài đã học những ví dụ về trích dẫn (trực tiếp hoặc gián tiếp), cước chú và tính lược trong văn bản và viết được đoạn văn có sử dụng trích dẫn hoặc đánh dấu phân bị tính lược.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của cá nhân (câu trả lời và bài viết)

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập * Giáo viên giao nhiệm vụ (BT 3/SGK 112) * Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) có sử dụng trích dẫn hoặc đánh dấu phân bị tính lược, nói về một trong hai nội dung sau: - Đặc điểm tính cách của một trong những nhân vật sử thi hay thần thoại mà em đã đọc. - Tình cảm của con người đối với quê hương, gia đình Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện yêu cầu của GV HS hoàn thành công việc theo cá nhân và trình bày trước lớp. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	BÀI TẬP 3 (SGK 112) Một số cước chú, tính lược trong các văn bản đã học: a. Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: (*) Nhan đề do người biên soạn sách giáo khoa đặt (1) Ngọc Hoàng: còn gọi là Ngọc Hoàng Thượng đế, vua trên trời. Những danh xưng này được đặt ra và cố định hóa ở thời trung đại, trong quá trình thần trụ Trời được tôn giáo hóa. b. Tê-dê: Chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiện quan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê” c. Hiền tài là nguyên khí của quốc gia: [...] Tôi dẫu nông cạn vụng về, nhưng đâu dám từ chối, xin kính cẩn chấp tay cúi đầu mà làm bài kí rằng:

BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN 200 CHỮ THAM KHẢO

Câu chuyện về những người anh hùng sử thi chưa bao giờ giảm nhiệt về độ hấp dẫn mà nó mang lại. Bởi mỗi vị anh hùng lại mang đến cho người đọc một cách nhìn mới đầy ngưỡng mộ và ngạc nhiên. Nhưng, có một phẩm chất mà hầu hết các anh hùng đều có, thậm chí là cần thiết đó là sự điềm tĩnh. Điềm tĩnh ở đây không có nghĩa là giải quyết mọi tình huống xảy ra một cách chậm chạp mà chính phẩm chất này sẽ giúp họ có được những lối suy nghĩ thông suốt hơn, tránh trường hợp quá nóng vội dẫn đến thất bại, nhất là khi gặp chuyện hiểm nguy. Khi Ô-đi-xê được cảnh báo trước về những hiểm nguy về các nàng Xi-ren, tuy tâm trạng khá bồn chồn và lo lắng nhưng chàng vẫn điềm tĩnh để đưa ra hướng giải quyết cho mọi người. “(...) Tôi lần lượt nút chặt tai cho các bạn đồng hành, còn họ thì buộc tay chân tôi lại. Tôi đứng dưới cột buồm, và họ lấy dây thừng trói tôi vào đấy. Thế rồi họ ngồi xuống, đập mái chèo xuống mặt biển ngầu bọt xám”. (Trích Gặp Ka-ríp và Xi-la, sử thi Ô-đi-xê). Ô-đi-xê chính là anh hùng sử thi điển hình cho phẩm chất nói trên. Nhờ đó, chàng cùng những người bạn đồng hành có thể đưa ra cách giải quyết tốt nhất và vượt qua sự quyến rũ của các nàng Xi-ren.

- ❖ Phân bị tính lược: “(...) Tôi lần lượt nút chặt tai cho các bạn đồng hành, còn họ thì buộc tay chân tôi lại. Tôi đứng dưới cột buồm, và họ lấy dây thừng trói tôi vào đấy. Thế rồi họ ngồi xuống, đập mái chèo xuống mặt biển ngầu bọt xám”. à được đánh dấu bằng cách dùng kí hiệu dấu chấm lửng đặt trong dấu ngoặc đơn.
- ❖ Chú thích trích dẫn: (Trích Gặp Ka-ríp và Xi-la, sử thi Ô-đi-xê).

RUBRICS ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

TIÊU CHÍ	Mức độ đánh giá			
	Mức 3	Mức 2	Mức 1	Mức 0
Hình thức đoạn văn (1 điểm)	Khoảng 200 chữ, tập trung vào một trong 2 nội dung đã cho	Dài hơn 200 chữ, tập trung vào một trong 2 nội dung đã cho	Bài viết có viết một trong 2 nội dung đã cho nhưng quá ngắn	Chưa viết bài hoặc lạc đề.
Nội dung (5 điểm)	Xác định được đầy đủ các chi tiết có liên quan trực tiếp và/ hoặc gián tiếp để phát hiện ra những đặc điểm toàn diện của nhân vật. - Đoạn văn có sử dụng ít nhất 03 lượt trích dẫn hoặc đánh dấu phần bị tình lược	Xác định được hầu hết các chi tiết có liên quan trực tiếp và/ hoặc gián tiếp để phát hiện ra những đặc điểm cơ bản về nhân vật. - Đoạn văn có sử dụng ít nhất 02 lượt trích dẫn hoặc đánh dấu phần bị tình lược	Xác định được một số chi tiết liên quan trực tiếp và/ hoặc gián tiếp để phát hiện ra rất ít đặc điểm của nhân vật. - Đoạn văn có sử dụng ít nhất 01 lượt trích dẫn hoặc đánh dấu phần bị tình lược	Không xác định được các chi liên quan trực tiếp và/ hoặc gián tiếp để phát hiện ra đặc điểm của nhân vật. - Đoạn văn không sử dụng trích dẫn hoặc đánh dấu phần bị tình lược
Diễn đạt (2 điểm)	-Vốn từ ngữ phong phú, có từ hay ,biểu cảm, kiểu câu đa dạng -Sử dụng phép liên kết đa dạng,linh hoạt để liên kết chặt chẽ các đoạn ,các câu với nhau -Không mắc lỗi chính tả,dùng từ,ngữ pháp -Không mắc lỗi chính tả,dùng từ,ngữ pháp	-Vốn từ tương đối phong phú,kiểu câu khá đa dạng. -Không hoặc mang một số lỗi chính tả,dùng từ,ngữ pháp. -Không hoặc mắc một số lỗi chính tả,dùng từ,ngữ pháp.	-Vốn từ còn nghèo nàn ,đơn điệu. -Sử dụng phép liên kết để liên kết các đoạn,các câu với nhau một số chỗ. -Mắc khá nhiều lỗi chính tả,dùng từ,ngữ pháp.	-Vốn từ còn nghèo nàn ,đơn điệu. -Chưa sử dụng được phép liên kết hoặc sử dụng chưa phù hợp để liên kết các đoạn,các câu với nhau. -Mắc rất nhiều lỗi chính tả,dùng từ,ngữ pháp.
4.Trình bày (1 điểm)	Chữ viết cẩn thận,rõ ràng, đoạn văn trình bày sạch sẽ,chỉ gạch xóa rất ít.	Chữ viết rõ ràng,trình bày tương đối sạch sẽ,có một số chỗ gạch xóa.	Chữ viết tương đối rõ,nhiều chỗ gạch xóa.	Chữ viết không rõ ràng,khó đọc,bài văn trình bày chưa sạch sẽ.
5.Sáng tạo (1 điểm)	Có một số chỗ trình bày quan điểm,cách nhìn mới và diễn đạt độc đáo, mới mẻ.	Có một quan điểm,cách nhìn mới và có một chỗ diễn đạt độc đáo,mới mẻ	Có quan điểm/cách nhìn mới hay có một chỗ diễn đạt độc đáo,mới mẻ	Không có cái nhìn mới và không có chỗ diễn đạt sáng tạo.

Tiết 41. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo

- ❖ **Học sinh trình bày** được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ thông tin xác thực
 - ❖ **Học sinh khai thác** được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có
 - ❖ **Học sinh biết** cách đặt tên và liệt kê danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.
2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu
3. Về phẩm chất: Tỉ mỉ, ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: GV yêu cầu: Con hãy tìm và sưu tầm các bài báo cáo nghiên cứu. Cho biết bối cảnh sử dụng, chức năng của báo cáo nghiên cứu		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án 1. Tên một số báo cáo nghiên cứu - Các yếu tố tác động đến quyết định mua bảo hiểm y tế của người dân tại tỉnh Phú Yên - Các yếu tố tác động đến hành vi bạo lực học đường của học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Ý thức và hành vi bảo vệ môi trường của sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh - Giá trị của bữa cơm gia đình trong lối sống nhanh của xã hội hiện nay - Giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh các trường THCS trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 2. Bối cảnh sử dụng và chức năng - Hội nghị nghiên cứu, họp hành, giải pháp cho các vấn đề tồn tại,... - Chức năng: thể hiện năng lực người nghiên cứu, đưa ra giải pháp cho các vấn đề, đưa ra ý tưởng sáng tạo mới, ...	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo Học sinh trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ thông tin xác thực Học sinh khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có Học sinh biết cách đặt tên và liệt kê danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo. b. Nội dung thực hiện: Học sinh tìm hiểu bài viết tham khảo “Một số dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra – ma – ya – na trong văn hóa Việt Nam” Học sinh định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu		
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài HS thực hành viết Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trả lời câu hỏi	Hướng dẫn trả lời câu hỏi trong bài tham khảo 1. Vấn đề (câu hỏi) nghiên cứu của tác giả trong bài viết là gì? Vấn đề nghiên cứu của tác giả trong bài viết là dấu ấn của sử thi Ấn Độ Ra-ma-ya-na trong văn hóa Việt Nam. 2. Để triển khai bài viết, tác giả đã sử dụng những luận điểm chính nào?	

Học sinh rút ra được các bước để thực hiện một báo cáo nghiên cứu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Những luận điểm chính được tác giả sử dụng để triển khai bài viết là: - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong văn học dân gian và văn học viết thời trung đại + Sử thi Tewa Muno được xem là phiên bản bản địa của Ra-ma-ya-na + Dạng thơ vương, truyện truyền kì ra đời dưới thời nhà Trần là một phiên bản tóm lược của sử thi này - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong nghệ thuật điêu khắc - Dấu ấn của sử thi Ra-ma-ya-na trong văn hóa đương đại 3. Tác giả đã sử dụng những loại bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm chính? Để làm sáng tỏ các luận điểm chính của mình, tác giả đã đưa ra rất nhiều bằng chứng để chứng minh, có những loại bằng chứng chính sau: - Bằng chứng liên quan đến những đặc trưng của thể loại sử thi: “Trong sử thi của người Chăm... nhân vật” - Bằng chứng liên quan đến văn hóa của dân tộc tiếp nhận dấu ấn (Chăm): “Trong văn hóa cộng đồng của Việt Nam... đậm nét nhất” - Bằng chứng liên quan đến vật thể: “Tại bảo tàng điêu khắc... sử thi Ấn Độ” Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài 1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn đề tài: Hãy bắt đầu bằng điều khiến em cảm thấy hứng thú và quan tâm nhất sau khi đọc một tác phẩm văn học hay một tài liệu. Điều gì hấp dẫn? Điều gì muốn tìm hiểu thêm? Có điều gì mâu thuẫn hoặc chưa sáng tỏ hay không? - Thu thập thông tin: Để có được thông tin cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, cần tìm đọc các sách, báo có liên quan. Các tài liệu trên mạng cần khai thác, đánh dấu những từ khóa. Trước khi sử dụng thông tin cần kiểm tra độ tin cậy dựa vào những tiêu chí: Tác giả của tài liệu? Có phải chuyên gia uy tín không? Nội dung có khách quan và thuyết phục không? 2. Xây dựng đề cương - Cần tập hợp các thông tin thu thập được thành các ý, xoay quanh những câu hỏi chung: Vấn đề được chọn nghiên cứu có thể triển khai như thế nào? Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá? Vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì? Câu trả lời cho những câu hỏi trên có thể tìm thấy trong những thông tin bạn đã thu thập, từ bước thực hành viết hoặc thu thập thêm (nếu cần) - Đề cương nghiên cứu cần những nội dung sau + Đặt vấn đề: Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu + Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng + Kết luận: Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới.

	+ Tài liệu tham khảo: Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố - Cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng để làm sáng tỏ các ý. 3. Viết - Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong dàn ý thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc ở cuối câu - Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp (sử dụng đại từ nhân xưng “chúng tôi” thay “tôi”, sử dụng các số liệu, thông tin khách quan hay vì nêu nhận định cảm tính) - Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic - Cần ghi nguồn đúng cách khi trích dẫn trực tiếp, gián tiếp - Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ dựa vào trật tự chữ cái đầu trong tên hoặc họ của tác giả - Có thể chọn đưa vào báo cáo nghiên cứu một sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây sự chú ý và hấp dẫn - Các luận điểm chính được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy - Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp - Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài - Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về vấn đề được nêu trong bài báo cáo b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	

Phụ lục 1. Dàn ý tham khảo

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần phân tích

2. Thân bài

- Khái quát về thể loại sử thi: người Êđê gọi sử thi là klei khan. Klei nghĩa là lời, bài; khan nghĩa là hát kể. Hát kể klei khan không phải là hát kể thông thường mà bao gồm ý nghĩa ngợi ca.
- Hình thức biểu diễn sử thi của người dân Ê đê là hình thức hát, hát kể, ...
 - + Hát kể sử thi là loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đã có từ lâu đời của cộng đồng người Ê đê, được tồn tại bằng hình thức truyền miệng từ đời này qua đời khác.
 - + Nội dung của hát kể sử thi chủ yếu ca ngợi các anh hùng dân tộc, tôn vinh những người có công tạo lập buôn làng, những người anh hùng có công bảo vệ cộng đồng thoát khỏi sự diệt vong, áp bức và sự xâm chiếm của các thế lực khác; ...
 - + Ngôn ngữ diễn xướng của sử thi Êđê là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời và nhạc.
- Sự ảnh hưởng của sử thi đến đời sống người dân Ê đê:
 - + Ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tinh thần: Người Ê đê thực hiện hát sử thi trong cuộc sống hàng ngày, trong lễ nghi và lao động.
 - + Sự tôn sùng của người Ê đê về sử thi.

3. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề

Phụ lục 2. Bài viết tham khảo

BÀI LÀM

1. Đặt vấn đề

Sử thi Ê đê ra đời trong điều kiện xã hội loài người có những biến động lớn về những cuộc di cư lịch sử, đặc biệt là những cuộc chiến tranh giữa các thị tộc, bộ lạc để giành đất sống ở vùng rừng núi Tây Nguyên.

2. Giải quyết vấn đề

a) Khái quát về đồng bào Ê đê và sử thi Ê đê.

Đồng bào dân tộc Ê đê xếp thứ 12 trong cộng đồng 54 dân tộc anh em tại Việt Nam. Ước tính có hơn 331.000 người Ê đê cư trú tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Đắk Lắk, phía Nam của tỉnh Gia Lai và miền Tây của hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên của Việt Nam. Người Êđê gọi sử thi là klei khan. Klei nghĩa là lời, bài; khan nghĩa là hát kể. Hát kể klei khan không phải là hát kể thông thường mà bao gồm ý nghĩa ngợi ca. Thực chất đây là một hình thức kể chuyện tổng hợp được thông qua hát kể.

Các tác phẩm sử thi đều phản ánh quan niệm về vũ trụ với thế giới thần linh có ba tầng rõ rệt: tầng trời, tầng mặt đất và tầng dưới mặt đất - thế giới mà con người và thần linh gần gũi với nhau; phản ánh xã hội cổ đại của người Ê đê, cuộc sống sinh hoạt của cộng đồng bình đẳng, giàu có; phản ánh quyền lực gia đình mẫu hệ, đề cao vai trò của người phụ nữ trong quản lý và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

b) Hình thức hát kể sử thi

Hát kể sử thi là loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đã có từ lâu đời của cộng đồng người Ê đê, được tồn tại bằng hình thức truyền miệng từ đời này qua đời khác. Nội dung của hát kể sử thi chủ yếu ca ngợi các anh hùng dân tộc, tôn vinh những người có công tạo lập buôn làng, những người anh hùng có công bảo vệ cộng đồng thoát khỏi sự diệt vong, áp bức và sự xâm chiếm của các thế lực khác; đề cao sự sáng tạo, mưu trí tài giỏi, tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau lúc khó khăn hoạn nạn, nêu cao chính nghĩa, phản kháng những điều trái với đạo lý, luật tục; ca ngợi cái đẹp về sức mạnh hình thể lẫn tâm hồn, tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, mong muốn chinh phục thiên nhiên để cuộc sống tốt đẹp hơn; miêu tả cuộc sống sinh hoạt, lao động bình thường giản dị của buôn làng...

Ngôn ngữ hát kể của sử thi Êđê là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời và nhạc. Về phần lời, sử thi Ê đê đều thể hiện một hình thức ngôn ngữ đặc biệt là lời nói vần (klei duê). Trong khi diễn xướng người nghệ nhân còn vận dụng các làn điệu dân ca của dân tộc mình, như: Ay ray, kurut, mmuin... để tạo nên nhịp điệu vừa có chất thơ vừa có chất nhạc. Trong hình thức ngôn ngữ đó, các câu chữ như một móc xích nối các câu vần với nhau. Chính đây cũng là một yếu tố quan trọng khiến nghệ nhân có thể thuộc được cả những tác phẩm dài hàng vạn câu.

Trong sử thi thường nhắc nhiều về những cánh rừng bạt ngàn, rõ nét nhất là cảnh buôn làng giàu có của các tù trưởng, những người hùng nổi tiếng khắp vùng như Đăm Săn, Khing Ju... Trong trí tưởng

tượng của người kể, những cánh rừng đi săn bắn, nơi làm rẫy và bến nước đều ở hướng đông. Đây là hướng mỗi buổi sáng thức dậy và đi lên rẫy đều nhìn thấy mặt trời ló trên đỉnh núi, họ quan niệm đây là sự sống, sự sinh sôi, nảy nở khi tiếp nhận ánh sáng của nữ thần mặt trời mỗi ngày. Ánh mặt trời là sự báo ứng của những điều tốt lành, là sự hy vọng trở thành hiện thực.

Ví dụ như trong sử thi Khing Ju có đoạn kể: “Đến sáng hôm sau, khi mặt trời lên khỏi ngọn núi, Prong Mung Dăng lấy nước trong bầu rửa mặt. Sau đó, vớt cần rượu và tiếp tục uống. Càng uống nước trong ché càng đầy, có lúc nước tràn ra ngoài”. Đây là điều tốt lành báo ứng cho Prong Mung Dăng dất bà đỡ đẻ về gập cho em gái mình H’Ling kịp sinh con, trong khi Prong Mung Dăng đang mãi mê tỏ tình với H’Bia Ling Pang.

c) Ảnh hưởng của sử thi đối với dân tộc Ê đê.

Với bất cứ sử thi nào, khi một nhân vật đi tìm ai và hỏi người nào đó trong làng thì sẽ có câu trả lời khéo léo. Đó là: “Nhìn cột nhà sàn nó dài hơn nhà khác, có nhiều cái bành voi để ngoài hiên, cầu thang rộng bằng trải ba chiếc chiếu. Cầu thang rộng đến nỗi những chàng trai xuống một lúc năm, các cô gái thì xuống được ba người, con heo, con chó chạy đầy dưới sân”. Câu trả lời này làm cho người nghe tưởng tượng về ngôi nhà đó đẹp, dài, rộng hơn hẳn những ngôi nhà trong buôn mình. Riêng nội thất trong nhà, người kể luôn tạo ra những lời kể bằng ngôn từ tượng hình. Ví dụ: “Cột nhà trong chạm trở rất đẹp, sàn nhà láng bóng. Gian trong cột bằng chỉ đỏ, gian ngoài cột bằng chỉ vàng”. Những hình ảnh gần như có thực với không gian hiện thực.

Ví dụ: “Từ trong bành voi, Mtao Grur đạp lên đầu voi nhảy xuống sàn hiên, từ sàn hiên nhảy qua ngạch cửa, từ ghé Jhung (ghé chủ nhà), nhảy đến chỗ ngồi đánh Jhar (chiêng lớn tiếng ngân vang), từ chỗ đánh Jhar đến chỗ đánh chiêng (ghé kpan), từ chỗ đánh chiêng nhảy đến chỗ đánh hgor (trống cái)”. Hình ảnh này làm người nghe hình dung ra những hành động nhẹ nhàng, nhanh nhẹn của Mtao Grur đi vào qua các vị trí đặt chiêng, chỗ để của những vật dụng (như jhung, kpan, thứ tự từ gian ngoài đi vào gian trong). Qua tình tiết của câu chuyện, người nghe đã hình dung đây là một nhà giàu có nhất trong buôn làng

Tại không gian lễ hội bỏ mả của người Ê đê M’Dhur, về khuya, sau khi mọi nghi lễ tạm dừng lại, thì nghệ nhân kể khan bắt đầu kể những bài khan nổi tiếng của dân tộc mình cho mọi người nghe. Đây là hình thức sinh hoạt kể sử thi vô cùng độc đáo. Bên đông lửa bập bùng tại không gian nhà mô rộng lớn, nghệ nhân hát kể sử thi cho hàng nghìn người nghe. Dân làng, già trẻ gái trai và khách gần xa ngồi im lặng say sưa lắng nghe kể sử thi suốt đêm thâu cho đến khi con gà trống gáy vang núi rừng, báo hiệu ông mặt trời đã thức giấc thì nghệ nhân hát kể sử thi mới dừng câu chuyện lại để chuẩn bị cho các nghi lễ tiếp theo của lễ hội bỏ mả. Ở đây, lễ hội bỏ mả được tổ chức bao nhiêu ngày đêm, thì những người đến dự lễ được nghe kể sử thi bấy nhiêu đêm.

3. Kết luận.

Sử thi Ê đê, chính là một bức tranh rộng và hoàn chỉnh về đời sống nhân dân và về những anh hùng, dũng sĩ đại diện cho cộng đồng. Người dân Ê đê hát kể sử thi như một cách để bảo tồn và gìn giữ giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc đồng thời tuyên truyền nét đẹp này đến với nhiều đồng bào dân tộc khác.

4. Tài liệu tham khảo

- GS.TS Nguyễn Xuân Kinh, *Quá trình sưu tầm và nhận thức lí luận đối với sử thi ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu văn hoá.
- *Khan (sử thi) của người Ê Đê*, Cục Di sản văn hoá.
- Hoàng Hưng (2021), *Ý nghĩa tích cực trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Ê đê*, Văn hóa Việt Nam.

Phụ lục 3. Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 42. TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lý do chọn vấn đề
- Trình bày khái quát được những kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm của bài nói
- Nêu thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài ở cuối bài nói

2. Năng lực:

- Vận dụng ngôn ngữ để thực hành nói- nghe

3. Phẩm chất: Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu khi làm việc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, ti vi, các dụng cụ khác

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. KHỞI ĐỘNG: a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, hs nghe và trả lời c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS. d. Tổ chức thực hiện: Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi GV: Theo em, cần chuẩn bị những gì để hoạt động nói nghe đạt hiệu quả (gợi ý về phía người nói, về phía người nghe?). Đề tài người nói ở tiết trước đã quan tâm là gì ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời Bước 4: kết luận, nhận định: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học	
2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: - HS hiểu được ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức thuyết trình một hoạt động tiếp nối việc viết báo cáo nghiên cứu đã thực hiện trước đó - HS nắm vững cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu đã đạt được để có thể khơi dậy sự chia sẻ tích cực ở người nghe b. Nội dung - HS đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói- nghe - Chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói - Hoàn thiện các phiếu học tập nói- nghe c. Sản phẩm: Bài thực hành nói- nghe, các phiếu học tập d. Tổ chức thực hiện	
Bước 1. GV giao nhiệm vụ chuẩn bị nói – nghe • Người nói: - Tóm tắt báo cáo KH đã nghiên cứu - Gạch chân những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết, ghi chú các ngữ liệu minh họa - Vận dụng các từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm cho dễ nhớ, dễ kiểm tìm luận điểm, đảm bảo bài nói có trọng tâm	1. Chuẩn bị nói nghe

- Chuẩn bị Power Point, vi deo, tranh ảnh minh họa nếu có • Người nghe - Tìm hiểu trước tên của báo cáo nghiên cứu - Phác họa những câu hỏi dự kiến Bước 2. Thực hành nói nghe • Người nói: - Nêu tên, lý do chọn đề tài - Triển khai các luận điểm - Kết luận : Khái quát lại nghiên cứu, cảm ơn và bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận ý kiến trao đổi thảo luận) • Người nghe: - Theo dõi, ghi ra giấy những câu hỏi - Hỗ trợ người nói trong quá trình sử dụng bản chiếu, tranh ảnh....minh họa. Bước 3: Trao đổi thảo luận: HS trao đổi, góp ý, thảo luận. GV nhắc nhở • Người nghe: - Nêu câu hỏi - Bổ sung ý kiến về nội dung, cách nhìn nhận hoặc đánh giá khác về vấn đề báo cáo đề cập - Góp ý về cách trình bày • Người nói: Bước 4. Kết luận, nhận định GV thu phiếu đánh giá và tự đánh giá của HS. GV: Chấm điểm nói- nghe cho HS GV cũng có thể để HS tự cho điểm nhau, sau đó GV tổng kết, hoàn thiện chốt điểm lần cuối	2.Thực hành nói- nghe (Phụ lục 1) 3.Trao đổi, thảo luận (Phụ lục 2) 4.Kết luận, nhận định (Phụ lục 3)
3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Tiếp tục vận dụng kiến thức vào bài báo cáo kết quả nghiên cứu 1 vấn đề b. Nội dung : Tiếp tục thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề c. Sản phẩm: Bài thực hành nói- nghe, các phiếu học tập d. Tổ chức thực hiện Bước 1. Giao nhiệm vụ: Tiếp tục thực hiện báo cáo nói nghe Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hành nói - nghe Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: - HS củng cố hoạt động nói – nghe, nắm chắc các bước trong HĐ và vận dụng thành thạo b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành công việc theo nhóm và báo cáo lại kết quả cho GV bằng bài thuyết trình dạng P.P c. Sản phẩm: Sản phẩm của nhóm, nhận thức của học sinh d. Tổ chức thực hiện Bước 1. Giao nhiệm vụ: Đại diện nhóm nhận nhiệm vụ Âm hưởng sử thi trong bài thơ <i>Đất Nước</i> của Nguyễn Đình Thi, đoạn <i>trích Đất Nước</i> (trích <i>Mặt đường khát vọng</i>) của Nguyễn Khoa Điềm. Từ đó, em hãy nhận xét về ảnh hưởng của sử thi trong thơ ca Việt Nam giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Theo nhóm, ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS hoàn thiện bài tập	

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Phụ lục

1. Phụ lục 1. Dàn ý nghe nói

Người nói	Người nghe
1. Mở đầu - Tên đề tài - Lý do chọn đề tài 2. Triển khai - Luận điểm 1 - Luận điểm 2 - Luận điểm 3..... 3. Kết luận	1.Mở đầu - Tên đề tài - Lý do chọn đề tài 2.Triển khai - Luận điểm 1 + Câu hỏi cần giải đáp 1 + Câu hỏi cần giải đáp 2.... - Luận điểm 2 + Câu hỏi cần giải đáp 1 + Câu hỏi cần giải đáp 2.... Luận điểm 3..... + Câu hỏi cần giải đáp 1 + Câu hỏi cần giải đáp 2.... 3.Kết luận: - Vấn đề khái quát:..... - Cách khái quát:..... - Mối quan hệ giữa vấn đề và cá nhân, cộng đồng:.....

Phụ lục 2: Phiếu đánh giá bài nói

Phiếu đánh giá bài nói				
Kết quả nghiên cứu và cách trình bày			Đánh giá mức độ	
Vấn đề nghiên cứu	kết quả nghiên cứu	Chọn được vấn đề gây hứng thú	Đạt	Chưa đạt
		Vận dụng được các thao tác cơ bản (Hình thành ý tưởng, thu thập, phân tích dữ liệu, rút ra kết luận...)		
		Đảm bảo sự phù hợp giữa kết quả đạt được và mục tiêu nghiên cứu		
	Trình bày	Duy trì phong thái tự tin, chủ động		
		Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ		
		Điều chỉnh cách trình bày cho phù hợp với sự chú ý của người nghe		

Phụ lục 3: Rubric đánh giá bài nói

Tiêu chí	Cần cố gắng	Đã làm tốt	Rất xuất sắc
Nội dung (7 điểm)	1 ->4 điểm: Nội dung khá đầy đủ, chưa đi sâu làm rõ được trọng tâm, có các luận điểm nhưng còn thiếu, sắp xếp chưa khoa học, chưa chỉ ra ý nghĩa của nghiên cứu...	5->6 điểm điểm: Nội dung đầy đủ, có trọng tâm.có các luận điểm nhưng còn thiếu, sắp xếp đôi chỗ chưa khoa học, đã chỉ ra ý nghĩa của nghiên cứu...	7 điểm điểm: Nội dung đầy đủ, có trọng tâm.có các luận điểm, sắp xếp luận điểm khoa học, đã chỉ ra ý nghĩa của nghiên cứu... Dữ liệu bằng chứng đầy đủ, thuyết phục...

	Dữ liệu bằng chứng chưa đầy đủ, thuyết phục...	Dữ liệu bằng chứng khá đầy đủ, thuyết phục...	
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả, chưa tự tin, sai lỗi chính tả nhiều, câu chưa chuẩn ngữ pháp...	2 điểm Bài làm trình bày tương đối hài hòa hợp lý, đã có sử dụng các bản trình chiếu, vi deo hỗ trợ..còn 1 vài lỗi sai về chính tả, câu chưa chuẩn...	3 điểm Bản trình bày hấp dẫn, lô gic, có sử dụng trình chiếu kết hợp vi deo, hình ảnh minh họa...đạt hiệu quả cao, không lỗi chính tả
Điểm			
Tổng			

BÀI 5: TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN (07 tiết)

PHẦN 1: ĐỌC

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức	Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền Học sinh phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản được học Học sinh nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân
1. Về năng lực chung	- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
2. Về năng lực đặc thù	Học sinh viết được báo cáo nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn Học sinh biết lắng nghe, phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu
3. Về phẩm chất	Học sinh có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại
NỘI DUNG BÀI HỌC	
Đọc	- Xúy Vân giả dại (Trích chèo Kim Nham) - Huyện đường (Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến) - Múa rối nước – hiện đại soi bóng tiền nhân (Phạm Thùy Dung) - Hồn thiêng đưa đường (Trích tuồng Sơn Hậu)
Viết	Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam)
Nói và nghe	Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu
Củng cố mở rộng	Ôn tập kiến thức về sân khấu dân gian

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TIẾT 1. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết** và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền
- Học sinh đánh giá được vị trí** của thể loại trong nền văn học dân gian Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ** để đọc hiểu và xác định các yếu tố cấu thành tác phẩm chèo, tuồng
- Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất: Học sinh có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM							
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: GV chuẩn bị câu hỏi dẫn dắt HS tìm hiểu về nghệ thuật chèo – tuồng qua phiếu K – W – L. GV đặt câu hỏi: Điều đặc biệt nhất con thấy ở thể loại này sân khấu so với các thể loại văn học khác là gì?									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên nêu câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình trước lớp. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học,	Học sinh trình bày những hiểu biết của mình qua bảng K – W – L và trả lời câu hỏi được đặt ra <table><tr><td>K (Đã biết)</td><td>W (Muốn biết)</td><td>L (Đã học được)</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> Nghệ thuật sân khấu, có lời thoại, cần lưu ý khi trình diễn. Các thể loại khác được cấu thành từ chất liệu ngôn từ, đọc để hiểu và phân tích cảm nhận			K (Đã biết)	W (Muốn biết)	L (Đã học được)			
K (Đã biết)	W (Muốn biết)	L (Đã học được)							
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền Học sinh đánh giá được vị trí của thể loại trong nền văn học dân gian Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung b. Nội dung thực hiện: Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về các đặc trưng của thể loại chèo, tuồng tích trò sân khấu dân gian									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 4 nhóm và nêu nhiệm vụ học tập: Yêu cầu: Em hãy thảo luận và hoàn thành vào Phiếu học tập 1 và 2 Nhóm 1,2 thể loại chèo Nhóm 3,4 thể loại tuồng Thời gian: 10 phút. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.	Phiếu học tập – Phụ lục 1 I. CHÈO 1. Khái niệm Sân khấu chèo bắt nguồn từ nền văn nghệ dân gian của cộng đồng người Việt từ thuở xa xưa trên Đồng bằng sông Hồng. Nghệ thuật chèo đã hấp thu tinh hoa nghệ thuật văn hóa dân gian của người Việt cổ để hình thành một loại hình sân khấu dân tộc độc đáo mà không thể nhầm lẫn với bất cứ nghệ thuật nào trên thế giới. Sách giáo khoa Ngữ văn 10 tập 1, Kết nối tri thức với cuộc sống định nghĩa: Chèo nguyên là một loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian có các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hóa dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo 2. Tích trò Tích chèo lấy từ truyện cổ tích, truyện Nôm, truyện cười. Lời hát chèo thường là lấy lời ca dao “bẻ” theo làn điệu hát chèo. Nhạc chèo lấy từ các làn điệu dân ca đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Múa chèo lấy từ các điệu								

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

múa trong dân gian, cách điệu nghệ thuật trên cơ sở những động tác lao động của nhân dân: cày, cấy, gặt hái, xe tơ, dệt vải, vá may,...

- Là yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất của vở chèo, làm điểm tựa cho toàn bộ hoạt động biểu diễn, tuy có tính ổn định nhưng vẫn đề ngả khả năng thêm thắt, bổ sung cho diễn viên.

3. Đặc trưng

a. Đặc điểm tổ chức biểu diễn: Đơn vị biểu diễn chèo là phường, còn gọi là “phường chèo”, hay gọi là “gánh chèo”. Gọi là “gánh” vì mọi phường chèo đi biểu diễn thường mang một gánh đồ. Một phường chèo thường đi từ 10 đến 12 người. Người đứng đầu thường được gọi là ông trùm, bà trùm hay là “trưởng trò”. Chủ yếu là nông dân, chỉ khi nông nhàn thì họ mới gồng gánh hòm đồ lên đường đi “xin đám” – xin biểu diễn vào các dịp.

b. Sân khấu biểu diễn: Đơn giản, thô sơ, được lập ở trước ban thờ hoặc ngoài sân đình, có thể ở bất cứ chỗ nào, miễn là rộng rãi, bằng phẳng, thuận lợi cho người diễn, người xem

c. Lối kể chuyện:

- Chèo thường được đưa lên sân khấu cả một chuyện có đầu có cuối. Chèo thường dựa vào sự tích truyện cổ dân gian có sẵn
- Thời gian trong chèo tiến triển tuần tự như các tình tiết trong truyện cổ, không thể đảo lộn trật tự thời gian như trong kịch hiện đại
- Lối kể chuyện sân khấu giống lối kể chuyện trong cổ tích, chèo chú trọng nhiều vào diễn biến tình tiết câu chuyện mà ít đi vào phân tích tâm lý nhân vật như ở kịch hiện đại.
- Chèo phản ánh cuộc sống bằng phương pháp tự sự tạo nên sự rung cảm sâu sắc cho người xem

d. Nhân vật chèo: Nhân vật chèo không xa lạ với đời sống thường ngày của người dân lao động xưa, gồm nhiều hạng người trong xã hội, có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau. Xét theo tính cách, nhân vật chèo được phân thành hai loại chính: vai chín (tích cực) và vai lệch (tiêu cực). Mỗi loại nhân vật thường tự biểu hiện mình bằng một số điệu hát và động tác múa đặc trưng.

e. Nội dung tư tưởng:

- Chèo nêu những mâu thuẫn trong xã hội phong kiến, phê phán những thói xấu, những hạng người xấu, phê phán những gì trái với đạo đức, tâm lý xã hội
- Chèo thể hiện lòng yêu mến, quý trọng con người đặc biệt là đề cao người phụ nữ - lớp người mà giai cấp phong kiến cho là thấp hèn nhất. Vấn đề trọng tâm trong chèo là vấn đề đạo đức. Chèo phê phán những người phụ nữ kém đạo đức.
- Khao khát hạnh phúc là thứ tình cảm chính đáng của con người nhưng luôn bị kiềm chế bởi những quan niệm hôn nhân phong kiến vô lý và nghiệt ngã

II. TUỒNG

1. Khái niệm

Là loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuồng dân gian

2. Nghệ thuật

Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đã kích một số hạng người nhất định trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG – LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh đánh giá được vị trí của thể loại trong nền văn học dân gian Việt Nam nói riêng và văn học Việt Nam nói chung b. Nội dung thực hiện: - Học sinh thảo luận giá trị của chèo, tuồng và sân khấu dân gian. So sánh vị thế và giá trị của sân khấu dân gian xưa và nay	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi, đưa ra nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	Giá trị - Giá trị tinh thần to lớn, mang nét đặc trưng làng xã (quây quần xem vở diễn) của người Việt Nam - Gây hứng thú, tò mò và sự chú ý của người xem thay vì chỉ đọc tác phẩm - Gắn kết cộng đồng - Tiền thân của loại hình nghệ thuật sân khấu, diễn xuất khác So sánh - Mất dần vị thế, nhiều người trẻ không còn xem chèo, tuồng - Chưa được đẩy mạnh và phát triển như giá trị văn hóa của nó .

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chèo, tuồng

Họ tên: _____

Lớp: _____



PHIẾU BÀI TẬP TÌM HIỂU VỀ CHÈO

Nghệ thuật chèo đã trải qua những bước phát triển nào? Tại sao có thể nói chèo là loại hình mang tính tổng hợp?

Những yếu tố nào góp phần làm nên một vở chèo trọn vẹn? Trong đó, yếu tố nào đóng vai trò điểm tựa?

Sự sáng tạo của diễn viên chèo được thể hiện dựa trên những phương diện nào? Tính dị bản của chèo là gì? Tính dị bản có mối quan hệ thế nào với tính vô danh, tính tập thể?

Họ tên: _____

Lớp: _____



PHIẾU BÀI TẬP TÌM HIỂU VỀ TUỒNG

Nghệ thuật tuồng gồm những bộ phận sáng tác chủ yếu nào?

Những điểm gì có thể làm căn cứ nhận diện tuồng dân gian?

Tích tuồng dân gian có những đặc điểm nào đáng lưu ý về nội dung và hình thức?

TIẾT 2. VĂN BẢN ĐỌC XÚY VÂN GIẢ DẠI (Trích chèo Kim Nham)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- **Học sinh vận dụng** tri thức ngữ văn để:
- **Xác định** bố cục của đoạn trích chèo
- **Nêu** được nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân
- **Xác định** đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật

- **Phân tích** được một đoạn lời thoại để thấy được mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm nhân vật Xúy Vân
- **Xác định** được các đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn...)
- **Học sinh xác định** được tầm quan trọng văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện làm nền cho toàn bộ hoạt động biểu diễn của vở chèo, tầm quan trọng của diễn xuất gồm hát, múa và các hình thức biểu cảm trong vở chèo
- **Học sinh tìm hiểu** thêm ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của Việt Nam xưa

2. Về năng lực:

- **Học sinh vận dụng** tri thức đọc hiểu để đọc hiểu văn bản
- **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

3. Về phẩm chất: Học sinh đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xúy Vân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: • GV cho HS xem một đoạn video trích từ kịch Kim Nham • HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu video Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ cảm nhận về những đặc sắc qua đoạn trích mà con cảm nhận được Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: • Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để: • Xác định bố cục của đoạn trích chèo • Nêu được nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân • Xác định đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điển” của nhân vật • Phân tích được một đoạn lời thoại để thấy được mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm nhân vật Xúy Vân • Xác định được các đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn...) b. Nội dung thực hiện: • Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về từng vị thần bằng nhiều hình thức khác nhau • Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	1. Bố cục Có thể chia đoạn trích thành

Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm nhận nhiệm vụ tìm hiểu một vấn đề của văn bản

Nhóm 1. Bố cục và nguyên nhân Xúy Vân giả dại

Nhóm 2. Phân tích đoạn lời thoại thể hiện “ngôn ngữ điên” của nhân vật

Nhóm 3. Phân tích đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất mâu thuẫn nội tâm trong lòng Xúy Vân

Nhóm 4. Phân tích cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xúy Vân qua lời thoại theo điệu “con gà rừng”

Câu hỏi mở rộng nhóm 1,2,3,4: Nhận xét hành động giả dại của Xúy Vân – HS thảo luận

Nhóm 5. Đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân

Nhóm 6. Đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích

Câu hỏi mở rộng cho nhóm 5,6: Nghệ thuật chèo được biểu hiện trong đoạn trích như thế nào?

Thời gian: 10 phút

Chia sẻ: 3 phút

Thảo luận và phản biện: 3 phút

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
Học sinh thảo luận và thực hiện bài làm bằng nhiều hình thức khác nhau tùy chọn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Học sinh trình bày phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định
GV chốt lại các ý cơ bản

3 phần:

+ Phần 1: Xúy Vân xuất hiện (từ đầu đến “ai biết là ai?”).

+ Phần 2: Xúy Vân xưng danh (từ “bước chân vào” đến “Ờ”).

+ Phần 3: Xúy Vân giải bày (đoạn còn lại).

2. Nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xúy Vân

+ **Nguyên nhân trực tiếp:** Lời xúi dục và hứa hẹn ngon ngọt của Trần Phương – gã người tình trắng hoa và đều cáng (nguyên nhân này có thể được nhận biết một phần qua những chi tiết ngoài văn bản, ở đoạn tóm tắt tác phẩm và một phần qua chính đoạn xưng danh của Xúy Vân trong văn bản).

+ **Nguyên nhân sâu xa:** nỗi buồn chán, cô đơn khi phải sống xa chồng và niềm khát khao cảnh sống êm đềm, hạnh phúc của Xúy Vân

3. Đoạn lời thoại thể hiện rõ nhất “ngôn ngữ điên” của nhân vật

- Đoạn lời thoại gắn liền với điệu “hát ngược” ở cuối văn bản (đoạn trích).

+ Điều dễ thấy trước hết ở đây là rất nhiều đối tượng, sự vật được nhắc đến nhưng giữa chúng không có mối liên hệ gì với nhau. Có cảm tưởng Xúy Vân đã tiện đâu nói đó, nhớ gì nói nấy, mỗi câu nói như một mảnh rời, được gá ghép với nhau một cách lộn xộn.

+ Điều thứ hai là mọi sự đã được nhân vật nhìn theo một logic ngược, phải đảo lại hoàn toàn thì mới đúng với ghi nhận của tri giác thông thường: “*Chuột đậu cành rào, muỗi áp cánh dơi,/ Ông Bụt kia bẻ cổ con nai,/ Cái trứng gà mà tha con quạ lên ngồi trên cây*”,... Tất cả những điều trên dễ dàng đưa đến cho người nghe, người đọc cảm giác rằng người nói quả thực là một kẻ điên hoặc không bình thường.

Ở đây, khi xây dựng lời thoại của Xúy Vân, tác giả dân gian đã khéo vận dụng những bài ca dao nói ngược đầy tính hài hước vốn khá phổ biến trong kho tàng ca dao, chẳng hạn: “*Bước sang thàng Sáu giá chân/ Thàng Chạp nằm trần bức đổ mồ hôi/ Con chuột kéo cày lỏi lỏi/ Con trâu bóc gạo vào ngồi trong cong*”... Hoặc: “*Trời mưa cho mối bắt gà/ Thòng đong cần cần đuổi cò lao xao/ Lươn nằm cho trúm bò vào/ Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô*”,...

4. Đoạn lời thoại thể hiện rõ những mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm của Xúy Vân

- Đoạn lời thoại được thể hiện bằng điệu “quá giang”. Ở đây, ta vừa thấy một Xúy Vân buông xuôi, thuận theo sự chi phối của hoàn cảnh “*Cách con sông nên tôi phải lụy đờ*”, vừa thấy một Xúy Vân muốn phản kháng “*Chả nên gia thất thì về,/ Ở làm chi mãi cho chúng chê, bạn cười*”. Đặc biệt, bên cạnh một Xúy Vân buông thả theo chuyện “*gió trăng*” là một Xúy Vân luôn có nỗi hổ thẹn ngấm ngấm, muốn thanh minh, phân bua và cũng biết tự dặn lòng cần giữ tiết “*Tôi chấp tay lạy bạn đừng cười,/ Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng./ Gió trăng thời mặc gió trăng,/ Ai ơi giữ lấy đạo hằng chớ quên*”.

- Đoạn lời thoại thể hiện mâu thuẫn giằng xé trong nội tâm của nhân vật Xúy Vân nhất là từ “*Bước chân vào tôi thưa rằng vậy*” đến “*Nên đến nỗi điên cuồng rồi đại*”. Trong văn bản, Xúy Vân nói với mọi người mà nàng gọi là “chị em”, cũng như đang tự vấn chính mình. Nàng tự xưng tên họ, nói bản thân có “tài cao vô giá”, “hát hay đã lạ”, được gọi là “cô ả Xúy Vân”, cho thấy ở nàng một cô gái xinh đẹp, hát hay, đáng trân trọng. Thế nhưng lại rơi vào nỗi đau khổ khi trót bỏ chồng đi theo một người đàn ông phụ bạc, “*phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương*”. Một bên là người con gái đang tuổi

xuân thi, với một bên là nỗi đau đón tủi nhục vì bị ruồng bỏ, sự đối lập này đã cho thấy rõ tâm trạng ân hận của Xúy Vân, chính bị kịch ấy đã đẩy nàng “*đến nỗi điên cuồng, rồ dại*”. Nỗi ân hận của Xúy Vân tuy muộn màng nhưng cũng cho thấy sự thức tỉnh của nhân vật, điều đó thể hiện nàng đã nhận ra lỗi lầm của mình, đang đấu tranh đau khổ với nỗi ân hận và đau đớn khi đã phụ bạc Kim Nham.

5. Cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xúy Vân qua lời thoại theo điệu “con gà rừng”

Đoạn lời thoại được thể hiện theo điệu “con gà rừng” cho thấy nỗi đắng cay, tẩm tức của Xúy Vân khi bị đặt vào một hoàn cảnh không được như ý, có cái gì như là sự cộc cạch, bất tương xứng, chẳng khác tình trạng “*Con gà rừng ăn lẫn với công*”. Nỗi niềm này không thể được tỏ bày “*láng giềng ai hay?*”, bởi làm sao có thể nói về một điều do “*xuân huyên*” (cha mẹ) sắp đặt. Sâu trong lòng, nàng chỉ ao ước được sống trong cảnh vợ chồng sum họp, hoà thuận: “*Chờ cho bông lúa chín vàng,/ Để anh đi gặt, để nàng mang cơm*”. Nếu việc lặp lại hai dòng “*Bông bông dất, bông bông dẫu,/ Xa xa lắc, xa xa lú*” nhằm diễn tả cảm giác vui vầy, ríu rít của đôi vợ chồng được cùng làm lụng bên nhau, giúp đỡ nhau (theo tưởng tượng, ước mong hơn là theo thực tế), thì việc lặp lại dòng “*Láng giềng ai hay, ức bởi xuân huyên*” (cách quãng, dòng đặt giữa đoạn, dòng đặt cuối đoạn) lại nhằm biểu đạt nỗi âm ứ, bất bình trước thực tại, cố nén xuống bao nhiêu lại dội lên bấy nhiêu. Từ “**ức**” là tiếng đệm trong câu hát, vừa mô phỏng tiếng kêu của con gà ghen thóc, vừa mang nghĩa bất bình, uất ức. Nói chung, sự xen kẽ giữa niềm vui và nỗi buồn trong tâm trạng Xúy Vân đã thể hiện rất rõ khát khao hạnh phúc của nhân vật. Đó là điều cần được cảm thông.

□ **NHẬN XÉT HÀNH ĐỘNG GIẢ DẠI CỦA XÚY VÂN:** - Trong xã hội Việt Nam xưa, con người cá nhân chưa được tôn trọng. Điều đó dẫn tới việc những đòi hỏi về quyền tự quyết lối sống hay quyền lựa chọn người mình yêu thương bị phán xét một cách nghiêm khắc. Với người phụ nữ, những khát vọng mang tính chất “vượt rào” lại càng bị ngăn trở, cấm đoán ngặt nghèo. Đây là nguyên nhân chính khiến Xúy Vân phải che giấu động cơ và mong muốn thật của mình dưới một hình thức tiêu cực là giả dại.

- Quả là trong tình cảnh ấy, Xúy Vân khó có sự lựa chọn nào khác, trừ khi phải tự dập tắt khát vọng hạnh phúc của chính mình. Rõ ràng, hành động của Xúy Vân đáng được nhìn bằng ánh mắt bao dung và thái độ chia sẻ, cảm thông, bất chấp việc lựa chọn bạn tình của cô có thật sự tinh táo hay không, vì đây là hai vấn đề khác nhau. Việc khán giả bình dân xưa yêu thích lớp chèo Xúy Vân giả dại cũng như toàn bộ vở Kim Nham cho thấy câu chuyện của Xúy Vân không phải là câu chuyện cá biệt. Qua đây có thể nói, nhân vật Xúy Vân đã nhận được sự đồng cảm của bao nhiêu người.

6. Đặc điểm của sân khấu chèo qua đoạn xưng danh của Xúy Vân

- Xưng danh là hình thức giới thiệu, thể hiện nhân vật rất riêng biệt của sân khấu dân gian Việt Nam, không chỉ có trong chèo mà còn có cả trong tuồng nữa. Hình thức xưng danh này đáp ứng yêu cầu của khán giả bình dân muốn nắm bắt nhanh chóng về loại, đặc điểm và vai trò của nhân vật, ngay từ lúc nhân vật vừa xuất hiện trên sân khấu (nhân vật thuộc vai chín (tích cực) hay vai lệch (tiêu cực), tính cách ra sao, có vị trí thế nào trong tích trò). Khi đã được nghe những lời xưng danh, khán giả không còn phải bỏ nhiều công để suy đoán về tính cách của nhân vật nữa để có thể tập trung theo dõi nghệ thuật

trình diễn (múa, hát) của diễn viên (sự thực, sau màn xưng danh, diễn viên chỉ cố sức thể hiện như thế nào cho nổi bật điều đã được báo trước qua những câu chào hỏi).

- Nội dung xưng danh thường cho biết một cách rất khái quát về danh tính, quê quán, thân phận, gia cảnh, tính cách,... của nhân vật, trong đó, ngay cả nét xấu của nhân vật cũng được nói ra rất tự nhiên (ví dụ, Xuý Vân đã nói về mình: “*Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương, / Nên đến nỗi điên cuồng, rồ dại.*”). Từ góc nhìn của một khán giả, độc giả hiện đại, cách tự giới thiệu này có vẻ không logic, nhưng đối với người xưa, nó đã được chấp nhận như một quy ước nghệ thuật. Qua lời chào hỏi kiểu như: “*Chị em ơi! / Ra đây có phải xưng danh không nhỉ?*” và tiếng đế: “*Không xưng danh, ai biết là ai?*”, có thể nhận ra giữa khán giả và sân khấu không có khoảng cách nào đáng kể. Nói cách khác, sân khấu là một không gian được hình thành tự nhiên giữa vòng vây của khán giả, gây cảm tưởng diễn viên là người vừa bước tách ra khỏi đám đông để lên sân diễn. Trong khi đó, những khán giả còn lại không hề giữ vai trò thụ động vì họ vẫn có thể tham gia vở diễn ở một số hoạt động nhất định (chẳng hạn tạo tiếng đế sau lời hỏi của nhân vật – diễn viên).

7. Đặc điểm của ngôn ngữ chèo được thể hiện qua đoạn trích

- Trong chèo, lời thoại của nhân vật có thể được thể hiện bằng hình thức của lời nói thường hoặc hình thức của thơ.

- Ở phần lớn trường hợp, giữa hai hình thức này có sự kết hợp linh hoạt. Những lời thoại có hình thức thơ mà người đọc nhận thấy trên văn bản sẽ được hát lên theo các làn điệu khác nhau khi diễn viên thể hiện trên sân khấu. Bóng dáng của thơ bốn chữ hay thơ lục bát thường hiện diện trong lời thoại của nhân vật với nhiều biến đổi ở cách ngắt nhịp và số tiếng, một phần có thể do sự chi phối của điệu hát hay ngữ điệu của lời nói thường. Có khi, ta gặp ở đây những cặp lục bát theo đúng mô hình chuẩn như: “*Gió trắng thời mặc gió trắng, / Ai ơi giữ lấy đạo hằng chớ quên*” hay: “*Chờ cho bông lúa chín vàng, / Để anh đi gặt, để nàng mang cơm*”. Nhưng cũng nhiều khi ta gặp những cặp hoặc đoạn lục bát biến thể: “*Chiếc trống cơm, ai khéo vỗ nên bông, / Một đàn các cô con gái lội sông té bèo*”...

- Ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa: “*Bông bông dất, bông bông dẫu / Xa xa lắc, xa xa lủ*”

- Cách nói ví von giàu tính tự sự trữ tình: “*Tôi không trắng gió lại gặp người gió trắng*”, “*chờ cho bông lúa chín vàng*”, “*con cá rô nằm vững chân trâu / để cho năm bảy cần câu châu vào*”,...

□ NGHỆ THUẬT CHÈO ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA ĐOẠN TRÍCH:

- Một kịch bản chèo chỉ tìm thấy đời sống thực sự của mình trên sân diễn và việc đánh giá một vở chèo không thể chỉ căn cứ vào văn bản ngôn từ ghi lại lời thoại của các nhân vật.

- Chính diễn xuất đầy tính biểu cảm của diễn viên với sự kết hợp nói, hát, múa trên nền hoà tấu của các nhạc cụ dân tộc đã làm nên sự mê hoặc của chèo nói chung và của những lớp chèo nổi tiếng nói riêng. Tích trò (trong đó có sự cố định hoá lời thoại của nhân vật) rất quan trọng, có chức năng làm điểm tựa cho hoạt động diễn xuất của diễn viên nhưng nó không quyết định tất cả thành công của vở diễn. Không phải ngẫu nhiên mà khi nói đến lớp chèo Xuý Vân giả dại, người ta nghĩ trước hết đến diễn xuất tuyệt vời của các diễn viên như Kiều Trọng Đoá, Dịu Hương (theo kịch bản cổ) và Diễm Lộc, Thuý Ngân (theo kịch bản được chỉnh lí, làm mới từ cuối thập niên 70 của thế kỉ XX).

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về đoạn trích, học sinh vận dụng để rèn luyện kỹ năng viết.

b. Nội dung thực hiện

Học sinh thực hành kết nối đọc – viết

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ, trình bày suy nghĩ của bạn về nỗi niềm của nhân vật Xúy Vân được thể hiện qua lớp chèo Xúy Vân giả dại

- Thời gian: 20 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Bài làm mẫu

Trong lớp chèo Xúy Vân giả dại, Xúy Vân xuất hiện với hình ảnh người phụ nữ vừa điên loạn lại vừa đáng thương. Nàng đang bị giằng xé giữa tâm trạng hối hận và nỗi tủi nhục vì sự cười chê của người đời. Nàng hối hận, cảm thấy tội lỗi vì đã phụ bạc Kim Nham, lại càng đau đớn vì bị Trần Phương bỏ rơi, Người phụ nữ không còn điểm tựa này còn phải đối mặt với nỗi cười chê của láng giềng. Trong xã hội phong kiến xưa, đây là một bi kịch lớn với người phụ nữ. Những câu nói điên loạn, kể lể càng cho thấy sự tuyệt vọng và tủi hổ của nhân vật đã lên đến đỉnh điểm, nàng đang bị mắc kẹt trong nỗi ám ảnh ấy mà không biết chia sẻ cùng ai nên càng rơi vào bế tắc. Hình ảnh Xúy Vân trong lớp chèo này là đại diện cho cảnh ngộ của những người phụ nữ xưa trong xã hội cũ, không được tự quyết định thân phận mình, đến khi muốn tìm hạnh phúc lại bị rơi vào bi kịch.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tìm hiểu thêm ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của Việt Nam xưa

b. Nội dung thực hiện: HS liên hệ ý nghĩa đời sống văn hóa làng xã của VN xưa qua đoạn trích chèo

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

- Qua lớp chèo, có thể thấy được phần nào không gian quen thuộc của nông thôn Việt Nam xưa với các hình ảnh như con sông, bến đò,... những cảnh sinh hoạt như gặt lúa, mang cơm,...

- Ta cũng có thể nhận ra sự tồn tại của những thiết chế tinh thần ràng buộc đời sống con người như quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” và dư luận xã hội (rõ ràng ở Xúy Vân luôn có một nỗi ám ảnh về tình trạng “chúng chê, bạn cười”)...

- Tin tưởng vào tín ngưỡng: “than cùng bà Nguyệt”, “ông Bụt”

- Đặc biệt, ta còn cảm nhận được sự đồng vọng thấm thiết giữa những tấm lòng trong cộng đồng làng xã mỗi khi các từ xưng hô như “chị em”, “bạn” vang lên. Hàng xóm láng giềng sống với nhau gần gũi, đoàn kết: Xúy Vân gọi mọi người là “chị em ơi!”, lời nói thủ thỉ tâm tình “Chị em ơi tôi than vài câu nhé, chuyện của Xúy Vân láng giềng cũng đều hay biết

Tiết 3: VĂN BẢN 2:
HUYỀN ĐƯỜNG
(Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giúp HS nắm được một số đặc điểm tuồng dân gian thể hiện quan đoạn trích trên các phương diện: Đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại (tính vô danh và phương thức lưu truyền).
- Cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm qua cảnh tuồng *Huyền đường*

2. Năng lực

- Năng lực chung: NLGQ vấn đề, hợp tác, tự học, sáng tạo.
- NL đặc thù: giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất

- Thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu của mà cha ông để lại; Có thái độ phê phán, mỉa mai với những hiện tượng, con người làm việc sai trái, vô đạo, bòn rút tiền của dân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- 1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập,

...

- 2. Học liệu:** SGK *Ngữ văn 10* - Tập 1, sách bài tập đọc hiểu,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.....

2. Kiểm tra:

- **Câu hỏi:** Qua đoạn xưng danh của Xúy Vân, có thể nhận ra những đặc điểm gì của sân khấu chèo (cách xưng danh, sự tương tác giữa người xem và người diễn)
- **Trả lời:** Xưng danh là cách giới thiệu thể hiện nhân vật rất riêng của sân khấu chèo và cả tuồng. Hình thức này, giúp ta hiểu nhanh về loại, đặc điểm, vai trò của nhân vật ngay từ khi nhân vật mới xuất hiện trên sân khấu. Vì thế khán giả không cần phải suy đoán về tính cách nhân vật, để dễ dàng thưởng thức nghệ thuật trình diễn của diễn viên qua điệu múa, lời ca.
 - + Nội dung xưng danh: khái quát về danh tính, quê quán, thân phận, gia cảnh, tính cách,...
 - + Từ góc nhìn của khán giả hiện đại, cách tự giới thiệu có vẻ không tự nhiên, nhưng với người xưa lại được chấp nhận như một quy ước nghệ thuật. Qua lời chào hỏi, khoảng cách giữa khán giả và diễn viên gần gũi, hô ứng.

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

- a. Mục tiêu:** HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới về đoạn trích *Huyền đường*.
- b. Nội dung:** trả lời câu hỏi: Ai nhanh hơn!

Câu 1. Em hiểu thế nào là loại hình nghệ thuật chèo?

Câu 2. Tuồng là loại hình nghệ thuật như thế nào?

Câu 3. Đặc điểm của văn bản tuồng?

c. Sản phẩm:- Học sinh trả lời:

Câu 1. Chèo nguyên là loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hóa dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo.

Câu 2. Là loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuồng dân gian.

Câu 3. Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, hay đả kích một hạng người trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: chiếu màn hình và đọc nội dung ba câu hỏi - HS cả lớp nghe, ai biết câu trả lời nhanh nhất thì HS giơ tay phát biểu. Câu 1. Em hiểu thế nào là loại hình nghệ thuật chèo? Câu 2. Tuồng là loại hình nghệ thuật như thế nào? Câu 3. Đặc điểm của văn bản tuồng? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS: Trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ: B3: Báo cáo thảo luận - HS nhận xét B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: <i>Giờ trước các em đã được tìm hiểu trích đoạn “Súy Vân giả dại” trích vở chèo “Kim Nham”, tiết học hôm nay chúng ta cũng tìm hiểu đoạn trích tích trò dân gian tuồng hài Nghêu, Sò, Ốc Hén. Ở đoạn trích này, chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn về loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Đoạn trích Huyện đường thuộc loại tuồng dân gian.</i>	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú. - Đáp án: Câu 1. Chèo nguyên là loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian các lễ hội. Về sau, chèo được chuyên nghiệp hóa dần với sự hình thành của các gánh chèo, đoàn chèo. Câu 2. Là loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuồng dân gian. Câu 3. Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, hay đả kích một hạng người trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

A. Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: HS hình dung được những nét cơ bản của đoạn trích *Huyện đường*.

b. Nội dung: Vận dụng kỹ năng tự đọc, đọc diễn cảm.

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin.

- GV hướng dẫn HS cách thức đọc, ngữ điệu và giọng điệu của từng nhân vật.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày, đọc diễn cảm của HS

d. Tổ chức thực hiện

A. Tri thức ngữ văn

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Dành 3 phút để HS tóm tắt vở tuồng <i>Nghêu, Sò, Ốc, Hén</i> trong SGK. - CH: Em hãy kể lại nội dung tác phẩm bằng lời kể của mình? - GV: Giao cho HS đọc phân vai. Chú ý ngữ điệu, giọng điệu của các nhân vật: lí trưởng, đề lại,.. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. - HS: đọc phân vai B3: Báo cáo thảo luận - HS nhận xét các đọc của các bạn B4: Kết luận, nhận định	I. ĐỌC VĂN BẢN - Tóm tắt vở tuồng <i>Nghêu, Sò, Ốc, Hén</i>: Trộm Ốc nhờ thầy bói Nghêu (hay Ngao) gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hén, một gái góa trẻ đẹp. Lý trưởng và Trùm Sò đến lục soát bắt được tang vật, liền giải Thị Hén lên trình quan huyện. Khi đến công đường, Thị Hén đã làm cho quan huyện và thầy đề mê mết vì nhan sắc của mình. Kết quả là Trùm Sò mất tiền, thầy Lý bị đòn, Thị Hén được tha bổng. Kết thúc vở là cảnh cả quan huyện, thầy đề, thầy Lý vì mê mẩn Thị Hén chạm mặt nhau và bị các bà vợ đánh ghen tại nhà Thị Hén. - Đọc văn bản

B. Đọc – hiểu văn bản

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hén và đoạn trích *Huyện đường*

a. Mục tiêu: Tìm hiểu khái quát về tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hén* và nội dung đoạn trích *Huyện đường*

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi để tìm ra nội dung khái quát về tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hên* và đoạn trích *Huyện đường*

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Em hãy giới thiệu lại về tuồng dân gian là thể như thế nào? - GV: Em hãy tóm tắt các sự việc trong đoạn trích? Rồi chia bố cục đoạn trích? Nội dung của từng đoạn? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi. - Đoạn trích kể về những âm mưu, toan tính của những kẻ đại diện cho công quyền (gồm tri huyện, đề lại, các lính lệ) nhằm “tróc tiền” của những người thưa kiện (gồm lí trưởng và Trùm Sò) B3: Báo cáo thảo luận - HS nhận xét các đọc của các bạn B4: Kết luận, nhận định * Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm (5P) B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Nhóm 1: Em hãy liệt kê những lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật ở huyện đường từ tri huyện, đề lại, đến các lính lệ. - Nhóm 2: Việc tri huyện và đề lại không cần phải giữ ý với nhau, vì sao vậy? Phân tích sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa hai nhân vật? - Nhóm 3: Theo dõi cảnh tuồng <i>Huyện đường</i>, bạn hiểu như thế nào về thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”?	II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1. Tuồng dân gian: giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm thói hư, tật xấu, hay đã kích một số hạng người nhất định. 2. Đoạn trích (màn tuồng) - Bố cục: 3 phần + Phần 1: Tri huyện xưng danh (từ Quyền trọng... đến chuyên cần) + Phần 2: tri huyện và đề lại tính kế bóp nặn người thưa kiện. (tiếp đến “lệ tau”) + Phần 3: Lính lệ bắt đầu thực thi kế hoạch của “quan” (đoạn còn lại). 3. Tìm hiểu đoạn trích 3.1. Hình ảnh những kẻ đại diện cho bộ máy công quyền - Những lời thoại chính của tri huyện: “Sự lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền”; “Tôi thì tôi nghĩ cứ để đũa đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “áy” được”; “Phải, nắm đũa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”; “...lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào lại chả được”. - Những lời thoại của đề lại: “Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hên thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả”; “Bẩm quan xử thật sâu sắc”; “Vâng ạ, quan xử hay lắm”. Lời thoại của lính lệ: “Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hên biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đây”. -> Tất cả những lời thoại nêu trên cho thấy mọi mối bận tâm của tri huyện, đề lại và lính lệ đều chỉ xoay quanh một chữ “tiền”. Hệ thống lời thoại rất tinh tế, hàm súc, mỉa mai. * Việc tri huyện và đề lại “cối mở” với nhau là việc tự nhiên, dễ hiểu vì họ tương đồng về bản chất, lại cấu kết với nhau lâu dài trong việc chiếm đoạt tiền bạc từ người thưa kiện. - Tri huyện vừa phàn nàn về nỗi “Nha lại vắng bẩm thân,/ Dân xã không đầu cáo” thì đề lại xác nhận ngay: “Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả”. Rõ ràng các quan chỉ mong có chuyện kiện cáo để kiếm chác. - Mỗi lời tri huyện nói ra đều được đáp lại bằng tiếng “Vâng” và ngược lại, lời thưa của đề lại có thể nhanh chóng được xác nhận bằng tiếng “Phải”.

+ GV gợi ý, định hướng: Tục ngữ Việt Nam có câu: “Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ”. Chính câu tục ngữ này đã cho thấy sự đánh giá tổng quát của tầng lớp bị trị xưa về chốn công quyền hoặc chốn “cửa quan”. - Nhóm 4: Lời tự giới thiệu (qua hình thức nói dối) của nhân vật tri huyện đã giúp người xem, người đọc hiểu được điều gì về con người ông ta? Hãy so sánh lời tự giới thiệu đó của một nhân vật cụ thể trong tuồng với những lời tự giới thiệu thường gặp trong đời sống để rút ra nhận xét cần thiết. B2: Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận. B3: Báo cáo thảo luận: thuyết trình, nhận xét chéo, bổ sung B4: Kết luận, nhận định	* Thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan” - Thái độ đánh giá tiêu cực, hàm chứa sự mỉa mai, khinh bỉ, đả kích. - Người dân xưa chỉ thấy “cửa quan” là chốn ô trọc, lúc nhúc nhưng kẻ đục khoét đầy mưu mô, luôn tìm cơ hội vơ vét “cho đầy túi tham” và làm hại những người “thấp cổ bé họng”, kể cả thành phần bất hảo nhưng ở thế yếu hơn (như lí trưởng, Trùm Sò). -> Cách nhìn nhận có tính lịch sử, việc khắc phục phải gắn liền với những đổi thay cơ bản của thể chế. Hiện nay, định kiến dai dẳng này đã dần được xoá bỏ khi xã hội đã phát triển theo chiều hướng văn minh, tiến bộ. * Lời tự giới thiệu của tri huyện đã giúp người xem, người đọc hiểu: - Tri huyện là một kẻ “ăn trên ngồi trốc”, hưởng đủ mùi phú quý và quen sống phóng đảng “Đinh chung đà đủ miếng/ Hoa nguyệt cũng quen mùi”. Ông ta đã thực hiện chức phận một cách tồi tệ, cậy quyền cậy thế để tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vơ vét được nhiều: “Lấy của cây ngọn roi/ Làm quan nhờ lỗ khâu/ Sự lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền/ Dân xã nếu không kiên/ Bỏ xuống lao giam kĩ”. - Theo tác giả dân gian, đây là đặc điểm chung của tầng lớp thống trị chứ không phải đặc điểm của một nhân vật cá biệt nào. + Đoạn độc thoại : “Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần”. Hai từ “thú vị” và “chuyên cần” cho thấy tri huyện đã hài lòng biết bao với cuộc sống của mình. Ông ta càng “chuyên cần” thì dân đen càng khổn đốn. -> Tác giả dân gian đã thể hiện một thái độ châm biếm sâu cay. - Tính ước lệ của đoạn lời thoại mang tính chất xưng danh: Thông thường, trong đời sống, khi tự giới thiệu, không ai muốn nói ra những cái xấu của bản thân. Nhưng ở đây, nhân vật tri huyện đã làm điều ấy. - Ngôn ngữ của nghệ thuật, đảm nhiệm các chức năng vừa thể hiện hành động theo tích trò đã xác định, vừa định hướng suy nghĩ, cảm nhận của khán giả, độc giả về chính sự việc đang diễn ra. 3.2. Giá trị nổi bật của màn tuồng - Giá trị hiện thực sâu sắc. - Nghệ thuật châm biếm và khắc họa nhân vật đặc sắc. - Đặc điểm ngôn ngữ được thể hiện rõ nét qua việc sử dụng các thể thơ quen dùng; chất liệu ca dao, dân ca;...

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS ôn luyện, vận dụng kiến thức đã học viết được đoạn văn

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, văn bản đoạn trích để luyện tập.

- CH 1: Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sự lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền, chứng minh?

- CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm như thế nào?

c. Sản phẩm:

1. Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sự lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền. Toàn bộ hành động sau đó của y chứng thực điều này:

- Dây dưa chưa xử kiện ngay để nghĩ kế moi tiền của Trùm Sò (Tôi thì tôi nghĩ cứ để dụ đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “áy” được).
- Thực thi nguyên tắc “nắm đưa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu” khi tiến hành xử kiện – kẻ có tội bị phạt nặng đã đành (một phần do không có tiền dứt lốt) nhưng nguyên cáo cũng không tránh khỏi việc bị phiền nhiễu.
- Dung túng cho thuộc hạ (lính lệ) giở trò đòi những người thừa kiện phải hối lộ.

CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm rất rõ:

- Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với vị thế của mình. Ý thấy “thú vị” với những việc làm có thể khiến người dân phải lo lắng, sợ hãi. Như vậy, cái có thể đưa đến cảm giác “thú vị” cho quan hoàn toàn khác cái đưa đến cảm giác thú vị cho những người bình thường. Quan đã trở thành một phần tất yếu của bộ máy cai trị thối nát.
- Từ “chuyên cần” được tri huyện nói ra không chút ngượng mồm. Hoá ra, “chuyên cần” ở đây chỉ là “chuyên cần” vơ vét, miễn sao “đầy túi tham”.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Hoạt động nhóm cặp (5phút) - B1: Chuyên giao nhiệm vụ - CH 1: Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sợ lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền, chứng minh? - CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm như thế nào? B2: Thực hiện nhiệm vụ: thảo luận, nhận xét, bổ sung B3: Báo cáo thảo luận: HS nhận xét chéo B4: Kết luận, nhận định	III. LUYỆN TẬP 1. Tri huyện tự nhận mình là kẻ Sợ lí thường phân ầu/ Được thua tự đồng tiền. Toàn bộ hành động sau đó của y chứng thực điều này: - Dây dưa chưa xử kiện ngay để nghĩ kế moi tiền của Trùm Sò (Tôi thì tôi nghĩ cứ để dụ đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “áy” được). - Thực thi nguyên tắc “nắm đưa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu” khi tiến hành xử kiện – kẻ có tội bị phạt nặng đã đành (một phần do không có tiền dứt lốt) nhưng nguyên cáo cũng không tránh khỏi việc bị phiền nhiễu. - Dung túng cho thuộc hạ (lính lệ) giở trò đòi những người thừa kiện phải hối lộ. CH 2: Lời thoại Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần toát ra ý vị châm biếm rất rõ: - Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với vị thế của mình. Ý thấy “thú vị” với những việc làm có thể khiến người dân phải lo lắng, sợ hãi. Như vậy, cái có thể đưa đến cảm giác “thú vị” cho quan hoàn toàn khác cái đưa đến cảm giác thú vị cho những người bình thường. Quan đã trở thành một phần tất yếu của bộ máy cai trị thối nát. - Từ “chuyên cần” được tri huyện nói ra không chút ngượng mồm. Hoá ra, “chuyên cần” ở đây chỉ là “chuyên cần” vơ vét, miễn sao “đầy túi tham”.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS ôn luyện, vận dụng kiến thức đã học viết được đoạn văn

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, đọc tri thức ngữ văn, đoạn trích để vận dụng viết đoạn văn.

- GV: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích **Huyện đường**.

c. Sản phẩm:

- GV: việc nêu cảm nhận về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian phải gắn liền với những phân tích cụ thể đối với các chi tiết tiêu biểu có trong văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích **Huyện đường**.

- GV dành khoảng 5 – 7 phút cuối giờ học để HS thực hiện yêu cầu này.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân
- GV gợi ý: việc nêu cảm nhận về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian phải gắn liền với những phân tích cụ thể đối với các chi tiết tiêu biểu có trong văn bản.
- B3: Báo cáo thảo luận:** HS nhận xét
- B4: Kết luận, nhận định**
- GV theo dõi hoạt động của HS, thu lại các “bài viết” làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá về sau.

TIẾT 5. VĂN BẢN 3:
MÚA RỐI NƯỚC – HIỆN ĐẠI SOI BÓNG TIỀN NHÂN
(Phạm Thùy Dung)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức
- Học sinh củng cố** văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng, giúp học sinh có thể:
- Củng cố được kiến thức về đặc điểm của một văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật hiện tượng.
 - Hiểu được đặc sắc của rối nước – một loại hình nghệ thuật biểu diễn đã cùng với chèo, tuồng làm nên những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam .
2. Về năng lực
- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để đọc hiểu văn bản
3. Về phẩm chất: **Học sinh** nêu được cảm xúc suy nghĩ về rối nước nói riêng và về nghệ thuật cổ truyền nói chung

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu:
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị:
- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh hứng thú tạo tâm thế tích cực cho bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu hình ảnh clip về nghệ thuật múa rối nước và đặt câu hỏi: <i>Con hiểu và đã biết được những thông tin gì về nghệ thuật múa rối nước?</i>	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu hình ảnh,clip Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của học sinh
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh củng cố văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng, học sinh có thể - Tóm tắt những thông tin chính của văn bản - Xác định những thông tin cho phép khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền thống thấm đậm tinh thần Việt” - Nêu đặc điểm của cách triển khai thông tin trong văn bản và phân tích mức độ thuyết phục - Nêu nhận xét về phần sa – pô của văn bản và khái quát cách viết sa – pô nói chung b. Nội dung thực hiện HS thảo luận nhóm đôi hoặc cá nhân, trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập để tìm hiểu nội dung bài học	
I. Tìm hiểu chung	

Học sinh hoàn thành phiếu học tập theo nhóm hoặc cá nhân

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện đọc và thực hành

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Gv giải thích thêm ***Chức năng của sapô**

- Hoàn thiện tit, nói rõ chủ đề bài viết và giúp đọc giả hình dung được bài viết sẽ nói gì
- Tóm tắt thông tin hoặc đưa ra nội dung chủ yếu
- Giải thích bài viết, chỉ ra tại sao tác giả viết về sự kiện hay hiện tượng đó
- Nêu rõ hoàn cảnh bài viết ra đời
- Thông báo bố cục, phát triển thông điệp

- Hs thảo luận nhóm

Học sinh hoàn thành phiếu học tập theo nhóm hoặc cá nhân

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện đọc và thực hành

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

1. **Xuất xứ:** Văn bản in trong tạp chí Heritage, số ra tháng 7/2019.

2. **Thể loại:** văn bản thông tin

3. Bố cục

+ Phần 1 (sa-pô): Rối nước - ấn tượng nổi bật đầu tiên.

+ Phần 2: (Đoạn 1,2,3): Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước.

+ Phần 3 (Đoạn 4): Con rối trong trò rối nước

+ Phần 4 (còn lại): Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước.

4. Tóm tắt những thông tin chính của văn bản

- Múa rối nước được hình thành từ thế kỉ XI – XII, thường được biểu diễn trong hội làng, lễ Tết, sau này là các sân khấu, nhà hát..

- Tạo hình và kĩ thuật biểu diễn cố gắng truyền tải nét truyền thống tới khán giả

- Sự khác nhau giữa 2 loại hình rối nước và rối cạn.

- Múa rối nước trong bối cảnh xã hội hiện đại

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đoạn Sapô của văn bản:

- Được viết thành 1 đoạn riêng biệt

- Trình bày ngay đầu tiên

- Phong chữ: khác với văn bản

- Nội dung: tóm tắt những thông tin chính xác của nghệ thuật múa rối nước

2. Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước

- Nguồn gốc: tương truyền được hình thành từ thế kỉ XI – XII. Múa rối nước “*bắt đầu nảy mầm, len lỏi trong lòng các xóm làng chiêm trũng rồi lớn dần lên giữa những sinh hoạt nhỏ bé đời thường*”. → Theo thời gian múa rối nước ngày càng trở nên phổ biến và hoàn thiện thông qua những đúc kết của nhiều thế hệ

- Không gian:

+ Trước kia: biểu diễn trên thủy đình, dựng trên mặt ao làng.

+ Ngày nay: thủy đình được dựng ngay trong các nhà hát và trong các khu du lịch

→ Nơi biểu diễn gần gũi với môi trường sống của người dân lao động.

➤ → Múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền 3. Con rối trong trò rối nước

- Chế tác: những con rối được đẽ gọt từ gỗ sung và được tạo hình rất ngộ nghĩnh

- Điều khiển: Người điều khiển sử dụng hệ thống sào kết hợp với dây được gắn ở phần thân dưới để điều khiển con rối

➤ - Vật liệu dùng để chế tác con rối có thể tìm được rất dễ dàng trong môi trường sống của người Việt, đặc biệt, không gian mặt nước dùng làm sân khấu là không gian hoàn toàn quen thuộc ở nông thôn Việt Nam.

	4. Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước - Vẫn được duy trì và bảo tồn - Cần có sự tâm huyết tìm tòi, sáng tạo, gìn giữ môn nghệ thuật truyền thống - Khó khăn: hiện nay có nhiều loại hình nghệ thuật mới ra đời → Nhận xét về cách triển khai thông tin: Thông tin được triển khai theo trình tự hợp lý: - Trình tự thời gian: quá khứ đến hiện tại, tương lai - Logic: Đi từ những cái chung, khái quát như thời gian, không gian đến điểm nhấn cụ thể, đặc sắc nhất là con rối. III. Tổng kết 1. Nội dung: - Văn bản cung cấp thông tin cho người đọc về một loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc ta: múa rối nước - Thể hiện niềm tự hào và ca ngợi bộ môn truyền thống để người đọc hiểu và trân trọng - Thấy được thách thức và khó khăn của múa rối nước xã hội hiện nay 2. Nghệ thuật: - Lời văn rõ ràng, rành mạch - Ngôn từ phù hợp với văn bản thông tin - Văn phong mạch lạc, dễ hiểu - Thể hiện những đặc trưng của một bài tập chí như nội dung, sapô, bố cục...
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ <i>Viết đoạn văn khoảng 150 chữ về chủ đề Múa rối nước – món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực bài viết. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo Bài làm tham khảo Chắc hẳn trong mỗi chúng ta ai cũng đã từng nghe về bộ môn múa rối nước, đây là loại hình nghệ thuật được xem là món quà kì diệu từ đồng ruộng của làng quê Việt Nam. Bộ môn này hình thành từ thời xa xưa xa xưa, gắn với nếp sống, nếp sinh hoạt và cách cảm cách nghĩ của con người Việt Nam. Chúng được hình thành từ những người nghệ nhân chân chất, từ ao làng, mái đình, mái chùa cổ kính, đến cả những nguyên liệu để làm ra con rối cũng từ gỗ sung, những thứ dân dã và gần gũi với làng quê Việt Nam. Bước ra từ đồng ruộng, thôn quê, với những gì thân thuộc nhất với con người Việt Nam, ngày nay, múa rối nước đã đi vào thành phố, vào nhà hát, trung ương,... nhưng vẫn giữ được những nét đặc trưng ở nơi mà nó ra đời, vẫn là bộ môn nghệ thuật đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.	
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh nêu được cảm xúc suy nghĩ về rối nước nói riêng và về nghệ thuật cổ truyền nói chung b. Nội dung thực hiện: Học sinh thảo luận và chia sẻ cảm nhận về nghệ thuật múa rối nước và đưa ra các phương án duy trì và phát huy các văn hóa dân gian truyền thống của dân tộc Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Gợi ý một số cảm nhận của học sinh: Văn bản cho em những cảm nhận tốt đẹp và mới mẻ về múa rối nước. Em cảm nhận được múa rối nước là loại	

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ

hình nghệ thuật cổ truyền và lâu đời của dân tộc ta, mang nhiều những nét đặc trưng và thể hiện văn hóa của người Việt. Tuy nhiên, em cũng cảm thấy hơi buồn vì bộ môn này hiện nay không còn được chào đón như trước và đang gặp những khó khăn khi tiếp cận khán giả hiện đại, em mong mọi người và những nghệ nhân múa rối nước sẽ cố gắng bảo tồn và duy trì loại hình nghệ thuật đậm đà bản sắc này của Việt Nam.

Phục lục 1. Phiếu học tập về Múa rối nước – Tiên nhân soi bóng hiện đại

PHIẾU HỌC TẬP MÚA RỐI NƯỚC - TIỀN NHÂN SOI BÓNG HIỆN ĐẠI	
Họ tên:	Lớp:
Câu 1. Chỉ ra bố cục và tóm tắt những nội dung chính của văn bản	
Câu 2. Những thông tin định hướng khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật truyền thống thấm đẫm tinh thần Việt”	

PHIẾU HỌC TẬP
MÚA RỐI NƯỚC - TIỀN NHÂN SOI BÓNG HIỆN ĐẠI

Họ tên:

Lớp:

Câu 3. Đặc điểm của cách triển khai thông tin trong văn bản. Phân tích mức độ thuyết phục của cách triển khai ấy.

PHIẾU HỌC TẬP
MÚA RỐI NƯỚC - TIỀN NHÂN SÔI BÓNG HIỆN ĐẠI

Họ tên:

Lớp:

Câu 4.1 Nhận xét về phần sa-pô của văn bản

Câu 4.2 Từ đó rút ra cách viết sa-pô cho một văn bản thông tin nói chung.

PHẦN 3: VIẾT

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam)

TIẾT 5: HƯỚNG DẪN VIẾT, HS THỰC HIỆN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU Ở NHÀ

TIẾT 6: TRẢ BÀI VIẾT THEO HƯỚNG DẪN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS củng cố được những hiểu biết về một báo cáo nghiên cứu với những yêu cầu đặc thù về nội dung và hình thức (đã học ở Bài 4 – *Sức sống của sử thi*).
- HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.

2. Năng lực

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam
- Nhận biết và sửa được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt chính xác, khoa học.
- Biết thuyết trình về một vấn đề văn hóa, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

3. Phẩm chất

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam.
- Trung thực khi kế thừa kết quả nghiên cứu của những người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập,...

2. Học liệu

SGK *Ngữ văn 10* - Tập 1, sách bài tập đọc hiểu; sách luyện viết,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

TIẾT 5: HƯỚNG DẪN VIẾT, HS THỰC HIỆN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU Ở NHÀ

TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HS đọc trước nội dung bài học và thực hiện trước các nhiệm vụ đã nêu.

TRONG GIỜ HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

- Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.
- Nội dung: Trao đổi, chia sẻ về viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam
- Sản phẩm: Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ).
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
- GV nêu câu hỏi gợi mở để giúp HS hiểu đòi hỏi riêng của một bài báo cáo nghiên cứu. Chẳng hạn: + <i>Đâu là điểm chung/ điểm riêng giữa một bài văn nghị luận thông thường và một bài báo cáo nghiên cứu?</i> GV gọi đại diện một số HS trả lời và nhận xét sản phẩm. GV nêu vấn đề của bài học: Cách viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam.	Bài trình bày bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ. Hs nắm được yêu cầu của một bài báo cáo nghiên cứu.

Hoạt động 2: Luyện viết

1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hình thành kiến thức, kỹ năng viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam.

b. Nội dung: Tìm hiểu cách viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam trong phần *Bài viết tham khảo*.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
I. Định hướng	
GV hướng dẫn HS tìm hiểu về cách viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam GV hướng dẫn HS lần lượt tìm hiểu các mục bằng cách yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK-tr.140 và trình bày nhận thức của bản thân. Tuỳ theo trình độ của HS, GV có thể giảng giải thêm hoặc yêu cầu HS tìm các ví dụ khác tương tự để HS nắm chắc lí thuyết.	I. Định hướng 1. Bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam - Người viết thể hiện quan điểm đánh giá riêng, đưa đến cho độc giả những thông tin mới về vấn đề văn hóa truyền thống của Việt Nam (thông tin mới trên phương diện tư liệu hoặc cách nhìn, góc tiếp cận) - Yêu cầu: + Đặt vấn đề: Nêu được vấn đề muốn nghiên cứu về văn hóa truyền thống Việt Nam + Giải quyết vấn đề: . Xây dựng được hệ thống luận điểm sáng rõ, làm nổi bật được kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh họa cụ thể, sát hợp . Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện được quan điểm đánh giá riêng. + Kết luận: Khái quát được ý nghĩa của vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam đã chọn nghiên cứu
GV hướng dẫn HS phân tích mẫu GV có thể tổ chức cho HS phân tích văn bản mẫu để HS có thể hình dung rõ hơn về sản phẩm phải làm. Để việc phân tích này có hiệu quả, GV có thể sử dụng phiếu học tập.	2. Phân tích mẫu 1. Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho biết điều gì về nội dung và phạm vi nghiên cứu? Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho thấy nội dung và phạm vi nghiên cứu là về loại hình sân khấu chèo và ngôn ngữ đối thoại của chèo. 2. Báo cáo nghiên cứu có những luận điểm chính nào? Những luận điểm chính của bản báo cáo: - Ngôn ngữ sân khấu chèo ở đoạn này có thể là những câu thơ chữ Hán đầy điển cố, khó hiểu, đến đoạn khác lại gần như là một câu ca dao mượt mà, phơi phới tình người. - Một câu đối thoại hay là một câu nói vừa giải thích được những đặc điểm riêng của nhân vật đồng thời lại là sự thể hiện của nhân vật đó. - Ngôn ngữ trong vở chèo mang tính tư tưởng, là sức sống bên trong của nhân vật, đồng thời là chiếc xe chở tư tưởng của tác giả. - Trong khi viết ngôn ngữ cho nhân vật, các tác giả xưa rất chú ý đến nhịp điệu và âm luật câu văn. - Ở một số vở chèo xưa, có những nhân vật không hề có tiếng nói của bản thân họ mà nói bằng một loại ngôn ngữ nâng cao. - Một đặc điểm nữa trong ngôn ngữ đối thoại trong chèo là tính ước lệ. - Về mặt hình thái văn học, ngôn ngữ trong chèo được trình bày dưới ba dạng: nói thường, nói có tuyên luật và hát. 3. Tác giả đã sử dụng cứ liệu như thế nào để làm sáng tỏ các luận điểm?
GV lưu ý học sinh: 1. Tầm quan trọng của việc đặt nhan đề cho báo cáo nghiên cứu (Đây là việc không nhất thiết phải thực hiện với các kiểu bài viết khác). Ở đây nhan đề vừa xác định rõ đề tài nghiên cứu, vừa báo hiệu được vấn đề cần giải quyết trong bài 2. Tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống luận điểm chính. Luận điểm phải được trình bày rõ ràng, tường minh, dễ tóm tắt. 3. Mọi luận điểm nêu lên cần phải được chứng minh bằng cứ liệu cụ thể. 4. Tầm quan trọng của việc sử dụng tài liệu nghiên cứu và sự	

- a. Mục tiêu: Giúp HS thực hành luyện tập và biết vận dụng kiến thức về cách viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam.
- b. Nội dung: Thực hiện bài tập thực hành viết trong sách giáo khoa.
- c. Sản phẩm: Bài viết đã hoàn chỉnh (HS hoàn thiện ở nhà).
- d. Tổ chức thực hiện

II. Thực hành	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
GV nêu yêu cầu thực hành (bài tập trong SGK). GV yêu cầu HS đọc thầm phần hướng dẫn quy trình viết theo 4 bước hoặc yêu cầu 1 số HS đọc to, mỗi học sinh đọc một bước.	HS nắm được yêu cầu của bài thực hành.
GV yêu cầu HS thực hành theo quy trình 4 bước trong SGK. - GV yêu cầu các nhóm HS nghiên cứu thực hiện theo mục a) <i>Chuẩn bị viết</i> và gọi một số HS trình bày. GV chia nhóm cho các nhóm tự chọn đề tài riêng để viết hoặc ấn định đề tài cho từng nhóm và yêu cầu nhóm xây dựng một báo cáo nghiên cứu mang tính tập thể. Đề tài tham khảo: Đề tài 1: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xúy Vân giả dại”. Đề tài 2: Nghệ thuật thể hiện tính cách nhân vật trong cảnh tuồng “ Huyện đường”. Đề tài 3: Hình thức biểu diễn sử thi trong đời sống những người dân Ê đê hiện nay. Đề tài 4: Nét đẹp của một số trang phục truyền thống Việt Nam. Đề tài 5: Trò chơi dân gian trong các lễ hội của người Việt. Đề tài 6: Việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo... - GV chiếu bài làm của các nhóm HS, nhận xét, góp ý chung trước lớp. - GV yêu cầu các nhóm Xây dựng đề cương theo hướng dẫn của mục b) <i>Xây dựng đề cương</i>, sau đó HS trình bày sản phẩm. - GV chiếu bài làm của HS, nhận xét, góp ý chung trước lớp. GV phân tích mẫu Đề tài 1: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xúy Vân giả dại”. Gợi ý các câu hỏi để hình thành ý tưởng: + Việc nghiên cứu lời thoại của Xúy Vân trong lớp chèo có thể giúp ta hiểu được gì về lời thoại trong chèo nói chung? + Các khía cạnh nào cần được làm rõ khi nghiên cứu đặc điểm lời thoại của nhân vật? Có thể nghiên cứu từ khía cạnh nội dung đến hình thức được không? Về nội dung: Có gì chú ý về hoàn cảnh khách quan và tâm tư sâu kín của nhân vật qua lời thoại? Về hình thức: Có chú ý gì về sự luân phiên các điệu hát hay việc vận dụng ca dao ở lời thoại?	1) Chuẩn bị viết Sản phẩm: theo yêu cầu của mục <i>Chuẩn bị</i>. 2) Xây dựng đề cương Sản phẩm: Đề cương của bài viết. Tập trung suy nghĩ các câu hỏi: + Vấn đề được nghiên cứu có ý nghĩa gì? + Hướng nghiên cứu thế nào? + Khía cạnh nào của vấn đề cần được phân tích + Cứ liệu minh họa nào có thể huy động? + Thái độ nên có trước các đối tượng được đề cập?

+ <i>Cứ liệu minh họa cho đề tài là gì?</i> + <i>Thái độ cần có của bài báo cáo khi tranh luận với các quan điểm đánh giá khác?</i> - GV hướng dẫn cho HS viết bài theo hướng dẫn ở mục c) <i>Viết</i>, yêu cầu HS về nhà chuẩn bị để tiết học sau HS trình bày sản phẩm. - GV yêu cầu HS xem xét, chỉnh sửa lại bài viết theo hướng dẫn ở mục d) <i>Chỉnh sửa, hoàn thiện</i> HS sử dụng Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa ở Phụ lục. GV hướng dẫn HS trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung. HS nghe và ghi chép thêm các lưu ý của GV. GV giới hạn dung lượng cho báo cáo nghiên cứu. HS có thể viết dài hơn những bài viết thông thường nhưng cũng không nên quá dài vì tính chất tập nghiên cứu của HS.	3) Viết bài Sản phẩm: bản thảo bài viết (về nhà hoàn thiện) 4) Chỉnh sửa và hoàn thiện Sản phẩm: nội dung sửa theo Phiếu.

PHỤ LỤC

PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT ➤ Nhiệm vụ: Hãy rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải	
Câu hỏi đánh giá	Gợi ý chỉnh sửa bài viết
Ví dụ: 1. Phần đặt vấn đề đã giới thiệu ngắn gọn, tường minh vấn đề cần bàn luận chưa?	Ví dụ: - Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, hãy sửa chữa hoặc viết lại 1-2 câu giới thiệu về vấn đề sẽ bàn luận.
2. Phần giải quyết vấn đề đã nêu được các nội dung cụ thể sau chưa? - Các luận điểm đã mạch lạc, rõ ràng và nhất quán trong đánh giá vấn đề chưa? - Lập luận đã khách quan, chặt chẽ chưa? - Các cứ liệu, bằng chứng đã tinh gọn, đầy đủ chưa? - Việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú các ý kiến được trích dẫn đã minh bạch chưa?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, đánh dấu chỗ cần bổ sung và ghi các câu bổ sung bên lề hoặc giấy nhớ.
3. Phần kết luận có khái quát được ý nghĩa của vấn đề không?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, có thể viết thêm vào cuối đoạn.
4. Có mắc lỗi về ý (thiếu ý, lặp ý, lạc ý), lỗi chính tả, trình bày, dùng từ và diễn đạt,... nào không?	Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân các lỗi đó và nêu cách chữa bên cạnh hoặc bên lề giấy.
- Yêu cầu HS chuẩn bị trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung cho tiết Trả bài.	Nghe và ghi chép thêm các lưu ý của thầy/cô giáo.

SAU GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HS thực hành củng cố và mở rộng với các bài tập trong **Sách Bài tập Ngữ văn 10**, tập

TIẾT 6: TRẢ BÀI VIẾT THEO HƯỚNG DẪN TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HS thực hiện trước các nhiệm vụ đã nêu.

TRONG GIỜ HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

- a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.
- b. Nội dung: Trao đổi, chia sẻ về viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam
- c. Sản phẩm: Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu của GV (bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ).
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
- GV nêu câu hỏi gợi mở để giúp HS hiểu đòi hỏi riêng của một bài báo cáo nghiên cứu. GV gọi đại diện một số HS trả lời và nhận xét sản phẩm. GV nêu vấn đề của bài học: Cách viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam.	Bài trình bày bằng miệng hoặc kết hợp các phương tiện hỗ trợ. Hs nắm được yêu cầu của một bài báo cáo nghiên cứu.

Hoạt động 2: Phân tích các yêu cầu đề bài và chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết

- a. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu rõ yêu cầu đề bài và hoàn thiện bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam.
- b. Nội dung: Yêu cầu đề bài và nội dung, hình thức các báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam
- c. Sản phẩm: Phiếu phân tích yêu cầu đề bài và phiếu chỉnh sửa bài viết theo nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu về các yêu cầu đề bài của từng nhóm về báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam GV hướng dẫn HS lần lượt tìm hiểu các mục bằng cách yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập và trình bày nhận thức của bản thân. Tuỳ theo trình độ của HS, GV có thể giảng giải thêm hoặc yêu cầu HS tìm các ví dụ khác tương tự để HS nắm chắc lí thuyết.	1. Phân tích đề HS phân tích được yêu cầu đề bài của từng nhóm Đề tài 1: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xúy Vân giả dại”. Đề tài 2: Nghệ thuật thể hiện tính cách nhân vật trong cảnh tuồng “ Huyện đường”. Đề tài 3: Hình thức biểu diễn sử thi trong đời sống những người dân Ê đê hiện nay. Đề tài 4: Nét đẹp của một số trang phục truyền thống Việt Nam. Đề tài 5: Trò chơi dân gian trong các lễ hội của người Việt. Đề tài 6: Việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo...
GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết GV có thể tổ chức cho HS chỉnh sửa bài viết chéo giữa các nhóm. Để việc phân tích này có hiệu quả, GV cho HS chỉnh sửa bài viết theo phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết được cung cấp ở tiết học trước. Có thể các nhóm góp ý chéo nhau theo sơ đồ Nhóm 1→Nhóm 2→Nhóm 3→Nhóm 4→Nhóm 5→Nhóm 6→Nhóm 1	2. Chỉnh sửa bài viết * Phân đặt vấn đề đã giới thiệu ngắn gọn, tường minh vấn đề cần bàn luận chưa? * Phần giải quyết vấn đề đã nêu được các nội dung cụ thể sau chưa? - Các luận điểm đã mạch lạc, rõ ràng và nhất quán trong đánh giá vấn đề chưa? - Lập luận đã khách quan, chặt chẽ chưa?

Sau đó các nhóm gửi lại góp ý về nhóm làm đề tài. GV hướng dẫn HS trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung. HS nghe và ghi chép thêm các lưu ý của GV.	- Các cứ liệu, bằng chứng đã tinh gọn, đầy đủ chưa? - Việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú các ý kiến được trích dẫn đã minh bạch chưa? * Phần kết luận có khái quát được ý nghĩa của vấn đề không? * Có mắc lỗi về ý (thiếu ý, lặp ý, lạc ý), lỗi chính tả, trình bày, dùng từ và diễn đạt,... nào không?

PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT ➤ Nhiệm vụ: Hãy rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải	
Câu hỏi đánh giá	Gợi ý chỉnh sửa bài viết
Ví dụ: 1. Phần đặt vấn đề đã giới thiệu ngắn gọn, tường minh vấn đề cần bàn luận chưa?	Ví dụ: - Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, hãy sửa chữa hoặc viết lại 1-2 câu giới thiệu về vấn đề sẽ bàn luận.
2. Phần giải quyết vấn đề đã nêu được các nội dung cụ thể sau chưa? - Các luận điểm đã mạch lạc, rõ ràng và nhất quán trong đánh giá vấn đề chưa? - Lập luận đã khách quan, chặt chẽ chưa? - Các cứ liệu, bằng chứng đã tinh gọn, đầy đủ chưa? - Việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú các ý kiến được trích dẫn đã minh bạch chưa?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, đánh dấu chỗ cần bổ sung và ghi các câu bổ sung bên lề hoặc giấy nhớ.
3. Phần kết luận có khái quát được ý nghĩa của vấn đề không?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, có thể viết thêm vào cuối đoạn.
4. Có mắc lỗi về ý (thiếu ý, lặp ý, lạc ý), lỗi chính tả, trình bày, dùng từ và diễn đạt,... nào không?	Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân các lỗi đó và nêu cách chữa bên cạnh hoặc bên lề giấy.

3. Nhận xét kết quả bài làm của học sinh

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu rõ ưu nhược điểm trong bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam.

b. Nội dung: Ưu nhược điểm trong bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam. c. Sản phẩm: Kết quả đánh giá của GV

d. Tổ chức thực hiện

II. Thực hành	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Gv nhận xét cụ thể về kết quả bài làm của HS. Gv nêu một số lỗi cụ thể trong bài viết của hs và sửa lỗi. Gv yêu cầu hs xem lại bài, đọc kỹ lời phê để tự rút kinh nghiệm, trao đổi bài với bạn để học tập.	Gv nhận xét cụ thể về kết quả bài làm của HS. <u>1. Ưu điểm:</u> <u>2. Nhược điểm:</u> <u>3. Chữa lỗi.</u> - Lỗi chính tả. - Lỗi về câu. - Lỗi diễn đạt. <u>4. Đọc bài viết tốt.</u>

- GV đọc 1, 2 bài viết tốt trong lớp GV: biểu dương những bài viết tốt, khá; nhắc nhở những bài còn yếu, cần khắc phục ngay và những lưu ý cho bài viết tới. - HS: Về nhà đọc lại bài viết của mình và tự sửa chữa những lỗi trong bài.	
<u>Trả bài thống kê kết quả và dặn dò.</u> GV thống kê kết quả và dặn dò HS	<u>Thống kê kết quả:</u> <u>Dặn dò:</u>

SAU GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HS thực hành củng cố và mở rộng với các bài tập trong **Sách Bài tập Ngữ văn 10**, tập 1.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 7: LẮNG NGHE VÀ PHẢN HỒI VỀ MỘT BÀI THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: giúp HS

- Hiểu rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.
- Nắm được và đánh giá đúng các nội dung cơ bản của bài thuyết trình, cấu trúc bài thuyết trình, hệ thống các luận điểm...

2. Năng lực

- Nhận xét được cách thức mà tác giả sử dụng khi thuyết trình: ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, các phương tiện phụ trợ, sơ đồ bảng biểu...
- Năng lực phân tích, đánh giá, phản biện, tranh luận.

3. Phẩm chất

- Trân trọng thành quả lao động của tác giả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK *Ngữ văn 10* - Tập 1, vi deo thuyết trình, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định tổ chức:** kiểm tra sĩ số, ổn định lớp

2. **Kiểm tra:** Lòng ghép trong quá trình thực hành nói và nghe

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu/ Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo cho HS tâm thế sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.
- Giúp HS xác định được chủ đề mình sẽ tiếp nhận thông qua hoạt động nói và nghe.

b. Nội dung

- Xem vi deo, nhận xét vấn đề đặt ra

c. Sản phẩm

- HS xác định được vấn đề đặt ra thông qua vi deo do GV cung cấp
- Bước đầu đưa ra được nhận xét theo suy nghĩ cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS xem 1 vi deo thuyết trình về một vấn đề cụ thể (có thể thuyết trình về một cuốn sách/ giải pháp phòng chống dịch covid-19...) - GV đặt câu hỏi: Sau khi theo dõi video, các em rút ra nhận xét về vấn đề được đề cập.	- HS theo dõi video - Đưa ra được ý kiến nhận xét về: + Nội dung video + Cách thức xây dựng luận điểm trình bày vấn đề của người thuyết trình.

<i>B2: Thực hiện nhiệm vụ:</i> HS theo dõi video, đưa ra nhận xét, phản hồi <i>B3: Báo cáo thảo luận:</i> GV gọi 2 HS trình bày ý kiến nhận xét, các HS khác có thể bổ sung (nếu có). <i>B4: Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét, bổ sung (nếu có) - Dẫn dắt vào bài mới.	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu:

- Trang bị cho HS những lưu ý để học sinh có hiểu biết khi thực hành nói và nghe.
- Giúp các em xác định được vấn đề cần trình bày. Có khả năng phản hồi thông tin liên quan.
- Rèn kỹ năng nói và nghe cho HS.

b. Nội dung

- Hướng dẫn về cách lắng nghe về một vấn đề cụ thể liên quan đến chủ đề đã tiếp cận.
- HS thuyết trình báo cáo về vấn đề: Nghệ thuật sân khấu chèo
- HS lắng nghe và điền vào phiếu nghe những thông tin cần thiết mình tiếp thu được (có thể ghi lại các câu hỏi của mình nảy sinh trong quá trình nghe) theo phiếu học tập (GV cung cấp). Đặt câu hỏi, phản hồi về những vấn đề liên quan.

c. Sản phẩm

- Nắm được hướng dẫn về cách lắng nghe về một vấn đề cụ thể liên quan
- HS hoàn thành bài thuyết trình. Hoàn thiện các thông tin trong phiếu học tập.
- Biết cách đặt câu hỏi, phản hồi về những vấn đề liên quan.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Sản phẩm cần đạt												
Nội dung 1. Chuẩn bị nói và nghe														
<i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV yêu cầu HS đọc kỹ phần hướng dẫn cách lắng nghe và phản hồi trong SGK và tự đặt cho mình những câu hỏi cần giải đáp.. - GV giới thiệu sơ lược về bối cảnh, nội dung của bài thuyết trình mà HS sẽ nghe. <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ:</i> - HS đọc hướng dẫn cách lắng nghe và phản hồi - Xây dựng hệ thống câu hỏi liên quan <i>B3: Báo cáo thảo luận</i> - 2 HS trình bày những hiểu biết của mình. Các HS khác có thể bổ sung ý kiến khác. - Hoàn thiện bảng thông tin liên quan trong SGK/T149. <i>B4: Kết luận, nhận định</i> - GV nhận xét về phần thực hiện của HS. - GV giới thiệu một số phản hồi của mình khi lắng nghe bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể để HS có cái nhìn cụ thể về vấn đề sẽ tiếp cận.		- GV đưa ra một số lưu ý khi lắng nghe bài nói của người khác: + Tìm hiểu trước về vấn đề của người nói; + Tập trung lắng nghe bài nói; + Nhận xét về giọng điệu, ngôn ngữ và cử chỉ của người nói; + Có thể nêu câu hỏi nếu thấy thắc mắc.												
Nội dung 2. Thực hành nói và nghe														
<i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> - HS thuyết trình báo cáo về vấn đề: Nghệ thuật sân khấu chèo - HS lắng nghe và điền vào phiếu nghe những thông tin cần thiết mình tiếp thu được (có thể ghi lại các câu hỏi của mình nảy sinh trong quá trình nghe) theo phiếu học tập sau: <table border="1" data-bbox="167 1989 853 2139"> <tr> <td colspan="3">Tên bài thuyết trình:</td></tr> <tr> <td colspan="3">Tên người trình bày:</td></tr> <tr> <td colspan="3">Mục đích của người nói</td></tr> <tr> <td></td><td>Mở bài</td><td></td></tr> </table>		Tên bài thuyết trình:			Tên người trình bày:			Mục đích của người nói				Mở bài		*Người nói thuyết trình: GỢI Ý PHẦN TRÌNH BÀY - Mở đầu: Vấn đề nghiên cứu là Nghệ thuật sân khấu chèo. - Triển khai Một số luận điểm chính (có thể kết hợp trình chiếu PowerPoint): + Những loại hình văn hóa như chèo, tuồng, cải lương,... qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển dù mang đậm chất địa phương của từng vùng nhưng khái quát chung vẫn mang đậm chất văn hóa dân
Tên bài thuyết trình:														
Tên người trình bày:														
Mục đích của người nói														
	Mở bài													

Câu trúc bài thuyết trình	Triển khai	
	Kết luận	
	Ý chính	
	Ý phụ	
Nội dung thuyết trình	Bảng chứng, số liệu, hình ảnh	
Câu hỏi		
Nhận xét, đánh giá		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Người nói thuyết trình
- Người nghe

gian Việt Nam. Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền dân gian lâu đời nhất của Việt Nam.

+ Sân khấu biểu diễn chèo đa dạng: sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.

+ Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò...

+ Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ.

- Kết luận: Khái quát lại vấn đề nghiên cứu chính, khẳng định ý nghĩa vấn đề và mở ra hướng tiếp cận mới.

***Người nghe:**

- Lắng nghe phần thuyết trình (chú ý phần mở đầu và kết thúc để có thông tin cần thiết); nhận biết hệ thống luận điểm của bài thuyết trình, chú ý sự tác động của số liệu, bảng biểu).
- Hoàn thành các thông tin vào phiếu học tập.

B3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày phần thông tin theo mẫu phiếu.
- Đưa ra các câu hỏi phản hồi đối với người thuyết trình.

B4: Kết luận, nhận định

- GV đưa ra nhận xét, kết luận phần trình bày.

Nội dung 3. Trao đổi	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cung cấp phiếu học tập theo mẫu - Yêu cầu HS đánh giá kết quả thuyết trình theo các tiêu chí trong phiếu.	- HS đưa ra những ý kiến tranh luận về vấn đề thuyết trình trên cơ sở khoa học và hiểu biết cá nhân.

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Vấn đề thuyết trình thú vị và có ý nghĩa, giúp người nghe có thêm hiểu biết mới.		
2	Thông tin về quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu chính được thuyết trình rõ ràng, mạch lạc.		
3	Bài thuyết trình có đủ ba phần: <i>Mở đầu, Triển khai, Kết luận.</i>		
4	Người nói có phong thái tự tin, diễn đạt lưu loát, truyền cảm.		
5	Các phương tiện hỗ trợ (PowerPoint, hình ảnh minh họa, bảng biểu,...) được sử dụng hiệu quả.		
6	Người nói tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình.		
7	Người nói có tinh thần cầu thị khi trao đổi, đối thoại với người nghe.		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tự đánh giá theo mẫu
- Đưa ra nhận xét bổ sung (nếu có)

B3: Báo cáo thảo luận

- HS trao đổi, tranh luận về vấn đề thuyết trình.
- Các HS khác bổ sung, tranh luận

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chốt vấn đề.

Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức, kỹ năng thuyết trình vào thực tiễn đời sống.

b. Nội dung: Thực hiện câu hỏi GV yêu cầu

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng miệng 2 câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ HS trả lời 2 câu hỏi: Câu 1 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1): Câu 2 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1): B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo thảo luận: - GV gọi 2 HS trả lời 2 câu hỏi, các HS khác có thể bổ sung (nếu có). B4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung (nếu có) - Chốt kiến thức.	Câu 1 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1): - Tuồng là 1 trong các loại hình nghệ thuật dân gian Việt Nam nổi tiếng nhất là ở khu vực Trung Bộ, những tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh,... Tích chuyện trong mỗi vở tuồng đều là những tích chuyện lịch sử, những vị tướng anh hùng, phản ánh các yếu tố của thời đại. Các diễn viên được hóa thân rất nổi bật, “cá tính hóa” với các màu sắc để phân biệt vai diễn: màu đỏ là trung thần, xám là nịnh thần, hồn ma sẽ là xanh lục và người thật thà sẽ đi cùng màu đen. - Chèo là một trong những loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền Việt Nam, phát triển mạnh ở phía bắc, đặc biệt là đồng bằng sông Hồng và lan tỏa đến khu vực Bắc Trung Bộ và Trung Du Miền Núi Bắc Bộ: + Chèo là sân khấu của hiện thực đời sống tam nông: nông nghiệp, nông dân và nông thôn. + Sân khấu chèo hướng tới trình thức hóa, mô hình hóa (hình tượng của nhân vật). + Nghệ thuật sân khấu đồng cảm: đó là sự kết hợp tinh tế, nhuần nhuyễn, điều luyện và hài hòa giữa gián cách và hòa cảm, giữa khách quan và chủ quan, giữa thực và hư trong quá trình thể hiện đời sống nhân vật trên sân khấu. Câu 2 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1): - Cần phải giữ gìn và bảo tồn những loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian và đưa chúng phát triển hơn. Dù thời gian

	ra đời từ rất lâu nhưng những loại hình nghệ thuật này đã được ông cha ta đúc kết và xây dựng, nó phản ánh đặc điểm văn hóa của tổ tiên cha ông ta.

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng (sgk)

a. Mục tiêu: Giúp HS tăng cường, nâng cao vốn hiểu biết của bản thân về nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam.

b. Nội dung:

- Trả lời các câu hỏi phần Củng cố, mở rộng SGK/T151
- Dựa trên những hiểu biết của bản thân, hãy xây dựng đề cương và thuyết trình về vấn đề: Tác động của môi trường nước đến chất lượng sức khỏe và đời sống xã hội ngày nay.

c. Sản phẩm:

- Có những hiểu biết căn bản về nghệ thuật sân khấu dân gian.
- Xây dựng được đề cương và thuyết trình vấn đề: Tác động của môi trường nước đến chất lượng sức khỏe và đời sống xã hội ngày nay.

d. Tổ chức thực hiện: HS tự thực hiện sau bài học

Hoạt động 5: Thực hành đọc

Phụ lục VĂN BẢN THAM KHẢO Bài báo cáo nói mẫu về nghệ thuật Chèo

Chèo là nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống xuất hiện từ lâu đời và mang bản sắc dân tộc đậm đà nhất của dân tộc Việt Nam. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc, chèo là một loại hình sân khấu kịch hát đậm đà tính dân tộc, với sự kết hợp nhuần nhuyễn của hàng loạt yếu tố: hát, múa, nhạc, kịch mang tính nguyên hợp vô cùng độc đáo. Cách bài trí sân khấu hát chèo là một khâu quan trọng để góp phần tạo nên giá trị văn hóa đặc sắc của loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian này.

Dựa trên khảo sát, thống kê cách bài trí sân khấu của một số vở chèo đã được trình diễn, chúng tôi nhận thấy các dụng cụ trên sân khấu của từng vở chèo đều có vai trò khác nhau, có sự liên quan đến nội dung kịch bản. Chúng tôi cho rằng không thể dùng cách bài trí sân khấu của các loại hình nghệ thuật khác để đánh giá cách bài trí sân khấu của chèo.

Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh, Nhật Bản có kịch nô đại diện cho nghệ thuật truyền thống thì tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo. Sân khấu chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, mà cũng rất đa dạng có thể là sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.

Trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm các bài dân ca, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Tiếng hát chèo đã đi vào tiềm thức của bao thế hệ người Việt, chúng ta ấn tượng về chèo qua những câu ca dao:

“Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe giục trống chèo bé bụng đi xem
Chẳng thèm ăn chả ăn nem
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo”.

Trong kịch bản chèo, các nhân vật hiện ra qua những cái tên, qua hình tượng được tác giả tạo dựng, còn trên sân khấu chèo, các diễn viên sẽ là người lột tả cái hay, cái đẹp, cái xấu, cái ác của các nhân vật đó. Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò... Điển hình là một số nghệ sỹ như NSUT Thu Huyền, NSUT Thảo Quyên, NSUT Văn Bằng, NSUT Thu Hà, NSND Đình Óng, NSND Quốc Trọng,... là những nghệ sỹ đã hiện thực hóa hình tượng các nhân vật trong kịch bản chèo.

Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái,

trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu v.v...

Hát chèo đã từng in đậm nét trong tiềm thức dân gian người Việt, không chỉ riêng với đồng bằng Bắc Bộ mà còn tỏa rộng, vươn xa trong đời sống văn hóa - nghệ thuật đương đại của đất nước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, các loại hình giải trí mới ra đời, nhiều người đã không còn mặn mà với sân khấu chèo nữa. Sân khấu cổ truyền Việt Nam nói chung và nghệ thuật chèo nói riêng dần dần mất đi vị thế của mình.

Các nghiên cứu về chèo nói chung và nghiên cứu về sân khấu chèo nói riêng còn tồn đọng rất nhiều vấn đề chưa được triển khai cụ thể. Chính vì vậy mà các kịch bản chèo đang dần biến mất, nghệ thuật sân khấu chèo đang dần bị lãng quên bởi sự phát triển nhanh chóng của xã hội. Chèo cần có sự thích nghi nhất định với thời cuộc để tránh bị rơi vào hoàn cảnh như một di sản phi vật thể chỉ để bảo tồn, tránh làm mất đi một trong những hình thức nghệ thuật kể chuyện bằng sân khấu tiêu biểu nhất của dân tộc.

BÀI 6:

NGUYỄN TRÃI “DANH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: Tác gia Nguyễn Trãi

VB 2: Bình Ngô đại cáo (Đại cáo bình Ngô – Nguyễn Trãi)

VB 3: Bảo kính cảnh giới, bài 43 (Gương báu răn mình – Nguyễn Trãi)

VB4: Dục Thúy Sơn (Núi Dục Thúy – Nguyễn Trãi)

Thực hành đọc:

- *Ngôn chí*, Bài 3 (Nguyễn Trãi)

- *Bạch Đằng hải khẩu* (Cửa biển Bạch Đằng – Nguyễn Trãi)

2. Thực hành tiếng Việt: Sử dụng từ Hán Việt (tiếp theo)

3. Viết: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội

4. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết – KHGD

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– GV có thể sử dụng một số tranh ảnh, trích đoạn phim, phóng sự,... có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi (có thể phân công HS chuẩn bị theo nhóm) để khơi gợi hứng thú học tập. Một số đường link có thể tham khảo để khai thác tư liệu phục vụ cho việc dạy học văn bản *Bình Ngô đại cáo*:

+ <https://www.youtube.com/watch?v=oMYbYEGbrxI>

+ <https://www.youtube.com/watch?v=DhGarsIdaKc&t=12s>

+ https://www.youtube.com/watch?v=o_1RvuX_syw&t=19s

– GV thiết kế “bài giảng” điện tử với bản trình chiếu PowerPoint (nếu điều kiện cho phép).

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

+ Bảng kiểm đánh giá.

+ Rubric đánh giá.

2. Học sinh

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 55, 56

VĂN BẢN 1: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi.

- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*, *Bảo kính cảnh giới* (bài 43), *Dục Thúy sơn* và các văn bản thực hành đọc.

- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc;

Độc hiểu hình thức

- HS nắm được một số nét đặc trưng hình thức của thể loại văn bản giới thiệu một tác gia văn học (Tính khoa học, tính hệ thống, tính chính xác, tính toàn diện...)

2. Phẩm chất

- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc; biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

PP trò chơi: Đuổi hình bắt chữ

- GV chiếu một số hình ảnh về các tác giả trung đại (Hồ Xuân Hương, Nguyễn Dữ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,...); một số hình ảnh thường thấy trong thơ trung đại (tùng, trúc, cúc mai, ngư, tiều, canh mục, Tiểu Thanh, Thúy Vân, Thúy Kiều,...)

- HS xem hình ảnh, đoán tên gọi trong một phút

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem hình ảnh, đoán tên gọi trong một phút

- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ GV dẫn vào bài:

Trong thế kỉ XV, dân tộc Việt Nam đã sản sinh ra một con người toàn thiện: Nguyễn Trãi (1380 – 1442). Nếu lấy sự toàn thiện làm tiêu chí thì Nguyễn Trãi xứng đáng là con người ưu tú nhất của dân tộc ta kể từ khi lập quốc (thời đại Hùng Vương) đến nay.

Lê Thánh Tông, ông vua anh minh, có câu thơ ca ngợi Nguyễn Trãi:

Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo.

(Ức Trai lòng dạ sáng sao Khuê).

Nhận định ấy đã được chính sử Việt Nam và sự nghiệp văn chương trác tuyệt của Nguyễn Trãi xác nhận.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về Văn học trung đại Việt Nam, Tác giả văn học trung đại Việt Nam, Văn nghị luận Việt Nam thời trung đại, Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận nhóm, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT đã thực hiện ở nhà theo nhóm

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV kiểm tra việc hoàn thành các Phiếu học tập 01, 02, 03 ở nhà của các nhóm HS:

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu chung về văn học trung đại Việt Nam (Chuẩn bị ở nhà)

Khái niệm, Thời gian ra đời		
Loại hình văn tự		
Phân kì		
Đặc điểm cơ bản	Nội dung	
	Hình thức nghệ thuật	

Phiếu học tập 02: Tìm hiểu chung về tác giả văn học trung đại Việt Nam (Chuẩn bị ở nhà)

Đặc điểm		
Phân loại tác giả văn học trung đại Việt Nam	Theo tiêu chí lí tưởng triết- mỹ	
	Theo giới hoặc địa vị xã hội,...	

Phiếu học tập 03: Tìm hiểu chung về văn nghị luận và văn nghị luận Việt Nam thời trung đại (Chuẩn bị ở nhà)

Các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam	
Đặc điểm các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam	
Yếu tố tạo nên sức thuyết phục của văn nghị luận	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - HS hoàn thành các phiếu học tập ở nhà theo 3 nhóm (nhóm 1- phiếu 01, nhóm 2- phiếu 2, nhóm 3- phiếu 03) - Nhóm 1 chuyển phiếu cho nhóm 2, nhóm 2 chuyển nhóm 3 và 3 chuyển cho 1 quan sát, góp ý lẫn nhau, sau 5 phút chuyển phiếu cùng góp ý về nhóm ban đầu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận hoàn thiện - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS từng nhóm dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trình bày kết quả. - Các nhóm tiếp tục bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV) - Nhận xét về câu trả lời - Chốt lại kiến thức trọng tâm	I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn 1. Tìm hiểu chung về văn học trung đại Việt Nam (Phiếu học tập 01 bên dưới) 2. Tìm hiểu chung về tác giả văn học trung đại Việt Nam (Phiếu học tập 02 bên dưới) 3. Tìm hiểu chung về văn nghị luận và văn nghị luận Việt Nam thời trung đại (Phiếu học tập 03 bên dưới)

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu chung về văn học trung đại Việt Nam

Khái niệm, Thời gian ra đời	Văn học trung đại Việt Nam là thuật ngữ dùng để chỉ nền văn học viết của dân tộc được hình thành, phát triển trong khoảng thời gian từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX	
Loại hình văn tự	Viết bằng chữ Hán và chữ Nôm	
Phân kì	Chia thành 4 giai đoạn (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV; từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII; từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX; nửa cuối thế kỉ XIX)	
Đặc điểm cơ bản	Nội dung	VHTĐ luôn gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, thể hiện rõ tinh thần yêu nước và đề cao các giá trị nhân văn, nhân đạo.
	Hình thức nghệ thuật	Văn học trung đại Việt Nam có những đặc điểm cơ bản như: tính nguyên hợp (hiện tượng văn, sử, triết bất phân); tính song ngữ (được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm); tính sùng cổ, tính quy phạm,... Trong đó, tính quy phạm được xem là đặc trưng tiêu biểu nhất.

Phiếu học tập 02: Tìm hiểu chung về tác giả văn học trung đại Việt Nam

Đặc điểm		Là các thể hệ trí thức giàu ý thức tự tôn dân tộc
		Họ tiếp thu tinh hoa văn hoá dân gian và tiếp nhận ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo theo xu hướng dân tộc hoá
		Họ đã sử dụng một cách chọn lọc văn tự Hán và nhiều thể loại của văn học Trung Quốc; đã sáng tạo chữ Nôm và các thể loại nội sinh độc đáo để xây dựng một nền văn học viết đậm đà bản sắc dân tộc.
Phân loại tác giả văn học trung đại Việt Nam	Theo tiêu chí lí tưởng triết – mĩ	Tác giả thiền sư: phát triển trong giai đoạn văn học Phật giáo thịnh đạt (trước thế kỉ XV), hầu hết tinh thông Tam giáo, nhiều người tham gia chính sự, giữ trọng trách trong triều đình.
		Tác giả nhà nho: đa số làm quan; sáng tác thể hiện lí tưởng chính trị, đạo đức Nho giáo và phản ánh những khuynh hướng tư tưởng khác nhau tùy theo bối cảnh thời đại.
		Tác giả vừa là thiền sư vừa là nhà nho (ví dụ: Trần Nhân Tông vừa là tác giả thiền sư vừa là tác giả nhà nho)
	Theo giới hoặc địa vị xã hội,...	

Phiếu học tập 03: Tìm hiểu chung về văn nghị luận và văn nghị luận Việt Nam thời trung đại

Các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam	Hịch, cáo, chiếu, biểu, thư, trát, luận thuyết, tị, bạt
Đặc điểm các thể loại văn nghị luận trung đại Việt Nam	Bố cục mang tính quy phạm nghiêm ngặt, mỗi phần đảm nhận một chức năng cụ thể
	Lời văn chứa nhiều điển tích, điển cố
	Lập luận chặt chẽ
	Giọng điệu thường thể hiện vị thế, quyền uy của người viết.
	Văn bản ngẫu xác lập cơ chế các cặp câu văn bằng nhau về số chữ, có đối thường gặp ở chiếu, hịch, cáo, phú.
Yếu tố tạo nên sức thuyết phục của văn nghị luận	Lập luận (luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) chặt chẽ
	Yếu tố biểu cảm: + Cảm xúc chân thành, mãnh liệt; + Ngôn từ giàu hình ảnh; + Giọng điệu hùng hồn, truyền cảm,...

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu văn bản 1. Tác gia Nguyễn Trãi

a. Mục tiêu:

- HS tóm tắt được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi.
- HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Trãi; biết vận dụng vào việc đọc hiểu các tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*, *Bảo kính cảnh giới* (bài 43), *Dục Thúy sơn* và các văn bản thực hành đọc.
- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Trãi đối với lịch sử và nền văn học dân tộc; biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu tiểu sử Nguyễn Trãi, sự nghiệp sáng tác (tác phẩm chính, nội dung thơ văn, đặc điểm nghệ thuật thơ văn) của Nguyễn Trãi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP 4: Tiểu sử Nguyễn Trãi

Năm sinh – năm mất		
Tên hiệu		
Quê quán		
Xuất thân	Cha	
	Mẹ	
Các giai đoạn cuộc đời	1400 (20 tuổi).	
	1407	
	1423	
	1427	
	Sau khởi nghĩa Lam Sơn	

	Năm 1437	
	Năm 1440	
	Năm 1442	
	Năm 1464	
	Năm 1980	
Nhận xét khái quát về cuộc đời Nguyễn Trãi		

PHIẾU HỌC TẬP 5: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Tác phẩm chính)

Văn tự	Tác phẩm chính	Nội dung	Lĩnh vực/ Thể loại
CHỮ HÁN			
CHỮ NÔM			

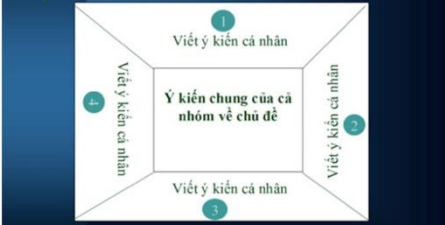
PHIẾU HỌC TẬP 6: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Nội dung thơ văn)

Những nội dung cơ bản của thơ văn Nguyễn Trãi	Biểu hiện cụ thể	Ví dụ tiêu biểu	Nhận xét
a. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước:			
b. Tình yêu thiên nhiên:			
c. Những ưu tư về thế sự:			

PHIẾU HỌC TẬP 7: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi)

Nhóm tác phẩm	Biểu hiện	Ví dụ tiêu biểu	Đánh giá chung
Văn chính luận của Nguyễn Trãi			
Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi			
Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi			

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.2.1. Tiểu sử Nguyễn Trãi Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS tìm hiểu tiểu sử Nguyễn Trãi qua trò chơi: Đường lên đỉnh Côn Sơn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV đưa những mốc thời gian và một số vấn đề thân thế con người Nguyễn Trãi (có thể thiết kế câu hỏi theo những bậc núi đá để tạo hứng thú cho HS, gợi ý từ phiếu HT 4), HS nhìn những thông tin gợi ý, nêu những sự kiện xảy ra trong cuộc đời Nguyễn Trãi Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS tham gia trò chơi HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức bằng phiếu HT 4 Hoạt động 2.2.2. Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thể hiện sự hiểu biết về một số tác phẩm chính của Nguyễn Trãi qua trò chơi Đấu trí Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	II. Tác gia Nguyễn Trãi 1. Tiểu sử Nguyễn Trãi (Phiếu HT 4 bên dưới) 2. Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi a. Một số tác phẩm chính (Phiếu HT 5 bên dưới) b. Nội dung thơ văn (Phiếu HT 6 bên dưới) c. Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi (Phiếu HT 7 bên dưới)

GV chia lớp thành 2 đội chơi, từng thành viên mỗi đội đưa ra một tác phẩm của Nguyễn Trãi với sự giới thiệu ngắn gọn về nội dung, thể loại (Gợi ý từ phiếu HT 5) , đội nào không thể đưa thêm tác phẩm là đội thua Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS tham gia trò chơi thể hiện hiểu biết HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét, chuẩn kiến thức bằng phiếu HT 5 Thảo luận nhóm: Kĩ thuật Khăn trải bàn  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Các nhóm hoàn thành phiếu HT 6,7 GV chia lớp thành 04 nhóm: - Nhóm 1, 2: Tìm hiểu nội dung thơ văn Nguyễn Trãi - Nhóm 3, 4: Tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi - Các nhóm cùng rút ra nhận xét, đánh giá về sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi Thời gian làm việc nhóm: 05 phút Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu) Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS. - GV Chuẩn kiến thức bằng phiếu HT 6,7 hoàn chỉnh.	

PHIẾU HỌC TẬP 4: Tiểu sử Nguyễn Trãi

Năm sinh – năm mất		Nguyễn Trãi sinh năm 1380, mất năm 1442
Tên hiệu		Ức Trai
Quê quán		Chi Ngại - Chí Linh - Hải Dương. Sau dời về Nhị Khê - Thường Tín - Hà Tây
Xuất thân	Cha	Nguyễn Phi Khanh, học giỏi - đỗ Thái học sinh..
	Mẹ	Trần Thị Thái, con của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán -một quý tộc đời Trần
Các giai đoạn cuộc đời	1400 (20 tuổi).	Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ.
	1407	Giặc Minh cướp nước, triều Hồ sụp đổ, cha bị bắt sang Trung Quốc, Nguyễn Trãi bị giam lỏng ở thành Đông Quan.
	1423	Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi đứng đầu, ông dâng "Bình Ngô Sách" và có đóng góp quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh.
	1427	Kháng chiến thành công ông thay mặt Lê Lợi viết “Bình Ngô đại cáo”
	Sau khởi nghĩa Lam Sơn	Nguyễn Trãi hăm hở tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước nhưng lại bị nghi kị, chịu nhiều oan trái.
	Năm 1437	ông đã cáo quan về Côn Sơn (Hải Dương) ở ẩn.
	Năm 1440	Lê Thái Tông mời Nguyễn Trãi ra giúp nước.

	Năm 1442	Nguyễn Trãi bị bọn gian thần vu cho tội giết vua, chịu án “tru di tam tộc”, thơ văn bị tiêu hủy, cấm đoán.
	Năm 1464	Lê Thánh Tông minh oan cho Nguyễn Trãi, cho tìm lại con cháu và di sản tinh thần của ông.
	Năm 1980	Nguyễn Trãi được UNESCO vinh danh là “Đanh nhân văn hóa thế giới”
Nhận xét khái quát về cuộc đời Nguyễn Trãi		- Sinh trưởng trong gia đình có truyền thống yêu nước và văn hóa, văn học. - Là bậc anh hùng dân tộc, là một nhân vật toàn tài hiếm có của lịch sử Việt Nam, được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới. - Là người chịu những oan khiên thảm khốc.

PHIẾU HỌC TẬP 5: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Tác phẩm chính)

Văn tự	Tác phẩm chính	Nội dung	Lĩnh vực/ Thể loại
CHỮ HÁN	<i>Quân trung từ mệnh tập</i>	Thư từ, biểu, quân lệnh gửi cho các tướng của ta và các bức thư gửi cho quân Minh nhằm “đánh vào lòng người “	Quân sự, ngoại giao/ Văn chính luận
	<i>Bình Ngô đại cáo</i>	Tuyên bố nền hòa bình của đất nước sau khi chiến thắng quân Minh	Chính trị/ Thể Cáo, văn biền ngẫu
	<i>Ức Trai thi tập</i>	Thể hiện cảm xúc trữ tình cá nhân	Thơ ca/ Thơ trữ tình, đa số là thơ Đường luật
	<i>Chí Linh sơn phú</i>	Nêu công đức của Lê Lợi, vai trò nhà Lê	Lịch sử/ Phú
	<i>Lam Sơn thực lục</i>	Ghi chép quá trình khởi nghĩa Lam Sơn	Lịch sử/ Ký
	<i>Băng Hồ di sự lục (Chuyện cũ về cụ Băng Hồ)</i>	Khắc họa chân dung cụ Trần Nguyên Đán (Cụ Băng Hồ, ông ngoại Nguyễn Trãi)	Lịch sử/ Ký
	<i>Dư địa chí</i>	Ghi chép về địa lí	Địa lí
	<i>Lam Sơn Vĩnh Lăng thần đạo bi (Bia thần đạo Vĩnh Lăng ở Lam Sơn)</i>	Là bài văn bia ghi chép gia thế, sự nghiệp của Lê Thái Tổ sau ngày nhà vua mất	Lịch sử/ Bi (văn bia)
CHỮ NÔM	<i>Quốc âm thi tập</i>	Ghi lại những cảm xúc cá nhân	Thơ ca trữ tình/ Đường luật hoặc Đường luật xen lục ngôn

**PHIẾU HỌC TẬP 6: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Nội dung thơ văn)
(HS xem trong SGK)**

Những nội dung cơ bản của thơ văn Nguyễn Trãi	Biểu hiện cụ thể	Ví dụ tiêu biểu	Nhận xét
a. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước:	- Nguyễn Trãi đã tiếp thu chọn lọc, sáng tạo tư tưởng nhân nghĩa trong Nho giáo. - Biểu hiện: + Nhân nghĩa trước hết là thương dân, lấy cuộc sống bình yên, no ấm của nhân dân làm mục tiêu cao nhất.	- “Vì dân lo trước, dạ khôn nguôi” (<i>Mạn hứng</i>, bài 2) - “Lật thuyền mới biết dân như nước” (<i>Quan hải- Ức Trai thi tập</i>)	- Với Nguyễn Trãi, tư tưởng nhân nghĩa đã được mở rộng, phát triển thành lòng thương yêu, thái độ tôn trọng và biết ơn nhân dân. Yếu tố cốt lõi trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”.

	+ Khẳng định vai trò, sức mạnh cùng tư tưởng tôn trọng dân, biết ơn dân.		
b. Tình yêu thiên nhiên:	- Tình yêu thiên nhiên là nguồn cảm hứng lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi (đặc biệt là thơ) - Biểu hiện: Thiên nhiên đa dạng, vừa mỹ lệ vừa bình dị, gần gũi	“ <i>Ức Trai thi tập</i> ” và “ <i>Quốc âm thi tập</i> ”	Tâm hồn tác giả: tinh tế, nhạy cảm trước cái đẹp; nâng niu, trân trọng sự sống; phóng khoáng, lãng mạn, chan hoà với thiên nhiên,...
c. Những ưu tư về thế sự:	- Suốt đời mang mối “<i>ưu dân, ái quốc</i>” nên Nguyễn Trãi luôn trăn nặng suy tư trước thế sự đen bạc. - Sáng tác thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện rõ nỗi lòng ưu tư về thế sự. - Nguyễn Trãi đối diện với thực tại ấy bằng tâm thế cứng cỏi, vững vàng, bằng cốt cách thanh cao.	“Phụng những tiếc cao, điều hầy liệng/Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi” (<i>Tự thuật</i> , bài 9 – <i>Quốc âm thi tập</i>) - “Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược/Có nhân, có trí, có anh hùng” (<i>Bảo kính cảnh giới</i> , bài 5 – <i>Quốc âm thi tập</i>)	Con người từng trải, thấu hiểu lẽ đời, tâm thế cứng cỏi, cốt cách, và khí tiết thanh cao, sẵn sàng xả thân vì chính nghĩa,...

PHIẾU HỌC TẬP 7: Sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Trãi (Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi)

Nhóm tác phẩm	Biểu hiện	Ví dụ tiêu biểu
Văn chính luận của Nguyễn Trãi	- Hiểu thấu đối tượng, bối cảnh chính trị, các vấn đề thời sự có liên quan. - Tạo dựng nền tảng chính nghĩa, làm cơ sở vững chắc cho các lập luận. - Lập luận sắc bén, chặt chẽ; ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu phong phú, linh hoạt, truyền cảm; kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.	“Mưu tính việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, hoàn thành công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu” (<i>Lại thư trả lời Phương Chính- Quân trung từ mệnh tập</i>)
Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi	- Thể thơ Đường luật - Ngôn ngữ cô đúc; nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế, tài hoa. - Hình tượng thiên nhiên: vừa phóng khoáng, hùng vĩ, diễm lệ vừa thanh sơ, thơ mộng.	(<i>Loạn hậu đảo Côn Sơn cảm tác, Chu trung ngẫu thành, Tự thán, Thanh minh,...</i>)
Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi	- Đỉnh cao của thơ quốc âm trung đại - Sáng tạo thể thơ riêng khi xen câu lục ngôn vào bài thơ thất ngôn - Việt hóa nhiều đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc - Ngôn ngữ: giản dị, đậm đà tính dân tộc...	<i>Tay ai thi lại làm nuôi miệng, Làm biếng ngồi ăn lở núi non</i>

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi ô chữ để trả lời câu hỏi và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*Nhiệm vụ 1: Trò chơi Giải ô chữ

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi giải ô chữ để khắc sâu, củng cố thêm kiến thức bài học.
- GV chia 4 tổ. Lần lượt đại diện của tổ chọn ô hàng ngang, tổ sẽ có 15s để thống nhất, đưa ra đáp án ô hàng ngang. Nếu tổ đó trả lời sai hoặc không có câu trả lời thì 1 trong 3 đội còn lại sẽ giành được quyền trả lời.
- Trả lời đúng mỗi ô hàng ngang được 10 điểm.
- Trả lời đúng ô hàng dọc được 50 điểm.
- Nếu trả lời sai ô hàng dọc thì đội chơi không còn quyền chơi tiếp mà cơ hội giành cho các đội còn lại.

										T	U'	T	U'	Ơ	G	N	H	Â	N	N	G	H	I	A	
													C	Ô	N	S	Ơ	N	C	A					
													T	H	Ê	S	U'								
							Q	U	Â	N	T	R	U	N	G	T	U'	M	Ê	N	H	T	Â	P	
B	I	N	H	N	G	O	Đ	A	I	C	A	O													
										T	H	I	Ê	N	N	H	I	Ê	N						

Ô hàng ngang 1: Gồm 15 chữ cái – Một trong những nội dung quan trọng trong thơ văn Nguyễn Trãi có ảnh hưởng của Đạo Nho?

Ô hàng ngang 2: Gồm 8 chữ cái – Một bài thơ chữ Hán về một địa danh mà Nguyễn Trãi từng lui về đó để ở ẩn?

Ô hàng ngang 3: Gồm 5 chữ cái – Một trong những nội dung thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện suy tư của ông về cuộc đời?

Ô hàng ngang 4: Gồm 18 chữ cái – Tập văn chính luận của Nguyễn Trãi có sức mạnh được ví như 10 vạn quân?

Ô hàng ngang 5: Gồm 13 chữ cái – Bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết sau chiến thắng giặc Minh?

Ô hàng ngang 6: Gồm 10 chữ cái – Nơi áp ủ và di dưỡng tâm hồn Nguyễn Trãi, cũng là một đề tài nổi bật trong thơ Nguyễn Trãi?

Ô hàng dọc: Tên hiệu của Nguyễn Trãi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực tham gia trò chơi.
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

*Nhiệm vụ 2: Viết tích cực (Về nhà)

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- **Yêu cầu HS:** Sưu tầm một bài thơ chữ Hán hoặc chữ Nôm của Nguyễn Trãi và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu bài thơ đó
- GV gợi ý cho HS một số bài thơ:
 - + Thơ chữ Hán: *Mộ xuân tức sự* (Tức sự chiều xuân), *Trại đầu xuân độ* (Bến đò xuân đầu trại), *Thần Phù hải khẩu* (Cửa biển Thần Phù), *Vân Đồn*,...
 - + Thơ chữ Nôm: *Cây chuối*, *Thuật hứng* (bài số 24), *Ngôn chí* (bài số 11, 20),...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.
- Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn.
- Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh vào tiết học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Giáo viên cung cấp thang đo cho HS tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

*** Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?
.....
2. Lựa chọn người viết đã hợp lí chưa?
.....
3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?
.....
4. Bài viết đã giới thiệu được hoàn cảnh, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi có còn phù hợp với thời đại ngày nay hay không?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kỹ thuật Think – Pair- Share.
- GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

Gợi ý trả lời:

- Nhân nghĩa theo quan niệm phổ thông được hiểu là yêu thương con người.
- Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa - yêu thương ấy phải được thể hiện bằng hành động cụ thể:
- + “*Cốt ở yên dân*” : phải có trách nhiệm bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.
- + “*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*”: Phải tiêu trừ tham tàn bạo ngược, những thế lực đã phá vỡ sự bình yên của nhân dân.
- => Nhân nghĩa gắn với yêu dân.
- => Nhân nghĩa là gắn với yêu hòa bình.
- => Nhân nghĩa chính là yêu nước.
- => Đây là tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi, lần đầu tiên người dân xuất hiện với vị trí trang trọng trong văn kiện có ý nghĩa tầm cỡ quốc gia trọng đại của nhà nước phong kiến. => không chỉ còn nguyên giá trị đối với hôm nay mà còn tiến bộ vượt tầm thời đại. Sau này Hồ Chí Minh cũng tâm niệm: “Lấy dân làm gốc”

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh ảnh ấn tượng về bài học.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 57, 58, 59

VĂN BẢN 2: BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức đã giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu *Bình Ngô đại cáo* – tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông.

Đọc hiểu hình thức

- HS nhận biết và phân tích được cách bố cục, mạch nghị luận, các lí lẽ và bằng chứng trong một văn bản nghị luận cổ qua tìm hiểu *Bình Ngô đại cáo* với tư cách là một tác phẩm cáo điển hình.

- HS biết cách phân tích, bình luận về vai trò của yếu tố biểu cảm trong các tác phẩm nghị luận cổ qua việc chỉ ra được những biểu hiện cụ thể của yếu tố này ở *Bình Ngô đại cáo*.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- HS nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong một văn bản văn học cụ thể qua thực hành phân tích *Bình Ngô đại cáo*.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác gia Nguyễn Trãi

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản chính luận có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- HS biết kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc như Lê Lợi, Nguyễn Trãi,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng KWLH, bảng kiểm đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo ấn tượng và tâm thế tích cực để đi vào tìm hiểu một áng văn chính luận thời trung đại, được coi là “thiên cổ hùng văn”.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS xem:

+ Clip đánh tan quân Tống: https://www.youtube.com/watch?v=SK7jCO_6HDs

+ Clip chiến thắng giặc Minh: https://www.youtube.com/watch?v=fAph_8PT_tY

+ CM Tháng Tám: <https://www.youtube.com/watch?v=DINVYDmNZY0> (21:55)

Và đặt câu hỏi theo yêu cầu **phiếu 1**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem Clip trả lời nhanh câu hỏi

Phiếu 1:

Gọi tên các sự kiện trong các Clip được đề cập.	
Nhận xét sự giống nhau giữa các sự kiện.	
Suy nghĩ của em về những sự kiện trên.	

- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi HS trả lời câu hỏi

➔ **Dự kiến câu trả lời:**

Phiếu 1:

Gọi tên các sự kiện trong các Clip được đề cập.	- Clip đánh tan quân Tống - Clip chiến thắng giặc Minh - CM Tháng Tám
Nhận xét sự giống nhau giữa các sự kiện.	- Là những chiến thắng vinh quang của dân tộc trước kẻ ngoại xâm hung hãn - Chính chiến thắng đó đã giúp ta quét sạch ngoại xâm, giành lại được độc lập, tự do
Suy nghĩ của em về những sự kiện trên.	HS trình bày suy nghĩ cá nhân

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung văn bản****a. Mục tiêu:**

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận trung đại góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ
- Tìm hiểu chung về văn bản *Bình Ngô đại cáo*

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**

Ý nghĩa nhan đề	
Tư cách phát ngôn và hoàn cảnh ra đời	
Mục đích	
Đối tượng tác động	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Giá trị nội dung	
Nghệ thuật	
Bố cục đoạn trích	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
TT1: GV hướng dẫn HS đọc văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV tự đọc hoặc cho một HS đọc phần giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trong SGK, ghi nhớ những ý chính. - HS nghe video đọc https://youtu.be/oMYbYEGbrxI - GV chỉ định HS đọc thành tiếng một số đoạn văn bản, nhắc các em chú ý đến cách đọc lời văn biền ngẫu Lưu ý: Giọng đọc hào sảng, thấm đẫm tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc - GV yêu cầu HS chú ý những cước chú và nội dung các thẻ chỉ dẫn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi	I. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản 1. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích các từ ngữ cổ (SGK) 2. Tìm hiểu chung văn bản Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản <table border="1"> <tr> <td>Ý nghĩa nhan đề</td><td> - <i>Đại cáo</i>: Tên thể loại - bài cáo lớn mang tầm quốc gia trọng đại. - <i>Bình</i>: dẹp yên, bình định, ổn định. - <i>Ngô</i>: chỉ giặc phương Bắc xâm lược với hàm ý căm thù, khinh bỉ. </td></tr> <tr> <td>Tư cách phát ngôn và hoàn cảnh ra đời</td><td> - Tư cách phát ngôn: + Chủ tướng Lê Lợi là người ban cáo + Nguyễn Trãi – bậc khai quốc công thần, nhà quân sự lỗi lạc, bậc trí thức có tài đã thừa lệnh Lê Lợi soạn <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Hoàn cảnh ra đời: + Vào cuối năm 1427, khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh kết thúc thắng lợi. + Văn bản được ban bố vào tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428) </td></tr> </table>	Ý nghĩa nhan đề	- <i>Đại cáo</i>: Tên thể loại - bài cáo lớn mang tầm quốc gia trọng đại. - <i>Bình</i>: dẹp yên, bình định, ổn định. - <i>Ngô</i>: chỉ giặc phương Bắc xâm lược với hàm ý căm thù, khinh bỉ.	Tư cách phát ngôn và hoàn cảnh ra đời	- Tư cách phát ngôn: + Chủ tướng Lê Lợi là người ban cáo + Nguyễn Trãi – bậc khai quốc công thần, nhà quân sự lỗi lạc, bậc trí thức có tài đã thừa lệnh Lê Lợi soạn <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Hoàn cảnh ra đời: + Vào cuối năm 1427, khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh kết thúc thắng lợi. + Văn bản được ban bố vào tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428)
Ý nghĩa nhan đề	- <i>Đại cáo</i>: Tên thể loại - bài cáo lớn mang tầm quốc gia trọng đại. - <i>Bình</i>: dẹp yên, bình định, ổn định. - <i>Ngô</i>: chỉ giặc phương Bắc xâm lược với hàm ý căm thù, khinh bỉ.				
Tư cách phát ngôn và hoàn cảnh ra đời	- Tư cách phát ngôn: + Chủ tướng Lê Lợi là người ban cáo + Nguyễn Trãi – bậc khai quốc công thần, nhà quân sự lỗi lạc, bậc trí thức có tài đã thừa lệnh Lê Lợi soạn <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Hoàn cảnh ra đời: + Vào cuối năm 1427, khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh kết thúc thắng lợi. + Văn bản được ban bố vào tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428)				

- GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu TT2: Tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 3: Tìm hiểu chung về văn bản - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS hoàn thành phiếu học tập - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức.	Mục đích	- Tuyên bố về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống giặc Minh. - Tóm tắt và thông báo về diễn biến, kết quả của cuộc kháng chiến. - Thể hiện niềm tự hào về cuộc kháng chiến của nghĩa quân Lam Sơn - Mở đầu cho một triều đại mới, một kỉ nguyên mới của đất nước
	Đối tượng tác động	Toàn thể nhân dân Đại Việt
	Thể loại	Thế cáo: Một thể văn nghị luận cổ, có nguồn gốc từ TQ, được vua chúa dùng để trình bày một sự nghiệp, tuyên ngôn một sự kiện trọng đại.
	Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận
	Bố cục đoạn trích	- Bài cáo được chia làm 5 đoạn: + Đoạn 1: Nguyên lí chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn + Đoạn 2: Vạch trần tội ác kẻ thù, lí do đẩy binh khởi nghĩa + Đoạn 3: Suy nghĩ – ý chí – khát vọng của bậc chủ tướng trước vận mệnh đất nước và số phận nhân dân + Đoạn 4: Diễn biến chính và kết quả cuộc khởi nghĩa + Đoạn 5: Tuyên bố thắng lợi và tuyên ngôn độc lập

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản chính luận trung đại:
- + Về hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ
- + Về sức mạnh thuyết phục của lập luận
- + Về vẻ đẹp của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật thuyết phục của văn bản nghị luận

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

*Các phiếu học tập:

HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM

Phiếu 4

Luận điểm 1: Luận đề chính nghĩa (Đoạn 1)		
Câu chủ đề:		
Nội dung:		
Thao tác lập luận		
Luận cứ 1		
Luận cứ 2		
Luận cứ 3		
Luận cứ 4		
Luận cứ 5		
Nhận xét lập luận	Chức năng	
		
	Nghệ thuật lập luận	
		



Phiếu 5

Luận điểm 2: Sự phi nghĩa của kẻ thù (Đoạn 2)		
Nội dung:		
Thao tác lập luận		
Luận cứ 1		
Luận cứ 2		
Nhận xét lập luận	Chức năng	
		
	Nghệ thuật lập luận	

Phiếu 6

Luận điểm 3: Sức mạnh quân ta (Đoạn 3)		
Nội dung:		
Thao tác lập luận		
Luận cứ 1		
Luận cứ 2		
Luận cứ 3		
Luận cứ 4		
Nhận xét lập luận	Chức năng	
		
	Nghệ thuật lập luận	

Phiếu 7

Luận điểm 4: Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đoạn 4)		
Nội dung:		
Thao tác lập luận		
Luận cứ 1		
Luận cứ 2		
Luận cứ 3		
Luận cứ 4		
Luận cứ 5		
Luận cứ 6		
Nhận xét lập luận	Chức năng	
	Nghệ thuật lập luận	

Phiếu 8

Luận điểm 5: Tuyên bố độc lập (Đoạn 5)		
Nội dung:		
Thao tác lập luận chính		
Luận cứ 1		
Luận cứ 2		
Nhận xét lập luận	Chức năng	
	Nghệ thuật lập luận	

Phiếu 9

Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả trong toàn tác phẩm	
Mạch ý	
Mạch lập luận	
Giọng văn	
Thể loại	
Sự kết hợp các phương thức biểu đạt	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
TT1: Tìm hiểu đoạn 1,2,3,4,5 Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Chia lớp thành 10 nhóm (Mỗi nhóm 4-5 HS) - Giao nhiệm vụ cho các nhóm (PHT số 4,5,6,7,8) (?) Xác định câu chủ đề, nội dung, thao tác lập luận chính, luận cứ của đoạn? (?) Nhận xét nghệ thuật lập luận (chức năng, nghệ thuật lập luận) của mỗi đoạn trong mạch lập luận. (?) Cần chú ý những yếu tố nào trong mạch lập luận của đoạn (từ ngữ; câu văn; biện pháp nghệ thuật; lí lẽ; dẫn chứng, giọng văn...)? + Nhóm 1,2: Tìm hiểu đoạn 1 + Nhóm 3,4: Tìm hiểu đoạn 2 + Nhóm 5,6: Tìm hiểu đoạn 3 + Nhóm 7,8: Tìm hiểu đoạn 4 + Nhóm 9,10: Tìm hiểu đoạn 5 (hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0. - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Đại diện nhóm 1 báo cáo; nhóm 2 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 1 - Đại diện nhóm 3 báo cáo; nhóm 4 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 2 - Đại diện nhóm 5 báo cáo; nhóm 6 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 3 - Đại diện nhóm 7 báo cáo; nhóm 8 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 4 - Đại diện nhóm 9 báo cáo; nhóm 10 thảo luận, bổ sung. GV nhận xét, chốt vấn đề đoạn 5 Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nội dung kiến thức, cách thức trình bày trên phiếu học tập của các nhóm - Giọng điệu, tư thế, phong thái khi thuyết trình - Tổ chức cho HS đánh giá chéo sản phẩm các nhóm bằng bảng kiểm trình bày HD nhóm (GV phát cho HS khi giao nhiệm vụ) TT2: Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận bài cáo Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Chia HS thành các cặp (02 HS là một cặp) - (?) Nêu lên một vài nhận xét chung về nghệ thuật lập luận trong toàn văn bản (Mạch ý, mạch lập luận, giọng văn, thể loại, sự kết hợp các phương thức biểu đạt)- Phiếu 9	II. Đọc - hiểu văn bản Đoạn 1. Luận đề chính nghĩa (Phiếu 4 bên dưới) Đoạn 2. Sự phi nghĩa của kẻ thù (Phiếu 5 bên dưới) Đoạn 3. Sức mạnh quân ta (Phiếu 6 bên dưới) Đoạn 4. Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh (Phiếu 7 bên dưới) Đoạn 5. Tuyên bố độc lập (Phiếu 8 bên dưới) Nghệ thuật lập luận bài cáo (Phiếu 9 bên dưới)

Bước 2: HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ Bước 3: GV gọi đại diện các cặp trình bày. HS báo cáo, thảo luận Bước 4: GV đánh giá, kết luận - Nhận xét về câu trả lời - Chốt lại kiến thức trọng tâm (Phiếu 9)	

Phiếu 4

Luận điểm 1: Luận đề chính nghĩa (Đoạn 1)		
Câu chủ đề: <i>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.</i>		
Nội dung: Trình bày chân lí chính nghĩa của sự nghiệp kháng chiến chống Minh. Chân lí này là cơ sở mang đến niềm tin chiến thắng tất yếu của đội quân nhân nghĩa, “vì thương xót nhân dân mà trừng trị kẻ có tội”. Đoạn văn cũng thể hiện rõ ý thức tự chủ và niềm tự hào dân tộc của tác giả.		
Thao tác lập luận	Phân tích, bình luận, chứng minh	
Luận cứ 1	- Nhân nghĩa là chính nghĩa.	
Luận cứ 2	- Trừ bạo an dân là chính nghĩa.	
Luận cứ 3	- Bảo vệ nền độc lập tự chủ (bờ cõi, văn hoá, thể chế riêng,...) là chính nghĩa.	
Luận cứ 4	- Có anh hùng hào kiệt (người đại diện cho ý thức và khát vọng tự chủ...) là chính nghĩa.	
Luận cứ 5	- Hành động phi nghĩa chắc chắn phải nhận bại vong	
	Nghệ thuật lập luận	- Cách lựa chọn và sử dụng từ ngữ xác thực, có ý nghĩa khẳng định - Câu văn biến ngẫu sổng đôi thể hiện rõ sự đối sánh Nam – Bắc về nhiều phương diện. - Dẫn chứng bằng các cứ liệu lịch sử xác thực, để khẳng định, thuyết phục - Quan niệm toàn diện, sâu sắc của tác giả về một quốc gia dân tộc tự chủ

Phiếu 5

Luận điểm 2: Sự phi nghĩa của kẻ thù (Đoạn 2)		
Nội dung: Vạch trần bản chất gian trá và tội ác tột cùng của kẻ thù phi nghĩa đối với nhân dân ta.		
Thao tác lập luận	Chứng minh, bình luận,	
Luận cứ 1	- Hành động tội ác của bọn “cuồng Minh” (giặc ngoài) và “gian tà” (thù trong): + “thừa cơ gây hoạ”, + “bán nước cầu vinh”, + “nướng dân đen”, + “vùi con đỏ”, + “đổi trời lừa dân”, + “gây binh kết oán”, + “bại nhân nghĩa”, + “nặng thuế khoá”,...	
Luận cứ 2	- Đánh giá về tội ác của kẻ thù.	
	Chức năng	Lí giải nguyên nhân trực tiếp của sự nghiệp kháng chiến.
	Nghệ thuật lập luận	- Tác giả đã nêu những âm mưu, dã tâm xâm lược, hành động tội ác của giặc Minh: Mượn cớ “phù Trần diệt Hồ”, tàn sát dân chúng, gây binh kết oán, huỷ hoại điều nhân nghĩa, sưu cao thuế nặng, chính sách nô dịch – vợ vét,... - Tội ác kẻ thù được thể hiện bằng nhiều từ ngữ, hình ảnh giàu sức biểu cảm.

Phiếu 6

Luận điểm 3: Sức mạnh quân ta (Đoạn 3)		
Nội dung: Nêu bật những khó khăn gian khổ và ý chí quyết tâm của nghĩa quân Lam Sơn, từ phương diện vật chất đến tinh thần; sự đối lập giữa hoàn cảnh thực tế và ý chí kiên cường, giữa tình thế bất lợi,... và sự tự tin vào chiến lược và sách lược đúng đắn của nghĩa quân Lam Sơn.		
Thao tác lập luận	Chứng minh, bình luận	
Luận cứ 1	- Sự trần trụi, sứt ruột của bậc chủ tướng trước tội ác kẻ thù	
Luận cứ 2	- Sự phần uất, trần trở về vận nước của chủ tướng	
Luận cứ 3	- Sự khó khăn, thiếu thốn của nghĩa quân Lam Sơn	
Luận cứ 4	- Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của chủ tướng và nghĩa binh	
Nhận xét lập luận	Chức năng	Tập trung lí giải cội nguồn sức mạnh tinh thần làm nên chiến công hiển hách. Tinh thần – khát vọng cứu nước mạnh mẽ, ý chí quyết tâm vượt qua gian khổ của nghĩa quân được tạo nên từ ý thức tự chủ dân tộc và lòng căm thù giặc sâu sắc. Tinh thần – khát vọng ấy dẫn đến sự đồng lòng, đoàn kết của nhân dân.
	Nghệ thuật lập luận	- Những khó khăn gian khổ và ý chí quyết tâm của nghĩa quân Lam Sơn được tác giả tái hiện xác thực, vừa khái quát vừa cụ thể, được khái quát từ góc nhìn của người tổ chức lực lượng kháng chiến, mong muốn xác định được chiến lược và đề ra các sách lược của cuộc kháng chiến.



Luận điểm 4: Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh (Đoạn 4)		
Nội dung: Diễn biến chính của cuộc tổng tiến công giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược. Sự thất bại thảm hại của kẻ thù và chiến thắng hào hùng của đội quân nhân nghĩa.		
Thao tác lập luận	Chứng minh, bình luận,	
Luận cứ 1	- Diễn biến chính cuộc kháng chiến	
Luận cứ 2	- Kết quả của cuộc kháng chiến	
Luận cứ 3	- Khí thế quật cường và chiến công vang dội của nghĩa quân Lam Sơn	
Luận cứ 4	- Tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ của chủ tướng và nghĩa binh	
Luận cứ 5	- Hình ảnh thất bại nhục nhã của kẻ thù	
Luận cứ 6	- Tinh thần nhân nghĩa của quân ta	
Nhận xét lập luận	Nghệ thuật lập luận	- Nêu diễn biến cuộc tổng tiến công qua một số sự kiện/ trận đánh tiêu biểu: quy mô rộng lớn, tác chiến dồn dập, khí thế hào hùng. - Nhấn mạnh khí thế vũ bão quật cường, không sức mạnh nào địch nổi của nghĩa quân Lam Sơn; thế lực càng ngày càng xoay chuyển mạnh mẽ (“gươm mài đá”, “voi uống nước”, “nổi gió to”,...). - Hình ảnh thất bại thảm hại và sự nhục nhã của kẻ thù được thể hiện, miêu tả một cách sinh động, giàu sức biểu cảm thông qua việc khắc họa hình ảnh tướng giặc - Cảm hứng nhân nghĩa được thể hiện khá rõ nét trong đoạn văn: - Âm hưởng mạnh mẽ, hào hùng của cuộc kháng chiến được thể hiện đậm nét.



Luận điểm 5: Tuyên bố độc lập (Đoạn 5)		
Nội dung: Bỏ cáo thiên hạ về thắng lợi của cuộc kháng chiến và khẳng định khát vọng về một thời đại mới tự chủ thái bình lâu dài.		
Thao tác lập luận chính	Bình luận	
Luận cứ 1	- Tuyên bố chiến thắng và mở ra một thời kì mới	
Luận cứ 2	- Cách “cắt nghĩa” nguyên nhân thắng lợi	

Nhận xét lập luận	Chức năng	Tổng kết mạch lập luận của bài văn chính luận. Cách kết thúc theo hướng mở: Tuyên bố độc lập dân tộc nhưng đồng thời khai sinh một triều đại mới với niềm tin tưởng vào vận hội mới.
	Nghệ thuật lập luận	- Các từ biểu thị ý “hiện tại tiếp diễn” được lặp lại (“từ đây [...] từ đây...”) [nguyên văn: vu dĩ... vu dĩ...], xã tắc vững bền [nguyên văn: điện an], giang sơn đổi mới [nguyên văn: cải quan], bốn biển thanh bình, chiếu duy tân [nguyên văn: duy tân chi cáo – ban bố lệnh về sự khởi đầu của một thời đại mới].

Phiếu 9

Nhận xét chung về nghệ thuật lập luận của tác giả trong toàn tác phẩm	
Mạch ý	- Theo diễn tiến của cuộc kháng chiến, từ khó khăn buổi đầu đến chiến công dồn dập và thắng lợi cuối cùng; đan xen với diễn trình đó là việc khắc họa chân dung bậc chủ tướng và hình tượng tướng sĩ – nhân dân đồng lòng cứu nước.
Mạch lập luận	- Mạch lập luận logic khúc chiết, rành mạch, chặt chẽ; chứng cứ và số liệu rõ ràng, biện luận kết hợp biểu cảm,...
Giọng văn	- Giọng văn lúc biện luận sâu sắc, khi phần uất khôn nguôi lúc suy tư trầm lắng, đau xót trước nỗi nhục nô lệ; âm hưởng chung là hùng tráng, mãnh mẽ, dồn dập, cuốn hút ...
Thể loại	- <i>Bình Ngô đại cáo</i> được viết theo thể văn biền ngẫu cận thể biến cách, được đánh giá là đỉnh cao của nghệ thuật văn biền ngẫu trong lịch sử văn chương Việt Nam.
Sự kết hợp các phương thức biểu đạt	+ Từ ngữ mang sắc thái biểu cảm: + Các thành ngữ, tục ngữ, điển + Hình ảnh biểu cảm, có giá trị đặc + Câu hỏi tu từ, câu phủ định mang ý nghi vấn, câu cảm thán, các kiểu câu lập luận.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ.

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Nêu yêu cầu: + <i>Bình Ngô đại cáo</i> được đánh giá là một áng hùng văn. Theo em, những căn cứ của đánh giá đó là gì? + Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập - GV quan sát, khích lệ HS.	III. Tổng kết 1. Giá trị nội dung - <i>Bình Ngô đại cáo</i> được đánh giá là một áng hùng văn. Đó không chỉ là áng văn quan trọng nhất của Nguyễn Trãi và đời Lê, mà còn xứng đáng là tác phẩm bất hủ trong lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc. - <i>Bình Ngô đại cáo</i> là tác phẩm có giá trị tổng hợp, mang nhiều lớp ý nghĩa: ý nghĩa tuyên ngôn chính trị, ý nghĩa quân sự, ý nghĩa ngoại giao, ý nghĩa lịch sử, giá trị văn hoá – tư tưởng, ý nghĩa nhân văn, ...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS hoàn thành thẻ học tập - Cặp đôi chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - Nhận xét về câu trả lời - Chốt lại kiến thức trọng tâm + “Hùng văn” là áng văn thể hiện khí thế hùng tráng, sức mạnh vô địch của chân lí, có âm hưởng anh hùng ca, thường liên quan đến chiến thắng oanh liệt của cuộc chiến tranh chính nghĩa, liên quan và tác động rộng lớn đến vận mệnh của dân tộc – quốc gia, thể hiện được không khí lịch sử – xã hội và tâm vóc thời đại. + Căn cứ đánh giá: giá trị nghệ thuật và nội dung của VB	- Bài cáo đã thể hiện lòng yêu nước; giá trị của ý thức và khát vọng tự chủ dân tộc; niềm tự hào và tinh thần tự tôn dân tộc chân chính; - Tác phẩm cho thấy tầm vóc tư tưởng và văn tài bao trùm thời đại của Nguyễn Trãi. 2. Giá trị nghệ thuật - Lập luận chặt chẽ với lí lẽ thuyết phục và minh chứng chân thực sống động - Giọng điệu biến đổi linh hoạt đánh thức tinh thần tự tôn dân tộc trong mỗi người - Thể biến ngẫu được sử dụng khéo léo tăng thêm khí thế hào hùng cho bài cáo - Ngôn ngữ lúc đanh thép, lúc hào hùng,...; các biện pháp tu từ được sử dụng linh hoạt càng tăng thêm sức mạnh biểu hiện - Yếu tố biểu cảm được thể hiện thành công làm tăng tính hấp dẫn và giá trị văn học của tác phẩm

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Hiểu và phân tích được một khía cạnh (nội dung hoặc nghệ thuật) trong văn bản
- Biết cách kết nối đọc – viết về một vấn đề

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

***Nhiệm vụ :** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) về một trong hai vấn đề sau:

- Mối quan hệ giữa tư tưởng nhân nghĩa và luận đề chính nghĩa thể hiện trong đoạn 1 của văn bản.
- Tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong “Bình Ngô đại cáo”.

Các vấn đề trên là những nội dung hoặc khía cạnh giá trị của tác phẩm, đã được phân tích hoặc nêu lên trong quá trình dạy học. Cụ thể, nội dung và gợi ý trả lời các câu hỏi 2, 3 đã có đề cập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS tham khảo nội dung và gợi ý trả lời các câu hỏi 2, 3 để thực hiện việc tìm ý và sắp xếp ý

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV cho HS viết đoạn văn ở nhà. GV có thể lưu giữ sản phẩm viết của HS để làm tư liệu và nhận xét nhanh về kết quả viết của HS vào các tiết học sau. Chú ý yêu cầu về hình thức của đoạn văn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: Mối quan hệ giữa tư tưởng nhân nghĩa và luận đề chính nghĩa thể hiện trong đoạn 1 của văn bản. Hoặc: Tinh thần độc lập, ý thức về chủ quyền dân tộc được thể hiện trong “Bình Ngô đại cáo”.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp, có sử dụng yếu tố biểu cảm trong đoạn văn nghị luận.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*Nhiệm vụ 1:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nêu khái quát ý nghĩa của *Bình Ngô đại cáo* đặt trong bối cảnh lịch sử – văn hoá cụ thể của nước ta ở đầu thế kỉ XV.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:

- *Bình Ngô đại cáo* ra đời gắn với một sự kiện lịch sử trọng đại là cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi; sự kiện đó lại là kết quả của cả một quá trình đấu tranh gian khổ, gắn với một giai đoạn lịch sử tương đối rộng, liên quan trực tiếp đến lịch sử dân tộc ở những năm đầu thế kỉ XV.
- *Bình Ngô đại cáo* là văn kiện lịch sử trọng đại, tuyên bố về sự độc lập tự chủ của dân tộc, có giá trị như một bản tuyên ngôn độc lập, mở ra một thời kì mới cho lịch sử đất nước.
- Là tác phẩm tổng kết đầy đủ và xác thực về diễn biến và kết quả của cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân ta chống lại cuộc xâm lược của giặc Minh.
- Là áng văn chính luận tiêu biểu, có giá trị nhiều mặt: chính trị, quân sự, văn hoá, văn học,...

***Nhiệm vụ 2: Bài tập dự án**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án

- **Yêu cầu:** Tập sưu tầm tư liệu, thuyết trình về *Bình Ngô đại cáo*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 01 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.
- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 60

**BẢO KÍNH CẢNH GIỚI (Gương báu răn mình)
(BÀI 43)
Nguyễn Trãi**

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (bài 43) muốn gửi đến người đọc: Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên, cuộc sống tươi đẹp nhưng nổi bật hơn cả là nỗi lòng lo nước thương đời của nhà thơ Nguyễn Trãi

- Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề;

- Phân tích và đánh giá được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ.

- Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của bài *Bảo kính cảnh giới*: Thơ thất ngôn chen lục ngôn, Ngôn từ, hình ảnh thơ vừa bình dị vừa giàu sức gợi hình, biểu cảm; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa.. mang lại hiệu quả nghệ thuật cao.
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).
- Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản *Bảo kính cảnh giới*.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc mở rộng

- Học sinh đọc được một số bài thơ Nôm Đường luật khác.

2. Phẩm chất

- Biết rung cảm và tinh tế trước cái đẹp.
- Yêu mến và trân trọng, biết ơn những sáng tạo nghệ thuật của cha ông
 - Bồi đắp tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, con người, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, video liên quan, phiếu học tập, bảng KWLH, bảng kiểm đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi xếp hình ảnh, tìm từ ngữ diễn giải hình ảnh có liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

***Cách 1:**

Ở bài học về tác gia Nguyễn Trãi, chúng ta được biết ở lĩnh vực văn học, Nguyễn Trãi không chỉ là một nhà văn chính luận kiệt xuất mà ông còn là một nhà thơ trữ tình sâu sắc. Em hãy kể tên những tập thơ nổi tiếng của Nguyễn Trãi? Những tập thơ đó thể hiện những vẻ đẹp gì trong tâm hồn Nguyễn Trãi?

*** Cách 2:**

GV trình chiếu cảnh vật bốn mùa và hỏi HS:

+ Trong 4 mùa, em yêu thích mùa nào nhất?

+ Nhắc đến mùa hè, thường gọi cho em những hình ảnh đặc trưng nào?

Sản phẩm:

Cách 1:

- Các tập thơ chính của Nguyễn Trãi:

+ *Ức Trai thi tập* (viết bằng chữ Hán)

+ *Quốc âm thi tập* (viết bằng chữ Nôm)

- Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua thơ: Nguyễn Trãi hiện lên vừa là một bậc anh hùng với lí tưởng cao cả, vừa là một con người trần thế với tình yêu dành nhiều cho thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc sống.

Cách 2: HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Lớp chia làm 2 đội thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện trò chơi

Bước 4: Kết luận, nhận định: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ **GV dẫn vào bài:** Nguyễn Trãi luôn cho rằng trách nhiệm của nhà cầm quyền là phải nuôi dân, chăn dân, huệ dân, làm cho dân nhanh chóng thoát khỏi đau khổ bởi sự áp bức bóc lột của bọn ngoại bang xâm lược, bởi sự tàn phá điêu tàn của chiến tranh khốc liệt. Hơn ai hết, ông thấu hiểu nỗi đau khổ của người dân vì chính ông đã từng trải qua nỗi đau li tán, trải qua những lặn lội, gian truân mà quân

thù gây ra. Điều làm ông xúc động nhất là cảnh đói cơm, rách áo của người dân. Ông cho rằng việc cấp bách nhất là phải làm sao cho dân không đói, không rách, trên cơ sở đó đưa dân đến với lễ nghĩa, đến với nếp sống có trật tự, kỷ cương. Những hoàn cảnh khác nhau cho chúng ta thấy những con người khác nhau trong cùng một Nguyễn Trãi vĩ đại. Nhưng dù thế nào thì chữ dân vẫn luôn canh cánh trong ông

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về Thơ Nôm Đường luật

a. **Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm, đặc điểm riêng biệt, ý nghĩa, thành tựu nổi bật và hình thức của Thơ Nôm Đường luật để đọc hiểu bài thơ Bảo kính cảnh giới (bài 43) của Nguyễn Trãi.

b. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút, chia sẻ nhóm để tìm hiểu về Thơ Nôm Đường luật.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT nhóm.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu về Thơ Nôm Đường luật (HS đã chuẩn bị ở nhà)

Thơ Nôm Đường luật	1. Khái niệm			
	2. Đặc điểm riêng biệt			
	3. Ý nghĩa			
	4. Thành tựu nổi bật ban đầu			
	5. Nhận xét			
HD của GV và HS		Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Yêu cầu HS đọc một bài Thơ Nôm Đường luật mà em biết. - HS chia sẻ những hiểu biết về Thơ Nôm Đường luật dựa vào kiến thức SGK tr.23 và đã tìm hiểu ở nhà. - Em có những nhận xét ban đầu gì về Thơ Nôm Đường luật? - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành Phiếu học tập 01. Tìm hiểu Thơ Nôm Đường luật		I. Tìm hiểu chung về Thơ Nôm Đường luật		
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân. - HS thảo luận cặp đôi nội dung PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà. - GV quan sát, hỗ trợ gợi ý.		Thơ Nôm Đường luật	1. Khái niệm	Là loại thơ được sáng tác theo thể Đường luật, viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XIII
			2. Đặc điểm riêng biệt	- Sáng tạo dựa trên mô hình của thơ Đường luật - Có nhiều cách tân về đề tài, thi liệu, cảm hứng, bút pháp, ngôn ngữ thơ
			3. Ý nghĩa	- Đạt được những thành tựu lớn - Góp phần quan trọng tạo nên diện mạo của nền thơ trung đại Việt Nam
			4. Thành tựu nổi bật ban đầu	Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi
			5. Nhận xét	Là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chữ Nôm và yếu tố Đường luật.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời. - Các cặp đôi khác bổ sung.				
Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.				

Hoạt động 2.2. Đọc - tìm hiểu chung về chùm thơ Bảo kính cảnh giới và tác phẩm

a. **Mục tiêu:**

- HS nắm được những kiến thức cơ bản về chùm thơ Bảo kính cảnh giới để biết đọc hiểu văn bản Bảo kính cảnh giới (bài 43).

- HS biết cách đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

b. **Nội dung hoạt động:**

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày đã chuẩn bị về chùm thơ, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân và nhóm tìm hiểu chung về chùm thơ Bảo kính cảnh giới và tác phẩm

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Phiếu học tập số 02: Tìm hiểu về chùm thơ Bảo kính cảnh giới

Xuất xứ	

Nhan đề	
Số lượng	
Nội dung	
Ý nghĩa	

Phiếu học tập số 03: Tìm hiểu chung về bài thơ *Bảo kính cảnh giới* số 43

Thể loại	Thơ Nôm Đường luật	
	Thơ Đường luật	<i>Bảo kính cảnh giới</i> số 43
	- Về số lượng câu thơ: - Về luật thơ: - Về niêm: - Về đối: - Về vần:	
Bố cục		
Nội dung khái quát		
Nhân vật trữ tình		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																		
*TT 1: Tìm hiểu về chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 02: Tìm hiểu chung về chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ thực hành phiếu học tập số 02 theo cặp đôi - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức. *TT2: Đọc và tìm hiểu chung về bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> số 43 GV hướng dẫn HS đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: đọc với giọng linh hoạt khi trong trẻo, thuần khiết; lúc chậm rãi, nhẹ nhàng, trầm tĩnh. Chú ý các câu lục, nhấn vào các động từ, tính từ, từ láy, ngắt giữa các câu hoặc chuyển ý từ hình ảnh này sang hình ảnh khác... - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá kỹ năng đọc: - Gọi 1 – 2 HS đọc và giải thích từ khó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá kỹ năng đọc diễn cảm (bên dưới).	II. Đọc - tìm hiểu chung về chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> và tác phẩm 1. Tìm hiểu chùm thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> <table><tr><td>Xuất xứ</td><td>Trong tập <i>Quốc âm thi tập</i> (254 bài)</td></tr><tr><td>Nhan đề</td><td><i>Bảo kính cảnh giới</i> (Gương báu răn mình)</td></tr><tr><td>Số lượng</td><td>61 bài</td></tr><tr><td>Nội dung</td><td> - Nội dung giáo huấn - Trần trối, suy tư về thế sự - Khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hòa mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã </td></tr><tr><td>Ý nghĩa</td><td> - Thể hiện tư tưởng, nhân cách của bậc lương thân chưa bao giờ người nổi lo dân, nước - Phản chiếu vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ </td></tr></table> 2. Đọc và tìm hiểu chung về tác phẩm a. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) b. Tìm hiểu chung về bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> số 43 <table><tr><th rowspan="2">Thể loại</th><th colspan="2">Thơ Nôm Đường luật</th></tr><tr><th>Thơ Đường luật</th><th><i>Bảo kính cảnh giới</i> số 43</th></tr><tr><td></td><td colspan="2"> - Về số lượng câu thơ: 8 câu - Về luật thơ: luật trắc (chữ thứ hai câu đầu thanh trắc). - Về niêm: bảo đảm luật về niêm (chữ thứ hai các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 cùng thanh điệu). </td></tr></table>	Xuất xứ	Trong tập <i>Quốc âm thi tập</i> (254 bài)	Nhan đề	<i>Bảo kính cảnh giới</i> (Gương báu răn mình)	Số lượng	61 bài	Nội dung	- Nội dung giáo huấn - Trần trối, suy tư về thế sự - Khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hòa mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã	Ý nghĩa	- Thể hiện tư tưởng, nhân cách của bậc lương thân chưa bao giờ người nổi lo dân, nước - Phản chiếu vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ	Thể loại	Thơ Nôm Đường luật		Thơ Đường luật	<i>Bảo kính cảnh giới</i> số 43		- Về số lượng câu thơ: 8 câu - Về luật thơ: luật trắc (chữ thứ hai câu đầu thanh trắc). - Về niêm: bảo đảm luật về niêm (chữ thứ hai các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 cùng thanh điệu).	
Xuất xứ	Trong tập <i>Quốc âm thi tập</i> (254 bài)																		
Nhan đề	<i>Bảo kính cảnh giới</i> (Gương báu răn mình)																		
Số lượng	61 bài																		
Nội dung	- Nội dung giáo huấn - Trần trối, suy tư về thế sự - Khoảnh khắc thư nhàn khi tác giả lánh xa chốn quan trường, hòa mình với thiên nhiên và nhịp sống bình dị, bình yên nơi thôn dã																		
Ý nghĩa	- Thể hiện tư tưởng, nhân cách của bậc lương thân chưa bao giờ người nổi lo dân, nước - Phản chiếu vẻ đẹp phong phú của một tâm hồn nghệ sĩ																		
Thể loại	Thơ Nôm Đường luật																		
	Thơ Đường luật	<i>Bảo kính cảnh giới</i> số 43																	
	- Về số lượng câu thơ: 8 câu - Về luật thơ: luật trắc (chữ thứ hai câu đầu thanh trắc). - Về niêm: bảo đảm luật về niêm (chữ thứ hai các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 cùng thanh điệu).																		

Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập - GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu từ khó trong văn bản. + Đọc diễn cảm (khuyến khích HS ngâm thơ) + Chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. + Tìm hiểu chú thích SGK + Hướng dẫn HS nghe đọc mẫu (GV đọc, hoặc nghe đọc mẫu hoặc ngâm thơ trên Youtube). GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 03: Tìm hiểu chung về bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43) - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi nội dung PHT số 03 - GV quan sát, hỗ trợ gợi ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phân trình bày của HS và chốt kiến thức.	- Về đối: bốn câu giữa bài thơ theo đúng quy định của luật đối ngẫu (các câu 3 và 4, 5 và 6 đối nhau). - Về vần: vần bằng và đều đặt ở vị trí cuối cùng của các câu 1, 2, 4, 6, 8 (vần chân - vần ở cuối câu thơ).		
	- Toàn bài đều là câu 7 chữ (thất ngôn). - Câu 7 chữ ngắt nhịp 4/3.	- Đan xen câu 6 chữ (lục ngôn): các câu 1 và 8 là câu thơ sáu chữ. - Có những câu 7 chữ ngắt theo nhịp 3/4	
	Bố cục	- Một vài mô hình kết cấu của thể thơ Đường luật: + 2/2/2/2; + 4/4; + 6/2.	+ Sáu dòng đầu miêu tả bức tranh cuộc sống. + Hai dòng cuối thể hiện tâm tư, ước nguyện của nhà thơ.
	Nội dung khái quát	Tình yêu thiên nhiên và nỗi lòng lo nước thương đời	
Nhân vật trữ tình	Tác giả		

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được xúc cảm, tâm tư nhà thơ.	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện sâu sắc xúc cảm, tâm tư nhà thơ.	
4	Ngâm thơ giúp người nghe như sống trong thế giới thơ ca	
5	Phổ nhạc, phối khí đem lại sức sống mới lạ cho bài thơ	

Hoạt động 2.3: Đọc hiểu chi tiết văn bản

- a. Mục tiêu:** Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản
- b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập số 4: Vẻ đẹp bài thơ Bảo kính cảnh giới (bài 43)

Câu	Nội dung	Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, âm thanh, biện pháp tu từ, nhịp điệu,..	Nhận xét
Câu 1			
Câu 2, 3, 4			
Câu 5, 6			
Câu 7, 8			
Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả			

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 4 - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới) - GV gợi ý một số hình thức thảo luận để HS tự chọn và thực hiện nhiệm vụ Chẳng hạn: - Tổ chức tọa đàm: Ước Trại tâm thượng quang Khuê tảo - Tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ thơ: Yêu thơ Ước Trại - Thiết kế trò chơi để hình thành kiến thức qua hệ thống câu hỏi GV tư vấn bộ câu hỏi để giúp HS trao đổi: 1. <i>Bảo kính cảnh giới</i> (bài 43) khác gì so với một bài thơ Đường luật thông thường về đề tài, bố cục, niêm - luật, ngôn từ, hình ảnh? 2. Tại sao lại có sự khác biệt đó? 3. Câu thơ mở đầu cho biết điều gì về cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình? 3. Tác giả sử dụng từ ngữ, chi tiết, hình ảnh, âm thanh nào để miêu tả cảnh sắc mùa hè. Chỉ ra những nét đặc sắc trong cách cảm nhận thiên nhiên và bút pháp tả cảnh của tác giả.? 4. Cuộc sống của con người được nhà thơ tái hiện qua những âm thanh, hình ảnh nào? Tìm mối liên hệ giữa khung cảnh ấy với ước nguyện của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối.? 5. Câu thơ lục ngôn thứ nhất mở đầu bài thơ có tác dụng nhấn mạnh điều gì trong cuộc sống và tâm trạng của nhân vật trữ tình? Câu lục ngôn kết thúc bài thơ có ý nghĩa gì? Nhận xét về vị trí và giá trị của các câu lục ngôn trong bài thơ. 6. Đọc bài thơ, bạn cảm nhận được điều gì về đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình - Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận (thuyết trình đơn, thuyết trình đôi, tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ yêu thơ, tổ chức trò chơi, tổ chức tọa đàm mà khách mời sẽ là những nhân vật trong thời đại của bài thơ, những nhà nghiên cứu, phê bình,... (do HS đóng vai, tham khảo tư vấn từ GV),...) - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới). Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức bằng phiếu học tập số 4 hoàn chỉnh.	III. Đọc – hiểu chi tiết văn bản - Sản phẩm của các nhóm - Phiếu học tập số 4 (bên dưới)

Phiếu học tập số 4: Về đẹp bài thơ Bảo kính cảnh giới (bài 43)

Câu	Nội dung	Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, âm thanh, biện pháp tu từ, nhịp điệu,...	Nhận xét

Câu 1	Hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi trong những ngày về ở ẩn	- Bài thơ bắt đầu bằng một câu lục ngôn + “Rời”: rảnh rỗi, nhàn hạ + “Ngày trường”: Ngày dài + Hóng mát: Hoạt động an nhàn, tĩnh tại, thư thái + Nhịp 1/2/3: Tạo cảm giác về sự thanh thoi không tự nhiên, có phần bất đắc dĩ	=> Tâm thế an nhàn, thanh thoi của tác giả.
Câu 2, 3, 4	Bức tranh thiên nhiên rực rỡ, sống động	- Các từ ngữ miêu tả màu sắc: “lục”, “đỏ”, “hồng”; - Âm thanh: tiếng ve (“dắng dỏi”) - Hình ảnh: + Cây hoè + Hình ảnh hoa lựu + Hình ảnh ao sen	=> Gọi nên bức tranh thiên nhiên tươi sáng, tràn đầy sức sống. => Cách nhìn, cách cảm nhận thiên nhiên độc đáo: => Cách miêu tả tinh tế, sinh động => Thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên của Nguyễn Trãi.
Câu 5, 6	Vẻ đẹp bức tranh cuộc sống con người	- Nguyễn Trãi dùng nhiều từ Hán Việt - Cuộc sống được cảm nhận bằng âm thanh - Từ láy: “đùn đùn”, “lao xao”, “dắng dỏi”...-> từ láy tượng thanh “lao xao” – âm thanh của những phiên chợ cá, “dắng dỏi”	=> Âm thanh của phiên chợ cá nơi làng chài, tiếng ve vang lên rộn rã => Cả thiên nhiên và con người đều hiện lên tràn đầy sức sống => Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi hòa vào thiên nhiên, vào cuộc sống bằng tất cả tình yêu tha thiết
Câu 7, 8	Tình yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi	- “Lê” là từ cổ nghĩa là mong được có - “Ngu cầm” là cây đàn của vua Nghiêu vua Thuần. - Mối liên hệ giữa bức tranh cuộc sống thanh bình với ước nguyện của nhà thơ.	=> ước muốn có được cây đàn để ca ngợi khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống vui tươi
Vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng của tác giả	- Tâm hồn tinh tế, rộng mở, tràn đầy sức sống; nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống. - Tư tưởng yêu nước, thương dân thường trực trong con người Nguyễn Trãi;		

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của “Bảo kính cảnh giới” (bài 43)? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS: Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Cá nhân chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức, rút ra kỹ năng đọc hiểu văn bản thơ Nôm Đường luật.	III. Tổng kết 1. Nội dung: Tâm hồn Nguyễn Trãi chan chứa tình yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu nhân dân, đất nước, đặc biệt là tấm lòng ái nước, thương dân của ông. 2. Nghệ thuật: - Giọng điệu trữ tình, sâu lắng, bút pháp tả sinh động - Thể thơ sáng tạo thất ngôn xen lục ngôn - Ngôn ngữ thơ phong phú, đa dạng vừa có lớp từ Hán Việt vừa có lớp từ thuần Việt tạo nên vẻ đẹp vừa trang trọng vừa bình dị - Sử dụng các điển tích, điển cố 3. Lưu ý khi đọc hiểu Thơ Nôm Đường luật: <u>Đọc hiểu nội dung</u> - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; - Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện qua văn bản; - Thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm. <u>Đọc hiểu hình thức</u> - Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của văn bản: Ngôn từ, hình ảnh thơ; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa... - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong bài thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố “phá cách” trong bài *Bảo kính cảnh giới* bài 43.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV nên dành khoảng 7 – 10 phút cuối của giờ học cho HS viết.
- GV gợi ý HS dựa vào kết quả của các hoạt động sau khi đọc để chọn một yếu tố “phá cách” (cách cảm nhận thiên nhiên, bút pháp tả cảnh, chi tiết miêu tả cuộc sống đời thường nơi làng chài, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, câu thơ sáu tiếng,...).
- GV có thể cho HS trình bày một vài sản phẩm viết và nêu nhận xét.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kỹ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích một yếu tố “phá cách” trong bài <i>Bảo kính cảnh giới</i> bài 43.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Vẫn là 8 câu theo thể bát cú; vẫn đảm bảo vẹn toàn luật trắc, niêm, đối và vần nhưng *Bảo kính cảnh giới* bài 43 của Nguyễn Trãi lại có hiện tượng đan xen câu thơ lục ngôn (sáu chữ) vào bài thơ thất ngôn (bảy chữ). Về hình thức, những câu thơ lục ngôn do bớt đi một chữ nên ngắn gọn; về nội dung, câu lục ngôn thường hàm súc, cô đọng ý tình của bài thơ. Câu thơ đầu chỉ vắn vệt với sáu từ nhưng đã khá đầy đủ về thời gian, hoàn cảnh, tâm trạng của nhà thơ. Lại thêm sự mới lạ với cách ngắt nhịp: một, hai, ba kết hợp với thanh bằng ở cuối câu làm câu thơ nghe như tiếng thở dài nhưng lại không giống lời than thở. Câu kết : “Dân giàu đủ khắp đòi phương” là một câu lục ngôn ngắn gọn nhưng thể hiện sự dồn nén cảm xúc của cả bài. Điểm kết tụ của hồn thơỨc Trai không phải ở thiên nhiên, tạo vật mà chính là ở con người, ở người dân. Nhà thơ có cả một “ngày trường” thư thái để thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên nhưng tâm lòng thì vẫn ở nơi người dân. Nguyễn Trãi mong cho dân được ấm no, hạnh phúc : “dân giàu đủ”, nhưng đó phải là hạnh phúc cho tất cả mọi người, mọi nơi: “khắp đòi phương”. Đây chính là sự phá cách đầy sáng tạo của Nguyễn Trãi, ông đã Việt hoá thơ Đường luật để “xây dựng một lối thơ Việt Nam” (Đặng Thai Mai) là thơ Nôm Đường luật.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Bài tập dự án.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Nhiệm vụ: HS dựa trên bài thơ “Bảo kính cảnh giới” bài 43 cùng những hiểu biết về cuộc đời Nguyễn Trãi, làm rõ tâm tư của ông qua một hoạt cảnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập
- GV khích lệ, giúp đỡ.
- Thời gian: 01 tuần

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Rubric thiết kế kịch bản và diễn xuất (hoạt cảnh)

Mức độ			
Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) dựa vào nội dung văn bản. (10 điểm)	Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm)	Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)	Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem. (9 - 10 điểm)

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các tác phẩm Thơ Nôm Đường luật
- Chuẩn bị bài: Văn bản 4. *Dục Thúy Sơn*

DỤC THÚY SƠN
(BÀI 43)
Nguyễn Trãi

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngũ ngôn của Nguyễn Trãi.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của thể ngũ ngôn

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản *Dục Thúy sơn*

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Đọc mở rộng

- Học sinh đọc được một số bài thơ ngũ ngôn trung đại khác.

2. Phẩm chất

- HS thể hiện được lòng kính trọng, biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, tư liệu, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về VB, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS xem video clip, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS xem Clip không lời về Dục Thúy Sơn (2 đội chơi xem xong Clip sau đó có 3 phút để viết ra các miếng dán những từ ngữ miêu tả, đánh giá hoặc những lời bình về cảnh đẹp Dục Thúy sơn)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Lớp chia làm 2 đội thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS thực hiện trò chơi

Bước 4: Kết luận, nhận định: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài:

Trong những năm tháng “bình Ngô“, Nguyễn Trãi đã từng mang gươm đi khắp mọi miền đất nước, sau này, đất nước thanh bình, ông lại mang bầu rượu túi thơ đi thăm cảnh núi sông tráng lệ. Riêng Dục Thúy Sơn đã nhiều lần in dấu ấn nhà thơ. Bởi nơi đây luôn mời gọi:

“Ai về qua đất Ninh Bình

Mà xem phong cảnh hữu tình nên thơ

Nước non, non nước như mơ
Càng nhìn Dục Thúy càng ngơ ngẩn lòng”...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc - tìm hiểu chung về tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.
- HS hiểu hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, thể thơ, kết cấu bài thơ để đọc hiểu đúng đặc trưng thể loại.

b. Nội dung hoạt động:

- HS vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân và nhóm tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu học tập số 01: Tìm hiểu chung về đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi và núi Dục Thúy

Đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi	Một số danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi	
	Ý nghĩa	
Núi Dục Thúy	Xuất xứ	
	Ý nghĩa với đời sống tinh thần người Việt	

Phiếu học tập số 02: Tìm hiểu chung về bài thơ Dục Thúy sơn

Thời điểm sáng tác		
Xuất xứ		
Thể thơ		
Kết cấu	Một số tiêu chí chung xác định mô hình kết cấu của bài thơ Đường luật bát cú:	
	Mô hình kết cấu cơ bản của một bài thơ viết theo thể Đường luật (bát cú)	
	Mô hình kết cấu “Dục Thúy sơn”	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
* Tìm hiểu chung về đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi và núi Dục Thúy Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 01 - HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS hoàn thành phiếu học tập - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập - Cặp đôi HS trình bày kết quả trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung 1. Tìm hiểu chung về đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi và núi Dục Thúy		
	Đề tài danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi	Một số danh lam thắng cảnh trong thơ Nguyễn Trãi	Côn Sơn, Bạch Đằng, Vân Đồn, Thần Phù
		Ý nghĩa	- Khám phá, ca ngợi núi sông đất Việt - Bộc lộ tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn - Gửi gắm suy tư, triết lí về lịch sử, thế sự
	Núi Dục Thúy	Xuất xứ	- Tên gọi núi Non nước – Ninh Bình - Tên Dục Thúy do Trương Hán siêu đặt vì dáng núi giống con chim trả đang tắm
Ý nghĩa với đời sống tinh thần người Việt		Được mệnh danh là núi thơ vì khơi nguồn cảm hứng cho nhiều thi nhân	

- a. Mục tiêu:** Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật văn bản
- b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và phản hồi.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập số 3: Vẻ đẹp bài thơ “Dục Thúy sơn”

Câu	Nội dung	Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp tu từ, nhịp điệu, đề tài,...	Nhận xét
Câu 1,2,3,4			
Câu 5, 6			
Câu 7, 8			

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 3 - GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới) - GV gợi ý một số hình thức thảo luận để HS tự chọn và thực hiện nhiệm vụ Chẳng hạn: - Tổ chức tọa đàm: Nguyễn Trãi với đề tài đăng sơn - Tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ thơ: Yêu thơ Ước Trai - Thiết kế trò chơi để hình thành kiến thức qua hệ thống câu hỏi GV tư vấn bộ câu hỏi để HS thực hiện chương trình: (Thành phần tham gia: MC, Nguyễn Trãi, màn hình: cảnh Dục Thúy)- do HS nhập vai 1. Thưa quan Thừa chỉ, nơi đây là Dục Thúy, ngài đã từng qua chưa ạ? 2. Ngài cảm nhận chung về Dục Thúy như thế nào ạ? 3. Viết về Dục Thúy ngài thấy nơi đây như <i>Liên hoa phù thủy thượng/Tiên cảnh trụy trần gian</i> Tại sao ngài lại cảm nhận như vậy? Do hình ảnh tạo vật gợi lên hay do cảm thức về tôn giáo đánh thức những ngôn từ đó? 4. Thưa quan Thừa chỉ, quả là Dục Thúy rất đẹp. Nhìn Dục Thúy ngài đã có liên tưởng gì khi viết Tháp ảnh trầm thanh ngọc/Ba quang kính thúy hoàn? 5. Thực sự là ngài đã rất cảm thán trước áng thơ của Trương Thiếu bảo? Ngài có thể chia sẻ một vài xúc cảm? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận, trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trên phiếu của mình - Mỗi nhóm thảo luận tìm cách thể hiện kiến thức - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày nội dung kiến thức đã thảo luận (thuyết trình đơn, thuyết trình đôi, tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ yêu thơ, tổ chức trò chơi (tham khảo tư vấn từ GV), tổ chức tọa đàm,...) - HS nhận xét lẫn nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận nhóm (bên dưới). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV lưu ý HS cách xưng hô cho phù hợp với thời thế Chẳng hạn sau khi MC phỏng vấn Nguyễn Trãi (Quan Thừa chỉ): MC: Xin cảm ơn quan Thừa chỉ đã chia sẻ những rung cảm riêng mình trước Dục Thúy sơn - GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức bằng phiếu học tập số 3 hoàn chỉnh.	II. Đọc – hiểu chi tiết Sản phẩm của các nhóm (Phiếu học tập số 3 bên dưới)

Phiếu học tập số 3: Vẻ đẹp bài thơ “Dục Thúy sơn”

Câu	Nội dung	Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp tu từ, nhịp điệu, đề tài,...	Nhận xét
Câu 1,2,3,4	Bức tranh toàn cảnh núi Dục Thúy	- Vị trí danh thắng: Nơi cửa biển - Điểm nhìn xa, có tầm bao quát rộng. - Núi Dục Thúy được tác giả ví như đoá sen nổi trên mặt nước, hình ảnh và bút pháp mới lạ, độc đáo. - Ngôn từ được sử dụng tinh xác, tạo ấn tượng:	=> Cảnh được nhìn bao quát, vừa sống động vừa thoát tục như chốn thần tiên
Câu 5, 6	Những vẻ đẹp độc đáo của Dục Thúy	- Dấu ấn riêng của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện rõ nhất qua những liên tưởng xuất hiện ở cái nhìn cận cảnh (hai câu 5 – 6). - Các chi tiết đặc sắc: + “Bóng” là hình ảnh phản chiếu của sự vật. “trâm ngọc xanh” + “Thúy hoàn” => So sánh bóng tháp hiện trên mặt nước như chiếc trâm ngọc xanh; ánh sáng sóng nước như đang soi chiếu mái tóc biếc.	=> Trâm ngọc xanh và mái tóc biếc gợi hình ảnh trẻ trung, trong sáng, trữ tình, nên thơ -> bút pháp mới mẻ của Nguyễn Trãi. => Một liên tưởng hết sức hợp lí nhưng cũng hết sức bất ngờ.
Câu 7, 8	Tâm tư của nhà thơ	- Đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”:	=> Cảnh vật còn đây, bia đá còn đây nhưng nét chữ đang mờ dần bởi rêu phủ và Trương Thiệu Bảo không còn. Nguyễn Trãi buồn, xót xa, ngậm ngùi.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của <i>Dục Thúy sơn</i>? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS: Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Cá nhân chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung: Bài thơ vẽ ra bức tranh sơn thủy nơi núi Dục Thúy đẹp tựa cảnh tiên rơi cõi tục. Bài thơ vừa là niềm say mê với thiên nhiên, vừa gợi nỗi lòng cảm hoài của Nguyễn Trãi khi nghĩ về Trương Hán Siêu – một nhà thơ có những bài kí gắn liền với núi Dục Thúy. 2. Nghệ thuật: - Tả cảnh ngụ tình - Hình ảnh thơ mỹ lệ - Hình ảnh ẩn dụ sóng đôi nhau

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ *Dục Thúy sơn*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

- Thông qua bài học, HS tự khái quát và cảm nhận về đời sống tâm hồn phong phú của Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ. Các khía cạnh cụ thể của đời sống tâm hồn ấy đều là những biểu hiện của “nét đẹp tâm hồn” nhà thơ.
- GV có thể cho HS viết đoạn văn ở nhà (nếu không đủ thời gian), nhận xét nhanh về kết quả viết của HS vào các tiết học sau. Chú ý yêu cầu về hình thức của đoạn văn. GV cũng có thể từ vấn đề trên để cấu trúc lại thành một câu hỏi trong đề thi, đề kiểm tra quá trình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kỹ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích một nét đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi được thể hiện trong bài thơ Dục Thúy sơn.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình (nếu có).
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Nguyễn Trãi đem cả tình đời, tình yêu nhuốm vào cảnh vật. Ước Trãi đã cảm xúc về đẹp của ngọn tháp, của dòng sông không phải như đứng trước một cảnh tượng hùng vĩ mà như đứng trước một thiếu nữ. Hình tượng ngọn tháp trong thơ Nguyễn Trãi là một sự kế thừa nhưng đã nâng cao lên rất nhiều, đã thành một sáng tạo vô cùng độc đáo: bóng tháp in trên dòng sông như chiếc trâm ngọc bích cài trên mái tóc dài xanh mượt của người thiếu nữ. Một liên tưởng hết sức hợp lý nhưng cũng hết sức bất ngờ. Cảnh vật không chỉ nên thơ, nên họa mà còn mang cả hồn người. Chính chất đa tình này đã làm nên vẻ đẹp độc đáo và đầy tính chất nhân văn của thơ Nguyễn Trãi, đã làm nên cá tính sáng tạo của thi sĩ. Trong bài “Cây chuối”, Nguyễn Trãi đã nhìn đọt lá chuối non qua lăng kính tình yêu để có “Tình thư một bức phong còn kín” thì ở bài “Dục Thúy sơn” tác giả cũng nhìn bóng tháp, dòng sông với lăng kính ấy. Có điều cần nói thêm về bản dịch: “Bóng tháp hình trâm ngọc. Gương sông ánh tóc huyền” đã không lột tả được màu xanh trong của trâm ngọc (thanh ngọc), màu xanh biếc của tóc (thúy hoàn) nên làm mất đi cái nhìn rất trẻ, rất đa tình của tác giả.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập trong thực tiễn.
- b. Nội dung:** HS làm việc nhóm thực hiện bài tập dự án.
- c. Sản phẩm:** Bài tập dự án.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Nhiệm vụ: HS dựa trên bài thơ “Dục Thúy sơn” và những trải nghiệm trên tranh ảnh hoặc ngoài thực tế, vẽ lại cảnh Dục Thúy sơn, làm thơ hoặc phổ nhạc

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Rubric sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật

Mức độ	Mức 1	Mức 2	Mức 3

Tiêu chí			
Sáng tác một tác phẩm nghệ thuật (thơ, họa, nhạc) dựa vào nội dung văn bản. (10 điểm)	Tác phẩm nghệ thuật đúng thể loại, đúng chủ đề (5 – 6 điểm)	Tác phẩm nghệ thuật đúng thể loại, đúng chủ đề nhưng chưa hấp dẫn (màu sắc chưa thực sự hài hòa, bố cục chưa cân xứng; câu chữ chưa trau chuốt, các nốt chưa hài hòa, giai điệu chưa cuốn hút) (7 – 8 điểm)	Tác phẩm nghệ thuật thể hiện sáng tạo về thể loại, khám phá về chủ đề, hấp dẫn, cuốn hút, mang lại cảm xúc cho người xem (màu sắc thực sự hài hòa, bố cục cân xứng; câu chữ trau chuốt, các nốt hài hòa, giai điệu cuốn hút) (9 - 10 điểm)

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học
- Tìm đọc thêm các tác phẩm thơ về cảnh trí non sông đất nước
- Chuẩn bị bài: Thực hành đọc “Ngôn chí” và “Bạch Đằng hải khẩu”

THỰC HÀNH ĐỌC

NGÔN CHÍ

(BÀI 3)

Nguyễn Trãi

I. MỤC TIÊU

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà bài thơ *Ngôn chí* (bài 3) muốn gửi đến người đọc: Bài thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên nơi thôn quê thuần khiết với tư thế an nhàn thanh thoi của một ẩn sĩ.

II. GỢI Ý

Vẽ đẹp bài thơ “Ngôn chí” (Bài 3)

Câu	Nội dung	Hình ảnh, chi tiết, từ ngữ, biện pháp tu từ, nhịp điệu	Nhận xét						
2 câu đề	Chốn ở	- Không gian: am trúc hiên mai, cội yên hà - Thời gian: ngày tháng qua => Thời gian trôi trong thâm lặng và vận hành theo quy luật => Con người bình thản trước sự trôi chảy của thời gian - Chuyện thế sự: Thị phi nào đến cội yên hà => Sử dụng một câu phủ định nhưng chính là để khẳng định tâm thế vô ưu trước thế sự, mặc kệ cho chuyện đời , mặc kệ cho thị phi ngoài kia	=> Nhân vật trữ tình thể hiện sự lựa chọn của bản thân về chốn ở của mình: đó là một thế giới riêng, một không gian riêng nơi thời gian vẫn chảy trôi bình lặng, nơi thiên nhiên thanh bình yên ả, nơi tâm thế luôn thanh thoi, vô tư lự						
2 câu thực	Ăn mặc	- Ăn uống: dưa muối - Trang phục: không cần gấm là	=>Nhân vật trữ tình đã thể hiện những nhu cầu vật chất tối thiểu của bản thân: ăn uống đạm bạc thanh sơ, áo quần không cần cao sang đài các => Ông đã chọn cho mình lối sống thanh bần, tối giản						
2 câu luận	Công việc hàng ngày	<table><tr><th>Công việc</th><th>Mục đích</th></tr><tr><td>giữ nước ao trong</td><td>để bóng trắng chiếu xuống cho đẹp mà thưởng ngoạn</td></tr><tr><td>cày đất ải nơi đầu ngõ</td><td>Để ương hoa ngắm mỗi ngày</td></tr></table>	Công việc	Mục đích	giữ nước ao trong	để bóng trắng chiếu xuống cho đẹp mà thưởng ngoạn	cày đất ải nơi đầu ngõ	Để ương hoa ngắm mỗi ngày	=> Nhân vật trữ tình nâng niu săn sóc và làm đẹp thế giới tự nhiên quanh mình và giữa thiên nhiên, tâm hồn bậc tao nhân mặc khách đó cũng trở nên tươi mới và đẹp đẽ hơn => Nhà thơ chọn lối sống gắn bó, hoà mình cùng thiên nhiên, coi thiên nhiên là nơi di dưỡng tâm hồn. Ông
Công việc	Mục đích								
giữ nước ao trong	để bóng trắng chiếu xuống cho đẹp mà thưởng ngoạn								
cày đất ải nơi đầu ngõ	Để ương hoa ngắm mỗi ngày								

			yêu mến, trân trọng và vun đắp từng mầm sống nhỏ
2 câu kết	Rung cảm hồn thơ	- Bối cảnh: Trong đêm tuyết, cảm hứng chợt đến - Hoạt động tâm hồn: Xuất thần ra thơ - > tự ngâm câu thơ của mình -> tiếng thơ ngân trong đêm	=> Nhân vật trữ tình yêu mến, đắm say trước cảnh vật thiên nhiên. Những rung cảm ấy trào dâng thành nguồn cảm hứng mãnh liệt và cuối cùng đã bật ra thành những câu thơ tuyệt bút => Hành động ngâm thơ đã cho thấy sự mãn nguyện, hài lòng với cuộc sống thanh bần mà ông đã lựa chọn
Vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn của tác giả	- Tâm hồn tinh tế, rộng mở, tràn đầy sức sống; nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống. - Lối sống thanh bạch với nhu cầu vật chất tối thiểu để giữ trọn khí tiết thanh cao		

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên vẻ đẹp của bài thơ “Ngôn chí” (Bài 3)? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS: Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Cá nhân chia sẻ trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	1. Giá trị nội dung: - Khung cảnh thiên nhiên nơi thôn dã đơn sơ, giản dị mà êm ả, thanh bình - Tư thế nhàn nhã, thanh thản, lối sống thanh bạch, thuần hậu để giữ trọn tâm hồn cao khiết 2. Giá trị nghệ thuật: - Câu thơ sáu chữ xen giữa các câu thơ bảy chữ, đặt ở dòng thứ ba, tư. - Sự kết hợp các hình ảnh thơ giản dị, gần gũi, mang đậm hơi thở của cuộc sống và những hình ảnh thơ tinh mỹ, ước lệ, thể hiện tâm hồn của thi sĩ. - Ngôn ngữ dân dã, mang giọng điệu của lời ăn tiếng nói hàng ngày trong dân gian (cơm ăn dầu có dưa muối).

THỰC HÀNH ĐỌC

BẠCH ĐĂNG HẢI KHẨU

(Cửa biển Bạch Đằng)

Nguyễn Trãi

I. MỤC TIÊU

- Nhận biết, rút ra được những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của bài *Bạch Đằng hải khẩu*: Bài thơ chữ Hán làm theo thể thất ngôn Đường luật với đề tài quen thuộc ghi dấu nhiều chiến công, thi liệu thực, gợi được những cảm xúc sâu lắng trước lịch sử trước thế sự
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các phép tu từ, chủ thể trữ tình (nhân vật trữ tình).

III. HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm hiểu chung bài thơ “Bạch Đằng hải khẩu”

Thể loại	Thơ thất ngôn bát cú Đường luật chữ Hán
Bố cục	4 phần: - 2 câu đề: Cảm hứng thơ được gợi từ quang cảnh hùng vĩ nơi cửa biển Bạch Đằng - 2 câu thực: Mô tả chi tiết địa thế hiểm trở nơi của Bạch Đằng - 2 câu luận: Tự hào về những chiến công của cha ông nơi đây vì có sự đồng thuận giữa ý trời và lòng người - 2 câu kết: Cảm khái vì cảnh cũ còn đây mà người đã thành thiên cổ

Nội dung khái quát	Về lên cảnh sông nước Bạch Đằng để qua tình yêu thiên nhiên mà gửi tình yêu đất nước, gửi niềm tự hào về mảnh đất chiến địa, mảnh đất từng lưu dấu nhiều chiến công hiển hách của cha ông; mặt khác nhà thơ còn gửi cả những nghĩ suy trăn trở về lịch sử dân tộc
Nhân vật trữ tình	Tác giả

2. Giá trị nội dung và NT

HS rút ra giá trị nội dung và nghệ thuật	1. Giá trị nội dung - “Cửa biển Bạch Đằng” ca ngợi sông Bạch Đằng hùng vĩ là mồ chôn quân xâm lược. - Nhìn dòng sông, Nguyễn Trãi tự hào về cửa ải hiểm trở, tự hào về anh hùng hào kiệt, bộc lộ lòng man mác băng khuâng. 2. Giá trị nghệ thuật - Thể thơ thất ngôn linh hoạt sáng tạo - Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc - Tả cảnh, liệt kê, so sánh, ẩn dụ, đối đặc sắc - Giọng thơ khi hào hùng, lúc trầm lắng suy tư,...

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 64	SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh.

- HS biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.

2. Phẩm chất

- Yêu mến, trân trọng và có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi để tìm thành ngữ Hán Việt gốc.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: **Đi tìm thành ngữ**

- GV trình chiếu nghĩa các thành ngữ theo cấp độ rõ dần (nghĩa bóng trước nghĩa đen, HS tìm thành ngữ Hán Việt gốc)

1. + Nghĩa đen : Học trò mặt trắng

+ Nghĩa bóng : Người học trò chưa có kinh nghiệm

=> **Đáp án: Bạch diện thư sinh**

2. + Nghĩa đen : Không vào hang hùm sao bắt được cọp con
+ Nghĩa bóng : Phải có gan mao hiểm mới làm được việc khó.
=> **Đáp án: Bất nhập hổ huyết, bất đắc hổ tử**
3. + Nghĩa đen : Chạm vào xương, ghi vào lòng.
+ Nghĩa bóng : Ghi nhớ không bao giờ quên
=> **Đáp án: Khắc cốt ghi tâm :**
4. Một ngày cũng là thầy, suốt đời mới là cha.
=> **Đáp án: Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ :**
5. + Nghĩa đen: Một cái cười đáng giá nghìn vàng.
+ Nghĩa bóng : Ca tụng một phụ nữ đẹp.
=> **Đáp án: Nhất tiếu thiên kim**
6. + Nghĩa đen: Tùy nghĩa là theo. Chồng nói, làm gì, vợ cũng làm theo.
+ Nghĩa bóng : Một quan niệm phong kiến cho là người phụ nữ phải luôn luôn phục tùng người chồng..
=> **Đáp án: Phu xướng phụ tùy**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia chơi, tìm thành ngữ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Câu trả lời đúng của HS

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn vào bài

=> Hiểu nghĩa của từ Hán Việt là cần thiết. Nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh cũng như vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc càng quan trọng

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

a. Mục tiêu: HS ôn tập và trau dồi vốn từ Hán Việt, nhận biết, giải nghĩa từ Hán Việt, hiểu được tác dụng biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh và biết vận dụng để đặt câu,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập đã hoàn chỉnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu 1:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo. Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Núi sông bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập, Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương. Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, Song hào kiệt đời nào cũng có. (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)				
STT	Từ Hán Việt	Nghĩa	Đặt câu	Tác dụng biểu đạt
1				
2				
3				
4				
5				
6				

Phiếu 2:

Ta đây: Núi Lam Sơn dấy nghĩa, Chốn hoang dã nương mình. Ngầm thù lớn há đội trời chung, Cầm giặc nước thể không cùng sống. Đau lòng nhức óc, chốc đã mười mấy năm trời; Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh;

Ngắm trước đến nay, lẽ hưng phé dẫn đo càn kỹ.
 Những trần trọc trong cơn mộng寐,
 Chỉ bắn khoản một nỗi đồ hồi.
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
 Chính lúc quân thù đang mạnh.
 Lại ngặt vì:
 Tuấn kiệt như sao buổi sớm,
 Nhân tài như lá mùa thu.
 Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần,
 Nơi duy ác hiểm người bàn bạc.
 Tầm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông,
 Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.
 Thế mà:
 Trông người người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi,
 Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.
 Phần thì giận hung đồ ngnag dọc,
 Phần thì lo vận nước khó khăn.
 Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
 Khi Khôi Huyện quân không một đội.
 Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,
 Ta gắng chí khắc phục gian nan.
 Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ pháp phới;
 Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.
 Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh;
 Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Diễn tích	Tác dụng biểu đạt

Phiếu 3:

Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt	Giải nghĩa từ
Nghĩa		
Nhân		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm các bài tập sgk - GV chia lớp thành 6 nhóm hoàn thành các phiếu học tập (Phiếu 1 nhóm 1 và 2, Phiếu 2 nhóm 3 và 4, Phiếu 3 nhóm 5 và 6) kết hợp cùng tham gia trò chơi: Khởi nghiệp ngôn ngữ - GV thành lập 2 đội chơi, mỗi đội chơi có 3 thành viên (góp từ 6 nhóm, mỗi nhóm 1 người tham gia) Trò chơi: Vòng 1: Vốn đầu tư GV hướng dẫn HS kiểm tra vốn từ Hán Việt bằng khả năng nhận diện từ Hán Việt và điền tích trong đoạn trích <i>Bình Ngô đại cáo</i> Vòng 2: Định giá đầu tư GV giúp HS kiểm tra mức độ hiểu biết từ Hán Việt thông qua việc giải nghĩa từ Vòng 3: Gọi vốn HS thể hiện vốn từ vựng cá nhân bằng cách tìm các từ Hán Việt với một yếu tố Hán Việt cho trước Vòng 4: Đầu tư HS thể hiện khả năng sử dụng từ Hán Việt thông qua việc đặt câu Đội nào trả lời được nhiều nhất và ở lại cuối cùng là đội giành chiến thắng - HS hoàn thành phiếu học tập số 1, 2 và 3 theo nhóm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi và hoàn thành phiếu học tập theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi đại diện 3 nhóm thực hiện 3 phiếu trình bày - HS nhóm còn lại nhận xét, bổ sung hoặc chuyển phiếu cho nhau dựa vào bảng kiểm đánh giá chéo - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, tổng hợp, chuẩn kiến thức	1. Bài tập 1: (Phiếu 1 bên dưới) a) Tìm và giải nghĩa một số từ Hán Việt có trong đoạn trích chưa được chú thích ở văn bản <i>Bình Ngô đại cáo</i>. b) Nêu tác dụng biểu đạt của hệ thống từ Hán Việt trong đoạn trích. c) Đặt câu với các từ: <i>nhân nghĩa, văn hiến, hào kiệt</i>. 2. Bài tập 2: (Phiếu 2 bên dưới) Đọc lại đoạn 3 của văn bản <i>Bình Ngô đại cáo</i> (từ câu “Ta đây:” đến câu “Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều”), lập bảng hoặc vẽ sơ đồ liệt kê các điển tích và nêu tác dụng biểu đạt của chúng theo gợi ý. 3. Bài tập 3,4: (Phiếu 3 bên dưới) - Hầu hết các từ có yếu tố “nghĩa” trong nguyên tác <i>Bình Ngô đại cáo</i> đã được dùng lại nguyên vẹn, không dịch ra tiếng Việt (ví dụ: nhân nghĩa). Liệt kê và giải thích ý nghĩa của các từ đó. - Tìm một số từ Hán Việt có yếu tố “nhân” được dùng với nghĩa như trong từ nhân nghĩa. Giải nghĩa các từ đó.

Phiếu 1:

<i>Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo. Như nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Núi sông bờ cõi đã chia, Phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập, Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương. Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, Song hào kiệt đời nào cũng có. (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)</i>				
STT	Từ Hán Việt	Nghĩa	Đặt câu	Tác dụng biểu đạt
1	<i>trừ bạo</i>	diệt trừ những kẻ bạo ngược, làm hại dân lành	Đó là người anh hùng chuyên trừ bạo, cứu giúp nhân dân	- Giữ được những từ ngữ mang nội

		(trừ: trừ bỏ, loại bỏ; bạo: tàn bạo).		hàm của một giai đoạn, một học thuyết (nhân nghĩa). - Làm cho văn bản trở nên ngắn gọn, súc tích.
2	<i>phong tục</i>	thói quen đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo (phong: thói quen được ưa chuộng, tục: cái được công nhận, ham chuộng).	Trải qua ngàn đời, những phong tục thôn quê đẹp đẽ vẫn được gìn giữ vẹn nguyên	
3	<i>độc lập</i>	nước có chủ quyền, không lệ thuộc vào nước khác; người tự mình tồn tại không lệ thuộc vào ai (độc: một mình, lập: đứng thẳng, gây dựng).	Nước ta là một nước độc lập	
4	<i>nhân nghĩa</i>	lòng thương người và sự đối xử với người theo lẽ phải.	Tư tưởng nhân nghĩa trong văn Nguyễn Trãi tỏa ánh sao Khuê	
5	<i>văn hiến</i>	chú thích (2) Sgk tr.11	Đất nước ta ngàn năm văn hiến	
6	<i>hào kiệt</i>	chú thích (1) Sgk tr.12	Anh hùng, hào kiệt đất ấy nổi danh	

Phiếu 2:

Ta đây:
 Núi Lam Sơn dấy nghĩa,
 Chốn hoang dã nương mình.
 Ngẫm thù lớn há đội trời chung,
 Căm giặc nước thề không cùng sống.
 Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời;
 Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.
 Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh;
 Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
 Những trăn trọc trong cơn mộng mị,
 Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi.
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
 Chính lúc quân thù đang mạnh.
 Lại ngặt vì:
 Tuân kiệt như sao buổi sớm,
 Nhân tài như lá mùa thu.
 Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần,
 Nơi duy ác hiểm người bàn bạc.
 Tâm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông,
 Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.
 Thế mà:
 Trông người người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi,
 Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.
 Phần thì giận hung đồ ngạo dọc,
 Phần thì lo vận nước khó khăn.
 Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
 Khi Khôi Huyện quân không một đội.
 Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,
 Ta gắng chí khắc phục gian nan.
 Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới;
 Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.
 Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh;
 Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Diễn tích	Tác dụng biểu đạt
1. Đau lòng nhức óc – Mượn chữ từ sách Tả truyện	Tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt gợi liên tưởng như u nhọt hận chưa nhỏ sạch, qua đó cho thấy thái độ căm giận giặc Minh.
2. Ném mật nằm gai – tích vua Đông Chu là Câu Tiễn bị cướp nước sau đó nuôi chí phục thù	Tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt, cho thấy sự kiên trì, ý chí đấu tranh không ngại gian khổ để giành lại đất nước của nghĩa quân.
3. Quên ăn – mượn chữ trong sách Luận ngữ, nói về việc khi chí ham học nổi lên thì quên cả ăn.	Ý chí miệt mài, ngấm binh thư, tìm sách lược đến quên ăn
4. Lược thao – tên cuốn sách dạy quân sự	Ý thức tìm phương án, binh thư sách lược
5. Tiến về đông – mượn chữ từ câu nói của Lưu Bang ý rằng phải tiến về phía đông chứ không ở mãi chốn cũ được.	Khao khát tiến về Đông Đô, giải phóng dân tộc
6. Dành phía tả - điển Tín Lãng Quân nước Ngụy thời Đông Chu (phía tả là phía bên phải giữ cương ngựa, dành chỗ bên trái để Hâu Doanh ngồi).	Tầm lòng cầu hiền chân thành và thái độ trung quân ái quốc
7. Dựng cần trúc (tích Hoàng Sào thuở ban đầu chưa kịp làm cờ phải giơ sào lên thay khẩu hiệu khởi nghĩa)	Ý chí vượt qua thử thách, khó khăn, gian nan, không ngại khó, ngại khổ.
8. Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào – tích khi xưa vua Sở có bình rượu quý, sai đồ xuống sông khao quân, sau Sở đánh thắng Tần	Tinh thần đoàn kết, yêu thương giữa tướng lĩnh và nghĩa quân Lam Sơn.

Phiếu 3:

Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt	Giải nghĩa từ
Nghĩa	- Nhân nghĩa:	lòng thương người và sự đối xử với người theo lẽ phải.
	- Dấy nghĩa:	tổ chức quân đội nổi lên chống lại ách thống trị, theo lẽ phải.
	- Cờ nghĩa:	cờ làm hiệu lệnh, đại diện cho quân đội theo lẽ phải.
	- Đại nghĩa:	chính nghĩa cao cả.
Nhân	- Nhân ái:	lòng yêu thương con người.
	- Nhân đạo:	lòng tốt tự nhiên của con người.
	- Nhân hậu:	có lòng thương người và ăn ở có tình nghĩa
	- Nhân từ:	có lòng thương người và hiền lành.
	- Nhân văn:	thuộc về văn hóa loài người, thuộc về con người.

Bảng kiểm đánh giá chéo

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Tìm đủ từ Hán Việt trong đoạn	
2	Giải nghĩa đúng các từ Hán Việt	
3	Đặt câu đúng ngữ pháp.	
4	Đặt câu đúng văn cảnh.	
5	Câu văn sáng tạo, hấp dẫn, sinh động	

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn cảm thụ một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, trong đó có sử dụng từ Hán Việt

c. Sản phẩm học tập: Bài tập của HS theo yêu cầu của GV (có thể cho về nhà)

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Hình thức: Làm việc cá nhân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, trong đó có sử dụng ít nhất 03 từ Hán Việt GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, viết đoạn văn - GV có thể gợi ý HS cụ thể: + Em sẽ nêu cảm nhận bài thơ chữ Hán nào của Nguyễn Trãi + Nhân vật trữ tình và những tâm tư gửi gắm? + Đặc điểm nội dung, nghệ thuật bài thơ? + Cảm nhận về một hình ảnh ẩn tượng đặc sắc trong bài thơ + Em sẽ sử dụng từ Hán Việt như thế nào với mục đích gì? Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn. Các HS khác nhận xét theo bảng kiểm Bước 4: Đánh giá kết quả GV nhận xét và cho điểm HS.	Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu: - Dung lượng đoạn văn khoảng 150 chữ; đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung của đoạn văn: cảm thụ một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi - Đoạn văn có sử dụng ít nhất 03 từ Hán Việt

Bảng kiểm đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ.	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận một tác phẩm thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, trong đó có sử dụng từ Hán Việt	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn có sử dụng ít nhất 03 từ Hán Việt	

Đoạn văn tham khảo: Cảm thụ bài thơ

Thính Vũ (Nguyễn Trãi)

*Tịch tịch u trại lý
Chung tiêu thính vũ thanh
Tiêu tao kinh khách chấm
Điểm trích sổ tàn canh
Cách trúc xao song mật
Hòa chung nhập mộng thanh
Ngâm dư hồn bất寐
Đoạn tục đảo thiên minh.*

Dịch nghĩa:

Nghe Mưa

Vắng vẻ trong phòng tối tăm,
Suốt đêm nghe tiếng trời mưa.
Tiếng náo nùng làm kinh động gối khách,
Giọt thánh thót suốt mấy canh tàn.
Cách bụi trúc tiếng khua nhặt vào cửa sổ,
Lần tiếng chuông vắng vào giấc mơ nhẹ nhàng.
Ngâm rồi vẫn không ngủ được,
Nghe đứt nối cho đến trời bình minh.

Bài thơ **ngũ ngôn bát cú** phá cách bằng cách làm lạ một cái tôi nhiều tâm trạng. Đó là một Nguyễn Trãi trong đêm mưa nơi **thư phòng** tịch tịch. Tiếng mưa rơi khi to khi nhỏ làm lay động tâm tư khách. Điều thơ như hòa vào cõi mộng, **ngâm vịnh** mãi mà vẫn không sao ngủ được. Gió thổi khóm trúc ngoài song cửa, tiếng nhặt khoan được **tác giả nhân cách hoá** thành tiếng khua cửa như đang đùa giỡn ai. Tiếng chuông ngân vắng đó đây làm cho tâm hồn **thanh tao** tĩnh lặng cũng phải thao thức cả đêm cùng tiếng

mưa dai dẳng dứt nổi cho đến sớm mai. Một Nguyễn Trãi yêu nước thương dân, **ưu thời, mẫn thế** mà giờ đây chỉ còn lại khoảng lắng tâm tư cùng tiếng mưa thánh thót. Ngoài song mưa đất trời rơi rơi. Trong **trai phòng**, nỗi niềm **ưu tư** Nguyễn Trãi đang dâng trào thao thiết...

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Tìm và sửa các lỗi dùng từ (đặc biệt là lỗi dùng từ Hán Việt) trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn.
2. Tìm và bổ sung vốn từ Hán Việt bằng cách ghi vào sổ tay từ Hán Việt và chia sẻ với các bạn để làm giàu ngôn ngữ cho bản thân.
3. Chuẩn bị bài: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (đọc bài tham khảo, trả lời câu hỏi và chuẩn bị 01 đề tài trước khi đến lớp)

VIẾT

Tiết: 62, 63

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành viết

- HS nắm được yêu cầu và cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- HS biết cách trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề xã hội bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, biết sử dụng các bằng chứng xác thực, phù hợp, thuyết phục.

2. Phẩm chất

- Biết ứng xử chuẩn mực, cảm thông, chia sẻ với đối tượng được thuyết phục

- Tin tưởng vào điều mình đang hướng tới

- Lịch lãm, tế nhị trong cách sử dụng ngôn ngữ,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, Rubric đánh giá và chỉnh sửa,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS xem clip, trả lời câu hỏi, chơi trò chơi tìm từ ngữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nêu nhiệm vụ kết hợp chia lớp thành 3 nhóm xem clip, và cho biết:	- Nội dung clip: Sống hòa mình vào thiên nhiên, cân bằng cuộc sống, sống chủ động, tự tin,... - HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân:

+ Clip trên nói về những vấn đề xã hội nào? + Tìm từ ngữ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm trước những vấn đề xã hội đó? Trong khoảng thời gian 1 phút nhóm nào tìm được nhiều từ hơn, các từ có giá trị biểu cảm cao hơn sẽ giành chiến thắng. - GV chiếu clip đề cập đến các vấn đề về: sống hòa mình vào thiên nhiên, cân bằng cuộc sống, sống chủ động, tự tin,... Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh xem video và suy nghĩ, trả lời các câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ ý kiến Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học: + Cuộc đời tươi đẹp hay chỉ toàn khổ đau, sướng vui hay chỉ toàn bất hạnh? Ai có thể định nghĩa đúng nhất về cuộc đời? Chỉ có thể sống hết mình và rồi xã hội sẽ giúp bạn hiểu... + Viết về vấn đề xã hội là cách giúp ta sống sâu hơn, suy nghĩ nghiêm túc hơn về những vấn đề nóng hổi tác động tới chính ta mỗi ngày... + Bàn luận về các vấn đề xã hội đã trở thành một nhu cầu phổ biến, tất yếu của con người hiện đại. Khi bàn luận, chúng ta không chỉ thể hiện ý kiến cá nhân mà còn muốn thuyết phục người khác đồng tình với quan điểm của mình; qua đó, góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong cộng đồng và đóng góp cho sự phát triển của xã hội. + Nếu lựa chọn hình thức bàn luận về vấn đề xã hội bằng một bài viết, chúng ta cần làm gì để đạt được những mong muốn ấy?	(Dự kiến những câu trả lời HS có thể đưa ra: - Lối sống hòa mình vào thiên nhiên: nhịp dừng tạm thời, nhìn lại bản thân, xoa dịu những thương tổn, an yên, hít thở bầu không khí trong lành, cảm nhận được sự tĩnh lặng từ bên trong tâm hồn, bao dung, lạc quan, trong sáng, thuần hậu... - Cân bằng cuộc sống: hạnh phúc và khỏe mạnh, động lực để thúc đẩy năng suất lao động, điều chỉnh nhỏ theo thời gian, thói quen mới tích cực, đầu óc được nghỉ ngơi, dành nhiều thời gian hơn để tương tác với gia đình và bạn bè, nói không với mọi thứ không cần thiết hoặc những thứ không tạo thêm giá trị cho cuộc sống của bạn, dành gian để vận động cơ thể, ở bên những người sống tích cực, biết cảm thông và luôn tự tin, dành thời gian cho chính bản thân, hạnh phúc và thúc đẩy sự sáng tạo, dành thời gian riêng cho gia đình và bạn, quan tâm đến những người bên cạnh bạn, tận hưởng niềm vui trong cuộc sống những thứ mới mẻ, những điều bạn thấy thú vị, mỉm cười, đùa giỡn, vui chơi, cảm xúc của bạn tốt lên,... - Sống chủ động: tự tin, tích cực, không ngừng sáng tạo, cống hiến, chuẩn bị cho tương lai, sống không bị động, gạt hái được nhiều thành tích cao, vạch ra cho mình những kế hoạch, mục tiêu cụ thể từ đó sống và học tập hết mình, nhạy bén với những thay đổi của xã hội, của thế giới, chăm chỉ, siêng năng, sở hữu trí tưởng tượng phong phú, lời làm việc sáng tạo và nhanh nhạy, ý lại vào người khác, sống thụ động.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** Hiểu được những yêu cầu và cách thức viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.
- b. Nội dung:** HS đọc văn bản SGK, trả lời các câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Đọc và phân tích đánh giá bài viết tham khảo: <i>Sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI (Chương Thâu)</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS: - Gọi 1 HS đọc to, rõ ràng văn bản, cả lớp chú ý theo dõi kĩ văn bản. - Yêu cầu thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi gợi ý trong SGK. Lưu ý HS dựa vào các hộp ghi chú cạnh văn bản để trả lời các câu hỏi: 1. Nhận xét về cách đặt nhan đề bài viết 2. Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào? 3. Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Đọc và phân tích đánh giá bài viết tham khảo: <i>Sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI (Chương Thâu)</i> 1. Cách đặt nhan đề: ngắn gọn, nêu được chủ đề của văn bản và thu hút được sự chú ý của người đọc 2. Hệ thống luận điểm trong văn bản: - Luận điểm 1: Nêu quan điểm của tác giả: Thế nào là sống đơn giản? - Luận điểm 2: Làm thế nào để có thể sống đơn giản? - Luận điểm 3: Khẳng định ý nghĩa của lối sống đơn giản trong cuộc sống hiện đại ngày nay 3. Các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản: - Bố cục đầy đủ, mở bài giới thiệu được vấn đề, thân bài triển khai thành các luận điểm, kết bài khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề - Lập luận chặt chẽ, có các câu văn nêu luận điểm sáng rõ, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng.

Học sinh đọc văn bản tham khảo và thảo luận trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận Cặp đôi trình bày kết quả và bổ sung cho nhau Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét và chốt kiến thức * Yêu cầu đối với văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Để viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, các em cần thực hiện các yêu cầu gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày kết quả và bổ sung cho nhau Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét và chốt kiến thức	- Kết hợp giữa các yếu tố nghị luận, biểu cảm, miêu tả. - Lời văn khách quan, khoa học, giàu sức thuyết phục. II. Yêu cầu đối với văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội - Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- Xác định rõ vấn đề xã hội cần bàn luận.
- Nêu rõ được lí do lựa chọn và quan điểm nhìn nhận của bản thân về vấn đề xã hội cần bàn luận
- Chứng minh được quan điểm của bản thân bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng lí lẽ thuyết phục và dẫn chứng chính xác đầy đủ.
- Sử dụng được những yếu tố biểu cảm để tăng sức hấp dẫn, thuyết phục cho bài văn.
- Đánh giá, khẳng định được ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

b. Nội dung: HS lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý, viết và chỉnh sửa, hoàn thiện bài nghị luận về một vấn đề xã hội

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU TÌM Ý

Các ý cần tìm	Nội dung cần đạt
Vì sao bạn muốn bàn luận về vấn đề này? Vấn đề này có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân và cộng đồng?	
Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề (đồng tình hay phản đối, ủng hộ hay cần phê phán khắc phục....)	
Bạn cần đưa ra những lí lẽ, bằng chứng gì để chứng minh quan điểm của mình là đúng đắn và thuyết phục người khác đồng tình với mình?	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Chuẩn bị viết Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS nêu một số vấn đề xã hội có tính thời sự mà HS biết hoặc quan tâm. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS chủ động lựa chọn các vấn đề xã hội phù hợp với lứa tuổi, hiểu biết,... của bản thân - HS thu thập các thông tin, bài viết, quan điểm khác nhau về vấn đề mình quan tâm, lựa chọn. (HS có thể chuẩn bị trước ở nhà) Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận HS nêu vấn đề xã hội mà mình biết/ quan tâm phù hợp với hiểu biết, lứa tuổi	III. Thực hành viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội 1. Lựa chọn vấn đề Các đề tài có thể lựa chọn: - Thái độ thờ ơ của con người đối với môi trường - Sống ở thế chủ động - Sống hòa hợp với thiên nhiên - Cân bằng trong cuộc sống - Tình yêu tuổi học trò - Sự lựa chọn thần tượng của giới trẻ - Cách sử dụng thời gian rảnh rỗi - Tình thân, trách nhiệm và thái độ hợp tác trong công việc

Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV nhận xét và định hướng HS lựa chọn những vấn đề gần gũi gũi và có ý nghĩa thiết thực để HS thực hành viết bài văn nghị luận xã hội Chặng hạn: Viết văn bản nghị luận về vấn đề: Sống ở thế chủ động	- Hiện tượng biến đổi khí hậu - Ảnh hưởng của đại dịch đối với đời sống xã hội,...
* Tìm ý Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cung cấp phiếu tìm ý để HS hoàn thiện - HS thảo luận tìm ý theo bàn Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, hoàn thành phiếu tìm ý - HS ghi chép và đánh dấu lại những vấn đề cần chú ý và trao đổi lại với GV những điểm chưa rõ. Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận - GV xem sản phẩm của HS và gọi đại diện HS báo cáo kết quả. - Các HS còn lại nhận xét, góp ý Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, kết luận	2. Tìm ý - HS tìm được ý chính cho bài văn qua việc trả lời các câu hỏi gợi ý: + <i>Thế nào là sống ở thế chủ động?</i> + <i>Ý nghĩa của lối sống ở thế chủ động? Tại sao cần phải sống ở thế chủ động?</i> + <i>Cần làm gì để có thể sống ở thế chủ động?</i>
* Lập dàn ý Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm: Dựa vào phần Tìm ý, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí thành dàn ý - Các nhóm HS thảo luận lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ 4 nhóm HS thảo luận lập dàn ý theo yêu cầu Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận - GV xem sản phẩm của HS và gọi đại diện HS báo cáo kết quả. - Các HS còn lại nhận xét, góp ý Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, kết luận	3. Lập dàn ý a. Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về vấn đề: Sống ở thế chủ động b. Thân bài - Sống ở thế chủ động là lối sống như thế nào? + Chủ động là tự mình hành động, không bị chi phối bởi người khác hoặc hoàn cảnh bên ngoài. + Sống ở thế chủ động là hành động độc lập với hoàn cảnh xung quanh, làm chủ được tình thế, dám nghĩ, dám hành động trên tất cả mọi lĩnh vực, chủ động tìm tòi, chủ động đề nghị, chủ động dần thân... - Sống ở thế chủ động đem lại ích lợi gì? Tại sao phải sống chủ động? + Cuộc sống luôn đặt tuổi trẻ vào những tình huống, thử thách phải chủ động tìm cách giải quyết; + Sống chủ động khiến con người tự tin, bản lĩnh, linh hoạt ứng xử trong mọi tình huống để vượt qua khó khăn, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ; + Tuổi trẻ chủ động sẽ không ngừng tạo được cơ hội mới khẳng định bản thân, đạt được thành công; + Xã hội có nhiều cá nhân sống chủ động sẽ tạo ra một bầu không khí dám nghĩ, dám làm, nâng cao chất lượng công việc và cuộc sống. (D/c minh họa) + Cần phê phán những bạn trẻ sống dựa dẫm, thiếu tự tin, thụ động: Sống ở thế chủ động cần thiết trong môi trường xã hội hôm nay, là một thái độ tích cực của tuổi trẻ trong thời đại toàn cầu hóa, đặc biệt không thể thiếu đối với công dân toàn cầu. - Làm thế nào để sống chủ động? - Trang bị kiến thức

	- Có ước mơ lí tưởng - Có bản lĩnh dám đương đầu c. Kết bài - Khẳng định lại vấn đề nghị luận - Nhấn mạnh sự cần thiết tất yếu của lối sống chủ động không chỉ đối với tuổi trẻ trong thời đại mới,...
* Viết bài Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết bài văn hoàn chỉnh dựa trên dàn ý đã lập Bước 3. Báo cáo, thảo luận - 4 HS ở 4 tổ (mỗi tổ gọi 1 HS) trình bày bài làm của mình. - HS còn lại theo dõi và đánh giá bài làm của bạn, sử dụng rubric đánh giá bài viết Bước 4. Kết luận, nhận xét - HS thảo luận theo nhóm và đánh giá bài làm của bạn bằng <i>rubric</i> (2 bàn 1 nhóm) - HS nêu ý kiến nhận xét, bổ sung cho bài làm của bạn - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn.	4. Viết bài - HS dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết. - Viết bài văn hoàn chỉnh đạt yêu cầu cơ bản về cấu trúc, nội dung, trình bày, diễn đạt, chính tả...: + Tôn trọng trật tự ý lớn, nhỏ + Kết hợp lí lẽ và dẫn chứng + Soi chiếu từ nhiều góc nhìn + Thuyết phục người khác đồng tình với mình + Văn phong tự tin,...
* Chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HS tự đọc lại bài viết, đối chiếu với các tiêu chí trong rubric để phát hiện những nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc và tự chỉnh sửa bài viết Bước 3. Báo cáo GV xem lại phần chỉnh sửa của HS, gọi một số HS báo cáo. GV chú ý đến nhóm HS trung bình, yếu. Bước 4. Kết luận, nhận xét GV nhận xét, tổng kết	5. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để phát hiện các nội dung cần bổ sung, các lỗi cần chỉnh sửa nhằm hoàn thiện bài viết. - Có thể tự rà soát bài viết theo các tiêu chí trong rubric để tự hoàn thiện bài

Rubrics đánh giá và chỉnh sửa bài viết

Nội dung đánh giá		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận		
Thân bài	Hệ thống luận điểm rành mạch, thể hiện rõ quan điểm cá nhân của người viết		
	Các luận điểm đã được sắp xếp hợp lí, các lí lẽ, bằng chứng đã được sử dụng một cách hiệu quả		
Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát về vấn đề nghị luận		
	Nhấn mạnh sự cần thiết tất yếu của vấn đề đối với cá nhân và cộng đồng		
Kĩ năng, trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ và đặt câu		
	Văn phong, giọng điệu được lựa chọn phù hợp với mục đích viết và đối tượng cần thuyết phục		

	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và đảm bảo mạch lạc cho bài viết		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Nêu rõ được lí do lựa chọn và quan điểm nhìn nhận của bản thân về vấn đề xã hội cần bàn luận
- Chứng minh được quan điểm của bản thân bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng lí lẽ thuyết phục và dẫn chứng chính xác đầy đủ.
- Sử dụng được những yếu tố biểu cảm để tăng sức hấp dẫn, thuyết phục cho bài văn.
- Đánh giá, khẳng định được ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận

b. Nội dung: HS vận dụng, liên hệ thực tế viết bài

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà)

Để chuẩn bị cho buổi sinh hoạt lớp, em hãy viết bài văn trình bày quan điểm về chủ đề: “*Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?*” (GV khích lệ HS chuẩn bị kết hợp trình chiếu sản phẩm)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS tìm hiểu đề, lập dàn ý và viết bài hoàn chỉnh

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài cho GV vào tiết học sau
- GV tiến hành cho HS nhận xét, góp ý lẫn nhau

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV tổng hợp các ý kiến nhận xét, góp ý, khích lệ HS chỉnh sửa, tiếp tục hoàn thiện bài viết

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thiện lại bài viết theo rubric.
- Suy tầm một số văn bản nghị luận về vấn đề xã hội để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.
- Chuẩn bị bài Nói và Nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau “*Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?*”

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 65

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS hiểu được sự cần thiết của việc trao đổi, thảo luận khi nảy sinh ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó.

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS xem clip:

<https://www.youtube.com/watch?v=pA-YVva0Fi4> (55:13)

Em đứng về quan điểm của ai trong 2 người trên?

GV chọn 2 đại diện thực hiện cuộc tranh biện nhỏ về 2 quan điểm trên bằng những lí lẽ của cá nhân

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS tham gia thể hiện quan điểm cá nhân
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

→GV dẫn dắt vào **nội dung tiết học**: Hãy luôn sẵn lòng nhìn cả hai mặt của một vấn đề. Hiểu quan điểm đối lập là cách tốt nhất để củng cố quan điểm của bạn

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu chung của bài thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Để thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau, các em cần thực hiện những yêu cầu gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên nhận xét và chuẩn yêu cầu	I. Tìm hiểu các yêu cầu của bài thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau 1. Lựa chọn được vấn đề cần thảo luận 2. Khái quát, phân tích được những ý kiến khác nhau 3. Nêu được ý kiến cá nhân 4. Tổng hợp những quan điểm thống nhất

Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

a. Mục tiêu:

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.

-HS biết lắng nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

b. Nội dung:

- HS được phân công trình bày bài nói cần lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý, chuẩn bị phương tiện hỗ trợ,...

- Người nghe cần tìm hiểu đề tài và nội dung vấn đề được thảo luận, xác định được quan điểm của cá nhân và các tiêu chí cơ bản để đánh giá vấn đề,...

c. Sản phẩm: Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS và ý kiến của người nghe về vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau

d. Tổ chức thực hiện:

2.2.1. Chuẩn bị thảo luận:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Chuẩn bị thảo luận: 1. Chuẩn bị nói: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nêu chủ đề thảo luận đã thống nhất từ tiết học trước: <i>Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?</i> * Cách 1: GV yêu cầu HS thể hiện quan điểm bằng hình thức giơ tay, sau đó chia lớp thành các nhóm: + Nhóm phụ huynh: Gồm các HS không đồng tình + Nhóm học sinh: Gồm các HS đồng tình + Nhóm Chuyên gia tâm lý học đường: GVCN (vừa đồng tình vừa không đồng tình), đề xuất phương pháp giải quyết - HS dùng kỹ thuật khăn trải bàn để ghi kết quả thảo luận, xác định quan điểm chung của nhóm, mỗi HS đều phải đưa ra luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ cho quan điểm chung của nhóm. Sau khi thảo luận, nhóm cùng hoàn thiện phiếu học tập số 1 và chuẩn bị cụ thể những phương tiện hỗ trợ khi thuyết trình * Cách 2: GV giúp HS thể hiện các ý kiến bằng một vở kịch ngắn hoặc một buổi trao đổi 3 bên giữa HS, phụ huynh, GVCN về chuyện HS yêu đương * Tình huống: - Hai HS yêu nhau, dắt nhau đi chơi, có một vài từ ngữ và cử chỉ thân mật - Phụ huynh bắt gặp - Tranh luận giữa phụ huynh và HS: + HS đưa lí lẽ bảo vệ tình yêu học đường + PH đưa lí lẽ để lên án tình yêu học đường - GVCN phân giải: Phân tích mặt được, chưa được, nên hay không nên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện trao đổi, thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn và hoàn thành <i>Phiếu học tập 1 (bên dưới)</i>. Hoặc: HS quan sát tình huống, chuẩn bị lập luận, dự kiến phương tiện hỗ trợ để thảo luận theo các nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức cuộc trao đổi 3 bên về vấn đề hoặc gọi bất kì HS thuộc các nhóm bày tỏ quan điểm bằng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục Bước 4: Đánh giá, kết luận	II. Chuẩn bị thảo luận 1. Chuẩn bị nói: a. Lựa chọn đề tài: - Vấn đề thảo luận: <i>Nên hay không nên yêu ở tuổi học trò?</i> b. Tìm ý và sắp xếp ý: - Đồng tình: + Do sự phát triển tâm sinh lí lứa tuổi + Tình yêu học trò đem lại những xúc cảm mới + Tình yêu học trò là nguồn động lực giúp mỗi người hạnh phúc, yêu đời và vươn lên trong học tập, trong cuộc sống,... - Không đồng tình: + Tuổi còn nhỏ, cần tập trung vào học hành + Chưa đủ trưởng thành về tâm, sinh lí + Có những hiểm họa khôn lường,... - Vừa đồng tình vừa không đồng tình: - Kết hợp lí lẽ của 2 quan điểm trên c. Xác định từ ngữ then chốt: - Quan điểm (quan điểm của tôi/chúng tôi là,...), - Góc độ (tôi/chúng tôi nhìn nhận vấn đề theo một góc độ khác với bạn/các bạn,...), - Khía cạnh (còn một khía cạnh khác cần phải chú ý là,...), - Cách tiếp cận vấn đề, quan điểm chung, theo tôi/chúng tôi, tôi/chúng tôi cho rằng, - Góc nhìn khác biệt,... d. Phương tiện hỗ trợ Tranh, ảnh, trích đoạn phim ngắn từ phim tài liệu, bài hát, biểu đồ,... VD: Bài hát “Hoa sữa” (Sáng tác: Hồng Đăng) “Sao em nở vội lấy chồng” (Sáng tác: Trần Tiến, phỏng thơ “Lá Diêu Bông” của Hoàng Cầm),... 2. Chuẩn bị nghe: - Tìm hiểu đề tài, nội dung vấn đề đưa ra để thảo luận - Xác định rõ quan điểm cá nhân trong cách nhìn nhận và đánh giá vấn đề - Hình dung cụ thể về tiêu chí đánh giá - Chuẩn bị phương tiện ghi chép để có thể ghi lại thông tin trong quá trình nghe và dự kiến nội dung sẽ thảo luận, chẳng hạn:

GV sử dụng <i>Rubrics 1</i> đánh giá <i>Phiếu học tập số 1</i> (bên dưới) và góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm. 2. Chuẩn bị nghe Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trả lời cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị nghe. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.	+ Bạn quan niệm thế nào là một tình yêu đẹp? + Khi yêu mà cả hai cùng bị ảnh hưởng bởi học tập thì đó có còn là tình yêu đẹp nữa không? + Theo bạn tình yêu là chuyện của trái tim hay lý trí? + Khi yêu mà bố mẹ không đồng ý thì bạn sẽ giải quyết như thế nào? + Bạn có nghĩ rằng: “Tình yêu tuổi học trò mới là đẹp nhất”?,...

2.2.2. Thảo luận:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV gọi đại diện 3 nhóm: 1 nhóm đồng tình, 1 nhóm không đồng tình, 1 nhóm vừa đồng tình vừa không đồng tình (nếu có đầy đủ) - HS đại diện lên thuyết trình. Lưu ý HS chú ý sử dụng giọng điệu, tư thế, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp. + Mỗi nhóm có 5 phút trình bày quan điểm. + Sau đó các nhóm còn lại bổ sung nếu đồng tình và đặt câu hỏi tranh biện nếu phản đối (đặt câu hỏi cho đối phương và giải đáp câu hỏi của đối phương để bảo vệ quan điểm) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện thuyết trình và lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi thảo luận Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận Đại diện các nhóm lên thuyết trình và thảo luận Bước 4. Đánh giá, kết luận GV sử dụng <i>Rubrics 2. Đánh giá phần thuyết trình tranh biện của các nhóm</i> (bên dưới) để đánh giá HS và lựa chọn nhóm có phần thuyết trình, tranh biện thuyết phục nhất.	III. Thảo luận 1. Người nói: - Trình bày bài nói • Tạo không khí và quan hệ giao tiếp như: tự giới thiệu họ tên, sử dụng ngôi phù hợp trong giao tiếp • Trình bày bài nói + Giới thiệu vấn đề cần thảo luận + Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề thảo luận + Trình bày được ý kiến, quan điểm + Mở rộng nâng cao • Sử dụng cách diễn đạt phù hợp, linh hoạt. Cần dùng một số từ ngữ then chốt khi thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau • Đáp ứng được các yêu cầu về tính mạch lạc, thuyết phục: Nêu rõ được quan điểm của nhóm, đưa ra những lập luận, lí lẽ logic, chặt chẽ và dẫn chứng thuyết phục;... • Sử dụng giọng điệu, ngữ điệu thích hợp truyền cảm kết hợp với ngôn ngữ hình thể để thu hút người nghe. • Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, âm thanh,...(nếu có thể) - Trao đổi + Lắng nghe với thái độ tôn trọng, tinh thần cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc ý kiến của người nghe + Trả lời và giải thích ngắn gọn, rõ ràng các câu hỏi, ý kiến của người nghe 2. Người nghe - Lắng nghe và ghi chép + Lắng nghe để nắm bắt quan điểm, ý kiến của người nói + Sắp xếp các thông tin thu nhận được trong khi nghe và ghi chép những ý chính của người nói + Ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi với người nói - Trao đổi + Thể hiện tôn trọng quan điểm của người nói và tinh thần cởi mở, chia sẻ tích cực + Trao đổi những điều bạn chưa rõ hoặc chưa thống nhất với ý kiến, quan điểm của người nói

Phiếu học tập số 1

NHÓM:.....	Quan điểm chung của nhóm:.....

Luận điểm 1:	Luận điểm 2:	Luận điểm 3	Luận điểm n
Luận cứ 1:	Luận cứ 2:	Luận cứ 3:	Luận cứ n
Luận chứng 1:	Luận chứng 2:	Luận chứng 3:	Luận chứng n

Rubrics 1. Đánh giá hoạt động nhóm

Cấp độ Tiêu chí	Tốt (4 điểm)	Khá (3 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Cần điều chỉnh (1 điểm)
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép	Tham gia nhưng thường lảng phí thời gian và ít khi làm việc	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

Rubrics 2. Đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục				
Lập trường vững vàng				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh)				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Tương tác tốt với người nghe				

Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Điều bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp...				

3. HOẠT ĐỘNG 3: Củng cố, mở rộng (Cả bài 6)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoàn thành:

Bảng tổng hợp về văn thơ Nguyễn Trãi

Mảng sáng tác	Tác phẩm tiêu biểu	Đặc điểm cơ bản về thể loại	Đóng góp của Nguyễn Trãi
Văn chính luận			
Thơ chữ Hán			
Thơ chữ Nôm			

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và định hướng

Bảng tổng hợp về văn thơ Nguyễn Trãi

Mảng sáng tác	Tác phẩm tiêu biểu	Đặc điểm cơ bản về thể loại	Đóng góp của Nguyễn Trãi
Văn chính luận	<i>Bình ngô đại cáo, Quân trung từ mệnh tập</i>	- Luận đề sáng rõ, hệ thống luận điểm chặt chẽ. - Lập luận chặt chẽ; kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng - Giọng điệu khách quan, khoa học, thuyết phục - Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong một bài văn nghị luận	- Sáng tác của Nguyễn Trãi được coi là tập đại thành của văn học nước nhà, trải dài trên nhiều thể loại, và ở thể loại nào Nguyễn Trãi cũng để lại những kiệt tác.
Thơ chữ Hán	<i>Ức trãi thi tập</i>	- Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách thuần thục thể thơ Đường luật trong các tác phẩm của mình: + Mỗi bài thơ gồm có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. + gieo vần ở cuối câu 1,2,4,6,và 8; chủ yếu gieo vần bằng + Mỗi bài thơ thuộc thể bằng hoặc thể trắc (tiếng thứ hai của câu thứ nhất là vần bằng hoặc vần trắc). + Đảm bảo đúng luật bằng - trắc: “nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh”, tức tiếng thứ 2 và tiếng thứ 6 trong dòng thơ phải khác thanh với tiếng thứ 4. + Niêm luật: gieo thanh của câu 1 giống với câu 8 (bằng - trắc - bằng), câu 2 giống câu 3 (trắc- bằng - trắc), câu 4 giống câu 5 (bằng - trắc - bằng), câu 6 giống câu 7 (trắc - bằng - trắc). + Bài thơ kết cấu theo 4 phần: 2 câu Đề, 2 câu Thực, 2 câu Luận, 2 câu Kết + Luật đối: đối thanh và đối nghĩa giữa câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6. - Ông sáng tạo ra một thể thơ riêng của dân tộc đó là thể thơ thất ngôn xen lẫn lục ngôn. - Nguyễn Trãi sử dụng rất nhiều những hình ảnh thân thuộc, bình dị của đời sống, khác với văn chương trung đại tôn thờ ở những hình ảnh mỹ lệ, kỳ vĩ tượng trưng. Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi không chỉ là những cảnh kỳ vĩ, hùng tráng mà còn có cả những cảnh giản dị, đời thường.	- Nguyễn Trãi đã góp phần làm phong phú kho tàng văn chính luận bằng những tác phẩm đạt đến độ mẫu mực. - Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách thuần thục thể thơ Đường luật trong các tác phẩm của mình, đồng thời sáng tạo ra một thể thơ riêng của dân tộc đó là thể thơ thất ngôn xen lẫn lục ngôn. - Về các lĩnh vực khác: + Lịch sử với cuốn “Lam Sơn thực lục” + Địa lý với cuốn “Dư địa chí” + Quân sự, chính trị với tập “Quân Trung
Thơ chữ Nôm	<i>Quốc âm thi tập</i>		

		- Ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Trãi đậm đà màu sắc dân tộc; ông sử dụng rất nhiều những từ láy, thành ngữ, tục ngữ, thi liệu từ trong ca dao.	từ mệnh tập”, “Bình Ngô sách”,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 6)

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đề xuất HS thực hiện dự án: **Nguyễn Trãi – danh nhân văn hóa**

GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ

Yêu cầu: Sưu tầm, tìm hiểu, sáng tác (làm thơ, vẽ tranh, chụp ảnh, thực hiện các clip phỏng vấn, clip tọa đàm về Nguyễn Trãi,...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.
- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất
- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Tìm đọc thêm các tác phẩm của Nguyễn Trãi theo đặc trưng thể loại
2. Chọn viết về một đề tài xã hội có ý kiến khác nhau, từ đó lập dàn ý cho bài thuyết trình và tập thuyết trình
3. Chuẩn bị bài 7: Quyền năng của người kể chuyện (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc các văn bản, tóm tắt và trả lời câu hỏi trong SGK

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

BÀI 7

QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* (Trích *Những người khốn khổ*, Vích-to Huy-gô)

VB 2: *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

VB 3: Một chuyện đùa nho nhỏ (An-tôn Sê-khốp)

- Thực hành đọc: *Con khướu số lông* (Trích- Nguyễn Quang Sáng)

2. Thực hành Tiếng Việt: Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê

3. Viết: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

4. Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết – KHGD

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Tham khảo các tài liệu:

1. Vích-to Huy-gô – Victor Hugo (1987), Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn, Đỗ Đức Hiểu dịch, *Những người khốn khổ*, NXB Văn học, Hà Nội.

2. Thạch Lam (2000), Thạch Lam – tác gia và tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội

3. An-tôn Sê-khốp – Anton Chekhov (1988), Truyện ngắn (Phan Hồng Giang dịch), NXB Cầu Vồng, Mát-xcơ-va (Moskva)

4. Trần Đình Sử (2018), Dẫn luận thi pháp học văn học, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội

- Sử dụng các phương tiện dạy học:

+ Giáo án, máy tính, máy chiếu, một số slide thể hiện nội dung bài dạy và hình ảnh minh họa có thể trình chiếu để tổ chức dạy phần Đọc và Viết.

+ Các bức ảnh chân dung, video có liên quan đến phần giới thiệu tác giả và tác phẩm.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung

Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết: 67, 68, 69

VĂN BẢN 1: NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN

(Trích “*Những người khốn khổ*”)

Vích-to Huy-gô

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.

Đọc hiểu hình thức

- HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Vích-to Huy-gô

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc mẫu chuyện nhỏ:

Mày biết tao là ai không? Do you know who I am?

Cho mãi đến mấy hôm trước, tôi mới tìm ra được câu trả lời cho một câu hỏi tôi bị hỏi từ hơn ba mươi lăm năm trước.

...

Tại quầy bên cạnh cổng 112, một tiếp viên dưới đất của công ty đang cố giải quyết những yêu cầu, khiếu nại của khách hàng thì bỗng nhiên một hành khách có vẻ tức tối lắm, lần lên phía trên, len qua mặt mấy người khác và ném tằm vé lên quầy.

Ông ta nói lớn rằng ông ta muốn được cho bay chuyến sớm nhất và phải xếp cho ông ta ngồi hạng nhất.

Người tiếp viên trả lời rằng cô xin lỗi về những phiền nhiễu mà chuyến bay gây ra cho ông, nhưng cô cũng phải giải quyết những hành khách tới trước và hứa là sẽ giúp ông khi đến lượt ông.

Nhưng ông khách không bằng lòng, ông hỏi như hét vào mặt cô, rõ ràng là để cho các hành khách khác cũng nghe được. Ông hỏi đúng câu mà tôi cũng bị hỏi mấy lần: “Cô biết tôi là ai không?” (Do you know who I am?).

Thì ra người Mỹ, trẻ và xinh như cô tiếp viên cũng bị hạch hỏi bằng câu đó chứ chẳng riêng gì tôi. Tôi liền cố lắng tai nghe xem cô tiếp viên ở quầy trả lời như thế nào để biết mà ứng phó sau này.

Người phụ nữ này, vẫn tươi cười, cầm chiếc micro của hệ thống khuếch âm lên và nói lớn bằng giọng rành rẽ rằng: “Ở quầy 112, có một vị hành khách không biết mình là ai, quý hành khách ai có thể giúp ông ta biết được căn cước hay thân thế của ông, xin tới quầy 112.”

Ông khách tự nhiên, vì chính câu hỏi của ông, biến thành một bệnh nhân tâm thần, một người mắc Alzheimer, một người lãng trí, tâm lý, thần kinh thác loạn, lẫn lộn bản thể, không còn nhớ mình là ai, tên gì, ở đâu nữa. Và lúc ấy thì đám hành khách đang sốt ruột đứng trước quầy đều phá ra cười...

(Sưu tầm)

Trả lời câu hỏi:

- Câu chuyện trên bàn về điều gì? Em có hay gặp những chuyện như trên?
- Em thấy vị khách là người thế nào?
- Em có đồng ý với cách cư xử của tiếp viên không?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc mẩu chuyện, suy nghĩ trả lời các câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Câu trả lời của HS và ý kiến của các HS khác

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

➔**GV dẫn vào bài:** Câu chuyện trên bàn về cách ứng xử của những người tỏ ra uy quyền bằng câu nói: *Mày biết tao là ai không?* Đây là chuyện ta thường gặp trong cuộc sống. Qua cách ứng xử ta có thể biết được tính cách của con người...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba, điểm nhìn, lời kể chuyện và lời nhân vật, tác phẩm văn học và người đọc, cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận nhóm, trình bày một phút để nhận diện kiến thức dưới dạng trò chơi nối cột A với cột B

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV hướng dẫn HS nhận diện kiến thức dưới dạng trò chơi nối cột A với cột B

A. Các yếu tố truyện		B. Đặc điểm
Ngôi kể	Ngôi thứ nhất	người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương.
	Ngôi thứ ba	lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật.
Quyền năng của người kể chuyện		tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra.
Lời người kể chuyện		thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học.
Cảm hứng chủ đạo		người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện trò chơi nối cột A với cột B Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chơi trò nối cột dưới sự hướng dẫn của GV Bước 3: Báo cáo, thảo luận	I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn 1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba - Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương. - Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể. - Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự

- HS dựa vào kiến thức đã chuẩn bị để trả lời. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Nhận xét về câu trả lời - Chốt lại kiến thức trọng tâm	việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. - Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học. 2. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả
- HS hiểu được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Vích-to Huy-gô
- HS nắm được hoàn cảnh ra đời, tóm tắt được tác phẩm, xác định vị trí đoạn trích, nội dung bao trùm, tâm vóc, giá trị của tác phẩm

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm ở nhà trước để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm, đoạn trích học) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích 1. Tác giả Vích-to Huy-gô (1802-1885) a. Cuộc đời và con người: - Ông sống trong một thời đại nước Pháp đầy bão tố rồi ren về chính trị, mâu thuẫn chất chồng. - Gia đình của ông vô cùng phức tạp và mâu thuẫn lẫn nhau: trong khi cha là người chiến sĩ trẻ thì mẹ lại là người ủng hộ cho phái bảo hoàng. - Ông là một nhà cách mạng có tư tiến bộ và lỗi lạc. - Con người ông mang một niềm khát khao tự do và trái tim tràn đầy yêu thương. b. Sự nghiệp: - V. Huygô là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch. - Ông là một trong những nhà văn lãng mạn lớn nhất của văn học pháp thế kỉ XIX. - Ở lĩnh vực nào ông cũng hái được thành công và vinh dự khi được người đời gọi là “thần đồng thơ ca”, “người khổng lồ” và “một thiên tài sáng tạo”. - Phong cách sáng tác hướng ngòi bút vào những người khốn khổ, phát hiện những mâu thuẫn của xã hội và giải quyết trên nguyên tắc tình thương. Là nhà văn tiêu biểu của chủ nghĩa lãng mạn không tưởng. - Các tác phẩm tiêu biểu (SGK) 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác - Ngay từ 1829, V.Huy-gô đã có ý định viết một cuốn tiểu thuyết về người tù khổ sai. Sau năm 1830 Huy-gô đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội (phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, những bất công xã hội, sự sa đoạ của con người). Huy-gô bắt tay vào việc sưu tầm tài liệu và bắt đầu viết bộ tiểu thuyết này vào năm 1840, thoạt đầu gọi là “<i>Những cảnh cùng khổ</i>” và hoàn thành vào năm 1861. - Được xuất bản năm 1862. b. Tóm tắt tác phẩm (SGK) c. Giá trị của tác phẩm - Giá trị hiện thực - Giá trị nhân đạo 3. Vị trí đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”

Hoạt động 2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.
- HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* HD: Đọc văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phân vai: một em đọc phần tóm tắt ở đầu đoạn trích và lời người kể chuyện, ba em còn lại lần lượt đọc lời của Giăng Van-giăng (Jean Valjean), Gia-ve (Javert), Phăng-tin (Fantine). - GV nhắc HS chú ý các thể ở bên phải văn bản Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS nhập vai đọc văn bản Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản - Giọng đọc cần thể hiện được tính biểu cảm phong phú của lời kể chuyện; làm rõ được hoàn cảnh, vị thế, tính cách từng nhân vật, cách thể hiện uy quyền khác nhau giữa nhân vật Giăng Van-giăng và Gia-ve qua lời đối thoại. - Chú ý các thể ở bên phải văn bản để dễ dàng nhận biết tình huống và diễn biến đầy kịch tính của câu chuyện, sự thay bậc đổi ngôi trong quan hệ giữa các nhân vật, đặc điểm lời lẽ của từng nhân vật, các sắc thái khác nhau của lời kể,...
* HD: Khám phá văn bản a. Tình huống và bố cục đoạn trích Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận nhóm đôi: - Xác định tình huống trong đoạn trích? - Có thể chia đoạn trích làm mấy phần? Hãy xác định mối liên hệ giữa các phần ấy. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Khám phá văn bản a. Tình huống và bố cục đoạn trích * Tình huống đoạn trích - Gia- ve đến bắt Giăng- Van- giăng - Phăng- tin đang ôm nặng chứng kiến cảnh người bảo trợ của mình bị bắt sợ hãi đến chết. - Giăng- Van- giăng vốn là thị trưởng thì giờ đây lại là tù khổ sai. Gia- ve trước đây vốn dưới quyền Giăng Van- giăng giờ đây ra oai hách dịch * Bố cục: hai phần - Phần đầu từ câu “Từ ngày ông Ma-đơ-len (Madeleine) gỡ cho Phăng-tin thoát khỏi bàn tay Gia-ve, chị không gặp lại hân hân nào nữa” đến câu “Phăng-tin đã tắt thở”. → nghe những lời lẽ của Gia-ve nói về “ông thị trưởng Ma-đơ-len” đồng thời chứng kiến hành động đầy quyền uy của hắn, Phăng-tin hoảng sợ, ngã đập đầu vào thành giường và tắt thở. - Phần còn lại: Giăng Van-giăng thể hiện thái độ quyết liệt khiến Gia-ve phải sợ hãi, nhờ đó, ông ngồi xuống thì thầm bên tai Phăng-tin những lời cuối cùng và sửa soạn cho người đã chết. ► Hai phần có quan hệ nhân quả. Chính thái độ, lời lẽ và hành động của Gia-ve đã gây ra cái chết của Phăng-tin, đúng như Giăng Van-giăng khẳng định: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi

b. Các nhân vật trong truyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS tập trung thảo luận nhóm về các vấn đề sau: 1. Chân dung của các nhân vật (hành động, lời nói, tính cách, thái độ,...) 2. Uy quyền của các nhân vật 3. Thái độ của người kể chuyện với nhân vật 4. Cảm nhận của người đọc đối với nhân vật Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS chọn màu sắc để chia nhóm: - Màu đỏ: Gia-ve - Màu xanh: Giăng Van Giăng 2 nhóm tự chia thành 4 nhóm nhỏ để thảo luận từng vấn đề trên sau đó thống nhất kết quả chung GV khuyến khích HS lựa chọn hình thức thảo luận (ghi lại kết quả trên phiếu học tập, giấy A0 hoặc vẽ tranh minh họa kèm lời bình,...) Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS, phát thưởng hoặc cho điểm HS. - Chuẩn kiến thức	đó”. Và cũng chính sự hung hăng, sắt đá của Gia-ve (quyết bắt Giăng Van-giăng) đã buộc ông phải giật một thanh sắt từ cái giường, lăm lăm trong tay, ngăn sự quấy rầy của Gia-ve để thực hiện bổn phận lương tâm đối với Phăng-tin. b. Các nhân vật trong truyện * Nhân vật Giăng Van- giăng - Thái độ và cách ứng xử với Phăng-tin + Thấy Phăng-tin sợ hãi khi đối mặt với Gia-ve, Giăng Van-giăng nói với Phăng-tin “bằng một giọng nhẹ nhàng và điềm tĩnh: “Cứ yên tâm. Không phải nó đến bắt chị đâu”. + Giăng Van-giăng hạ mình cầu xin Gia-ve thư cho ba ngày để đi tìm con gái của Phăng-tin, hết bao nhiêu tiền cũng trả, nếu cần, Gia-ve có thể đi kèm. + Giăng Van-giăng kết tội Gia-ve: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”. + Giăng Van-giăng giật thanh sắt từ cái giường cũ, ngăn cản sự quấy rầy của Gia-ve để ngồi xuống bên Phăng-tin, nói lời yên ủi và sửa soạn cho chị. → Nhận xét: Qua các chi tiết trên, có thể nhận thấy, Giăng Van-giăng đã thấu hiểu, xót thương vô hạn trước nỗi đau và sự bất hạnh của Phăng-tin. Trong tình huống đối mặt với Gia-ve, dù sắp bị bắt nhưng ông hoàn toàn không bận tâm số phận của bản thân, chỉ dành trọn sự quan tâm, lo lắng cho Phăng-tin. Phăng-tin chết đau đớn trước khi gặp lại đứa con gái tội nghiệp khiến Giăng Van-giăng tự thấy mình có phần trách nhiệm. → Hành động nói với người đã khuất: Giăng Van-giăng đã nói những gì với Phăng-tin? Khó có thể trả lời dứt khoát câu hỏi đó. Chính người kể chuyện ngôi thứ ba (kiểu người kể chuyện toàn tri) mà vẫn không thể biết hết mọi điều: “Ông nói gì? Con người khổ sở ấy có thể nói gì với người đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? [...] Kẻ đã chết có nghe thấy không?”. Ta biết rằng, mối quan tâm cuối cùng của Phăng-tin không phải là sự sống chết của bản thân, mà là số phận của đứa con gái tội nghiệp. Khi nghe Giăng Van-giăng xin Gia-ve ba ngày để đi tìm Cô-dét (Cossette), Phăng-tin đã run lên bần bật vì biết con gái mình chưa có mặt ở đây như lời người ta đã nói. Phăng-tin chết khi chưa được gặp con đã khiến Giăng Van-giăng cảm thấy hết sức ân hận, khổ sở. Có thể suy đoán rằng, những lời thì thầm cuối cùng của ông bên tai Phăng-tin là lời hứa bảo vệ Cô-dét. Chỉ những lời như thế mới có thể tác động một cách kì lạ, khiến Phăng-tin – một người đã chết – vẫn mỉm cười và gương mặt “sáng rỡ lên một cách lạ thường”. - Ngôn ngữ và thái độ với Gia-ve + Ban đầu, Giăng Van-giăng nói năng bình tĩnh, không chút sợ hãi, mặc dù ông biết mình đã rơi vào tay Gia-ve: “Tôi biết là anh muốn gì rồi”. + Khi Gia-ve cầm cổ áo ông (hành động khiến Phăng-tin “tưởng như cả thế giới đang tan biến”), Giăng Van-giăng không gỡ tay hẳn ra, mà chỉ gọi trăn trui, đích danh “Gia-ve...” với tất cả sự coi thường. + Nhưng rồi, vì muốn được đi tìm con gái cho Phăng-tin, Giăng Van-giăng sẵn sàng hạ mình trước kẻ mà ông khinh bỉ: “Thưa ông, tôi muốn nói riêng với ông câu này”, “Tôi cầu xin ông có một điều...”. + Trước sự việc đau thương xảy ra ngoài ý muốn: Phăng-tin ngã đập đầu vào thành giường vì tuyệt vọng, Giăng Van-giăng đã kết

c. Người cầm quyền khôi phục uy quyền Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Trong đoạn trích <i>Người cầm quyền khôi phục uy quyền</i>, nhân vật nào thật sự có uy quyền? Là Gia-ve hay Giăng Van-giăng? Do đâu bạn khẳng định như vậy?	tội Gia-ve một cách đanh thép: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”. + Muốn có không khí tĩnh lặng để thì thầm những lời cuối cùng với linh hồn Phăng-tin và sửa soạn cho chị, ông không ngần ngại thể hiện thái độ cứng rắn trước Gia-ve: cầm thanh sắt và nói một câu tưởng nhẹ nhàng mà chứa đầy sức mạnh của một người có thể làm bất cứ điều gì khi cần thiết: “Tôi khuyên anh đừng có quấy rầy tôi lúc này”. Chính câu nói đó đã khiến Gia-ve phải run sợ. + Mọi việc xong xuôi, Giăng Van-giăng đã chấp nhận tình thế một cách chủ động, bình tĩnh: “Giờ anh muốn làm gì thì làm”. Ấy là câu nói của một người sẵn sàng đi vào cuộc tuần nạn. → <i>Như vậy, ngôn ngữ và thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve thay đổi liên tục, gồm đủ sắc thái, cung bậc, nhưng rất phù hợp, bởi đó là hệ quả sự tác động của tình huống, nhất là từ cách hành xử tàn nhẫn của chính Gia-ve.</i> * Nhân vật Gia-ve – Bộ mặt gớm ghiếc, đáng sợ. – Thái độ đắc thắng khi cảm thấy cuộc săn đuổi Giăng Van-giăng – một đối thủ xứng tầm – đã kết thúc (“Phá lên cười; Ở đây làm gì còn có ông thị trưởng nữa!”). – Giọng nói hách dịch, “man rợ, điên cuồng”. – Cái nhìn lạnh lùng, độc ác “như có móc, móc vào người”, như “đi thâu vào đến tận xương tủy” của đối thủ. – Hành động trịch thượng (“túm cổ áo Giăng Van-giăng”), muốn đối thủ khuất phục trước quyền uy của mình (“Gọi ta là ông thanh tra”). – Muốn thể hiện ta đây làm việc minh bạch, không khuất tất (“Nói to, nói to lên! Ai nói gì với ta thì phải nói to!”). – Với sự vô cảm, vô tình, Gia-ve đã gián tiếp gây ra cái chết của Phăng-tin (qua kết luận đanh thép của Giăng Van-giăng). – Sợ hãi trước thái độ cứng rắn của Giăng Van-giăng (“Sự thật Gia-ve run sợ”). → <u>Nhân xét:</u> + Như vậy, dưới ngòi bút của Vích-to Huy-gô, Gia-ve hiện lên như một kẻ không tim. Đó là một “cỗ máy”, một thứ công cụ phi nhân tính, chỉ biết thực thi phận sự một cách tàn nhẫn, lạnh lùng, không có tình người. + <i>Khi nói về Gia-ve, người kể chuyện không giấu giếm thái độ căm ghét. Qua lời kể hoặc qua cách nhìn của nhân vật khác trong tác phẩm, con người Gia-ve được định danh bằng những cụm từ như: “bộ mặt gớm ghiếc”, “tên chó săn Gia-ve”; “không phải là tiếng người nói mà là tiếng ác thú gầm”... Toàn bộ con người Gia-ve toát lên vẻ độc ác, tàn nhẫn, lạnh lùng. Ấn tượng đó được tạo nên bởi cách tái hiện nhân vật của người kể chuyện</i> c. Người cầm quyền khôi phục uy quyền * Đoạn trích miêu tả uy quyền của hai nhân vật: Gia-ve và Giăng Van-giăng. Mỗi nhân vật có cách thể hiện uy quyền riêng của mình. - Uy quyền của Gia-ve: Gia-ve là người của nhà nước, một viên thanh tra đang thực thi pháp luật. Bấy lâu, Gia-ve nghi ngờ ông thị trưởng Ma-đơ-len chính là người tù khổ sai Giăng Van-giăng – người mà hắn đề cả một đời để tìm kiếm. Giờ đây, sự thật về người tù khổ sai mang tên khác để trốn tránh truy nã đã được làm sáng tỏ. Nắm trong tay sức mạnh của pháp luật, Gia-ve có toàn quyền đối với Giăng Van-

- Trong đoạn trích này, theo bạn, điều gì mới làm nên uy quyền của một con người? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS giơ tay thể hiện quan điểm - GV chia HS cùng quan điểm về nhóm, thực hiện thảo luận 5 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe phản biện và trao đổi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá cho điểm HS trình bày hoặc phản biện thuyết phục và chuẩn kiến thức.	giăng. Ý thức được điều đó, Gia-ve đắc thắng, “túm lấy cổ áo” của Giăng Van-giăng khiến ông cúi đầu chịu đựng; quát tháo, chửi bới Giăng Van-giăng một cách thô bỉ; ra lệnh bắt Giăng Van-giăng phục tùng; nhạo báng lời đề nghị khẩn thiết của Giăng Van-giăng; sẵn sàng gọi lính vào cùm tay Giăng Van-giăng để tống vào nhà tù,... Như vậy, giờ đây Gia-ve đang khôi phục uy quyền của mình đối với Giăng Van-giăng – điều bấy lâu hoàn toàn vô hiệu trước ông thị trưởng Ma-đơ-len. - Uy quyền của Giăng Van-giăng: Trước khi tình huống truyện xảy ra, ông Ma-đơ-len (chính Giăng Van-giăng) là người cầm quyền. Ông là một thị trưởng giỏi giang, đáng kính, khiến Gia-ve phải phục tùng. Nhưng lúc bị phát giác, ông trở lại thân phận của kẻ phạm pháp. Mọi quyền lực sẽ bị tước bỏ, buộc phải chấp nhận số kiếp của người tù khổ sai. Tuy nhiên, trong tình huống ở đoạn trích, Giăng Van-giăng đã làm đảo lộn vị thế giữa ông và Gia-ve: ông cầm thanh sắt để thể hiện sức mạnh nhằm trấn áp kẻ độc ác, lạnh lùng. Giăng Van-giăng khôi phục uy quyền của mình: uy quyền của một người dám hi sinh bản thân để thực hiện nghĩa vụ của lương tâm. Gia-ve đã phải run sợ trước Giăng Van-giăng, điều đó chứng tỏ Giăng Van-giăng mới là người thực sự có uy quyền. <i>* Uy quyền của con người có thể được tạo nên bởi vị thế xã hội (chẳng hạn chức thị trưởng), hoặc bởi vai trò của người thực thi pháp luật (ví dụ viên thanh tra). Tuy nhiên, ở đây, những uy quyền kiểu đó đã không hề được thể hiện. Giăng Van-giăng không còn là ông thị trưởng khiến Gia-ve tuân phục như trước đây; ở chiều ngược lại, viên thanh tra Gia-ve cũng không khiến Giăng Van-giăng sợ hãi dù ông đang ở vị trí kẻ phạm pháp lần trốn bấy lâu giờ đây sắp bị bắt. Khi Giăng Van-giăng khiến Gia-ve run sợ, ấy là lúc ông đã khôi phục uy quyền của mình. Quyền uy ấy của Giăng Van-giăng được tạo nên bởi sức mạnh của tình thương, sức mạnh của lương tâm, của đức hi sinh vì người khác.</i>
d. Quyền năng của người kể chuyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba có được thể hiện trong đoạn trích này không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trả lời cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức	4. d. Quyền năng của người kể chuyện <i>Đoạn trích Người cầm quyền khôi phục uy quyền được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba – kiểu người kể chuyện có tính chất toàn tri. Tuy nhiên, để cho người kể chuyện “biết hết” hoặc hạn chế phần nào khả năng bao quát của người kể chuyện là điều hoàn toàn tùy thuộc ý đồ của tác giả. Đọc đoạn trích, ta có thể nhận thấy quyền năng có giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ ba, biểu hiện rõ nhất là đoạn miêu tả những lời thì thầm của Giăng Van-giăng bên tai Phăng-tin (“Ông nói gì? Con người khốn khổ ấy có thể nói gì với người đã chết?... Kẻ chết có nghe thấy không?”). Hoàn toàn có khả năng tồn tại một cách xử lý nghệ thuật khác: người kể chuyện ngôi thứ ba “nghe” hết và nói lại tường tận cho người đọc biết những lời của Giăng Van-giăng. Nhưng ở đây, Vích-to Huy-gô đã không “cấp” cho người kể chuyện cái quyền năng đặc biệt ấy. Như vậy, trong truyện, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba được thể hiện đến đâu hoàn toàn phụ thuộc vào dụng ý nghệ thuật của tác giả.</i>

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Qua bài học, em hãy: - Nhận xét những đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả? - Nêu khái quát nội dung ý nghĩa của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá, HD tổng kết bài học.	IV. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôi kể: lời của người kể chuyện ngôi thứ ba – kiểu người kể chuyện có tính chất toàn tri. - Kết hợp bút pháp hiện thực và lãng mạn - Kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật: so sánh, phóng đại, ẩn dụ, miêu tả trực tiếp, gián tiếp, trữ tình ngoại đề - Xây dựng nhân vật: đối lập, tương phản 2. Nội dung Tô đậm, ca ngợi con người phi thường với trái tim tràn ngập yêu thương.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. **Nội dung:** Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và viết tích cực

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

***Nhiệm vụ 1: Trò chơi Nhổ ca rớt?**

Phần: Tri Thức Ngữ Văn

Câu 1. Theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất KHÔNG phải là:

- A. Nhân vật trung tâm, nhân vật chính, nhân vật phụ trong tác phẩm
- B. Người chứng kiến câu chuyện, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác
- C. Người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật.
- D. Người xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện” vận dụng quyền năng “biết hết” của mình

Câu 2. Phương án nào sau đây KHÔNG phải là quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong tác phẩm tự sự?

- A. Vừa bị giới hạn năng lực quan sát đối với các nhân vật khác vừa có hiểu biết hạn chế khi kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật ngoài mình.
- B. Có khả năng khơi gợi sự chân thật, gần gũi, tạo sự đồng cảm ở người đọc, gợi cảm giác như người đọc đang trực tiếp nghe người kể chuyện tâm sự với mình
- C. Người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi có thể quan sát, kể, tả, bình luận, bày tỏ ý nghĩ, cảm giác của mình về các nhân vật khác
- D. Khả năng quan sát toàn tri đối với bản thân kể chuyện thông qua cảm giác, ý nghĩ của mình nhưng lại hạn chế khi kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật khác.

Câu 3. Phương án nào sau đây KHÔNG chính xác khi nhận diện đặc điểm của người kể chuyện ngôi thứ ba?

- A. Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể.
- B. Người kể chuyện ngôi thứ ba có thể quan sát, kể, tả, bình luận, bày tỏ trực tiếp ý nghĩ, cảm giác của mình về các nhân vật khác; có khả năng khơi gợi sự chân thật, gần gũi, tạo sự đồng cảm ở người đọc.
- C. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri
- D. Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, có khả năng trở thành người kể biết hết mọi chuyện song có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

Câu 4. Vì sao điểm nhìn của ngôi kể thứ ba bao gồm cả điểm nhìn toàn tri và điểm nhìn hạn tri?

- A. Điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba không phải lúc nào cũng là điểm nhìn toàn tri bởi đôi khi có hiểu biết hạn chế đối với các sự việc, sự vật được quan sát, không biết đến ý nghĩ, cảm giác thầm kín của các nhân vật.
- B. Điểm nhìn toàn tri là điểm nhìn của một người có cái nhìn thông suốt, biết hết mọi chuyện, biết rõ hành động, lời nói cho đến những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm kín của nhân vật.

C. Người kể chuyện không phải là một nhân vật trong truyện, không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng từ bên ngoài; biết hết những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm kín của nhiều nhân vật, có sự di chuyển điểm nhìn linh hoạt, từ điểm quan sát ở bên ngoài di chuyển vào bên trong, kể ra ý nghĩ, tâm trạng thầm kín của nhân vật.

D. Điểm nhìn hạn chế là điểm nhìn đặt ở đôi mắt của người kể có thể biết hết mọi thứ về nhiều nhân vật trừ những suy nghĩ, cảm giác thầm kín; có thể biết hết thông tin về các nhân vật nhưng không biết những ý nghĩ, cảm giác riêng tư, có thể ghi lại lời nói, miêu tả hành động, bình luận về các nhân vật nhưng không thâm nhập vào đời sống tâm lý của các nhân vật; hoặc chỉ biết mọi thứ về một nhân vật mà không thể biết mọi thứ về các nhân vật khác

Câu 5. Phương án nào phân biệt chính xác nhất lời người kể chuyện và lời nhân vật?

A. Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể, miêu tả, bình luận

B. Lời người kể chuyện xuất phát từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận

C. Lời nhân vật là thuật ngữ chỉ lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật bằng hình thức lời nói trực tiếp (đối thoại) hay gián tiếp (độc thoại, độc thoại nội tâm)

D. Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật; còn lời của nhân vật là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật

Câu 6. Theo anh/ chị, phương án nào nêu đầy đủ và chính xác các phương diện thể hiện quyền năng của người kể chuyện?

A. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học

B. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở cái nhìn thông suốt, biết rõ hành động, lời nói cho đến những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm kín của nhân vật cũng như đi đến tận cùng trong cắt nghĩa bản thân

C. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở khả năng biết hết mọi chuyện và sự linh hoạt di chuyển điểm nhìn từ điểm quan sát ở bên ngoài di chuyển vào bên trong

D. Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở những giới hạn trong thâm nhập vào đời sống tâm lý sâu kín của các nhân vật, những bất lực của nghệ thuật trước sự phong phú của cuộc đời.

Câu 7. Phương án nào sau đây thể hiện cách hiểu KHÔNG chính xác về cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học?

A. Là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra

B. Cảm hứng chủ đạo thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học

C. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm cả nội dung và hình thức

D. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận

Câu 8. Phương án nào phân biệt chính xác sự khác nhau giữa tư tưởng chủ đề và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm?

A. Tư tưởng chủ đề là của một tác phẩm văn học là nội dung tư tưởng xuyên suốt toàn bộ tác phẩm; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, thái độ nổi bật lên qua toàn bộ tác phẩm.

B. Tư tưởng chủ đề của một tác phẩm văn học là phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải cuộc sống; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, cảm xúc chi phối quá trình sáng tác của nhà văn.

C. Tư tưởng chủ đề là thông điệp mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, cảm xúc của nhà văn xuyên suốt trong tác phẩm văn chương.

D. Tư tưởng chủ đề là bức tranh đời sống được phản ánh; cảm hứng chủ đạo là thái độ của nhà văn khi cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm

Văn bản: “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”

Câu 1. Đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền” được trích từ tác phẩm nào?

A. Nhà thờ Đức Bà Pa-ri (1831).

B. Những người khốn khổ (1862).

C. Tia sáng và bóng tối (1840)

D. Chín mươi ba (1874).

Câu 2. Tác phẩm “Những người khốn khổ” thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngắn

- B. Tiểu thuyết
- C. Truyện vừa
- D. Kịch

Câu 3. Nụ hôn của Giăng van Giăng với Phăng tin thể hiện

- A. Tình yêu nam nữ
- B. Tình cảm của mẹ dành cho con.
- C. Tình cảm của những con người bị xô đẩy đến cùng cực đau khổ.
- D. Quyền lực của trái tim.

Câu 4. Ở cuối đoạn trích, người cầm quyền khôi phục uy quyền là

- A. Gia-ve
- B. Cả 2.
- C. Giăng Van Giăng
- D. Không ai cả.

Câu 5. Tại sao Giăng Van-Giăng lại hết sức hạ mình trước Gia-ve?

- A. Vì ông sợ hấn sẽ bắt mình vào tù.
- B. Vì ông muốn giảng hòa với hấn.
- C. Vì ông không muốn Phăng-tin biết sự thật về mình.
- D. Vì ông không muốn làm náo loạn bệnh xá.

Câu 6. Nội dung chính của đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền” là

- A. Sự chiến thắng của cái ác, đại diện là Gia-ve.
- B. Tình yêu thương của những người nghèo khổ.
- C. Thông qua 2 hình ảnh đối lập Gia-ve và Giăng Van Giăng, bằng tình cảm yêu thương con người, tác giả đã khẳng định sự chiến thắng của tình yêu thương giữa con người với con người.
- D. Tình yêu thương con người của Huy-gô.

Câu 7. Qua đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”, Huy-gô quan niệm như thế nào về người cầm quyền?

- A. Người có quyền lực.
- B. Người đại diện chính nghĩa.
- C. Người bảo vệ công lí .
- D. Người che chở, bảo vệ những người yếu đuối.

Câu 8. Qua đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”, Huy-gô muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

- A. Cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác.
- B. Sức mạnh tình thương có khả năng cảm hóa con người và cải tạo xã hội
- C. Sức mạnh tình thương có thể mang lại hạnh phúc cho con người, ngay cả khi đã chết.
- D. Sức mạnh tình thương có thể nhen nhóm lên niềm hi vọng ở ngày mai.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực tham gia trò chơi.
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Câu trả lời đúng của HS

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tuyên dương khen thưởng hoặc cho điểm HS có nhiều câu trả lời đúng

***Nhiệm vụ 2: Viết tích cực**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

Em có cảm thấy hứng thú khi đọc những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri hay không? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, viết đoạn văn (thời gian khoảng 10 phút).
- Để viết đúng yêu cầu, HS cần có chủ kiến.
- Đoạn văn được viết làm sáng tỏ một số khía cạnh: *Tác phẩm tự sự được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba có gì hấp dẫn? Được nương theo lời người kể chuyện để kiểm soát mọi sự kiện xảy ra, biết hết những diễn biến tinh vi trong nội tâm nhân vật, định hướng cho người đọc về các giá trị sống,... có phải là điều thú vị?*

- Nếu cảm thấy không thích truyện kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba, HS cần trình bày rõ lí do trong đoạn văn được viết
- Giáo viên lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Tìm hiểu đề - tìm ý- viết đoạn.
- Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Giáo viên cung cấp thang đo cho HS tự đánh giá.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Rubrics đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Suy nghĩ về những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri	0,5
	- Chọn được tác phẩm phù hợp	1
	- Nêu được nội dung cơ bản của tác phẩm	3
	- Nêu được những nét nghệ thuật đặc sắc	2
	- Chỉ ra những quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.
- b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Đọc một số truyện hiện đại, tìm hiểu ngôi kể và chỉ ra quyền năng của người kể chuyện

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kỹ thuật Think – Pair- Share.
- GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Chuẩn bị bài: Văn bản 2. *Dưới bóng hoàng lan* (Tìm hiểu tác giả, đọc văn bản, tóm tắt và trả lời câu hỏi trong SGK)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 70 + ½ tiết 71

VĂN BẢN 2: DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN
Thạch Lam

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Độc**

Độc hiểu nội dung

- HS cần nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản về một loại truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, chỉ xoay quanh những sự kiện bình thường trong cuộc sống, nhưng giàu sức gợi nhờ cách diễn tả các trạng thái tình cảm nhẹ nhàng mà tinh tế, sâu sắc của con người.

Độc hiểu hình thức

- HS cũng cần hiểu vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba. Mặc dù không tham gia trực tiếp các sự kiện trong câu chuyện, nhưng người kể chuyện dường như thấu suốt mọi điều diễn ra, kể cả những gì thuộc thế giới nội tâm sâu kín của con người. Người kể chuyện có khi xác lập điểm nhìn bên ngoài, khách quan để tái hiện bức tranh cuộc sống, có khi chọn điểm nhìn bên trong (để cho cảnh vật, con người hiện ra qua nỗi niềm, trạng thái tâm lý của nhân vật nào đó trong truyện). Sự chuyển dịch điểm nhìn linh hoạt như vậy thêm một lần xác nhận quyền năng của kiểu nhân vật kể chuyện toàn tri.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Thạch Lam

Độc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm của HS, giúp các em thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nội dung và nghệ thuật của tác phẩm sắp được khám phá.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS suy nghĩ và ghi nhanh một số từ khoá liên quan đến kỉ niệm sâu sắc về những người thân, từ đó lựa chọn cách kể (hoặc vẽ tranh, làm thơ, mượn lời bài hát,...) để làm sống lại những sự kiện trong kí ức đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cần tạo ra không khí hào hứng, sôi nổi, khích lệ tinh thần tích cực, chủ động tham gia và sẵn sàng chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa của HS trong lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa bằng việc tự chọn hình thức của riêng mình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tiểu sử, vị trí, các tác phẩm chính, đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Thạch Lam

- HS nắm được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ văn bản

b. Nội dung hoạt động: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr.51 SGK - HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm đôi (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm 1. Tác giả - Tiểu sử: + Thạch Lam (1910 – 1942) + Tên thật: Nguyễn Tường Vinh, sau đổi Nguyễn Tường Lân. + Quê quán: Hà Nội + Từng có khoảng thời gian sống ở quê ngoại Cẩm Giàng, Hải Dương → không gian nghệ thuật quen thuộc trong văn Thạch Lam. + Con người: Là người thông minh, trầm tĩnh, điềm đạm, đôn hậu và rất tinh tế. - Vị trí: + Cây bút tiêu biểu của nhóm văn Tự lực văn đoàn, từng làm báo viết văn. + Nhà văn nổi tiếng giai đoạn 1930-1945 với sở trường truyện ngắn. - Các tác phẩm chính: + <i>Gió đầu mùa</i> (1937); + <i>Nắng trong vườn</i> (1938); + <i>Sợi tóc</i> (1942); - Đặc điểm sáng tác: + Thạch Lam viết nhiều về cuộc sống của người dân nghèo, trí thức bình dân, thể hiện niềm thương cảm kín đáo mà sâu sắc + Cốt truyện đơn giản, lối viết giản dị, lời văn trong sáng, truyện đậm tính trữ tình, giàu chất thơ. 2. Tác phẩm - Thể loại: Truyện ngắn trữ tình - Xuất xứ: In trong <i>Tuyển tập Thạch Lam</i>

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản**a. Mục tiêu:**

- Học sinh biết cách đọc, xác định bố cục và tóm tắt được truyện qua các sự kiện trong văn bản
- Học sinh nhận biết ngôi kể, hiểu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể cũng như quyền năng của người kể chuyện, đặc điểm lời kể chuyện, nội dung giao tiếp chủ yếu trong lời đối thoại của các nhân vật, lời kể xen lời độc thoại nội tâm; theo dõi các sự kiện cũng như diễn biến trong trạng thái tâm lí của nhân vật; dự đoán sự tiến triển của tình cảm nhân vật trên các dữ kiện đã có.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD 1: Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu 3 HS đọc 3 đoạn trong văn bản: - HS 1: Từ câu mở đầu đến “Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát” - HS 2: Từ “Bà cụ đi ra” đến “Chàng đến trường kỉ niệm ở bên đèn” - HS 3: Còn lại ? Dựa trên kết quả đọc ở nhà và nghe đọc, hãy xác định bố cục, nội dung từng đoạn và tóm tắt truyện ngắn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt a. Đọc văn bản b. Xác định bố cục - Bố cục: + Đoạn 1: Từ câu mở đầu đến “Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát”: cảm xúc của Thanh khi trở về nhà bà và những biểu hiện tình cảm của bà dành cho cháu. + Đoạn 2: Từ “Bà cụ đi ra” đến “Chàng đến trường kỉ niệm ở bên đèn”: Thanh gặp lại Nga – người bạn gái thuở ấu thơ – và sự chớm nở tình cảm giữa đôi bạn trẻ. + Đoạn 3: Từ “Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh” đến “cô lại giặt Hoover lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương”: Thanh ra đi, cảm thấy trong lòng trĩu nặng một niềm vương vấn về Nga.

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu - Trên lớp HS đọc lại theo hướng dẫn của GV - Trong khi đọc lưu ý trả lời các câu hỏi ở thẻ đọc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm, GV gọi HS xác định bố cục và tóm tắt (Gọi khoảng 2 HS bất kì) HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	c. Tóm tắt: Văn bản xoay quanh một lần trở về quê thăm bà của nhân vật Thanh - mồ côi cha mẹ, sống cùng bà. Trong cảnh bình yên và thong thả của chốn xưa, những hình ảnh quen thuộc hiện lên, và bên cạnh mái tóc của bà, mùi hương hoàng lan nơi vườn và bên tóc mai của Nga khiến chàng trai trẻ xốn xang. Nhưng câu chuyện vẫn khép lại trong cảnh Thanh trở về tỉnh.
HD 2: Khám phá văn bản * GV hướng dẫn HS tìm hiểu ngôi kể, điểm nhìn trong truyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Ngôi kể có nhất quán trong toàn bộ tác phẩm không? ? Hình ảnh thiên nhiên, con người, cảnh sinh hoạt,... hiện ra qua đôi mắt của nhân vật nào? Việc chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2-3 cặp đại diện báo cáo kết quả - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. * GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung giao tiếp chủ yếu trong lời đối thoại của các nhân vật, lời kể xen lời độc thoại nội tâm; theo dõi các sự kiện cũng như diễn biến trong trạng thái tâm lí của nhân vật; dự đoán sự tiến triển của tình cảm nhân vật trên các dữ kiện đã có. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp làm 6 nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập hoặc giấy A0 theo nhiệm vụ của từng nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu tình cảm của Thanh đối với bà (qua đoạn đối thoại trong phần đầu truyện) - Nhân vật đối thoại? - Bối cảnh đối thoại? - Nội dung cuộc đối thoại?	2. Khám phá văn bản a. Ngôi kể trong truyện - “Dưới bóng hoàng lan” được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba - Ngôi kể thứ ba nhất quán trong toàn bộ tác phẩm. b. Điểm nhìn trong truyện - Điểm nhìn trần thuật: + Từ những quan sát và cảm nhận của nhân vật Thanh. + Đó là câu chuyện riêng tư của Thanh về ngôi nhà, về khu vườn, về bà và về Nga. Vì thế, mối quan hệ giữa Thanh với từng cảnh, từng người đều gần gũi, chan chứa kí ức. - Ý nghĩa: + Với điểm nhìn từ nhân vật, nhà văn dễ dàng hơn trong việc tạo không khí trữ tình cho câu chuyện. + Mọi đối tượng đều hết sức gần gũi, thân thiết bởi hiện lên dưới cái nhìn chứa chan tình cảm của Thanh. + Làm nổi bật bút pháp truyện ngắn của Thạch Lam. c. Tình cảm của Thanh đối với bà (qua đoạn đối thoại trong phần đầu truyện) - Nhân vật đối thoại: Bà của Thanh và Thanh. - Bối cảnh đối thoại: Sau một thời gian xa bà đi làm việc trên tỉnh, lần này được nghỉ một ngày, Thanh tranh thủ về thăm bà. Lời đối thoại diễn ra khi cháu vừa gặp lại bà. - Nội dung cuộc đối thoại: Xoay quanh chuyện Thanh từ trên tỉnh về, bà cháu thể hiện sự quan tâm về nhau. - Tình cảm của các nhân vật qua lời đối thoại: Cả bà và cháu bộc lộ tình cảm thân thương, triu mến. Bà vui khi thấy cháu về, quan tâm cháu từng li từng tí (trời nắng, sợ cháu đi bộ mệt; hỏi chuyện ăn uống của cháu để làm cơm cho chóng; giục cháu vào nhà, rửa mặt, nghỉ ngơi). Cháu muốn biết có ai ở cùng bà, vì có lẽ không yên tâm nếu thấy bà ở một mình. Bên cạnh đó, giọng điệu nhẹ nhàng, âu yếm của các nhân vật trong từng lời đối thoại cũng là những biểu hiện rõ nét của tình cảm nhân vật. d. Tình cảm giữa Thanh và Nga - Nhân vật Thanh: + Lời nói: “Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui về: – Cô Nga...”; + Cử chỉ: “Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh bóng trên cổ nhỏ [...] và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật. [...] Thanh cũng ngồi ghé

- Tình cảm của các nhân vật qua lời đối thoại?

Nhóm 2: Tìm hiểu tình cảm giữa Thanh và Nga

Các biểu hiện	Nhân vật Thanh	Nhân vật Nga	Phân tích
Lời nói			
Cử chỉ			
Suy nghĩ, cảm xúc			
Nhận xét chung về tình cảm hai nhân vật dành cho nhau			

Nhóm 3: Tìm hiểu nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam

? Trong “Dưới bóng hoàng lan”, nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam biểu hiện rõ nhất qua cốt truyện, nhân vật hay lời kể? Hãy phân tích các yếu tố đó.

Nhóm 4: Tìm hiểu nhan đề truyện

Theo bạn, nhan đề “Dưới bóng hoàng lan” có ý nghĩa gì?

Nhóm 5: Tìm hiểu chất họa trong truyện

? Cảnh nào được miêu tả trong truyện gợi cho bạn nghĩ đến một bức tranh đẹp? Nếu cần chọn một cảnh để vẽ minh họa, bạn sẽ chọn cảnh nào? Vì sao?

Nhóm 6: Tìm hiểu quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn

? Nhà thơ Thế Lữ cảm nhận: “Dưới bóng hoàng lan” là tác phẩm “nhân từ như một lời yên ủi” (Thạch Lam – Về tác gia và tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 147). Từ gợi ý đó, bạn hãy phân tích tình cảm của tác giả đối với con người và cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ

- GV khuyến khích HS mỗi nhóm tự chọn hình thức thảo luận đa dạng, sáng tạo, hiệu quả (VD: đối với nhóm 5 ngoài việc tìm đoạn văn giàu chất họa, HS phát huy năng lực

xuống. [...] Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. [...] một bà một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. [...] Thanh tiễn Nga ra đến cổng. [...] Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình.”.

+ Suy nghĩ, cảm xúc: “hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. [...] có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình. [...] Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. [...] Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoang thơm như có giất hoàng lan. [...] Có cái gì dịu ngọt chẳng tở ở đâu đây, khiến chàng vương phải. [...] Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước.”...

- Nhân vật Nga:

+ Lời nói: “... rồi lên tiếng nhẹ nhàng: “– Anh Thanh! Anh đã về đây à? [...] – Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá. [...] – Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.”...

+ Cử chỉ: “Nga ngừng nhìn Thanh, cười [...] nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buồng đưa luôn để sôi cơm cho Thanh. [...] nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng biết bao nhiêu âu yếm. [...] Nga cũng đứng yên lặng.”...

+ Suy nghĩ, cảm xúc: “Nga cũng cười hơi thẹn: [...] – “Anh con hái đấy ạ” và nàng nhìn Thanh mỉm cười. [...] Mỗi mùa cô lại giất hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.”...

- Nhận xét chung về tình cảm hai nhân vật dành cho nhau:

Giữa Thanh và Nga tuy chưa hề có lời tỏ tình, hẹn ước, nhưng trong lòng hai người đã dậy lên những tình cảm khác lạ. Đó là những rung động đầu đời, tươi mới, lạ lùng, ngỡ ngàng. Mọi lời nói, cử chỉ, cảm xúc của họ đều thể hiện sự quan tâm về nhau một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, ngọt ngào và trong sáng.

e. Nghệ thuật viết truyện của Thạch Lam qua cốt truyện, nhân vật và lời kể

- **Cốt truyện:** rất đơn giản, có thể tóm lược trong vài ba dòng, không có những tình tiết li kì, gay cấn. Truyện không lôi cuốn người đọc bằng cốt truyện hấp dẫn.

- **Nhân vật:** Truyện ngắn này chỉ có một vài nhân vật. Các yếu tố như: lai lịch, ngoại hình, hành động của nhân vật hầu như không có nét gì đặc biệt. Lời nói của nhân vật không nhằm thể hiện cá tính, mà chủ yếu bộc lộ đời sống tình cảm trong các mối quan hệ.

- **Lời kể:** Xuyên suốt từ đầu đến cuối là lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba, đậm tính trữ tình, in đậm dấu ấn riêng của Thạch Lam. Lời kể đảm nhiệm nhiều chức năng: giới thiệu, miêu tả nhân vật (nhất là những biểu hiện tinh tế trong tâm trạng); tả cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt; thể hiện điểm nhìn từ người kể chuyện và điểm nhìn từ nhân vật; tạo giọng điệu riêng cho tác phẩm;... => **Như vậy, lời kể là yếu tố thể hiện rõ nhất nghệ thuật truyện ngắn của Thạch Lam.**

g. Nhan đề truyện “Dưới bóng hoàng lan”: Đây là một nhan đề có tính đa nghĩa. Nhan đề truyện gợi những ý nghĩa:

- Không gian thân thuộc, ở nơi đó, con người thể hiện những tình cảm đẹp đẽ, thuần hậu với nhau.

- Không gian mát mẻ, tĩnh lặng, đối lập với cuộc sống phồn tạp bên ngoài.

hội họa của mình bằng việc vẽ tranh minh họa,...) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 6 nhóm báo cáo kết quả bằng hình thức tự chọn - HS khác quan sát, lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (bên dưới)	- Nơi ươm mầm một mối tình đôi lứa trong sáng, đẹp đẽ. h. Chất họa trong truyện - Gợi ý một vài đoạn giàu chất họa: + “... trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhẩy múa theo chiều gió. [...] Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.”. + “Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: “cây hoàng lan!”, mùi hương thơm thoang thoang đưa vào.”. + “Thanh dắt nàng đi xem vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoang thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. [...] Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nâng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.”. - HS vẽ tranh minh họa tự chọn i. Quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn - Ý nghĩa lời nhận xét của Thế Lữ: + “Nhân từ” là hiền lành, thương người; “yên ủi” là làm dịu những đau khổ, buồn phiền. + Như vậy, theo Thế Lữ, đọc truyện này, độc giả cảm thấy như nhận được một tình thương mến, khiến lòng người được vỗ về, an ủi. - Những nét đẹp trong tình cảm, cách ứng xử giữa các nhân vật với nhau, sự nâng niu, trân trọng đối với từng cảnh vật, từng kỉ niệm cũng như những biểu hiện tinh tế, mơ hồ nhưng dịu ngọt trong tình yêu mới chớm của đôi bạn trẻ,... Chính tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với cuộc sống và con người là yếu tố tạo nên hiệu quả nghệ thuật này cho tác phẩm

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan”? ?Theo em, những yếu tố nào làm nên sức hấp dẫn của truyện ngắn Thạch Lam? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôi kể thứ ba có sự nhất quán từ đầu truyện đến cuối câu chuyện - Đan xen giữa lời của người kể chuyện, lời đối thoại và lời độc thoại nội tâm của nhân vật. 2. Nội dung: - Câu chuyện nhẹ nhàng, giản dị nhưng đầy tinh tế, sâu sắc, mang đến cho người đọc cảm giác thư thái, nhẹ nhàng. - Khởi gợi được thứ tình cảm gắn bó, sâu kín ở mỗi người, đó là tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, tình yêu đầu đời... 3. Sức hấp dẫn của truyện ngắn Thạch Lam:

Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã chuẩn bị. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Sáng tác thường hướng vào cuộc sống cơ cực của những người dân thành thị nghèo và vẻ đẹp nên thơ của cuộc sống thường nhật. - Cốt truyện đơn giản thuộc hoặc không có cốt truyện. - Thạch Lam đi sâu vào thế giới nội tâm nhân vật. - Có sự hòa quyện tuyệt vời giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: HS đọc một đoạn trích trong văn bản, trả lời câu hỏi đọc hiểu và viết tích cực
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS và đoạn văn đã viết theo yêu cầu.
d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

* Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: " Cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoang đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quăn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động dậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dế nhỏ dần."

(Trích *Dưới bóng hoàng lan*, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 123-128)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích, cây hoàng lan được miêu tả qua những chi tiết nào?

Câu 3. Nêu tâm trạng của nhân vật Thanh khi trở về dưới bóng hoàng lan trong đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi theo bàn
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 4 HS đại diện bất kì theo bàn lên bảng viết kết quả

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả, định hướng kiến thức

Gợi ý:

Câu 1. Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2. Những những chi tiết miêu tả cây hoàng lan trong đoạn trích: lá cây rung động; thân cây vút cao; mùi hương thơm thoang thoang; cây đã lớn.

Câu 3. Tâm trạng của nhân vật Thanh trong đoạn trích: Cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, bình yên khi tắm mình trong không khí tươi mát của hương hoàng lan và đón nhận sự sờ sờ của bà.

Câu 4. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích: Miêu tả tinh tế các sắc thái tâm trạng; ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm; giọng điệu nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình.

* Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc - viết

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ), phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn cuối của phần kết truyện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc
- GV lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1-2 học sinh trình bày phần bài làm của mình

- HS khác lắng nghe, dựa vào Rubric đánh giá đoạn văn (bên dưới)

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo
- GV có thể thu “bài viết” của HS để đánh giá khả năng viết của từng em, khi cần, sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.

Gợi ý:

- Hình thức: đoạn văn 150 chữ - cấu trúc, dung lượng; từ ngữ, ngữ pháp đúng chuẩn mực; liên kết câu chặt chẽ.

- Xác định được đoạn văn phân tích: “Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.”

- Phân tích tâm trạng của Thanh trong đoạn văn trên: *nửa buồn mà lại nửa vui*

+ Buồn: vì phải đi xa ngôi nhà quen thuộc có tình thương yêu của bà, vì xa khung cảnh thân quen gắn với tuổi thơ, vì tình cảm mới chớm nở với Nga, còn chưa kịp ngỏ lời.

+ Vui: Lần này chàng đi, không chỉ mang theo tình thương yêu của bà, mà còn mang theo niềm tin vào tình yêu, sự chờ đợi của Nga. Điều đó khiến cho Thanh đi lần này chắc sẽ nhanh trở về hơn những lần trước.

- Nhận xét, đánh giá: Lời của người kể chuyện ngôi thứ ba và khả năng biết hết những diễn biến trong tâm trạng của nhân vật; những biểu hiện tinh tế ở tình cảm của Thanh và nghệ thuật miêu tả tình yêu mới chớm trong tâm hồn một chàng trai.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn cuối của phần kết truyện	
	- Xác định được đoạn văn phân tích	2,5
	- Phân tích tâm trạng của Thanh trong đoạn văn: <i>nửa buồn mà lại nửa vui</i>	3
	- Nhận xét, đánh giá: lời của người kể chuyện ngôi thứ ba và nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật Thanh	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để nhận biết, hiểu và phân tích được ngôi kể, cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để đọc hiểu một văn bản tương tự.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

HAI ĐỨA TRẺ

Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thấp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- Hăng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

- Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?
- Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em giương nhẹ ngời yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn Hoa Kỳ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhanh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái cửa hàng của chị.

- Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

- Ôi chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng có mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tớ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lã. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng ghế, dịch ngọn đèn Hoa Kỳ lại để ngồi tằm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

- Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khê: “Chết chửa!”, rồi đứng dậy giục em:

- Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ mắng chết.

An đáp:

- Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phố quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào tắt đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi - là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xiu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm ngăn ra bằng một tấm phen nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi - bà còn bận làm hàng xáo - và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ ở đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lã, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

- Có phải buổi trưa em bán cho bà Lục hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Vâng, bà ta mua hai bánh, còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngán ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp không tính nữa:

- Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị, chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội tráp tiền với một chiếc chìa khóa chị đeo vào cái dây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khóa chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang.

- A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên, vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu tí đây đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên rồi cười giòn giã nói:

- A, em Liên thảo nhĩ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngựa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chép miệng vừa lén ruột tượng trả tiền. Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lão đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lén vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

(Theo SGK Ngữ Văn 11, tập 1, NXB Giáo dục, tr.95-97)

Câu 1. Xác định người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật nào? Cách lựa chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì?

Câu 3. Khung cảnh phố huyện được miêu tả trong thời khắc nào? Tìm những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện lúc chiều tàn (âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đường nét)? Cảnh này gợi cho bạn những suy nghĩ, xúc cảm gì?

Câu 4. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai? Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật chính trong đoạn trích?

Câu 5. Qua việc miêu tả bức tranh phố huyện và thể hiện nội tâm của Liên, bạn hiểu gì về tình cảm của nhà văn Thạch Lam?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS trình bày kết quả (vào tiết học chiều)

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét kết quả, định hướng kiến thức (vào tiết học chiều)

Gợi ý:

Câu 1. Người kể chuyện trong đoạn trích giấu mặt, đó là người kể chuyện ngôi thứ ba.

Câu 2.

- Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật Liên

- Cách lựa chọn điểm nhìn miêu tả ấy thể hiện nét đặc sắc và độc đáo trong nghệ thuật miêu tả của nhà văn, nhà văn đã không trực tiếp mô tả qua cảm nhận của mình mà bằng những cảm nhận và quan sát của Liên. Bức tranh thiên nhiên trong *Hai đứa trẻ* được thể hiện bằng những motif của ánh sáng và bóng tối. Cảnh thiên nhiên hiện hữu thật chân thực khi có sự phối hợp hài hòa của cả màu sắc, âm thanh và mùi vị. Ngoài ra, việc tạo nên hệ thống hình ảnh có sự tương phản về độ tối – sáng trong tác phẩm cũng là một nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả của nhà văn và việc chọn Liên là điểm nhìn để có thể miêu tả và cảm nhận về cảnh vật. Điều này khiến cho những tác giả có thể phần nào gián tiếp nói lên tâm trạng nhân vật, thể hiện được những rung cảm tinh tế của Liên – một nhân vật có đời sống tâm hồn phong phú và tinh tế trong cách nhìn nhận, quan sát những điều diễn ra xung quanh cuộc sống.

Câu 3.

- Khung cảnh phố huyện được miêu tả trong thời khắc chiều tối

- Những chi tiết miêu tả bức tranh phố huyện:

+ Âm thanh:

++ Tiếng trống thu không gọi chiều về.

++ Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng.

++ Tiếng muỗi vo ve. (“Tiếng trống thu không ... trên nền trời”)

+ Hình ảnh, màu sắc:

++ “Phương tây đỏ rực như lửa cháy”,

++ “Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn”.

+ Đường nét: dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời.

- Qua những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện gợi nỗi buồn man mác. Nỗi buồn ấy hiện diện ở bức tranh thiên nhiên, bức tranh của cuộc sống sinh hoạt và trong nỗi lòng của con người. Tuy nhiên, dù cuộc sống có nghèo khó và tương chừng sẽ chìm khuất vào bóng tối, con người nơi ấy vẫn có những tấm lòng đáng quý và những mong ước đáng trân trọng...

Câu 4.

- Nhân vật chính trong đoạn trích trên là Liên.

- Tâm trạng của Liên:

+ Cảm nhận rất rõ: “mùi riêng của đất, của quê hương này”.

+ Cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn tạ: gợi cho Liên nỗi buồn thấm thía

+ Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.

+ Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.

-> Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, có lòng trắc ẩn, yêu thương con người.

Câu 5. Tình cảm của nhà văn Thạch Lam:

- Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.
- Giàu lòng trắc ẩn đối với những kiếp người nghèo khổ.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngắn có cùng đặc điểm sáng tác và độ dài tương đương.
- Chuẩn bị bài: Một chuyện đùa nho nhỏ (An-tôn Sê-khốp)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: ½ tiết 71 + 72

VĂN BẢN 3: MỘT CHUYỆN ĐÙA NHO NHỎ An-tôn Sê-khốp

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- Văn bản này giúp HS nhận biết và hiểu được đặc điểm loại truyện ngắn hồi ức về một tình huống – cơ hội lẽ ra có thể trở thành bước ngoặt trong cuộc đời hai nhân vật, nhưng dưới áp lực tâm lý đời thường bị biến thành một chuyện đùa, trở thành nỗi niềm trần trụi, nuối tiếc. HS cũng cần liên kết được đặc điểm của truyện này với loại “truyện không có chuyện” (sự việc diễn ra mang tính chất đời thường, không/ chưa làm thay đổi tình trạng cuộc sống của nhân vật) ở văn bản Dưới bóng hoàng lan.

Đọc hiểu hình thức

- Đọc văn bản, HS cũng cần hiểu vai trò, quyền năng và những giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ nhất là một trong hai nhân vật chính của câu chuyện. Người kể chuyện xưng “tôi” ở đây đã phải dịch chuyển điểm nhìn nhập vào dòng hồi ức sống động “lúc đó” (khi sự việc đang diễn ra) được triển khai từ đầu đến gần cuối mạch truyện kể sang điểm nhìn “bây giờ” (nhiều năm sau khi sự việc đã là quá khứ) ở phần kết truyện tạo sự gián cách cần thiết cho những suy ngẫm, trần trụi. Qua sự dịch chuyển điểm nhìn, HS cần nắm bắt được vai trò quan trọng của những biến động tâm lý, nhận thức của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo phổ biến cho loại truyện ngắn hồi ức này.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác giả Sê-khốp

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIỀN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm của HS, giúp các em thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nội dung và nghệ thuật của tác phẩm sắp được khám phá.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy kể lại một kỉ niệm trong quá khứ khiến cho em phải suy nghĩ rất nhiều về cuộc sống của mình trong hiện tại và tương lai.

- Theo các em, những chuyện gì có thể coi là chuyện hệ trọng, chuyện gì là chuyện đùa? Ranh giới và bước chuyển từ hệ trọng sang đùa cợt, và ngược lại có thể diễn ra thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nhớ lại kỉ niệm đáng nhớ của mình, chuẩn bị chia sẻ

- GV cần tạo ra không khí hào hứng, sôi nổi, khích lệ tinh thần tích cực, chủ động tham gia và sẵn sàng chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa của HS trong lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ những câu chuyện riêng có ý nghĩa

- HS trả lời câu hỏi và bày tỏ quan điểm của cá nhân về câu chuyện được chia sẻ với thái độ tôn trọng

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về vị trí, tiểu sử, đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Sê-khốp
- HS nắm được lịch sử sáng tác của truyện ngắn để dễ dàng đọc hiểu văn bản

b. Nội dung hoạt động: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 2 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr.57-58 sgk - HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm 1. Tác giả An-tôn Sê-khốp - Vị trí: Ông là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Nga - Về tiểu sử của nhà văn: + “An-tôn Sê-khốp (1860 – 1904) sinh ra và lớn lên trong một gia đình buôn bán nhỏ tại thị trấn Ta-gan-róc (Taganrog), miền nam nước Nga” – Môi trường tiểu thị dân với những biểu hiện nếp sống, tâm lí đời thường,... trở thành đối tượng miêu tả chủ yếu trong sáng tác của nhà văn. + Sê-khốp “theo học ngành y” và đã từng hành nghề bác sĩ. Khi sáng tác văn chương trong “thời buổi đau ốm”, nhà văn luôn muốn chẩn đoán “căn bệnh” bắt nguồn từ tâm lí đời thường của những con người bình thường xung quanh mình. Ông hiểu, để chữa được bệnh thì chính người bệnh cũng phải ý thức được căn bệnh của mình và mong muốn khỏi bệnh. Từ đó, trong sáng tác của mình, nhà văn tập trung mô tả sự bức bối của những con người bình thường bị trói buộc bởi tâm lí đời thường và nhen nhóm lên trong lòng nhân vật (và cả người đọc) khát vọng đổi thay cuộc sống. - Về đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Sê-khốp: “Văn phong Sê-khốp hàm súc, cô đọng. Phần lớn truyện ngắn của ông là những “truyện không có chuyện”, mở đầu thường dẫn người đọc nhập thẳng

	vào khung cảnh câu chuyện, tâm trạng nhân vật, kết thúc thường gây cảm giác “chưa có chuyện gì xảy ra cả” như trong một sự đợi chờ khắc khoải” 2. Tác phẩm - Truyện ngắn “Một chuyện đùa nho nhỏ” của Sê-khốp in lần đầu tiên trên tạp chí Dế mèn của Nga, số 10, ngày 12/3/1886. - Năm 1899, Sê-khốp chỉnh lí, bổ sung một số câu chữ, thay đổi phần kết truyện để đưa vào tuyển tập Truyện ngắn Sê-khốp”.

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản

- a. Mục tiêu:**
- Học sinh đọc, xác định bố cục và tóm tắt được truyện qua các sự kiện trong văn bản
 - Học sinh nhận biết được ngôi kể, xác định điểm nhìn, đặc điểm lời kể chuyện, giọng điệu, cảm hứng chủ đạo; hiểu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể cũng như quyền năng của người kể chuyện, nội dung giao tiếp chủ yếu trong lời nhân vật, lời kể chuyện xen lời độc thoại nội tâm.
 - Học sinh theo dõi các sự kiện cũng như diễn biến trong trạng thái tâm lí của nhân vật, từ đó dự đoán diễn biến các sự việc trên cơ sở tương tác ý thức của các nhân vật.
- b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD 1: Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu 4 HS đọc 4 đoạn tiêu biểu trong văn bản: - HS 1: Đoạn trượt tuyết lần đầu, - HS 2: Đoạn Na-đi-a một mình lên xe trượt, - HS 3: Cảnh chia tay mùa xuân, - HS4: Đoạn kết ? Dựa trên kết quả đọc ở nhà và nghe đọc, hãy xác định bố cục và tóm tắt truyện bằng sơ đồ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu - Trên lớp HS đọc lại một số đoạn theo hướng dẫn của GV - Trong khi đọc lưu ý trả lời các câu hỏi ở thẻ đọc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm, GV gọi HS xác định bố cục và tóm tắt (Gọi khoảng 2 HS bất kì) HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản, xác định bố cục và tóm tắt a. Đọc văn bản b. Xác định bố cục - Đoạn 1: Từ đầu đến “...không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!”: Lời yêu thương chân thành bột phát của nhân vật “tôi” bất giác trở thành một chuyện đùa, song lại nhen lên lòng Na-đi-a khát vọng hạnh phúc cùng những băn khoăn. - Đoạn 2: Từ “Sáng hôm sau...” đến “...không còn khả năng hiểu nữa...”: Na-đi-a say sưa với khát vọng yêu thương, rồi quyết tâm vượt qua nỗi sợ, truy tìm sự thật một mình. - Đoạn 3: Từ “Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới...” đến “Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...”: cảnh chia tay lúc xuân sang – khoảnh khắc giao cảm một lần nữa bùng lên rồi vụt tắt. - Đoạn 4: Từ “Chuyện ấy đã qua lâu rồi” cho đến hết: Những suy tư, nuối tiếc, trăn trở nhiều năm sau, khi tất cả chỉ còn là kỉ niệm. c. Tóm tắt - Câu chuyện được kể bằng ngôi thứ nhất, kể về một câu chuyện đùa nho nhỏ của nhân vật “tôi” với cô nàng Na-đi-a. - Nhân vật tôi trong một buổi trưa mùa đông đã rủ Na-đi-a chơi trượt tuyết và khi trượt xuống dốc, anh đã nói đùa“Na-đi-a, anh yêu em”. - Na-đi-a băn khoăn không biết ai đã nói câu nói ấy và nàng đã cố gom góp tất cả sự can đảm để trượt tuyết từ trên đỉnh dốc, một việc mà lúc bình thường có các vàng cô cũng chẳng làm, chỉ để được nghe câu: “Na-đi-a, anh yêu em”. Nàng không biết câu nói ấy là gió nói hay nhân vật tôi nói, sự nữ tính đã khiến nàng ngại ngùng không dám hỏi và rồi nàng đắm chìm trong sự ngọt ngào của câu nói ấy, nàng sống mà không thể thiếu nó. - Cuối cùng, nàng vẫn không biết ai là người nói và cũng không còn được nghe câu nói ấy sau khi nhân vật tôi đi Petersburg nhưng điều ấy đã trở thành kỷ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời nàng.

HD 2: Khám phá văn bản * Tìm hiểu người kể chuyện và vai trò của người kể. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Câu chuyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ mấy? Người kể đó tham gia vào những hành động chính nào của truyện? ? Xác định điểm nhìn của người kể trong toàn bộ câu chuyện ? Giọng điệu người kể chuyện có sự thay đổi như thế nào trong thời điểm “lúc ấy” (lúc hồi ức quá khứ) và “bây giờ” (hiện tại) ? Từ sự dịch chuyển điểm nhìn và giọng điệu của người kể chuyện trong tác phẩm, hãy cho biết vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong tác phẩm được kể theo kiểu hồi ức. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV phát phiếu HT số 1 cho HS (xem phụ lục 1) - HS thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 1-2 cặp đại diện báo cáo kết quả HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. * Tìm hiểu nhân vật và quyền năng của người kể chuyện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, thảo luận nhóm theo phiếu HT số 2 (xem phụ lục 2) tìm hiểu về nhân vật Na-đi-a, nhân vật “tôi” và quyền năng của người kể chuyện theo các thời điểm cụ thể sau: Nhóm 1,2: Lần trượt tuyết đầu tiên ? Căn cứ vào những gì được biểu hiện trong lời tả và kể của nhân vật “tôi” về lần trượt tuyết đầu tiên, hãy đoán định tình cảm thực sự của nhân vật với Na-đi-a. Nhóm 3,4: Các lần trượt tuyết sau ? Sau lần trượt tuyết đầu tiên, từ khi nảy sinh ý đùa với Na-đi-a, những hành động, cử chỉ, lời nói nào của nhân vật “tôi” cho thấy anh không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa? Vì sao có thể nói nhân vật “tôi” cũng chính là người mất mát sau	2. Khám phá văn bản a. Người kể chuyện - Ngôi kể: + Ngôi thứ nhất, xưng “tôi”; + Nhân vật “Tôi” tham gia vào những hành động chính của truyện như: Rủ Na-đi-a trượt tuyết và nói lời yêu thương trong lần đầu; biến lời yêu thương thành trò đùa trong những lần trượt tuyết tiếp theo; gửi lời yêu thương cuối cùng qua hàng rào có đỉnh nhọn; nhớ về kỉ niệm cũ và day dứt. - Điểm nhìn: + Điểm nhìn “lúc đó” - quá khứ, tại thời điểm khi mà nhân vật “tôi” bắt đầu trò đùa của mình: ++ Điểm nhìn bên trong ý thức nhân vật khi nói “tôi yêu em” với Na-đi-a trong lần trượt tuyết đầu tiên. ++ Điểm nhìn bên ngoài ý thức Na-đi-a khi nảy sinh trò đùa cợt sau lần trượt tuyết đầu tiên và trong những lần trượt tuyết tiếp theo. + Điểm nhìn “bây giờ” - thời điểm hiện tại - khi hồi ức về kỉ niệm, nhân vật “tôi” đứng ngoài nghe ngóng và quan sát đồng thời bộc lộ sự day dứt. - Điểm nhìn chi phối giọng kể: “lúc đó” – giọng chân thành tha thiết trong lần trượt tuyết thứ nhất; giọng đùa cợt, lãnh đạm sau lần trượt tuyết thứ nhất ...; giọng bản khoăn, day dứt ở thời điểm “bây giờ”. - Vai trò của người kể chuyện: Người kể chuyện với những dịch chuyển điểm nhìn đã thể hiện quyền năng của mình trong việc khắc họa tâm lí của nhân vật đồng thời thể hiện được cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. b. Nhân vật và quyền năng của người kể chuyện - Lần trượt tuyết đầu tiên + Na-đi-a: ++ “Bản khoăn cực điểm” sau khi được nghe những lời yêu thương lần đầu ++ Trong khát vọng hạnh phúc, cô gái dường như vẫn nghe thấy những lời yêu thương ấy, song cô vẫn muốn đó không phải chỉ là “gió nói” mà phải là lời “anh ấy nói” như một sự thực khách quan để khẳng định hạnh phúc hiện hữu chứ không phải là ảo giác. + Nhân vật tôi: ++ “Na-đi-a, anh yêu em!”, nhân vật “tôi” quan sát Na-đi-a và có lúc còn như nhập vào tâm trạng “bản khoăn cực điểm” của nàng ++ Trực tiếp thể hiện sự đồng cảm của mình với nàng trong cùng một nỗi sợ trượt tuyết chung cho cả “chúng tôi”: đây không chỉ là tình huống nguy hiểm, đáng sợ, mà còn thực sự hệ trọng. Lời yêu thương được nói ra trong cảm nhận chung yêu thương đó xuất phát từ tình cảm chân thành + Quyền năng của người kể chuyện: ++ Tâm trạng Na-đi-a được nhận biết qua đoán định của nhân vật “tôi” khi còn đồng cảm, chưa nảy sinh ý đùa với Na-đi-a ++ Sự đối sánh hai nhân vật – hai quan điểm sống như thủ pháp thường được sử dụng trong thể loại truyện ngắn. - Các lần trượt tuyết sau: + Nhân vật tôi: ++ Khi nảy sinh ý đùa với Na-đi-a, nhân vật “tôi” không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa.

“một chuyện đùa nho nhỏ” của mình? ? Câu nói “Na-đi-a, anh yêu em!” có ý nghĩa thế nào đối với Na-đi-a? Vì sao bắt chấp nỗi sợ, cô quyết định ngồi vào xe trượt xuống “một mình” để “thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không” Nhóm 5,6: Lần chia tay lúc xuân sang ? Cảnh chia tay của hai nhân vật lúc xuân sang gợi lên cho bạn những cảm nghĩ gì về các nhân vật và cuộc đời? Nếu rơi vào hoàn cảnh tương tự, bạn ứng xử ra sao? Nhóm 7,8: Hồi ức sau nhiều năm Trong phần kết, khi kể về tình trạng cuộc sống của Na-đi-a và của mình nhiều năm sau, người kể chuyện có tâm trạng thế nào? Hãy nêu nhận xét về cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV phát phiếu HT số 2 cho HS (xem phụ lục 2) - HS thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 4 nhóm báo cáo kết quả, nhóm còn lại có cùng nhiệm vụ quan sát nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (xem phụ lục 3)	++ Trong lần trượt thứ hai, nhân vật đã bắt đầu tính toán (“đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói”), và sau đó thể hiện “giọng nói thờ ơ lãnh đạm”, rồi trước khi nhắc lại câu nói trong lần trượt thứ ba anh ta cẩn thận “lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ đằng hắng lên mấy tiếng”. Khi biến những lời yêu thương thành chuyện đùa, nhân vật “tôi” ngày một xa cách với Na-đi-a, mất dần khả năng đồng cảm với nàng. ++ Anh trở thành nhỏ bé “lẩn trong đám đông” khi quan sát nàng bước lên xe trượt một mình để kiểm chứng sự thật. Chính lúc “lẩn trong đám đông” quan sát Na-đi-a, nhân vật “tôi” bộc lộ sự tâm thương của mình. Như người của “đám đông”, anh ta đã không đủ dũng khí thú nhận tình yêu đích thực với lòng mình, biến nó thành một chuyện đùa, để hạnh phúc vốn rất gần, vượt ra ngoài tầm tay với ++ Do không ý thức được hết sự hệ trọng của lời yêu thương, biến tình yêu của Na-đi-a, cũng là của mình thành “một chuyện đùa”, nhân vật “tôi” đã bỏ lỡ cơ hội đón nhận hạnh phúc của chính mình. Trong truyện, nhân vật “tôi” vừa là thủ phạm, vừa là nạn nhân của “một chuyện đùa nho nhỏ” do mình sắp đặt. Anh cũng chính là người phải chịu mất mát sau tất cả chuyện này. => Trong trò đùa của mình, nhân vật “tôi” khi sắm vai “lãnh đạm” đã đánh mất sự đồng cảm với khát vọng hạnh phúc của cô gái và chưa ý thức được rằng khát vọng hạnh phúc của cô cũng đồng thời chính là cơ hội hạnh phúc của anh. Nỗi buồn mơ hồ lúc xuân sang, khát vọng nói lời yêu thương thêm một lần nữa và sự trăn trở của nhân vật “tôi” ở câu kết truyện là minh chứng cho sự nuối tiếc của nhân vật. + Na-đi-a: ++ Vẫn quyết truy tìm sự thật. ++ Chính nỗi “băn khoăn cực điểm” đó làm cho cô không thỏa mãn với cảm giác say sưa do những lời yêu thương mang lại, quyết định ngồi vào xe trượt xuống “một mình” để “thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không”. => Hình ảnh Na-đi-a đi lên ngọn đồi, bắt chấp nỗi sợ, ngồi vào xe, trượt xuống “một mình” để truy tìm sự thật, gợi xúc cảm đáng trân trọng, khâm phục. Cái tên của Na-đi-a trong tiếng Nga có nghĩa là “hi vọng”. + Quyền năng của người kể chuyện: ++ Vượt ra khỏi tầm ý thức của nhân vật “tôi” kể chuyện. ++ Giới hạn ý thức của người kể chuyện ngôi thứ nhất là nhân vật chính khi đoán định tâm tư, tình cảm của nhân vật khác cùng tham gia vào tình huống truyện. ++ Sau lần trượt thứ nhất, nhân vật “tôi” khi kể chuyện đã dịch chuyển điểm nhìn của mình ra ngoài ý thức của Na-đi-a, do vậy mà những phỏng đoán của anh về tâm trạng và hành động của nàng không còn xác đáng nữa ++ Tổ chức điểm nhìn để nhân vật “tôi” từ “đám đông” dưới thấp hướng “nhìn lên cao” quan sát Na-đi-a cũng đóng vai trò định hướng đánh giá nhân vật. ++ Sự “không đáng tin” của lời người kể chuyện ngôi thứ nhất khi kể từ điểm nhìn “lúc đó, bấy giờ” của người trong cuộc, chưa có “độ lùi” thời gian suy ngẫm để ý thức lại về toàn bộ câu chuyện. - Lần chia tay lúc xuân sang:

	+ Bao trùm lên cảnh chia tay lúc xuân sang là sự tương phản giữa khát khao giao cảm bùng lên lần cuối rồi tắt đi trong thực tế phũ phàng. Cả cảnh vật lẫn con người ở đây đều được miêu tả theo khuynh hướng ẩn tượng chung như là một điều gì đó thật đẹp, thật âm áp nhen nhúm lên, rồi tan biến mất. + Ý thức về sự ngăn trở hiển hiện qua hình ảnh “hàng rào cao có đỉnh nhọn” như thực tế phũ phàng ngăn cách nhân vật “tôi” với Na-đi-a. Song trong một khoảnh khắc, nhân vật “tôi”, bước tới bên hàng rào, “ghé nhìn qua khe hở”, bất chợt tìm lại được sự giao cảm với khát vọng hạnh phúc của Na-đi-a, một lần nữa, anh gửi lời yêu thương theo gió đến nàng để được thấy gương mặt Na-đi-a “chan hoà một nụ cười rạng rỡ”, “mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc”. + Tình tiết “gửi lời theo gió” này không hẳn có gì là kì ảo, nó biểu thị sự giao cảm của hai nhân vật trong khát vọng hạnh phúc bùng lên trong khoảnh khắc như một ngọn gió. + Ngay sau khoảnh khắc có thể coi là “lãng mạn” đó, nhân vật tôi trở lại với thực tại phũ phàng: “Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...”. Tất cả sự giao cảm lại tan biến mất. => Vẫn là nhân vật tôi kể chuyện nhưng góc nhìn lại đã thay đổi: nhân vật tôi đứng trên ẩn tượng chung của cả 2 người để nhìn về kỉ niệm để thấy nó thật đẹp. Giây phút cuối của cuộc chia tay, nhân vật tôi đứng trên điểm nhìn cá nhân để nhìn về thực tế phũ phàng. - Hồi ức và cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn: + Nhân vật “tôi”: Suy tư, trầm trở. + Na –đi-a đã lấy chồng và có 3 con. + Hồi ức được tạo nên bởi sự dịch chuyển điểm nhìn theo thời gian thay đổi đột ngột từ “lúc đó” sang “bây giờ” ở phần kết truyện. - Cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn: Giọng điệu của người kể chuyện cô tỏ ra lãnh đạm (“qua lâu rồi”, “cũng thế cả thôi”), song khi nói về “chút kỉ niệm cũng nhau trượt tuyết” thì giọng điệu lại trở nên day dứt, thiết tha (“không sao quên được”, “hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời...”). Đặc biệt, câu kết “Còn tôi, bây giờ đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì đã nói những lời đó, sao tôi lại đùa như thế...” thể hiện nỗi niềm trầm trở không nguôi. Chính những điểm nhấn giọng điệu đặc biệt trong phần kết này làm nổi bật cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn, đó vừa là nỗi buồn day dứt, tiếc nuối và khao khát thoát khỏi những áp lực tâm lí đời thường để được giao cảm, dù chỉ là trong tâm tưởng.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, rút ra tác dụng của ngôi kể

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn “Một chuyện đùa nho nhỏ”? ? Nội dung bao trùm truyện ngắn “Một chuyện đùa nho nhỏ” là gì?	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Truyện thành công với ngôi kể thứ nhất, đặc biệt là nghệ thuật dịch chuyển điểm nhìn và sự đa thanh trong giọng điệu. - Miêu tả thành công tâm lí nhân vật. - Xây dựng được những tương phản: nghiêm túc – đùa cợt, giao cảm – xa cách, khát vọng - đời thường.

Bài học sâu sắc em nhận được từ câu chuyện. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã chuẩn bị. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Nội dung - Nỗi niềm trần trở khôn nguôi và những suy ngẫm về cuộc đời khi con người hồi ức về kỉ niệm. - Truyện ngắn về tình yêu không thành ngấm chứa khát vọng giao cảm của con người; sâu xa đó còn là sự thức tỉnh con người phải biết thoát ra khỏi những áp lực tâm lí đời thường để sống một cách có dũng khí.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn <i>Một chuyện đùa nhỏ nhỏ</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc - GV lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 học sinh trình bày phần bài làm của mình - HS khác lắng nghe, dựa vào Rubric đánh giá đoạn văn (xem phụ lục 4) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo - GV có thể thu “bài viết” của HS để đánh giá khả năng viết của từng em, khi cần, sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	IV. Kết nối đọc viết - Để viết đúng yêu cầu, HS phải xác định hình ảnh “hàng rào” xuất hiện thế nào trong tác phẩm: “Thế nào đó, khoảng hai ngày trước khi đi, vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ gần cách với sân nhà Na-đi-a bởi một hàng rào cao có đỉnh nhọn... Trời hãy còn lạnh. Tuyết hãy còn đọng lại dưới đồng phân ủ hoai mục, cây cối hãy còn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ trú đêm, rộn lên quàng quạc. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Na-đi-a bước ra thêm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt rầu rĩ của nàng... Làn gió xuân gọi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lạnh lẽo chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thảo nói: – Na-đi-a, anh yêu em!”. - Gợi ý: + Hình ảnh hàng rào xuất hiện trong cảnh chia li ở đoạn văn gần cuối tác phẩm trở thành biểu tượng nhấn mạnh trường nghĩa rào cản – chuyển từ rào cản tinh thần giữa hai nhân vật sang rào cản vật chất của hoàn cảnh. + HS cần lưu ý không chỉ phân tích hình tượng “hàng rào” mà còn cần phân tích hành động “đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở” của nhân vật “tôi cùng sự giao cảm của hai nhân vật qua việc “gửi lời theo gió”.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ việc tìm hiểu tác phẩm, liên hệ với những tác phẩm khác có cùng kiểu người kể chuyện hồi ức để cảm nhận; đồng thời HS kết nối với những câu chuyện đùa trong cuộc sống để ứng xử một cách tốt đẹp, tránh những day dứt về sau.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống thực tiễn rút ra từ cuộc sống.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS tìm đọc truyện ngắn “Đời thừa” (Nam Cao) và lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Trong đoạn mở đầu truyện ngắn *Đời thừa* của Nam Cao, nhân vật Hộ đã được miêu tả chủ yếu qua cái nhìn của ai?

A. Người kể chuyện.

- B. Không xác định.
- C. Nhân vật Từ.
- D. Người kể chuyện nhìn qua tâm trạng của nhân vật Từ.

Câu 2. Ở đoạn cuối tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, nhân vật Hộ đã tự mắng mình: "Anh...anh...chỉ là...một thằng...[...]"! Hãy điền tiếp từ còn thiếu vào chỗ dấu [...].

- A. "Khốn nạn".
- B. "Vô trách nhiệm".
- C. "Hư hỏng".
- D. "Đê tiện".

Câu 3. Vì lẽ gì mà nhân vật Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao lại lâm vào tình trạng vỡ mộng?

- A. Vì thiếu tài năng.
- B. Vì thiếu ý chí.
- C. Vì thiếu cơ hội và may mắn.
- D. Vì thiếu may mắn.

Câu 4. Dòng nào sau đây đánh giá đúng về thực chất lời tuyên bố của Hộ: “suốt đời mình anh chỉ viết một quyển sách duy nhất, nhưng nó sẽ đoạt giải Nô-ben về văn học” trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao?

- A. Một lời tuyên bố thể hiện niềm tin, hi vọng.
- B. Một lời tuyên bố đầy khát vọng, gợi nhắc mộng đẹp ngày xưa.
- C. Một lời tuyên bố huênh hoang, ảo tưởng.
- D. Một lời tuyên bố bốc đồng của kẻ không biết lượng sức mình.

Câu 5. Khi Hộ nhìn thấy mình "...*chẳng còn là mình nữa*" trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, tức là thấy tự lâm vào một tình trạng bi đát. Có thể gọi tên đúng nhất đó là tình trạng nào?

- A. Tự đánh mất cái tôi cùng với hoài bão cao đẹp của mình.
- B. Tự đánh mất cái tôi đáng yêu cùng với danh dự, triển vọng của mình.
- C. Tự đánh mất cái tôi cùng với nhân cách tốt đẹp của mình.
- D. Tự đánh mất cái tôi cùng với danh dự, nhân cách của mình.

Câu 6. Cụm từ nào diễn tả **không** đúng bi kịch tinh thần đau đớn của nhân vật Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao?

- A. Vỡ mộng.
- B. Sống thừa.
- C. Bị tha hóa.
- D. Chết mòn.

Câu 7. Trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, nội dung kể về đời sống hiện tại của nhân vật Hộ, thực ra chỉ gói gọn trong khoảng thời gian một ngày (từ sáng hôm trước đến sáng hôm sau), nhưng người đọc lại như được chứng kiến cả một quãng đời dằng dặc và đầy bi kịch của anh. Bằng cách nào mà nhà văn tạo được hiệu quả đó?

- A. Làm chậm nhịp điệu kể bằng cách gia tăng các đoạn miêu tả và các yếu tố trữ tình.
- B. Sử dụng nhiều đoạn trữ tình ngoại đề hay trữ tình triết lí.
- C. Cài đặt, lồng ghép thật khéo những mảng hồi ức vào mạch kể về hiện tại ở một thời điểm thích hợp.
- D. Sử dụng kết cấu trùng điệp, so sánh đối chiếu hiện tại với quá khứ.

Câu 8. Trong quan niệm của Hộ (*Đời thừa*, Nam Cao), điều cốt yếu nhất làm nên phẩm chất, tư cách người là gì?

- A. Biết gìn giữ, nuôi dưỡng lòng thương.
- B. Có lòng độ lượng, mang lại sung sướng, hạnh phúc cho người thân.
- C. Biết rũ bỏ lòng tự ái, ích kỉ.
- D. Chống lại lối sống "ác", sống "tàn nhẫn".

Câu 9. Theo nội dung truyện ngắn và tình cảnh bi kịch của Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao, cụm từ "đời thừa" được dùng để chỉ đúng nhất tình trạng sống như thế nào?

- A. Vô tích sự, vô nghĩa lí.
- B. Tội tăm, bế tắc.
- C. Mòn mỏi, vô nghĩa.
- D. Buồn bã, tẻ nhạt.

Câu 10. Phẩm chất căn bản, đáng quý của văn sĩ Hộ trong tác phẩm *Đời thừa* của Nam Cao là:

- A. Trọng danh dự, trọng lòng thương, có tư chất nghệ sĩ.
- B. Trọng chữ nghĩa, trọng nhân cách, trọng tài năng.

D. Có tài đức, có trách nhiệm, có khát vọng cao đẹp.

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Kết quả bài làm của HS

Bước 4: Kết luận: GV nhận xét kết quả, tuyên dương, khích lệ những bài làm tốt ở tiết học sau

PHỤ LỤC 1:

TÌM HIỂU NGƯỜI KỂ CHUYỆN VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG TÁC PHẨM.

PHỤ LỤC 2:

TÌM HIỂU NHÂN VẬT VÀ QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Sự kiện	Nhân vật		Quyền năng của người kể chuyện, cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn
	Tôi	Na-đi-a	
Nhóm 1,2: Lần trượt tuyết đầu tiên			
Nhóm 3,4: Các lần trượt tuyết sau			
Nhóm 5,6: Lần chia tay lúc xuân sang			

Nhóm 7,8: Hồi ức sau nhiều năm	-		

PHỤ LỤC 3:

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	1
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Phân tích hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i> :	
	- Xác định sự xuất hiện của hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn	2,5
	- Chỉ ra và phân tích được ý nghĩa cơ bản của hình ảnh “hàng rào”	3
	- Đánh giá được những giá trị nghệ thuật khi tác giả sử dụng hình ảnh “hàng rào”	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1,0

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngắn có cùng đặc điểm sáng tác và độ dài tương đương.
- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt. Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê.

THỰC HÀNH ĐỌC

“CON KHƯỞU SỔ LÒNG” (TRÍCH) Nguyễn Quang Sáng

I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả

- Nguyễn Quang Sáng (12 tháng 1 năm 1932 – 13 tháng 2 năm 2014; bút danh Nguyễn Sáng) là nhà văn Việt Nam, từng đoạt Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ thuật đợt II năm 2000.
- Ông được biết nhiều với vai trò tác giả và biên kịch của hai tác phẩm nổi tiếng là truyện ngắn *Chiếc lược ngà* và phim điện ảnh *Cánh đồng hoang*.

2. Tác phẩm

- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Văn bản *Con khướu sổ lòng* được trích từ tập truyện *Con mèo của Foujita* – NXB Kim Đồng – Hà Nội.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đọc văn bản

2. Khám phá văn bản

a. Nhan đề: Gợi lên một cuộc sống tự do, không bị bó buộc

b. Cốt truyện và diễn biến mạch truyện

- **Cốt truyện:** Văn bản kể về câu chuyện con chim khướu của gia đình “tôi” nuôi hai lần sổ lòng bay đi, lần đầu tiên chim một mình bay trở về, lần thứ hai, chim khướu gặp được chim mái trên bầu trời, và đã bay đi mãi cùng đôi cánh của tình yêu.

- **Diễn biến mạch truyện:**

- + Giới thiệu về con khướu (Đoạn 1: Từ đầu đến “không thể thiếu”)
- + Con khướu bay đi mất nhưng lạ thay hôm sau nó lại trở về lồng (Đoạn 2: Tiếp theo đến “Và nó trở về lồng, lại hót”)

+ Một lần nữa con khour sỏ lỏng nhưng nó không quay về lỏng nữa mà trở về với bầu trời tự do (Đoạn 3: Còn lại)

c. Điểm nhìn: Từ người cha:

+ Đủ trưởng thành để thấu tỏ mọi chuyện

+ Có tấm lòng đôn hậu, tràn đầy yêu thương với cả những con vật bé nhỏ

d. Đối thoại trong truyện:

- Con có chút ngáy thơ

- Cha: dứt khoát, chắc chắn

=> Đối thoại đơn giản, ngắn gọn nhưng đủ để người đọc nhận ra mối quan hệ cha con; nhận ra tầm hiểu biết của mỗi nhân vật: con còn nhỏ chưa hiểu chuyện, cha thấu tỏ sự đời; và cũng nhận ra rằng cả hai cùng yêu mến chim nhỏ nhưng cách đối diện với sự mất mát do chim bay đi thì khác nhau, một đằng chờ đợi, một đằng thì bình thản

e. Quyền năng của ngôi kể thứ nhất

- Truyện được kể theo ngôi thứ nhất. Người kể là nhân vật người ba trong gia đình.

- Người kể chuyện tham gia vào các sự việc, nên có thể bao quát hành vi, cảm xúc của các nhân vật khác cũng như tái hiện khách quan các sự việc xảy ra. Trong truyện, người kể chuyện đã lớn, đã trưởng thành, nên có đủ khả năng để lý giải các sự việc bên cạnh việc tái hiện.

g. Quan điểm, tư tưởng, thái độ của nhà văn

- Yêu tự nhiên nhưng cũng sống thuận theo lẽ tự nhiên

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Ngôi kể thứ nhất có sự nhất quán từ đầu truyện đến cuối câu chuyện

- Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, thoáng sắc màu Nam bộ

2. Nội dung

Tình yêu đối với thiên nhiên, tạo vật; sự thấu hiểu tự nhiên và lối sống thuận theo lẽ tự nhiên

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 73

BIỆN PHÁP CHÊM XEN, BIỆN PHÁP LIỆT KÊ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được đặc điểm hình thức của bộ phận chêm xen và bộ phận liệt kê trong câu.

- HS hiểu được chức năng cơ bản của biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê. Nếu chêm xen nhằm giải thích cho một đối tượng nào đó trong câu thì liệt kê cung cấp thông tin đầy đủ hơn về đối tượng. Về màu sắc tu từ, nếu dùng biện pháp chêm xen, người viết có thể tạo nên một tiếng nói khác bên cạnh giọng kể thì sử dụng biện pháp liệt kê, có thể bộc lộ thái độ, cảm xúc, cái nhìn riêng về đối tượng.

- HS có khả năng vận dụng kiến thức về chêm xen và liệt kê để tạo câu có sử dụng những biện pháp này khi cần thiết, phù hợp với mục đích biểu đạt.

2. Phẩm chất

- Yêu mến, trân trọng và có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để hiểu được tác dụng của việc liệt kê các hình ảnh nghệ thuật trong một đoạn thơ, kết nối vào bài học
c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV
d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!
(Trích *Vội vàng* – Xuân Diệu)

? Em có nhận xét gì về loạt hình ảnh xuất hiện trong đoạn thơ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân

Bước 4: Kết luận, nhận định

- **Gợi ý:** Các hình ảnh xuất hiện một loạt, bổ sung cho nhau, tạo cảm giác về sự đầy tràn, khao khát chiếm lĩnh trọn vẹn sự sống, mùa xuân, tình yêu, hạnh phúc của thi sĩ Xuân Diệu, đánh thức trong mỗi chúng ta ý thức về giá trị của thời gian và tuổi trẻ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU VÀ THỰC HÀNH VỀ BIỆN PHÁP CHÊM XEN, BIỆN PHÁP LIỆT KÊ

a. Mục tiêu:

- HS nhận diện được biện pháp chêm xen và tác dụng của phép chêm xen
- HS nhận diện được biện pháp liệt kê và tác dụng của phép liệt kê

b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm tìm hiểu về biện pháp chêm xen và liệt kê, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng và phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Tìm hiểu biện pháp chêm xen HD 1: Nhận biết biện pháp chêm xen Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm theo bàn, đọc ví dụ tr.59 SGK và: - Xác định vị trí và vai trò ngữ pháp của các cụm từ in đậm trong từng ngữ liệu. - Tìm dấu câu tách biệt bộ phận đó. - Nêu tác dụng của bộ phận đó đối với việc bổ sung thông tin, biểu thị tình cảm, cảm xúc? - Từ các ví dụ, rút ra khái niệm và dấu hiệu nhận biết về biện pháp chêm xen. 1. <i>Sáng nay, thằng lớn của tôi - mười lăm tuổi, lúc cho nó ăn đã sợ y mở hết cửa, thế là nó vù đi.</i>	I. Biện pháp chêm xen 1. Nhận biết biện pháp chêm xen a. Tìm hiểu ngữ liệu - Vị trí: Ở giữa câu (ngữ liệu 1,2), cuối câu (ngữ liệu 3). - Vai trò ngữ pháp: Đi kèm với chủ ngữ (ngữ liệu 1,4), vị ngữ (ngữ liệu 3,4,5), trạng ngữ (ngữ liệu 2); bổ sung ý nghĩa cho danh từ (ngữ liệu 1,3,4), cho quan hệ từ (ngữ liệu 2), cho động từ (ngữ liệu 5). - Dấu câu tách biệt: Dấu gạch ngang và dấu phẩy (ngữ liệu 1), dấu ngoặc đơn (ngữ liệu 2), dấu phẩy (ngữ liệu 3)... - Tác dụng: + Bổ sung thông tin: ngữ liệu 1,3,5 + Biểu thị tình cảm, cảm xúc: ngữ liệu 2,4 b. Kết luận - Khái niệm: Biện pháp chêm xen thể hiện bằng một thành phần câu nhằm giải thích cho một đối tượng nào đó được nói đến trong câu hoặc bổ sung thông tin cho câu. - Dấu hiệu nhận biết: Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.

(Nguyễn Quang Sáng, <i>Con khướu số lông</i>). 2. Bởi vì...bởi vì...(San cúi mặt và bỏ tiếng Nam dùng tiếng Pháp), người ta lừa dối anh. (Nam Cao, <i>Sống mòn</i>). 3. Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>) 4. Cô bé nhà bên (có ai ngờ) Cũng vào du kích Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích Mắt đen tròn (<i>thương thương quá đi thôi</i>) Giang Nam, <i>Quê hương</i>) 5. Đã nhìn thấy cây đàn ấy thì phải đánh - đánh cái cuộc đời mình vào đấy- để rồi xem nó ra được thành tiếng gì. (Nguyễn Tuân, <i>Chùa Đàn</i>). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện trình bày kết quả từng ngữ liệu - HS nhóm còn lại nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, tổng hợp, chuẩn kiến thức HD 2: Thực hành về biện pháp chêm xen Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập 1 theo nhóm đôi (xem phụ lục 1) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thành phiếu học tập theo cặp đôi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả - Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt, định hướng kiến thức cơ bản - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm theo rubric (xem phụ lục 2) * Tìm hiểu biện pháp liệt kê HD 1: Nhận biết biện pháp liệt kê Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc ngữ liệu tr.60 sgk và chia lớp thành 3 nhóm (N1: Ngữ liệu 1,2. N2: Ngữ liệu 3,4. N3: Ngữ liệu 5)	2. Thực hành về biện pháp chêm xen <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Biện pháp chêm xen</th><th>Tác dụng</th><th>Dấu hiệu hình thức, vị trí</th></tr><tr><td>Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>)</td><td>bên ngoài trời nắng gắt</td><td>. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.</td><td>Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang</td></tr><tr><td>Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>)</td><td>Cụm từ ngày nào – một cụm từ chỉ thời gian quá khứ.</td><td>Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “hai bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.</td><td>Giữa câu, giữa 2 dấu phẩy</td></tr><tr><td>Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. (Tóm tắt <i>Những người khốn khổ</i>).</td><td>người luôn ngờ vực về nhân thân của ông</td><td>Nhằm giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia-ve cũng như thái độ của Gia-ve đối với Giăng Van-giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia-ve khi đối mặt với Giăng Van-giăng trở nên dễ hiểu hơn.</td><td>Giữa câu, trong ngoặc đơn</td></tr></table> II. Biện pháp liệt kê 1. Nhận biết biện pháp liệt kê a. Tìm hiểu ngữ liệu - NL1: “Con vẫn đinh ninh....dân tộc yêu thương” + Vị trí: Giữa câu + Dấu hiệu hình thức: Dấu phẩy + Tác dụng: Cung cấp thông tin - NL2: “Mùa xuân của tôi....như thơ mộng” + Vị trí: Cuối câu	Ngữ liệu	Biện pháp chêm xen	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí	Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>)	bên ngoài trời nắng gắt	. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.	Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang	Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>)	Cụm từ ngày nào – một cụm từ chỉ thời gian quá khứ.	Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “hai bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.	Giữa câu, giữa 2 dấu phẩy	Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. (Tóm tắt <i>Những người khốn khổ</i>).	người luôn ngờ vực về nhân thân của ông	Nhằm giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia-ve cũng như thái độ của Gia-ve đối với Giăng Van-giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia-ve khi đối mặt với Giăng Van-giăng trở nên dễ hiểu hơn.	Giữa câu, trong ngoặc đơn
Ngữ liệu	Biện pháp chêm xen	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí														
Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>)	bên ngoài trời nắng gắt	. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.	Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang														
Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam, <i>Dưới bóng hoàng lan</i>)	Cụm từ ngày nào – một cụm từ chỉ thời gian quá khứ.	Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “hai bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.	Giữa câu, giữa 2 dấu phẩy														
Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. (Tóm tắt <i>Những người khốn khổ</i>).	người luôn ngờ vực về nhân thân của ông	Nhằm giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia-ve cũng như thái độ của Gia-ve đối với Giăng Van-giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia-ve khi đối mặt với Giăng Van-giăng trở nên dễ hiểu hơn.	Giữa câu, trong ngoặc đơn														

Ngữ liệu	Biện pháp liệt kê	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí
- Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. (Nguyễn Dữ, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)	tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy	Biện pháp liệt kê ở câu này được dùng để vạch rõ tội trạng của viên tướng bại trận Bắc triều. Nhờ các vế được nêu lên ở biện pháp liệt kê, mọi hành động gian dối, bạo ngược của kẻ thoán nghịch đó dần dần bị bóc trần.	Những từ ngữ chỉ chuỗi hành động đặt ở giữa câu văn
Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả nem,	gà luộc, giò, chả nem,	Đây là câu văn miêu tả cỗ cúng tất niên, trích tiêu	Dùng 2 lần trong

	giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả giò, mọc, vây... (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn)	măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả giò, mọc, vây...	thuyết Mùa lá rụng trong vườn của Ma Văn Kháng. Trong câu văn này, biện pháp liệt kê được tác giả sử dụng hai lần, nhằm thể hiện sự phong phú của các món ăn được những người con dâu nhà ông Bằng chế biến. Mặc dù ở vào “thời buổi khó khăn”, nhưng qua hình ảnh mâm cỗ được miêu tả, ta cũng thấy được phần nào nét văn hoá ẩm thực của người Hà Nội.	cùng một câu văn (ở giữa và cuối câu)
	Ngày mười tám trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế, Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu, Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh đại bại tử vong, Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn. (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)	Ngày mười tám, ngày hai mươi, ngày hăm lăm, ngày hăm tám; trận Chi Lăng, trận Mã An; Liễu Thăng thất thế, cụt đầu, Lương Minh, Lý Khánh,...	Trên lớp nghĩa bề mặt, biện pháp liệt kê giúp người đọc nắm được thông tin cụ thể về ngày tháng bại trận của các tên tướng giặc. Nhưng ở bề sâu, các câu có tính chất liệt kê đã tạo ra một giọng điệu hào sảng, thể hiện khí thế dũng mãnh, oai hùng, chiến thắng dồn dập của nghĩa quân Lam Sơn.	Biện pháp liệt kê không nằm trong một câu, mà ở các câu liên tục trong đoạn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết câu có sử dụng biện pháp chêm xen và liệt kê
- c. Sản phẩm học tập:** Câu đã hoàn thành của HS theo yêu cầu
- d. Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hình thức: Làm việc cá nhân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: - Viết ba câu có sử dụng biện pháp chêm xen, nội dung có liên quan đến các truyện đã đọc trong bài	III. Vận dụng viết câu 1. Bài 2/59 Tham khảo: Câu 1: Nhân vật Phăng-tin luôn khao khát gặp con – <u>đứa con gái đã thất lạc của chị</u> - trước khi qua đời. Câu 2: Đối với Na-đi-a, dù sau này đã có chồng – <u>một viên thư ký hội đồng giám hộ quý tộc</u> , thì có lẽ

- Viết ba câu có sử dụng biện pháp liệt kê, nội dung liên quan đến các văn bản trong bài học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh: suy nghĩ, viết câu - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 số HS đọc sản phẩm theo yêu cầu - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm đánh giá vận dụng viết câu (xem phụ lục 4) Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét hoặc cho điểm HS.	kỷ niệm về ngày tuyết cùng nhân vật “tôi” và những tiếng “anh yêu em” vẫn là những phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời nàng. Câu 3: Nhân vật Thanh vẫn luôn cảm thấy bình yên và thông thả mỗi khi trở về ngôi nhà của bà – <u>không gian thân thuộc đối với chàng</u>. 2. Bài 2/61 Tham khảo: Câu 1: Đọc <i>Bình Ngô đại cáo</i> của Nguyễn Trãi, ta càng thêm tự hào vì những chiến công hiển hách của nghĩa quân Lam Sơn qua các trận đánh: trận Chi Lăng, trận Mã An, trận Tây Kinh, Đông Đô, Tốt Động,... Câu 2: Trong <i>Bảo kính cảnh giới</i>, Nguyễn Trãi đã đem đến cho độc giả một cái nhìn mới về mùa hè, không còn là nắng gắt, phượng hồng, mà là hộc lục, thạch lựu hiên, hồng liên trì, v.v. Câu 3: Tác phẩm <i>Dưới bóng hoàng lan</i> đã đem đến cho người đọc một khung cảnh yên bình qua thiên nhiên vùng quê với con đường gạch rêu phủ, bức hoa tường thấp yên tĩnh, giàn thiên lí hoa thơm, cùng cây hoàng lan bóng tỏa.

PHỤ LỤC:

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP 1: THỰC HÀNH BIỆN PHÁP CHÊM XEN

Ngữ liệu	Biện pháp chêm xen	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí
<i>Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thông thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. (Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)</i>	bên ngoài trời nắng gắt	. Thành phần này giải thích vì sao Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán.	Giữa câu, giữa 2 dấu gạch ngang
<i>Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. (Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)</i>	Cụm từ ngày nào – một cụm từ chỉ thời gian quá khứ.	Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “hai bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.	Giữa câu, giữa 2 dấu phẩy
<i>Tuy nhiên, ông thường xuyên bị thanh tra Gia-ve (người luôn ngờ vực về nhân thân của ông) rình mò, theo dõi. (Tóm tắt Những người khốn khổ).</i>	người luôn ngờ vực về nhân thân của ông	Nhằm giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia-ve cũng như thái độ của Gia-ve đối với Giăng Van-giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia-ve khi đối mặt với Giăng Van-giăng trở nên dễ hiểu hơn.	Giữa câu, trong ngoặc đơn

PHỤ LỤC 2. PHIẾU HỌC TẬP 2: THỰC HÀNH BIỆN PHÁP LIỆT KÊ

Ngữ liệu	Biện pháp liệt kê	Tác dụng	Dấu hiệu hình thức, vị trí

- Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thắm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. (Nguyễn Dữ, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên)	tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa thích làm trò thắm ngược, Thượng đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy	Biện pháp liệt kê ở câu này được dùng để vạch rõ tội trạng của viên tướng bại trận Bắc triều. Nhờ các vế được nêu lên ở biện pháp liệt kê, mọi hành động gian dối, bạo ngược của kẻ thoán nghịch đó dần dần bị bóc trần.	Những từ ngữ chỉ chuỗi hành động đặt ở giữa câu văn
Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lủi, vịt tần hạt sen, chả giò, mọc, vây... (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn)	gà luộc, giò, chả nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... gà quay ướp húng lủi, vịt tần hạt sen, chả giò, mọc, vây...	Đây là câu văn miêu tả cổ cúng tất niên, trích tiểu thuyết Mùa lá rụng trong vườn của Ma Văn Kháng. Trong câu văn này, biện pháp liệt kê được tác giả sử dụng hai lần, nhằm thể hiện sự phong phú của các món ăn được những người con dâu nhà ông Bằng chế biến. Mặc dù ở vào “thời buổi khó khăn”, nhưng qua hình ảnh mâm cỗ được miêu tả, ta cũng thấy được phần nào nét văn hoá ẩm thực của người Hà Nội.	Dùng 2 lần trong cùng một câu văn (ở giữa và cuối câu)
Ngày mười tám trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế, Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cắt đầu, Ngày hăm lăm, Bá tước Lương Minh đại bại tử vong, Ngày hăm tám, Thượng thư Lý Khánh cùng kể tự vẫn. (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)	Ngày mười tám, ngày hai mươi, ngày hăm lăm, ngày hăm tám; trận Chi Lăng, trận Mã An; Liễu Thăng thất thế, cắt đầu, Lương Minh, Lý Khánh,...	Trên lớp nghĩa bề mặt, biện pháp liệt kê giúp người đọc nắm được thông tin cụ thể về ngày tháng bại trận của các tên tướng giặc. Nhưng ở bề sâu, các câu có tính chất liệt kê đã tạo ra một giọng điệu hào sảng, thể hiện khí thế dũng mãnh, oai hùng, chiến thắng dồn dập của nghĩa quân Lam Sơn.	Biện pháp liệt kê không nằm trong một câu, mà ở các câu liên tục trong đoạn.

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS vận dụng phép chêm xen và liệt kê vào việc làm văn một cách phù hợp.
- Tìm và sửa phép chêm xen và liệt kê trong các bài kiểm tra môn Ngữ văn sao cho đúng và hay.
- Chuẩn bị nội dung viết: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

VIẾT

Tiết: 76

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS nắm được đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học theo hướng khái quát chủ đề, phân tích nhân vật trong quan hệ với chủ đề, những đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật và tác dụng của chúng.

Thực hành viết

- Từ định hướng trên, HS biết viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện, đáp ứng yêu cầu về kiểu bài nghị luận văn học.

2. Phẩm chất

- Biết bày tỏ đánh giá nhận xét về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện.
- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, Rubric đánh giá và chỉnh sửa,...

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu một truyện ngắn sưu tầm trên mạng Internet

- GV gọi HS thay nhau đọc:

Lúc đó khoảng 8:30 sáng, phòng cấp cứu rất bận rộn. Một ông cụ khoảng trên 80 tuổi bước vào phòng và yêu cầu được cắt chỉ khâu ở ngón tay cái. Ông cụ nói ông rất vội vì ông có một cuộc hẹn vào lúc 9 giờ.

Tôi bắt mạch, đo huyết áp cho ông cụ xong, tôi bảo ông ngồi chờ vì tôi biết phải hơn một tiếng đồng hồ nữa mới có người đến cắt chỉ khâu cho ông.

Tôi thấy ông nôn nóng nhìn đồng hồ nên tôi quyết định sẽ đích thân khám vết thương ở ngón tay cái của ông cụ. Vì lúc đó tôi cũng không bận với một bệnh nhân nào khác cả.

Khi khám tôi nhận thấy vết thương đã lành tốt vì vậy tôi đi lấy dụng cụ để tháo chỉ khâu ra và bôi thuốc vào vết thương cho ông cụ. Trong khi săn sóc vết thương cho ông cụ tôi hỏi ông là: “ông vội như vậy chắc là ông có một cuộc hẹn với một bác sĩ khác sáng hôm nay phải không?”

Ông nói không phải vậy nhưng ông cần phải đi đến nhà dưỡng lão để ăn điểm tâm với bà cụ vợ của ông ở đó.

Tôi hỏi thăm sức khỏe của bà cụ thì ông cho biết là bà đã ở viện dưỡng lão một thời gian khá lâu rồi và bà bị bệnh Alzheimer (bệnh mất trí nhớ ở người lớn tuổi).

Khi nói chuyện, tôi có hỏi ông cụ là liệu bà cụ có buồn không nếu ông đến trễ một chút. Ông cụ nói bà ấy không còn biết ông là ai nữa và đã 5 năm nay rồi bà không còn nhận ra ông nữa.

Tôi ngạc nhiên quá và hỏi ông cụ “và Bác vẫn đến ăn sáng với Bác gái mỗi buổi sáng mặc dù Bác gái không còn biết Bác là ai nữa?” Ông cụ mỉm cười, vỗ nhẹ vào tay tôi rồi nói “Bà ấy không còn biết tôi nữa nhưng tôi vẫn còn biết bà ấy là ai”.

Khi ông cụ bước ra khỏi phòng, tôi phải cố gắng lắm để khỏi bật khóc. Tôi vô cùng xúc động và thầm nghĩ, “Ước gì đời mình có được một tình yêu như thế!”

- Trả lời nhanh các câu hỏi:

+ Truyện kể về điều gì?

+ Các nhân vật trong truyện là ai?

+ Nêu một vài nhận xét, đánh giá về nhân vật trung tâm?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Nghe đọc và đọc thầm
- Suy nghĩ câu hỏi, ghi nhanh ra giấy kết quả

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS giờ tay phát biểu
- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

=>Dự kiến trả lời câu hỏi:

- + Truyện kể về tình yêu của một ông già dành cho người vợ mắc bệnh Alzheimer
- + Các nhân vật trong truyện: Ông già bị thương ở ngón tay và bác sĩ
- + Ông già mang theo tình yêu vô bờ với người vợ của mình. Dầu bà chẳng còn nhớ ông là ai, nhưng tình yêu ông dành cho vợ vẫn luôn vẹn nguyên

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật.
- HS nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài văn nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật.
- HS xác định được đúng các luận điểm trong bài viết, tóm lược được nội dung các luận điểm.

b. Nội dung:

HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm:

Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cần định hướng cho các em bằng một số câu hỏi sau: - Chủ đề của truyện là gì? Quan điểm của nhà văn thể hiện như thế nào qua chủ đề đó? - Các nhân vật có chức năng như thế nào trong việc làm nổi bật chủ đề của truyện? - Khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật, em cần thực hiện những yêu cầu gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV nhận xét, chuẩn kiến thức. * Đọc và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao trước bài tập cho HS theo nhóm (4 nhóm tương ứng với 4 tổ đã thảo luận ở nhà) Yêu cầu HS đọc (Theo các luận điểm được triển khai trong bài tham khảo) và phân tích bài viết tham khảo trong sgk theo phiếu học tập số 1(Xem phụ lục 1) Sau đó HS rút ra phương pháp viết một bài phân tích, đánh giá tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật.	I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài - Chủ đề: là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện sự quan tâm cũng như nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống. - Nhân vật: có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời - Yêu cầu khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật: + Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. + Nêu nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. + Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. + Phân tích mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm. + Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. + Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân. II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Đọc bài viết tham khảo 2. Phân tích bài viết tham khảo và phương pháp viết một bài phân tích, đánh giá tác phẩm truyện về chủ đề và nhân vật. => Chiếu kết quả phiếu học tập số 1 Phiếu học tập số 1: Phân tích bài viết tham khảo “Lại đọc Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm ở nhà dựa trên phiếu học tập của GV, có thể báo cáo kết quả trên padlet Bước 3: Báo cáo, thảo luận Gọi đại diện 1 nhóm HS báo cáo kết quả thực hiện phiếu học tập, Các nhóm sẽ đánh giá chung dựa trên rubric đánh giá của GV (Xem phụ lục 2) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện phiếu học tập của các nhóm.	Nội dung phân tích	Bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)
	Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu văn nào?	Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.
	Phương diện nào của các nhân vật đã được tác giả bài viết đặc biệt chú ý phân tích để qua đó làm rõ chủ đề của truyện?	Nhà văn tập trung làm nổi bật thái độ của các nhân vật trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương của con người.
	Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định như thế nào qua bài viết?	<i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân cho người ta hiểu rằng: muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: cái tài, cái đẹp, cái thiên tính tốt đẹp của con người (thiên lương).
	Mở bài (nhiệm vụ)	Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm
	Thân bài (nhiệm vụ, luận điểm, luận cứ)	- Khái quát chủ đề của truyện. - Phân tích từng nhân vật tiêu biểu và mối quan hệ giữa các nhân vật - Phân tích vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của truyện - Đánh giá chủ đề và ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề, rút ra ý nghĩa đối với cuộc sống
	Kết bài (nhiệm vụ)	Khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghị luận

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- HS biết cách tìm ý cho bài viết đúng đề tài đã chọn.
- HS có ý thức xây dựng hệ thống ý và kiểm soát các ý trước, trong khi viết bài.
- HS biết viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện, đáp ứng yêu cầu về kiểu bài nghị luận văn học.
- HS biết cách tự kiểm tra lại bài viết, phát hiện những điểm chưa đạt yêu cầu, biết cách tự chỉnh sửa để hoàn chỉnh văn bản.

b. Nội dung: GV ra đề, hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý, định hướng nội dung viết và kiểm tra, sửa chữa hoàn thiện.

c. Sản phẩm: Phiếu tìm ý, dàn ý, bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Thực hành viết (1) Chuẩn bị viết	III. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Truyện nào đã được học hoặc đọc mở rộng còn để lại trong em những ấn tượng khó quên? - Truyện đó đề cập đến vấn đề gì của cuộc sống? - Em cảm thấy thân thuộc với các nhân vật trong truyện đó đến mức nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến sản phẩm trả lời cá nhân + GV quan sát khích lệ HS Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, định hướng lựa chọn 1 đề tài để HS thực hành (2) Tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý cho đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện “Chén trà trong sương sớm” – Nguyễn Tuân (GV chuyển giao văn bản truyện cho HS đọc trước ở nhà) - HS làm việc cá nhân điền vào Phiếu tìm ý theo mẫu (Xem phụ lục 3) - HS thảo luận nhóm (2 bàn một nhóm) lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS dự kiến sản phẩm + GV quan sát Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	<table border="1"> <tr> <td>Truyện đã được học hoặc đọc mở rộng còn để lại trong em những ấn tượng khó quên?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Vấn đề của cuộc sống mà truyện đó đề cập đến?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảm giác về sự thân thuộc với các nhân vật trong truyện</td><td>.....</td></tr> </table> 2. Tìm ý, lập dàn ý Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện “Chén trà trong sương sớm” – Nguyễn Tuân a. Tìm ý => Chiếu kết quả phiếu tìm ý <table border="1"> <tr> <td colspan="2">PHIẾU TÌM Ý</td></tr> <tr> <td colspan="2">Họ và tên:..... Lớp:</td></tr> <tr> <td colspan="2">Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện</td></tr> <tr> <td colspan="2">Gợi ý: Đọc lại truyện, suy nghĩ, tìm ý và ghi lại vào các ô sau:</td></tr> <tr> <td>Tên truyện, tác giả</td><td>Chén trà trong sương sớm – Nguyễn Tuân</td></tr> <tr> <td>Vấn đề đời sống được truyện đề cập</td><td>Lối sống đẹp (thường trà) của một nhà Nho cuối mùa</td></tr> <tr> <td>Chủ đề của truyện (tạm khái quát)</td><td>Trân trọng những nét văn hóa vang bóng một thời</td></tr> <tr> <td>Đặc điểm nổi bật của các nhân vật cần phân tích</td><td>Nhân vật phô diễn lối sống đẹp trong cách thưởng trà</td></tr> <tr> <td>Sự chi phối của chủ đề đối với các nhân vật (hoặc) vai trò của các nhân vật trong việc thể hiện chủ đề</td><td>Nhân vật đã bộc lộ rõ quan điểm của nhà văn Nguyễn Tuân: Người suốt đời đi tìm cái đẹp</td></tr> </table> b. Lập dàn ý Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tên tác giả); nêu ấn tượng đặc biệt của bản thân về tác phẩm. Thân bài: Triển khai vấn đề cần nghị luận: * Khái quát được chủ đề của truyện: tôn vinh cái đẹp, cái tài, khẳng định sự bất tử của cái đẹp trong cuộc đời * Phân tích nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật:	Truyện đã được học hoặc đọc mở rộng còn để lại trong em những ấn tượng khó quên?		Vấn đề của cuộc sống mà truyện đó đề cập đến?		Cảm giác về sự thân thuộc với các nhân vật trong truyện		PHIẾU TÌM Ý		Họ và tên:..... Lớp:		Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện		Gợi ý: Đọc lại truyện, suy nghĩ, tìm ý và ghi lại vào các ô sau:		Tên truyện, tác giả	Chén trà trong sương sớm – Nguyễn Tuân	Vấn đề đời sống được truyện đề cập	Lối sống đẹp (thường trà) của một nhà Nho cuối mùa	Chủ đề của truyện (tạm khái quát)	Trân trọng những nét văn hóa vang bóng một thời	Đặc điểm nổi bật của các nhân vật cần phân tích	Nhân vật phô diễn lối sống đẹp trong cách thưởng trà	Sự chi phối của chủ đề đối với các nhân vật (hoặc) vai trò của các nhân vật trong việc thể hiện chủ đề	Nhân vật đã bộc lộ rõ quan điểm của nhà văn Nguyễn Tuân: Người suốt đời đi tìm cái đẹp
Truyện đã được học hoặc đọc mở rộng còn để lại trong em những ấn tượng khó quên?																									
Vấn đề của cuộc sống mà truyện đó đề cập đến?																									
Cảm giác về sự thân thuộc với các nhân vật trong truyện																									
PHIẾU TÌM Ý																									
Họ và tên:..... Lớp:																									
Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện																									
Gợi ý: Đọc lại truyện, suy nghĩ, tìm ý và ghi lại vào các ô sau:																									
Tên truyện, tác giả	Chén trà trong sương sớm – Nguyễn Tuân																								
Vấn đề đời sống được truyện đề cập	Lối sống đẹp (thường trà) của một nhà Nho cuối mùa																								
Chủ đề của truyện (tạm khái quát)	Trân trọng những nét văn hóa vang bóng một thời																								
Đặc điểm nổi bật của các nhân vật cần phân tích	Nhân vật phô diễn lối sống đẹp trong cách thưởng trà																								
Sự chi phối của chủ đề đối với các nhân vật (hoặc) vai trò của các nhân vật trong việc thể hiện chủ đề	Nhân vật đã bộc lộ rõ quan điểm của nhà văn Nguyễn Tuân: Người suốt đời đi tìm cái đẹp																								

	- Nhân vật: Phân tích vẻ đẹp của cụ Ấm: Uống trà tinh tế, nâng lên thành nghệ thuật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Giới thiệu gián tiếp, + Giới thiệu trực tiếp. * Vai trò của nhân vật trong truyện: - Thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm - Bộc lộ tính cách nhân vật - Thúc đẩy cốt truyện phát triển - Thể hiện rõ nét phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân * Đánh giá chung về truyện Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận: Sự tôn vinh cái đẹp trong truyện ngắn của Nguyễn Tuân
(3) Hướng dẫn HS viết bài HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh (nếu đủ thời gian hoặc viết một số luận điểm, còn lại hoàn thiện ở nhà) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS viết bài theo dàn ý đã lập + GV quan sát Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. GV cho HS đọc lại một vài đoạn trong bài tham khảo, nhận ra bước triển khai của người viết về từng ý trong bài để học tập cách viết. Khi đọc các đoạn trong bài viết tham khảo, HS cần chú ý: - Đoạn văn có câu chủ đề hay không? - Nếu có, câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn (đoạn diễn dịch) hay cuối đoạn (đoạn quy nạp)?; - Các câu trong đoạn và các đoạn trong bài liên kết với nhau bằng phương tiện gì?...).	3. Viết - Chú ý: + Bài viết đủ 3 phần + Các luận điểm trong phần thân bài phải làm rõ cho vấn đề nêu ở đề bài. + Các dẫn chứng phải đúng, tiêu biểu và phong phú. + Lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với vấn đề nghị luận. - Cụ thể: + Mở bài: Nêu được tên truyện, tác giả, giới thiệu vấn đề cần bàn luận (viết trong một đoạn văn). + Thân bài: Khái quát được chủ đề của truyện, phân tích nhân vật và mối quan hệ giữa nhân vật với chủ đề. (Mỗi ý triển khai thành một đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong phần thân bài cần liên kết chặt chẽ với nhau). + Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận (viết trong phạm vi một đoạn văn).
(4) Hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại bài văn đã viết. - Kiểm tra và chỉnh sửa theo Phiếu chỉnh sửa bài viết (Xem phụ lục 4) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - HS báo cáo rút kinh nghiệm sau khi đã kiểm tra lại bài.	4. Chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết. . => Chiếu Phiếu chỉnh sửa bài viết

- HS khác nhận xét, góp ý cho bạn dựa vào Phiếu chỉnh sửa bài viết (Xem phụ lục 4) . Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức về yêu cầu đối với văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.	

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng viết bài theo đúng yêu cầu chung của kiểu bài và những đòi hỏi cụ thể của kiểu bài.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm thực hiện bài tập ở nhà.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện bài viết, chuẩn bị nói và nghe.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao bài tập về nhà)

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” – Thạch Lam

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập.

- GV khích lệ, giúp đỡ. (Nếu HS có khó khăn)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.

- Báo cáo sản phẩm trong tiết học sau.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của cá nhân.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập số 1: Phân tích bài viết tham khảo “Lại đọc *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)

Nội dung tìm hiểu	Bài viết tham khảo “Lại đọc <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân” (Nguyễn Đăng Mạnh)
Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> đã được tác giả bài viết khái quát qua những câu văn nào?	
Phương diện nào của các nhân vật đã được tác giả bài viết đặc biệt chú ý phân tích để qua đó làm rõ chủ đề của truyện?	
Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định như thế nào qua bài viết	
Mở bài (nhiệm vụ)	
Thân bài (nhiệm vụ, luận điểm, luận cứ)	
Kết bài (nhiệm vụ)	

PHỤ LỤC 2. PHIẾU TÌM Ý

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên: Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện

Gợi ý: Đọc lại truyện, suy nghĩ, tìm ý và ghi lại vào các ô sau:

Tên truyện, tác giả	
Vấn đề đời sống được truyện đề cập	
Chủ đề của truyện (tạm khái quát)	

Đặc điểm nổi bật của các nhân vật cần phân tích	
Sự chi phối của chủ đề đối với các nhân vật (hoặc) vai trò của các nhân vật trong việc thể hiện chủ đề	

PHỤ LỤC 3. PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu cụ thể	Đạt	Chưa đạt
Bố cục ba phần	- Mở bài: + Đã giới thiệu được vấn đề cần nghị luận chưa? + Nêu được ấn tượng đặc biệt của bản thân về tác phẩm chưa? - Thân bài: + Đã khái quát được chủ đề của truyện chưa? + Đã phân tích, đánh giá được các yếu tố trong truyện chưa? (chủ đề, nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ...) - Kết bài: Có khái quát được vấn đề nghị luận, có nêu được ý nghĩa của chủ đề không?		
Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết?		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thiện lại bài viết theo dàn ý và bài tập vận dụng theo yêu cầu.
- Chuẩn bị bài Nói và Nghe: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

NÓI VÀ NGHE

Tiết 77

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết nêu được vấn đề còn có những ý kiến khác nhau để thảo luận.

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- HS biết tóm lược ý kiến của người khác về vấn đề, trình bày được ý kiến của mình, thảo luận với nhau để có tiếng nói đồng thuận..

2. Phẩm chất

- Tự tin thể hiện bản thân.
- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, rubric, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc truyện ngắn “Hai đứa trẻ” (Thạch Lam) tại nhà, GV đặt vấn đề: “Hai đứa trẻ” là truyện ngắn hiện thực hay lãng mạn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc tác phẩm và suy nghĩ vấn đề tranh luận ở nhà rồi trình bày ý kiến trên lớp
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS thoải mái thể hiện suy nghĩ và lí giải cá nhân.
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

→GV dẫn dắt vào nội dung tiết học: Trong một tác phẩm văn học, sự đánh giá của người đọc về các khía cạnh nội dung hoặc hình thức nghệ thuật thường khác nhau. Vậy làm thế nào để có thể đưa ra quan điểm, ý kiến của mình một cách thuyết phục nhất? Tiết học thực hành hôm nay sẽ giúp các em làm tốt kĩ năng đó.....

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được vấn đề còn có ý kiến khác nhau để thảo luận.
- Học sinh biết tóm lược ý kiến của người khác về vấn đề, phân tích được ưu điểm, nhược điểm của những ý kiến khác nhau về vấn đề.
- Trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Học sinh trình bày một cách thuyết phục: nêu luận điểm rõ ràng, phối hợp hợp lí phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật nội dung thuyết trình.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm

c. Sản phẩm: Phần trình bày của học sinh dựa trên bài viết đã chuẩn bị sẵn.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuẩn bị nói và nghe Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên đã hướng dẫn học sinh chuẩn bị ở nhà về vấn đề sau: Về nhân vật người vợ nhặt trong tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân có ý kiến cho rằng: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: Thị là người giàu nữ tính và khát vọng. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại những yêu cầu của bước chuẩn bị nói. Yêu cầu học sinh xác định đề tài, xác định ý và sắp xếp ý, xác định từ ngữ then chốt, sử dụng những cụm từ phù hợp với kiểu bài nói: Mặc dù... nhưng...; về vấn	I. Chuẩn bị nói và nghe 1. Chuẩn bị nói a. Lựa chọn đề tài Về nhân vật người vợ nhặt trong tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân có ý kiến cho rằng: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh. Nhưng ý kiến khác lại nhấn mạnh: Thị là người giàu nữ tính và khát vọng. b. Tìm ý và sắp xếp ý - Xác định cách hiểu, cách lí giải. - Nêu được các ý xác đáng, thuyết phục, có lí lẽ sắc bén và bằng chứng tiêu biểu. - Sử dụng các câu hỏi để tìm ý (SGK). - Sắp xếp các ý thành một hệ thống chặt chẽ. c. Xác định từ ngữ then chốt

đề này, theo ý tôi; từ góc nhìn khác, ta có thể thấy; có thể khẳng định... - Giáo viên nêu tình huống, yêu cầu học sinh trao đổi, thảo luận và tranh biện theo hình thức cặp đôi. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh rà soát những nội dung đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên. - Học sinh làm việc theo cặp đôi; giáo viên quan sát, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	Có thể sử dụng những cụm từ phù hợp với kiểu bài nói: Mặc dù... nhưng...; về vấn đề này, theo ý tôi; từ góc nhìn khác, ta có thể thấy; có thể khẳng định... 2. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu các thông tin cần thiết xung quanh vấn đề nêu ra để thảo luận: + Hoàn cảnh và tình huống liên quan đến nhân vật. + Chủ đề tư tưởng của tác phẩm. - Ghi vắn tắt ý kiến của bản thân về vấn đề thảo luận. - Sẵn sàng tham gia thảo luận để cùng đi đến cách hiểu thỏa đáng về vấn đề.
* Trình bày bài nói và nghe Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm. - GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm về những vấn đề đã chuẩn bị ở trên Thành phần tham gia gồm 3 nhóm nhân vật: MC và 2 nhóm đại diện cho 2 luồng ý kiến trái chiều - MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác. - Các HS đại diện 2 nhóm trình bày bài thuyết trình trước lớp. 2 nhóm đối vai cho nhau khi là người nói, khi là người nghe. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và đánh giá bằng Rubric đánh giá bài nói cho bạn (Xem phụ lục 1) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ được phân công Bước 3: Báo cáo, thảo luận - MC dẫn dắt - Đại diện 2 nhóm trình bày bài nói và nghe - HS còn lại quan sát, đánh giá bằng bảng kiểm Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức	II. Trình bày bài nói và nghe 1. Yêu cầu chung: a. Người nói: + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị. + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điều bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh họa,...); đảm bảo thời gian quy định. + Đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,... + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). b. Người nghe: + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm. + Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. 2. Yêu cầu cụ thể: a. Người nói: * Mở đầu: MC dẫn dắt giới thiệu + Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật người vợ nhặt, dẫn hai ý kiến. + Khái quát chung: Giới thiệu chung về giá trị của tác phẩm “Vợ nhặt” và hình tượng nhân vật người vợ nhặt * MC mời các nhóm trình bày: - Nhóm 1: Đó là người phụ nữ lao động nghèo cùng đường và liều lĩnh: + Giải thích ý kiến: Người phụ nữ bị dồn đẩy vào hoàn cảnh nghiệt ngã, không lối thoát, trở nên táo bạo trong ngôn ngữ và hành động, dường như không còn ý thức được về nhân cách và phẩm giá của mình. + Phân tích để chứng minh: ++ Cùng đường: cái đói đã đẩy thị đến cảnh cùng vài người con gái khác phải ngồi vêu ở nhà kho để nhặt hạt rơi, hạt vãi. Ngoại hình tiều tụy, áo quần tả tơi như tổ đũa, gầy sọp, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt.... thị phải tìm mọi cách để sống cho qua ngày, nhưng rất khó khăn, thị sẽ chết đói

	++ Liều lĩnh: Thị bám vào câu hò vu vơ của người đàn ông xa lạ, ga ăn, ăn một cách rất thô tục, đồng ý theo không -> nỗ lực cố bám lấy sự sống. - Nhóm 2: Thị là người giàu nữ tính và khát vọng. + Giải thích ý kiến: Người phụ nữ giàu nữ tính và khát vọng', người phụ nữ có nhiều nét đẹp dịu dàng, nhân hậu, mơ ước, khát khao. + Phân tích để chứng minh: ++ Giàu nữ tính: Trên con đường từ chợ về nhà, thị rón rén, e thẹn đi sau\Tràng chừng ba, bốn bước, xóc xóc lại tà áo, trước những cặp mắt đổ dồn vào phía mình, thị càng ngượng ngịu, chân nọ dúi vào chân kia, im lặng suy tư khi nói chuyện với mẹ Tràng... sáng hôm sau, thị trở nên hiền hậu và đúng mực, tần tảo, vun vén cho gia đình -> nữ tính là bản chất của thị, phần nữ tính đó bị cái đói cướp mất giờ đã dần trở lại. ++ Khát vọng: Đó là khát vọng vượt qua nạn đói thê thảm, có một tổ ấm gia đình đơn sơ, hạnh phúc và một tương lai tốt đẹp: chăm lo cho cuộc sống gia đình để mọi việc sáng sủa hơn; nuốt miếng cháo cám để không phụ tấm lòng mẹ chồng, nói chuyện về những người đói đi phá kho thóc... * MC: Đánh giá chung: - Hai ý kiến đều là những nhận xét đúng nhưng chưa đầy đủ về nhân vật. Hai ý kiến nhìn bề mặt tưởng chừng như mâu thuẫn nhưng thực chất là đề cập đến những phương diện khác nhau về tính cách nhân vật. Ý kiến thứ nhất nhấn mạnh đến hoàn cảnh trớ trêu đối với thân phận con người, ý kiến thứ 2 khẳng định vẻ đẹp tâm hồn sâu xa của người nông dân Việt Nam, người phụ nữ- đều bị đẩy vào đường cùng vẫn khao khát hạnh phúc, hướng tới tương lai. - Nhân vật được đặt vào một tình huống truyện độc đáo. Nhân vật được khắc họa sinh động thể hiện tâm lí tinh tế, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng đậm cá tính, thể hiện hơi thở của đời sống lao động bình dân. * Kết thúc: MC dung hòa 2 góc nhìn b. Người nghe: Trong khi nghe bạn thuyết trình, cần: - Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến cảm xúc của người thuyết trình. - Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi.																		
* Thảo luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cử một HS làm thư kí ghi chép nhanh các ý kiến phát biểu. - Sau khi lắng nghe ý kiến của cả 2 nhóm trình bày, các em có những băn khoăn hoặc góp ý gì? (Yêu cầu phát biểu ngắn gọn, tập trung vào trọng tâm vấn đề và thể hiện rõ ràng ý kiến riêng của cá nhân.) - GV phát phiếu và hướng dẫn HS điền kết quả tự đánh giá cuộc thảo luận theo các tiêu chí và nội dung (Xem phụ lục 2)	III. Thảo luận <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.</td><td></td><td></td></tr></table>	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.			2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.			3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.		
STT	Nội dung đánh giá			Kết quả															
		Đạt	Chưa đạt																
1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.																		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.																		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.																		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các thành viên trong lớp lần lượt phát biểu ý kiến của mình - GV hoặc người điều hành định hướng đề người phát biểu tiếp theo bám sát nội dung trình bày của người nói trước. Người sau phân tích ý kiến của người trước trên các khía cạnh: Đã đi vào trọng tâm của vấn đề chưa? Ý kiến có điểm nào chưa thoả đáng? Cần bổ sung hay đưa ra cách hiểu khác về vấn đề? Từ phân tích đó, người thảo luận đưa ra ý kiến riêng của mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Các thành viên khác được mời tham gia phát biểu, phản bác hay đồng tình đều phải xoay quanh vấn đề đang thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận Căn cứ vào thời gian và tình hình thảo luận, người điều hành dựa vào kết quả ghi chép của thư kí nhóm, xâu chuỗi các ý kiến, thu tóm các nội dung có sự thống nhất cao giữa các ý kiến, nhận xét những ý kiến có chỗ khác biệt, đi đến khẳng định sự đồng thuận để kết thúc cuộc thảo luận.	4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.		
	5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp.		
	6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng.		

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1.

Rubric đánh giá bài nói: Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau			
Người thuyết trình:..... Người nhận xét:.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục	Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu.	Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề.	Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ.
2. Phong thái tự tin	Không tự tin, rụt rè.	Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe.	Tương tác, giao lưu tốt với người nghe.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh họa,...phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.

PHỤ LỤC 2. PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận.		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng.		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác về vấn đề văn học.		
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.		
5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp.		
6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng.		

3. HOẠT ĐỘNG 3: Củng cố, mở rộng (Cả bài 7)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện ở nhà.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bài 1/68. Lập bảng tổng hợp các văn bản đã học trong bài

Bài 2/69. Lập bảng tổng hợp về đặc điểm của các ngôi kể

Bài 3/69. Dấu hiệu nhận biết lời nhân vật

Bài 4/69. Phân tích nhân vật Thanh để làm nổi bật chủ đề truyện *Dưới bóng hoàng lan*

Dự kiến:

Trả lời câu hỏi bài 1:

Nội dung	Tác phẩm		
	Người cầm quyền khôi phục uy quyền	Dưới bóng hoàng lan	Một chuyện đùa nho nhỏ
Ngôi kể của người kể chuyện	Ngôi thứ ba	Ngôi thứ ba	Ngôi thứ nhất
Nhân vật chính	Giăng Van-giăng Gia-ve, Phăng-tin	Nga, Thanh	Nhân vật “tôi”, Na-đi-a
Điểm nhìn	Thay đổi theo từng nhân vật	Dưới góc nhìn của nhân vật Thanh	Nhân vật “tôi”
Chủ đề	Sức mạnh của công lý, tình thương có thể đẩy lùi bóng tối của cường quyền	Tình yêu quê hương, gia đình và tình cảm đôi lứa trong sáng, bình dị	Sự thấu hiểu và đồng cảm của con người

Trả lời câu hỏi bài 2:

Nội dung	Người kể chuyện ngôi thứ nhất	Người kể chuyện ngôi thứ ba
Dấu hiệu nhận biết	Người kể xưng “tôi”	Người kể giấu mình, gọi tên các nhân vật
Chức năng của lời kể	Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ chủ quan của người kể	Đánh giá khách quan sự việc

Khả năng bao quát của điểm nhìn	Xoay quanh nhân vật “tôi”	Khả năng bao quát rộng, toàn bộ câu chuyện
Quan hệ với các nhân vật trong truyện	Là người trực tiếp chứng kiến, có mối quan hệ mật thiết, có tác động đến các nhân vật trong truyện	Không thân thiết, gần gũi, là người ngoài cuộc
Khả năng tác động đến người đọc	Tạo độ tin cậy cho người đọc, khả năng tác động cao	Mang lại tính khách quan cho người đọc

Trả lời câu hỏi bài 3:

- Dấu hiệu nhận biết lời nhân vật: Những gạch đầu dòng đầu tiên ở mỗi câu nói; hoặc đặt trong dấu ngoặc kép trích dẫn y nguyên.

- Lời nhân vật tồn tại dưới hai dạng:

+ Trực tiếp: Nhân vật tự bộc lộ.

+ Gián tiếp: Lời nhân vật được thể hiện qua một yếu tố khác.

Trả lời câu hỏi bài 4:

a. Tìm ý và lập dàn ý

- Hoàn cảnh nhân vật

- Tính cách nhân vật:

+ Với quê hương

+ Với bà

+ Với Nga

- Vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm

- Đánh giá, nhận xét về nhân vật

b. Viết một đoạn (Mở bài hoặc phần thân bài)

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 7)

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm ở nhà, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao bài tập)

Tìm đọc thêm một số tác phẩm tuyển được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ nhất, khái quát ngắn gọn chủ đề của tác phẩm đã đọc

Gợi ý:

- Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng)

=> Chủ đề: Diễn tả một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” (Lê Minh Khuê)

=> Chủ đề: Dựng lên bức tượng đài kiêu hùng về những người thanh niên xung phong nói chung và những cô gái thanh niên xung phong nói riêng thời kì chống Mỹ. Tác phẩm đã khắc họa phần nào những nét tâm lí đáng yêu và cuộc sống đời thường của họ giữa nơi khói bom lửa đạn khốc liệt này, dám chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ tuyến đường Trường Sơn huyết mạch

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Ôn tập tổng hợp bài 7, nắm chắc các đặc trưng thể loại truyện và quyền năng của người kể chuyện
2. Hoàn thành các bài tập củng cố, mở rộng và vận dụng
3. Chuẩn bị bài 8: Thế giới đa dạng của thông tin (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc văn bản 1 và trả lời câu hỏi (SGK)

BÀI 8

THỂ GIỚI ĐA DẠNG CỦA THÔNG TIN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: *Sự sống và cái chết* (Trích *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao* – Trịnh Xuân Thuận)

VB 2: *Nghệ thuật truyền thống của người Việt* (Trích *Văn minh Việt Nam* – Nguyễn Văn Huyền)

VB 3: *Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu* (Lê My)

Thực hành đọc:

Tính cách của cây (Trích *Đời sống bí ẩn của cây* – Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben)

2. Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

3. Viết: Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

4. Nói và nghe: Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.

- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 80, 81

VĂN BẢN 1: SỰ SỐNG VÀ CÁI CHẾT (Trích *Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao*) Trịnh Xuân Thuận

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

-**Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

-**Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS phân tích, đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản.

- HS thấy được mối quan hệ giữa sự sống và cái chết trên Trái Đất.

Đọc hiểu hình thức

- HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.

- HS phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, suy luận và phân tích được vai trò của các số liệu, dẫn chứng trong việc thể hiện thông tin của văn bản.

- HS nhận biết được các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản; giải thích được mục đích lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về các thông tin trong văn bản

Độc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản thông tin khác có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang sự hiểu biết về đời sống xung quanh...

- Trân trọng giá trị của sự sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HS xem Clip:

<https://www.youtube.com/watch?v=QT2XltHECNA>

Trả lời câu hỏi:

- Clip trên nói về điều gì? Em hãy thử kể lại câu chuyện?
- Em nghĩ gì về sự sống qua clip trên?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem clip, kể lại chuyện
- HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ cá nhân
- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Câu trả lời của HS và ý kiến của các HS khác

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài:

Theo bạn, sự sống trên Trái Đất bắt nguồn từ đâu? Liệu Trái Đất có phải là hành tinh duy nhất có sự sống? Sự sống và cái chết có mối liên hệ như thế nào với nhau? Liệu cái chết có cần thiết hay không? Trái Đất sẽ ra sao nếu thiếu vắng sự sống?...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về đặc trưng của văn bản thông tin, bản tin, văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng, phương tiện phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: Vua tiếng Việt

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS tìm hiểu Tri thức Ngữ văn qua trò chơi: Vua Tiếng Việt qua 3 vòng thi (GV gọi 8 HS lên bảng tham gia) Vòng 1: Trả lời nhanh 1. Loại văn bản nào là loại văn bản chủ yếu cung cấp thông tin: (Đáp án: Văn bản thông tin) 2. Việc dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng được để đảm bảo một tính chất của văn bản thông tin, đó là tính chất gì? (Đáp án: Tính chính xác, khách quan)	I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn 1. Đặc trưng của văn bản thông tin. - Là văn bản cung cấp thông tin. - Để đảm bảo tính chính xác, khách quan, văn bản thông tin thường dẫn tên người, địa điểm, thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng. - Ngôn ngữ trong văn bản thông tin sáng rõ, đơn nghĩa. Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, ... góp phần giúp người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

3. Ngôn ngữ văn bản thông tin có đặc điểm gì? (Đáp án: Sáng rõ, đơn nghĩa) 4. Việc lồng ghép với các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... trong văn bản thông tin nhằm mục đích gì? (Đáp án: Tăng hiệu quả tác động đối với người đọc) diện Vòng 2: Điền khuyết 1. Bản tin là một loại văn bản... (Đáp án: thông tin) 2. Nội dung của bản tin là các sự kiện.... (Đáp án: cập nhật), có thể thu hút sự... (Đáp án: quan tâm/chú ý) của nhiều người và tạo được sức... (Đáp án: tác động) xã hội lớn Vòng 3: Phong phú (Tìm được nhiều từ nhất) 1. Ngôn ngữ bản tin thường ... (Đáp án: ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản) 2. Các biện pháp tu từ có thể sử dụng trong bản tin... (Đáp án: ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ,...) 3. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian nào? (Đáp án: bảo tàng, di tích, trường học, thư viện,...) 4. Đặc điểm hình thức (cấu trúc, ngôn ngữ) của văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng? (Đáp án: cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc; ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu,...) 5. Kể tên một số phương tiện phi ngôn ngữ? (Đáp án: các số liệu, các đường nối giữa các hình vẽ, các biểu đồ, sơ đồ, các hình ảnh,...) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - 8 đại diện HS tham gia trò chơi, loại dần qua 3 vòng, HS còn lại chiến thắng - HS ở dưới bổ sung, nhận xét nếu các HS tham gia không trả lời hoặc trả lời thiếu Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV) - Nhận xét về câu trả lời, phát thưởng hoặc cho điểm - Chốt lại kiến thức trọng tâm	- Để tăng thêm hiệu quả tác động đối với người đọc, đôi khi VB thông tin lồng ghép thông tin với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. 2. Bản tin - Là một loại văn bản thông tin. - Bản tin là các sự kiện cập nhật. - Ngôn ngữ bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản. - Tuy nhiên, để gây ấn tượng mạnh người viết vẫn sử dụng các biện pháp tu từ. - Người tiếp nhận thông tin cần biết đặt câu hỏi: + Tác giả của bản tin là ai? + Lập trường thái độ của người viết là gì? + Các nhân vật, sự kiện, số liệu...trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại có sắp xếp đó? + Những thông tin có đáng tin cậy không? 3. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng. - Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện,... giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu, quy định cần được tuân thủ, từ đó có những hành vi đúng đắn phù hợp. - Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc; ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu. 4. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ. - Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau: + Các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể chính xác . + Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin. + Các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống - Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin ,...

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. **Mục tiêu:** HS trình bày được những nét khái quát về tác giả và tác phẩm

b. **Nội dung hoạt động:** HS hoạt động nhóm ở nhà trước để tìm hiểu nội dung bài học

c. **Sản phẩm:** Kết quả chuẩn bị ở nhà của các nhóm.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm đôi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận	II. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả: - Trịnh Xuân Thuận: 1948 Tại Hà Nội, là nhà Vật lí, thiên văn học người Mỹ gốc Việt. - Ông vừa là một nhà khoa học, vừa là một nhà văn→ Các thông tin về khoa học vũ trụ được trình bày bằng ngôn ngữ giàu chất thơ

- GV gọi đại diện 1 nhóm HS tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Tác phẩm - Văn bản <i>Sự sống và cái chết</i> được trích trong cuốn <i>Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao</i>. - Đây là cuốn sách có giá trị: cung cấp cho người đọc thông tin về vũ trụ, giải thích từ ngữ, khám phá vẻ đẹp của sự sống, suy ngẫm về vai trò của con người trong vũ trụ, mối quan hệ giữa cái đẹp, khoa học và thi ca...

Hoạt động 2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.
- HS phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, suy luận và phân tích được vai trò của các số liệu, dẫn chứng trong việc thể hiện thông tin của văn bản.
- HS nhận biết được các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản; giải thích được mục đích lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản.
- HS phân tích, đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản.
- HS thấy được mối quan hệ giữa sự sống và cái chết trên Trái Đất.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* HD: Đọc văn bản và xác định bố cục Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phân công HS đọc thành tiếng, nhắc các em chú ý những thẻ bên phải văn bản. - Đối với một số câu hỏi “cái gì” và “tại sao” trong các thẻ bên phải văn bản, GV có thể gợi ý HS trả lời ngay trong quá trình đọc. Tuy nhiên, cần tránh ngắt mạch đọc của HS nhiều lần. - Em hãy xác định bố cục của văn bản “Sự sống và cái chết” sau khi nghe đọc? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản và xác định bố cục Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm HS trả lời câu hỏi HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức	III. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản và xác định bố cục a. Đọc văn bản b. Xác định bố cục - Đoạn 1: 2 hướng đi cơ bản của lịch sử sự sống trên Trái Đất - Đoạn 2: Chuyển du hành ngược thời gian về thời xa xưa của Trái Đất - Đoạn 3: Sự thích nghi, sinh tồn, tuyệt chủng của các loài trong quá trình tiến hóa - Đoạn 4: Mối quan hệ giữa sự sống và cái chết, vai trò của chúng đối với các loài trên Trái Đất
* HD: Khám phá văn bản a. Đề tài – cách tiếp cận đề tài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Văn bản <i>Sự sống và cái chết</i> viết về đề tài gì? Từ việc liên hệ tới những văn bản khác cùng đề cập đề tài này mà bạn đã đọc, hãy cho biết góc độ tiếp cận vấn đề riêng của tác giả? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm đôi thảo luận, thống nhất ý kiến Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận	2. Khám phá văn bản a. Đề tài – cách tiếp cận đề tài - Đề tài: sự sống và cái chết - Liên hệ với các văn bản khác: <i>Hành trình về phương Đông, Muôn kiếp nhân sinh</i> của John Vũ → Tác giả tiếp cận vấn đề sự sống và cái chết từ lịch sử tiến hóa của các sinh vật trên trái đất, để thấy được mối liên hệ giữa sự sống và cái chết cũng như tầm quan trọng như nhau của chúng

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

b. Sơ đồ mạch triển khai thông tin

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Tóm tắt những thông tin chính trong văn bản và chỉ ra cách tác giả sắp xếp, tổ chức các thông tin đó.

- Dựa vào nội dung văn bản, vẽ sơ đồ mô tả quá trình phát triển của sự sống trên Trái Đất.

GV lưu ý HS hai điểm: thể hiện được lịch sử phát triển bằng các con số, từ ngữ chỉ thời gian; thể hiện được diện mạo cụ thể của “sự sống” bằng tên các loài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm hoàn thành sơ đồ mạch ý hoặc có thể tạo ra một “triển lãm” các sản phẩm trong lớp để HS có thể quan sát sản phẩm của các nhóm khác, trao đổi, đặt câu hỏi,...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS, phát thưởng hoặc cho điểm HS.

- Chuẩn kiến thức

c. Ý nghĩa và tác động của văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Văn bản đưa lại cho bạn hiểu biết gì về mối quan hệ giữa “đấu tranh sinh tồn” và “tiến hoá”, giữa “sự sống” và “cái chết”?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu hỏi này dưới hình thức thảo luận, tranh luận.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

b. Sơ đồ mạch triển khai thông tin

Cách 1:

Đoạn 1:
Thông tin khái quát
Khái quát về lịch sử sự sống trên Trái Đất

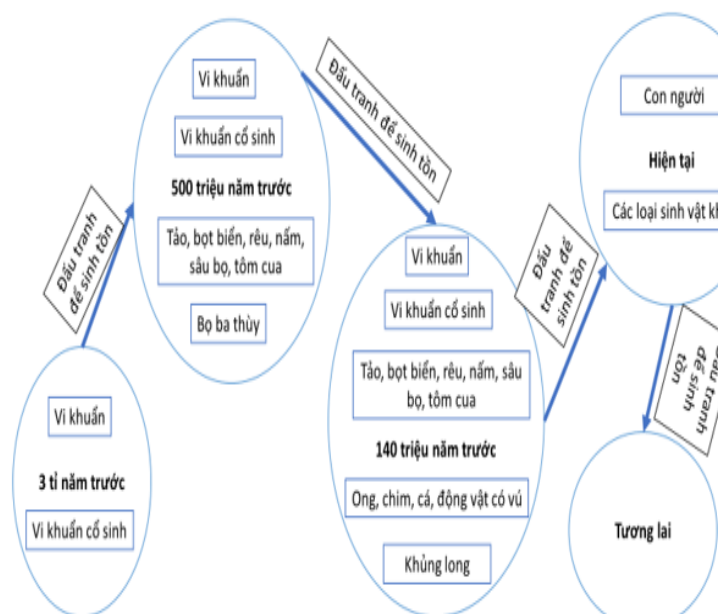


Đoạn 2, 3:
Triển khai thông tin
Sự sống trên Trái Đất cách đây 3 tỉ năm và 140 triệu năm thông qua sự có mặt của các sinh vật
Sự ra đời và tuyệt chủng của một số sinh vật



Đoạn 4:
Khái quát, mở rộng thông tin
Tìm ra nguyên nhân vì sao các loài tiến hóa và tự hoàn thiện

Cách 2:



Quá trình phát triển của sự sống trên Trái Đất

c. Ý nghĩa và tác động của văn bản

=> Mối quan hệ giữa “đấu tranh sinh tồn” và “tiến hoá”, giữa “sự sống” và “cái chết” là mối quan hệ cùng tồn tại, cùng phát triển, không loại trừ nhau, cái này là một phần

Đại diện HS chia làm 2 nhóm trình bày ý kiến tranh luận

HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.

- Chuẩn kiến thức

d. Thông điệp từ văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Qua các từ ngữ, thủ pháp nghệ thuật, cách sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu, em nhận được thông điệp gì từ văn bản *Sự sống và cái chết*? Trình bày suy nghĩ của mình về những thông điệp đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS trình bày kết quả

HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức

e. Đặc trưng của văn bản thông tin trong văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Những đặc trưng của loại văn bản thông tin đã được thể hiện như thế nào trong văn bản này? Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận đã được phối hợp sử dụng như thế nào và tạo được hiệu quả ra sao?

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thiện bảng theo mẫu:

Nhan đề văn bản					
Nội dung					
Bố cục và ngôn ngữ					
Phương thức biểu đạt	Phương thức	Miêu tả	Tự sự	Biểu cảm	Nghị luận
	Đoạn văn				
	Dấu hiệu				
	Nhận xét liên hệ giữa các phương				

của cái kia, cái này sinh ra cái kia, tương hỗ, phụ thuộc lẫn nhau,...

d. Thông điệp từ văn bản

- Các từ ngữ như: “đáng kinh ngạc”, “đón tiếp”, “chiêm ngưỡng”,... và thủ pháp nhân hoá, hình tượng hoá cho thấy niềm hứng thú và sự ngưỡng mộ của tác giả trước lịch sử tiến hoá của các sinh vật trên Trái Đất,

- Cách sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu mang tính khẳng định

=> Thông điệp: niềm tin vào sự sống và cái chết, niềm tin vào tương lai→ tích cực.

e. Đặc trưng của văn bản thông tin trong văn bản

Nhan đề văn bản	Tác giả đặt ra vấn đề sự sống và cái chết dựa trên các thông tin khoa học về các loài sinh vật trên Trái Đất, nhưng suy nghĩ của tác giả không dừng lại ở đó. Sự sống và cái chết đến cuối văn bản đã trở thành vấn đề khái quát hơn, trừu tượng hơn, và vì thế, có khả năng gợi liên tưởng sâu rộng hơn.				
Nội dung	- Cung cấp thông tin cho người đọc. - Bên cạnh đó, qua cách cung cấp thông tin, chúng ta cũng có thể thấy được quan điểm, suy nghĩ của người viết.				
Bố cục và ngôn ngữ	- Bố cục rõ ràng, cách chia đoạn theo luận điểm, mối liên kết chặt chẽ giữa các đoạn - Mức độ sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành, văn phong khách quan,...				
Phương thức biểu đạt	Phương thức	Miêu tả	Tự sự	Biểu cảm	Nghị luận
	Đoạn văn	2, 3, 4	1, 3, 4	1, 2	1, 3, 4
	Dấu hiệu	Sử dụng nhiều danh từ riêng, tính từ, từ, sử dụng nhiều từ ngữ như “đáng kinh ngạc”, “thích thú”,	Các sự kiện, tình tiết, giọng người kể chuyện	Các từ ngữ như “đáng kinh ngạc”, “thích thú”,	Các lập luận, bằng chứng và những câu

	g thức biểu đạt			động từ		“sợ cứng người”	thể hiện thái độ, quan điểm của người viết
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào Tri thức Ngữ văn về đặc trưng của văn bản thông tin, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Sau khi các nhóm hoàn thành, GV có thể tạo ra một “triển lãm” các sản phẩm trong lớp để HS có thể quan sát sản phẩm của các nhóm khác, trao đổi, đặt câu hỏi,... - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung, đánh giá hoặc tự đánh giá sản phẩm nhóm theo Rubric (bên dưới) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức				Nhận xét liên hệ giữa các phương thức biểu đạt	Tác giả sắp xếp xen kẽ, phối hợp các phương thức với nhau để làm tăng tính khách quan, tính phong phú, tăng độ tin cậy và hấp dẫn của các thông tin trong văn bản.		

Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản, cách đọc văn bản thông tin

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS suy nghĩ, khái quát lại toàn bộ bài học - Từ đó em rút ra để đọc hiểu một văn bản thông tin, chúng ta cần lưu ý điều gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Bố cục rõ ràng, thông tin khách quan, đảm bảo tính chính xác, ngôn ngữ đơn nghĩa, sáng rõ. - Sử dụng phối hợp các yếu tố: Tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận. 2. Nội dung VB đã cho người đọc thấy được quá trình phát triển của sự sống trên Trái Đất, mối quan hệ giữa “đấu tranh sinh tồn” và “tiến hóa”, giữa “sự sống” và “cái chết”, từ đó người đọc tự rút ra những thông điệp về việc bảo vệ sự sống trên Trái Đất. 3. Một số lưu ý khi đọc hiểu văn bản thông tin - Đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản - Lưu ý các số liệu, dẫn chứng, các thuật ngữ, các yếu tố phối hợp - Đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

***Nhiệm vụ 1: Trò chơi Đôraemon và chiếc bánh rán**

Câu 1. Tác giả tưởng tượng ra một chuyến “du hành” ngược thời gian nhằm mục đích gì?

A. Tìm hiểu về các loại tảo, bọt biển, rêu, nấm, tôm, cua và động vật nhuyễn thể.

B. Tìm hiểu về khủng long ăn thịt và thần lùn tiền sử.

C. Chiêm ngưỡng vẻ đẹp đa sắc của các loài động, thực vật

D. Giúp người đọc hiểu rõ hơn về lịch sử hình thành sự sống, sự đa dạng của các loài sinh vật trên Trái Đất của hàng trăm triệu năm về trước.

Câu 2. Tìm các thuật ngữ chuyên ngành sinh học được sử dụng trong đoạn 3, 4

- A. “các loài tiến hóa”, “đấu tranh sinh tồn”, “chọn lọc tự nhiên”, “loài”, “loài khủng long”, “các hạt cơ bản”, “Trái Đất”, “động vật đa bào”, “thích nghi”, “thần lằn tiền sử”.
- B. “bọ ba thù”, “cuối kỉ Péc-mi”, “tuyệt chủng”, “ổ sinh thái”, “các nguyên tử”, “sáng tạo”, “chim đại bàng”, “chim họa mi”, “chuột”
- C. “bọ ba thù”, “cuối kỉ Péc-mi”, “tuyệt chủng”, “ổ sinh thái”, “các loài tiến hóa”, “đấu tranh sinh tồn”, “chọn lọc tự nhiên”, “tiến hóa”, “sinh vật đơn bào”, “trùng đế giày”, “động vật”, “động vật nguyên sinh”, “động vật đa bào”, “thích nghi”,.
- D. “sinh vật đơn bào”, “trùng đế giày”, “động vật”, “tuyệt chủng”, “ổ sinh thái”, “các loài tiến hóa”, “đấu tranh sinh tồn”, “chọn lọc tự nhiên”, “Big Bang”, “hạt ánh sáng”

Câu 3. Sự khác nhau giữa các vật vô sinh và các sinh vật là gì?

- A. Các sinh vật có sự sống, chúng phải đấu tranh để sinh tồn, để không bị đào thải, bị chết hay dẫn đến việc bị tuyệt chủng.
- B. Các vật vô sinh là vật không có sự sống, là các hạt, các nguyên tử; chúng không cần phải đấu tranh để sinh tồn.
- C. Các sinh vật có sự sống, chúng phải đấu tranh để sinh tồn, để không bị đào thải, bị chết hay dẫn đến việc bị tuyệt chủng; Các vật vô sinh là vật không có sự sống, là các hạt, các nguyên tử; chúng không cần phải đấu tranh để sinh tồn.
- D. Các sinh vật và vật vô sinh đều có sự sống, chúng không cần phải đấu tranh để sinh tồn.

Câu 4. Trong văn bản, tác giả tiếp cận vấn đề từ góc độ nào?

- A. Góc độ tiếp cận vấn đề: từ lịch sử tiến hóa của các sinh vật trên Trái Đất để thấy được mối quan hệ giữa sự sống và cái chết.
- B. Góc độ tiếp cận vấn đề: theo chiều dọc và chiều ngang.
- C. Góc độ tiếp cận vấn đề: từ sự đa dạng sự sống của các loài sinh vật trên Trái Đất từ hàng trăm triệu năm trước.
- D. Góc độ tiếp cận vấn đề: từ các loài sinh vật và các vật vô sinh.

Câu 5. Những đặc trưng của loại văn bản thông tin đã được thể hiện trong văn bản “Sự sống và cái chết” là:

- A. Dẫn thời gian, số liệu có thể kiểm chứng.
- B. Ngôn ngữ sáng rõ, đơn nghĩa.
- C. Lồng ghép yếu tố nghị luận mang tính triết lí nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác và khách quan của thông tin.
- D. Tất cả các ý trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi theo 3 nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm tham gia trò chơi.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, tuyên dương khen thưởng hoặc cho điểm HS có nhiều câu trả lời đúng

***Nhiệm vụ 2: Viết tích cực**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Yêu cầu: Thu thập thông tin về một loài sinh vật mà bạn muốn tìm hiểu. Trình bày thông tin đó bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, viết đoạn văn (thời gian khoảng 10 phút).
- Đề bài viết là “thu thập thông tin”, nên nếu có điều kiện, HS có thể sử dụng các công cụ và phương tiện tìm kiếm thông tin để viết bài.
- GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số chữ của đoạn theo quy định.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn.
- GV nên lựa chọn một vài bài viết để chấm nhanh và nhận xét, tạo cơ hội cho HS chia sẻ những thông tin thú vị với các bạn trong lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Rubrics đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm

Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Thu thập thông tin về một loài sinh vật mà bạn muốn tìm hiểu. Trình bày thông tin đó bằng một đoạn văn	
	Nêu thông tin về loài sinh vật	2
	Trình bày thông tin: nội dung thông tin, số liệu, dẫn chứng,...	4
	Bày tỏ quan điểm về thông tin loài vật tìm hiểu	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thông tin; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý đoạn văn:

Cá voi lưng gù

Thật khó mà tưởng tượng được rằng **cá voi lưng gù** - loài cá lớn nhất hành tinh này lại là loài dễ bị tuyệt chủng nhất. Cũng giống như các loài cá voi khác, cá voi lưng gù bị săn bắn gần như tuyệt chủng do ngành công nghiệp đánh bắt cá voi. Khi đã rõ ràng rằng cá voi gần như sắp biến mất và không cách gì có thể phục hồi chúng mà không có sự giúp đỡ, cả hành tinh đã chung tay và thiết lập một lệnh cấm săn bắt cá voi vào năm 1966. Vào lúc này, hơn 90% tổng số loài cá voi lưng gù đã bị hủy diệt, để lại chỉ còn vỏn vẹn 5.000 cá thể cá voi lưng gù. Kể từ năm 1966, cá voi đã quay trở lại. Không giống như 9 loài động vật khác trong bài tổng hợp này, chương trình nuôi nhốt cá voi lưng gù không khả thi cho một loài động vật mà nặng trung bình tới 36.000 kg. Do đó, cách bảo tồn là có sự giám sát chặt chẽ không để cho con người sát hại nó. Dù vẫn còn bị săn bắt và vướng vào lưới cù nhưng số lượng cá voi lưng gù đã tăng lên 40.000 cá thể, tuy vậy cũng chỉ bằng 1/3 mức độ đàn cá voi lưng gù trước đây mà thôi.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- **Nhiệm vụ:** Sau khi đọc hiểu văn bản *Sự sống và cái chết*, các em hãy làm việc nhóm 6 người tại nhà và làm podcast với nội dung “Ngưng làm tổn thương mẹ thiên nhiên”. Podcast tối đa 10 phút và phải có hình ảnh, các phương tiện minh họa sáng tạo.

GV cho HS nghe một vài podcast về chủ đề môi trường để HS hình dung ra nhiệm vụ học tập.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy ngẫm và thực hiện tại nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình thông qua group lớp

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét chất lượng từng podcast, share podcast và yêu cầu HS nhận xét chéo từng nhóm.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. Nghệ thuật truyền thống của người Việt (Trích *Văn minh Việt Nam*)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 82, 83

VĂN BẢN 2: NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

(Trích *Văn minh Việt Nam*)

Nguyễn Văn Huyền

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.

- HS phân tích và đánh giá được nhan đề của văn bản, dựa vào nhan đề để suy đoán về những nội dung được trình bày trong văn bản.

- HS hiểu được mục đích, thái độ của người viết.

Đọc hiểu hình thức

- HS nhận biết và phân tích được giá trị của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về các thông tin trong văn bản

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản thông tin khác có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Trân trọng giá trị của sự sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân kết hợp trao đổi nhóm để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và nhóm cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Nếu là hướng dẫn viên du lịch cho một du khách nước ngoài muốn tìm hiểu về nghệ thuật truyền thống của Việt Nam, em sẽ giới thiệu cho du khách đó những gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ kết hợp trao đổi nhóm chuẩn bị nhanh trong thời gian 3 phút

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi HS/nhóm HS xung phong thuyết trình trong vai của 01 hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu cho khách nước ngoài về một số nghệ thuật truyền thống của Việt Nam, ví dụ: chèo, tuồng, múa rối nước, tranh Đông Hồ, nhã nhạc cung đình, hát xoan,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và các nhóm, giới thiệu thêm một số thông tin về nghệ thuật truyền thống của người Việt, vai trò và giá trị của nghệ thuật truyền thống trong đời sống văn hoá đương đại.

➔ **GV dẫn vào bài:** Trong xu hướng quốc tế hoá, toàn cầu hoá, việc bảo tồn các giá trị truyền thống có cần thiết hay không? Vì sao? Làm thế nào để con người đương đại có thể tiếp cận, thấu hiểu ý nghĩa của những giá trị truyền thống? Tiết học hôm nay cô trò mình sẽ cùng tìm hiểu về: Nghệ thuật truyền thống của người Việt (Trích Văn minh Việt Nam) của tác giả Nguyễn Văn Huyền để tự trả lời cho những câu hỏi còn nhiều băn khoăn.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: HS trình bày được những nét khái quát về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm ở nhà trước để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm đôi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 1 nhóm HS tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích 1. Tác giả: - <u>Nguyễn Văn Huyền (1905-1975)</u> là một <u>Giáo sư, tiến sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam</u>. - Là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Văn khoa tại Đại học Xóc – bon (Sorbonne), Paris. - Ông được giới chuyên môn ở <u>Việt Nam</u> đánh giá là người đặt nền móng cho nghiên cứu văn hoá, văn minh <u>Việt Nam</u>. Các nghiên cứu của ông góp phần khẳng định người <u>Việt Nam</u> có tín ngưỡng của riêng mình. - Ông có những đóng góp quan trọng và quyết định trong xây dựng nền giáo dục của nước <u>Việt Nam Dân chủ Cộng hòa</u>. - Năm 2000, được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học xã hội. 2. Tác phẩm - Được hoàn thành năm 1939, đến 1944 mới được xuất bản tại Hà Nội. - Là một phát ngôn đầy tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về văn hóa Việt trước cộng đồng thế giới. 3. Đoạn trích - Đoạn trích “<i>Nghệ thuật truyền thống của người Việt</i>” được trích từ phần 3, chương 12 của cuốn sách <i>Văn minh Việt Nam</i>.

Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS đọc, xác định bố cục của văn bản
- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.
- HS phân tích và đánh giá được nhan đề của văn bản, dựa vào nhan đề để suy đoán về những nội dung được trình bày trong văn bản.
- HS hiểu được mục đích, thái độ của người viết.
- HS nhận biết và phân tích được giá trị của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* HD: Đọc văn bản và xác định bố cục Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phân công HS đọc thành tiếng, nhắc các em chú ý những thẻ bên phải văn bản. - Em hãy xác định bố cục của văn bản “Nghệ thuật truyền thống của người Việt” sau khi nghe đọc? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản và xác định bố cục Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đọc to trước lớp, các HS khác đọc thầm HS trả lời câu hỏi HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc văn bản và xác định bố cục a. Đọc văn bản b. Xác định bố cục - Đoạn 1: Từ đầu đến “đã đạt đến”: Một số đặc điểm của nghệ thuật truyền thống người Việt - Đoạn 2: Tiếp.... “tác phẩm của họ trở thành độc đáo”: Thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt - Đoạn 3: Còn lại: Một số ngành nghệ thuật truyền thống người Việt

* HD: Khám phá văn bản

a. Hoàn cảnh ra đời, thái độ, lập trường, mục đích viết và ý nghĩa

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Dựa trên việc tìm hiểu về bối cảnh ra đời của văn bản ở nhà, em hãy chia sẻ lại những thông tin mình đã thu thập được?

- Em có nhận xét gì về thái độ, lập trường, mục đích viết của tác giả? Tìm các chi tiết trong văn bản chứng minh cho quan điểm của mình.

- Theo em, mục đích viết của tác giả trong văn bản là gì?

- Trong bối cảnh xã hội thuộc địa, sự khẳng định này có ý nghĩa gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm đôi thảo luận dựa trên kết quả đã chuẩn bị, thống nhất ý kiến

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận

HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

GV mở rộng:

Có thể nhận thấy qua những thông tin trong văn bản, tác giả ngầm thể hiện một **thái độ khẳng định, tự hào** đối với truyền thống lâu đời, giá trị và vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống của người Việt. Điều này được bộc lộ ngay từ đoạn văn đầu tiên, khi tác giả khẳng định nghệ thuật, hơn ở những lĩnh vực khác, là biểu hiện sâu sắc nhất của tâm tính nhân dân. Đồng thời dụng ý này cũng được thể hiện xuyên suốt trong các đoạn văn và được lặp đi lặp lại trong nhiều câu văn, ví dụ: “đồ nữ trang được chế tác với một sự tinh tế và đa dạng vô song”; “các tấm bia Lam Sơn, các lăng tẩm ở Huế, pho tượng Trấn Vũ lớn bằng đồng ở Hà Nội, các ngôi chùa Phật Tích, Bút Tháp thanh tao,... là những chứng cứ đáng tin cậy về đỉnh cao mà kỹ thuật của các nghệ sĩ Việt Nam đã đạt đến”; “Nhưng những nghệ sĩ có tài đã biết cách, trong những giới hạn đó, tạo cho các mô típ cổ truyền một sức mạnh bên trong và một chiều sâu làm cho tác phẩm của họ trở thành độc đáo”; “Lăng mộ các vua bản triều, nối tiếp

2. Khám phá văn bản

a. Hoàn cảnh ra đời, thái độ, lập trường, mục đích viết và ý nghĩa

- Hoàn cảnh ra đời:

+ Cuốn sách được **viết vào năm 1938**, trong thời Pháp thuộc, theo yêu cầu của Nha học chính Đông Dương. Tuy nhiên, do sự kiểm duyệt gắt gao của chính quyền thuộc địa, cuốn sách đã không được xuất bản ngay sau khi tác giả hoàn thành nó, mà phải tới **năm 1944 mới được xuất bản**.

+ Xét theo bối cảnh rộng hơn, cuốn sách được công bố trong bối cảnh thuộc địa, khi chính quyền thực dân đang đề cao sứ mệnh khai hoá văn minh, và bởi vậy phủ nhận vai trò của văn hoá và truyền thống bản địa. Trong bối cảnh này, có rất ít công bố trước đó nghiên cứu về văn hoá truyền thống của người Việt. Cuốn sách *Văn minh Việt Nam* được coi là một trong những cuốn sách đầu tiên của một tác giả Việt đi sâu nghiên cứu lĩnh vực này.

- Thái độ, lập trường, mục đích viết và ý nghĩa:

+ **Thái độ:** Cuốn sách Văn minh Việt Nam ngầm khẳng định truyền thống lâu đời và sự độc lập của văn hoá Việt, thể hiện sự kháng cự đối với chính quyền thuộc địa và tiếng nói đấu tranh cho tự do học thuật của người Việt.

+ **Mục đích viết** của tác giả trong văn bản là khẳng định lịch sử lâu đời, sự phong phú và giá trị độc đáo trong nghệ thuật truyền thống của người Việt.

+ **Ý nghĩa:** Việc khẳng định lịch sử lâu đời, sự phong phú và giá trị độc đáo trong nghệ thuật truyền thống của người Việt là sự đối thoại, thậm chí kháng cự lại luận thuyết về khai hoá văn minh của người Pháp (khẳng định Đông Dương là một xứ sở mông muội, phủ định sự tồn tại của văn hoá bản địa, đề cao sức mạnh của văn hoá Pháp). Có thể nói, đó là một bản tuyên ngôn ngầm về sự độc lập của văn hoá Việt so với văn hoá phương Tây.

b. Sơ đồ mạch triển khai thông tin

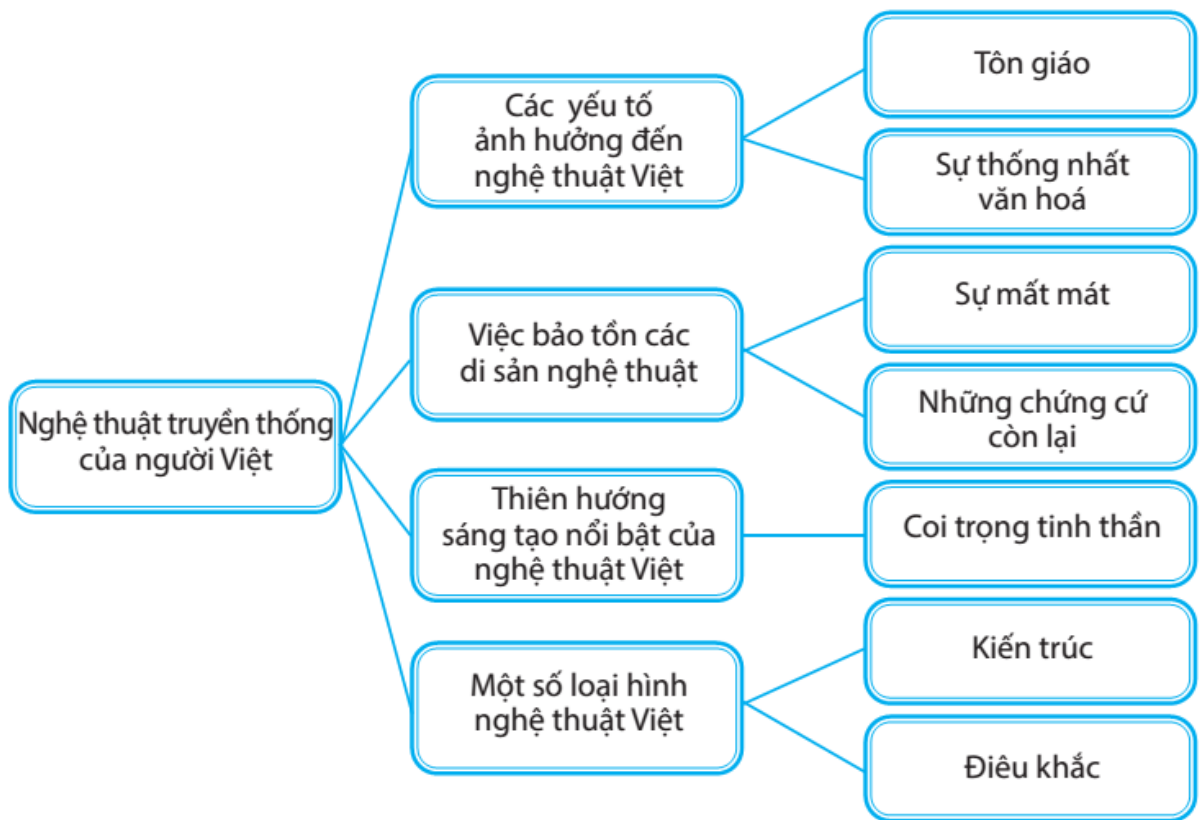
Cách 1- Phiếu học tập tóm tắt các thông tin chính của văn bản

Nghệ thuật truyền thống của người Việt	Các yếu tố ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt	Tôn giáo
		Sự thống nhất văn hoá
	Việc bảo tồn các di sản nghệ thuật	Sự mất mát
		Những chứng cứ còn lại
	Thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt	Coi trọng tinh thần
	Một số loại hình nghệ thuật Việt	Kiến trúc
		Điều khắc

Cách 2- Sơ đồ tóm tắt các thông tin chính của văn bản (xem bên dưới)

nhau trên hai bờ sông Hương, ở đông nam thành phố Huế, là những tổng thể xuất sắc các công trình xây dựng rải rác trong các vườn hoa được cách điệu hoá kiểu thâm mỹ tuyệt vời”. Trong những câu văn này, tác giả đã sử dụng rất nhiều tính từ thể hiện sự ngưỡng mộ, tự hào đối với giá trị, vẻ đẹp và sự phong phú của nghệ thuật truyền thống của người Việt (“độc đáo”, “tuyệt vời”, “vô song”, “xuất sắc”,...). b. Sơ đồ mạch triển khai thông tin Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 6 nhóm - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để vẽ sơ đồ tóm tắt các thông tin chính của văn bản, có thể sử dụng sơ đồ tư duy hoặc phiếu học tập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm suy nghĩ, thống nhất cách thực hiện bằng hình thức tự chọn Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 đại diện trình bày kết quả thảo luận HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS, phát thưởng hoặc cho điểm HS. - Chuẩn kiến thức	

Sơ đồ tóm tắt các thông tin chính của văn bản



c. Đặc trưng của văn bản thông tin trong văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Những đặc trưng của loại văn bản thông tin đã được thể hiện như thế nào trong văn bản này? Các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận đã được phối hợp sử dụng như thế nào và tạo được hiệu quả ra sao?

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thiện bảng theo mẫu:

Cấu trúc mạch thông tin trong VB				
Nội dung				
Bố cục và ngôn ngữ				
PTB Đ		Miêu tả	Biểu cảm	Nghị luận
	Dấu hiệu			
	Tác dụng			
	Nhận xét liên hệ giữa các PTB Đ			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào Tri thức Ngữ văn về đặc trưng của văn bản thông tin, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng

c. Đặc trưng của văn bản thông tin trong văn bản

Cấu trúc mạch thông tin trong văn bản	Thứ nhất, tác giả cung cấp rất nhiều thông tin chi tiết để làm rõ thông tin chính. Ví dụ: khi trình bày về đặc trưng của kiến trúc Việt, tác giả cung cấp rất nhiều thông tin chi tiết về sơ đồ không gian, cấu trúc bên trong, chất liệu xây dựng,... của các ngôi chùa Việt. Thứ hai, tác giả thường giới thiệu khái quát những đặc điểm chính của từng đối tượng, trước khi trình bày những chi tiết cụ thể (ví dụ: Nền kiến trúc này chủ yếu có tính chất tôn giáo). Thứ ba, ngoài việc trình bày một cách khách quan thông tin, tác giả còn kín đáo thể hiện thái độ đánh giá của mình đối với đối tượng.			
Nội dung	- Cung cấp thông tin cho người đọc. - Bên cạnh đó, qua cách cung cấp thông tin, chúng ta cũng có thể thấy được quan điểm, suy nghĩ của người viết.			
Bố cục và ngôn ngữ	Bố cục rõ ràng, cách chia đoạn theo luận điểm, mối liên kết chặt chẽ giữa các đoạn, mức độ sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành, văn phong khách quan,...			
Phương thức biểu đạt	Phương thức Dấu hiệu	miêu tả “nóc nhà, cột công, bình phong đều được trang trí với những sắc màu tươi tắn, nhiều khi sắc sỡ nhưng hài hoà với các màu sắc của phong cảnh, với sự rực rỡ của ánh sáng” (miêu tả), (biểu cảm), (nghị luận).	biểu cảm “đồ nữ trang được chế tác với một sự tinh tế và đa dạng vô song, “chứng cứ đáng tin cậy về đỉnh cao mà kỹ thuật của các nghệ sĩ Việt Nam đã đạt đến”	nghị luận “Nghệ thuật đúc đồng phát triển ở một số vùng của Việt Nam, ngay từ những thế kỉ đầu Công lịch”, “môn nghệ thuật mà người Việt Nam thành công nhất là điêu khắc gỗ”

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Sau khi các nhóm hoàn thành, GV có thể tạo ra một “triển lãm” các sản phẩm trong lớp để HS có thể quan sát sản phẩm của các nhóm khác, trao đổi, đặt câu hỏi,... - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung, đánh giá hoặc tự đánh giá sản phẩm nhóm theo Rubric (bên dưới) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức		Tác dụng	Miêu tả giúp thể hiện một cách cụ thể, sinh động về đẹp độc đáo, tinh tế của nghệ thuật Việt.	Biểu cảm giúp thể hiện một thái độ tự hào, ngưỡng mộ của tác giả trước vẻ đẹp và truyền thống lâu đời của văn hoá Việt.	Nghị luận giúp đưa ra những lập luận, chứng cứ khách quan, giàu sức thuyết phục về sự tồn tại lâu đời của văn hoá Việt.
		Nhận xét liên hệ giữa các phương thức trê	Sự kết hợp của ba yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong văn bản thông tin đã giúp cho văn bản thông tin không chỉ tác động tới lí trí, mà còn khơi gợi tưởng tượng, cảm xúc của người đọc, và bởi vậy làm gia tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.		

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS suy nghĩ, khái quát lại toàn bộ bài học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Sử dụng kết hợp thành công các phương thức biểu đạt - Ngôn ngữ đa dạng, nhiều màu sắc - Cấu trúc văn bản hợp lí, đi từ khái quát đến cụ thể, giúp người đọc vừa có cái nhìn khái quát, vừa thấu hiểu cụ thể, sâu sắc vấn đề 2. Nội dung Văn bản “Nghệ thuật truyền thống của người Việt” cung cấp thông tin về nền văn hóa Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, thông qua nghệ thuật truyền thống thể hiện bản sắc văn hoá đậm đà tính dân tộc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) tóm tắt những thông tin mà bạn cho là thú vị sau khi đọc văn bản “Nghệ thuật truyền thống của người Việt” .

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, viết đoạn văn (thời gian khoảng 10 phút).
- GV lưu ý HS về kiểu loại và cấu trúc của đoạn văn: Đây là một đoạn văn thuộc loại văn bản thông tin, cụ thể hơn là tóm tắt thông tin. Vì thế, điều quan trọng nhất là cần chọn lọc được những thông tin quan trọng nhất, có ý nghĩa nhất trong văn bản, sau đó sắp xếp các thông tin theo trật tự, ví dụ theo mức độ ưu tiên từ quan điểm của người viết (Điều tôi ấn tượng nhất, thông tin có giá trị thứ hai...), theo trình tự thông tin trong văn bản hoặc theo trật tự logic của thông tin.
- GV cũng lưu ý HS về việc sử dụng các kiểu cấu trúc, các phép liên kết trong đoạn văn để thông tin được trình bày một cách logic, mạch lạc.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn.
- Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Sau khi HS viết xong, GV xem nhanh và nhận xét một số bài viết của HS trước cả lớp, đồng thời hướng dẫn các HS khác đọc lại và tự chỉnh sửa bài viết của mình. Khuyến khích HS trao đổi bài viết cũng như nhận xét, góp ý cho nhau.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Rubrics đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Tóm tắt những thông tin mà bạn cho là thú vị sau khi đọc văn bản “Nghệ thuật truyền thống của người Việt”	
	Giới thiệu cuốn sách “Văn minh Việt Nam” và văn bản “Nghệ thuật truyền thống của người Việt”	2
	Tóm tắt thông tin theo trình tự: Mở đầu, ngoài ra, bên cạnh (Đầu tiên, tiếp theo,...)	6
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thông tin; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý đoạn văn:

Cuốn sách “Văn minh Việt Nam” của học giả Nguyễn Văn Huyền được xem là một phát ngôn đầy tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về văn hóa Việt trước cộng đồng thế giới. Văn bản “Nghệ thuật truyền thống của người Việt” được trích từ cuốn sách này, viết về những nền nghệ thuật truyền thống của người Việt, về những giá trị văn hóa lâu đời được bảo lưu đến ngày nay. Mở đầu văn bản khẳng định về giá trị của nghệ thuật Việt, về khiếu thẩm mỹ của người Việt. Người Việt có cách thưởng thức cái đẹp độc đáo, họ có thể biến những đồ vật nhỏ bé, tầm thường thành những đồ trang trí tinh tế và đẹp mắt. Nghệ thuật Việt cũng bị ảnh hưởng đôi chút bởi tôn giáo, đặc biệt là tam giáo, tư tưởng của người nghệ sĩ cũng có sự thay đổi để tạo ra những tác phẩm nghệ thuật mang nét mới lạ và đặc trưng của người Việt. Ngoài ra Việt Nam còn có những nền nghệ thuật tiêu biểu như nghệ thuật kiến trúc với các công trình kiến trúc đền chùa được xây dựng bởi nhu cầu thờ cúng và có tính chất thiêng liêng; hay các tác phẩm điêu khắc gỗ trong đền chùa như chùa Keo ở Thái Bình, chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh, ... đều mang phong cách tạo nhã. Bên cạnh đó, nghệ thuật Việt Nam còn tiêu biểu với nghệ thuật đúc đồng có từ những thế kỉ đầu Công lịch, tiêu biểu là những vật rất lớn như bôn vạc ở Huế hay tượng Trấn Vũ ở đền Quán Thánh, Hà Nội đều là những tác phẩm lớn và kì công. Nền nghệ thuật truyền thống của Việt Nam tuy có sự đổi mới theo thời gian nhưng nó vẫn còn giữ được những nét văn hóa mang tính lâu đời, các công trình kiến trúc vẫn bảo lưu được nét đặc trưng của

từng thời đại. Người Việt Nam có tinh thần gìn giữ những giá trị văn hóa ấy, bảo lưu được nền nghệ thuật truyền thống của Việt Nam.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Đối chiếu những thông tin được học giả Nguyễn Văn Huyền trình bày trong văn bản với một tác phẩm mỹ thuật hay một công trình kiến trúc của Việt Nam mà bạn biết, từ đó, rút ra nhận xét về sự bảo lưu hay đổi mới những đặc điểm và tinh thần truyền thống (nếu có) ở tác phẩm hay công trình ấy.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy ngẫm và thực hiện tại nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình thông qua group lớp

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét đánh giá, mặt khác yêu cầu HS nhận xét chéo từng sản phẩm

Gợi ý:

- Đối chiếu những thông tin về nghệ thuật Việt Nam được trình bày trong văn bản với công trình kiến trúc chùa Keo ở Thái Bình.

+ Toàn bộ công trình của chùa Keo đều làm bằng gỗ lim và là nơi được các nghệ nhân điêu khắc thời nhà Hậu Lê chạm khắc rất tinh xảo. Từ cột cờ bằng gỗ chò thẳng tắp cao 25m ở ngoài cùng, đi qua một sân lát đá, khách sẽ đến tam quan ngoại, hồ sen, tam quan nội với bộ cánh cửa, cao 2m, rộng 2,6m, chạm một ổ rồng với rồng mẹ và rồng con, châu mặt nguyệt.

+ Gác chuông chùa Keo là một kiến trúc đẹp, cao 11,04m, có 3 tầng mái, kết cấu bằng những con sơn chồng lên nhau. Bộ khung gác chuông làm bằng gỗ liên kết với nhau bằng mộng, nâng bổng 12 mái ngói với 12 đao loan uốn cong dáng vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng.

+ Đến thăm chùa, ta có thể nhìn thấy những đồ thờ quý giá tương truyền là đồ dùng của Thiền sư Không Lộ như bộ tràng hạt bằng ngà, một bình vôi to và ba vỏ ốc lóng lánh như dát vàng mà tương truyền rằng chính do Không Lộ nhặt được thuở còn làm nghề đánh cá và giữ làm chén uống nước trong những năm tháng tu hành.

- Nhận xét về sự bảo lưu hay đổi mới những đặc điểm và tinh thần truyền thống ở tác phẩm hay công trình chùa Keo:

+ Trong tác phẩm, học giả Nguyễn Văn Huyền có nhắc đến sự bảo lưu và đổi mới những đặc điểm và tinh thần truyền thống của người Việt, các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật tuy đã có sự đổi mới nhưng nó vẫn giữ được những nét văn hóa lâu đời của Việt Nam.

+ Chùa Keo là một công trình kiến trúc văn hóa lâu đời của Việt Nam, trải qua gần 400 năm tu bổ, tôn tạo, chùa Keo vẫn giữ nguyên bản sắc kiến trúc độc đáo của mình. Điều này cho thấy tinh thần truyền thống của Người Việt tuy có sự đổi mới nhưng vẫn giữ được sự bảo lưu đến ngày nay.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin

- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu* (Lê My)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 84, 85

VB 3: PHỤC HỒI TẦNG OZONE: THÀNH CÔNG HIẾM HƠI CỦA NỖ LỰC TOÀN CẦU

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

Đọc hiểu nội dung

- HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.
- HS nhận biết được các đặc điểm của loại văn bản thông tin, cụ thể là bản tin qua văn bản được đọc.
- HS thấy được mối quan hệ giữa câu chuyện về sự thành công của hành trình phục hồi tầng ozone và con đường giải quyết các vấn đề toàn cầu khác.

Đọc hiểu hình thức

- HS nhận biết và phân tích được vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản, cũng như sự kết hợp giữa chúng với phương tiện ngôn ngữ.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về các thông tin trong văn bản

Đọc mở rộng

- HS biết đọc các văn bản thông tin khác có độ dài tương đương với văn bản đã học.

2. Phẩm chất

- Trân trọng giá trị của sự sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS chia sẻ một số vấn đề môi trường mang tính chất toàn cầu như tầng ozone bị thủng, Trái Đất nóng lên, rác thải nhựa quá nhiều, động vật quý hiếm bị săn bắt,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc ở nhà theo nhóm

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS trình chiếu Clip hoặc thuyết trình về vấn đề môi trường đã chuẩn bị trước và sau buổi học có thể đăng tải các thông tin mà mình thu thập được trên các phương tiện truyền thông.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng kết, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm, giới thiệu thêm

	 b. Vài nét về thể loại bản tin - Là một loại của văn bản thông tin, phản ánh sự kiện mới xảy ra hoặc sự kiện được nhiều người quan tâm. Đó có thể là tin ảnh hoặc tin chữ. Văn bản trên có cả kênh hình và kênh chữ nên có thể coi là văn bản đa phương thức. - Đặc điểm: + Tính thời sự + Tính chính xác, tin cậy + Tính hàm súc + Cách đưa tin và quan điểm của người viết + Phương tiện phi ngôn ngữ

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.
- HS phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, suy luận và phân tích được vai trò của các số liệu, dẫn chứng trong việc thể hiện thông tin của văn bản.
- HS nhận biết ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ và đánh giá được tác dụng của chúng trong văn bản.
- HS phân tích, đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản dưới dạng đóng vai	II. Khám phá văn bản theo đặc trưng thể loại 1. Nhan đề văn bản, cách triển khai nội dung của văn bản. - Nhan đề văn bản: cách lựa chọn từ ngữ, cách dùng dấu hai chấm, cách sử dụng các “từ khoá” của bài viết trong nhan đề truyền tải thông tin một cách ngắn gọn, chính xác và gây ấn tượng nhất. - Cách triển khai nội dung của văn bản: người viết như đang kể một câu chuyện.

- HS trong vai những nhà biên tập trao đổi, họp bàn trước khi cho lên sóng bản tin Phục hồi tầng ozone: thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu - GV chia nhóm để HS hoàn thiện những tri thức về văn bản Nhóm 1: Tìm hiểu nhan đề văn bản, cách triển khai nội dung của văn bản. Nhóm 2: Tìm hiểu thông tin chính của văn bản, tính chất của thông tin trong văn bản Nhóm 3: Tìm hiểu ngôn ngữ của văn bản Nhóm 4: Tìm hiểu phương tiện phi ngôn ngữ Nhóm 5: Tìm hiểu quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm, hoàn thành công việc trên giấy A2 Bước 3: Báo cáo, thảo luận Các nhóm khớp các kết quả thảo luận thành bảng lớn Đại diện mỗi nhóm HS trình bày kết quả trong vai một biên tập viên HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Thông tin chính của văn bản, tính chất của thông tin trong văn bản - Thông tin chính của văn bản được rút ra từ chính nhan đề và những thông tin trong phần sa-pô của văn bản: sự thành công của việc giảm thiểu tình trạng thủng của tầng ozone. - Tính chất của thông tin trong văn bản: Đó vừa là thông tin khoa học, vừa là thông tin thời sự chính trị. Văn bản cung cấp rất nhiều thông tin khoa học, đồng thời lại đưa ra thông điệp về vấn đề hợp tác toàn cầu (một vấn đề thời sự chính trị). 3. Ngôn ngữ của văn bản - Ngôn ngữ của văn bản mang tính chất chính xác, rõ ràng, ngắn gọn, đơn giản nhằm đáp ứng yêu cầu tính xác thực cao của văn bản thông tin, - Các biện pháp tu từ được sử dụng để bản tin thu hút được sự chú ý và gây ấn tượng mạnh với người đọc. 4. Phương tiện phi ngôn ngữ - Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản: Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực giai đoạn 1979 – 2019 trong bản tin theo các đặc trưng của văn bản thông tin. - Đánh giá tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản: Bản thân các phương tiện phi ngôn ngữ chỉ có ý nghĩa khi chúng được sử dụng một cách hợp lý trong văn bản, từ đó thấy được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. 5. Quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản - Quan điểm chính của tác giả bài viết thể hiện trong cách kể câu chuyện về thành công trong nỗ lực khôi phục tầng ozone, trong các cách diễn đạt như “cần nhớ rằng”, “chứng tỏ rằng” ở phần đầu và cuối bài viết. - Quan điểm đó là: Các vấn đề toàn cầu chỉ có thể được giải quyết khi có sự đồng thuận và hợp lực ở cấp độ toàn cầu giữa công chúng, khoa học và chính trị.

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hoạt động cá nhân - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS suy nghĩ, khái quát lại toàn bộ bài học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Cách vào đề hấp dẫn, triển khai thông tin như dẫn dắt người đọc theo dõi một câu chuyện - Ngôn ngữ kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ tăng tính hấp dẫn, cụ thể cho văn bản 2. Nội dung - Sự thành công của việc giảm thiểu tình trạng thủng tầng ozone. - Các vấn đề toàn cầu chỉ có thể được giải quyết khi có sự đồng thuận và hợp lực ở cấp độ toàn cầu giữa công chúng, khoa học và chính trị.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau:

Ô NHIỄM HẠT VI NHỰA

TRONG CÁC ĐẠI DƯƠNG CAO HƠN ƯỚC TÍNH

– Các nhà khoa học từng ước tính, bề mặt nước trên toàn cầu có từ 5 đến 50 nghìn tỉ hạt vi nhựa, tuy nhiên, con số này có thể tăng lên từ 12.000 đến 125.000 tỷ hạt.

Ô nhiễm nhựa được biết là gây hại cho khả năng sinh sản, tăng trưởng và sự sống của sinh vật biển. Các hạt nhỏ hơn là mối lo ngại lớn vì chúng có cùng kích thước với thức ăn của động vật phù du trong khi loài động vật này làm nền tảng cho chuỗi thức ăn biển và đóng vai trò quan trọng trong việc điều hòa khí hậu toàn cầu. Dữ liệu mới cho thấy có thể có nhiều hạt vi nhựa hơn động vật phù du ở một số vùng nước.

Trong nghiên cứu dẫn đầu bởi Phòng thí nghiệm Hàng hải Plymouth (Anh), các nhà khoa học đã sử dụng lưới có kích thước mắt 100 micron (0,1 mm), 333 micron và 500 micron để lọc nước ngoài khơi bờ biển Plymouth ở Anh và bờ biển Maine ở Mỹ. Số hạt vi nhựa bắt được bằng lưới 100 micron nhiều gấp 2,5 lần so với lưới 333 micron (loại thường được sử dụng để lọc vi nhựa), và gấp 10 lần so với lưới 500 micron.

“Ước tính về nồng độ vi nhựa trong đại dương hiện nay có thể quá thấp”, GS. Pennie Lindeque thuộc Phòng thí nghiệm Hàng hải Plymouth, người đứng đầu nghiên cứu vừa được công bố tháng trước trên tạp chí Global Change Biology cho biết.

Bề mặt nước trên toàn cầu từng được ước tính có từ 5.000 đến 50.000 tỷ hạt vi nhựa. Nhưng sau khi bổ sung các hạt nhỏ hơn mới được tìm thấy, các nhà khoa học cho biết ước tính này có thể tăng lên từ 12.000 đến 125.000 tỷ hạt.

Sử dụng phép ngoại suy, nhóm nghiên cứu đề xuất nồng độ vi nhựa có thể vượt quá 3.700 hạt/m³ – cao hơn nhiều so với số lượng động vật phù du, GS. Lindeque nói, trong khi động vật phù du đã là một trong những loài đông nhất trên hành tinh. Kết quả này có thể là đại diện cho nồng độ vi nhựa ở các khu vực nước gần các vùng đất đông dân cư.

Các nhà khoa học đã nghiên cứu hạt vi nhựa tại Bắc Cực kết luận được mức độ trầm trọng của tình trạng ô nhiễm nhựa, đặc biệt là trên các đại dương. Số liệu của Liên hợp quốc cho thấy, ước tính mỗi ngày có khoảng 100 tấn rác thải nhựa trôi ra các đại dương. Nếu không hành động, tổng lượng nhựa đổ vào các đại dương có thể sẽ tăng gấp đôi vào năm 2025. Trong khi đó, theo dự báo của các nhà khoa học Mỹ, khối lượng rác thải nhựa đến năm 2050 ở các đại dương sẽ nặng hơn khối lượng của cá và 99% các loài chim biển sẽ phải ăn nhựa.

Theo The Independent, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do con người ngày càng sử dụng nhiều các sản phẩm nhựa dùng một lần. Hậu quả từ rác thải nhựa là môi trường biển bị ô nhiễm nặng nề. Không chỉ vậy, các ngành kinh tế như nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và du lịch sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng, ước tính lên tới 2,5 tỷ USD/năm. Đối với hệ sinh thái biển, tổn thất do ô nhiễm nhựa ước tính lên tới 13 triệu USD/năm, hơn 600 loài sinh vật biển đã bị ảnh hưởng, 15% các loài đang bị đe dọa.

The Guardian cho biết, nhựa là một phát minh khoa học thành công khi chi phí sản xuất thấp, công năng và độ bền vượt trội. Do đó, chất liệu này được sử dụng trong tất cả các ngành như: Bao bì, đóng gói, xây dựng, chế tạo ô-tô, điện, điện tử, nông nghiệp... Tổng sản lượng nhựa tăng từ 1,5 triệu tấn/năm những năm 50 của thế kỷ trước lên hơn 380 triệu tấn/năm hiện nay.

(Ngọc Ánh (t/h), nguồn: MOITRUONG.NET.VN, ngày 30 Tháng Năm, 2020)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Những thông tin nào dưới đây xuất hiện trong văn bản? (Trả lời bằng cách đánh dấu X vào cột “Có xuất hiện”)

Thông tin	Có xuất hiện
1. Theo các nhà khoa học, vi nhựa là những hạt nhựa có kích thước dưới 5 mm.	
2. Dữ liệu mới cho thấy có thể có nhiều hạt vi nhựa hơn động vật phù du ở một số vùng nước.	
3. Mức độ hạt vi nhựa tìm thấy ở Bắc Cực thấp hơn nhiều so các khu vực đông dân cư, song con số này vẫn đáng kể, với khoảng 1.760 hạt vi nhựa/lít.	
4. Các nhà khoa học Mỹ dự báo: khối lượng rác thải nhựa đến năm 2050 ở các đại dương sẽ nặng hơn khối lượng của cá và 99% các loài chim biển sẽ phải ăn nhựa.	
5. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm hạt vi nhựa trong đại dương ngày càng lớn là do con người ngày càng sử dụng nhiều các sản phẩm nhựa dùng một lần.	
6. Hậu quả từ rác thải nhựa là: môi trường biển bị ô nhiễm nặng nề; các ngành kinh tế như nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và du lịch sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng; hệ sinh thái biển cũng bị tổn thất to lớn.	

Câu 2. Phân tích cách đặt nhan đề của tác giả.

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của các số liệu được đưa vào văn bản trong việc thể hiện thông tin chính mà người viết cung cấp.

Câu 4. Rút ra mục đích của người tổng hợp và cung cấp thông tin.

Câu 5. Văn bản đã tác động đến nhận thức của người đọc như thế nào về vấn đề “rác thải nhựa”?

Câu 6. Giả sử anh/ chị được mời viết bài cho mục “Góc nhìn” của tạp chí “Môi trường”, hãy thử sức với bài luận khoảng 400 chữ về thông điệp: “Nói không với đồ nhựa dùng một lần”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV nên dành khoảng 15 phút cuối của giờ học cho HS trả lời câu hỏi từ 1 đến 5 (còn lại HS viết ở nhà)

- HS đọc văn bản, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh báo cáo kết quả theo trình tự từ 1 đến 5
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên chuẩn kiến thức, nhận xét hoặc cho điểm HS

Gợi ý trả lời:

Câu 1: 2,0 điểm: đúng được 4 ý. Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

Thông tin	Có xuất hiện
1. Theo các nhà khoa học, vi nhựa là những hạt nhựa có kích thước dưới 5 mm.	
2. Dữ liệu mới cho thấy có thể có nhiều hạt vi nhựa hơn động vật phù du ở một số vùng nước.	X
3. Mức độ hạt vi nhựa tìm thấy ở Bắc Cực thấp hơn nhiều so các khu vực đông dân cư, song con số này vẫn đáng kể, với khoảng 1.760 hạt vi nhựa/lít.	
4. Các nhà khoa học Mỹ dự báo: khối lượng rác thải nhựa đến năm 2050 ở các đại dương sẽ nặng hơn khối lượng của cá và 99% các loài chim biển sẽ phải ăn nhựa.	X

5. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm hạt vi nhựa trong đại dương ngày càng lớn là do con người ngày càng sử dụng nhiều các sản phẩm nhựa dùng một lần.	X
5. Hậu quả từ rác thải nhựa là: môi trường biển bị ô nhiễm nặng nề; các ngành kinh tế như nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và du lịch sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng; hệ sinh thái biển cũng bị tổn thất to lớn.	X

Câu 2: Nhan đề của văn bản là: “Ô NHIỄM HẠT VI NHỰA TRONG CÁC ĐẠI DƯƠNG CAO HƠN ƯỚC TÍNH”. Nhan đề ngắn gọn, đã khái quát và thể hiện trực tiếp thông tin chính được cung cấp, phân tích trong văn bản.

- 1.0 điểm: Trả lời đúng, đầy đủ và rõ ràng theo hướng trên.

- 0.5 điểm: Trả lời đúng nhưng không đầy đủ hoặc không rõ ràng.

Câu 3: Trong văn bản có nhiều số liệu là kết quả của các nghiên cứu. Đây chính là những bằng chứng khoa học rõ ràng để khẳng định tính xác thực của thông tin chính được cung cấp: mức độ ô nhiễm hạt vi nhựa ở các đại dương rất nặng nề, cao hơn so với các nhà khoa học đã ước tính trước đây; cụ thể như:

+ Số liệu về số hạt vi nhựa (số hạt vi nhựa bắt được bằng các loại mắt lưới có kích thước khác nhau; tỉ lệ của số hạt vi nhựa bắt được khi dùng các loại mắt lưới có kích thước khác nhau; số hạt vi nhựa từng được ước tính và số hạt vi nhựa được ước tính sau khi bổ sung các hạt nhỏ hơn mới được tìm thấy; nồng độ vi nhựa được ước tính khi sử dụng phép ngoại suy).

+ Số liệu về lượng rác thải nhựa hiện tại và dự báo trong tương lai (lượng rác thải nhựa trôi ra các đại dương mỗi ngày; tổng lượng nhựa vào năm 2025, 2050).

+ Số liệu về những thiệt hại do ô nhiễm hạt vi nhựa gây ra với các ngành kinh tế và với hệ sinh thái biển.

- 1.0 điểm: Trả lời đúng, đầy đủ và rõ ràng theo hướng trên.

- 0.5 điểm: Trả lời đúng nhưng không đầy đủ hoặc không rõ ràng.

Câu 4. Mục đích của người viết văn bản: Cung cấp thông tin về mức độ nặng nề của ô nhiễm hạt vi nhựa ở đại dương trong thời điểm hiện tại cũng như đề cập nguyên nhân và hậu quả của nó; từ đó ngầm thể hiện thông điệp: cảnh báo về tình trạng lạm dụng đồ dùng bằng nhựa, nâng cao nhận thức của người đọc về vấn đề đặt ra.

- 1.0 điểm: Trả lời đúng, đầy đủ và rõ ràng theo hướng trên.

- 0.5 điểm: Trả lời đúng nhưng không đầy đủ hoặc không rõ ràng.

Câu 5. Văn bản đã giúp người đọc nhận thức được tính cấp bách của vấn đề ô nhiễm hạt vi nhựa trong đại dương, từ đó có những hành động đúng đắn như: hạn chế dùng đồ bằng nhựa khi có thể, nhất là đồ dùng bằng nhựa một lần.

- 1,0 điểm: Trả lời đúng, đầy đủ và rõ ràng theo hướng trên.

- 0,5 điểm: Trả lời đúng nhưng không đầy đủ hoặc rõ ràng.

Câu 6:

Điểm	Tiêu chí	Ghi chú
0,25	- Đảm bảo hình thức ba phần của bài luận. - Đảm bảo dung lượng của bài luận (400 chữ).	
3,0	- Đảm bảo nội dung của bài luận.	
0,25	- Diễn đạt.	
0,5	- Sáng tạo.	

Tiêu chí 1. Hình thức và dung lượng của bài luận.

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0,25	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của bài luận (400 chữ)	
0,0	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của bài luận.	

Tiêu chí 2. Nội dung của bài luận.

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
3,0	Nêu được các luận điểm hợp lí, sâu sắc. Có lí lẽ hợp lí, sâu sắc Dẫn chứng phù hợp với luận điểm, xác thực, tiêu biểu	Đề triển khai vấn đề nghị luận, HS có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần chú ý một số nội dung: “Nói không với đồ nhựa dùng một lần” là một thông điệp đúng đắn, có ý nghĩa bởi: + Đồ nhựa một lần rất tiện lợi và phổ biến trong cuộc sống hàng ngày nhưng lại gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề như ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đại dương...
2,0-2,5	Nêu được các luận điểm tương đối hợp lí. Lí lẽ hợp lí, chặt chẽ. Dẫn chứng phù hợp với luận điểm	+ Tình trạng ô nhiễm do việc con người lạm dụng đồ nhựa dùng một lần đang ngày một nặng nề, khiến hậu quả trầm trọng hơn, ảnh hưởng đến sinh thái và sức khỏe con người.
1-1,5	Nêu được luận điểm nhưng chưa rõ ràng Chỉ trình bày một vài lí lẽ. Dẫn chứng chung chung không xác thực.	Thông điệp này đã được nhiều người ủng hộ và thực hiện, nhưng không ít người còn thờ ơ, bàng quan.
0,5	- Trình bày chung chung, mơ hồ, chưa phù hợp, chưa nêu được quan điểm.	Cần nâng cao nhận thức về hậu quả của ô nhiễm nhựa và chung tay hành động.
0	- Làm lạc đề hoặc không làm bài.	

Tiêu chí 3. Diễn đạt

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0,25	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu hoặc Chỉ mắc một, hai lỗi chính tả/ dùng từ/ đặt câu	
0	Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu	

Tiêu chí 4. Sáng tạo

Điểm	Mô tả tiêu chí	Ghi chú
0,5	Có quan điểm hay cách nhìn mới và có chỗ diễn đạt độc đáo, sáng tạo.	
0,25	Có quan điểm mới hoặc có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo.	
0	Không có cái nhìn mới và không diễn đạt sáng tạo.	

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi 1: Hãy tìm hiểu một số vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực toàn cầu và chỉ ra những lí do dẫn đến sự thành công hay chưa thành công trong việc giải quyết những vấn đề ấy.

Câu hỏi 2: Từ hai văn bản Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu (Lê My) và Sự sống và cái chết (Trịnh Xuân Thuận), bạn suy nghĩ gì về sự tồn vong của nhân loại và Trái Đất?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)

HS thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình thông qua group lớp

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét đánh giá, mặt khác yêu cầu HS nhận xét chéo từng sản phẩm

Gợi ý:

Câu 1: Có rất nhiều vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực toàn cầu như nạn đói, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, mất cân bằng sinh thái, bình đẳng giới,...

Câu 2: HS đọc lại hai văn bản trong mối liên hệ với nhau, từ đó thấy được sự tồn vong của nhân loại và Trái Đất phụ thuộc vào cách thức chúng ta sống và kết nối với nhau, đồng thời cũng thấy được vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với sự tồn vong của nhân loại và Trái Đất.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc. Tính cách của cây (Trích *Đời sống bí ẩn của cây* – Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben)

THỰC HÀNH ĐỌC

TÍNH CÁCH CỦA CÂY (TRÍCH *ĐỜI SỐNG BÍ ẨN CỦA CÂY*)

Pê-tơ Vô-lơ-lê-ben (Peter Wohlleben)

I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

1. Tác giả

- Pê – tơ Vô -lơ -lê -ben: Người Đức, sinh năm 1964, chuyên viết về các chủ đề sinh thái, tham gia nhiều hoạt động nhằm phục hồi những khu rừng cổ đại và quản lí rừng một cách bền vững
- Là tác giả của các cuốn sách gây được nhiều tiếng vang như: *Đời sống bí ẩn của cây* (2015), *Đời sống nội tâm của loài vật* (2016), *Trí tuệ bí ẩn của tự nhiên* (2017), *Bạn có nghe tiếng cây trò chuyện* (2019).

2. Tác phẩm, đoạn trích

a. Thể loại: Văn bản khoa học

b. Xuất xứ: Đoạn trích “Tính cách của cây” được in trong cuốn sách “*Đời sống bí ẩn của cây*” học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đọc

Yêu cầu đọc:

Đọc thông thả, rõ ràng, chính xác

2. Khám phá văn bản

a. Nhan đề văn bản, cách triển khai nội dung của văn bản.

- Nhan đề văn bản: chứa biện pháp nhân hóa khiến cây cũng trở nên một con người và được nhìn nhận, đánh giá trong sự trân trọng, yêu thương
- Cách triển khai nội dung của văn bản:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến “hành vi khác nhau”: Giới thiệu chung về ba cây sồi.
 - + Đoạn 2: Còn lại: Tính cách khác biệt của cây

=> Cách triển khai nội dung của văn bản: người viết như đang kể một câu chuyện. Từ đó người đọc nắm bắt được những thông tin về đặc điểm của ba cây sồi khi vào mùa chuyển lá, và nhận ra mỗi loài cây có một đặc điểm riêng biệt, với những hành vi khác nhau.

b. Thông tin chính của văn bản

- Thông tin chính của văn bản: Đề cập đến tính cách của cây.

=> Giống như con người, cây cũng có tính cách riêng, sức hút riêng. Thông qua văn bản này, tác giả muốn giúp con người có cái nhìn mới mẻ hơn về cây, góp phần yêu quý và bảo tồn thiên nhiên.

c. Điểm nhìn của tác giả khi quan sát và phân tích tính cách của cây

- Điểm nhìn: Người kể chuyện ngôi thứ ba (tác giả). Tác giả có sự thay đổi điểm nhìn linh hoạt, với nhiều góc độ khác nhau. Điểm nhìn theo thời gian, không gian, bên trong, bên ngoài để quan sát và phân tích tính cách của cây.

d. Ngôn ngữ của văn bản

- Ngôn ngữ của văn bản mang tính chất tâm tình, kể chuyện chân tình nhưng cũng thấm đẫm màu sắc khoa học

- Các biện pháp tu từ được sử dụng để bản tin thu hút được sự chú ý và gây ấn tượng mạnh với người đọc.

e. Phương thức biểu đạt

- Yếu tố miêu tả tạo nên sự sinh động cho đối tượng.

- Giúp cho việc kể chuyện được hấp dẫn.

- Cùng với yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả góp phần làm nên giá trị cho tác phẩm văn học.

f. Thông điệp của văn bản và bài học ứng xử cần thiết đối với cây cối.

- Thông điệp: Giống như con người, cây cũng có tính cách riêng, sức hút riêng. Thông qua văn bản này, tác giả muốn giúp con người có cái nhìn mới mẻ hơn về cây, góp phần yêu quý và bảo tồn thiên nhiên.

III. Tổng kết

1. Giá trị nội dung:

- Văn bản đưa ra thông tin về những cây sồi khi vào mùa chuyển lá: đặc điểm trước khi chuyển, thời điểm chuyển mùa, quá trình cành gãy để mọc lên cây mới.

- Khẳng định cây cối cũng có những tính cách riêng như con người.

2. Giá trị nghệ thuật:

- Nghệ thuật tả cảnh đặc sắc.

- Các yếu tố miêu tả được sử dụng điêu luyện, nhuần nhuyễn

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 88

SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được các loại phương tiện phi ngôn ngữ, cách trình bày và tác dụng của những phương tiện đó trong văn bản thông tin.

- HS sử dụng được các phương tiện phi ngôn ngữ để tạo lập văn bản thông tin.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt đồng thời chú trọng các phương tiện phi ngôn ngữ để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả.
- Biết học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và thảo luận cặp đôi điền nhanh phiếu học tập

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời nhanh đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV cho HS xem video: https://www.youtube.com/watch?v=hLEQuuht_wI

- GV yêu cầu HS nhận xét về việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong video đó bằng:

Phiếu trả lời nhanh

Thông tin trong văn bản	
Phương tiện biểu đạt thông tin	
Tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS xem video, thảo luận cặp đôi hoàn thiện nhanh phiếu học tập

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả

Bước 4: Kết luận, nhận định

➔ GV nhận xét, dự kiến câu trả lời

Phiếu trả lời nhanh

Thông tin trong văn bản	Giới thiệu bản thân
Phương tiện biểu đạt thông tin	Sử dụng ngôn ngữ kí hiệu
Tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu	Giúp cho người học dễ dàng nắm bắt thông tin, tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin

2. HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các loại phương tiện phi ngôn ngữ, cách trình bày và tác dụng của những phương tiện đó trong văn bản thông tin.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, hoàn thành bài tập vào phiếu.

c. Sản phẩm: phiếu học tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 1: Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản *Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu*

Thông tin được cung cấp trong hình ảnh	
Cách trình bày thông tin trong hình ảnh	
Tác dụng của hình ảnh	

PHT 2: Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ qua một sơ đồ

Những phương tiện được sử dụng ngoài các phương tiện ngôn ngữ	
Cách trình bày những phương tiện phi ngôn ngữ	
Thông tin biểu đạt của các phương tiện phi ngôn ngữ	

Mối quan hệ giữa phương tiện phi ngôn ngữ với phương tiện ngôn ngữ trong sơ đồ	
Tác dụng của những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ	

PHT 3: Bảng tổng hợp các phương tiện phi ngôn ngữ

Các loại phương tiện phi ngôn ngữ thường sử dụng	
Chức năng biểu đạt một số loại phương tiện phi ngôn ngữ	
Cách đọc các phương tiện phi ngôn ngữ	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS hoàn thành các dạng bài tập SGK (Bài 1,2/89) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV chia lớp học thành 2 đội, trong mỗi đội lại chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành các phiếu học tập 1, 2, 3 - Phiếu 1, 2: Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ + Phiếu 1: Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản <i>Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu</i> + Phiếu 2: Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ qua một sơ đồ - Phiếu 3: Tổng hợp tri thức về các phương tiện phi ngôn ngữ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện 3 HS ở mỗi nhóm của mỗi đội thành lập 2 đội chơi - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Đi tìm ngôn ngữ với 3 vòng: Vòng 1: Ngôn ngữ của hình vẽ (Phiếu HT 1) Vòng 2: Ngôn ngữ trong sơ đồ	1. Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản <i>Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu</i> <table> <tr> <td>Thông tin được cung cấp trong hình ảnh</td><td> - Các con số thể hiện các mốc thời gian từ năm 1979 đến 2019 (40 năm); - Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực; - Thang đơn vị biểu thị độ dày của tầng ozone trong khí quyển </td></tr> <tr> <td>Cách trình bày thông tin trong hình ảnh</td><td>Các thông tin được trình bày một cách rõ ràng, trực quan, sinh động (Có số liệu cụ thể, có hình ảnh, màu sắc đẹp mắt, có nguồn trích dẫn rõ ràng)</td></tr> <tr> <td>Tác dụng của hình ảnh</td><td> - Giúp độc giả hiểu được: Sự thay đổi của lỗ thủng tầng ozone trong đó có thể nhận thấy xu hướng tăng dần diện tích lỗ thủng tầng ozone và sự giảm dần độ dày của lớp ozone trong khí quyển qua các năm và dấu hiệu lạc quan ở năm 2019 khi lỗ thủng tầng ozone cơ bản đã được phục hồi độ dày của năm 1979 nhờ những nỗ lực hợp tác toàn cầu -> Đây là những dữ liệu cho thấy tầng ozone đang bị đe dọa nghiêm trọng, song con người vẫn có thể chung tay để cải thiện tình trạng này. - Nhờ sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, các thông tin được biểu đạt một cách cô đọng, trực quan, hệ thống, giúp người đọc nắm bắt thông tin một cách hiệu quả. </td></tr> </table> 2. Nhận diện các phương tiện phi ngôn ngữ qua một sơ đồ <table> <tr> <td>Những phương tiện được sử dụng</td><td>Sơ đồ hướng dẫn du lịch sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, đường nét, màu sắc.</td></tr> </table>	Thông tin được cung cấp trong hình ảnh	- Các con số thể hiện các mốc thời gian từ năm 1979 đến 2019 (40 năm); - Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực; - Thang đơn vị biểu thị độ dày của tầng ozone trong khí quyển	Cách trình bày thông tin trong hình ảnh	Các thông tin được trình bày một cách rõ ràng, trực quan, sinh động (Có số liệu cụ thể, có hình ảnh, màu sắc đẹp mắt, có nguồn trích dẫn rõ ràng)	Tác dụng của hình ảnh	- Giúp độc giả hiểu được: Sự thay đổi của lỗ thủng tầng ozone trong đó có thể nhận thấy xu hướng tăng dần diện tích lỗ thủng tầng ozone và sự giảm dần độ dày của lớp ozone trong khí quyển qua các năm và dấu hiệu lạc quan ở năm 2019 khi lỗ thủng tầng ozone cơ bản đã được phục hồi độ dày của năm 1979 nhờ những nỗ lực hợp tác toàn cầu -> Đây là những dữ liệu cho thấy tầng ozone đang bị đe dọa nghiêm trọng, song con người vẫn có thể chung tay để cải thiện tình trạng này. - Nhờ sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, các thông tin được biểu đạt một cách cô đọng, trực quan, hệ thống, giúp người đọc nắm bắt thông tin một cách hiệu quả.	Những phương tiện được sử dụng	Sơ đồ hướng dẫn du lịch sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, đường nét, màu sắc.
Thông tin được cung cấp trong hình ảnh	- Các con số thể hiện các mốc thời gian từ năm 1979 đến 2019 (40 năm); - Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực; - Thang đơn vị biểu thị độ dày của tầng ozone trong khí quyển								
Cách trình bày thông tin trong hình ảnh	Các thông tin được trình bày một cách rõ ràng, trực quan, sinh động (Có số liệu cụ thể, có hình ảnh, màu sắc đẹp mắt, có nguồn trích dẫn rõ ràng)								
Tác dụng của hình ảnh	- Giúp độc giả hiểu được: Sự thay đổi của lỗ thủng tầng ozone trong đó có thể nhận thấy xu hướng tăng dần diện tích lỗ thủng tầng ozone và sự giảm dần độ dày của lớp ozone trong khí quyển qua các năm và dấu hiệu lạc quan ở năm 2019 khi lỗ thủng tầng ozone cơ bản đã được phục hồi độ dày của năm 1979 nhờ những nỗ lực hợp tác toàn cầu -> Đây là những dữ liệu cho thấy tầng ozone đang bị đe dọa nghiêm trọng, song con người vẫn có thể chung tay để cải thiện tình trạng này. - Nhờ sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, các thông tin được biểu đạt một cách cô đọng, trực quan, hệ thống, giúp người đọc nắm bắt thông tin một cách hiệu quả.								
Những phương tiện được sử dụng	Sơ đồ hướng dẫn du lịch sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, đường nét, màu sắc.								

(Phiếu HT 2) Vòng 3: Ngôn ngữ của các phương tiện phi ngôn ngữ (Phiếu HT 3) - Các HS khác theo dõi cổ vũ, động viên và nhận xét, bổ sung theo Rubric 1,2 Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).	ngoài các phương tiện ngôn ngữ	
	Cách trình bày những phương tiện phi ngôn ngữ	- Những phương tiện đó được trình bày đẹp mắt, logic, khoa học, - Các phương tiện này được sắp xếp, mô phỏng theo cách sắp đặt, bài trí của không gian thực.
	Thông tin biểu đạt của các phương tiện phi ngôn ngữ	- Các hình ảnh như cây, hoa, hồ nước biểu thị các điểm tham quan; - Các nét liền màu đỏ biểu thị đường ô tô, nét đứt màu đỏ biểu thị đường đi bộ, các mũi tên biểu thị hướng đi; - Các con số biểu thị thứ tự di chuyển, lộ trình di chuyển tới các điểm tham quan.
	Mối quan hệ giữa phương tiện phi ngôn ngữ với phương tiện ngôn ngữ trong sơ đồ	Những phương tiện phi ngôn ngữ và phương tiện ngôn ngữ trong sơ đồ được kết hợp một cách hài hòa, trực quan nhằm hỗ trợ tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả đến du khách khi tiến hành đến điểm tham quan.
	Tác dụng của những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ có tác dụng giúp cho người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin, hình dung một cách cụ thể vị trí các không gian, lộ trình di chuyển.
3. Tổng hợp tri thức về phương tiện phi ngôn ngữ		
Các loại phương tiện phi ngôn ngữ thường sử dụng		Hình ảnh, số liệu, bảng biểu, sơ đồ...
Chức năng biểu đạt một số loại phương tiện phi ngôn ngữ	Số liệu	Cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác
	Đường nối giữa các hình vẽ	Biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin
	Các hình ảnh	Tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin...
Cách đọc các phương tiện phi ngôn ngữ	- Chú ý tên, nguồn gốc các các hình ảnh, sơ đồ... - Quan sát và giải mã ý nghĩa của các phương tiện phi ngôn ngữ, - Tìm ra mối liên hệ giữa các phương tiện để phân tích cấu trúc logic của thông tin, - Đối chiếu tổng hợp với phần thông tin được trình bày bằng ngôn từ với thông tin được trình bày bằng phương tiện phi ngôn ngữ để hệ thống hóa tri thức	

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để thiết kế bảng hướng dẫn nơi công cộng

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

- HS thiết kế bảng hướng dẫn nơi công cộng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tạo Poster trên máy tính hoặc vẽ tay

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS thuyết trình trước lớp hoặc chuyển sản phẩm lên group lớp

- Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá kết quả

GV nhận xét và cho điểm HS

Bảng kiểm đánh giá bài tập vận dụng

STT	Tiêu chí	Đạt/ đạt	Chưa
1	Hình thức tổng thể bắt mắt ưa nhìn		
2	Bố cục hài hòa		
3	Màu sắc tươi sáng		
4	Kích cỡ và kiểu loại chữ phù hợp		
5	Sử dụng hình vẽ, đường nối, kí hiệu hợp lí, dễ hiểu		
6	Đảm bảo đầy đủ, chi tiết các thông tin cần thiết		
7	Các thông tin cần thiết được thể hiện ngắn gọn khoa học, chính xác		

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, thống kê các dạng phương tiện phi ngôn ngữ thường gặp

- **Chuẩn bị nội dung viết:** Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

VIẾT

Tiết: 86, 87

VIẾT MỘT VĂN BẢN NỘI QUY HOẶC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NƠI CÔNG CỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS nắm được yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.

Thực hành viết

- HS biết cách viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.

2. Phẩm chất

- Có thói quen ứng xử văn minh nơi công cộng; rèn luyện tính kỉ luật, tự giác; tôn trọng luật pháp và các quy định chung của tập thể.

- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, clip liên quan đến bài học...

2. **Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. **Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu Clip: **Hướng dẫn sử dụng Google Map tạo điểm đi Phượt**

<https://www.youtube.com/watch?v=bn1TS-Afu1c>

- Đề không lạc đường, các phượt thủ được trợ giúp nhiều nhất bởi phương tiện gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem Clip, suy nghĩ câu hỏi

- GV quan sát, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi

- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:**

HS bước đầu nêu được nhận xét chung về ngôn ngữ trong bản nội quy và bản hướng dẫn nơi công cộng, bước đầu nhận biết được vai trò, hình thức của những văn bản này.

b. **Nội dung:**

HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. **Sản phẩm:**

Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS quan sát hình ảnh hoặc video trực quan về một số văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn thường gặp trong đời sống: nội quy thư viện, văn bản hướng dẫn tham quan khu bảo tồn thiên nhiên, ... - GV đặt câu hỏi: + Văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn được sử dụng trong tình huống nào? + Nhận xét của em về ý nghĩa, tác dụng của văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn nơi công cộng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	I. Giới thiệu kiểu bài - Trong cuộc sống, khi tham gia vào các nhóm, các tổ chức xã hội, có nhiều tình huống ta cần góp phần xây dựng nội quy hay soạn thảo văn bản hướng dẫn để giúp người khác có hành vi, thái độ ứng xử đúng đắn. Vì vậy, việc hiểu biết và có khả năng tạo lập kiểu văn bản này là một kĩ năng quan trọng. - Chức năng của văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn nơi công cộng: Có ý nghĩa quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi của con người tại các không gian công cộng.

- HS quan sát hình ảnh hoặc video, nêu nhận xét về ý nghĩa, tác dụng của văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn nơi công cộng - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	
Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tiếp tục cho HS quan sát lại hình ảnh hoặc video trực quan về một số văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn thường gặp trong đời sống: nội quy thư viện, văn bản hướng dẫn tham quan khu bảo tồn thiên nhiên,... - GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu nhận xét, đánh giá về các văn bản nội quy/ văn bản hướng dẫn mà mình vừa quan sát được (Về: cấu trúc, nội dung, ngôn ngữ) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK) - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài - Văn bản phải có cấu trúc chặt chẽ, phù hợp với mẫu cấu trúc chung của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. - Nội dung văn bản thể hiện rõ những hành vi cần thực hiện hoặc không được thực hiện trong không gian công cộng, phù hợp với yêu cầu, quy định của cơ quan, tổ chức ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật. - Ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.
Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc tham khảo văn bản nội quy trong SGK, lưu ý những thông tin hướng dẫn ở thể bên phải văn bản. - GV chia lớp thành 6 nhóm, đặt câu hỏi giúp HS tìm hiểu về cấu trúc và nội dung của bản nội quy tham khảo: (Phiếu HT số 1 bên dưới) + Tên của tổ chức biên soạn nội dung nội quy này là gì, được đặt ở đâu? + Tên nội quy là gì, được đặt ở đâu, được trình bày dưới hình thức nào? + Lời dẫn được đặt ở đâu, được trình bày dưới hình thức nào?	III. Đọc và phân tích bài viết tham khảo - Tên của tổ chức biên soạn nội dung nội quy: Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa cổ đô Hoa Lư, được đặt ngay đầu văn bản, góc trái - Tên nội quy: Nội quy khu di tích lịch sử - văn hóa cổ đô Hoa Lư, đặt ngay chính giữa và sau tên của tổ chức biên soạn nội dung nội quy, được trình bày bằng chữ to in hoa, nét đậm - Lời dẫn: được đặt ngay sau tên văn bản, trình bày bằng loại chữ thường, lời văn mang tính khách quan, liệt kê một loạt đối tượng mà văn bản hướng tới - Có 4 mục lớn, trong mục lớn có các mục nhỏ được đánh dấu bằng các con số với kích cỡ khác nhau => Văn bản trên được xem là văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng vì hướng tới hướng dẫn nơi công cộng trong việc điều chỉnh hành vi của con người tại các không gian công cộng

+ Có bao nhiêu mục trong nội quy? Các mục được sắp xếp theo trật tự nào? Được trình bày dưới hình thức nào? + Vì sao văn bản trên được xem là văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng? + Khi soạn văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng, việc dự tính được những hành vi không mong muốn có thể xảy ra nơi công cộng có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gọi 2 HS đọc văn bản (mỗi HS đọc 1 lượt) - Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 5 phút Chia sẻ: 3 phút - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2 nhóm phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	=> Việc dự tính được những hành vi không mong muốn có thể xảy ra nơi công cộng giúp người viết lựa chọn được hình thức và ngôn ngữ phù hợp

Phiếu học tập số 1:

Phân tích ngữ liệu tham khảo	
- Tên của tổ chức biên soạn nội dung nội quy này là gì, được đặt ở đâu?	?
- Tên nội quy là gì, được đặt ở đâu, được trình bày dưới hình thức nào?	?
- Lời dẫn được đặt ở đâu, được trình bày dưới hình thức nào?	?
- Có bao nhiêu mục trong nội quy? Các mục được sắp xếp theo trật tự nào? Được trình bày dưới hình thức nào?	?
- Vì sao văn bản trên được xem là văn bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng?	?
- Khi soạn văn bản nội quy, hướng dẫn, việc dự tính được những hành vi không mong muốn có thể xảy ra nơi công cộng có ý nghĩa như thế nào?	?

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Viết được văn bản đúng quy trình.
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, có kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

b. Nội dung: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

c. Sản phẩm: Văn bản viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 4: Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Đề bài: Viết một bản nội quy lớp học hoặc nội quy quy định của Thư viện trường. - GV hướng dẫn HS trước khi viết - HS tìm ý và lập dàn ý (Theo Phiếu HT số 2 bên dưới) * Hướng dẫn HS viết	IV. Thực hành viết Đề bài: Viết một bản nội quy lớp học hoặc nội quy quy định của Thư viện trường. 1. Trước khi viết:

- GV trình chiếu bảng kiểm đánh giá bản nội quy (Bên dưới), phân tích, giải thích các tiêu chí; yêu cầu HS dựa trên dàn ý đã lập và bảng kiểm, viết và trình bày bản nội quy trên giấy A4 trong thời gian 20 phút. - HS viết và trình bày bản nội quy trên giấy A4. * Hướng dẫn HS xem lại và chỉnh sửa - GV yêu cầu HS dựa trên các tiêu chí trong bảng kiểm, xem lại bản nội quy đã viết và chỉnh sửa nếu cần. Thời gian thực hiện 10 phút. - HS xem lại và chỉnh sửa bản nội quy đã viết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tổ chức trao đổi theo câu hỏi tìm ý, bảng kiểm gợi ý thực hiện nhiệm vụ. - HS dự kiến sản phẩm có sự kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ. Nội quy được trình bày trên giấy A4, với các dụng cụ chủ yếu như bút lông, bút màu. - GV quan sát hỗ trợ HS hoàn thành nhiệm vụ (nếu cần) Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV tổ chức cho các nhóm HS dán sản phẩm (bản nội quy đã viết và trình bày trên giấy A4) lên vị trí đã quy định và thuyết minh ngắn gọn. - GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ - GV phát bảng kiểm cho mỗi nhóm, nội dung bảng kiểm là các tiêu chí đánh giá bản nội quy.	- Xác định mục đích viết, đối tượng hướng tới, tên bản nội quy/ bản hướng dẫn - Lập dàn ý: Xác định các nội dung chính, lựa chọn từ ngữ quan trọng, lựa chọn phương tiện phi ngôn ngữ và dự kiến cách trình bày. 2. Trong khi viết: - Đảm bảo bố cục: tên đơn vị/ tên và chức vụ người ban hành, tên văn bản, nội dung. - Viết tên văn bản ngắn gọn; diễn đạt các nội dung rõ ràng, cụ thể - Sắp xếp các nội dung theo thứ tự hợp lý. - Có thể kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp. - Trình bày khoa học, trang trí phù hợp với nội dung. 3. Sau khi viết: Xem lại bản nội quy/ hướng dẫn và chỉnh sửa nếu cần.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

2. Nội dung:

HS làm việc nhóm thực hiện bài tập ở nhà.

3. Sản phẩm: Hoàn thiện bài viết, chuẩn bị nói và nghe.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV giao bài tập)

- Yêu cầu: Viết văn bản nội quy, hướng dẫn khi đi thang máy
- GV hướng dẫn HS chuẩn bị theo phiếu học tập

Phiếu học tập

Nhóm:

Yêu cầu: Viết văn bản

Bước 1	1. Cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm viết nội quy, hướng dẫn:
Chuẩn bị viết:	
	2. Xác định đối tượng người đọc và người thực hiện:
	
	3. Xác định mục đích của văn bản
	
	4. Liệt kê những yêu cầu, quy định:
	-
	-
	

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	1. Tên tổ chức ra thông báo: 2. Tên văn bản: 3. Lời dẫn: 4. Các yêu cầu, quy định: (mục 4. bước 1)
Bước 3: Viết	
Bước 4: Chỉnh sửa và hoàn thiện	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (Ở nhà)

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm trong tiết học sau.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của cá nhân.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng

NÓI VÀ NGHE

Tiết 89

THẢO LUẬN VỀ VĂN BẢN NỘI QUY HOẶC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NƠI CÔNG CỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết trình bày và đánh giá về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đối thoại, góp ý, đánh giá, phản biện với những ý kiến khác trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng những quy tắc, quy định chung của nơi công cộng để trở thành một người văn minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thảo luận.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Phiếu quan sát và thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: - Mỗi khi đi đến nơi công cộng em có hay đọc bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng hay không? - Theo em bản hướng dẫn này có quan trọng trong đời sống không? - Khi đọc văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng em thường nắm được những thông tin gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	- Khi đến những nơi công cộng cần đọc những văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. - Văn bản này rất quan trọng để duy trì sự văn minh của quý khách và sự vận hành nơi công cộng. - Hs nêu những điều mình nhớ khi đọc.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Yêu cầu chuẩn bị thảo luận và thảo luận

a. Mục tiêu: Chuẩn bị tốt các yêu cầu cho hoạt động nói và nghe; xác định yêu cầu nói và nghe

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS những yêu cầu để chuẩn bị nói nghe và thực hành nói và nghe trong thảo luận

c. Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi dựa vào gợi dẫn ở SGK.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: - Khi chuẩn bị nói và nghe, người nói và	I. Chuẩn bị nói và nghe 1. Chuẩn bị nói * Lựa chọn đề tài: - Lựa chọn văn bản đã hoàn thành trong phần viết. * Tìm ý và sắp xếp ý:

người nghe cần chuẩn bị những gì? - Người nói và người nghe trong thảo luận cần đảm bảo những yêu cầu nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời các yêu cầu khi nói và nghe. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trả lời câu hỏi. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	- Nhận xét chung về hình thức văn bản: tiêu đề, bố cục, in đậm, in hoa, in nghiêng, đề mục... - Nhận xét tính hợp lý của các điều khoản hoặc các ý hướng dẫn, bổ sung những điểm có thể hoàn thiện hơn. * Xác định từ ngữ then chốt: - Theo tôi, theo ý kiến của tôi, văn bản này đã quy định, những điều khoản trong văn bản... * Phương tiện hỗ trợ: - Chuẩn bị phần trình chiếu và văn bản được đưa ra thảo luận 2. Chuẩn bị nghe: - Người nghe đọc lại các yêu cầu đối với văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng - Tìm hiểu trước về bài nói nếu người nói cung cấp trước văn bản. Sau đó có thể phác thảo các ý tưởng thảo luận để góp phần xây dựng được một văn bản hoàn thiện hơn. - Ghi lại thông tin trong quá trình nghe II. Thảo luận 1. Người nói - Trình bày ý kiến: + Mở đầu: Trước khi trình bày nội dung chính, cần thuyết minh cụ thể mục đích và bối cảnh sử dụng của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. + Triển khai: Kết hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu văn bản, bảng biểu, sơ đồ, hình ảnh... + Kết luận: Nhấn mạnh các điểm mấu chốt cần được trao đổi, thảo luận thêm. - Tiếp thu trao đổi: + Thể hiện tinh thần cầu thị. + Bảo vệ ý kiến của mình, làm rõ thêm những điều còn khiến người nghe băn khoăn. 2. Người nghe - Nắm bắt đúng nội dung ý kiến của người nói. - Nêu nhận xét về ý kiến tham gia thảo luận. - Đặt câu hỏi để người nói làm rõ thêm về ý kiến đã phát biểu.

2.2. Thực hành nói nghe, thảo luận

a. Mục tiêu:

- HS biết trình bày và đánh giá về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.
- HS biết lắng nghe, đối thoại, góp ý, đánh giá, phản biện với những ý kiến khác trên tinh thần xây dựng.

b. Nội dung:

- Học sinh chuẩn bị bài nói và chia sẻ bài nói.
- HS hoàn thiện bảng tự đánh giá và đánh giá như gợi ý trong SGK/95

c. Sản phẩm học tập: Kết quả nói nghe và thảo luận của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm thảo luận. Trên cơ sở các nhóm đã chuẩn bị bài nói ở nhà, GV gọi đại diện các nhóm trình bày bài nói. Sau đó, các nhóm khác sẽ nhận xét, đóng góp ý kiến để hoàn thiện văn bản mà các nhóm đã chuẩn bị. - GV chuẩn bị sẵn bảng tự đánh giá và đánh giá như gợi ý trong SGK/95 để phát cho các nhóm HS vào đầu tiết học.	III. Thực hành nói nghe, thảo luận Học sinh tiến hành thực hành nói nghe và thảo luận đảm bảo các yêu cầu đã chuẩn bị

Yêu cầu các em đọc kĩ các thông tin về nội dung đánh giá trước khi tiến hành nghe, trao đổi và đánh dấu vào các cột phù hợp ở phiếu trong và sau khi nghe (Bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận bên dưới) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Đại diện học sinh các nhóm thực hành nói theo nội dung mà nhóm mình đã chuẩn bị. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh các nhóm chia sẻ và đóng góp ý kiến. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức GV thu lại (Bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận bên dưới) của các nhóm để làm căn cứ đánh giá hoạt động nói	

3. HOẠT ĐỘNG 3: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 8)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS thảo luận, chia 4 nhóm trả lời 4 câu hỏi sgk/ 95

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi

GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS

GỢI Ý TRẢ LỜI

Bài 1 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 2):

Tên văn bản	Tên tác giả	Thông tin chính	Các bằng chứng, số liệu
<i>Sự sống và cái chết</i>	Trịnh Xuân Thuận	Lịch sử sự sống trên Trái Đất và mối quan hệ giữa sự sống và cái chết.	- Sự sống của các sinh vật trên Trái Đất vào 3 tỉ năm trước, 500 triệu năm trước, 140 triệu năm trước. - Sự xuất hiện và tuyệt chủng của các loài sinh vật như bọ ba thùy, khủng long.
<i>Nghệ thuật truyền thống của người Việt</i>	Nguyễn Văn Huyền	Một số ngành nghệ thuật truyền thống của Việt Nam, đặc điểm các công trình nghệ thuật và tâm tính nhân dân thể hiện trong các ngành nghệ thuật.	- Các công trình nhà ở, trang trí, nữ trang thể hiện khiếu thẩm mỹ của người Việt. - Biểu hiện bằng các công trình của tính chất tôn giáo ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt Nam. - Miêu tả công trình kiến trúc, điêu khắc của Việt Nam. - Tên các công trình, địa danh, hiện vật.

<i>Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu</i>	Lê My	Thông tin về tầng ozone, nguyên nhân khiến tầng ozone bị thủng và những thành quả của toàn nhân loại trong việc phục hồi tầng ozone.	- Các mốc thời gian diễn ra các sự kiện: năm 1970 nhận ra tầng ozone mỏng đi, năm 1985 phát hiện tầng ozone trên địa biến mất, năm 1987 thông qua Nghị định thư Mông-tơ-rê-an... - Các phản ứng hóa học dẫn đến bào mòn tầng ozone. - Các dự tính hồi phục tầng ozone.

Bài 2 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 2):

- Văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống” (Hồ Thanh Trang SGK Ngữ văn 6, tập 2, bài 9: Trái Đất – ngôi nhà chung). Văn bản đưa ra các thông tin về Trái Đất, nguồn gốc của sự sống trên Trái Đất (nhờ có nước), sự sống trên Trái Đất (thông qua sự tồn tại của muôn loài và của con người), cũng như tình trạng Trái Đất hiện giờ và đặt ra câu hỏi: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ. Trong bài viết, tác giả chỉ ra một hiện trạng tổn thương của Trái Đất chính là bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.

- Thông tin trong các văn bản về sự sống trên Trái Đất và hoạt động bảo vệ môi trường đều là những thông tin mang tính thời sự, có liên quan trực tiếp đến sự sống của con người. Trong các bài viết, dù bàn về sự sống nói chung, bàn về tầng ozone, về thành quả trong công tác ngăn ngừa biến đổi khí hậu... thì người viết vẫn luôn gửi gắm thông điệp về ý thức và hành động của con người: Sự sống của con người phụ thuộc vào chính những hành động của chúng ta đối với môi trường sống chung quanh.

Bài 3 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 2):

- HS tự sưu tầm một số nội quy, văn bản hướng dẫn ở trường học hoặc địa phương, gửi vào nhóm lớp.

Bài 4 (trang 95 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 2):

- HS tham khảo sản phẩm ở bài Viết (đã có).

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Ôn tập tổng hợp bài 8, nắm chắc các đặc trưng của văn bản thông tin
2. Hoàn thành các bài tập củng cố, mở rộng và vận dụng
3. Chuẩn bị bài 9: **Hành trang cuộc sống** (Tìm hiểu tri thức Ngữ văn, đọc văn bản 1 và trả lời câu hỏi (SGK))

BÀI 9

HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

- Đọc – hiểu các văn bản:

VB 1: *Về chính chúng ta* (Trích 7 bài học hay nhất về vật lí – Các-lô Rô-ve-li)

VB 2: *Con đường không chọn* (Rô-bốt Phờ-rôt)

VB 3: *Một đời như kẻ tìm đường* (Trích – Phan Văn Trường)

Thực hành đọc:

Mãi mãi tuổi hai mươi (Trích – Nguyễn Văn Thạc)

2. Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (tiếp theo)

3. Viết: Viết bài luận về bản thân

4. Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.

- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 91, 92

VĂN BẢN 1: VỀ CHÍNH CHÚNG TA

(Trích 7 bài học hay nhất về vật lí)

Các-lô Rô-ve-li

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

2. Phẩm chất

- Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận nhóm: Liệu con người có phải là chúa tể của tự nhiên?

c. Sản phẩm: Phiếu quan sát và thảo luận (Phụ lục. Phiếu học tập số 1)

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS xem video clip bài hát *Bài ca Trái Đất* (Earth Song) của Mai-con Giác-sơn và trình bày suy nghĩ về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được gợi nên từ bài hát.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video clip và ghi lại những suy nghĩ của mình vào phiếu học tập, sau đó thảo luận nhóm để chia sẻ suy nghĩ của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS trình bày lại kết quả thảo luận của nhóm và ghi lại các ý kiến thảo luận của các nhóm khác vào phiếu ghi chép.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nêu nhận xét về phần trình bày của các nhóm và ghi nhận những đóng góp tích cực, tôn trọng các ý tưởng khác biệt của HS.

Ví dụ: Thiên Chúa giáo cho rằng Chúa sáng tạo ra vạn vật và loài người, ban phước cho loài người và trao cho họ quyền cai trị muôn loài. Phật giáo có quan niệm bất nhị, cho rằng vạn vật trong trời đất là một, giữa con người và vạn vật luôn có mối quan hệ chặt chẽ, không ngừng tương tác lẫn nhau, tồn tại trong nhau, không thể tách biệt. Thuyết tiến hoá của Đác-uyn (Darwin) cho rằng con người có chung nguồn gốc với các loài vật, sự xuất hiện của loài người là kết quả của một quá trình tiến hoá lâu dài từ những sinh vật có cấu trúc sơ giản nhất trong quá trình chọn lọc và thích nghi với môi trường sống.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tác giả và tác phẩm
- HS nắm được bố cục của VB.
- HS biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc.
- HS giải thích được các từ ngữ khó trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Đọc thành tiếng VB *Về chính chúng ta*.

c. Sản phẩm: Ghi chú trong khi đọc.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV gọi HS đọc thành tiếng VB, yêu cầu xác định bố cục VB. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc nối tiếp VB, xác định bố cục VB, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong VB, thực hiện các nhiệm vụ ở các box bên phải VB. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức * Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi: - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả Các-lô Rô-ve-li và tác phẩm “7 bài học hay nhất về vật lý”? - Nêu xuất xứ và bố cục của văn bản.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Các-lô Rô-ve-li - Các-lô Rô-ve-li sinh năm 1956, là nhà vật lý học lý thuyết, nhà văn, sinh ra ở I-ta-li-a, chủ yếu làm việc ở Mỹ và Pháp. - Các nghiên cứu của ông tập trung vào lĩnh vực lực hấp dẫn lượng tử. Ông cũng nghiên cứu sâu về lịch sử và khoa học triết học. Những công việc này đã giúp ông có một tri thức tổng hợp rộng lớn và cái nhìn toàn diện, sâu sắc về vũ trụ và đời sống. 2. Tác phẩm - Cuốn sách nổi tiếng - <i>7 bài học hay nhất về vật lý</i> được xuất bản lần đầu tiên vào năm 2014, đã được dịch sang 41 thứ tiếng và bán hàng triệu bản khắp thế giới. - Không chỉ là một cuốn cẩm nang súc tích về vật lý học hiện đại, cuốn sách còn chứa đựng những suy tư mang tính chất triết học về thế giới và con người. Ở đó, khoa học, triết học, văn chương và tôn giáo đã được kết hợp một cách hài hòa, cho người đọc thấy được vẻ đẹp huyền bí của thế giới này. 3. Đoạn trích - Xuất xứ: Văn bản “Hành trang cuộc sống” được trích từ cuốn sách “7 bài học hay nhất về vật lý”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc và tìm câu trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận Gv nhận xét, kết luận, khắc sâu nội dung.	- Bố cục: 3 phần + Phần 1 (từ đầu đến " <i>chúng ta cũng là một phần của cái thế giới ấy</i> "): trình bày quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới. + Phần 2 (từ " <i>Chúng ta, con người</i> " đến " <i>Ngay chính linh hồn chúng ta cũng chỉ là một ví dụ bé nhỏ</i> "): trình bày các luận điểm chính để bảo vệ cho quan điểm của mình. + Phần 3 (từ " <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta</i> " đến hết): kết luận.

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS tóm tắt được những nội dung chính trong VB.
- HS hiểu được các đặc trưng thể loại của VB.
- HS phân tích được những giá trị nghệ thuật đặc sắc và các thông điệp chính trong VB.
- HS liên hệ VB với bản thân, với đời sống.

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận về các câu hỏi SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trong phiếu học tập (Phụ lục. Phiếu học tập số 2)

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Quan điểm của tác giả và các luận điểm chính trong văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS hoạt động cặp đôi - HS đọc kĩ đoạn 1,2 và xác định câu chủ đề của mỗi đoạn. - HS tóm tắt quan điểm của tác giả được thể hiện trong đoạn 1,2. - HS đọc đoạn 3, tìm câu chủ đề của đoạn 3 - HS đọc đoạn 4, tìm câu chủ đề của đoạn 4. - HS đọc đoạn 7, tìm câu chủ đề của đoạn 7 - HS đọc đoạn 9, tìm câu chủ đề của đoạn 9 - HS đọc bốn đoạn cuối, tìm quan điểm của tác giả được thể hiện trong bốn đoạn đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Cặp đôi chia sẻ, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề. *Nhiệm vụ 2: Những lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm - Nhóm 1,2: Thực hiện nhiệm vụ + HS đọc đoạn 6 và tìm các lí lẽ, bằng chứng mà tác giả đã sử dụng để chứng minh cho luận điểm: <i>Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần nhỏ bé của vũ trụ.</i>	II. Khám phá văn bản 1. Quan điểm của tác giả và các luận điểm chính trong văn bản - Quan điểm chính được tác giả thể hiện trong văn bản: <i>Chúng ta là một phần của tự nhiên. Tự nhiên là nhà của chúng ta.</i> - Quan điểm này được triển khai thành các luận điểm chính: (1) Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ. (2) Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới. (3) Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên. 2. Những lí lẽ, bằng chứng được sử dụng trong văn bản * Các luận điểm và lí lẽ, bằng chứng - Đoạn 6: Luận điểm: <i>Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần nhỏ bé của vũ trụ.</i> + Lý lẽ: “Chúng ta từng nghĩ rằng mình là thứ tồn tại duy nhất, một chủng loài tách biệt hẳn với họ các động vật và thực vật, rồi phát hiện ra rằng mình là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta”.

+ HS đọc đoạn 7,8 và tìm các lí lẽ, bằng chứng để chứng minh cho luận điểm: *Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới.*

+ HS đọc đoạn 9 và tìm lí lẽ, bằng chứng chứng minh: *Đạo đức, cảm xúc, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.*

- Nhóm 3,4: Thực hiện nhiệm vụ

Tìm hiểu những tri thức khoa học được đề cập đến trong văn bản

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

***Nhiệm vụ 3: Các yếu tố miêu tả, biểu cảm, biện pháp tu từ trong văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Tìm các chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản.

- Phân tích giá trị, tác dụng của các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản.

- Đoạn 7,8: Luận điểm: *Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới.*

+ Lí lẽ: “Chất liệu căn bản làm nên tư duy của chúng ta là tập hợp vô cùng phong phú các thông tin được tích lũy, trao đổi và không ngừng được xây dựng kỹ lưỡng”.

+ Bằng chứng: “Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời, một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta”.

- Đoạn 9: Luận điểm: *Đạo đức, cảm xúc, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.*

+ Lí lẽ: “Thực tại của chúng ta là những giọt nước mắt và nụ cười, lòng biết ơn và vị tha, sự trung thành và phản bội, là quá khứ luôn ám ảnh chúng ta và sự thanh thản. Thực tại của chúng ta được làm nên từ xã hội của chúng ta, từ cảm xúc nhờ âm nhạc đem lại, từ các mạng lưới kiến thức chung đan dệt phong phú mà chúng ta cùng nhau xây đắp”.

***Những tri thức khoa học được đề cập đến trong văn bản**

- *Những tri thức khoa học*: Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử, chúng ta không phải ở trên một hành tinh nằm tại trung tâm vũ trụ, chúng ta là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta, một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời...

- *Nguồn gốc của tri thức*: Các tri thức được đề cập trong văn bản bắt nguồn từ tri thức khoa học tự nhiên hiện đại, dựa trên nền tảng của học thuyết tiến hoá, thiên văn học, di truyền học.

- Ý nghĩa của những tri thức trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính: Đó là những bằng chứng làm sáng tỏ cho luận điểm chính. Vì những tri thức này là tri thức khách quan, được kiểm chứng bởi các nhà khoa học có uy tín, đã được chứng minh bằng khoa học hiện đại nên chúng rất thuyết phục, đáng tin cậy. Tất nhiên, khoa học vẫn đang không ngừng phát triển và có thể trong tương lai có rất nhiều các học thuyết, bằng chứng khoa học thậm chí có thể phản biện, đi ngược lại những học thuyết trên.

3. Các yếu tố miêu tả, biểu cảm, biện pháp tu từ trong văn bản

- Các chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản và tác dụng

+ Chi tiết: Đại dương mệnh mông những gì chưa biết, rực sáng lên vàng hào quang của sự huyền bí. Yếu tố biểu cảm còn được bộc lộ trong cách sử

GV nhận xét, chốt vấn đề.	

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Trình bày quan điểm về giá trị của con người trong thế giới tự nhiên. - Khẳng định con người là một bộ phận hữu cơ của tự nhiên, con người cũng là tự nhiên và là một trong vô số các biểu hiện biến thiên vô cùng tận của nó. 2. Nghệ thuật - Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ dẫn chứng thuyết phục. - Các biện pháp tu từ so sánh, điệp cấu trúc, liệt kê được sử dụng linh hoạt, hiệu quả.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Nhận thức nào từ văn bản *Về chính chúng ta* mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về điều này.

- GV có thể gợi ý: văn bản đặt ra rất nhiều vấn đề: mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, khả năng nhận thức của con người về thực tại....

- GV lưu ý HS về kiểu loại VB, cấu trúc của đoạn văn:

+ Giới thiệu vấn đề một thông điệp hoặc bài học mà mình đã lĩnh hội được khi đọc văn bản *Về chính chúng ta*.

+ Trình bày ngắn gọn quan điểm của mình về thông điệp/ bài học ấy.

+ Chọn lọc các lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ cho quan điểm của mình.

+ Sử dụng các kiểu cấu trúc như diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, song hành, móc xích để triển khai đoạn văn.

+ Chỉnh sửa đoạn văn: Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kĩ năng đọc VB nghị luận để đọc mở rộng các VB nghị luận khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

b. Nội dung: Thực hiện các bài tập luyện tập.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 3 (Phụ lục)

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ: Tìm thêm các VB, tài liệu khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Chỉ ra các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS chia sẻ các tài liệu thu thập được cho các bạn vào nhóm lớp và nộp lại phiếu học tập cho GV.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và điền các thông tin thu thập được vào phiếu học tập sau giờ học

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.

Phụ lục (Phiếu học tập)

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản tài liệu khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Con đường không chọn* (Rô-bốt Phờ-rôt)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 93

VĂN BẢN 2: CON ĐƯỜNG KHÔNG CHỌN

Rô-bốt Phờ-rôt

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS biết vận dụng các tri thức đã học về thơ để chiếm lĩnh bài thơ của Rô-bốt Phờ-rôt-xơ, thông qua hai bản dịch đã được giới thiệu trong SGK.

- Qua việc tìm hiểu bài thơ, HS nhận thức được sự khó khăn và tầm quan trọng của việc quyết định hướng đi cho bản thân trong cuộc sống, sự can đảm và ý thức chịu trách nhiệm trước những lựa chọn của bản thân.

- Hiểu được ý nghĩa giáo dục của bài thơ: Cần lựa chọn giá trị nào làm hành trang cho cuộc sống của mình? Việc lựa chọn này đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình trưởng thành của mỗi cá nhân.

2. Phẩm chất

- Biết nhìn lại mình, định vị bản thân và theo đuổi những giá trị xứng đáng
- Biết yêu cái đẹp, sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.
- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực
- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV trình chiếu đoạn văn bản, đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm và suy nghĩ cá nhân trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: Chiếu văn bản về CÂU CHUYỆN CỦA HAI HẠT MÀM (Theo Hạt giống tâm hồn, Fisrt New và NXB Tổng hợp TP HCM)) - GV chiếu câu hỏi: Câu 1: Văn bản trên viết về sự việc gì? Câu 2: Chỉ ra sự khác nhau về quan điểm sống được thể hiện trong lời nói của hai hạt mầm. Câu 3: Nêu ý nghĩa của văn bản. Câu 4: Trong cuộc sống đã bao giờ em cảm thấy khó khăn khi phải đứng trước nhiều khả năng lựa chọn? Câu 5: Điều gì đã khiến em đưa ra quyết định lựa chọn của mình khi ấy? Em thấy may mắn hay tiếc nuối vì lựa chọn đó của bản thân? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi thảo luận 3 câu đầu và suy nghĩ cá nhân 2 câu sau - GV quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Làm người là lựa chọn, vậy làm sao có đủ can đảm để lựa chọn lối đi riêng cho mình trong cuộc đời? Làm sao biết được lựa chọn của mình là đúng hay sai? Điều gì khiến người ta thường ước ao trong nuối tiếc, rằng “giá như được lựa chọn lại”?...	Câu 1: Văn bản trên viết về sự lựa chọn cách sống và kết quả của cách lựa chọn đó của hai hạt mầm Câu 2: Sự khác nhau về quan điểm sống được thể hiện trong lời nói của hai hạt mầm. - Hạt mầm thứ nhất: Có cách sống khát khao cống hiến, đam mê hành động, đầy mơ ước, khát khao vươn tới những điều tốt đẹp, không sợ đương đầu với thử thách. - Hạt mầm thứ hai: Có cách sống an toàn, sống hèn nhát, thụ động, luôn sợ hãi, chỉ thích an phận thủ thường. Câu 3. Ý nghĩa văn bản: Nhắc nhở tới chúng ta thông điệp rằng hãy cứ mạnh mẽ đương đầu với thử thách, khó khăn để bứt phá làm nên điều kì diệu cho bản thân, cho cuộc đời Câu 4, 5: Trả lời theo quan điểm cá nhân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tác giả và tác phẩm
- HS biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc.

b. Nội dung hoạt động: GV gọi 2 HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi tìm hiểu chung.

c. Sản phẩm: Ghi chú trong khi đọc và câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV mời 2 HS đọc hai bản dịch bài thơ (trước hoặc sau khi GV đọc “mẫu”). Nhắc các em chú ý những thẻ đọc ở bên phải văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc nối tiếp VB Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS đọc to thành tiếng, các HS khác đọc thầm theo Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn yêu cầu đọc * Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi: - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả Rô-bốt Phờ-rôt - Xác định: Thể loại, xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, phương thức biểu đạt chính, bố cục,... của tác phẩm “Con đường không chọn”. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc và thảo luận nhóm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trả lời, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận Gv nhận xét, kết luận, chuẩn kiến thức	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả Rô-bốt Phờ-rôt - Rô-bốt Phờ-rôt (1874 – 1963) - Là nhà thơ Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học hiện đại. - Gia đình: + Cha là chủ biên một tờ báo-> Qua đời vì bệnh lao phổi + Mẹ: Giáo sư trung học - Bản thân: Từng theo học trường Harvard nhưng sau đó thôi học vì được ông nội cho một trang trại nhỏ -> Là điều kiện giúp ông được sống giữa thiên nhiên hùng vĩ. Đó cũng là cơ sở giúp ông sau này sáng tác nhiều bài thơ hay, nổi tiếng. -> Cho đến nay ông là nhà thơ duy nhất từng được bốn lần nhận giải thưởng Pu - lít - đơ - giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực như báo chí, văn chương, âm nhạc,... - Sự nghiệp: + Năm 1913: Thành công với tập A Boy's Will". + Năm 1914: xuất bản tập thơ thứ hai "North of Boston" cũng được nhiều người khen ngợi. + Năm 1916, ông cho phổ biến tập thơ "Mountain Interval", trong đó có bài thơ "Birches" và "The Road Not Taken". 2. Tác phẩm * Thể loại: Thể thơ tự do * Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: - Con đường không chọn là một trong những bài thơ được đọc nhiều nhất của Rô-bốt Phờ-rôt. Tác phẩm được sáng tác vào năm 1915, lấy cảm hứng từ những cuộc đi dạo trong rừng với người bạn của ông – nhà thơ nhà thơ Êt-uốt Thô-mát-xơ (1878 – 1917). Theo lời của Phờ-rôt, trong những cuộc đi dạo ấy, Thô-mát-xơ thường băn khoăn không biết nên chọn lối nào để đi, rồi sau khi đã lựa chọn, ông lại nuối tiếc, đáng lẽ nên chọn một lối khác. - Bài thơ của Phờ-rôt ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về lựa chọn của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại con đường mình từng từ bỏ. Không lâu sau khi nhận được bài thơ của Phờ-rôt trong một lá thư, Êt-uốt Thô-mát-xơ tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và ông đã tử trận trong trận A-rát-xơ vào năm 1917. * Phương thức biểu đạt chính : Biểu cảm * Bố cục: 2 đoạn - Đoạn 1: 3 khổ thơ đầu: Hai lối rẽ - Đoạn 2: Khổ thơ cuối: Sự lựa chọn lối đi của nhân vật trữ tình.

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội của VB; nêu được ý nghĩa của VB đối với quan niệm sống của bản thân.
- Hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ.

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận về các câu hỏi SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhan đề Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Theo em, tại sao Rô-bốt Phờ-rót-xơ lại đặt nhan đề bài thơ là <i>Con đường không chọn</i> chứ không phải <i>Con đường tôi chọn</i> hay <i>Con đường ít người đi</i>? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi cặp đôi theo bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS chia sẻ, HS khác nghe, phản biện Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề.	II. Khám phá văn bản 1. Nhan đề - Phờ-rót-xơ đặt tên bài thơ là <i>Con đường không chọn</i> (The road not taken) nhằm làm rõ một tâm lí phổ biến của con người: thường nuối tiếc về những gì mình đã không chọn, vì phần lớn những lựa chọn thực tế (đã được quyết định vào một lúc nào đó) đều có vẻ bất toàn, không dẫn đến điều mong đợi. - Thực ra, “con đường tôi chọn” hay “con đường không chọn” đều có những giá trị riêng. Tâm lí “đứng núi này trông núi nọ” khiến người ta không dốc lòng vào con đường mình đã chọn mà cũng không đủ can đảm để làm lại, bỏ sang con đường từng có thể chọn nhưng cuối cùng đã không chọn. Rõ ràng, như bài thơ cho thấy, cả hai “con đường”, tức là hai khả năng thực hiện điều vừa nêu, đều “ít người đi”, ít theo đuổi với sự kiên tâm hay quyết đoán. 2. Ba khổ đầu: Hai lối rẽ- Sự đắn đo của người lữ hành a. Khổ 1: Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình - Nhân vật trữ tình: Người lữ hành. - Tình huống: + “thân phận lữ hành”, “đứng mãi” + “chỉ có thể chọn một” + “nhìn theo một lối rẽ bên này” => Nhân vật trữ tình đang đứng trước con đường có 2 lối rẽ, đang phải chọn một lối đi, đang băn khoăn không biết nên chọn lối đi nào. - Hình ảnh “con đường” và “lối rẽ” là ẩn dụ về đường đời, về những khúc ngoặt mà bất cứ ai cũng có lúc phải lựa chọn.
*Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu ba khổ thơ đầu a. Khổ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Đọc thầm khổ 1 của văn bản - Thảo luận nhóm theo bàn (5 phút) ? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai và đang đứng trước tình huống nào? ? Em đã biết những bài thơ nào nói đến hình ảnh con đường? ? Con đường trong khổ thơ có điểm gì giống và khác so với con đường mà bài thơ khác nói đến? ? Hình ảnh “con đường” và “lối rẽ” trong khổ thơ ẩn dụ cho điều gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm theo bàn (5 phút) Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS chia sẻ, HS khác nghe, phản biện Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề.	b. Khổ 2,3

Bài thơ nói đến hình ảnh con đường: *Sa hành đoản ca* (Cao Bá Quát), *Dòng sông lơ đãng* (Nhạc sỹ Việt Anh),...

b. Khổ 2,3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Đọc thầm khổ 2,3 của văn bản
- Thảo luận nhóm- 3 nhóm (8 phút)

Nhóm 1. Trong khổ thơ thứ 2,3 hai lối rẽ được miêu tả như thế nào? Liệu đó có phải là khó khăn cho NVTT khi lựa chọn lối rẽ không?

Nhóm 2. Em thử hình dung, nếu nhân vật trữ tình không thể chọn cả hai lối rẽ cùng lúc thì anh ta có thể không lựa chọn bất cứ lối rẽ nào được chăng? Em có đồng tình với quyết định đó không?

Nhóm 3. Em có nhận xét gì về trạng thái của NVTT trước hai con đường? Trong cuộc sống, em có hay rơi vào trạng thái này không, hãy chia sẻ suy nghĩ của bản thân? (có thể lấy ý kiến riêng của cá nhân)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc và thảo luận, trả lời các câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS chia sẻ, HS khác nghe, phản biện

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

***Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu khổ thơ cuối**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Trong bài thơ, cuối cùng nhân vật trữ tình cũng vẫn phải đưa ra lựa chọn của mình. Em nhận ra được thống điệp gì từ sự lựa chọn đó? Theo em, anh ta có thật sự tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân, ghi ra giấy kết quả

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhân xét, chốt vấn đề.

- Hai con đường- hai lối rẽ được miêu tả có vẻ giống nhau: rừng lá vàng, cỏ rậm trên mặt đường, thấy dấu mòn, lá rơi đầy chưa đen vết chân ai...và người ta đều không nhìn thấy hết phía trước nó là gì...

-> Đó là tình thế khó khăn của đời sống, nhất là khi ta không thể phóng tầm mắt lên trước để xem con đường này dẫn ta tới đâu và liệu nơi đó có như ta kì vọng hay không.

- Tình huống nhân vật trữ tình đối mặt thực sự rất khó khăn vì anh ta không thể cùng lúc đi trên hai con đường. Nhưng nếu từ bỏ sự lựa chọn thì hành trình của anh ta không thể bắt đầu và anh ta chỉ mãi giẫm chân tại chỗ, không tiếp bước được

- Điều này không đồng nghĩa với việc anh ta tin chắc con đường mình chọn là con đường tốt hơn con đường mình đã không chọn:

+ Có thể khẳng định trạng thái phân vân, băn khoăn này thực ra là một trạng thái khá phổ biến .

+ Tuy nhiên, trong cuộc sống không nhất thiết phải tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn mà đó có thể là sự yêu thích hay cảm thấy phù hợp... khiến bản thân lựa chọn con đường đó; Không có lựa chọn nào đúng hoặc sai hoàn toàn, những giả thiết suy tưởng điều chúng ta bỏ qua sẽ khiến chúng ta có suy ngẫm để trưởng thành và cũng làm nên điều thú vị trong cuộc sống

-> Cuộc đời con người cũng vậy, chúng ta luôn phải dám đối mặt với những lựa chọn và đưa ra quyết định đúng đắn để tiếp tục bước đi trên hành trình của mình.

3. Khở thơ cuối: Sự lựa chọn lối đi của nhân vật trữ tình.

- NVTT đã chọn lối đi “ Lối mòn ít có ai đi”

-> Thông điệp: Mỗi người cần phải có một hướng đi riêng, không nên đi theo lối mòn đã có nhiều người đi.

- Tâm trạng của NVTT: không thật sự tin rằng lỗi rẽ đó sẽ tốt hơn. Anh ta tưởng tượng đến viễn cảnh tương lai rằng “*Tôi sẽ kể chuyện này trong tiếng thơ dài*”.

->Tiếng thở dài như ẩn chứa sự nuối tiếc, trần trở về con đường mình đã chọn và con đường mình không chọn

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ gửi gắm suy nghĩ của tác giả về những lựa chọn của con người trên đường đời: Trong cuộc sống, mỗi chúng ta phải luôn đưa ra những lựa chọn mà lựa chọn đó sẽ ảnh hưởng quan trọng đến cuộc đời của mỗi người. - Bài học đối với mỗi con người: Cần lựa chọn đúng đắn, hãy sống là chính mình, hãy mạnh mẽ với lựa chọn của mình, và lựa chọn nào cũng có giá trị riêng của nó. 2. Nghệ thuật - Xây dựng hình tượng nhân vật trữ tình đặc sắc - Hình ảnh thơ mang tính biểu tượng cao - Bài thơ có sự kết hợp các phương thức biểu đạt đạt hiệu quả cao: tự sự, miêu tả...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Từ bài thơ này, theo bạn, làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để trả lời câu hỏi trên.

- GV gợi ý:

- + Những lựa chọn trên hành trình trưởng thành có tầm quan trọng ra sao?
- + Vì sao ta thường gặp khó khăn khi lựa chọn?
- + Để đi đến quyết định cuối cùng, ta cần phải xác định điểm tựa như thế nào?
- + Ta đã thực sự xem mình là một nhân cách độc lập trong việc đưa ra lựa chọn chưa?
- + Ta cần có trách nhiệm như thế nào với chính con đường mình đã chọn?
- + Ý nghĩa đích thực của cuộc sống nằm ở hành động dần thân, dám được là mình hay ở kết quả cụ thể đạt được?
- + Cần ứng xử thế nào với những thoáng tiếc nuối gắn với việc thốt lên hai tiếng “giá mà”?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS viết đoạn văn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Rubrics đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0

Nội dung	Làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành?	
	Những lựa chọn trên hành trình trưởng thành có tầm quan trọng ra sao?	2
	Vì sao ta thường gặp khó khăn khi lựa chọn?	1
	Để đi đến quyết định cuối cùng, ta cần phải xác định điểm tựa như thế nào?	1
	Ta đã thực sự xem mình là một nhân cách độc lập trong việc đưa ra lựa chọn chưa?	1
	Ta cần có trách nhiệm như thế nào với chính con đường mình đã chọn?	1
	Ý nghĩa đích thực của cuộc sống nằm ở hành động dần thân, dám được là mình hay ở kết quả cụ thể đạt được?	1
	Cần ứng xử thế nào với những thoáng tiếc nuối gắn với việc thốt lên hai tiếng “giá mà”?	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã được học trong bài để suy nghĩ về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân mỗi HS khi đang ngồi trên ghế nhà trường.

b. Nội dung: Dựa vào một bài báo viết về chọn nghề để HS cùng bàn luận, trao đổi và cùng định hướng con đường phía trước

c. Sản phẩm: Bài viết, bài nói của HS thể hiện những quan điểm và định hướng của cá nhân mình khi mới đang là học sinh lớp 10.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu lên cho HS cùng đọc một bài báo: Ba lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp - Tiến sĩ Trần Đình Lý - báo Thanh niên, diễn đàn của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam (<https://thanhnien.vn/3-loi-khuyen-lua-chon-nghe-nghiep-post546940.html>)
- GV yêu cầu HS cùng thảo luận về nội dung bài báo và đưa ra ý kiến, định hướng của riêng mình về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc bài báo và suy nghĩ bày tỏ quan điểm.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến cá nhân, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, góp ý cho HS.
- Định hướng cho tất cả HS trong lớp.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Một đời như kẻ tìm đường* (Trích – Phan Văn Trường)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 97

VĂN BẢN 3: MỘT ĐỜI NHƯ KẸ TÌM ĐƯỜNG (TRÍCH)

Phan Văn Trường

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được quan điểm của người viết trong văn bản.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

2. Phẩm chất

- Biết nhìn lại mình, định vị bản thân, biết lựa chọn và theo đuổi những giá trị xứng đáng

- Biết yêu cái đẹp, sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, biết cống hiến,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chia sẻ trải nghiệm của bản thân, gọi HS chia sẻ, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV có thể kể một câu chuyện về sự lựa chọn của bản thân, của những nhân vật có thật hay những nhân vật trong các tác phẩm văn chương hư cấu.

- GV gọi 1 – 3 HS chia sẻ về những lựa chọn mình đã thực hiện trong cuộc sống và hệ quả của những lựa chọn đó.

- GV đặt câu hỏi: Lựa chọn của chúng ta hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai?

- GV đặt câu hỏi: Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS chia sẻ và trả lời câu hỏi.

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:

Làm người là lựa chọn, vậy làm sao có đủ can đảm để lựa chọn lối đi riêng cho mình trong cuộc đời?

Làm sao để lựa chọn của mình là ý nghĩa? Hãy đến với những kinh nghiệm hết sức quý báu từ một người đã sống trọn vẹn hơn 70 năm cuộc đời để suy ngẫm và quyết định: “Một đời như kẻ tìm đường” (Phan Văn Trường)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và văn bản

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tác giả, tác phẩm và văn bản
- HS biết sử dụng các chiến lược trong khi đọc.

b. Nội dung hoạt động:

- GV hướng dẫn HS đọc, thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK, tìm nội dung bố cục văn bản

c. Sản phẩm: Ghi chú trong khi đọc và câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, mạch lạc, xuống giọng ở những đoạn có yếu tố chiêm nghiệm, biểu cảm. Nghe nhìn SGK và gạch chân ở những từ ngữ quan trọng, chú ý những câu hỏi gợi mở trong box bên phải văn bản, trả lời nhanh các câu hỏi đó. Xem chú thích cuối chân trang. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc VB theo yêu cầu của GV Bước 3: Báo cáo, thảo luận 3 HS đọc to thành tiếng, các HS khác đọc thầm theo Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn yêu cầu đọc * Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm, văn bản và trả lời câu hỏi: - Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả Phan Văn Trường. Nêu ấn tượng đặc biệt nhất của em về Phan Văn Trường. - Xác định: Xuất xứ văn bản, nội dung của tác phẩm và bố cục văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc và thảo luận nhóm theo bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trả lời, HS khác nghe, quan sát, góp ý, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, kết luận, chuẩn kiến thức - GV có thể chia sẻ thêm một số thông tin khác về tác giả Phan Văn Trường: Ông là một công dân Pháp gốc Việt từng sống ở nhiều quốc gia trên thế giới, đảm nhiệm vị trí lãnh đạo của nhiều tập đoàn toàn cầu. Khi về hưu, ông đã quyết định quay trở lại Việt Nam để cống hiến nhiều hơn cho đất nước. Ông đã tham gia giảng dạy ở Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, là chủ tịch danh dự của câu lạc bộ Sách và Hành động, câu lạc bộ Khởi nghiệp Nông nghiệp Việt Nam, sáng lập hệ sinh thái Cây nền, xuất bản sách về quản trị doanh nghiệp,... Tất cả những việc ông làm đều dựa trên tinh thần cho đi không vụ lợi, nhằm lan toả thông điệp của sự bình đẳng, tích cực, hồn nhiên, thẳng thắn trong thế hệ trẻ Việt Nam. Những gì tác giả chia sẻ	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc 2. Tác giả Phan Văn Trường - Sinh năm 1946 ở Hải Dương. - Giữ nhiều vị trí nghề nghiệp, am hiểu văn hóa Đông Tây, trải nghiệm phong phú, tinh thần tận hiến. - Tác phẩm: (SGK/110) 3. Tác phẩm và văn bản - Xuất xứ văn bản: trích trong tác phẩm cùng tên. - Nội dung của tác phẩm: là sự đúc kết những trải nghiệm phong phú trong suốt cuộc đời tâm huyết về con đường đến thành công, hạnh phúc ông dành tặng cho thế hệ trẻ Việt Nam. - Bố cục văn bản: 3 phần: + P1: Lựa chọn đầu tiên của “tôi”. + P2: Mối quan hệ giữa lựa chọn và số mệnh. + P3: Chiêm nghiệm rút ra sau hành trình một đời tìm đường.

trong văn bản *Một đời như kẻ tìm đường* rất nhất quán với hành động mà ông đã làm trong thực tế.

Hoạt động 2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được đối tượng, mục đích, quan điểm, các yếu tố tự sự, biểu cảm, ý nghĩa nhan đề, nội dung chính trong văn bản.
- Hiểu được đặc trưng thể loại của văn bản.
- HS phân tích được những giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc và thông điệp chính được gửi gắm trong văn bản.
- HS liên hệ, rút ra bài học cho bản thân.
- HS nhận ra giá trị sống, thái độ sống tích cực, cảm hứng nhiệt huyết sống.
- HS hiểu giá trị của văn hóa chia sẻ và giá trị nhân văn qua văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận về các câu hỏi SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS				Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 6 nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi ở SGK: Nhóm 1: Tìm hiểu đối tượng, mục đích của bài viết - Theo em, tác giả đang muốn đối thoại với ai khi viết bài viết này? Dựa vào thông tin nào em có thể nhận ra điều đó? - Theo em, mục đích của bài viết này là gì? Nhóm 2: Xác định quan điểm chính của tác giả trong bài viết này. Quan điểm ấy được khai triển qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng như thế nào? (Hoàn thành vào phiếu theo mẫu)				II. Khám phá văn bản 1. Đối tượng, mục đích của bài viết - Đối tượng: Trước hết, tác giả đang tự đối thoại với chính mình . Bài viết là một hành trình tự chiêm nghiệm, tự đúc rút lại những bài học cuộc sống từ những trải nghiệm của bản thân. Nhưng đồng thời, tác giả đang ngầm đối thoại với người đọc, đặc biệt là người đọc trẻ tuổi , đang có nhiều băn khoăn về những lựa chọn của mình trong cuộc đời. Có thể nhận ra sự hiện diện của người đọc hàm ẩn này trong cách sử dụng đại từ nhân xưng (“Làm việc gì cũng được”, “đi đâu cũng đáng nếu mỗi chúng ta không quên mình là một thành phần của xã hội”, “đóng góp nhiều thì xã hội sẽ cho lại chúng ta nhiều”,...), bằng việc bắt đầu bài viết bằng tình huống lựa chọn của tác giả vào năm mười bốn tuổi, nhằm tạo nên sự đồng cảm của những người đọc trẻ. Mục đích: tự chiêm nghiệm và đúc rút những bài học cuộc đời từ trải nghiệm của mình; chia sẻ những thông điệp cuộc sống, kêu gọi một lối sống tích cực, trên tinh thần công hiến.
QUAN ĐIỂM	Luận điểm 1	Lí lẽ	Bằng chứng	2. Quan điểm chính của tác giả trong bài viết - Quan điểm chính của tác giả trong bài viết: Cuộc đời của chúng ta như một con đường với hàng ngàn khúc quanh, đến khúc quanh nào chúng ta cũng bắt buộc phải có những lựa chọn dù những lựa chọn đó chưa chắc đã là cuộc đời tương lai của chúng ta. - Những lí lẽ, bằng chứng được triển khai là: + Đầu tiên là câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời của người viết năm mười bốn tuổi, lựa chọn môn học, chương trình học và ngành nghề tương lai. + Những lựa chọn bất đắc dĩ mà người viết phải chọn như không chọn Pháp nhưng phải đi Pháp, tốt nghiệp kĩ sư dù chưa bao giờ nghĩ tới, cũng chưa bao giờ mơ tới quyền lực nhưng lại có những vị trí quyền lực. + Số phận và lựa chọn của người viết: làm kĩ sư cầu đường nhưng chưa bao giờ thiết kế đường, chưa bao giờ học kinh tế
	Luận điểm 2	Lí lẽ	Bằng chứng	
	Luận điểm 3	Lí lẽ	Bằng chứng	
Nhóm 3: Chỉ ra các yếu tố tự sự, biểu cảm và phân tích tác dụng của chúng trong văn bản. Nhóm 4: Nhan đề của bài viết là <i>Một đời như kẻ tìm đường</i> . Nhưng trong bài viết, tác giả lại cho rằng: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều				

tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm”. Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa? Nhóm 5: Hãy nêu một luận điểm trong bài viết trên mà em thấy tâm đắc hoặc còn băn khoăn. Lí do nào khiến em thấy luận điểm ấy thuyết phục mình hay làm em muốn đối thoại với tác giả? Nhóm 6: Từ bài thơ <i>Con đường không chọn</i> và bài viết <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>, em nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi con người trong cuộc sống? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi thảo luận nhóm, ghi kết quả vào giấy A0 hoặc phiếu học tập Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đại diện lần lượt 6 nhóm HS chia sẻ, HS khác nghe, phản biện, đánh giá theo RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THẢO LUẬN NHÓM Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề.	nhưng đã làm tư vấn về kinh tế và đã dạy kinh tế trong trường đại học, ... + Những con đường mà chúng ta chọn rồi cũng sẽ là thành công và hạnh phúc vì thành công và hạnh phúc không phụ thuộc vào con đường đã chọn mà vào tâm trạng của chính chúng ta, vào thành quả mà chúng ta gặt hái được. 3. Các yếu tố tự sự, miêu tả - Yếu tố tự sự được thể hiện qua việc kể lại những sự việc có thật đã xảy ra trong cuộc đời tác giả theo trật tự tuyến tính: “Năm mười bốn tuổi”, “Tôi sang Pháp năm mười bảy tuổi”, “Suốt cuộc đời tìm đường”,... - Yếu tố biểu cảm được thể hiện trong những đoạn phân tích, ngầm nghĩ của tác giả, ví dụ: “Tôi đã tìm thấy tình yêu khi trao trọn trái tim”, “Tôi đã tìm được quyền thế bằng cách”,... - Tác dụng: + Yếu tố tự sự được sử dụng khi tác giả kể lại những sự việc trong cuộc đời, nhằm tạo nên một câu chuyện sống động, giúp tô đậm những trải nghiệm phong phú mà tác giả từng trải qua, gia tăng sức thuyết phục của các luận điểm. + Yếu tố biểu cảm được sử dụng khi tác giả suy ngẫm, đúc rút bài học cho mình từ những trải nghiệm. Bằng cách bày tỏ cảm xúc chân thành của mình, tác giả khơi gợi được sự đồng cảm của người đọc, truyền tới người đọc cảm hứng sống mạnh mẽ, niềm tin vào bản thân, vào những giá trị tốt đẹp mà chính mình có thể tự mình tạo dựng trong cuộc đời. 4. Nhan đề của bài viết - Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>. - Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người, ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình. 5. Chia sẻ luận điểm tâm đắc trong bài viết (GV khuyến khích HS chia sẻ theo nhóm hoặc cá nhân) 6. Chia sẻ về những lựa chọn của mỗi con người trong cuộc sống (GV khuyến khích HS chia sẻ theo nhóm hoặc cá nhân)

Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS tổng kết giá trị nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Tích lũy được cho mình những kinh nghiệm, bài học và nguồn động lực để mang theo trên hành trình cuộc sống

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Lời tâm huyết của bậc tiền bối nhằm truyền động lực và cảm hứng sống tích cực cho thế hệ trẻ qua những chiêm nghiệm về lựa chọn con đường đến thành công và hạnh phúc. - Hành trang cuộc đời mỗi người cần mang theo là tạo và cống hiến giá trị, tâm trạng tự tại, tinh thần tích cực. 2. Nghệ thuật - Lời kể gần gũi, cảm xúc chân thực, lí lẽ dẫn chứng thuyết phục, quan điểm rõ ràng - Giọng điệu suy tư, giàu trải nghiệm, tự tin - Kết hợp tự sự và biểu cảm khiến bài luận trở nên sâu sắc, chân thành và hấp dẫn hơn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Nhiệm vụ: Theo bạn, thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện quan điểm của bạn về vấn đề.

– GV hướng dẫn HS cách viết đoạn văn nghị luận, cách đưa các yếu tố tự sự và biểu cảm vào đoạn văn nghị luận, ví dụ: sử dụng một câu chuyện có thật trong sách, báo làm bằng chứng hoặc kể lại một trải nghiệm có thật của bản thân để làm sáng tỏ quan điểm. Cũng có thể sử dụng những từ ngữ bộc lộ trực tiếp cảm xúc và các cấu trúc ngữ pháp trùng điệp để gia tăng sắc thái biểu cảm,...

– GV nêu các tiêu chí đánh giá bài viết, cho HS tự đánh giá hoặc đánh giá bài viết của nhau (Bảng kiểm bên dưới)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS

- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

GV cung cấp bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết đoạn văn.

STT	Tiêu chí	Đạt/Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đảm bảo nội dung: Thể hiện quan điểm về vấn đề: thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

Đoạn văn tham khảo:

Có người đã từng nói với tôi rằng: Bạn không thể quyết định việc mình sinh ra ở đâu nhưng bạn hoàn toàn có thể quyết định mình sống như thế nào. Đúng như ý nghĩa của câu nói trên, tương lai của bản thân sẽ do chính mình tự quyết định, tương lai thành công và hạnh phúc hay thất bại và đau khổ không phải dựa vào may rủi mà nó phụ thuộc vào chính bản thân chúng ta. Trong cuộc sống hiện tại và tương lai, chúng ta luôn phải đứng trước những ngã rẽ của cuộc đời, phải đưa ra những lựa chọn dù muốn hay không và những lựa chọn đó sẽ chính là bước đi tiếp theo của chúng ta. Để thành công trong cuộc sống, để tương lai tốt đẹp cần phải có trí tuệ sáng suốt để phán đoán, suy luận; có kỹ năng làm việc; có ý chí, nghị lực và quyết tâm cao để vượt qua mọi trở ngại, khó khăn; có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao mới tạo được niềm tin với người khác; có kỹ năng giao tiếp để nắm bắt cơ hội, để hợp tác chia sẻ trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay; có cơ sở vật chất ban đầu và có sự may mắn. Không biết đã bao nhiêu lần chúng ta buông tay từ bỏ khi mà chỉ cần một chút nỗ lực, một chút kiên trì nữa thôi là chúng ta sẽ đạt được thành công. Câu chuyện về một người thợ đã mua lại một mảnh đất hoang với giá cao vì ông tin rằng dưới lòng đất có một mỏ kim cương quý giá, ông đã bỏ nhiều công sức, tiền của và nhiều năm để đào bới mảnh đất nhưng không thu được gì. Vì quá chán nản, ông ấy đã bán lại khu đất cho một người khác mà không ngờ rằng chỉ 2 tháng sau đó, người chủ mới khu đất đã tìm thấy một mỏ kim cương khổng lồ nằm sâu trong đất. Chúng ta đôi khi cũng giống như người thợ trong câu chuyện vậy, chúng ta thiếu đi sự kiên nhẫn, thiếu nghị lực để rồi bỏ lỡ mất thành công ngay trước mắt và đổ lỗi cho sự may rủi. Sự may rủi không phải là cái quyết định thành công và hạnh phúc của chúng ta mà chính bản thân chúng ta mới là yếu tố quyết định thành công và hạnh phúc. Trong hành trình tìm kiếm tình yêu và hạnh phúc, kết quả chỉ đến với những ai biết kiên nhẫn, biết lắng nghe, biết nỗ lực và dũng cảm đương đầu với thử thách. Nếu bạn không phạm sai lầm, nghĩa là bạn còn chưa cố gắng đủ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã được học trong bài để suy nghĩ về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân mỗi HS khi đang ngồi trên ghế nhà trường.

b. Nội dung: HS cùng bàn luận, trao đổi và cùng định hướng con đường tương lai

c. Sản phẩm: Bài viết, bài nói của HS thể hiện những quan điểm và định hướng của cá nhân mình khi mới đang là học sinh lớp 10.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bạn nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi con người về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân khi đang ngồi trên ghế nhà trường? Thế nào là lựa chọn đúng và liệu có thể lựa chọn đúng? Làm thế nào khi ta thấy mình chọn sai đường? Lựa chọn của chúng ta thường phụ thuộc vào những yếu tố nào? Khi lựa chọn nên tham khảo ý kiến của người khác hay lắng nghe sự mách bảo của trái tim? Chúng ta thường có suy nghĩ, cảm xúc gì khi đứng trước một lựa chọn? Vì sao chúng ta có những cảm xúc, suy nghĩ đó?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ bày tỏ quan điểm.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến cá nhân, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, góp ý cho HS.
- Định hướng cho tất cả HS trong lớp, nhấn mạnh ý nghĩa của những lựa chọn của con người về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân khi đang ngồi trên ghế nhà trường, những thách thức mà HS có thể phải đối mặt trong tương lai và những tri thức, kỹ năng mà HS cần trang bị để can đảm đối mặt với những lựa chọn trong tương lai.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài viết có cùng chủ đề
- **Chuẩn bị bài: Thực hành đọc:** *Mãi mãi tuổi hai mươi* (Trích – Nguyễn Văn Thạc)

THỰC HÀNH ĐỌC

MÃI MÃI TUỔI HAI MƯƠI (TRÍCH)

Nguyễn Văn Thạc

I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

1. Tác giả:

- Nguyễn Văn Thạc (14/10/1952 - 30/7/1972) là liệt sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam,
- Tác giả cuốn Nhật ký "Chuyện đời" (hay còn được biết dưới cái tên "Mãi mãi tuổi hai mươi")
- Phần giới thiệu từ video (HS tự xem thêm)

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh ra đời của văn bản: Cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng khốc liệt ở chiến trường miền Nam
- Lựa chọn của tác giả: Từ một chàng sinh viên trẻ tuổi trở thành một bộ đội, tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- Điều kiện viết-sáng tác: Trong một buổi đêm nơi chiến trường miền Nam, trước khung cảnh đêm tĩnh mịch, thanh bình, tác giả nhớ về những người đồng đội mà viết thư để chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Quan điểm nhìn nhận cuộc sống: Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi ta có ý thức trách nhiệm và biết cống hiến vì Tổ quốc.

3. Đoạn trích

- **Thể loại:** Nhật kí
- **Xuất xứ**
- *Mãi mãi tuổi hai mươi* được trích từ cuốn nhật kí cùng tên
- **Phương thức biểu đạt chính:** Tự sự
- **Tóm tắt:** Văn bản kể lại những kỉ niệm đáng nhớ của nhân vật "tôi" những ngày ở chiến trường bom đạn xoay quanh cái nhìn đa chiều về cuộc sống, về đời, về những con người, về tình yêu đôi lứa gắn liền với tình yêu dân tộc. Trên hết là lý tưởng cách mạng của tác giả nói riêng và thế hệ thanh niên trẻ Việt Nam nói chung.

II. Khám phá văn bản

1. Người kể chuyện và điểm nhìn

- Người kể chuyện xưng tôi, đây cũng là nhân vật chính trong câu chuyện
- Điểm nhìn hạn chế, người kể chuyện hạn tri, không hoàn toàn khách quan, có những góc khuất trong câu chuyện không biết đến, không thể chạm tới
- => Tuy nhiên với điểm nhìn là người chiến sĩ trẻ trên sa trường người đọc lại thấu hiểu tâm hồn, đời sống, khát vọng của cả một thế hệ thanh niên thời chống Mĩ

2. Kết cấu mạch truyện và nhân vật trung tâm

* Kết cấu mạch truyện:

- Đoạn 1: Từ đầu đến "Bạn đi, mình không gặp được": Nhân vật tôi nhớ lại những kỉ niệm bên gia đình, bạn bè quen thuộc.
- Đoạn 2: Còn lại: Những hi vọng của chàng thanh niên khi sắp thực hiện nhiệm vụ mới nơi chiến trường bom đạn

* **Nhân vật trung tâm:** Người chiến sĩ trẻ trong chiến tranh ác liệt qua những quan sát thường nhật và những xúc cảm trong tâm tư được viết ra theo từng mốc thời gian cụ thể, rõ ràng

3. Quan điểm nhìn nhận đời sống của người viết:

- Bước ra khỏi trang sách, sống cuộc đời của người lính, Nguyễn Văn Thạc hiểu được trách nhiệm của mình hơn đối với gia đình, người mình yêu thương, đồng đội và cao cả hơn là dân tộc Việt Nam.

- Mỗi chặng đường đi qua, mỗi trạm dừng chân, anh đều ghi chép lại một cách tỉ mỉ những cột mốc để đánh dấu cuộc đời mình đầy chân thật. Cuốn nhật kí này không chỉ được viết bởi sự kiện, mà còn đan xen vào đó những ý nghĩ, suy nghĩ và đánh giá nhìn nhận bằng con mắt của người lính.
- Chính những lần hành quân qua nhiều địa danh, vùng miền khác nhau, được gặp nhiều con người khác nhau giúp người con trai ấy trở nên gần gũi thân quen hơn với cuộc sống thực tế.

4. Cảm xúc, tâm trạng của người viết:

- Tự hào, vui sướng khi được khoác trên mình bộ quân phục màu xanh – “Một màu xanh bất diệt của sự sống”, hạnh phúc khi nhận ra được những điều ý nghĩa.
- Bồi hồi, xúc động, nghẹn ngào vì sự thiêng liêng của buổi chia tay, tình cảm của người đưa tiễn.
- Nhớ nhà, nhớ về Hà Nội, nhớ về những kỉ niệm đẹp để cùng với Như Anh.

5. Đặc sắc nghệ thuật

- Giọng điệu trần thuật: Tự hào, vui sướng, xúc động...
- Mạch liên kết các sự kiện, liên tưởng theo dòng cảm xúc của tác giả: Sau khi vào quân ngũ, tác giả mới bắt đầu suy ngẫm về sự lựa chọn của mình; hồi tưởng về ngày chia tay Hà Nội để lên đường; nhớ về bạn bè với sự ân hận – “mình đi khi bạn bước vào năm học mới”; rồi lại trở về với thực tại, tự hào và hãnh diện khi được khoác lên chiếc áo màu xanh.

6. Thông điệp ý nghĩa

- Với tuổi trẻ, chúng ta hãy sống hết mình, tình yêu nước và sức trẻ chính là động lực giúp ta cống hiến và có một cuộc đời thực sự ý nghĩa.
- Văn bản “Mãi mãi tuổi hai mươi” của Nguyễn Văn Thạc như một lời động viên, khích lệ cũng là nhắc nhở thế hệ trẻ về ý thức trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội,...

III. Tổng kết

1. Giá trị nội dung

- Văn bản như một lời động viên, khích lệ cũng là nhắc nhở thế hệ trẻ về ý thức trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội.

2. Giá trị nghệ thuật

- Giọng điệu trần thuật: tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, chia sẻ những trải nghiệm, cảm xúc của bản thân, đem lại sự gần gũi, thân thuộc với bạn đọc

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 101

SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

-**Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

-**Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin.

- HS nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ, sơ đồ cơ bản như: biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, biểu đồ thời gian, sơ đồ cây.

2. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt đồng thời chú trọng các phương tiện phi ngôn ngữ để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả.

- Biết học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0, A4 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu 5 câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ trả lời nhanh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 2 nhóm HS, tìm đáp án đúng cho mỗi câu hỏi, nhóm nào trả lời đúng nhiều hơn sẽ được tính điểm cao hơn. (Đại diện nhóm có tín hiệu trả lời nhanh, thư kí chỉ định và ghi kết quả)

Câu 1: Mục đích của văn bản thông tin là:

- A. Chủ yếu dùng để cung cấp thông tin
- B. Chủ yếu để ghi nhớ thông tin
- C. Góp phần mở rộng hiểu biết xã hội
- D. Tất cả các đáp án

(Đáp án A)

Câu 2: Các văn bản thông tin có thể được kết hợp với các loại nào?

- A. Hình ảnh
- B. Bảng biểu
- C. Sơ đồ chỉ dẫn
- D. Tất cả các đáp án trên.

(Đáp án D)

Câu 3: Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ có tác dụng gì?

- A. Sáng tạo trong hình thức văn bản
- B. Góp phần giúp cho người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin
- C. Làm cho văn bản thêm màu sắc hấp dẫn
- D. Tất cả các đáp án trên

(Đáp án B)

Câu 4: Trong các văn bản sau đây, loại nào có thể kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ?

- A. Văn bản nội quy trường THPT
- B. Bản hướng dẫn địa điểm khu du lịch Ao Vua
- C. Sơ đồ trường học (Sơ đồ vị trí trong trung tâm thương mại)
- D. Hướng dẫn quy trình sử dụng khẩu trang (hoặc dung dịch sát khuẩn)
- E. Tất cả các loại trên

(Đáp án E)

Câu 5: Trong các hình vẽ dưới đây, những hình vẽ nào sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ?

- A. Hình vẽ sơ đồ tổ chức trong công ty
- B. Hình vẽ biểu đồ giá vàng (chứng khoán)
- C. Sơ đồ hệ thống báo cháy.
- D. Hình vẽ biển báo giao thông

(Đáp án : A,B,C,D)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN GIÁM ĐỐC KHOA QUẢN TRỊ TRUYỀN THÔNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ KẾ TOÁN NGHIÊN CỨU PT MARKETING KHOA DỊCH VỤ QUẢN LÝ LỄ TÂN GIÁM SÁT BẢO VỆ GIÁM SÁT VỆ SINH KHOA KỸ THUẬT KỸ THUẬT GIÁM SÁT DỊCH VỤ	
A	B

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG BẢO CHÁY CHUYÊN DỤNG  Đầu báo gas (thường lắp rời)  Đầu báo nhiệt gia tăng  Đầu báo khói quang  Tủ trung tâm báo cháy  Chuông báo cháy  Đèn báo cháy	TỔNG HỢP BIỂN BÁO GIAO THÔNG          
C	D

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

2 nhóm HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

2.1. Bài tập 1 tr.111/SGK

a. Mục tiêu:

- Nhận biết các yếu tố, các đặc điểm của một sơ đồ
- Hiểu được nội dung thông tin của văn bản đó
- Nêu được tác dụng của sơ đồ

b. Nội dung hoạt động: Bài 1 - SGK trang 111

c. Sản phẩm: HS chỉ ra tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Quan sát sơ đồ - Nhận xét các vấn đề sau: Nhóm 1: Nhận xét sự thay đổi phương diện <i>Tài chính</i> Nhóm 2: Nhận xét sự thay đổi về phương diện <i>Sở thích</i> Nhóm 3: Nhận xét thay đổi về phương diện <i>Cống hiến</i>	- Nhóm 1: Tài chính có mục tiêu rõ ràng, lâu dài, sử dụng vào những việc lớn trong cuộc sống, với kế hoạch từ năm thứ 10 (mua nhà riêng) và tích lũy tài sản ngày càng lớn vào năm thứ 15 (tài khoản tiết kiệm 2 tỉ đồng) - Nhóm 2: Sở thích cá nhân có sự thay đổi từ chơi bóng rổ (năm thứ 5) du lịch thế giới (năm thứ 10) và vẽ tranh (năm thứ 15)- đa dạng, phong phú theo sở trường.

Nhóm 4: Nhận xét sự thay đổi về phương diện <i>Công việc</i> Nhóm 5: Nhận xét thay đổi về phương diện <i>Gia đình</i> - Nêu nội dung của sơ đồ và tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong sơ đồ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận trao đổi trong 3 phút Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện nhóm trả lời trong 1 phút; nhóm khác có thể bổ sung thông tin - Cá nhân tự ghi chép lại nội dung. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm, chuẩn kiến thức	- Nhóm 3: Càng ngày việc làm từ thiện càng phát triển, có cống hiến nhiều cho cộng đồng (tăng dần theo giai đoạn 5 năm) - Nhóm 4: Công việc ngày càng tiến bộ, có mục tiêu rõ ràng, phát triển bền vững - Nhóm 5: Xây dựng gia đình khi sự nghiệp đã vững vàng, thời điểm thuận lợi. => Đây là một sơ đồ cây kết hợp với biểu đồ thời gian. Sơ đồ cây cho thấy kế hoạch “Tôi của tương lai” trên năm phương diện là tài chính, sở thích, cống hiến, công việc và gia đình. Biểu đồ thời gian cho thấy sự tiến triển cụ thể của “tôi của tương lai” theo từng phương diện kể trên.

2.2. Bài tập 2 tr.111/SGK

a. Mục tiêu:

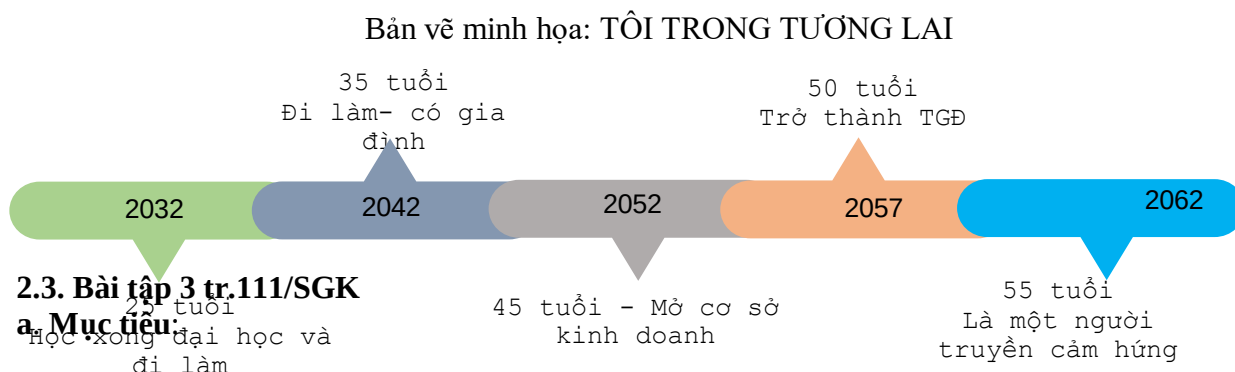
- HS biết xác định các thông tin cần trình bày;
- Biết xác định loại sơ đồ nào phù hợp để biểu đạt thông tin;
- HS biết sử dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, số liệu,... để cụ thể hóa, trực quan hóa các thông tin.

b. Nội dung hoạt động: HS tưởng tượng cuộc sống của mình trong 30-40 năm tới; trực quan hóa bằng các phương tiện phi ngôn ngữ

c. Sản phẩm: Sơ đồ/ biểu đồ chứa thông tin rõ ràng, hình ảnh có tính thẩm mỹ, khoa học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Vẽ sơ đồ biểu thị các yếu tố: Thời gian, sự kiện, thành tựu, mong muốn, những ngã rẽ... Biểu thị được các lĩnh vực trong cuộc sống theo lựa chọn cá nhân... - Trình bày nội dung bản sơ đồ đó trước nhóm/ lớp (trên các slide-PP/bảng/ hoặc trên giấy vẽ A4) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Bài làm theo hình thức cá nhân (vì là cuộc đời riêng mỗi người) - Thời gian thực hiện: 10 phút (gồm vẽ và trình bày) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân: Hình thức sơ đồ có thể tương tự như bài 1, hoặc biểu đồ thời gian (trang 111) có thể chia theo nhóm hình thức giống nhau Bước 4: Đánh giá kết luận - GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS	Xem bản vẽ minh họa bên dưới



2.3. Bài tập 3 tr.111/SGK

a. Mục tiêu:

học xong đại học và đi làm

- Tăng cường kĩ năng giải quyết vấn đề
- + Xác định được mục đích giao tiếp của văn bản
- + Lựa chọn các thông tin cần trực quan thành biểu đồ, sơ đồ
- + Lựa chọn loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp
- Rèn năng lực diễn đạt, trình bày; Có thể ứng dụng công nghệ tin học vào thực hành

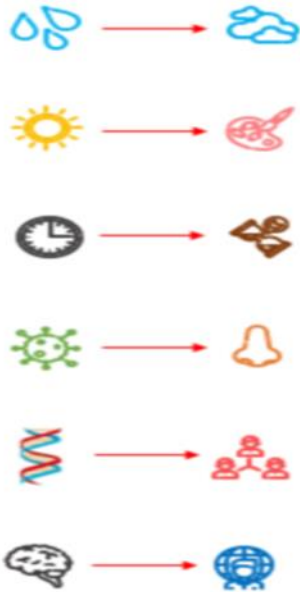
b. Nội dung hoạt động:

- Thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ dựa trên thông tin từ đoạn trích SGK (trang 111)
- Quan sát và nêu nội dung, tác dụng của biểu đồ cơ cấu dân số Yên Bái (trang 112)

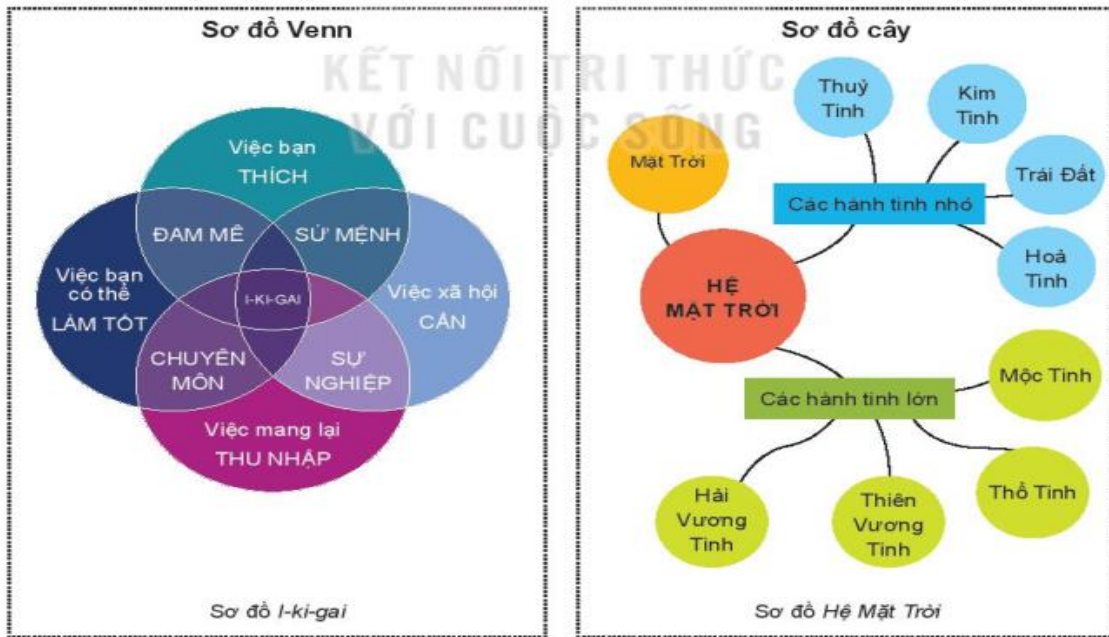
c. Sản phẩm:

- Bản thiết kế Sơ đồ tư duy/ sơ đồ cây (từ văn bản bằng ngôn ngữ chuyển hóa thành phi ngôn ngữ)
- Từ văn bản phi ngôn ngữ (biểu đồ) để đọc thông tin

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm: + Nhóm 1, 2 (Bài 3): Thảo luận phương án, thiết kế một sơ đồ phù hợp dựa trên thông tin từ đoạn trích (trang 111) + Nhóm 3,4: Quan sát và nêu nội dung, tác dụng của biểu đồ cơ cấu dân số Yên Bái (trang 112), tìm công cụ phần mềm để làm biểu đồ tương tự. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm) - Đọc kĩ yêu cầu nhiệm vụ. - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cho thành viên - Thời gian thực hiện 6 phút/ trình bày 2 phút Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Nhóm 1,2 - Bài 3: Trình bày bằng sơ đồ tư duy hoặc sơ đồ cây (tham khảo bản vẽ trên PP) Nhóm 3,4 - Nêu nội dung đọc được từ biểu đồ - Nêu tác dụng và nhận xét - Nhóm 1,2: Nhận xét sản phẩm nhóm 3, 4 - Nhóm 3,4: Nhận xét sản phẩm nhóm 1,2 Bước 4: Đánh giá kết luận - GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS	Nhóm Bài 3 111)		1,2 – (trang
	Nhóm 3,4- (trang 112) - Nội dung: Biểu đồ cơ cấu dân số theo thành phần dân tộc ở tỉnh Yên Bái năm 2019 - Tác dụng của biểu đồ cơ cấu dân số Yên Bái: + Người đọc dễ tra cứu thông tin, biết cách so sánh + Các số liệu chính xác, đầy đủ, thông tin rõ ràng + Hình thức khoa học, đúng kiểu dạng phù hợp với yêu cầu, có tính thẩm mỹ - Một số ứng dụng để vẽ biểu đồ: Phần mềm PP; Dia, OrgChatting...		

THAM KHẢO MỘT SỐ LOẠI BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ



3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực tế:
- + Lựa chọn các thông tin cần trực quan thành sơ đồ
- + Lựa chọn loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp yêu cầu công việc.
- Rèn năng lực diễn đạt, trình bày, sử dụng CNTT

b. Nội dung hoạt động:

- Lập biểu đồ phù hợp theo ngữ liệu thi THPT
- Lập sơ đồ phù hợp yêu cầu về du lịch - văn hóa

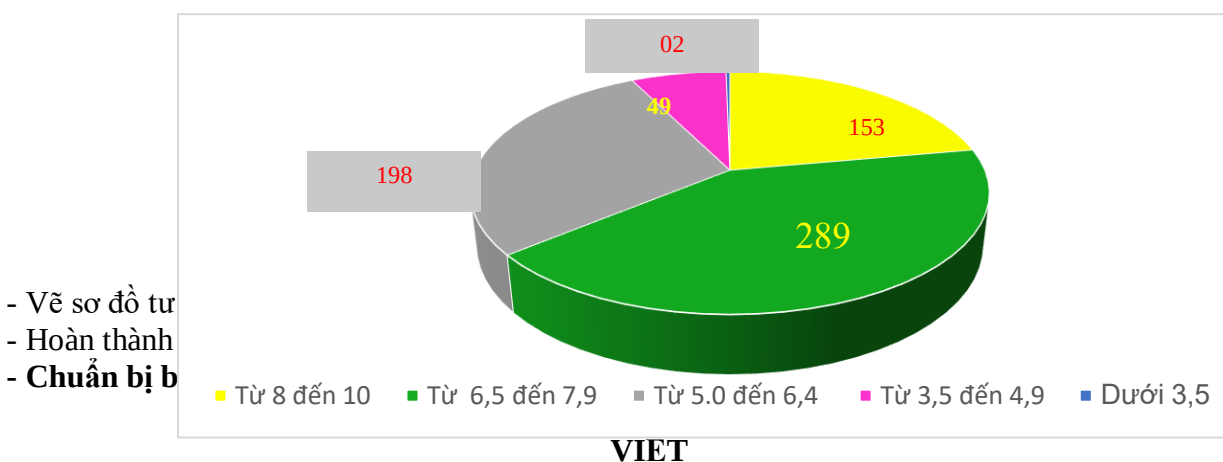
c. Sản phẩm:

- Biểu đồ hình tròn, biểu đồ hình cột (theo yêu cầu từng nhóm)
- Sơ đồ hướng dẫn một địa chỉ văn hóa ở địa phương

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Tại lớp) Nhóm 1+3: Sử dụng học liệu đã cho để thảo luận, thiết kế biểu đồ dạng tròn. Nhóm 2+4: Sử dụng học liệu đã cho để thảo luận, thiết kế biểu đồ dạng cột. (Về nhà) - Thiết kế, thể hiện “Sơ đồ hướng dẫn một địa chỉ văn hóa ở địa phương” - Có ứng dụng công nghệ tin học vào thực hành Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm) -Thực hiện tại lớp trong 5 phút, (vẽ trên giấy hoặc máy tính) Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận -Tại lớp: + Các nhóm có thể trình bày bằng biểu đồ tròn cho 1 môn; Biểu đồ cột cho nhiều môn. - Ở nhà: nộp sản phẩm của cá nhân vào tiết sau. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS	Tham khảo minh họa bên dưới

Tham khảo thiết kế biểu đồ dạng tròn:



- Vẽ sơ đồ tư
- Hoàn thành
- Chuẩn bị b

Tiết: 103

VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- HS biết cách trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc bằng những trải nghiệm có thực của mình.

- HS thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu riêng của mình trong bài viết.
- HS biết cách sử dụng các yếu tố biểu cảm và tự sự trong bài luận về bản thân.

Thực hành viết

- HS biết cách viết bài luận về bản thân.

2. Phẩm chất

- HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem một bài luận về bản thân của 01 HS THPT thuyết phục trường đại học cấp học bổng du học, GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem một bài tự luận về bản thân của xem một bài luận về bản thân của 01 HS THPT thuyết phục trường đại học cấp học bổng du học (Kính gửi Ban Giám hiệu Trường Đại học Harvard! Em tên là , học sinh trường Trung học Phổ thông) - GV đặt câu hỏi: + Người viết đã giới thiệu điều gì về bản thân? + Em có nhận xét gì về giọng điệu, thái độ người giới thiệu về bản thân? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận Học sinh chia sẻ ý kiến Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Trong cuộc sống, chúng ta thường phải viết bài luận về bản thân khi xin học bổng, xin việc, ứng tuyển vào một vị trí trong các tổ chức, câu lạc bộ; khi diễn thuyết và chia sẻ kinh nghiệm, giá trị sống trong một cuộc hội thảo;... Khi viết bài luận về bản thân, người viết có cơ hội suy ngẫm về những gì mình trải nghiệm, từ đó đúc rút ra được các quy luật, bản chất của cuộc sống, bài học để có thể áp dụng cho tương lai. Người có thói quen tự vấn, tự luận về bản thân sẽ có ý thức rõ ràng về bản thân, từ đó luôn biết cách điều chỉnh ứng xử sao cho phát triển được tối đa thế mạnh của mình và chung sống hài hoà với người khác. Vậy để viết bài luận về bản thân, cần thực hiện những yêu cầu nào?	Người viết: - Trình bày nguyện vọng của bản thân - Khẳng định điều kiện đáp ứng, thành tích nổi bật, quá trình rèn luyện, ước mơ, thiên hướng, niềm tin vào sự lựa chọn,... - Đưa ra những trải nghiệm có thực của mình. - Thể hiện cảm xúc chân thành, phong cách, cá tính, giọng điệu riêng của mình,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI

a. Mục tiêu:

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài luận về bản thân
- HS hiểu được ứng dụng của bài luận về bản thân trong các tình huống giao tiếp đời sống

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài luận về bản thân và những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu cần đạt trong một bài nghị luận về một vấn đề xã hội.

c. Sản phẩm: Bảng so sánh yêu cầu cần đạt của bài luận về bản thân và bài nghị luận xã hội.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/113 và thảo luận về các vấn đề: Câu 1: Một bài luận về bản thân cần đáp ứng những yêu cầu gì? Câu 2: Những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu trong một bài nghị luận về một vấn đề xã hội. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	YÊU CẦU Một bài luận về bản thân cần đáp ứng những yêu cầu: - Xác định rõ luận đề của bài viết. - Thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của bản thân. - Sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã trải qua. - Có giọng điệu riêng nhưng phù hợp với đối tượng tiếp nhận, thể hiện cảm xúc chân thành của người viết; thuyết phục, truyền cảm hứng và gợi suy ngẫm cho người đọc.	SO SÁNH So với những yêu cầu cần đạt trong một bài nghị luận về một vấn đề xã hội: Điểm khác biệt quan trọng nhất của bài luận về bản thân so với bài nghị luận về một vấn đề xã hội là những bằng chứng được sử dụng trong bài viết là những trải nghiệm có thực của người viết, bài viết thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của bản thân.

Hoạt động 2.2: ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của bài luận về bản thân.
- HS viết được một bài luận về bản thân, bài viết thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm của bản thân.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo “Hãy đam mê, hãy đại khờ” (SGK/113-114)
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK
- HS rút ra được các bước để viết một bài luận về bản thân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi: + Phần mở đầu bài luận có những thông tin gì? Quan điểm của người viết được trình bày dưới hình thức nào? + Thông điệp chính của bài viết là gì? Thông điệp đó được trình bày dưới hình thức nào? + Những trải nghiệm của người viết được trình bày theo trật tự nào? Chúng có tác dụng gì? + Những suy ngẫm, bàn luận, cảm xúc của tác giả được đặt ở vị trí nào trong bài viết?	1. Phần mở đầu: + Nêu trích dẫn--> thu hút sự chú ý của người đọc + Thể hiện quan điểm: Hãy luôn sống cống hiến, sống hết mình như thể cuộc sống không còn ngày mai 2. Bài viết đã trình bày thông điệp chính bằng cách: + Sử dụng yếu tố tự sự để nói về trải nghiệm của bản thân=> tăng tính chân thực=> tạo tính hấp dẫn thu hút người đọc + Sử dụng yếu tố biểu cảm: nêu những cảm xúc của người viết thông qua trải nghiệm=> tăng tính thuyết phục cho quan điểm của người viết

Những thông tin này tác động thế nào tới độc giả? + Giọng điệu của tác giả trong bài viết là gì? Giọng điệu đó được tạo nên bằng cách nào? + Rút ra cấu trúc của bài luận về bản thân. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo - HS trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	+ Dùng những suy ngẫm, bàn luận về trải nghiệm của bản thân để nêu lên thông điệp của mình + Người viết thông qua trải nghiệm của bản thân đã tác động vào nhận thức, tình cảm của người đọc và từ đó kêu gọi họ hành động: Hãy can đảm sống theo sự mách bảo của trái tim và trực giác. + Giọng điệu: dí dỏm, hài hước 3. Cấu trúc của bài luận về bản thân: thường có 3 phần: + Phần mở đầu thể hiện quan điểm riêng của người viết và thông điệp chính của văn bản. + Phần thân bài thể hiện những suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những trải nghiệm có thực của mình. + Phần kết bài nhắc lại thông điệp chính hoặc kêu gọi hành động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết bài luận về bản thân.
- HS thực hành các bước để viết bài luận về bản thân dựa trên hướng dẫn của GV

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Đề bài: Viết bài luận giới thiệu bản thân để ứng tuyển vào câu lạc bộ em yêu thích dựa trên phiếu hướng dẫn trong phiếu học tập số 1 (cột bên) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, điền câu trả lời vào phiếu Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét phần trình bày của HS * Tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm: Từ những chỉ dẫn, gợi mở từ phần Chuẩn bị viết, hãy tìm ý và lập dàn ý bằng cách hoàn thành phiếu học tập số 2,3 (cột bên). - Nhóm 1,2 hoàn thành phiếu HT số 2 - Nhóm 3,4 hoàn thành phiếu HT số 3 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
	Hướng dẫn	Thực hành	Kết quả
	1. Trải nghiệm nào trong cuộc sống là đáng nhớ và có ý nghĩa nhất đối với em? Em đã thay đổi như thế nào sau trải nghiệm đó?		
	2. Quan niệm sống của em là gì? Đó là những giá trị em muốn theo đuổi, thế mạnh và điểm yếu của em là gì?		
	3. Từ những trải nghiệm của bản thân em rút ra được bài học, thông điệp nào?		
	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
	Hướng dẫn	Thực hành	
	1. Xác định người đọc duyệt hồ sơ và nguyện vọng của em khi viết bài luận về bản thân?		
	2. Nêu suy nghĩ về những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân. Điểm cần khắc phục và có thể khắc phục?		
	3. Lời cam kết của bản thân khi bạn được tuyển dụng?		
	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3		

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS. *Viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết bài luận hoàn chỉnh. Khi viết, lựa chọn văn phong phù hợp để viết, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, có thể sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Ca nhân HS viết bài Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chấm điểm theo bảng kiểm quy định chung (bên dưới)	Hướng dẫn	Thực hành
	1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết	
	2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
	3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài: Trình bày trực tiếp mục đích của bài luận hoặc nêu thông điệp chính của bản thân. - Thân bài: + Thể hiện suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những sự kiện có thực mà mình đã trải qua + Làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu cần nói đến nhất của bản thân dựa trên những bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. - Kết bài: Nêu lên suy ngẫm, bài học từ những trải nghiệm của bản thân, kêu gọi hành động, gợi mở suy nghĩ cho người đọc	

THAM KHẢO DÀN Ý (BÊN DƯỚI)

DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài luận giới thiệu bản thân để ứng tuyển vào câu lạc bộ bạn yêu thích

1. Mở bài

Giới thiệu khái quát những thông tin của bản thân.

2. Thân bài

- Nêu vị trí ứng tuyển.

- Đưa ra ưu điểm của bản thân phù hợp với vị trí đó:

+ Là một học sinh chuyên Văn, thích viết lách và cũng rất thích chụp ảnh, tôi hoàn toàn tin tưởng mình sẽ phù hợp với vị trí này.

+ Đã từng có kinh nghiệm trong việc đưa tin trên các fanpage.

3. Kết bài

- Khẳng định lại các đặc điểm nổi trội của bản thân.

- Lời cảm ơn Câu lạc bộ.

BẢNG KIỂM

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ thông điệp. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Có bằng chứng là các trải

			những có thực của bản thân. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần thông điệp. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Bài có ý tưởng, thông điệp, luận điểm chính làm rõ được thông điệp. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

HS viết được bài luận về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc VB

b. Nội dung: Viết bài luận

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết một bài luận về bản thân để chia sẻ một bài học mà bạn đã lĩnh hội được trong cuộc sống.
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, chấm điểm theo bảng kiểm quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập)

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ

NÓI VÀ NGHE

Tiết 102

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VÀ PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình.
- HS biết sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí, có hiệu quả trong khi thuyết trình.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong thảo luận, tranh biện, có tinh thần xây dựng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến thảo luận,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung: Nghe một số chia sẻ của HS về động cơ học tập, tầm quan trọng của động cơ học tập và trải nghiệm của chính HS

c. Sản phẩm: Những chia sẻ cảm nhận của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Động cơ học tập của em là gì?; Theo em, động cơ học tập có quan trọng không? Cần làm gì để kích thích động cơ học tập của học sinh? - Nhận xét lời chia sẻ trải nghiệm của bạn? (Bên cạnh ngôn ngữ, bạn còn sử dụng các yếu tố nào?) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ trải nghiệm, lắng nghe và nhận xét Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học - Khi thuyết trình, cần sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cử chỉ, nét mặt, ...) - Lần lượt thuyết trình theo từng nội dung cụ thể	- Thế nào là động cơ học tập? - Động cơ học tập được hình thành như thế nào? - Tầm quan trọng của động cơ học tập: + Động cơ học tập đúng đắn sẽ kích thích tinh thần học hỏi của học sinh. + Từ đó nâng cao hiệu quả và kết quả của việc học. - Cần làm gì để kích thích động cơ học tập của học sinh?

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS thuyết trình:
 + Hiểu được các yêu cầu của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ
 + Hiểu được tiến trình, các thao tác triển khai một bài thuyết trình về vấn đề xã hội
 + Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ cần thiết cho bài thuyết trình
- HS lắng nghe: hiểu được yêu cầu, chuẩn bị các yếu tố cần thiết (tâm thế, tư liệu) để lắng nghe, phản hồi, trao đổi

b. Nội dung: Thảo luận câu hỏi, chuẩn bị thuyết trình

c. Sản phẩm: Ý kiến thảo luận về yêu cầu cần đạt của bài nghị luận về bản thân và bài nghị luận về một vấn đề đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE 1. NGƯỜI NÓI a. Nắm được yêu cầu bài thuyết trình Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc phần yêu cầu cần đạt của bài thuyết trình về vấn đề xã hội, gạch chân các từ khóa, xác định các yêu cầu người nói cần nắm được Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, trao đổi theo cặp ghi ra giấy các yêu cầu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu b. Nắm được quy trình thuyết trình Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu 2. NGƯỜI NGHE Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nghe cần thực hiện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân đọc SGK và ghi ra giấy quy trình Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE 1. NGƯỜI NÓI a. Nắm được yêu cầu bài thuyết trình - Xác định rõ vấn đề xã hội, nêu được lí do chọn vấn đề - Làm sáng tỏ các phương diện của vấn đề với các lí lẽ và bằng chứng đầy đủ - Kết hợp được các phương tiện phi ngôn ngữ. - Sử dụng giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp - Tương tác với người nghe hiệu quả b. Nắm được quy trình thuyết trình * CHUẨN BỊ - Lựa chọn đề tài (gần gũi, được mọi người quan tâm, hứng thú) - Tìm ý và sắp xếp ý: + Hệ thống ý cần sắp xếp logic, phù hợp + Thể hiện được quan điểm riêng của người nói - Xác định những từ ngữ then chốt - Xác định các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ (powerpoint, tranh, ảnh, sơ đồ, biểu bảng, ...) * TRÌNH BÀY MỞ ĐẦU - Nêu vấn đề xã hội - Nêu lý do lựa chọn vấn đề đó TRIỂN KHAI - Trình bày các luận điểm của bài thuyết trình, mỗi luận điểm có lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp - Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ (tranh, ảnh, biểu bảng, sơ đồ, ...) KẾT LUẬN - Khái quát lại những luận điểm chính - Gợi ra những suy nghĩ tiếp về vấn đề - Bày tỏ mong muốn được nhận phản hồi của người nghe 2. NGƯỜI NGHE - Tìm hiểu trước về nội dung của bài - Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi - Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

HS áp dụng các kiến thức đã biết ở hoạt động trên vào xây dựng một bài thuyết trình

b. Nội dung: Thuyết trình về một vấn đề xã hội cụ thể

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình - ATGT và giới trẻ trong xã hội ngày nay - Ứng xử với các di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống ở địa phương nơi bạn sinh sống Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một vấn đề xã hội mà nhóm mình đã lựa chọn. -Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu học tập Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ để HS rút kinh nghiệm	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE 1. Thực hành nói: - Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu – triển khai – kết luận - Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ 2. Thực hành nghe - Theo dõi, lĩnh hội thông tin: Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ - Chuẩn bị ý kiến và quan điểm để trao đổi

PHIẾU HỌC TẬP

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ	
		ĐẠT	CHƯA ĐẠT
1.	Chọn được vấn đề XH có ý nghĩa có sự quan tâm rộng rãi, khơi gợi được hứng thú của người nghe		
2.	Có đủ 3 phần: <i>Mở đầu, Triển khai, Kết luận</i>		
3.	Thông tin về vấn đề xã hội và quan điểm về vấn đề đó được trình bày rõ ràng, sinh động		
4.	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hiệu quả, kết hợp hài hoà với phương tiện ngôn ngữ, phù hợp với tính chất của bài trình bày		
5.	Có phong thái tự tin, có sự tương tác khi trình bày		
6.	Có tinh thần cầu thị, cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận và đối thoại với các quan điểm khác nhau về vấn đề trình bày		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân

b. Nội dung: Viết tham luận tham gia hội thảo về định hướng nghề nghiệp

c. Sản phẩm: Các văn bản tham luận

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

tổ chức một hội thảo về định hướng nghề nghiệp. GV chia nhóm, phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề cụ thể như sau:

- Những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông
- Các xu hướng nghề nghiệp của tương lai: những nghề triển vọng và những nghề có nguy cơ biến mất
- Những kỹ năng cần có để thích ứng với mọi nghề nghiệp
- Kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo có ảnh hưởng như thế nào đến xu thế nghề nghiệp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV tổ chức buổi hội thảo trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa

Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được sau buổi hội thảo, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 9)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS thảo luận, chia 6 nhóm trả lời 6 câu hỏi sgk/ 120,121

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi

GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1: Các văn bản *Về chính chúng ta*, *Con đường không chọn*, *Một đời như kẻ tìm đường* gợi cho bạn suy nghĩ gì về cuộc sống?

Trả lời: Cuộc sống của chúng ta là một con đường dài với nhiều ngã rẽ và mỗi lối đi luôn có những điều bất ngờ mà chúng ta không biết. Trên con đường đời ấy, chúng ta luôn phải đưa ra những lựa chọn để bước tiếp, những lựa chọn ấy sẽ quyết định tương lai của chúng ta. Nhưng dù cho nó có là lựa chọn xấu thì chúng ta vẫn phải tiến lên để tìm đến hạnh phúc của chính mình, đừng từ bỏ vì có thể thành công đang ở ngay trước mắt bạn.

Câu 2: So sánh đặc trưng của bài luận về bản thân và văn bản nghị luận thông thường dựa theo gợi ý sgk/120

Trả lời:

Tác phẩm	Luận về bản thân	Nghị luận về vấn đề xã hội
Nội dung	Sống thì phải tận hưởng, làm những gì mình thích, làm những thứ có ích và tìm đến hạnh phúc một cách tốt nhất. Cuộc sống có thể không như ta mong muốn nhưng chỉ cần ta hài lòng thì chứng tỏ ta đã thành công.	Thành công và hạnh phúc luôn là hai mục tiêu quan trọng nhất trong cuộc đời của mỗi con người chúng ta. Thành công và hạnh phúc nằm trong chính suy nghĩ và sự lựa chọn của bản thân. Con người có cho mình một đích đến hoàn mỹ và đầy ắp sự thỏa mãn, đó chính là thành công và hạnh phúc.
Cấu trúc	- Quan điểm sống của bản thân. - Trải nghiệm đáng nhớ. - Thông điệp muốn truyền tải.	- Quan điểm của bản thân về thành công và hạnh phúc. - Muốn thành công và hạnh phúc thì cần phải có sự tập trung, kiên trì và nỗ lực.
Ngôn ngữ	Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh, có kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.	Ngôn ngữ nghị luận giàu tính thuyết phục, có xen lẫn yếu tố tự sự và biểu cảm.

Câu 3: Tìm đọc thêm các văn bản về những nhân vật, sự kiện có ảnh hưởng lớn trong cuộc sống đương đại. Tổng hợp lại những thông tin có ý nghĩa mà bạn tiếp nhận được dưới dạng biểu đồ, sơ đồ.

Trả lời: Học sinh tự tìm kiếm và đọc thêm các văn bản về những nhân vật, sự kiện trong cuộc sống đương đại và tổng hợp lại những thông tin hữu ích.

Câu 4: Thuyết trình về một vấn đề xã hội trong các văn bản bạn đã đọc mà bạn thấy hứng thú, trong đó có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (HS tự chuẩn bị ở nhà)

Câu 5, 6: (HS tự chuẩn bị ở nhà)

Hướng dẫn học ở nhà:

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Chuẩn bị nội dung ôn tập HKII.

Tiết: 94
ÔN TẬP HỌC KÌ II

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù:

- Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình hệ thống hoá kiến thức đã được học, trong SGK Ngữ văn 10, tập hai.
- Bài học góp phần phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.
- Giúp HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học, rèn luyện vào việc giải quyết những bài tập mang tính tổng hợp.

2. Phẩm chất: Bài học góp phần phát triển phẩm chất:

- Chăm chỉ, có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Ngữ văn hơn nữa.
- Bồi đắp tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; sống có lý tưởng, biết cống hiến, nhân ái, hòa hợp,...

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc tivi kết nối internet), máy tính,...

2. Học liệu:

- Các bảng tổng hợp hoặc sơ đồ tư duy về loại, thể loại văn bản đọc, kiến thức tiếng Việt, các kiểu bài viết, các chủ đề nói và nghe được tiếp xúc hay thực hành trong học kì II.
- Giáo án điện tử, danh mục văn bản khuyến nghị HS tìm đọc (thuộc các loại, thể loại chính được học trong CT).

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

a) Mục tiêu:

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì II: Hệ thống kiến thức về văn bản, viết, nói và nghe, về tiếng Việt đã học

b) Nội dung hoạt động: Thực hiện hoạt động cá nhân kết hợp thảo luận nhóm

c) Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

* GV kiểm tra phần chuẩn bị các câu hỏi của HS (GV đã giao làm trước ở nhà).

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Cho HS chủ động thực hiện các yêu cầu ở mục *Hệ thống hoá kiến thức đã học* thông qua hình thức hoạt động nhóm

- Nhấn mạnh yêu cầu lập bảng, vẽ sơ đồ. Hướng dẫn HS đối chiếu những kết quả làm việc cá nhân ở nhà với kết quả làm việc chung tại lớp để hoàn thiện các bảng, sơ đồ về nội dung kiến thức.

- Chú ý phát hiện những thiếu sót về kiến thức mà HS thể hiện qua việc lập bảng và vẽ sơ đồ để kịp thời bổ cứu (GV đưa ra các câu hỏi gợi mở để HS trao đổi nhằm hiểu đúng về những vấn đề liên quan). GV chia lớp thành 6 nhóm: Thảo luận nhóm các nội dung ôn tập:

- **Nhóm 1: Câu 1.** Loại văn bản và thể loại văn bản nào đã được học trong học kì II? Nêu nhan đề những văn bản cụ thể thuộc về các loại, thể loại đó.

+ GV yêu cầu HS liệt kê các loại, thể loại văn bản và các văn bản cụ thể đã được học trong học kì II, theo hình thức lập bảng hoặc vẽ sơ đồ tư duy.

+ GV lưu ý HS không đánh đồng hai khái niệm loại và thể loại.

STT	Thể loại	Các văn bản đọc
1		
2		
3		
4		
5		
...		

- **Nhóm 2: Câu 2.** Bài 6 (Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này”) có những điểm gì đặc biệt so với các bài học khác?

- **Nhóm 3: Câu 3.** Qua những văn bản được đọc và phân tích ở Bài 7, những kiến thức nào về thể loại truyện được chú ý bổ sung, nhấn mạnh (so với những bài học về truyện trước đó)?

- **Nhóm 4: Câu 4.** Hãy thống kê các nội dung thực hành tiếng Việt trong SGK Ngữ văn 10, tập hai. Những hiểu biết về phương tiện phi ngôn ngữ đã giúp bạn những gì trong việc đọc các văn bản thông tin và viết bản nội quy hay bản hướng dẫn nơi công cộng?

STT	Nội dung thực hành	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
1		
2		
3		
...		

- **Nhóm 5: Câu 5.** Sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập hai gồm những kiểu bài viết nào? Hãy nhắc lại tên kiểu bài viết và yêu cầu chung của từng kiểu bài.

STT	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài viết
1		
2		
3		
...		

- **Nhóm 6: Câu 6.** Những nội dung nói và nghe nào đã được thực hiện với các bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập hai? Nội dung nói và nghe nào khiến bạn hứng thú nhất? Vì sao?

Lưu ý: HS đã làm cá nhân trước tất cả các câu hỏi ôn tập ở nhà, do đó GV yêu cầu HS dành chủ yếu thời gian để trao đổi, thảo luận trong nhóm và báo cáo sản phẩm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm tiến hành thảo luận, hoàn thành sản phẩm học tập ra (các) phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy của nhóm.

- GV quan sát, giúp đỡ (nếu cần).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm đã thảo luận các câu hỏi 1,2,3,4,5,6
- Các HS hoặc các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm.

Gợi ý đáp án**Câu 1.**

STT	Thể loại	Các văn bản đọc
1	Văn bản thông tin	Tác gia Nguyễn Trãi
2	Cáo	Bình Ngô đại cáo
3	Thơ Đường luật biến thể	Bảo kính cảnh giới, bài 43
4	Thơ ngũ ngôn bất cú	Dục Thúy sơn
5	Thơ Đường luật biến thể	Ngôn chí, bài 3
6	Thơ thất ngôn bất cú	Bạch Đằng hải khẩu
7	Tiểu thuyết	Người cầm quyền khôi phục uy quyền
8	Truyện ngắn	Dưới bóng hoàng lan
9	Truyện ngắn	Một chuyện đùa nho nhỏ
10	Truyện ngắn	Con khướu sổ lồng
11	Văn bản thông tin	Sự sống và cái chết
12	Văn bản thông tin	Nghệ thuật truyền thống của người Việt
13	Văn bản thông tin	Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu (Lê My)
14	Văn bản thông tin	Tính cách của cây
15	Văn bản nghị luận	Về chính chúng ta
16	Thơ	Con đường không chọn
17	Văn bản nghị luận	Một đời như kẻ tìm đường
18	Văn bản nghị luận	Mãi mãi tuổi hai mươi

Câu 2.

- Thông thường các bài học trong sách sẽ xoay quanh một nội dung, chủ điểm nhất định, các văn bản được học cũng được tuyển chọn từ nhiều tác giả khác nhau để giúp làm nổi bật tên chủ đề được nêu ra ở bài học. Tuy nhiên, Bài 6, Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này” được phân bố riêng để học về một tác gia văn học Nguyễn Trãi, vì thế các văn bản được giới thiệu đều do Nguyễn Trãi sáng tác, nhằm làm nổi bật các nét đã được nêu về sự nghiệp, phong cách sáng tác của tác gia này.
- Cũng nhờ việc dành riêng một bài học về một tác gia văn học, học sinh được tiếp xúc một cách chi tiết nhất về cuộc đời, sự nghiệp và nhiều sáng tác của ông.

Câu 3.

- So với những bài học về truyện trước đó, Bài 7 đã phân tích sâu hơn về khái niệm **người kể chuyện ngôi thứ nhất** trong sự đối sánh với **người kể chuyện ngôi thứ ba**, đồng thời khái niệm **điểm nhìn** cũng được giải thích một cách tường minh.
- Bên cạnh đó, hai khái niệm **lời người kể chuyện** và **lời nhân vật** cũng được đặt trong tương quan so sánh, kết hợp với việc nêu lên những dấu hiệu phân biệt để nhận biết.

Câu 4.

STT	Nội dung thực hành	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
1	Thực hành từ Hán Việt	- Sử dụng từ Hán Việt: Vấn đề sử dụng từ Hán Việt là vấn đề hết sức tế nhị. Trong các từ Hán Việt và từ thuần Việt đồng nghĩa, từ Hán Việt có sắc thái trừu tượng, trang trọng, tao nhã, cô kính còn từ thuần Việt mang sắc thái cụ thể, gần gũi. Vì thế người ta dùng từ Hán Việt để:

		+ Tạo sắc thái trang trọng, nghiêm trang, biểu thị thái độ tôn kính, trân trọng, làm nổi bật ý nghĩa lớn lao của sự vật, sự việc. + Tạo sắc thái tao nhã, tránh thô tục, tránh gây cảm giác ghê sợ. + Tạo sắc thái cổ xưa, làm cho người đọc như được sống trong bầu không khí xã hội xa xưa
2	Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê	Biết cách nhận biết và tác dụng của biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê
3	Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	- Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, ... (nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói. - Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, ... góp phần giúp cho người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.
4	Thực hành sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	Nhận biết và đánh giá được tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

Câu 5.

STT	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài viết
1	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.
2	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện	- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. - Nêu được nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. - Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. - Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào, nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao,...) - Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. - Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.
3	Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng	- Văn bản phải có cấu trúc chặt chẽ, phù hợp với mẫu cấu trúc chung của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. - Nội dung văn bản thể hiện rõ những hành vi cần thực hiện, không được thực hiện trong không gian công cộng, phù hợp với yêu cầu, quy định của cơ quan, tổ chức ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật. - Ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.
4	Viết bài luận về bản thân	- Xác định rõ luận đề của bài viết. - Thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của bản thân. - Sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã thực sự trải qua.

	- Có giọng điệu riêng, thể hiện cảm xúc chân thành của người viết, thuyết phục, truyền cảm hứng và gợi suy ngẫm cho bạn đọc

Câu 6.

- Những nội dung nói và nghe đã được thực hiện với các bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập hai:

- + Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau
 - + Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau
 - + Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng
 - + Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ
- Nội dung nói và nghe khiến em hứng thú nhất: Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. Vì qua nội dung này, chúng em có thể hiểu được sự cần thiết và ý nghĩa của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng, từ đó ghi nhớ và chấp hành một cách nghiêm túc.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức về kỹ năng đọc hiểu, viết, thực hành tiếng Việt vào giải quyết nhiệm vụ học tập mới.

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm cá nhân của HS và nhóm.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS thực hành các bài tập SGK (chủ yếu tập trung vào phần Đọc). Với những yêu cầu của các phần còn lại, GV trao đổi với các em về định hướng chung, lên kế hoạch thực hiện (giao nhiệm vụ cho các nhóm, ấn định thời hạn nộp các bài viết, báo cáo hoạt động,...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ cá nhân và làm việc nhóm theo yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Câu trả lời của cá nhân
- Sản phẩm của nhóm
- Nhận xét của HS

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV đánh giá, chuẩn kiến thức, kỹ năng

THỰC HÀNH CÁC BÀI TẬP SGK

1. ĐỌC

VB 1. Vật liệu thông minh (Trích)/SGK tr.125 và VB 2. 80 năm nhìn lại (Trích)/SGK tr.126

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Hai văn bản trên nhắc bạn nhớ tới những văn bản nào đã được đọc, tham khảo hay thực hành viết trong học kì II? Dựa vào đâu mà bạn có liên hệ như vậy?

Câu 2. Yếu tố tự sự, biểu cảm thể hiện đậm nét trong văn bản nào? Hãy phân tích lí do xuất hiện và ý nghĩa của yếu tố tự sự, biểu cảm ở văn bản đó.

Câu 3. Trong văn bản 1, những câu nào có sử dụng biện pháp chêm xen?

Câu 4. Trong văn bản *Vật liệu thông minh* có câu: “Phạm vi của chủ đề này rất rộng”. Dựa vào hiểu biết của mình, bạn có thể nói thêm điều gì về chủ đề đã được tác giả gợi lên?

Câu 5. Cả hai văn bản, theo những cách khác nhau, đều chứa đựng những gợi ý bổ ích về bước đường tương lai của chính chúng ta. Bạn có đồng tình với ý kiến này không? Vì sao?

Gợi ý trả lời câu hỏi:

Câu 1. Hai văn bản trên nhắc chúng ta nhớ tới những văn bản trong bài 9: *Hành trang cuộc sống* như:

- Về chính chúng ta,
- Con đường không chọn,
- Một đời như kẻ tìm đường,...

=> Bởi những văn bản này đều là những gợi mở về thế giới tương lai cho bản thân, con người và xã

hội.

Câu 2.

- Yếu tố tự sự, biểu cảm thể hiện đậm nét trong văn bản *80 năm nhìn lại*...
- Thể hiện ở các chi tiết: khi tác giả kể về quá trình lớn lên và tiếp xúc với những người bạn ở khắp nơi trên thế giới (tự sự) và kết hợp với những biện pháp tu từ, từ ngữ có tác dụng biểu cảm.
- Việc xuất hiện các yếu tố tự sự, biểu cảm ở văn bản này giúp khơi gợi cảm xúc cho người đọc, giúp người đọc hiểu được nội dung quan trọng mà tác giả muốn truyền tải, đặt người đọc vào câu chuyện, sống cùng những cảm xúc đó.

Câu 3. Các câu trong văn bản *Vật liệu thông minh* có sử dụng biện pháp chêm xen:

- “Đây là những chất rắn có tính chất – như màu sắc, hình dạng hoặc từ tính – có thể thay đổi một cách độc lập để thích ứng với các kích thích như ánh sáng, nhiệt độ, áp lực hoặc độ ẩm.”;
- “Nhìn chung, chức năng của chúng chia làm sáu loại – thay đổi màu sắc, cảm nhận, di chuyển, sưởi ấm/ làm mát, tự khắc phục và thay đổi trạng thái (đóng băng và tan chảy).”;
- “Và vật liệu thông minh không bị giới hạn trong địa hạt khoa học viễn tưởng hay phòng thí nghiệm – hầu hết mọi người đã quen thuộc với một vài thứ như kính râm đổi màu, tự động tối lại khi gặp ánh sáng mặt trời, hoặc cốc tri nhiệt biến sắc, tự động thay đổi màu sắc khi đổ cà phê nóng vào bên trong.”

Câu 4.

- Tác giả gợi lên một tương lai với những vật liệu thông minh, đây là một chủ đề rất rộng, bởi chúng có thể áp dụng trong hầu hết các ngành nghề, trong cuộc sống và hỗ trợ cho con người.
- Nhiều sản phẩm được tạo ra với những vật liệu có thể biến đổi khi sử dụng để đem lại hiệu quả cho con người phải kể đến như:
 - + Những túi sưởi dùng một lần có thể tự nóng lên/ tự làm lạnh,
 - + Những bóng đèn cảm ứng tự bật sáng theo bước chân trong bóng tối,
 - + Những chiếc kính mắt đổi màu khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời hay những đôi giày có thể biến đổi màu một cách thời trang...
- Tất cả những sáng tạo từ vật liệu thông minh đã và đang tiếp tục phát triển và mở rộng áp dụng trong cuộc sống mà không có một giới hạn nhất định nào, khoa học sẽ không ngừng phát triển để phục vụ cho cuộc sống con người.

Câu 5.

- Văn bản *Vật liệu thông minh* vẽ ra viễn cảnh nghề nghiệp tương lai gắn với việc nghiên cứu, chế tạo vật liệu thông minh, rộng hơn là việc nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo – một xu hướng nghiên cứu mang tính thời đại.
- Văn bản *80 năm nhìn lại*... nhắc nhở về tinh thần tận hiến vì sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng, xã hội.

2. VIẾT

Đề 1. Viết một bài văn nghị luận thể hiện những điều bạn cảm nhận được qua tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của danh nhân Nguyễn Trãi.

Đề 2. Tình thế lựa chọn khó khăn nhưng đầy ý nghĩa mà bạn đã trải qua trong hành trình rèn luyện – trưởng thành của mình.

Hãy viết về chủ đề trên.

Đề 3. Trong số những tác phẩm văn học mà bạn tìm đọc được theo gợi ý ở các bài học trong Ngữ văn 10, tập hai, tác phẩm nào đã để lại cho bạn nhiều ấn tượng và suy nghĩ nhất? Hãy viết một bài văn nghị luận bàn về tác phẩm đó theo các vấn đề nội dung và nghệ thuật tự chọn.

Đề 4. Theo quan sát và trải nghiệm của bạn, ở không gian sinh hoạt cộng đồng nào còn thiếu những quy định, hướng dẫn về hành vi ứng xử cần có cho mọi người? Trong vai người được một cơ quan, tổ chức có thẩm quyền uỷ nhiệm, bạn hãy hoàn thành một bản nội quy hay hướng dẫn nơi công cộng góp phần xây dựng môi trường sống lành mạnh, có văn hoá.

Gợi ý trả lời:

Đề 1.

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu khái quát về danh nhân Nguyễn Trãi và cảm nhận của cá nhân.

2. Thân bài

- Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi:

+ Xuất thân; trong một gia đình có truyền thống văn hóa, văn học và yêu nước. Cha: Nguyễn Phi Khanh đỗ Tiến sĩ làm quan dưới triều đại nhà Hồ; Mẹ: Trần Thị Thái dòng dõi quý tộc, con của Trần Nguyên Đán.

⇒ Cuộc đời của một đại anh hùng dân tộc, một nhân vật lịch sử toàn tài hiếm có. Ở ông có một nhà chính trị, một nhà văn, một nhà thơ tầm cỡ kiệt xuất. Cuộc đời của ông là cuộc đời của một con người chịu oan khiên thảm khốc.

+ Văn hóa dân tộc: đóng góp cho việc xây dựng nền văn hiến nước nhà. Văn hiến bao gồm các tác phẩm có giá trị và người hiền tài: *Quân trung từ mệnh tập*, *Đại cáo Bình Ngô* thể hiện ông nhà văn chính luận xuất sắc. “Quốc âm thi tập” là tập thơ Nôm sớm nhất, nhiều bài nhất và hay nhất cho đến hiện nay.

+ Tư tưởng chủ đạo trong các thi phẩm, bài chính luận là tư tưởng nhân nghĩa, mệnh trời, tư tưởng nhân dân, sống theo tư tưởng đạo Nho nhưng không gò bó, câu nệ tiểu tiết mà vô cùng khoáng đạt, rộng rãi.

+ Nghệ thuật thơ của Nguyễn Trãi có ngôn từ giản dị, gần gũi, hình ảnh thơ giàu tính ước lệ.

- Cảm nhận của cá nhân: kính phục, tự hào, ...

3. Kết bài: Tổng kết cảm nhận của cá nhân về danh nhân Nguyễn Trãi.

Đề 2.

Dàn ý

1. Mở bài

Giới thiệu khái quát về quan điểm sống của bản thân và tình thế lựa chọn đầy khó khăn nhưng ý nghĩa của bản thân

2. Thân bài

- Tình huống lựa chọn là khó khăn khi lựa chọn môn học, học chuyên môn ngoại ngữ - tiếng Anh trong trường THPT.

- Khó khăn là vì ngoại ngữ là môn học mới, chưa thật sự phổ biến; cũng không phải là môn học tốt nhất hay là sự lựa chọn ổn nhất. -> khó khăn, phân vân.

- Chọn học chuyên môn nào cũng là một định hướng cho việc thi đại học và lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

=> Chọn học môn ngoại ngữ một phần vì sở thích, một phần vì định hướng tương lai.

3. Kết bài

Khái quát lại sự lựa chọn đầy khó khăn ấy và kinh nghiệm của bản thân rút ra từ tình thế ấy.

Đề 3.

Dàn ý

1. Mở bài

Giới thiệu khái quát về tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan* và cảm nhận của bản thân về tác phẩm.

2. Thân bài

- Nội dung truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*:

+ Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* viết về nhân vật Thanh thông qua một lần trở về quê hương, thăm bà, gặp lại những người anh luôn yêu thương, tôn trọng.

+ Thanh vốn mồ côi cha mẹ từ nhỏ, người thân yêu duy nhất của Thanh đó là bà, tuổi thơ của Thanh là một cuộc sống vất vả nhưng luôn tràn đầy hơi ấm, tình yêu, sự chở che của người bà.

+ Người bà tuy xuất hiện không hẳn nhiều nhưng qua vài chi tiết, những hành động, những lời nói quan tâm ta có thể cảm nhận trọn vẹn được tình cảm bao la của người bà dành cho người cháu yêu thương của mình.

+ Tình yêu nhẹ nhàng giữa Thanh và Nga cũng khiến cho người đọc cảm thấy xúc động bởi nó trong sáng, lại rất đáng yêu, qua những đoạn đối thoại của Thanh và Nga, lời yêu chưa từng được nói ra nhưng ta vẫn có thể cảm nhận được bao nhiêu tình ý chứa trong đó.

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể thứ ba, ...

3. Kết bài

Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan*.

Đề 5. Theo quan sát và trải nghiệm của bạn, ở không gian sinh hoạt cộng đồng nào còn thiếu những quy định, hướng dẫn về hành vi ứng xử cần có cho mọi người? Trong vai người được một cơ quan, tổ chức có thẩm quyền uỷ nhiệm, bạn hãy hoàn thành một bản nội quy hay hướng dẫn nơi công cộng góp phần xây dựng môi trường sống lành mạnh, có văn hoá.

- Yêu cầu của đề này cũng tương tự yêu cầu của phần thực hành viết đã thực hiện ở Bài 8: Thể giới đa dạng của thông tin.

- GV nhắc HS xem lại những hướng dẫn về quy trình viết ở Bài 8 để thực hiện bài viết mới (về nhà hoàn thiện) gửi lên nhóm zalo,...để các bạn và GV nhận xét, đánh giá.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập các nội dung sau:

Nội dung 1: Thảo luận về vấn đề: Cần xử lý như thế nào mối quan hệ giữa việc tuân phục ý chí của người khác và việc thuận theo mạch bảo của nội tâm trên vấn đề chọn đường đi trong cuộc sống?

Gợi ý trả lời:

Dàn ý tham khảo

1. Nêu vấn đề

Khái quát suy nghĩ của bản thân về mối quan hệ giữa việc tuân thủ ý chí của người khác và việc thuận theo mạch bảo của nội tâm trong vấn đề chọn đường đi trong cuộc sống.

2. Giải quyết vấn đề

- Cuộc sống là những lựa chọn, nó mở ra cho ta rất nhiều lối đi nhưng vấn đề là phải chọn được lối đi phù hợp nhất, hiệu quả nhất. Lựa chọn con đường đi chính là đưa ra những sự lựa chọn trong cuộc đời mình để có thể đạt được những điều mình mong muốn.

- Việc lựa chọn đường đi nên tuân thủ ý chí của người khác hay thuận theo mạch bảo của nội tâm chính mình?

+ Lắng nghe ý kiến của người khác như một sự gợi ý để bạn tham khảo, việc tuân theo ý chí của người khác không hẳn là xấu, đôi khi ý kiến của người khác cũng có thể là sự lựa chọn đúng đắn.

+ Thuận theo mạch bảo của bản thân vì chính bạn là người lựa chọn, là người đi trên con đường ấy. Chỉ có bản thân bạn mới hiểu bạn, biết bạn muốn gì và cần gì. Chỉ bạn là người hiểu được những thế mạnh, những điểm yếu của cá nhân mình.

- Để đưa ra một sự lựa chọn đúng nên dựa vào ý chí của người khác và mạch bảo của bản thân, kết hợp hai ý kiến để có sự lựa chọn tốt nhất.

3. Kết luận

Khẳng định lại mối quan hệ trên và ý nghĩa của sự lựa chọn đường đi trong cuộc sống.

Nội dung 2: Cái hay của tác phẩm nằm ở đâu? Hãy cùng thảo luận vấn đề này trong một tác phẩm văn học được nhóm chọn đọc chung.

Dàn ý tham khảo

1. Nêu vấn đề

Khái quát về tác phẩm *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43) và cái hay của bài thơ.

2. Giải quyết vấn đề

- Câu thơ đầu là câu lục ngôn nói lên một cách sống của thi nhân. Câu thơ bình dị như một lời nói vui vẻ, thoải mái, hồn nhiên: “Rồi, hóng mát thuở ngày trường”

+ “Ngày trường” là ngày dài. “Rồi” là tiếng cô, nghĩa là rồi rỗi, nhàn hạ, cả trong công việc lẫn tâm hồn.

+ Câu thơ phản ánh một nếp sống sinh hoạt nhàn nhã: trong buổi ngày rỗi rảnh, lấy việc hóng mát làm niềm vui đi dưỡng tinh thần.

- Các câu 2,3,4 nói về cảnh sắc, hai câu 5,6 tả âm thanh chiều hè.

+ Cảnh sắc hè trước hết là bóng hoè, màn hoè. Lá hoè xanh thẫm, xanh lục. “Hoè lục đùn đùn tán rợp trương” -> Ngôn ngữ thơ bình dị, hàm súc và ẩn tượng.

+ “Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ”. “Thức” là tiếng cô chỉ màu vẻ, dáng vẻ. Trong cảnh lá xanh biếc, những đoá hoa lựu như chiếc đèn lồng bé tí phóng ra, chiếu ra, “phun” ra những tia lửa đỏ chói, đỏ rực.

+ “Hồng liên trì đã tịn mùi hương”. “Tịn” là hết (tiếng cổ), sen hồng vẫn nở thắm ao làng, nhưng hương đã nhạt, đã dần phai. Sen là biểu tượng cho cái sắc mùa hè làng quê ta. Khi sen trong ao làng đã “tịn mùi hương” tức là đã cuối hè.

- Hai câu kết diễn tả ước mong của nhà thơ: “Để có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương” -> Con người Ước Trai lúc nào cũng hướng về nhân dân, mong ước cho nhân dân được ấm no và nguyện hi sinh phần đầu cho hòa bình, hạnh phúc của dân tộc.

- Nghệ thuật: giọng thơ thâm trầm, hồn hậu đáng yêu. Nhiều tiếng cổ, cấu trúc câu thơ thất ngôn xen lục ngôn. Phép đối chặt chẽ về ngôn từ, thanh điệu, hình ảnh và ý tưởng.

3. Kết luận

Tổng kết lại cái hay của bài thơ *Bảo kính cảnh giới (Bài 43)*.

Nội dung 3: Tự hiểu mình có dễ không và làm thế nào để hiểu? Hãy thực hiện bài thuyết trình về vấn đề trên.

Dàn ý tham khảo

1. Đặt vấn đề

Khái quát về quan điểm của bản thân về vấn đề tự hiểu bản thân.

2. Giải quyết vấn đề

- Hiểu được bản thân là điều đầu tiên để phát triển, để từ đó làm việc mình thích và có một cuộc đời như mơ ước. Việc này không phải một sớm một chiều mà có thể xong được.

- Hiểu được mình, biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, biết được mình thích gì, muốn gì, mình phù hợp với cái gì để từ đó có thể mài giũa bản thân một cách tốt hơn.

- Để bắt đầu tìm hiểu chính mình, điều cần làm là ngừng so sánh mình với người khác, ngừng suy nghĩ tiêu cực về bản thân, học cách lắng nghe và yêu thương chính mình.

+ Nếu hoàn toàn mù mờ về bản thân thì bạn có thể bắt đầu bằng những thứ cơ bản: các trắc nghiệm tính cách.

+ Các môn từ phương Đông đến phương Tây như tử vi, chiêm tinh học, các cung hoàng đạo... có thể xác định được phần nào sở thích, tính cách, thế mạnh và những công việc phù hợp với một người.

+ Một cách khác để hiểu bản thân hơn là hỏi. Đặt ra những câu hỏi cho những người xung quanh mình, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp thân thiết, người yêu... những người bạn nghĩ rằng họ hiểu bạn.

=> Hiểu mình là bước đầu tiên để có một cuộc đời mơ ước, nhưng từ đó đến cuộc sống trong mơ là cả một chặng đường dài.

3. Kết luận

Tổng kết lại những suy ngẫm và kinh nghiệm của bản thân.

ĐỀ LUYỆN

a) Mục tiêu: Đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học trong học kì II vào việc đọc hiểu văn bản ngoài SGK và viết văn bản.

b) Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ qua đề bài tổng hợp đọc hiểu và viết:

Đề 1:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tức sự (bài 4)

Giậu thừa thừa hai khóm trúc,
Giường thấp thấp một nồi hương.
Vượn chim kết bạn non nước quanh,
Cầm sách cùng nhau ngày tháng trường.
Hài cô đẹp chân đi đủng đỉnh,
Áo cô quen cất vận xuềnh xoàng.
Bốn dân nghiệp có cao cùng thấp,
Đều hết làm tôi thánh thượng hoàng.

(Thơ Việt Nam Hậu Lê, Mạc, Trịnh-Nguyễn, Nguyễn Trãi, *Quốc âm thi tập*, Phần vô đề
Nguồn: Đào Duy Anh, *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Nghị luận
- D. Thuyết minh

Câu 2: Thể loại bài thơ trên là gì?

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Thơ bảy chữ
- C. Thơ thất ngôn
- D. Thơ lục ngôn

Câu 3: Đây là sự sáng tạo độc đáo của Nguyễn Trãi về thể loại?

- A. Thất ngôn chen lục ngôn
- B. Dùng nhiều từ láy
- C. Cấu trúc bài thơ không gò bó
- D. Kết hợp tự sự và miêu tả trong thơ trữ tình

Câu 4: Các từ láy được sử dụng trong bài thơ là:

- A. Thừa thừa, thấp thấp, non nước, đủng đỉnh, xuềnh xoàng, thánh thượng
- B. Thừa thừa, thấp thấp, đủng đỉnh, xuềnh xoàng, thánh thượng
- C. Thừa thừa, thấp thấp, non nước, đủng đỉnh, xuềnh xoàng
- D. Thừa thừa, thấp thấp, đủng đỉnh, xuềnh xoàng

Câu 5: Tác dụng các từ láy trong bài thơ là:

- A. Các từ láy tăng tính thuyết phục nhằm nhấn mạnh tâm hồn thuần khiết thanh thoi trước cuộc sống thanh bần, hoà hợp với tự nhiên
- B. Các từ láy tăng tính kết nối nhằm nhấn mạnh tâm hồn thuần khiết thanh thoi trước cuộc sống thanh bần, hoà hợp với tự nhiên
- C. Các từ láy tượng hình gợi liên tưởng, tưởng tượng phong phú cho người đọc nhằm nhấn mạnh tâm hồn thuần khiết thanh thoi trước cuộc sống cao sang, hoà hợp với tự nhiên
- D. Các từ láy tượng hình gợi liên tưởng, tưởng tượng phong phú cho người đọc nhằm nhấn mạnh tâm hồn cao quý trước cuộc sống phú quý, vinh hoa

Câu 6: Sự khác biệt về phép đối trong thơ Đường luật và trong thơ Nguyễn Trãi là gì?

- A. Trong thơ Đường luật, phép đối ở các cặp thực, luận, trong thơ Nguyễn Trãi, phép đối ở các cặp đề, thực, luận
- B. Trong thơ Đường luật, phép đối ở các cặp thực, luận, trong thơ Nguyễn Trãi, phép đối ở các cặp đề, luận
- C. Trong thơ Đường luật, phép đối ở các cặp thực, luận, trong thơ Nguyễn Trãi, phép đối cũng ở các cặp đề, thực, luận
- D. Trong thơ Đường luật, phép đối ở các cặp thực, luận, trong thơ Nguyễn Trãi, phép đối ở cặp đề, thực

Câu 7: Hai câu thơ kết có nội dung tương tự cặp câu thơ nào sau đây?

- A. *Phượng những tiếc cao, diều hầy liệng*
Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi
- B. *Dễ có Ngưu cầm đàn một tiếng*
Dân giàu đủ khắp đòi phương
- C. *Bui một tác lòng trung lẫn hiếu*
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen
- D. *Lật thuyền mới biết dân như nước*
Cây hiểm khôn xoay mệnh tại trời

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Anh (chị) hiểu hai câu thơ kết như thế nào?
Câu 9: Nêu nhận xét của anh/chị về cuộc sống của nhân vật trữ tình.
Câu 10: Anh chị suy nghĩ như thế nào về lối sống thanh đạm, không màng lợi danh?
PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)
Anh/chị viết bài văn nghị luận bàn về cách lấy lại cân bằng cuộc sống trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận cặp theo yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện một số cặp báo cáo sản phẩm học tập.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
 - GV tổ chức cho HS báo cáo ý kiến thuận lợi, khó khăn khi làm bài.
 - Rút kinh nghiệm về tốc độ viết, kỹ năng trình bày...

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Gợi ý đáp án

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	Hai câu thơ kết có thể được hiểu như sau: - Dân dù là ai, dù giàu, dù nghèo, dù cao, dù thấp đều trọn vẹn nghĩa vua tôi - Đây là tư tưởng trung quân, ái quốc theo quan niệm Nho giáo xưa, chứng minh nhân cách của người quân tử, của bậc sĩ phu luôn lo nước, thương đời Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	9	Nêu nhận xét về cuộc sống của nhân vật trữ tình: - Cuộc sống làng quê thanh bản, chỗ ở giản đơn, thú vui thanh nhã, ăn vận xuềnh xoàng, làm bạn cùng thiên nhiên; - Cuộc sống phản ánh một tâm hồn luôn thanh thoi, thoải mái, không ưu tư, muộn phiền Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời được ½ yêu cầu trong Đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được một phần ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	10	Bày tỏ suy nghĩ về lối sống thanh đạm, không màng lợi danh: HS bày tỏ suy nghĩ và quan niệm cá nhân hợp lý, thuyết phục	0,5
II		Viết bài văn nghị luận bàn về cách lấy lại cân bằng cuộc sống trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,25

	Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Bàn về cách lấy lại cân bằng cuộc sống trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* Dẫn dắt và nêu vấn đề cần nghị luận: Làm thế nào để lấy lại cân bằng cuộc sống trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay?	0,5
	* Bàn luận: - Tại sao chúng ta phải cân bằng công việc và cuộc sống? - Cách cân bằng công việc và cuộc sống hiệu quả? + Cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần + Làm việc hiệu quả hơn + Quản lý thời gian khoa học + Không mang công việc về nhà + Làm công việc mà bạn yêu thích + Đặt mục tiêu + Chia sẻ gánh nặng,...	1,5
	* Kết luận: Khẳng định lại vấn đề, liên hệ với bản thân và rút ra bài học	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

Đề 2:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

PHONG CÁCH SỐNG ĐẸP

Trong cuộc sống, mọi người đều muốn vươn tới những gì hay nhất, đẹp nhất và hoàn hảo nhất. Tuy nhiên đứng trước những cám dỗ của cuộc sống, bắt buộc mỗi người phải có đủ bản lĩnh để chọn cho mình một cách sống tích cực. Sống đẹp là một lối sống tích cực mà chúng ta cần phải hướng tới.

Sống đẹp được mỗi người cảm nhận theo cách khác nhau. Sống đẹp không phải quá khó để chúng ta có thể vươn tới, mà nó rất gần gũi với mỗi người. Điều đó chỉ khó khăn khi ta e ngại, buông xuôi, phó mặc cho số phận. Sống đẹp chỉ đơn giản là khi ta sống hết lòng vì mọi người, sống nhân ái và bao dung đối với tất cả. Rồi bạn sẽ thấy cuộc đời này thật đáng sống biết bao, tình cảm giữa người và người thật nồng ấm. Khi bạn sống đẹp là bạn đã thể hiện lối sống đầy tính nhân văn. Mở rộng lòng mình, đem yêu thương trao đi, chúng ta không mong được nhận lại, mà để ta cho đi niềm tin và hy vọng để họ có thể mạnh mẽ hơn. Sống đẹp chính là bạn đang sống có ích, có mục đích và có lý tưởng hướng tới. Sống có ý chí, bất chấp mọi khó khăn, thử thách để vươn lên. Vững tin vào tương lai tươi sáng, không bao giờ lùi bước hay đầu hàng số phận. Sống đẹp luôn là động lực để chúng ta

phần đầu. Nếu muốn có lối sống đẹp, chúng ta cần phải nhận thức đúng và trau dồi thường xuyên. Rèn luyện hàng ngày lâu dần sẽ hình thành thói quen, lối sống của ta vì vậy cũng dần được cải thiện.

Đẹp không có nghĩa là hình thể phải đẹp, mà điều quan trọng là đẹp ở tâm hồn, suy nghĩ và hành động. Cái đẹp được thể hiện từ những những việc làm nhỏ nhất trong cuộc sống đến nghị lực sống trong mỗi con người. Sẽ đẹp hơn nếu chúng ta biết xử lý hài hòa mối quan hệ tương tác giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần. Sống đẹp đòi hỏi chúng ta phải biết nhận thức, biết yêu thương, biết giữ mình khỏi những cám dỗ của cuộc đời. Ranh giới giữa sống đẹp và không đẹp vô cùng mong manh, vì cuộc sống hiện đại dễ làm cho con người có xu hướng sống thiên về vật chất, vô tình đánh mất vẻ đẹp của tâm hồn. Bên cạnh những người có lối sống đẹp cũng có một số người lại có những lối sống đi ngược lại với chuẩn mực đạo đức xã hội. Họ sống ích kỷ, vụ lợi, chỉ biết đến lợi ích của bản thân, sống buông thả tùy tiện, tha hóa nhân cách. Phong cách của bạn phải do bạn quyết định, có sống đẹp hay không cũng do chính bạn quyết định. Hãy sống sao khi ngoảnh đầu nhìn lại, ta thấy mình đã làm được nhiều việc thật ý nghĩa.

Học tập và rèn luyện đúng cách là con đường duy nhất đưa ta đến với một lối sống đẹp. Hãy sống đẹp mỗi ngày, hãy luôn gắn kết mình với mọi người, với cuộc sống, rồi bạn sẽ thấy cuộc đời này vốn dĩ rất đẹp.

Minh Uyên (theo baobinhthuan.com.vn)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên.

- A. Tự sự
- B. Nghị luận
- C. Bình luận
- D. Biểu cảm

Câu 2: Theo tác giả, sống đẹp là sống như thế nào?

- A. Là lối sống tích cực
- B. Là được sống thỏa những nhu cầu, nguyện vọng cá nhân
- C. Là lối sống không màng lợi danh
- D. Là lối sống vị tha, rộng lượng

Câu 3: Thao tác lập luận chủ yếu được sử dụng trong đoạn sau: “Ranh giới giữa sống đẹp và không đẹp vô cùng mong manh, vì cuộc sống hiện đại dễ làm cho con người có xu hướng sống thiên về vật chất, vô tình đánh mất vẻ đẹp của tâm hồn. Bên cạnh những người có lối sống đẹp cũng có một số người lại có những lối sống đi ngược lại với chuẩn mực đạo đức xã hội. Họ sống ích kỷ, vụ lợi, chỉ biết đến lợi ích của bản thân, sống buông thả tùy tiện, tha hóa nhân cách.” là gì?

- A. Miêu tả
- B. Phân tích
- C. Chứng minh
- D. Bác bỏ

Câu 4: Vì sao trong cuộc sống hiện đại “Ranh giới giữa sống đẹp và không đẹp vô cùng mong manh”?

- A. Vì cuộc sống hiện đại dễ làm cho con người có xu hướng sống thiên về vật chất, vô tình đánh mất vẻ đẹp của tâm hồn.
- B. Vì chúng ta chưa biết xử lý hài hòa mối quan hệ tương tác giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần.
- C. Vì ta chưa biết gắn kết mình với mọi người, với cuộc sống
- D. Vì đa số con người đều sống ích kỷ, vụ lợi, chỉ biết đến lợi ích của bản thân, sống buông thả tùy tiện, tha hóa nhân cách.

Câu 5: Theo tác giả, sống đẹp biểu hiện ở những mặt nào trong đoạn sau: “Mở rộng lòng mình, đem yêu thương trao đi, chúng ta không mong được nhận lại, mà để ta cho đi niềm tin và hy vọng để họ có thể mạnh mẽ hơn. Sống đẹp chính là bạn đang sống có ích, có mục đích và có lý tưởng hẳn hoi. Sống có ý chí, bất chấp mọi khó khăn, thử thách để vươn lên. Vững tin vào tương lai tươi

sáng, không bao giờ lùi bước hay đầu hàng số phận. Sống đẹp luôn là động lực để chúng ta phấn đấu”?

- A. Sống đẹp trong tâm hồn, đẹp trong ứng xử
- B. Sống đẹp trong nhận thức, đẹp trong hành động
- C. Sống đẹp trong lí tưởng, đẹp trong tâm hồn
- D. Sống đẹp với cộng đồng, sống đẹp trong chính mình

Câu 6: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- A. Lựa chọn lối sống
- B. Quan niệm về sống đẹp
- C. Phê phán những lối sống không đẹp
- D. Ý nghĩa của cuộc sống

Câu 7: Tại sao tác giả cho rằng: “Mỗi người phải có đủ bản lĩnh để chọn cho mình một cách sống tích cực.”?

- A. Vì dám đối mặt và trải nghiệm cảm dỗ mới chứng minh được bản lĩnh con người
- B. Vì cảm dỗ sẽ đem lại nhiều sắc màu cho cuộc sống
- C. Vì cảm mà dỏ cuộc đời mê hoặc khiến con người dễ mờ mắt mà sa chân vào cái xấu xa nên con người cần có bản lĩnh để chọn lối sống đẹp
- D. Vì cảm dỗ là một phần tất yếu của cuộc sống, đem lại nhiều bài học về kinh nghiệm sống

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8: Theo anh (chị), biết xử lý hài hòa mối quan hệ tương tác giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần nghĩa là như thế nào?

Câu 9: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một phép tu từ trong câu văn sau: “Sống đẹp đòi hỏi chúng ta phải biết nhận thức, biết yêu thương, biết giữ mình khỏi những cạm bẫy của cuộc đời.”

Câu 10: Anh/chị có cho rằng cuộc sống của chúng ta, chỉ cái đẹp bên trong mới đáng coi trọng còn vẻ đẹp bên ngoài thì không cần thiết?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bàn về việc làm thế nào để không sống hoài sống phí?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận cặp theo yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện một số cặp báo cáo sản phẩm học tập.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
 - GV tổ chức cho HS báo cáo ý kiến thuận lợi, khó khăn khi làm bài.
 - Rút kinh nghiệm về tốc độ viết, kĩ năng trình bày...

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Gợi ý đáp án

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	Biết xử lý hài hòa mối quan hệ tương tác giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần nghĩa là: - Cuộc sống không thể tiếp diễn nếu không có vật chất, tuy vậy, ta cũng không thể đặt giá trị vật chất lên đầu tiên, khi đó, ta sẽ bị khống chế, bị điều khiển bởi ham muốn vật chất tầm thường	1,0

		- Ta phải biết cân bằng giữa vật chất và tinh thần, biết trân trọng những giá trị tinh thần cao đẹp Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	
	9	Chỉ ra và phân tích tác dụng của một phép tu từ trong câu văn: “Sống đẹp đòi hỏi chúng ta phải biết nhận thức, biết yêu thương, biết giữ mình khỏi những cạm bẫy của cuộc đời.” - Phép điệp, phép ẩn dụ - Tác dụng: + Phép điệp: ++ Tăng tính sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm; ++ Tạo nhạc điệu hồi thúc ++ Nhấn mạnh những điều kiện cần thiết để con người có thể sống đẹp + Phép ẩn dụ: ngầm so sánh những nguy hiểm, xấu xa, cạm bẫy của cuộc đời với những cạm bẫy ++ Tăng tính sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm ++ Nhấn mạnh một điều kiện cần thiết để con người có thể sống đẹp Hướng dẫn chấm: - Trả lời đầy đủ như Đáp án: 1,0 điểm. - Chỉ ra được phép tu từ theo yêu cầu: 0,25 điểm - Phân tích tác dụng của phép tu từ như Đáp án: 0,75 điểm Lưu ý: Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	10	Anh/chị có cho rằng cuộc sống của chúng ta, chỉ cái đẹp bên trong mới đáng coi trọng còn vẻ đẹp bên ngoài thì không cần thiết? HS bày tỏ suy nghĩ và quan niệm cá nhân hợp lý, thuyết phục	0,5
II		Viết bài văn nghị luận bàn về việc làm thế nào để không sống hoài sống phí?	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Bàn về việc làm thế nào để không sống hoài sống phí?	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Dẫn dắt và nêu vấn đề cần nghị luận: Làm thế nào để không sống hoài sống phí?	0,5
		* Bàn luận: - Sống hết mình với khát vọng tuổi trẻ - Sống theo sự mách bảo của trái tim và trực giác - Nhận thức được giá trị của bản thân - Tự tin vào những điều khác biệt của chính mình. - Biết trọng những gì mình đang có, sống trọn vẹn với cuộc sống thực tại - Tự mình hoàn thiện bản thân mỗi ngày - Trân trọng, nâng niu từng giây phút cuộc đời - Luôn trung thực với bản thân mình	1,5

	- Sống trọn vẹn, hết mình với những người có ý nghĩa với cuộc sống của mình - Biết sống trong tình yêu thương vô điều kiện - Sống bao dung, vị tha, sẵn sàng tha thứ cho những người từng làm tổn thương mình - Biết hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình - Sống mà không hối tiếc điều gì,...	
	* Kết luận: Khẳng định lại vấn đề, liên hệ với bản thân và rút ra bài học	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0